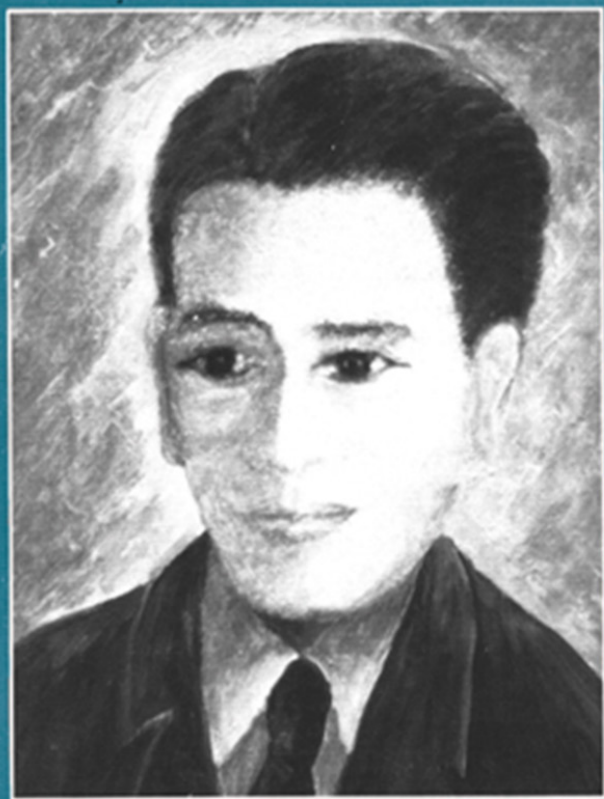


KHÁI HƯNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

KỶ VẬT

đầu tay và cuối cùng



Chân Dung KHÁI HƯNG (1896-1947)
Hò Thành Đức vẽ theo di ảnh

2

KHÁI HƯNG
...
KỶ VẬT ĐẦU TAY
VÀ CUỐI CÙNG
(Tập 2)

MEKONG - USA
xuất bản - 1998

Khái Hưng

kỷ vật đầu tay và cuối cùng (Tập 2)

*Bìa: **Mekong - USA***

Nguồn: Internet

*Trình bày: **Muôn Phương***

Khái Hưng
kỷ vật đầu tay
và cuối cùng
(Tập 2)

MỤC LỤC

Tập II

PHẦN THỨ NHẤT

KỶ VẬT CUỐI CÙNG

A. BÓNG GIAI NHÂN, 17

Tiểu thuyết...

(Khái Hưng sáng tác trong năm 1945 - 1946)

Lời nói đầu 19

1. Bóng Giai Nhân 27

2. Lời Nguyên 43

8 ¶ Nhiều tác giả

3. Hồ	67
4. Tây Xông Nhà	87
5. Quan Công Sứ	103
6. Câu Chuyện Văn Chương	127
7. Dưới Ánh Trăng	149
8. Tiếng Người Xa	193
9. Người Anh Hùng	215
10. Khói Hương	233
11. Nhung	261
 B. KHÚC TIÊU AI OÁN,	 279
Truyện kịch 1946	

PHẦN THỨ HAI

**Các văn nghệ sĩ, học giả, các chiến hữu
viết tưởng niệm Khải Hưng:**

13. Ý nghĩa tác phẩm 447
Bóng Giai Nhân
TRẦN NGỌC

14. Thương thức 499
Khúc Tiêu Ai Oán
THÁI QUỐC NAM

15. Ý nghĩa bi kịch 513
Dưới Ánh Trăng
THẾ VIỆT

16. Khúc Tiêu Ai Oán 526
và phim ảnh
THẾ NAM

17. Tinh Thần ái quốc của Khái Hưng TRẦN THANH HIỀN	535
18. Nhà viết kịch tài danh Khái Hưng VINNY LEE	554
19. Đợi Tết trong tù MAI NGỌC LIỆU	564
20. Những ngày cuối cùng của ba tôi TRẦN KHÁNH TRIỆU	582
21. Vụ thủ tiêu Khái Hưng PHẠM NGỌC LŨY	593
22. Những kỷ niệm khó quên... ĐÌNH HÙNG	635
23. Khái Hưng và Nhất Linh... NGUYỄN VỸ	703

24. Khái Hưng Trần Khánh Giu VŨ NGỌC PHAN	761
25. Ngựa Hồng NGUYỄN LÝ TƯỜNG	815
26. Bài ca vọng cổ ... THÁI QUỐC NAM	832
27. Nhớ Khái Hưng NGƯỜI SÔNG KIÊN	839
28. Vượt đỉnh trăng sao NGUYỄN THẠCH KIÊN	845
29. Tưởng niệm Khái Hưng trước những trang Quốc hận sử NGUYỄN ANH TUẤN	903
30. Đi tìm ngày chính xác Lễ Giỗ Nhớ Khái Hưng PHƯỢNG THỦY NGUYỄN	949

31. Lễ cầu siêu tưởng niệm Khái Hưng HỒ QUANG	963
32. LỜI CẢM ƠN	981

KHÁI HÙNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

KỶ VẬT
ĐẦU TAY VÀ CUỐI CÙNG
(Tập 2)

BÓNG GIAI NHÂN
KHÚC TIÊU AI OÁN
(1945 – 1946)

VỚI NHỮNG BÀI TƯỜNG NIỆM
KHÁI HÙNG CỦA CÁC HỌC GIẢ, GIÁO
SƯ, CHIẾN HỮU VÀ CÁC VĂN NGHỆ SĨ
TẠI HẢI NGOẠI



PHƯỢNG HOÀNG
CALIFORNIA 1998

KHÁI HÙNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

BÓNG GIAI NHÂN
TẬP TRUYỆN 1945 - 1946



PHƯỢNG HOÀNG

LỜI NÓI ĐẦU

Khi sửa soạn làm số đặc biệt tưởng niệm nhà văn Khái Hưng, anh Trần Đình Phong cùng anh Nguyễn Đình Vượng có đến tòa soạn nhật báo Dân Chủ tìm tôi, yêu cầu cho tạp chí Văn được rõ những gì tôi biết về Khái Hưng, cung cấp cho Văn một ít tài liệu và viết cho Văn một vài bài.

Tuy quá bận, song tôi đã vui vẻ nhận lời và “Văn số 22, tưởng niệm Khái Hưng” đã ra mắt bạn đọc vào ngày 15 tháng 11. 1964.

Trong đó, ngoài những tài liệu đặc biệt và giá trị viết về Khái Hưng của học giả Hồ Hữu Tường và các văn hữu khác, tôi đã phải bận tâm và chú ý đến đoạn chót của bài “Khái Hưng, thân thế và tác phẩm”. Bài tiểu luận này do Thư Trung viết.

Sau khi đã kể lại thân thế và sự nghiệp văn chương của Khái Hưng, Thư Trung kết luận:

“In lại những tác phẩm mà Khái Hưng đã hoàn thành trong thời gian ông đấu tranh Cách Mạng không những là việc nên làm của thân nhân và văn hữu Khái Hưng mà, theo thiển ý còn là việc cần làm của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Cùng lúc với sự khôi phục giá trị cho một Khái Hưng nhà văn Cách Mạng, việc in những tác phẩm hiện có của Khái Hưng còn gìn giữ cho kho tàng văn học dân tộc những tác

phẩm có giá trị bền vững, và hơn thế nữa, còn nuôi nấng được trong lòng những thế hệ trai trẻ đang tới cái ý thức hào hùng của nhà văn cách mạng chân chính thực lòng yêu mến quê hương, thiết tha với tương lai dân tộc...

“Có một điều này chắc chắn: chịu tốn công sưu tầm rồi đem in thành sách những tác phẩm của Khái Hưng viết hồi 1945 - 1946 ít nhất cũng có ích cho văn giới và học giới nhiều hơn là đem in lại những bài báo của Phạm Quỳnh viết từ năm 1917. Việc có ích đấy, nhưng mà có ai làm không? Và ai sẽ làm đây?”

Theo Thư Trung, chỉ chịu tốn công sưu tầm rồi đem in thành sách, vấn đề thật quá giản dị đấy, và cũng không mấy khó? Nhưng sưu tầm ở đâu? Thư viện nào có giữ? Mò trắng đáy nước có lẽ còn dễ hơn là việc đi sưu tầm những bài của

Khái Hưng viết trong những năm 1945 - 1946.

Chúng tôi có một may mắn không ngờ là ngay từ năm 1945 - 1946, và sau ngày toàn quốc khởi lửa, tôi vẫn còn được “quản lý” một số tài liệu quý, có cả những bài Khái Hưng viết. Tôi còn được biết thêm là ngay từ hồi đó, Khái Hưng đã dịch xong toàn bộ cuốn “Liêu Trai Chí Dị” của Bồ Tùng Linh và đã cho một thân hữu mượn.

Người bạn đó là ai, hiện còn giữ nguyên bộ “Liêu Trai Chí Dị” của Khái Hưng như lúc văn sĩ cho mượn nữa hay không tôi xin miễn kể. Câu chuyện đã trở thành riêng tây và đã đi vào quá khứ “im lặng như một nắm mồ” rồi.

Bóng Giai Nhân tập truyện cuối cùng cũng như vở kịch dài bốn hồi nhan

đề “Khúc Tiêu Ai Oán” của Khái Hưng, đăng trên Tuần báo Chính Nghĩa, trong hai năm 1945 - 1946 hiện tôi vẫn còn giữ kỹ. Ấy là chưa kể tập truyện dài “Xiềng Xích” tôi có được một ít, vì Khái Hưng đang viết từng kỳ in trên Tuần báo Ngày Nay – Kỷ Nguyên Mới cùng nhiều bài thuộc nhiều thể loại khác...

Qua nhiều lần yêu cầu, thúc giục của gia đình tác giả mong tôi sớm cho in thành sách và qua những lời kêu gọi của anh bạn Thư Trung nói trên, tôi đã cố gắng cho in tập truyện Bóng Giai Nhân, này – với tựa đề “Lời Nguyên” giữa năm 1966.

Để làm đẹp lòng người đã chết, với tất cả chân thành của một người em văn nghệ vẫn hằng mến yêu văn sĩ. Để làm vui lòng những người còn sống, đã luôn luôn tha thiết với tiền đồ Văn học nước

nhà... Và phần thưởng tinh thần mà tôi tin tưởng sẽ đến với tôi, chính nhờ ở tấm lòng cởi mở của các thân hữu và của toàn thể các bạn đọc.

Sài Gòn, Mùa Phụng 1966

NGUYỄN THẠCH KIÊN

Viết Thêm Tại Hoa Kỳ:

Vừa đúng 50 năm (1947 - 1997)
NGÀY KHÁI HƯNG bị Việt Minh Cộng
Sản tàn nhẫn thủ tiêu vào dịp Tết Đinh
Hợi 1947, chúng tôi cho tái bản 3 tác
phẩm của ông với nhan đề “Kỷ Vật Đầu
Tay Và Cuối Cùng” với những bài viết
tưởng niệm Khải Hưng của một số thân
hữu, chiến hữu và anh em văn nghệ sĩ
tại hải ngoại, mục đích giúp cho các thế
hệ trẻ khi học những tác phẩm của Khải
Hưng sẽ hiểu thấu đáo về văn nghiệp
cũng như sự thật về Khải Hưng trong Tự
Lực Văn Đoàn.

Miền Nam California, 10 – 1997

NGUYỄN THẠCH KIÊN

BÓNG GIAI NHÂN

Dĩ ủy phù hiền như nhục ư thử

Liễu Tôn Nguyên

Chiếc xe ô tô thùng lớn nuốt
đường giải bọn tù chính trị phạm
lên trại giam Vụ Bản. Đó là một cái hòm
sơn màu đen, ba mặt kín mít, chỉ hở một
cửa ở phía sau. Qua lỗ hổng ấy bụi cát
ùa vào trong xe, quét một lượt trắng lên
tóc, lên mặt, lên kính, lên quần áo, chân
tay ba mươi tội nhân và bốn người lính
khố xanh áp giải chen chúc chồng chất
lên nhau. Trên bậc bước lên xe, đứng hai
người lính nữa, mà Khanh một tù nhân,

ví với hai pho tượng đang canh cổng một nơi đền thiêng, trong một ngày gió lớn.

Khanh có cảm tưởng ấy là vì phía sau xe, cát bụi tung lên xoáy cuộn cuộn chạy theo như trong một cơn gió lốc. Đường từ ga Đồng Giao đi phủ Nho Quan ngoắt ngoéo lượn quanh các đồi, nhưng không vì thế mà xe chậm đà: Từ lúc bắt đầu mở máy cho tới lúc dừng lại, trong khoảng ba bốn giờ đồng hồ, tốc lực của nó không thay đổi, và ở những chỗ ngoặt, người ngồi ngón ngang trong xe lại xô đập vào nhau.

Khanh để ý tò mò quan sát sự biến hình đổi dạng của anh em đồng chí mà y không nhận được ra ai nữa, mà y thấy già thêm lên hàng chục tuổi, với mái tóc và bộ ria bạc phơ. Và y ghé tai bảo người ngồi bên cạnh: “chúng ta đều là Ngũ Tử Tư, qua một đêm tư lự”.

Về sau Khanh cũng quen mắt đi, và y ngồi yên không nhìn xét nữa. Cái cảnh ra đi buổi sáng vụt diễn lại trong ký ức: Sáng nay y vui vẻ sửa soạn hành lý để cùng anh em lên đường. Luôn ba tháng nay sống chật chội tù hãm trong bốn bức tường sần lim, trong một nơi không khí nặng nề hôi hám lúc nhúc những người, y chỉ ao ước được mau chóng thoát ly cái địa ngục ấy, dù phải giải đi đâu cũng cam, đi Côn Đảo hay Tân Thế Giới cũng không phàn nàn. Thì nay y đã được như ý nguyện. Y còn nhớ cái lúc bị xích tay hai người vào một đứng xếp hàng ở cổng trại giam Liêm phóng. Y tưởng tượng ra một khoảng trời trong sáng, một khu đồi lành sạch đương chờ đợi đón tiếp y ở một nơi xa xôi nào đó. Y không tin những lời dọa dẫm về nước độc ma thiêng. Được rời nơi tối tăm, tanh tưởi đầy những tiếng oan khốc của người chịu cực hình

này, thì đâu đâu cũng sẽ là thiên đường, đâu đâu cũng sẽ là đất khoáng đạt của lòng người. Và y thấy trong lòng y reo lên những âm hưởng của tự do, tuy tay y đang bị xích khóa. Y càng ngây ngất trong hy vọng của đời sống ngày mai, khi nhờ có lời can thiệp của một viên thanh tra mật thám Tây lai xưa nay vẫn có chút cảm tình với bọn y, khóa xích được tháo bỏ hết.

Rồi kể đến cảnh đi bộ từ sở Liêm Phóng tới nhà ga giữa hai hàng lính khố xanh và lính mật thám, dưới ánh đèn điện mờ nhạt trong cái chụp đèn thời chiến tranh. Lời kêu khóc của những gia nhân đi tiễn, y thấy buồn cười hơn là thảm thiết. Và y nghĩ: “Khóc cái nỗi gì? Không mừng cho người ta được thoát khỏi địa ngục thì chớ, lại còn khóc lóc!”

Ra đến sân ga, thì cảnh tiễn đưa thành một cảnh khôi hài với cái vẻ mặt tươi tắn của người đi và dáng bộ tang tóc của người ở. Cảnh khôi hài ấy trở nên hoàn toàn khi thấy mấy bà vợ và bà mẹ mon men lại gần chồng gần con, người cai lính khố xanh quát tháo mắng ầm lên. Khanh chỉ mỉm cười vui thú, vì được nhận thêm bao kinh nghiệm trong cái đời văn chương, lúc nào cũng tò mò quan sát tâm lý loài người.

Bây giờ nhớ lại tấn bi hài kịch ấy, Khanh còn thấy tức cười... Bỗng y nghiêm nét mặt lại buồn rầu. Một bóng giai nhân vừa lóe ra trong thâm tâm y: một bạn gái bị giam ở sà lim bên cạnh sà lim y trong một thời gian vừa đúng hăm bốn tiếng đồng hồ. “Sà lim 18”, đó là tên giai nhân, mà cả trại giam đều ghi nhớ, nhắc nhở sau khi nàng bị giải đi đâu

không ai biết. Sáng hôm ấy giữa giờ anh em ở các sà lim và nhà câu lưu được thả ra sân thì cổng trại giam bỗng nặng nề mở để dẫn vào một dây người vừa bị bắt về. Trong đó có một thiếu nữ ăn mặc quê mùa, cũ kỹ và rách rưới. Ai nấy chạy lại gần xem tuy bị lính mật thám xua đuổi. Trong khi mọi người đàn ông còn bị giữ ở ngoài sân, thì người ta đưa thiếu nữ vào hiên dãy sà lim và ở đấy người canh ngục chào nàng bằng một dịp cười và một câu nói mỉa mai:

– Thế nào, cô lại trở về đây ư?

Lại trở về đây? Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Hỏi “cụ Quỳnh”, tên người “gác” thì người ấy vẫn cười và đáp:

– Lần này là lần thứ ba cô ta đến đây. Lần thứ nhất cô ta là một nữ học sinh mặc tân thời, lần thứ hai cô ta giả trai.

Lần này, thì đó, anh em coi, có nhà quê đặc không? Lại rằng nhuộm màu cánh kiến cẩn thận nữa cơ đấy! Thôi lần này thì phát văng, phát văng cô ạ.

Một người thì thầm hỏi:

– Vậy cô ta phạm tội gì thế?

– Lại còn tội gì nữa, người “gác” tiếp với một giọng nói khinh bạc, tội làm Cách mệnh chứ còn tội gì nữa.

Thế là bắt đầu ngay từ phút ấy, thiếu nữ chiếm lấy hết cả lòng sùng kính của toàn thể trại giam.

“Sàn lim mười tám” là một người bé nhỏ, xinh xắn; đôi mắt sáng với cặp môi tươi trong khuôn mặt trái soan, nước da nhỏ mịn tuy rám nắng vì công việc đồng áng mà thiếu nữ tạm theo trong khi đi trốn tránh. Một luồng gió lạ như vừa thổi

tới nơi giam cầm u tối. Anh em chạy đi chạy lại nhộn nhịp tới tấp qua cái lỗ cửa con con của gian sàn lim số 18 để ngó mắt nhòm vào trong và để hỏi thăm tin tức, nhưng thiếu nữ chỉ giữ vẻ mặt tươi cười và một thái độ lặng thinh. Thấy thế người gác phải can thiệp nhiều lần:

– Anh em lảng xa ra, không Tây nó xuống thì bị cùm cả lũ bây giờ, mà tôi cũng bị khiển trách mất.

Khanh ra chỗ ghế ngựa riêng của Quỳnh và tò mò hỏi chuyện thì biết rằng lần bị bắt trước, thiếu nữ đã dùng mưu để ra khỏi nơi này: nhân một người thanh tra mật thám vào trại giam, lúc y trở về bàn giấy, thiếu nữ đã lảng lạng đi theo. Người canh cổng tưởng viên mật thám lấy nàng ra hỏi cung, nên không giữ lại. Thế là nàng trốn thoát. Câu chuyện ấy lan truyền khắp mọi nơi trong giây phút

càng làm tăng giá trị “sàn lim 18” lên bội phần. Và chiều hôm ấy cảm tấm lòng săn sóc của anh em Cách mệnh, nàng đã chịu nhận quà bánh đem đến tặng nàng và đã ôn tồn đáp lại những câu hỏi của mọi người.

Trong số anh em luôn luôn đến thăm nàng, Khanh là người chăm chỉ nhất, và tưởng được nàng lưu ý đến nhất. Cái tuổi dưới ba mươi ấy bao giờ cũng sẵn lòng tin tưởng, và hy vọng mệnh mông.

Nhưng bóng giai nhân chỉ thoáng qua nơi giam cầm như chút ánh nắng tươi hé ra giữa khoảng trời mây đen đặc. Sáng sớm hôm sau người ta đã xích tay giải nàng không biết đi đâu, giữa nỗi ngây ngất bàng khuâng của bọn thiếu niên cách mệnh.

Khanh thốt ra một tiếng thở dài, và đau đớn và lãng mạn nghĩ thầm: “Ước gì ta được gặp mặt nàng một lần nữa rồi có bị đẩy chung thân cũng cam lòng!”

Y bỗng tỉnh choàng giấc mộng! Xe vừa dừng lại, và ai nấy sửa soạn để xuống.

– Đến nơi rồi ư, các anh?

– Ngủ đấy à? Một người hỏi lại.

Khanh mỉm cười:

– Ngủ thì không ngủ, nhưng mà chiêm bao, chiêm bao thức.

Ra khỏi cái hòm kín, y thấy mình đứng trong một nơi phố nhỏ, bên cạnh một giòng sông con.

– Chợ Trào đây phải không? Người ta hỏi nhau.

Nhưng viên đồn già, chủ trại giam, đương rảo bước trên con đường dốc, ở bên kia sông. Chạy quanh lão là một con chó, lông dài và đen. Tay lão cầm cái hèo lớn chỉ trở sang bên này và ra lệnh cho người lính đi theo sau. Chỉ cái hình thù lão hiện ra đủ làm mất hết vui trong bọn anh em và ai nấy lảng lảng đứng chờ, như chờ một sự bất trắc gì sắp xảy tới, nhất ai nấy khi ở trại Liêm Phóng lại đã được nghe huyền truyền cái tiếng hung tợn của lão ta.

Thời giờ lại êm đềm chảy trong khu trại giam Vụ Bản. Một nhịp sống đều đều khác đã đến kế tiếp nhịp sống đều đều trước. Những giờ dài đằng đẳng đi bách bộ trong sân trại giam Liêm Phóng đã

đổi ra những giờ mệt nhọc, làm việc trên đồi cỏ, trong rừng rậm, bên dòng nước, dưới sương lạnh hay dưới nắng hè.

Nhưng chiều chiều, sau bữa ăn cơm gạo đỏ, Khanh lại ngồi im lìm trên thành bể nhìn dãy núi Hoàn Sơn mà tưởng nhớ mà mơ mộng tới người gặp gỡ trong hăm bốn giờ, giữa một hoàn cảnh đau thương. Và y có cảm tưởng rằng y sẽ mãi kiếp sống ở nơi núi đồi trùng điệp bao bọc một làn không khí âm u này với hình ảnh bất diệt của giai nhân không bao giờ trở lại.

Nhưng một buổi chiều trong lúc y gửi lòng yêu đi phương xa lạ, thì cửa trại giam bỗng mở ra, và người ta thấy bước vào một thiếu nữ chừng mười bảy tuổi với một gánh hàng nặng trĩu trên vai. Anh em hấp tấp chạy ủa cả ra sân để nhận hàng vì đó là cô hàng tạp hóa bên

phổ mà lần đầu tiên lão chủ đồn chuẩn lời xin của anh “trật tự” cho phép đem hàng đặt vào thủng trong trại để anh em khỏi phải thân sang tận bên kia sông mang về. Khanh lại gần dăm dăm ngắm nghía cô hàng, và thấy nàng mơn mớn trong tuổi xuân đương dậy thì.

Thiếu nữ chột ngắc lên và gặp cái nhìn ao ước của thanh niên, nàng cúi đầu bẽn lẽn, giả vờ điếm lại hàng hóa trong quang thủng.

Từ đó trong những buổi chiều tà, Khanh ngồi mơ mộng, bóng giai nhân xưa lại hiện ra bên một bóng giai nhân mới. Và mỗi tuần lễ một lần, cô hàng tạp hóa bên kia sông lại đem tới cho y một nụ cười kín đáo lặng lẽ và một chút ánh tươi rọi nơi giam cầm ủ rũ.

Rồi đây, những lúc cách mệnh tha thiết gặt gao lên tiếng gọi, y sẽ cảm thấy lòng tự tin, lên đường xông pha trong gian khổ với bóng giai nhân huyền ảo gặp gỡ giữa cảnh lao tù.

LỜI NGUYỄN

Đồ sộ, chót vót trên đỉnh đồi cao, đồn Vụ Bản hách dịch nhìn xuống con đường đá nối Nho Quan với Hòa Bình. Trên một quả đồi đối diện và thấp hơn, khu trại giam chính trị phạm nấu mình trong hàng dậu đầy nửa nhón và hai hàng cọc chằng giây thép gai. Phía dưới là một cái thung lũng nhỏ với con sông Vành quanh co uốn éo như con rắn dài vắn khúc bạc lướt mình trong cỏ hoang, rừng rậm. Bên kia sông là phố

và chợ Trào, dăm chục nóc nhà vừa lợp ngói vừa lợp tranh quây vuông lấy bốn cái quán gạch trống rỗng.

Xa xa về phía tây nam, dãy núi Hoành Sơn sừng sững như một bức thành kiên cố đứng ngăn. Buổi sáng nó chìm biển vào trong sương đầy trắng đục, buổi chiều nó lơ mờ trong sương lam bốc lên như khói. Buổi trưa nó lấp lánh ném ánh bạc của những cây ngân diệp mọc bên sườn. Về phương đông bắc, và chỉ xa chừng dăm cây số, một quả đồi cao và dài đứng án ngữ như một bức bình phong. Quanh đó những núi đá trắng và đen mọc lổm chổm, với những hình thù cổ quái. Còn phía tây bắc là những đồi rậm liên tiếp, những rừng sâu, cỏ sắc bao vây lấy từng khu ruộng nhỏ hẹp và dài.

Vùng ấy hàng ngày yên ngủ để chờ đợi những hồi kèn rời rạc báo giờ từ vòm

đồn tủa xuống. Cả những hôm phiên chợ tấp nập, nó cũng yên lặng buồn tẻ với những người Mường ít cười ít nói: họ lững thững gánh gạo, gánh măng, gánh lợn, gà, vịt, ngỗng ra chợ bán, rồi lại lững thững trở về làng với một ít muối và các thức đồ dùng của người Kinh đem từ vùng xuôi lên. Họ như chán nản, chả buồn mặc cả nài giá bao giờ.

Cái trạng thái u huyền giữa một cảnh thiên nhiên hùng vĩ, khiến Khanh, một tù nhân chính trị, tưởng tượng ra một thần bí gì rùng rợn ngày đêm bay lượn trên không để đe dọa vùng này. Một hôm vác ống bương ra suối lấy nước, y ngỡ ý nghĩ đùa bỡn ấy với người lính kèn. Thì kinh ngạc xiết bao, người kia hỡi hùng se sẽ đáp lại:

– Phải, một lời nguyện.

Người lính cũng chỉ thốt ra một câu vắn tắt. Rồi như khiếp sợ một cái gì có thể sắp xảy tới, y im bật.

Đêm hôm ấy trong khi nằm lịm trên giường lát nứa, nghe bài kèn tám giờ, Khanh lại liên tưởng đến người lính kèn và câu chuyện đương tò mò khao khát muốn biết: Một lời nguyên! Bài kèn buồn rời rợi với những âm thanh trầm trầm như những lời ai oán của lòng người sau bao phen uất ức! Hay đó là lời nguyên đêm đêm lên tiếng làm vang động làn không khí âm u nơi đồi núi?

Tà ta ta ta tí a ta ta...

Lời nguyên của những kẻ bỏ xác nơi ma thiêng nước độc chốn sơn lâm? Mới tuần lễ trước Khanh đi đưa một người bạn giam đến nơi an nghỉ cuối cùng: bên sườn đồi dưới bóng một cây lao xao cành

lá rườm rà luôn luôn thì thảo lời oán trách trong gió thoảng qua. Trong đám dân Kinh bên phố, cũng như trong hàng ngũ binh lính bên đồn và anh em chính trị trong trại giam, thỉnh thoảng lại một người từ già cõi nhân gian, sau những cơn sốt nóng sốt rét mê sảng. Phải chăng họ đáp lại tiếng gọi thiêng liêng của một lời nguyện độc địa tự đời nào vang lại?

Hồi kèn đã dứt. Từ đó, trong tiếng thanh sắt trên đồn, tiếng mõ tre ở các điểm canh, Khanh đều cảm thấy có liên can tới cái lời nguyện ghê gớm nào đó của người xưa. Qua kẽ rào nữa, một vài chấm lửa bên sông còn le lói, lập lòe. Đó là những dấu hiệu mong manh của sự sống trong một vùng như chết lịm dưới màn sương. Khanh ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Và y mê thấy con thành đánh đổ mỏ từ trên trời cao bay sả xuống mổ

vào ngôi mộ người bạn đồng trại, chơ vơ bên sườn đồi dưới bóng cây lao xao ủ rũ.

Nhưng câu chuyện "Lời nguyên" một hôm Khanh đã được người lính kèn thuật lại cho nghe trong cái lều canh lúa của người Mường.

Sáng hôm ấy, ra tới suối, Khanh thấy hiện ra một cảnh tượng rất nên thơ: Bên kia dịp cầu tre, trong một khu ruộng khô đất nhỏ, sáu cô Mường, áo cánh trắng xiêm dài xanh dương chậm rãi gieo ngô. Từng đôi, người đi trước cầm cây hóp uể oải chọc xuống đất một lỗ, người theo sau uể oải bỏ rơi vào đó một hạt ngô. Họ đi thong thả, làm việc rời rạc như biểu diễn trên sân khấu cho khán giả ngắm nghía cái điệu bộ nhịp nhàng của họ. Ngồi trên lều cao, hai chân quần «xà cạp» đá đưa

đánh dịp, Chín - bảy – tên gọi tắt con số 1297 của người lính kèn – đương phùng má thổi bài «la mát». Xúm chung quanh y, trên các bậc thang, bốn cô Mường lắng tai kính cẩn ngồi nghe.

Thấy Khanh đến gần, Chín-bảy vội rời cái kèn, bước xuống đón tiếp, vẻ mặt rạng rỡ, dáng bộ dương dương đắc chí như một con gà sống giữa đám gà mái tơ vậy. Trong khi hai người nói chuyện, các cô Mường chỉ mỉm cười yên lặng đứng nhìn.

Hỏi câu gì các cô cũng làm thinh không đáp. Chín bảy bảo Khanh:

– Các nàng chỉ biết có hai việc: cười và hút thuốc Lào. Rồi anh xem!

Quả nhiên lúc y đi lấy một cái điều cây lớn đem ra bỏ thuốc đánh diêm hút,

tức thì cả mười cô đều bỏ việc cười rú lên, chạy ủa lại. Họ xếp thành một vòng tròn, lần lượt truyền cho nhau cái điều cây miêng rộng che kín nửa mặt mà rít từng hơi dài. Hết mỗi thuốc ấy thay mỗi thuốc khác, cái điều đi vòng tới vài chục lần và bao diêm đánh đã gần cạn. Và cô nào cô nấy ngậy ngất mỉm cười đầu lão đảo. Khi các cô nàng lại quay về với công việc gieo ngô của họ, Khanh theo Chín-bảy lên lều ngồi nói chuyện, và vui vẻ hỏi đến việc gia thất của người bạn quân nhân.

– Tôi đã có vợ vùng xuôi, y đáp, nhưng thế nào rồi tôi cũng phải lấy một người vợ nữa ở trên này. Và y thêm: «Cũng như phần đông anh em “nhà binh” ở đây. Đó là một việc bất đắc dĩ».

– Việc bất đắc dĩ ? Khanh hỏi, nghĩa là không được phép đưa vợ con ở vùng

xuôi lên đây? Không phải không được phép, nhưng vì đã có lời nguyện.

Khanh bỗng thấy rùng rợn. Người lính kèn lại nhắc tới «lời nguyện» ghê gớm. Chưa kịp hỏi thêm, thì Chín-bảy đã đưa mắt âu yếm nhìn theo các cô nàng áo trắng xiêm xanh hoạt động dưới trời thu mà kể cho bạn nghe câu chuyện tương truyền trong hàng đội ngũ.

Ngày xưa, thời còn chưa chịu phục tòng người Pháp, dân Hòa Bình chỉ vâng theo mệnh lệnh của các quan lang; người Kinh cũng ít khi lên vùng này buôn bán. Để bắt buộc dân Mường phải theo pháp luật của mình và đóng các thứ thuế như dân Trung châu, một mặt người Pháp đưa những ông quan lang có thanh thế nhất trong các họ lớn, như họ Đinh, họ Quách ra làm chánh quan lang hay tuần phủ đứng cai quản tỉnh Hòa Bình, một

mặt họ lập nên những đồn binh kiên cố ở khắp các yếu điểm trong địa hạt với những toán lính khố xanh Trung châu không biết tiếng Mường, không thuộc phong tục Mường. Mục đích của họ là để đàn áp dân Mường và để tránh sự thân thiện giữa nhà binh và dân bản xứ.

Đồn Vụ Bản là một trong những đồn binh kiến thiết theo chương trình thống trị. Nó án ngữ con đường Nho Quan - Ninh Bình. Và đóng giữa giang san họ Quách, nó lại có thể kiểm soát những hành động của những ông quan lang có oai quyền ấy.

Với những nhiệm vụ to tát như thế, viên quản mà người Pháp tín nhiệm cho về coi đồn, ta có thể tưởng tượng hách dịch đến bậc nào.

Có một ông, ông quản Tăng, không

những hách dịch mà còn bệ vệ và ăn ở hành động theo lối Âu Tây y như một quan binh Pháp vậy. Y nằm giường Hồng Kông, ăn cơm tây. Lúc nào sang phố y cũng đóng trào phục mới với một hàng huy chương rực rỡ trên ngực. Tay y cầm roi da, quay tít, miệng y huýt sáo một điệu âm nhạc nhà binh. Một con chó tây ketch sù đi bên cạnh y; gặp nhà nào quen thuộc của chủ nó là nó chạy sòng sọc vào khiến lũ trẻ hết cả hồn vía bảo nhau:

– Quan quản!

Quan quản! Tiếng ấy oai vệ như tiếng quan Sứ ở tỉnh vậy. Quan quản là chúa tể vùng này. Quan châu, một quan lang, đối với y, chỉ như một công chức bản xứ đối với quý quan. Bao nhiêu công việc trọng đại đều ở trong tay quan quản: như thu thuế chợ, thuế đò, thuế thân, thuế điền. Quan châu chỉ là một người giúp việc.

Nhưng tiếng «Quan quản» hình như cũng chưa vừa lòng ý. Một hôm, người ta không hiểu vì đâu, tiếng ấy bỗng đổi ra «Quan đồn» rồi cứ theo cái đà ấy, chẳng bao lâu nó lại biến chuyển thành «Cụ lớn».

Cụ lớn hét ra lửa! Bao nhiêu là môn hạ! Suốt ngày thì thọt trong đồn những kẻ nấp bóng Cụ lớn. Thôi thì chẳng thiếu gì lễ lạc, tết nhất, mùa nào thức ấy. Dùng không hết, «Cụ lớn» phân phát cho binh lính.

Về nhậm chức mới được hai tháng, quan quản đã lấy một cô nàng hầu người Kinh con một thương gia có tiếng bên phố chợ. Rồi cách đó nửa năm quan lại kén luôn một lúc hai cô nàng hầu người Mường nữa.

Cái việc lấy nhiều vợ ấy cũng không tổn kém gì cho quan vì bọn họ đều là con nhà khá giả. Có một điều khiến họ lo lắng sợ hãi, mỗi khi tưởng tới: Là chẳng chóng thì chầy thế nào bà lớn quản cũng lên đây thăm chồng. Lúc bấy giờ nếu cái tin vợ nọ con kia khi đến tai bà, thì liệu bà có để cho yên không. Mà cứ theo lời huyền truyền và lời nói úp mở của quan quản thì bà là con nhà thế gia đại tộc. Ông thân sinh ra bà làm tổng đốc và đã hồi hưu. Người ta khen: «Thực là môn đăng hộ đối!» Vì quan quản nghe đâu cũng là con một vị đường quan. Y thường kể chuyện thời niên thiếu của y cho mọi người nghe. Nhà y giàu sang và y rất được chiều chuộng. Mới mười hai tuổi y đã cưỡi ngựa, bắn súng, và chỉ thích có một nghề binh. Vì thế lớn lên y đã bỏ học để nhập ngũ «làm quan quản» chơi. Bao giờ đến đoạn này y cũng thêm:

«Làm quan văn thì biết bao giờ lên đến ngũ phẩm, thế mà làm quan võ tôi mới ngoài ba mươi tuổi đã chánh tam rồi!»

Có lần y tưởng tượng ra cả một thiên tiểu thuyết để tả cái gia thế nhà y, bịa đặt ra những nhân vật đẹp đẽ và các phương diện ăn chơi hào phóng hay đạo mạo nho phong. Người được y tả tỉ mỉ chu đáo nhất là cụ cố và bà lớn. Cụ cố là một hưu quan chỉ thích đánh tổ tôm và uống chè tàu. Cụ ở một cái nhà lâu kiến trúc kiểu tây. Trước mặt là cái vườn hoa trồng đủ các thứ hoa quý và lạ. Trên giàn thì treo đủ các thứ phong lan đi kiếm từ các miền thượng du đem về. Còn bà lớn thì tính rất tốt rất rộng lượng, để mặc quan lớn muốn yêu ai thì yêu. Một mình bà lớn trông coi mấy trăm mẫu ruộng thượng đẳng điền, người ăn người làm tấp nập quanh năm, nên không rảnh rang mà lên

thăm quan được. Nào đã hết đâu, quan lại có một người em trai đã đậu tú tài tây và đương theo học trường Luật, và một người em gái nhan sắc tuyệt trần hiện còn đương kén chồng. Tóm lại nhà quan lớn là một nhà danh giá và sung sướng vào bậc nhất ở Bắc Hà.

Một buổi sáng người ta thấy đến phố chợ Trào một ông già râu tóc hoa râm và một người đàn bà vào trạc ngoài ba mươi tuổi. Cả hai đều y phục quê mùa, ông lão mặc cái áo cánh đũi nhuộm vỏ xó và một cái quần nâu sẩn cao đến đầu gối, người đàn bà mặc áo tứ thân mầu nâu bã với miếng đối vai bằng lụa thâm, một cái váy chôi nhuộm bùn và một cái yếm trắng cổ xẻ với hai giải màu hoa hiên đã cũ.

Họ hỏi đường sang đồn, xuống phà qua sông, khó khăn nặng nhọc leo cái dốc cao, gồ ghề. Được một quãng ông già lại đặt cái tay nải nâu xuống ngồi hõn hển, và thì thầm nói chuyện với người kia. Đứng trên vòm canh, người lính gác nhìn theo họ và nghĩ thầm: «Lại một ông già và một mẹ đã lên thăm con thăm chồng».

Đương gò lưng leo nốt đoạn cuối cùng của cái dốc dài tưởng không bao giờ đến đỉnh, thì hai người bỗng giựt mình vì một tiếng hô lớn từ trên vòm chòi ném xuống. Họ ngừng đầu sợ hãi nhìn lên.

– Hai người nhà quê hỏi ai?

Không phải vì hai người kia ăn mặc quê mùa mà người lính gọi họ là «Nhà quê». Đối với quân đội, vì thói quen bắt

chước người Pháp, chỉ có ba hạng người Việt Nam: nhà binh, nhà pha, và nhà quê. Những người không phải nhà binh và nhà pha đều là nhà quê. Vì thế, một thiếu nữ y phục tân thời, nếu nghe một chú lính canh kêu là «Nhà quê» thì đừng nên lấy làm lạ và phật lòng.

– Thừa thầy, chúng tôi vào thăm ông quán.

Người lính hỏi lại để chữa câu nói hõn của bọn nhà quê:

– Vào hầu quan có việc gì?

– Bẩm chúng tôi là người nhà.

Chú lính canh cho người vào trình quan. Một lát sau người này ra cổng hách dịch quát:

– Người nhà thế nào mới được chứ?

– Bầm bầm tôi là ... tôi là...

Người đàn bà thấy ông lão ấp úng lúng túng liền đỡ lời:

– Thầy vào trình hộ rằng có ông cụ và người đàn bà ở nhà quê ra thăm.

Người lính gắt:

– Ông cụ ! Nhưng ông cụ có họ hàng thế nào với quan?

– Thưa ông cụ ... sinh ra quan, còn tôi là vợ... quan.

Người lính hơi có vẻ sợ hãi vội vàng quay vào đồn, thì vừa gặp ông quản đứng trong sân ngó nhìn ra hỏi:

– Hai bố con lão nhà quê đến xin gì thế chú?

– Bầm, bầm quan...

Người lính không dám nói dứt câu.

– Đuổi cổ chúng nó ra!

Câu quát tháo to quá khiến ông già và người đàn bà cũng nghe thấy. Và nhân lúc cổng đồn mở, họ xông vào trong sân. Thấy thế viên quản liền hét:

– Bọn nhà quê kia đi đâu ? Có biết nơi này là gì không mà dám xông xáo hử? Mất đầu như chơi, biết chưa? Tổng cổ chúng nó ra!

– Tăng! Anh Tăng!

Ông già và người đàn bà chỉ kêu được một tiếng thì đã bị hai người lính ấy bừa ra khỏi cổng đóng sập cánh cửa lại.

Ông lão già và người đàn bà lại lùi thúi xuống dốc. Họ cùng uất ức đến cực

điểm nên không ai nói với ai một câu, cả hai cùng chôn sâu nỗi căm hận trong lòng.

Ở chân đồi, ngay bên sông, có một ngôi đền thờ Mẫu. Người đàn bà mua vàng hương vào lễ, quỳ khấn rất lâu, thì thâm kể hết nỗi niềm tâm sự với Mẫu. Khi ra đường, nàng thấy bố chồng vẫn ngồi y nguyên một chỗ, mắt đỏ ngầu đăm đăm nhìn dòng sông chảy mạnh, quay nhanh cái guồng nước sừng sững in lên nền trời trong.

– Thôi đi về, thầy!

Ông già thông thả đứng dậy. Nhưng ông đi rẽ xuống ruộng chứ không qua phà. Ông bảo con dâu:

– Tao không muốn gặp người lái phà, vì tao đã trót bảo cho nó biết rằng tao là bố thằng Tăng.

Người đàn bà cũng lẳng lặng đi theo ông. Hai cha con men bờ ruộng sang một khu rừng lao xao, qua một cái cầu tre bắc trên suối, rồi đến ngồi nghỉ ở một bãi cát sỏi bên sông. Sau trận mưa to đêm hôm trước nước nguồn kéo về chảy ào ào như thác. Những thân cây từ rừng đổ về nổi lênh bênh và bị giòng nước phăng phăng cuốn đi.

– Dầu sao thì cũng ăn năm cơm cho đỡ đói đã thấy ạ.

– Mày cứ ăn trước đi. Tao không đói.

Ông già đứng lên, ra sát bờ sông đứng vịn vào một thân cây lao xao. Bỗng ông nghiêm nét mặt dữ tợn nhìn dòng sông, thốt lời nguyên độc:

– Từ nay đứa nào còn lên đây thăm chồng thăm con thì chết như thế này.

Dứt lời ông gieo mình xuống sông tự tử. Và thân ông cùng với các thân cây, bị nước nguồn vô tình cuốn đi...

Từ đó lời nguyện vẫn thiêng. Những người cha, người vợ lên đây thăm con, thăm chồng, khi trở về đều ốm nặng rồi chết.

Và những binh lính trên đồn, những dân Kinh bên phố đều sống dưới sự đe dọa và sự thực hiện của lời nguyện.



HỒ!

O ro trong chiếc áo tơ dài, mũ
 nhọn trùm đầu, Bảy-hai đứng
 canh trên chòi cao, nép mình sau cái cột
 bương để cố tránh luồng gió bắc thổi
 đến từng cơn. Y vừa ở trong chăn ra thay
 phiên gác một giờ. Mắt y ngủ còn giờ
 giấc chỉ muốn nhúu lại. Đêm hôm trước,
 y đã thức suốt sáng đánh bạc ở bên phố
 Trào. Cả ngày hôm nay, ông đội Giới lại
 cắt y vào việc của củi ở trong đồn, nên
 y chỉ chợp được có nửa tiếng đồng hồ

vào khoảng giữa trưa. “Giá nó để mình coi tù đi làm cỏ như mọi hôm thì làm gì mình không đánh được hai giấc ngon lành!” Y nghĩ đến cái ổ kín đáo, khuất gió, ấm áp, ở giữa khóm xim đại mà y lại oán lão đội. “Hừ ! thằng cha nó thù mình vì cái tiếng bạc ngựa tư tối hôm nọ!” và Bảy-hai vui thú cười lên tiếng. Y như còn trông thấy cái cảnh tượng mở bát chạy làng hôm ấy của đội Giới, mà y đã làm mất thể diện trước mặt dân phố. “Hèn chi mà nó chẳng để tâm thù vật!”

Đã hai lần Bảy-hai đánh mõ tre đáp lại tiếng khánh sắt cầm canh bên đồn. Y chỉ muốn nằm xuống một lát cho đỡ mệt, nhưng y lại sợ ngủ thiếp đi mất. Y tự nhủ: “Đêm hôm nay mà mình bỏ một tiếng mõ thì cứ là chết với nó. Thế nào nó chả thức ngồi chờ kết quả! Không, nhất định không chịu để nó phạt!” Y can

đảm lấy gân, cứng bắp thịt lại, thò đầu ra hẳn ngoài bức phen nửa vây che bốn mặt chòi và chỉ cao tới ngực người lính gác. Luồng gió lạnh làm cho y đỡ buồn ngủ. Nhưng chỉ được dăm phút, rồi mắt y lại nhắm nghiền, và y như nghe thấy tiếng ngáy của mình. Cái thói ngủ đứng đã quen thuộc với y lắm; nhiều khi đưa tù xuống đôi làm việc, y cũng vừa đi vừa chập chờn được.

Chợt nhớ đến cái mưu vẫn thi thố, y hướng vào trại cất tiếng gọi:

– Tài! Tài!

Mọi lần khi biết chắc không sao tránh được cái giấc ngủ có tội, y đã nhờ Tài giúp việc này: là hễ không nghe thấy tiếng mõ của y đáp lại tiếng khánh thứ hai thì nhặt một viên gạch mà ném lên chòi để đánh thức y dậy. Như thế, y có

thể bình tĩnh mà ngủ được để cứ mười lăm phút lại thức giấc đánh mõ. Nhưng lần này y gọi mãi mà vẫn không thấy có tiếng Tài trả lời.

– Rét thế này, anh chàng nằm ngủ chần trùn kín đầu thì còn biết giờ đi đất gì nữa!

Gọi một tên khác, lại một tên khác, vẫn không ai thưa.

“Liều! Y nghĩ thâm, có bị phạt nữa thì đã chết đầu. Hãy làm một giấc cho thỏa vong linh đã!” Và y định ngả lưng xuống cái ổ rơm mà y đã ngâm giải từ lâu. Nhưng lòng tự ái của y phản kháng lại liền: “Không! không thể được. Bị phạt vẫn biết chẳng sao, nhưng bị lão đội Giới phạt để trả thù thì nhục lắm. Đã cố được nửa giờ rồi làm gì không cố nốt được một giờ rưỡi nữa!” Y quả quyết trong ý

chí, và lại đưa cả nửa người ra phía ngoài để tắm thể chất và tinh thần trong sương đêm giá buốt.

Bỗng y rùng rợn quay lại, một tia sáng lạnh vừa chiếu xiên qua vai. Đó là trăng hạ tuần mới mọc, lơ lửng trên nóc đồi bình phong, và nhợt nhạt, ủ rũ, mệt mỏi như tâm hồn mệt mỏi của y. Dưới làn ánh sáng mờ mờ, con sông Vành lấp lánh hiện ra từng khúc, và những lùm cây trên sườn đồi in rõ hình đen. Y lưu ý ngắm cảnh vật để cố quên đi cái giấc ngủ vẫn luôn luôn ám ảnh.

Một lần chớp đi trong vài phút, y giật mình choàng thức dậy. Tâm linh y như vừa báo cho trực giác y biết sắp xảy ra một sự gì kinh dị huyền bí. Và y chú ý nhìn xuống chân đồi. “Ta mê ngủ à?” Y nghĩ thầm đưa tay lên dụi mắt, và nhìn kỹ lại. Không, y không mê ngủ, quả thực

một lùm cây đương từ phía ruộng thấp theo dốc đồi thông thả tiến đến phía y. Y nghĩ tiếp liền: “Không, không phải cây. Một con vật... con bò... Cũng không phải bò... Hay là ma?” Cái ý ma làm y mềm cả chân tay, và ngừng cả tư tưởng. Vùng này đã nổi tiếng là xứ ma thiêng nước độc và những chuyện ma hiện hồn trêu lính canh đêm không phải là ít.

Cái vật đen vẫn thả thông thả, êm lặng tiến. Thình thoảng một tiếng rầm rắc cành khô gãy lại báo cho Bấy-hai biết rằng đó không phải là một cái bóng mà đó là một vật có hình có chất. Đến lưng chừng đồi, nó đứng lại một phút rồi rẽ sang phía Nam, khuất sau hàng giậu nữa. Tự nhiên Bấy-hai thấy vững dạ và như thoát khỏi một tai nạn, tuy chưa biết rõ đó là con vật gì hay là ma quỷ. Bỗng một lát sau, tiếng lao xao se sẽ trên con đường

cát sỏi vòng quanh trại giam khiến y cúi nhìn xuống. Y toan kêu thét lên. Nhưng tiếng kêu mắc lại ở cổ họng và miệng y há hốc, mắt y mở to, chân tay y không nhúc nhích: Chỉ cách chòi y chừng vài chục thước, một con hổ to lớn, lực lưỡng đương ung dung nhẹ nhàng đặt từng bước và tiến về phía y. Mặt nó cúi xuống nhìn đất và luôn luôn nó hướng vào trại hít mạnh đánh hơi. Có lúc nó tò mò ghé gần mắt vào hàng giây thép gai chăng ở hai bên lối đi và dừng lại vài giây như để mưu tính một kế hoạch gì.

Bảy-hai im thin thít và không cử động. Hồn vía y như đã tán loạn hay trốn biệt nơi nào và y chỉ còn như cái xác với những trực giác quan thụ động. Nhưng dần dần y hoàn hồn và cảm thấy lo lắng sợ hãi. Y nghe rõ tiếng thở mạnh của y, mà y cố kìm lại, nhịn hẳn. Và vì

thế y thấy đêm khuya càng mênh mông, tiếng gió khô khan càng rít mạnh, và âm nhạc hàng sáo nửa càng thê thảm, rùng rợn. Con mãnh thú vẫn chậm rãi bước lại gần, dáng bộ suy nghĩ, nghe ngóng, tìm tòi. Khi tới chân thang chòi, nó dừng lại một lát rồi uể oải nằm xuống, mũi không rời phía trại giam. Bầy-hai đã bắt đầu luận lý có trật tự. Y hết sức giữ gìn, không cửa quây, yên trí rằng chỉ một tiếng cạch cũng đủ vang lên trong đêm vắng và làm cho con hổ giật mình vùng dậy, chồm lên đập đổ mấy cái cột buồm chân chòi cao ngất ngheo. Vì quá lưu ý, y tưởng tượng cái chòi lão đảo, lắc lư, mỗi khi có luồng gió mạnh.

Nhưng một lát sau, y thấy mắt quen đi, tim trấn tĩnh lại và trí sáng suốt hơn. Và y nhớ đến cây súng cầm trong tay, nghĩ đến bắn vào đầu con vật một phát.

Y dương súng ngắm, ngón tay đặt vào cò, run run, do dự không dám bấm tuy đã chột nhận ra rằng chưa kéo «qui-lát» để đẩy đạn lên nòng. Rồi y lại rón rén chống súng xuống, mắt dán vào cái khối đen ở ngay dưới chân và cách y không đầy mười thước. Câu chuyện huyền bí về hồ mà một người lính Thổ đã kể cho y nghe như vụt hiện ra và lần lần tự bày ra trước mắt y. Y tưởng trông thấy người đi săn tự buộc vào cành cây cao, chìa súng bắn xuống con vật thần, rồi nước ở đâu té vọt lên như mưa làm cho kẻ xúc phạm mờ cả mắt không nhìn thấy gì nữa trong khi ấy thì con hồ nói thành tiếng người mà mắng nhiếc âm ỹ: “Mày định giết ông mày, mày định giết cha mày à?” Câu chuyện đã làm cho Bảy-hai và anh em trong hàng đội cười lẫn cười lóc. Nhưng lần này ôn lại, y không dám cười nữa dù chỉ mỉm cười thầm. Ngắm nghĩa cái hàm

oai nghiêm, hai chân trước duỗi ra bệ vệ, cái đuôi hách dịch đập bên sườn, y cảm thấy tôn kính, khiếp sợ tràn ngập trong lòng và không còn ngờ vực một sự hoang đường gì về cái sức mạnh phi thường ấy. Bây giờ y đã hoàn hồn hẳn, và mũi y đã ngửi thấy mùi hôi nồng như mùi phân bò ủ. Hắc lợm giọng và chỉ chực nhổ bọt nhưng vẫn cố giữ lại được. Y tự nhủ: “Nó mà nghe thấy tiếng nhổ tất sẽ ngừng đầu nhìn lên. Và nếu nó biết trên này có người thì nó rất có thể rung chuyển cái chòi ọp ẹp này để mình rơi xuống mà ăn thịt. Các ngài mà bụng đói thì phải biết các ngài liêu”. Ý nghĩ ấy lại càng làm cho Bảy-hai lo lắng, mất bình tĩnh. Nhưng chỉ trong vài phút. Rồi những câu chuyện hiền lành về hổ dần dần nhớ lại khiến y trở nên vững tâm và can đảm nữa. Theo lời nhiều người Mường y quen biết thì con hổ chỉ là một con chó lớn nhút nhát

và không dám gần người: Nó cũng giống như loài chó, hễ chạy thì đuổi, hễ sấn lại thì nó lui. Điều nhận xét ấy đã được chứng thực: cách đây mới chừng một tháng, một con hổ – có lẽ chính con này cũng chưa biết chừng – đến rình ở nhà ông giáo Quý bên phố. Nửa đêm bà giáo thức giấc, dậy ra hiên trông thấy nó và sợ hãi chết ngất đi. Nhưng con hổ cũng sợ hãi chạy trốn.

“Phải, cái giống này chỉ chống lại người khi nào người định giết nó” Bảy-hai nghĩ thế và lấy làm mừng rằng ban nãy đã không lên đạn bắn nó. “Bắn mà trượt hoặc làm nó bị thương thì cứ mà chết với nó thôi. Trong lúc hồi hộp mình có thể run tay bắn chệch đích. Có phải bắn bia đâu mà bình tĩnh ngắm kỹ được!” Ý nghĩ bắn bia làm y mỉm cười quên bằng con hổ để nhớ đến anh Mười-bốn

kỳ vừa rồi, bắn tám phát không những không trúng đích mà còn không trúng cả cái liếp mang đích...

Y giật mình như chợt tỉnh một giấc chiêm bao: Tiếng khánh sắt bên đồn và tiếng mõ tre các chòi canh vừa đánh thức y dậy, kéo y về với thực tế, với nhiệm vụ, với bốn phận. Thì ra mới qua chưa đầy mười lăm phút thế mà y tưởng đã sống trong hàng giờ dài đằng đẳng. Y vội cầm dùi giờ lên nhưng lại rón rén đặt xuống không dám đánh. Tiếng khánh và tiếng mõ nhắc lại.

“Được, mai ta sẽ trình vì sao thiếu tiếng mõ ở chòi này. Mà có bị phạt nữa thì đã sao!”

Một lát sau, ở trước cổng đồn, một tia sáng thoáng rạch một vệt dài lên tấm sương đêm. Bảy-hai mỉm cười nghĩ

thầm: “Đích đèn pin của lão đội rồi! Được cú đến đây mà bắt... hổ!”. Thực vậy, đội Giới vẫn thức để rình. Khi thấy thiếu tiếng mõ ở chòi gác Đông Bắc trại giam, y đoán ngay rằng Bảy-hai đã ngủ. Y liền sang đi “rông” để bắt quả tang kẻ thù phạm tội.

Ánh sáng kín đáo lập lòe, khi chúc xuống đất, khi vọt lên trời, thông thả tiến lại gần trại giam.

Bảy-hai cúi xuống nhìn. Con hổ vẫn nằm yên một chỗ, không nhúc nhích. Y bắt đầu lo sợ cho tính mạng người kia. Mỗi thù, y vụt quên để chỉ nghĩ tới tai nạn xảy đến cho kẻ đồng loại do một loài khác, một loài tàn ác gây nên. Lòng trắc ẩn, tình nhân đạo đến với y một cách tự nhiên, một cách ngẫu nhiên. Y không luận lý nữa, không cân nhắc nữa, chỉ tìm cách cứu sống một con người,

thoát khỏi nanh vuốt một con vật. Ánh sáng đã xuống hết giấc và sắp rẽ vào con đường vòng quanh trại, để đi thẳng đến chòi canh của y. Ở chân thang, con hổ vẫn nằm im, đuôi se sẽ đập sườn như báo cho biết rằng nó không ngủ và có lẽ đã sửa soạn để về cái môi ngon lành đang tiến lại gần. Bị hàng dậu nửa cao che khuất. Bảy-hai không nhìn thấy lửa sáng đèn bấm nữa, nhưng y đã thoáng nghe rõ tiếng lạo xạo xa xa của bước chân trên sỏi và cát. Chỉ vài phút nữa... Y hoảng hốt vội thét:

– Đứng lại! Có hổ đấy!

Rồi vừa rướn mình nhìn qua ngọn hàng rào nửa, y vừa tiếp luôn:

– Có Hổ! Hổ! Hổ!

Lúc cúi nhìn xuống thì con hổ đã

biến đầu mất. Đẳng xa tiếng chân chạy mau và nặng. Ngay lúc ấy, cả trại giam xôn xao huyền náo.

– Cái gì thế?

– HỒ! Lời đáp của Bảy-hai từ trên chòi ném xuống.

– Hồ à!

– Hồ các anh ạ!

– Hồ đâu?

– Nó đâu?

Anh em nhốn nháo chạy cả ra sân, lại gần chỗ canh góc Đông Bắc.

Có hồ thực à Bảy-hai? Tài hỏi, vì đã nhận được tiếng người lính quen.

– Lại chả thực!

– Nó đâu?

– Nó đi rồi! Nó nằm gần nửa tiếng đồng hồ ở ngay chân thang.

– Nó rình bắt lợn của căng rồi, vì chỗ ấy sát ngay bên chuồng lợn.

– Thế sao không bắn? Súng không có đạn à?

– Có nhưng không dám bắn vì sợ tiếng nổ làm náo động cả trại bị tù thì có mà bỏ mẹ!

– Bị gì thì bị chứ mấy khi gặp mỗi ngon thế, mà đi bỏ lỡ. Rõ đáng tiếc!

– Tiếc à! Cu cậu sợ co rúm cả chân tay lại rồi còn bắn với biếc gì.

Câu khôi hài của Hải làm ai nấy phá lên cười và Bảy-hai đáp lại tức tối:

– Xừ nào sở siên moa thế hử?

– Không phải tôi sở siên anh đâu, anh Bảy-hai ạ. Nhưng sự thực là thế. Tôi đi bắn đã nhiều, giết có tới vài chục hươu nai mà tôi cũng xin thú thực rằng giá có gặp hổ vị tất tôi đã dám bắn. Nói vụng các ngài chứ các ngài oai linh lắm! Đến rào vườn Bách thú nhìn các ngài đi đi, lại lại trong chuồng, cũng đã thấy ròn rợn rồi còn nói chi bắn ngài nữa.

Ai nấy lại cất tiếng cười, và lần này cả Bảy-hai cũng góp vui.

– Thực thế đấy, các anh ạ, Hải kể tiếp. Tôi có người bạn ngồi rình hổ ở trong một gian nhà, qua cái cửa sổ có chấn song sắt kiên cố. Lúc hổ đến anh ta giương súng ngắm bắn, nhưng thấy nó đi đi lại lại oai nghiêm dưới ánh trăng mờ, anh ta sợ hãi mướt mồ hôi, rồi ngắt

đi, đá cả ra quần. Tỉnh dậy thì con hổ đã đi mất. Các anh thấy chưa, ở trong một nơi vững chắc như thế, và dù có bắn hụt cũng không nguy đến tính mạng thế mà còn không đủ can đảm mỗ cò đấy, hướng hồ là đứng trên cái chòi mỏng manh ọp ẹp kia.

Cười lại nổi, làm âm ỹ cả đêm khuya thanh vắng và giá lạnh.

– Ông đội có vào trong cãng không, các anh?

– Không. Sao?

Anh em ngờ ngác không hiểu vì sao Bảy-hai lại hỏi một câu lạ lùng như thế. Nhưng Bảy-hai chỉ đáp lại sự ngờ ngác của anh em bằng một nụ cười bất tuyệt.

TÂY XÔNG NHÀ

ĐẾN năm 1930 ở Ninh Giang, tôi đã được Tây xông nhà. Người Tây đó tên là Heineshilk – ấy là tôi theo vần đọc mà viết ra, chứ tôi cũng chưa trông thấy tên hắc trên giấy bao giờ. Theo lời đồn hắc là một người Áo can án tử hình bỏ trốn sang nước Pháp xin đăng lính «Lê dương» đi Maroc dự chiến. Mãn hạn hắc nhập Pháp tịch và được bổ đi coi một đồn lính khổ xanh.

Nếu muốn tìm một kiểu mẫu tiểu nhân, thì hẳn thực là một người hoàn toàn. Đối với dân gian, hẳn hống hách, đàn áp, bóc lột, chuyên chế như một ông vua chuyên chế. Trái lại, đối với ông Sứ hay ông Giám binh thì hẳn quy lụy, nịnh nọt, đút lót, trung thành như một tên trung thành với chủ. Nhờ đó mà hẳn thăng chức rất nhanh chóng và được đổi về đồn quan trọng này, kiêm chức quyền Đại Lý Ninh Giang.

Quan đại! Hẳn sung sướng khi nghe người ta chào mình bằng hai tiếng Việt Nam ấy. Có việc gì vào tòa mà kêu hẳn là *Monsieur le délégué* thì thế nào cũng xong tuy nếu việc phải mất tiền thì vẫn mất tiền như thường.

Vô phúc cho ai không biết, đi kêu đúng chức hẳn: «*Monsieur le chef de poste*» hay tôn hẳn lên «*Monsieur l'Ins-*

pecteur» nữa! Một là hấn im lặng không đáp, rồi sau này tìm cơ hội báo thù. Hai là hấn hét inh lên làm mình mất thể diện trước mặt mấy viên thư ký của hấn.

Về chữ Đức hấn học đến bậc nào tôi không rõ. Nhưng về chữ Pháp thì tôi đã may mắn được đọc văn của hấn.

Vào dịp khánh thành nhà thương mới, ông y sĩ ở Ninh Giang chẳng hiểu vì lười hay vì có gì, có nhờ tôi thảo hộ bài diễn văn. Bài diễn văn ấy phải đem trình «Quan đại» để ngài kiểm duyệt. Vì thế mà tôi được đọc một đoạn hấn thêm vào. Đó là những lời tán tụng quan chánh sứ, quan phó sứ, quan lục lộ...v.v... mà tôi đã vô tình bỏ rơi. Tới đây tôi lại vô tình mỉm cười khi xem thấy văn pháp lính tây của quan đại. Nói chi những chữ viết sai, đến những meo mực thông thường sơ cấp nhất quan cũng «măng phú».

Cái mỉm cười ấy và lời khen kín đáo của tôi được hân hạnh lọt tai quan. Và phải biết! Cái tức giận, cái căm thù của quân dốt, nhất quân dốt ấy lại là một quan «Cai trị», một quan đại lý hách dịch, oai quyền như một vua con. Cái căm thù ấy càng cố nén lâu bao nhiêu thì khi bùng ra càng mãnh liệt bấy nhiêu.

Ai đã đọc tập truyện ngắn của Dau-det hẳn thấy cái móng bồ của con La dữ dội đến bậc nào, sau bảy năm sửa soạn để chờ ngày thi hành.

Viên đại lý của tôi không kiên gan bằng con La. Hắn chỉ chờ đến hôm mồng một Tết Nguyên Đán để đem ra thi hành cái móng bồ của hắn. Nhưng dù thế cái móng bồ của hắn vẫn chẳng kém cái móng bồ của con La về phần mãnh liệt cũng như về phần hiểm hóc.

Tối hôm mồng một Tết ấy, giữa lúc chúng tôi đương xum họp vui cười xung quanh bàn bát với gia đình thì một người lính cảnh sát lên gác nói cho chúng tôi biết có «quan đại» đến.

Quan đại đến? Tôi kinh ngạc tự hỏi: «Đến chúc Tết mình chẳng?» Tôi thừa biết hắn ta chẳng ưa gì tôi, tôi lại nhớ về mặt hăn học của hắn khi hăn liếc nhìn tôi. Nhưng gặp nhau ngoài đường đôi bên vẫn tươi cười chào nhau như hai người bạn sơ «Bonjour monsieur le délégué!» – Bonjour monsieur G!» Vậy thì hăn có thể nhân dịp Tết Nguyên Đán đến chúc mừng mình lắm, cũng như vào dịp Tết Tây dân phố đến chúc mừng hăn vậy.

«Mà hăn đến chơi mình vào giờ này (9 giờ tối) có lẽ để đôi bên hàng phố khỏi thấy sự hạ mình của hăn đi chúc Tết một người Việt Nam?».

Tôi chưa kịp nghĩ dài thêm đã bùng tỉnh ngộ. Vì người lính chờ mãi không thấy tôi trả lời liền tiếp:

– Thưa ông, quan nói nếu ông không bằng lòng để quan khám ngay tối hôm nay thì sáng mai quan đến sớm cũng được.

Chết chưa! Thì ra quan đến khám nhà! Mà lại khám nhà vào giữa hôm mồng một Tết! Các bạn của tôi đã thấy cái móng bõ của «Quan đại tôi» hiểm độc thế nào chưa? Chùng ngài biết – hoặc có kẻ xui ngài điều ấy - ngày đầu năm người Việt Nam mình sợ rông, không muốn một sự không may gì xảy ra. Mà sự khám nhà thì cố nhiên là một sự không may rồi! Các bạn hăn cho rằng tôi tức uất lên phải không? Không, tôi chỉ tức cười thôi, và quả nhiên tôi phá lên cười vui vẻ mà trả lời người lính cảnh sát:

– Ai lại đi làm phiên quan phải trở lại một lần nữa như thế. Ông xuống mời quan lên cho, để tôi ở trên này sửa soạn đón tiếp ngài.

Trong khi người lính bước xuống thang gác, các em gái tôi cuống quýt, toan thu xếp bài lại. Tôi vội ngăn cản:

– Không! Cứ để y nguyên! Thu dọn đi, nó sẽ cho rằng mình sợ cái oai nó. Thế nào người lính cảnh sát chẳng báo cho nó biết chúng mình đang rút bắt.

Một lát sau, lão đại lý, trong bộ trào phục đầy kim tuyến, cao lớn, sừng sững hiện ra trước ánh đèn măng xông. Theo sau hắn là viên Tri Phủ Ninh Giang với cái bài ngà chức tước vừa tô son lại, lủng lẳng trước ngực. Theo sau viên Tri Phủ là viên thông ngôn tòa đại lý, cặp mắt hấp háy chớp trong đôi mục kính cận

thị. Theo sau viên thông ngôn là hai viên cảnh sát với cái bao súng lục oai nghiêm đeo bên sườn.

Lão đại lý tươi cười đáp lại cái chào của tôi:

– Tôi đến khám nhà ông vào giờ này là trái pháp luật, vì thế tôi đã cho hỏi xem ông có bằng lòng không đã rồi mới lên. Nhưng ông nên hiểu cho rằng tôi làm thế là vì có lòng tốt đối với ông. Vào giờ này dân phố đều đã ngủ cả không ai biết nhà ông bị khám. Chứ giữa ban ngày thì người ta xúm lại bàn tán và như thế ông sẽ mất thể diện nhiều lắm.

Tôi mỉm cười cảm ơn cái nhã ý của quan đại... và quan Phủ, tôi nói thêm và quay lại nhìn cái ông quan có vẻ mặt lạnh lùng, bình thản như không từng quen biết tôi dù chủ nhật nào ông ta cũng mời

tôi vào phủ đánh tổ tôm với «Cụ cố».

– Chà các người đánh bạc! Ông đại bắt đầu.

– Phải, đó là một bàn bạc gia đình để mua vui trong dịp Tết. Đây xin giới thiệu ông T. em giai tôi, ông M. cũng em giai tôi, ông B. em rể tôi. Còn đây bà T. bà M. bà B. và vợ tôi.

Tôi gắng hết sức để giữ bình tĩnh nhưng tôi vẫn tự thấy tôi làm sao ấy. Các bạn cũng hiểu cho rằng khi người ta cố nén lòng căm tức thì người ta khó mà tự chủ được cử chỉ ngôn ngữ của mình.

– Thôi cũng được, ông đại tiếp, nhưng bắt đầu từ ngày kia mà đánh bạc thì sẽ bị bắt giam.

Rút lời hăn quay sang hất hàm hỏi ông Phủ:

– Có phải thế không quan Phủ?

– Bẩm chính thế, thưa quan Đại. Bây giờ thì chúng ta đi làm bốn phận của chúng ta.

Việc bốn phận của họ là rút hết ngăn kéo ra, mở hết các tủ ra, lục tung hết các sách vở, quần áo vứt tứ tung ra đầy sàn gác. Khi vớ được mấy tập ảnh của tôi, mắt lão Đại Lý sáng rực lên sau đôi kính cặp mũi:

– À! tôi biết, ông là một nghệ sĩ về nhiếp ảnh. Hẳn ông có đủ các ảnh kỷ niệm gia đình.

Vừa nói, hắn vừa mở vừa chăm chú tìm tòi. Rồi hắn thì thầm hỏi ông phủ:

– Ông có biết mặt nó không?

– Thưa không.

Lão Đại Lý lắc đầu chán nản. Bỗng hắn quay phắt về phía tôi sừng sộ:

– Ông biết tôi tìm ảnh ai không?

– Không, tôi biết sao được.

– Thôi ông đừng vờ. Ảnh tên C... đâu, ông phải trả ngay cho tôi biết nếu không tôi sẽ có cách.

Tôi thừa hiểu bọn thực dân đương đi lùng kiếm ảnh của C... một nhà cách mạng quan trọng, người vùng này. Nhưng tôi cũng hỏi:

– C. nào thế, thưa quan đại?

– C. nào? Ông muốn biết C, nào à? C. trưởng ban ám sát của cái đảng mà ông rất quen thuộc. Không những tôi biết ông có ảnh của C, mà tôi còn mới được tin hắn trốn về đây ăn Tết với ông nữa kia.

– Vậy xin ông cứ lục lợi khám xét thực kỹ có hay không thì ông sẽ rõ.

– Ông nói lý với tôi, phải không? Ông nên biết: những ý tưởng bài Pháp, chống quan lại của ông chỉ sẽ đưa tai hại đến cho ông. Rồi ông sẽ thấy.

Tôi đã thấy. Tôi đã thấy rằng trả lời hăn chỉ là một việc mất thì giờ vô ích, mà lại thêm khó chịu cho mình và cả cho hăn. Từ đấy tôi chỉ lạnh lùng im lặng đứng chứng kiến việc lục lợi khám xét hoặc mở khóa rương nọ, ngăn kia. Trong khi ấy thì M, miệng ngậm cái «pip» thuốc lá to tướng, thản nhiên đi đi lại lại trong căn phòng như con hổ trong cũi sắt trên vườn bách thảo.

Mãi đến 12 giờ khuya việc khám nhà mới xong. Bọn «nhà nước» ra đi, để lại cho chúng tôi mấy gian phòng tung tóe,

bữa bọn như vừa bị giặc cướp đến phá phách.

Mấy anh em chị em lặng lẽ nhìn nhau. Bỗng tôi phá lên cười bảo vợ tôi:

– Thôi năm nay thì tha hồ mà rông!

Và ai nấy đều vui vẻ cười theo. Em gái tôi trách tôi:

– Ai bảo anh cứ trêu tức nó, khiêu khích nó vào.

Có chẳng từ hôm ấy mới bắt đầu một chương trình khiêu khích của tôi. Tự nhiên tôi trở nên một nhà viết báo để thỉnh thoảng gửi bài đăng chơi trên báo Annam Nouveau hay Trung Bắc Tân Văn. Trong những bài vớ vẩn ấy tôi không hề đả động tới lão đại, nhưng mỗi lần thân ra nhà Bưu Chính gửi thư, tôi lại vui sướng và hóm hỉnh nhìn đùa lão chủ

sự để nghĩ thầm: «Thế nào chốc nữa thầy trò chúng mày chẳng mở thư của tao ra xem trước!»

Và cũng từ hôm ấy dân phố Ninh Giang nghiêm nhiên thấy tôi trở nên tay kình địch ghê gớm của «Quan đại». Cuối năm ấy tôi bỏ nghề buôn để theo nghề văn. Các bạn đã thấy sự khám nhà đầu năm rông đến bức nào và cái móng bồ của một con La thuộc địa có công hiệu phá hoại đến bức nào chưa?

(Việt Nam, số Tết Bính Tuất - 1946)

(*) Truyện ngắn “Tây xông nhà” tác giả viết vào cuối năm 1945 và đăng trên nhật báo Việt Nam, số đặc biệt Xuân Bính Tuất - 1946 Khổ giấy 100 x 65 gấp làm 8 trang lớn. Do họa sĩ Nguyễn Gia Trí

minh họa. Bìa cũng cùng loại giấy báo, vẽ cảnh «Chó Xuân Bính Tuất» giữ nhà: dân Sirie và Libăng kháng chiến chống Pháp thực dân xâm lược, quyết dành độc lập. Nội dung tờ báo đều do các anh em VNQDD và thân hữu viết như Đỗ Tốn, Vũ Hoàng, Phạm Cang, Nguyễn Văn Bảng, Nhượng Tống, Nhất Linh và Khải Hưng v.v...(NTK - 10, 1997)

QUAN CÔNG SỨ

Ngày vui nhất ở trại giam Vụ Bản là ngày phát thư, mỗi tuần lễ một lần. Cái vui âm ỹ, huyền não, công cộng chứ không phải cái vui kín đáo âm thầm, riêng biệt của những kẻ xa nhà nhận được tin tức những người thân thích.

Người lính trạm, lưng đeo cái túi vàng bao giờ cũng được anh em chào mừng bằng một tiếng hoan hô, trong khi y leo con đường dốc lên đồn, qua hai quả

đôi cở tranh có anh em làm việc. Mấy người mắc bệnh tê, lưu lại trong trại ngồi phơi nắng trên mặt bể, vội đứng dậy rướn nhìn qua ngọn rào nửa nhọn, mỉm cười. Bắt đầu từ giờ ấy, hơn trăm trái tim hồi hộp mong chờ...

Tiếp đến giờ nghỉ, anh em về trại giam, quên cả rửa mặt, rửa tay, ai nấy dăm dăm nhìn sang phía cổng đồn.

– À! Kia rồi!

Đó là lão đồn già và ông quản sang điểm lại số tù nhân, và cố nhiên mang cả thư sang phát. Ông già cao lớn lực lưỡng tóc bạc như tơ dựng lên trước gió, mỉm cười ranh mãnh nhìn khắp mọi người, trong khi ông quản thân hình lùn mủn, giờ ngón tay trở lấm nhấm đếm.

– Com-bờ-lê, me sừ sếp-đờ-pốt.

Tức thì «Me-sử sếp-đờ-pốt» mở cái cặp bì ra gọi tên hay gọi sẽ từng người có thư, để đưa cho một hoặc hai cái phong bì đã mở. Mỗi khi gặp có lời chú thích ghi trên phong bì, y đều không quên bình lên cho anh em cùng nghe để mà cùng cười: «Kiểm duyệt một trang, vì gia nhân đã đụng chạm tới tình hình Hà Nội». «Số... sẽ phải bảo người nhà không được viết dài quá». «Vợ số... làm gì mà gửi cho chồng những ba cái thư một lúc. Bị gửi trả lại một cái...v.v...»

Những lời phê bình ấy toàn là thủ bút của ông Công Sứ Hòa Bình tự kiểm duyệt lấy tất cả thư tín vãng lai giữa bọn tù chính trị Vụ Bản và những thân thích bạn bè của họ. Ở ngoài phong bì, lời văn còn bình thường, chứ ở ngay trong thư thì mới thực là những công trình văn chương kiệt tác về phương diện triết lý

nghiêm trang cũng như về phương diện khôi hài trào phúng. Người ta cho biết rằng bao giờ «Quan» cũng kiểm duyệt thư từ về đêm trong khi quan nằm mơ mộng bên cạnh cái khay đèn thuốc phiện. Thực vậy, phải có tinh thần sáng suốt của một đồ đệ ả Phù dung mới nghĩ ra được những lời cảm tú.

Chính vì thế mà cái vui nhận thư nhà bao giờ cũng âm ỹ, huyền ảo: Anh em đem những lời «Quan» phê ra phê nhau để mà cùng cười.

– Nghe đâu hấn là một người Tây lai. Không, hấn lại có một phần ba Việt Nam, vì bố hấn là «Pháp chính tông», chỉ mẹ hấn lai thôi. Thế thì một phần tư chứ một phần ba Việt Nam thế nào được.

– Một nửa, một phần ba, hay một phần tư thì cũng là lai, chứ còn gì nữa.

– Tôi muốn gặp thằng cha ấy quá, để xem mặt mũi nó thế nào mà nó láu cá láu tôm, nghịch ngợm đến thế.

Anh em đến Vụ Bản được hơn một tháng rồi mà y vẫn chưa về, tuy đã ba lần lão đồn già báo cáo cái tin quan Công Sứ sắp tới thăm trại giam, khiến lá đơn thảo ra để yêu sách điều nọ điều kia nằm ẹp mãi trong cái cặp da của anh trật tự. Sự mong mỏi đã làm sốt ruột nhiều người, và họ đã thốt những lời nguyên rủa, oán trách. Nhưng trong khi ấy thì thư tín vẫn đều đều tới đúng kỳ hạn và vẫn kèm thêm những lời phê phán, soi mói, có duyên.

– Thằng cha ý chừng là một văn sĩ trào phúng các anh ạ.

Tài, cười ngặt nghẽo, đưa ra phô một cuốn tiểu thuyết chữ Pháp mà y vừa nhận được với một câu Pháp văn an ủi

để trên đầu sách của người bạn Hà thành gửi tặng. Câu văn cầu kỳ và kém cỏi ấy được tăng giá trị và khiến người ta lưu ý cho một chữ «lu» vẫn tắt, dưới ký tên người phê, với dòng chúc tước «Công Sứ nước Pháp tại Hòa Bình». Và Tài, giải thích, Tài, mà lão đồn già mệnh danh là «Nhà triết học số một», và yên trí rằng trong đầu óc chứa đầy những tư tưởng nguy hiểm cho nền thống trị thực dân:

– Nó chửi chữ đấy, các anh ạ. Nó để thế là nó muốn bảo thăm ông bạn tôi rằng nó đã đọc kỹ cái dốt và cái ngông của người tặng sách. Thằng cha này bất trị!

Tiếng cười thét lên ồn ào. Ở cái nơi thiếu tự do ấy, người ta rất thích có những ngôn ngữ cử chỉ tự do. Và người ta xúm nhau lại đem cái anh chàng tặng sách ra làm thịch:

– Thì sao không dùng ngay chữ Việt mà lại đi viết chữ Pháp để nó chế điều vào mặt cho.

– Rõ sính chữ mà lại sính chữ không ra hồn! Đọc xong tiểu thuyết, gửi trả về cho nó xem!

Ai nấy lông lên để nói một câu ác nghiệt cho hả đôi chút cái khổ bị giam cầm. Họ như lúc nào cũng chỉ chờ dịp để được trút cái giận, cái tức lên một cái gì.

Từ đó người ta lại càng nóng lòng muốn gặp mặt nhà kiểm duyệt phê bình thư tín.

Rồi khi không ai nghĩ đến y nữa thì bỗng một hôm y về, về bất thành lĩnh không báo trước, mà y cũng không một ai ở trại giam biết y về lúc nào, vì không thấy có ô tô lên dốc đồn.

Buổi chiều, trước giờ kèn nghỉ việc, anh em đã được về trại để đón tiếp quan Công Sứ. Có người ngơ ngác hỏi:

– Ông ta về lúc nào?

Một người lính đáp:

– Cụ lớn về lúc mười một giờ nhưng ô-tô phóng thẳng tới dinh quan Châu.

– Sao lại không đến đồn trước nhỉ?

– Đến Châu để còn hút chứ!

– Nghe đâu ông ta cũng không ưa gì lão đồn già.

Lại được một dịp cho dân trại giam bàn tán. Nhưng họ cũng sửa soạn cuộc đón tiếp cho được long trọng: Quét qua cái nhà, xếp lại đồng củi, vắt gọn cái màn. Rồi sau khi thay mặc những bộ quần áo

sạch sẽ, tươm tất, họ ra đứng xếp hàng ở sân.

Một nửa giờ mong đợi. Một tiếng đồng hồ ở cổng. Tiếng rít hãm máy xe. Rồi cổng trại mở. Im lặng, mặt đỏ gay, miệng mỉm cười, quan Công Sứ tiến vào, theo sau là lão đồn già, ông Tri Châu, ông Bác Sĩ và ông Thương Tá Hòa Bình. Đó là một người trung bình đối với dân bản xứ, nhưng bé nhỏ đối với các quý quan. Đôi mắt lơ lơ xanh, cặp môi mỏng dính và cái mũi rất lõ thuộc dòng cha, nhưng mớ tóc đẹp hung hung đen thì không thể không Việt Nam được.

Sau mấy lời giới thiệu của lão đồn già, anh trật tay cầm lá đơn tiến lên, đi lại gần ông chủ tỉnh. Bỗng toàn thể anh em trong trại như bị một gáo nước lạnh dội vào gáy. Cái cử chỉ và lời nói thứ

nhất của người Pháp lai đã cắt phứt ngay mỗi cảm tình gây ra bởi những lời phê có duyên trong các lá thư. Y xòe bàn tay xua anh trật tự ra và vẻ mặt nghiêm khắc y nói:

– Anh nên biết rằng anh đương đứng trước mặt quan Công Sứ.

Câu nói trịnh trọng, Khanh thấy ngụ một ý nghĩa khôì hài, và y bấm người đứng bên cạnh mỉm cười thầm: “Hay hẳn lại điều cốt đùa bốn bọn mình như hẳn vẫn làm trong công việc kiểm duyệt phê bình thư?”

Nhưng không, hẳn không bốn cợt, vì hẳn đã cất cao lời diễn thuyết:

– Hỡi các tù nhân, các anh có biết không, các anh nhỏ mọn quá! Tôi là người thông minh hơn các anh, nhiều

học vấn hơn các anh, lại con nhà quý phái hơn các anh nữa, tôi bảo cho các anh biết rằng các anh chỉ là những đứa trẻ nhỏ mọn....

Bài diễn văn, trong nửa tiếng đồng hồ, kéo dài một giọng gay gắt mỉa mai như thế để kết luận rằng:

– Toàn trại sẽ bị phạt nửa tháng không được gửi thư về nhà, vì trong khi quan Công Sứ đi dưới đường thấp có mấy kẻ đã dám ngồi vắt vẻo trên ngọn thang vô lễ nhìn xuống...

Đọc xong bài diễn văn, ném xuống cái lệnh phạt, viên cai trị quên cả bản yêu sách của trại giam, hăm hăm bỏ sang đồn, đem theo đoàn quan chức rầm rộ kéo đi.

Thoạt đầu, trại giam như thốt nhiên bị một làn không khí độc là xuống bao phủ. Ai nấy thần thờ ngồi im. Có người như lên cơn điên xé nát bức thư vừa viết ra: “Nó không cho phép gửi thì để làm gì. Chó thật! Ngày mai là ngày thư!” Chính cái cử chỉ cái kinh ấy đã làm anh em hết buồn và đồng thanh phá lên cười vui thú. Họ cười to quá, khiến chú 13 canh cổng phải vào can thiệp:

– Se sẽ chứ các ông, cụ lớn mà nghe thấy thì chết cả nút bây giờ!

Anh em đáp lại bằng dịp cười nữa. Và một người giọng như say rượu lè nhè:

– Cụ lớn à? Cụ lớn anh lớn lắm đấy! Chúng tôi bé nhỏ bì sao kịp!

Lịnh lên giọng tây nhại đoạn diễn văn: “Các anh nhỏ mọn quá! Tôi thông

minh hơn, nhiều học vấn hơn, lại con nhà quý phái hơn”. Lại một dịp cười nữa. Trại giam trở nên tấp nập, ồn ào như một ngày hội. Và trong lúc người ta vui thú, người ta quên khuấy cái thất vọng chưa đạt được một yêu sách nào. Nhưng cuộc vui nào cũng có giới hạn và rồi người ta cũng nghĩ đến cái điều thắc mắc. Ý cái anh chàng đa nghi và nhát gan bao giờ cũng tìm ra một nguyên nhân tưởng tượng cho bất cứ một việc gì.

– Tôi đã bảo các anh rằng phải đem bản yêu sách trình ông đồn đã, các anh không nghe, quả nhiên nó xui xiểm lão Sứ trị mình.

– Trị thế quái nào được mình!

– Rồi gửi thẳng bản yêu sách ấy cho Sứ.

– Nếu không ăn thua thì hôm nào người nhà lên nhờ đem về Hà Nội gửi cho thằng Sứ. Cho Toàn Quyền nữa ấy!

Một người thốt ra một câu trách móc:

– Chỉ tại mấy anh đi leo lên ngọn thang ngồi nhìn xuống nó.

– Ai đấy? Ai mà vô lý thế nhỉ?

Linh gắt:

– Ai thì việc cũng đã rồi. Nó đã muốn tìm có để ra oai với chúng mình thì chẳng có có ấy nó cũng có một có khác. Nguyên nhân việc này không phải ở cái thang mà ở chỗ khác, các anh có biết không: nó ngờ bọn mình tuyên truyền rủ rê đội, cai và binh lính ở đây.

Câu chuyện lại xoay chiều tới viên

đội trẻ và những bữa rượu thơ trong rừng củi để rồi lại quay về cái thang leo.

– Anh Năm chuyến này thì đi Sơn La! Nó hỏi ai làm cái thang ấy, tưởng nó khen nhận ngay lấy công thôi. Để nó mĩa mai cho.

Một người không hiểu tiếng Pháp hỏi:

– Nó mĩa thế nào đấy?

– Nó bảo anh này thích những cái cao rồi sẽ làm đến thượng thư đấy.

Anh em lại cười:

– Sao không trả lời nó rằng chỉ ao ước một chức be bé thôi. Chức Công Sứ Hòa Bình chẳng hạn.

Đêm hôm ấy, sau khi bị nhốt trong ba gian phòng chật hẹp, anh em dong

nến tụ họp từng nhóm nói chuyện rất khuya về ông Công Sứ Hòa Bình, mặc kèn tắt lửa và mặc những lời đe dọa của người cai trại đi «rông».

Theo Tài, người được toàn thể lính đồn quý mến và luôn luôn cho biết những tin quan trọng thì sở dĩ hôm nay lão Sứ bản tính là vì hấn ta đương khó chịu với ông Cố Đạo về một chuyện kiện cáo thuốc sái gì đó. Anh em có ngay cảm tình với nhà tu hành ấy vì thấy là địch thủ đáng sợ của ông Sứ. Ai biết một bí mật gì về hai cừu nhân đều đem ra kể cho mọi người nghe. Rồi chẳng thêm giữ gìn như mọi tối khác, họ phá lên cười từng cơn.

– Một đoạn thiên của Maugham, các anh ạ, Tài tuyên bố.

Và Khanh tiếp:

– Nhan đề là ông Công Sứ và ông Cố Đạo.

– Không, nhan đề là “Tôn giáo và Cai trị”.

Lịnh chữa:

– Không, là ảnh hưởng khói thuốc phiện! Cũng chưa ổn, phải là một nhà cai trị khôi hài...

Y lại gần thì thầm:

– Thằng cai gác là mật thám của Sứ đấy, các anh nên be bé cái mồm chứ.

Ai nấy giận dữ cự lại cái anh chàng nhát như cây ậy:

– Im ngay! Anh sợ nó thì đi ngủ!

– Nhưng các anh làm liên lụy đến cả trại...

Tiên, người chỉ hùng hổ những khi biết mình mạnh cánh, đe dọa một câu làm y lảng ngay:

– Câm cái mồm! Không tao đánh bây giờ!

Câu chuyện tiếp tục đến quá nửa đêm trong làn không khí nặng nề đầy khói, vì để phản đối lại bọn cai trị bất công, anh trật tự tháo khoán một đêm nay và cho phép anh em hút thuốc lá thả cửa.

Sự xảy ra đặc biệt ấy làm hoạt động trại giam được mười hôm. Rồi người ta cũng quên nó đi, nhất là cái lệnh phạt gửi thư lại được thu ngăn từ nửa tháng đến một tuần. Nhưng hình ảnh ông Công Sứ thì không thể phai nhạt được trong ký ức mọi người, mỗi khi họ ngâm nga những

lời phê trong thư vẫn đều đều và hóm hỉnh như trước.

Cách đó ít lâu, trong khi không ai mong đợi, viên Công Sứ lại về thăm trại, lần này cùng đi với vợ, một người đàn bà lai, bé nhỏ xinh xắn, vẻ mặt rất thông minh, và một thằng con bảy tám tuổi, đầu tóc chải mượt và quần áo bảnh bao. Cũng như lần trước, Y đi thẳng tới Châu để ăn cơm sáng ở đấy. Rồi mặt đỏ gay sắc rượu, Y cùng vợ con, và tùy tùng rầm rộ kéo sang trại giam. Một sự lạ!

Y thay đổi hẳn tính nết, rất nhũn nhặn chứ không kiêu căng nữa, lần lần thân mật nói chuyện với người nọ người kia và thốt ra những câu khôi hài vui vẻ làm ai nấy không nhin cười được.

Tài ghé tai người đứng bên thì thầm:
“Có lẽ nó điên! Hay vì ngài vừa chén say,
hút no, nên ngài khoái”.

Điều đoán phỏng ấy bị cải chính
ngay bằng sự trao thư từ và các gói quà
kèm thêm một lời ân cần của viên Công
Sứ:

– Nhân tiện tôi mang về cho các anh
các thư này, tuy hôm nay chưa phải là
ngày phát thư.

Thì ra hẳn có lòng tốt từ trước khi
say.

Nhưng đã hết đâu: Bất cứ một yêu
sách gì vừa nêu ra là được chuẩn y ngay,
khiến lão đồn già phải can thiệp phản
đối nhiều lần.

Sau khi đoàn công chức ra đi, anh
em reo mừng. Một anh lắc lư cái đầu,

đọc câu sấm Trạng Trình: “Bất chiến tự nhiên thành, các anh ạ!”.

Đêm hôm ấy là đêm đầu tiên dân trại được ngủ mở cửa theo lời yêu sách và người ta dắt tay nhau đi chơi quanh sân rất khuya dưới ánh trăng thượng tuần để tán dương cái tính ngộ nghĩnh khó hiểu của một viên cai trị thuộc địa.

– Đó là kết quả của ảnh hưởng nước độc và thuốc phiện!

Câu phê bình ấy của Linh vẫn không giảng giải được sự thay đổi bất thành hình kia.

Cho tới một ngày gần đây, một tin dữ dội bay về với trại giam: Viên Công Sứ bị giáng, và đổi đi nhậm chức phó Công Sứ ở một tỉnh Trung Châu. Tin ấy cho biết thêm rằng trong một lúc nóng

tiết và mất hẳn trầm tĩnh y đã thẳng tay tát một ông chủ đồn điền người Pháp giàu có và mạnh thế lực ở trước mặt ông Thanh Tra chính trị lên Hòa Bình điều tra về việc tranh ruộng giữa người Pháp ấy và dân Mường. Thì ra có lẽ y mắc bệnh thần kinh, cái bệnh truyền nhiễm rất thông thường trong giới cai trị thực dân. Ông Thanh Tra tức giận bỏ ra đi, và ngày hôm sau ông Công Sứ bị gọi về Hà Nội. Từ đó dân trại giam Vụ Bản mất hẳn cái thú đọc những câu phê bình hóm hỉnh và khôi hài của người Pháp lai, vụt trở nên, sau vụ giáng chức, một người “Dễ thương” của anh em chính trị phạm.

CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG

KỊCH MỘT HỒI

Nhân vật : Quang, Khanh

Phòng riêng của Khanh.

KHANH (ngồi đánh cờ một mình. Trên bàn sách, giấy bề bộn. Bàn cờ để trên một cái ghế đầu Khanh, cặm cùi suy tính nước cờ): – Hừ! Nhảy con mã thấp quá chừng... Bỗng dưng làm ngòi cho pháo của nó ...

NHỎ: (Vào) – Báo đây ạ.

(Để báo trên bàn rồi ra).

KHANH: (xóa bàn cờ) – Thôi chịu thua. Chốc gỡ! (cầm báo mở tìm) Đây rồi! (cúi đầu lăm nhăm đọc, nói) Một con vật vừa ở nước vừa ở cạn dài mười một chữ!... Thế là con gì?... À phải rồi. (Cầm bút ký hoáy viết, bỏ bút nghĩ ngợi... tra tự điển...) (Quang vào đứng ngấm mím cười, trong khi ấy Khanh vẫn cặm cụi làm việc).

QUANG: – Làm gì thế?

(Khanh ngừng lên bẽn lẽn và thu xếp báo, giấy bút lại).

KHANH: – Mời anh ngồi chơi.

QUANG: – Đương viết văn đấy à?

KHANH: – Viết lách gì đâu. Đương tìm chữ ô đây.

QUANG: (Cười) – Giời đất này mà đi tìm chữ ô?

KHANH: (Cũng cười) – Giời đất này mới đi tìm chữ ô, chứ giời đất khác đã chả đi tìm chữ ô. À này! Báo người mình xoàng quá, có mỗi một tờ Chính Nghĩa ra được vài kỳ chữ ô rồi tịt. Làm tôi cứ phải mua báo Pháp về tìm chữ ô Pháp vậy. Mỗi tờ tuần báo Pháp đấy, anh coi, tôi có thèm đọc đâu, tôi chỉ xem có mỗi một mục chữ ô. Làm xong bảng chữ ô, là tôi xếp lại. Anh tính còn có cái gì đáng xem nữa. Mà xem để làm gì!

QUANG: – Xem để biết.

KHANH: – Biết để làm gì?

QUANG: – Biết vì tò mò.

KHANH: – Thiếu gì cái tò mò muốn biết. Chẳng hạn chữ đồng nghĩa với

ménagera và dài mười một ô mà mình lại chả tò mò muốn biết là chữ gì à?

QUANG: (Cười) – Không ngờ anh lẩn thần được đến thế. (Nhìn thấy cái bàn cờ). Anh vừa đánh cờ với ai thế?

KHANH: – Tôi đánh cờ với tôi.

QUANG: – Đánh cờ một mình?

KHANH: – Đánh cờ một mình thế mà nhiều khi gặp nước bí cũng tức uất lên đấy.

QUANG: – Nhưng đánh cờ và tìm chữ ô thị làm gì hết được ngày giờ. Cũng phải làm việc gì nữa chứ.

KHANH: – Đánh Belote nữa.

QUANG: – Cũng đánh một mình?

KHANH: – Chả đánh một mình thì

đánh với ai! Cờ thì một giũ địa vị hai địch thủ thôi, chứ Belote thì một giũ những bốn cửa, hai phe, hai mặt trận... Lắm khi phe nọ cứ là vỡ mặt ra với phe kia!

QUANG: (Lắc đầu) – Anh buồn nản lắm phải không?

KHANH: – Việc gì mà buồn nản, vui chứ. Trước kia vui vì viết văn, ngày nay vui vì không viết văn. Một nghệ sĩ thì bao giờ mà không vui, không sướng, bao giờ mà không tận hưởng. Tận hưởng cái thú làm việc cũng như tận hưởng cái thú chẳng làm gì, cũng như tận hưởng cái thú tìm chữ ô và đánh cờ một mình.

QUANG: – Không được! Không thể được! Ngày nay ta đương ở vào thời kỳ kiến thiết quốc gia. Ai ai cũng phải làm việc tận kỳ lực. Không thể coi công việc của mình như một lạc thú ở đời...

KHANH: – Cả công việc xúc tiến tới sự sinh sản tăng nhân số?

QUANG: – Anh không đứng đắn một tý nào. Anh dám coi thường cái nhiệm vụ thiêng liêng của anh, trong thời kỳ kiến thiết triệt để này. Trong khi hết thấy mọi người đều phải nhúng tay vào công cuộc xây dựng cái lâu đài Việt Nam mới bắt đầu thì một mình anh, anh khoanh tay đứng... cũng không đứng nhìn nữa.

KHANH: – Nhưng tôi khoanh tay đứng nhìn hay không nhìn đâu. Tôi cũng vẫn bận bịu như xưa. Xưa tôi viết văn thì nay tôi tìm chữ ô, đánh cờ một mình. Hai công việc ấy phỏng có gì khác nhau?

QUANG: – Tôi nhận thấy có một điều, là ít lâu nay trong làng văn chúng ta có nhiều người trở nên nhẹ dạ, khinh

bạc. Tôi không hiểu đó có phải là kết quả của cuộc đời không? Bước chân vào cuộc đời mới mẻ, các anh ngỡ ngàng, hoang mang, rồi các anh dần dần để tiêu tán mất cả chí hoạt động phấn đấu, các anh chán nản...

KHANH: (Cười) – Chúng tôi? Còn anh thì anh không ngỡ ngàng, không hoang mang, không để tiêu tán dần dần mất chí hoạt động phấn đấu? Có phải thế không? Nếu đúng thế thì điều nhận xét của anh hãy còn thiếu sót, hoặc giả anh không muốn nói hết ý nghĩ của anh. Quả có nhiều người ngỡ ngàng hoang mang, mỗi khi xảy ra một cuộc biến cải, một cuộc Cách mệnh. Nhưng vì sao mà họ ngỡ ngàng hoang mang? Há chẳng phải vì họ xông vào trong cuộc đời mới ấy. Họ như những người lính chưa tập đi bỗng lăn xả nhập ngay vào hàng ngũ một đội

quân tinh nhuệ. Thử hỏi làm gì mà họ không bỏ ngõ hoang mang? Còn anh, và một số ít người như anh có sẵn thiên tư đồng hóa, nên chẳng bao giờ bỏ ngõ hoang mang trong giây phút, rồi chỉ “một hai” vài bước là đi thẳng hàng, đồng nhịp ngay với dây người đời trên con đường đời thẳng tắp. Đối với những người siêu việt ấy thì biến một quan niệm cũ thành một quan niệm mới chỉ giản dị như bỏ một bộ quần áo mỏng để mặc một bộ quần áo dày cho ấm. Phỏng có khó gì.

QUANG: (Cười) – Anh mĩa mai tôi, tôi biết lắm. Dẫu sao sự nhận xét của anh cũng đúng đấy. Nhưng nếu anh cho rằng tôi thay đổi quan niệm dễ dàng như thay đổi một bộ y phục thì có lẽ anh nhầm. Thay đổi được quan niệm, tôi cho cũng là một việc khó khăn. Nói chi phường a dua xu thời, tôi chắc anh không nỡ đặt

bạn anh vào bọn đó, còn những người thành thực muốn theo một quan niệm mới mà họ tin chắc là hợp lý hơn, hợp lẽ sống hơn cái quan niệm cũ của họ, thiết tưởng những người ấy đã không thể không qua một thời kỳ suy nghĩ, do dự, nhút nhát, sợ hãi. Mà, nói câu này anh đừng vội giận, chính anh, biết đâu anh hiện giờ không ở trong thời kỳ đó. Biết đâu không phải vì suy nghĩ tìm tòi mãi mà anh không thấy lối ra, biết đâu không phải vì do dự, nhút nhát, sợ hãi mà anh lẩn thẩn đi đánh cờ một mình, và mất hàng giờ đi tìm một chữ dài mười một ô đồng nghĩa với chữ ménagera?

KHANH: Anh nói đúng, nhưng cũng chỉ đúng một phần nào đó. Sự thực thì tôi có do dự, nhút nhát trước khi bước vào hàng ngũ của các anh, cũng như không khi nào tôi bỏ được cái lý tưởng mà tôi

thờ phụng trong thâm tâm một khi tôi đã nhận nó là lý tưởng duy nhất của tôi. Sở dĩ tôi do dự, nhút nhát là chỉ do dự nhút nhát về một phương diện theo đuổi cái quan niệm của tôi, cái quan niệm văn chương, nghệ thuật mà bao giờ tôi cũng vững chắc tin tưởng. Luôn luôn tôi tự bảo tôi: “xưa nay mình chỉ viết cho mình, chỉ viết để thỏa mãn lòng sốt sắng muốn viết, để thỏa mãn những nhu cầu của một tâm hồn bất rứt, trong một xã hội dưới một chính thể không thích hợp với nó ...”

QUANG: (Cười) – Và nay anh không viết là vì tâm hồn anh không đòi hỏi một nhu cầu nào nữa, là vì cái xã hội hiện thời, cái chính thể hiện thời không thích hợp với tâm hồn anh. Có phải thế không?

KHANH: – Không hẳn thế. Vả tôi nghỉ viết, tạm nghỉ viết, không phải là không viết nữa. Tôi đã bảo anh rằng tôi do dự, nhút nhát. Nào có phải tôi sợ hãi gì đâu, sợ hãi ai đâu. Nhưng tâm hồn tôi muốn lắng lại để mà chờ đợi một cái gì, tôi cũng chưa biết là cái gì, nhưng chắc là một cái mới mẻ, lạ lùng, đẹp đẽ lắm, tâm linh tôi như báo cho tôi biết thế...

QUANG: (Cười) – Vì thế mà anh tạm tiêu phí thời giờ bằng cách tìm chữ ô và đánh cờ một mình. Về phần tôi, thì không thể bình tĩnh được. Tâm hồn tôi không bao giờ chịu lắng xuống để chờ đợi. Lúc nào nó cũng giương lên, réo lên như nước thủy triều. Hoạt động! Hoạt động! Chỉ có hoạt động là đáng kể! Hoạt động là sống, đợi chờ là chết. Lại điều này nữa, bao giờ tôi cũng muốn gõ cùng một nhịp với mọi người, hơn thế bao giờ

tôi cũng muốn có liên lạc giữa tôi và đại quần chúng. Trái ngược với người chơi đồ cổ đi tìm giữ những cái hiếm không một ai có, tôi, tôi chỉ thích có những cái mà ai ai cũng có, làm những việc mà ai ai cũng làm. Anh đã thấy đấy, tôi rất ghét sách quý, và dù nhà xuất bản có dành cho tôi một ít sách quý, tôi chỉ sung sướng khi đọc những cuốn sách thường, vì tôi tưởng tượng trong lúc tôi đọc, có biết bao nhiêu người cùng đọc với tôi, và có lẽ cũng có những cảm tưởng như tôi.

KHANH: (Mỉm cười, đột ngột) – Anh có đặt tin tưởng vào ba cái tính cách đại chúng, dân tộc và khoa học của nền văn chương mới không? Chắc có?

QUANG: – Có mà không.

KHANH: – Sao lại có mà không?

QUANG: – Có, là vì, dù tôi không tin, văn chương vẫn cứ phải đi vào ba con đường ấy. Không, là vì tôi cho văn chương trước hết phải là văn chương. Nếu cứ câu nệ với ba điều kiện dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa thì rồi có khi văn chương sẽ không còn là văn chương nữa...

KHANH: (Cười to nói tiếp luôn) – Mà chỉ là những thí dụ, những trình bày của sự dân tộc hóa, sự khoa học hóa và sự đại chúng hóa. Tôi không thể nhịn cười được khi nghe một... không phải một văn sĩ mà một nhà Cách mạng dạy tôi ba cái hóa ấy ngay mấy hôm sau ngày khởi nghĩa. Ông ấy lại xui tôi đăng báo để tuyên cáo với quốc dân cái quan niệm mới ấy của tôi về văn chương nghệ thuật nữa. Thì ra những lời sám hối, những bản tuyên ngôn đổi hẳn quan niệm về

văn chương mà chúng ta thường được đọc trên báo có lẽ cũng chỉ do lời khuyến bảo, thúc dục của một ông bạn Cách mệnh mà có, chứ vị tất đó là kết quả của suy xét, và tin tưởng.

QUANG: – Nhưng anh có tin rằng thế nào cũng phải dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa văn chương không?

KHANH: – Tôi không cần tin hay không tin. Mà văn chương cũng không cần đến tôi tin hay không tin những điều đó. Tôi chỉ nhận thấy rằng nhà tiểu thuyết đã đưa nghệ thuật tiểu thuyết lên tới mực cao nhất là Dostoievski. Mà đại chúng thì chả thể nào hiểu được Dos., vì muốn nói sao mặc lòng, chúng ta có viết cho ai đâu, chúng ta chỉ viết cho chúng ta. Bao giờ một nhà văn cũng chả ích kỷ, và chính nhờ về lòng ích kỷ ấy mà họ đã giúp ích cho nhân loại bằng cách

đem phô diễn những cái sâu kín, âm thầm, bản khoả, uất ức mà người ta chỉ thành thật viết ra khi nào người ta viết cho người ta, viết để được trút cái gánh nặng đè trĩu tâm hồn. Những cái sâu kín, âm thầm, bản khoả, uất ức của nhà văn ấy cũng là những cái sâu kín, âm thầm, bản khoả, uất ức của nhân loại, hay nói giọng người đời nay, của đại chúng. Văn chương chỉ có tính cách đại chúng hiểu theo nghĩa ấy. Nhưng người ta lại cứ muốn hiểu theo nghĩa: “văn chương phải giản dị, thẳng như ruột ngựa để cho đại chúng hiểu nổi!” Thực là tai hại! Còn khoa học hóa là thế nào? Thực tôi cũng không hiểu rõ đấy.

QUANG: – Là bất cứ việc gì xảy ra cũng phải hợp khoa học không thể tả một vật nặng rơi lên trời được chẳng hạn.

KHANH: – Nghĩa là không được tả *ma quỷ, hồ, tinh*? Như thế thì bộ Liêu Trai sẽ bị đốt mất. Tôi thì tôi hiểu khác. Là nhà văn phải áp dụng các phương pháp khoa học trong cách kết cấu và sự hành văn. Nếu thế thì văn chương được khoa học hóa đã từ lâu rồi. Và khoa học đây chỉ là kỹ thuật trong sáng tác, có chi lạ. Một tác giả ít học rất có thể thiếu kỹ thuật, và sự thành công của y, nếu thành công chỉ là một sự may mắn, một sự hú họa.

QUANG: – Anh nói đến Dos, khiến tôi lại nghĩ đến cái hội Dostoievskiens của người mình.

KHANH: – Người mình mà cũng có cái hội ấy như ở bên Pháp, bên Âu? Điều ấy kể cũng hơi ngộ, nhưng nó chứng tỏ rằng cái mộng dân tộc hóa văn chương

của anh là một ảo mộng. Trái lại, theo ý tôi, muốn nâng cao trình độ giá trị văn chương nước mình, mình phải nhân loại hóa nó đi. Mình tả người, nhân vật của mình trước khi là người Việt Nam phải là người. Mà khi nó là người, nghĩa là nó sống chứ không ngo ngoạy như thằng lật đật thì nó sẽ gần được hết mọi hạng người và hết mọi giống người. Dân tộc hóa? Pearl Buck, có dân tộc hóa những tác phẩm của bà không? Mà nếu bà dân tộc hóa chúng nó thì trong bản khai sinh chúng nó sẽ khai là Trung Hoa hay là Hoa Kỳ? Dân tộc hóa? Trời ơi, các anh định đặt luật lệ khuôn mẫu cho nhà văn? Các anh định trói chúng tôi lại, rồi khi chúng tôi lấy tư cách là người, người của nhân loại, chúng tôi phản đối lại bằng cách tìm chữ ô và đánh cờ một mình thì các anh bảo chúng tôi là bọn lạc hậu. Các

anh thì không lạc hậu, nhưng các anh cứ ồn ào lên, bằng nhặng lên, rồi các anh sẽ lạc lõng cho mà xem.

QUANG: (Cười) – Làm gì mà anh tức giận vô lý thế?

KHANH: – Dân tộc hóa? Ừ tôi hãy hỏi anh, những nhân vật tả trong những tác phẩm của Pearl Buck có hoàn toàn Tàu không? Có thể so sánh được với những nhân vật trong Thủy Hử hay Hồng Lâu Mộng không? Không kém, không hơn, anh có thấy thế không? Thế thì khi người ta đã tới nghệ thuật, khi người ta đã có một kỹ thuật vững chắc, thì người ta bất chấp cái “dân tộc hóa” của các anh. Bây giờ, ví thử Bồ Tùng Linh của tôi sống lại, và ví thử ta đem ném ông sang Paris thì rồi ông sẽ viết những truyện Liêu Trai Paris một trăm phần trăm cho mà xem.

Các anh, các anh chỉ nói “hóa” sông chứ một “nghệ sĩ”, thì bao giờ cũng thực hành “hóa”, mà hóa của người ta có muôn hình vạn trạng, trăm màu nghìn sắc của con người sống giữa vạn vật.

QUANG: (Cười) – Bạn tôi hôm nay mới thực thổ lộ can trường. Mà như thế bạn càng có tội với sự kiến thiết quốc gia, hay ít ra cũng với nền văn chương nước nhà. Là vì nếu cái “hóa” của anh đã theo muôn hình vạn trạng, trăm màu nghìn sắc của người và vật, thì vì có gì anh được phép bỏ qua cái hình trạng và những màu sắc rất rục rĩ của cái giờ phút anh đang sống?

KHANH: (Mở tự vị tìm chữ) – Tôi có bỏ qua đâu, tôi đương sống, sống triệt để.

QUANG: (Cười) – Bằng cách tìm chữ ô?

KHANH: – Và đánh cờ một mình. Trong khi ấy thì tâm hồn tôi đương lắng xuống, như tôi đã nói với anh... Các anh nhộn lắm kia!

QUANG: (Cười đứng dậy) – Thôi tôi xin về để anh tìm chữ ô. Và tôi mong...

KHANH: (Cũng đứng dậy cười tiếp) – ... Đọc bản tuyên ngôn thay quan niệm văn chương của tôi chứ gì.

QUANG: (Bắt tay Khanh) – Nhưng dẫu sao tôi cũng rất lạc quan về anh. Anh chưa chết được.

KHANH: (Bắt tay) – Cảm ơn anh. Nhưng tôi cũng nhất định không sống mà chỉ đi theo một cái gì.

QUANG: – Thôi chào anh.

KHANH: – Chào anh.

(Quang ra – Khanh đứng sững suy nghĩ một phút rồi ngồi xuống cúi đọc bản chữ ô).

MÀN HẠ

DƯỚI ÁNH TRĂNG

BI KỊCH MỘT HỒI

Nhân Vật:

Khoa: Quốc Dân Quân 30 tuổi

Thức: Vệ Quốc Quân 20 tuổi

Cảnh trên đồi sau một cuộc kịch chiến. Một xác chết bận nhung phục bên một bụi cây. Rải rác vài cây súng trường, bao đạn, mũ sắt.

Đàng xa tiếng súng còn nổ, gần đây tiếng cú còn thưa nhíp. Lúc

màn kéo lên, trăng khuất trong đám mây dày. Cảnh mờ mờ tối. Khán giả không trông rõ người mà chỉ nghe thấy tiếng rên rĩ – Hai ba phút, trăng tỏ dần.

Khoa như vừa thức sau một giấc ngủ, thông thả ngồi dậy ngơ ngác nhìn chung quanh, ngửa mặt nhìn trời rồi lắng tai nghe ngóng. Bỗng giữa những tiếng gió, tiếng sâu kéo dài, y thoáng nhận rõ có tiếng người rên rĩ – Y cúi xuống tìm tòi và tìm thấy cách chỗ y ngồi độ một thước một người vạ nhưng phục nằm úp mặt bên cạnh khe một tảng đá lớn. Y lại gần gượng nhẹ lật ngửa người ấy lại, thấy máu ướm đầm một bên sườn. Bất giác y rung mình đưa tay sờ đầu, thân thể và tay chân mình.

KHOA (Mỉm cười sung sướng):
Hơ! (Cúi xuống nói với Thúc) – Anh bị thương?

THỨC: (Gật).

KHOA: (Nắn se sẽ) – Ở sườn bên phải?

THỨC: (Gật).

KHOA: – Để tôi băng bó tạm cho nhé? (Tháo thắt lưng da, cởi áo ngoài, áo lót mình cho Thức) Đích rồi, bên phải, ngay dưới xương sườn, may ra thì không trúng thận. Không nặng lắm đâu, chỉ trúng mạng mỡ... Anh mệt và ngất đi chỉ vì máu ra nhiều quá.

THỨC: (Mỉm cười vớ vắn) – Em chết mất anh ạ.

KHOA: – Không, không chết! Cứ yên tâm để tôi băng bó cho (Mở túi lấy ra một cuộn băng).

THỨC: – Quân ta thắng?... Phải không?

KHOA: (Ngắm nghía dấu hiệu gắn trên mũ chào mào của Thúc rơi bên cạnh, y yên lặng nâng Thúc đặt ngồi dựa vào tảng đá rồi bắt đầu bôi thuốc và quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Thằng... Phải không anh?

KHOA: – Thằng! (Vẫn quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Anh không bị thương ư?

KHOA: – Không (Mỉm cười sung sướng). Không. (Vừa quấn băng cho Thúc).

THỨC: – Anh ở đội... quân cứu thương?

KHOA: – Ừ (Suy nghĩ như nói một mình). Tôi vẫn tưởng tôi bị thương, nhưng hình như không thì phải. Tôi nhớ

ra rồi, bên địch tấn công dữ dội, bên mình phản công, tất cả ra mặt trận. Cả đội cứu thương, lúc ấy tôi bắt đầu lên cơn sốt kịch liệt nhưng cũng xin ra tiền tuyến. Với khẩu súng lục tôi xông bừa lên đồi. Chừng đến đây thì tôi ngất đi nằm vật ra bất tỉnh sau khi đã bắn hết cả một sắc-dơ (Nhìn quanh mình). Mà súng của tôi cũng rơi đâu mất.

THỨC: (Ngắm nghĩ) – Anh tấn công... lên đồi?

KHOA: (Quấn băng xong cho Thức) – Anh đau lắm phải không?

THỨC: – Anh còn sốt không?

KHOA: (Đưa tay sờ trán) – Còn hơi thôi. Chỉ nhức đầu.

THỨC: – Em khát quá... Ước gì được ngậm nước.

KHOA: – Vì ra máu nhiều quá đấy! Ở đây thì làm gì có nước, phiền quá nhỉ! Cái khát này không phải là khát nóng mà bảo bịa ra câu chuyện rừng mơ để đánh lừa như Tào Tháo được (Cười – Thức cũng mỉm cười). Để tôi xoay (Đứng dậy nhìn xuống phía dưới). Khá rồi, dưới chân đôi lấp lánh có dòng suối chảy (Giữa lúc ấy có tiếng súng nổ ở xa xa).

THỨC: – Anh ngồi xuống... không chết...bây giờ... vẫn còn đánh nhau kia à?

KHOA: – Ối chà! Cần quái gì! Có cái gì mức nước không nhỉ?... À đây cái ca khổng lồ này thì tha hồ mà uống (Cầm cái mũ sắt soi lên ánh trăng). May không thủng.

THỨC: – Anh nên bò... mà xuống... đừng đi, nó... bắn... chết... sáng trăng tỏ lắm.

KHOA: – Được. Không sợ!

(Xuống đồi).

(THỨC: Yên lặng lắng tai nghe tiếng cú và thỉnh thoảng tiếng súng nổ ở đằng xa. Trăng bị bóng mây che khuất trong một phút khiến cho cảnh đồi tối lại).

(Khoa bưng cái mũ nước lên).

THỨC: – Anh về đấy à?... Em chỉ sợ... anh trúng đạn.

KHOA: (Cười) – Thì anh chết khát phải không? Tôi chưa chết được đâu anh ạ. Còn phải sống để đánh nhau chứ, nhỉ?

THỨC: (Thở dài) – Không biết... bao giờ mới yên?

KHOA: – Nhưng uống nước đã! Mát hơn nước suối Chapa cơ. (Tiếng súng nổ).

THỨC: – Anh ngồi xuống!... đứng thế... nguy hiểm lắm.

KHOA: (Quỳ xuống ghé mũ nước vào miệng Thức).

THỨC: (Uống một hơi nước rồi thở ra khoan khoái mỉm cười) – Mát ruột, dễ chịu quá! Cảm ơn anh.

KHOA: – Nếu tôi là Quốc Dân Quân thì anh có cảm ơn tôi không? (Thức im lặng mỉm cười) Nếu bây giờ tôi bảo anh rằng tôi là Quốc Dân Quân thì anh nghĩ sao nhỉ? (Thức vẫn im lặng mỉm cười) Hơn thế, tôi bảo anh, anh bị thương là do một phát súng tôi bắn thì anh nghĩ sao?

THỨC: (Mỉm cười im lặng nhìn Khoa).

KHOA: – Anh không tin? Anh không tin tôi là Quốc Dân Quân? Đây anh coi! (Ghé sát vai áo có dấu hiệu Quốc Dân Quân vào mặt Thúc).

THÚC: (Im lặng suy nghĩ) – Tôi chắc thế nào... cũng chết, vậy.... thiết tưởng... anh chả cần... bắt tôi làm tù binh... làm gì?

KHOA: (Cười) – Tôi bắt anh làm gì! Nhưng anh thấy không, ngôn ngữ anh đã thay đổi rồi đấy! Anh đương anh anh em em vui vẻ với tôi, chợt biết tôi là Quốc Dân Quân anh đổi giọng ngay! Xưng em với một đảng viên của một địch đảng, anh ngượng mồm phải không?

THÚC: (Im lặng một lát trong khi Khoa ngừng mặt ngăm trắng) – Nhưng sao anh lại băng bó cho tôi?... Sao anh... lại...

KHOA: – Sao tôi lại cứu anh! Vì nhiều lẽ. Trước hết vì... vì anh bị thương... mà anh bị thương thì phải băng bó. Tôi băng bó cho anh không phải vì anh là hay không là Việt Minh mà chỉ vì anh bị thương. Trong đời tôi, tôi đã băng bó cho biết bao nhiêu người mà chưa một ai hỏi tôi vì sao tôi băng bó cho người ta.

THỨC: – Anh làm khán hộ?

KHOA: – Tôi học trường thuốc, sắp thi ra thì bị bắt giải đi căng. Ở đấy người ta giao cho tôi coi nhà phát thuốc, và tôi đã chữa cho hàng trăm người mắc bệnh, cả lão đồn coi trại giam và gia đình lão ta, thế mà chưa bao giờ lão ta hỏi tôi vì sao tôi lại trông nom cho lão ta và vợ con lão ta... Đau đớn không, lần này là lần đầu tiên tôi được nghe một người đồng bào hỏi tôi cái câu thắc mắc ấy!

THỨC: (Ngẩn ngơ) – Tôi...

KHOA: – Anh thử cố gắng xưng em với tôi như ban nãy xem nào? Tôi cũng có một người em suýt soát tuổi anh, nhưng nó chết rồi, chết trong trận Phong Thổ cùng với ngót trăm anh em Quốc Dân Quân.

THỨC: (Nức lên khóc).

KHOA: – Em tôi đã chết. Cái chết của nó rất hợp lý, rất đáng kính. Đến như chúng ta mà chết... thực mĩa mai! Thực đau đớn! Thì cái chết ấy chỉ là một sự may mắn: chết để khỏi phải giết người đồng chủng... Mỗi khi một đảng viên đảng tôi bị một đảng viên đảng anh bắt được lại bị người ta thuyết lý, bị người ta tuyên truyền. Và bao giờ người ta cũng bắt đầu bằng câu này: “Các anh đi nhầm đường”. Thiết tưởng phải nói chúng ta đi

nhầm đường mới đúng... Phải, chúng ta đi nhầm đường cả. Say sưa cái chủ nghĩa viễn vông, cái lý tưởng mơ hồ, chúng ta quên rằng chúng ta là anh em trong một nhà.

THỨC: (Mỉm cười) – Biết thế, sao anh lại còn đi vào... con đường ấy?... Tôi thì tôi chẳng cần biết... con đường nào. Tôi chỉ biết nhà tôi là một nhà... cách mạng... Cha tôi bị đẩy ra Côn Đảo... rồi chết ở đấy. Tôi chỉ nối chí cha tôi và theo đuổi cách mạng, thế thôi.

KHOA: – Thì tôi cũng thế. Tôi vào đảng chỉ mong được hy sinh tính mạng cho Tổ Quốc. Nhưng nói anh và tôi, chúng ta đều không có trách nhiệm trong sự đi nhầm đường của cả đoàn thể cũng không được. Đáng lẽ chúng ta phải can đảm, cương quyết, cực lực phản kháng sự chém giết lẫn nhau. Đảng này trái lại,

chúng ta đã để họ dắt đi như dắt một đàn bò ra lò sát sinh. Chúng ta đã đại dốt ngu ngốc nghe những lời tuyên truyền xảo trá của họ... để đến nỗi... bao lực lượng... chống ngoại xâm chúng ta đem ra đập vào nhau cho tan nát như cám... nhưng... cũng chưa có muện đâu anh ạ (Thấy Thúc lim dim nhắm mắt) Anh sao thế ? (Thúc lờ đờ mở mắt) Anh mệt lắm, phải không? Thôi anh nằm nghỉ. Nhắm mắt lại (Lấy túi đệm vào lưng rồi che áo lên người Thúc).

THỨC: (Mỉm cười) – Cám ơn anh, em chết mất!

KHOA: – Không, anh không chết (Nắm cổ tay xem mạch) mạch đều lắm. Thôi tôi ngồi im để anh nghỉ nhé!

THỨC: (Lắc đầu) – Không, anh cứ nói đi.

KHOA: – Nhưng nhất định không nói đến đảng phái nữa. Thế cũng là một cách ta giả thù họ...

THỨC: (Đăm đăm nhìn Khoa) – Anh mất... tin tưởng rồi sao?

KHOA: – Bao giờ mất tin tưởng được... nhưng thôi nếu chúng ta lại quay câu chuyện về ngả ấy thì nó lại miên man không bao giờ hết (Nói lảng) À! tên anh là gì nhỉ? (Thức ngẩn ngù) Tên thực ấy, chả cần giấu diếm nhau làm gì. Tên tôi là Khoa. Còn anh?

THỨC: – Tôi là Thức.

KHOA: – Đã đến 20 chưa?

THỨC: – Đúng 20.

KHOA: – Anh trẻ lắm nhỉ? Còn đi học chứ?

THỨC: – Tôi đang theo học lớp nhất trường trung học thì bỏ...

KHOA: – Để xin vào Vệ Quốc Đoàn?

THỨC: – (Gật).

KHOA: – Cũng phải, đương lúc quốc gia hữu sự mà còn cắp sách đi học thì cũng sốt ruột (Cất tiếng ngâm):

Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Thành liền mong tiến bộ rồng.

*Thuốc gươm thể quyết chẳng dong giặc
trời.*

Trí làm trai dặm nghìn da ngựa

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Giã nhà đeo bức chiến bào...

(Ngừng bật)

THỨC: – Anh ngâm nữa đi... giọng anh tốt lắm... Anh ngâm đi!

KHOA: – Chỉ nhớ có ngân ấy câu. Anh có thấy hay không? Bây giờ làm gì có bệ rồng nữa để mà đem tiến thành liền. Tiến cho ai?

THỨC: – Cho tổ quốc.

KHOA: – Nhưng chúng ta phải đau đớn mà tự thú rằng... chúng ta chưa từng thử gươm vào một tên giặc Giời nào (Cười).

THỨC: – Anh vui tính quá.

KHOA: – Vậy chúng ta nói chuyện vui đi! Cười đi! Ca hát đi! Đọc thơ đi! Trăng sáng quá! Trời mát quá! Cảnh nên thơ quá! Kia! Sao lại khóc thế?

THỨC: – Nếu em chết... thì mẹ em khổ sở lắm!..

KHOA: – Đã bảo không chết mà lại cứ buồn mãi. Người ta là bác sĩ người ta lại không biết hơn anh hay sao? Bà ở Hà Nội phải không?

THỨC: (Gật) – Phố Huế.

KHOA: – Ở một mình?

THỨC: – Ở với em gái tôi, em Mùi còn nhỏ... mới 15 tuổi... nên mẹ tôi cứ ép tôi lấy vợ. Nhưng anh tính đời mình... có chắc chắn gì, mà đã vội cưới vợ.

KHOA: – Anh có vị hôn thê rồi?

THỨC: – Chưa... anh ạ... Kể thì có hai ba cô đấy... nhưng em phân vân... chưa biết chọn cô nào...

KHOA: – Vì cả ba đều xinh như mộng phải không?

THỨC: – Không hẳn thế... nhưng cả ba cùng... yêu em lắm... nên chọn cô nọ em sợ mất lòng hai cô kia.

KHOA: – Nghĩa là anh cùng yêu cả ba cô chú gì?

THỨC: (Sau một phút im lặng) – Mộng vàng tan Em Tuyết, em Đào, em Lan! Từ đây vĩnh biệt!

KHOA: – Anh làm thơ đấy à?

THỨC: – Không! Ồi giời! Ồi giời!

KHOA: – Anh vẫn đau?

THỨC: – Nó cứ đau nhói lên từng cơn... mà mệt hết cả hơi... em tưởng tượng nếu... không có anh... ngồi nói chuyện... thì em không gượng được... em sẽ ngủ thiếp đi... rồi không dậy nữa.

KHOA: – Chỉ nói nhảm! Việc gì mà chết!... Tên ba cô ấy là Tuyết, Đào và Lan?

THỨC: – Phải... có lẽ Tuyết đẹp nhất... nhưng Đào lại ngoan nhất... còn Lan thì ngây thơ nhất.

KHOA: – Nếu ba cái đức tính đẹp, ngoan và ngây thơ chung đúc vào một cô thì có lẽ cô ấy đã có điểm phúc được anh kén chọn làm vị hôn thê rồi, phải không?

THỨC: (Thở dài) – Điểm phúc hay vô phúc?... Anh đã có vợ chưa?

KHOA: – Đã. Và hai con, một gái một trai.

THỨC: – Sung sướng nhỉ!

KHOA: – Sung sướng hay khổ sở! Thằng con trai tôi năm nay mới có 18 tháng. Nó hay quá anh ạ, bất cứ việc gì

cứ làm qua một lượt là nó bắt chước liền. Nghe thấy tôi hát nó cũng hát, mà hát thì chẳng còn ai hiểu là bài gì, trừ mẹ nó và vú em ra. Anh mà nghe nó hát bài Tiến Quân Ca thì anh phát cười nôn ruột. Chẳng còn một tí gì là tiến quân ca nữa.

THỨC: – Anh... dạy nó hát bài Tiến Quân Ca... cơ à?

KHOA: – Nào tôi có dạy! Mà cũng chẳng biết ai dạy nó nữa. Chả bên láng giềng là một gia đình đông trẻ, chúng nó cứ cả ngày «Đoàn quân Việt Minh» với «Hồ Chí Minh muôn năm»... Chùng những bài hát ấy đã lọt vào tai cháu.

THỨC: – Chắc anh tức lắm đấy nhỉ?

KHOA: – Tức cái gì? Anh bảo tôi tức cái gì?

THỨC: – Vì luôn luôn những bài hát kia lọt vào tai anh...

KHOA: – Tức thì không tức nhưng nghe mãi cũng nhàm tai. Nếu tức thì câu chuyện này còn đáng tức hơn: Cái Mùi con gái tôi, ấy tên nó cũng là Mùi như tên em gái anh. Năm nay nó lên sáu. Suốt ngày nó sang chơi bên lán giếng mà nhà ấy lại là một nhà Việt Minh, thành ra nó bị Việt Minh hóa. Chào Việt Minh, ủng hộ Hồ Chủ Tịch. Diệt phát xít, rồi kể chuyện bắt Việt gian, bắt quân phản động, nghe chuyện nó thì cứ tức cười chảy nước mắt được.

THỨC: (Mỉm cười) – Cười chảy nước mắt... hay khóc chảy nước mắt đấy?

KHOA: – Anh rõ lẫn thẩn! Việc gì mà phải khóc. Trẻ con nó chơi đùa ấy mà! Với lại nói câu này chắc anh khô-

ng tin: Tôi muốn gây tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng cho con tôi ngay từ thuở nó còn non nớt. Bây giờ thì cố nhiên nó không biết gì về đảng phái, về lý tưởng, về chủ nghĩa, nhưng nó sẽ lớn lên với lòng nhân từ, khoan thứ, nó sẽ thấy rằng cha nó là người rộng lượng, biết trọng tự do cá nhân của người khác dù kẻ ấy là con mình, là một đứa con gái nhỏ... Có phải không anh, vì sao cha nó là đảng viên V.N.Q.D.Đ. mà con lại không là Việt Minh được? Điều quan trọng là chúng ta nên dạy cho con chúng ta hiểu rằng không được a-dua vào một đảng nào không chỉ vì cha mẹ tin tưởng một chủ nghĩa, lý thuyết nào là cứ nhắm mắt tin theo không cần suy xét gì hết. Ta lại nên dạy con cái chúng ta điều này nữa: là lập nên đảng nọ đảng kia không phải để tranh giành địa vị, hay để thỏa lòng thù ghét, chém giết. Chúng ta, Việt Minh

cũng như Việt Quốc, chỉ có mục đích cứu quốc, đưa nước nhà tới chỗ tự do độc lập.

THỨC: (Cười) – Chắc anh không ở trong bộ tuyên truyền...Việt Nam Quốc Dân Đảng?

KHOA: – Anh đoán đúng.

[Kiểm Duyệt 11 Dòng¹]

Nếu tinh thần đoàn kết có từ lâu thì hiện giờ, chúng ta đã sát cánh nhau trong một chiến tuyến chống xâm lăng... Mà... mà cái cảnh đau đớn chúng ta đương sống, cái giờ phút đau đớn chúng ta đương qua, kẻ bị thương, người ngồi nói chuyện trên một đỉnh đồi, dưới ánh trăng, bên tiếng cú, làm gì đã xảy ra?... Anh và tôi, anh mơn mớn tuổi xuân, và

1 Bộ Tuyên Truyền V.N.Q.D.Đ kiểm duyệt.

tôi đầy lòng yêu nước, chúng ta lại là hai kẻ cừu địch ư?

THỨC: (Cúi xuống thở dài) – Chán!... nhưng may... cũng chả còn sống được... bao lâu!

KHOA: – Rõ tôi cũng vô lý ! Tôi đã bảo không quay trở lại câu chuyện buồn ấy nữa, rồi tôi vẫn cứ quay lại như thường. Vậy thôi đấy, chỉ nói chuyện vui thôi đấy! Ủ phải! Tôi hát cho anh nghe nhé? Năm sáu năm về trước tôi có một cô bạn Huế; chiều chiều chúng tôi đi chơi mát với nhau ở trên núi Sầm Sơn và cô ta... cô Liên... tên cô là Liên, cô ta hát cho nghe nhiều điệu Huế hay quá. Tôi thích nhất cái điệu hát du, để tôi hát cho anh nghe nhá. (Ca):

Trăm năm dầu lỗi hẹn hò

Cây đa bến cũ con đò khác đưa

Cây đa bến cũ còn lưu

Con đò sớm thác năm xưa qua rồi.

THỨC: – Điệu hát buồn chết người...
mà anh thích được!

KHOA: – Ừ kể buồn thì buồn thực!
Tôi chắc đó là dấu vết điệu ca Hời; một
điệu ca vong quốc².

[Kiểm Duyệt 14 Dòng]

THỨC: (Mơ mộng) – Tôi đọc Nam
sử... tới đoạn Chế Bồng Nga đem đại đội
thủy binh... đến vây thành Thăng Long
ta... mà tôi không khỏi thâm phục. Thế
rồi Bồng Nga trúng tên chết ngay trên
thuyền Thống Tướng... biết đâu...

² Tác giả luận về sự thiếu đoàn kết của Chiêm Thành lúc bấy giờ, dẫn tới sự mất nước, sau cái chết của Chế Bồng Nga. Chú ý là khuyến cáo Việt Minh cũng như VNQDD phải thành thực một lòng đoàn kết chống thực dân Pháp đang tìm mọi cách «đô hộ» Việt Nam sau ngày 6 tháng 3 - 1946.

KHOA: – Biết đâu, sao anh?

THỨC: – Biết đâu... ông vua anh hùng ấy... lại không bị giết... vì một mũi tên Hời... trong lúc hỗn chiến... (Thở dài).

KHOA: (Cười) – Cũng có thể lắm. Cái bại của mình thường là ở trong phát ra hơn là ở ngoài xảy tới. Về đời Trần, ta thắng được quân Mông Cổ oai hùng là nhờ ở sự đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam. Và có lẽ quân Hời thua ta một phần lớn là do sự cạnh tranh của các họ Hời thời bấy giờ (Cười). Tôi không thuộc Nam sử như anh nhưng tôi đoán thế, thì làm gì mà không bị tiêu diệt!

THỨC: (Thở dài) – Đoàn kết! (Thở hỗn hển). Tôi khó... thở quá... mà lại khát... nhưng thôi... Phiền anh quá.

KHOA: – Có gì mà phiền! Anh em giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn thì phỏng có gì mà phiền. Có anh làm phiền lòng tôi thì có, anh không chịu thắng thắn với tôi. Hay anh cứ nhất định coi tôi là kẻ thù đấy³?

[Kiểm Duyệt 4 Dòng.]

... Nhưng thôi để tôi đi lấy nước cho anh đã (Cầm cái mũ sắt).

THỨC: – Sao cú nó cứ kéo... dài... mãi cái điệu âm nhạc buồn thế nhỉ?... Anh có tin nó đem... tin buồn... nó báo tin chết không?

KHOA: (Cười) – Bậy! Đó chỉ là một dị đoan. Nó kêu thế là chỉ để thôi miên chuột, chuột nghe thấy tiếng rùng rợn

³ Bộ Tuyên Truyền của VM và Chính Phủ HCM lúc bấy giờ tuyên truyền trong dân chúng là các Đảng phái Quốc Gia như VNQDDĐ đều là phản động là « kẻ thù của nhân dân». (N.T.K)

ấy, bủn rủn ra không chạy được, chỉ việc đứng im cho nó bắt. Thôi anh ngồi chờ tôi một lát nhé? (Cầm mũ sắt đi xuống đôi).

(KHOA: ra)

THỨC: (Yên lặng ngăm trắng. Bỗng đăm đăm nhìn cái xác chết. Tiếng cú trở nên rùng rợn) – Ôi trời... Không... Lui... Được... Tôi theo đây! Không! trời ơi... trời ơi! Anh Khoa! Mau cứu em!... (Ngất đi – Một Lát)

KHOA: (Búng mũ nước lên) – Uống cạn mũ nước này nữa thì cứ mà vỡ bụng. Thức! Thức! Ngủ à?...

(Lo lắng đứng nhìn Thức, rồi quỳ xuống vừa lay vừa gọi) Thức!

THỨC: (Từ từ mở mắt) – Ôi trời ơi! Không! ... Không!... Cứu tôi với!

KHOA: – Tôi đây mà! Sao thế? Anh chiêm bao?

THỨC: (Thở hỗn hển) – Không... tôi thức... giờ ơi! Nó đâu rồi?

(Bắt đầu từ đây, tiếng Thức yếu dần).

KHOA: – Ai?

THỨC: – Ma!

KHOA: (Cười) – Làm gì có ma!

THỨC: – Rõ ràng... nó vừa... hiện lên. Cái xác chết kia kìa! ... Nó ngồi dậy... Nó đứng dậy... Nó vẫy em đi theo nó... về âm phủ.... trời ơi! Em sợ quá, anh ạ! ... Lúc anh lay... em dậy... thì em đương đi theo nó đấy!

KHOA: (Cười) – Thôi bây giờ có tôi đây thì nó không dám trở lại nữa đâu. Anh uống nước đi!

THỨC: – Cảm ơn anh... Anh để cho em... hoàn hồn đã...

KHOA: (Cười) – Nó vậy mặc nó, sao anh lại cứ đi theo nó?

THỨC: – Không theo không được... Cứ thiếp... dần, rồi tự nhiên... lẳng lẳng đi theo nó.

KHOA: – Đó là một giấc chiêm bao. Khi mình không thức hẳn, không ngủ hẳn thì mình mơ màng tưởng tượng cái gì, thành ra cái ấy liền. Đã uống nước được chưa?

THỨC: (Gật).

(KHOA: ghé mũ nước vào miệng Thức).

THỨC: (Uống một hơi — thở ra) – Dễ chịu! ... Mát ruột! Cảm ơn anh!... Sao em uống nhiều nước thế nhỉ?

KHOA: – Vì thiếu máu! Máu ra nhiều quá.

THỨC: (Lắc đầu) – Em chết mất anh ạ!

KHOA: – Việc gì mà chết: Mai về nhà thương tiêm vài phát là lại người liền. Mà sang máu được có thể khỏe ngay là khác. (Mơ mộng) Ước gì tôi sang máu tôi cho anh! Để kỷ niệm cái đêm gặp gỡ lịch sử này!... Nhưng không thể được anh ạ!

THỨC: – Vì sao? (Mỉm cười) Anh sợ... máu Việt Minh... Và máu Việt Quốc sẽ... đánh lộn trong tim tôi chẳng?

KHOA: (Cười) – Không phải thế! Vì máu Việt Minh và máu Việt Quốc cũng là máu Việt Nam, hay nói giọng văn hùng, cũng là máu Trần Quốc Toản, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt cả. Nhưng tôi chợt nhớ ra,

tôi mắc bệnh sốt rét kinh niên! Tôi mang cái bệnh sốt ấy từ trên “căng” về đây. Sang máu cho anh, tôi sẽ sang cả vi trùng bệnh sốt rét ngã nước cho anh luôn thể, vì thế nên tôi nói không thể được. (Cười vui thú). Nhưng, anh lo gì, trong ba nàng yêu anh thế nào chả có một nàng sẽ bằng lòng sang máu cho anh!

THỨC: (Mỉm cười mơ mộng) – Lan mơ mộng lắm anh ạ... Lan chỉ ước ao được cùng em... làm cái nhà nhỏ... ở bên sườn đồi... có suối chảy qua... ngày ngày ra suối... câu cá... thả thuyền đi chơi.

KHOA: – Tưởng cảnh gì, chứ cảnh ấy thì làm gì chẳng thực hiện được. Chúng ta, gia đình anh và gia đình tôi, chúng ta sẽ chung nhau mua một cái đồn điền nhỏ, hay một cái ấp nhỏ. Hay chúng ta chẳng cần mua cũng được. Hiện tôi có

một cái ấp nhỏ ở Phú Thọ, vào khoảng sáu mươi mẫu đồi mà tôi đã giồng chè được một nửa. Tôi sẽ nhường cho anh vài chục mẫu. Rồi chúng ta cùng lên đây ở với nhau. Cảnh thì tuyệt đẹp. Một cái suối khuất khúc lượn quanh đồi, bên những khóm trúc, khóm mai, rồi chảy ra một cái đầm rộng bằng khoảng hai Hồ Tây. Chiều chiều thả thuyền chơi suối thì có thể quên cả Hà thành với các nàng tiên của nó. Khi nào thái bình hẳn, nước nhà hoàn toàn độc lập, chúng ta hoàn toàn tự do, tôi sẽ đón anh lên đây ở với tôi.

THỨC: (Mỉm cười ngờ vực) – Sợ còn lâu lắm... anh ạ! Và... có lẽ... muộn quá rồi!

KHOA: – Vị tất đã lâu, như anh tưởng.

THỨC: – Vả lại... xa Hà thành... thì

buồn chết... (Thở ra) Tôi mệt lắm... rồi...
anh ạ... có lẽ tôi chết... đến nơi mất!

KHOA: – Không, không thể chết
được! (Bắt mạch) Mạch này thì chết sao
được!

THỨC: (Mắt đầy hy vọng) – Nhưng
sao... tôi mệt lắm... đi thế này!...

KHOA: – Mất nhiều máu quá nên thế
đấy, không sao đâu... Nhưng anh cũng
không nên nói nhiều! Nên nằm yên mà
nghỉ.

THỨC: – Nằm yên... không nói gì...
tôi chỉ sợ chết lịm đi... lúc nào... không
biết thôi... Tôi cứ muốn nói chuyện để
tỏ... với tôi rằng... tôi còn sống.

KHOA: – Anh phải tĩnh tâm mà nằm
nghỉ. Không nên rối trí như thế. Nếu anh
chết thì tôi bảo cho anh biết rằng anh

chết, chứ tôi giấu anh làm gì. Chúng ta có phải là những người sợ chết đâu, anh cũng vậy mà tôi cũng vậy. Nếu sợ chết, chúng ta đã chẳng làm cách mệnh. Làm cách mệnh là chúng ta quả quyết đi đón lấy cái chết. Còn sống thì chúng ta sẽ dự vào công cuộc kiến thiết tổ quốc, sau khi cách mệnh thành công, mà chết thì chúng ta cũng tự an ủi trước khi nhắm mắt rằng ta đã đến mục đích, cái mục đích hiến thân cho Tổ quốc. Vậy nếu anh chết thì tôi không sợ bảo cho anh biết rằng anh chết. Nhưng nhất định anh không chết. Có phải ai bị thương cũng chết đâu!

THỨC: (Mỉm cười đau đớn) – Hiến thân! (Một phút im lặng) Anh rút hộ em... cái ví ở túi quần... (Khoa làm theo) Anh mở ra. trong đó có... hai cái ảnh... Anh giữ lấy một cái... để kỷ niệm... cái

đêm rừng rợn này... còn một cái... em nhờ anh... đem về đưa cho mẹ em (Yên lặng) Anh liệu lời... mà nói... với mẹ em... Em là con một... mẹ em đấy! (Khóc).

KHOA: – Anh lạ quá, sao cứ nghĩ quần mãi! Được, ảnh tôi cứ giữ đây (Bỏ ảnh vào túi). Cái ảnh tặng tôi thì tôi sẽ lưu lại cho con cháu ngày sau với hàng chữ này: Đây là một người bạn thân của ta, tuy không cùng ở trong một chính đảng, nhưng vẫn cùng ta phụng sự một lý tưởng duy nhất: “Tổ Quốc”. Còn cái kia thì tôi sẽ có dịp cùng đi với anh tới nhà anh để đưa nộp cụ.

THỨC: (Mắt như đeo đuổi một ý nghĩ ám ảnh) – Anh có tin rằng... linh hồn... bất diệt không?

KHOA: (Đăm đăm nhìn Thức, rồi như chợt hiểu) – Tin! Tôi rất tin. Thác là

thể phách còn là tinh anh. Tinh anh sẽ còn mãi mãi...

THỨC: – Sống trong thời khoa học... mà anh còn tin được điều đó?

KHOA: – Thì khoa học cũng không cãi được điều đó. Trong một buổi thí nghiệm, một nhà thần linh học đã gọi những linh hồn hiện về trước mặt các nhà khoa học trứ danh trên thế giới như Flammarion chẳng hạn. Còn không tin sao được!

THỨC: (Mỉm cười) – Đó cũng là... một sự an ủi... cho những kẻ... sắp từ trần... Nếu quả sau khi...chết... mà linh hồn còn... sống mãi... mãi... thì chết có đáng kể chi... phải không anh?

KHOA: – Nhưng anh và tôi, chúng ta chưa chết thì chúng ta nói chuyện chi

đến cái chết cho mất vui. Vẫn biết cái chết không đáng sợ, nhưng tổ quốc đang còn cần đến chúng ta, thì chúng ta vẫn chưa chết được.

THỨ: – Em nghĩ đến... cái chết... của những chiến sĩ... trong Nam bộ... mà em thèm!

KHOA: (Cười) – Anh dưỡng bệnh cho khỏe hẳn, rồi hai chúng ta cùng vào Nam một chuyến. Nghe nói ở trong ấy nhiều nơi cũng vẫn còn chiến tranh. Phải đấy chúng ta sẽ vào trong ấy để... để chết. Chứ chết ở ngoài này chỉ tốn mạng, anh ạ.

THỨ: – Tội mạng!

KHOA: – Tôi được nghe anh em chiến sĩ ở trong Nam ra thuật lại cho nghe những cái chết đẹp để quá chừng!

Một chiến sĩ nằm chờ ba ngày đêm trong một cái hố bên đường, với một túi lương khô, với một cây súng và ba viên đạn, ba viên đạn thôi, tội nghiệp! Anh đón đoàn quân địch đi qua để bắn. Quả nhiên quân địch đi qua đó. Chờ cho họ đến gần, anh bắn luôn hai phát giết chết hai tên. Phát thứ ba, đạn điếc. Rồi anh mỉm cười chết một cách lặng lẽ và thỏa mãn vì đã đổi được một mạng lấy hai rồi. Lại một chuyện này nữa. Một chiến sĩ bị thương được đoàn cứu thương băng bó cho. Nhưng anh có cảm tưởng anh khó sống được. Tức thì anh cầm súng xông bừa ra trận tiền để bắn trúng một quân địch rồi chết... (Thức mắt lim dim người muốn lả đi). Anh mệt lắm?

THỨC: (Gật).

KHOA: – Vậy nằm nghỉ một lát...
Đừng nói gì nữa.

THỨC: – Thôi... anh lui về hậu tuyến đi... để mặc em...

KHOA: – Được, anh cứ để mặc tôi. Để sáng rõ rồi tôi dìu anh về hậu tuyến bên anh đã.

THỨC: (Lắc đầu) – Không được đâu!...

[Kiểm Duyệt 14 Dòng]

Thôi anh cứ về... phở đi... là hơn. Bây giờ về... thì được... chứ sáng ra thì sẽ không có... cách nào... thoát được... Tiếng súng nghe như... đã im hẳn rồi đấy... Anh về đi!

KHOA: – Không, tôi không thể bỏ anh đây mà về được. Anh cứ để mặc tôi. Hơn hết là anh cố ngủ đi một lát.

THỨC: (Mỉm cười) – Tôi sợ ngủ đi thì... sẽ không... dậy nữa.

KHOA: – Quái! Anh đến lạ, cứ bị cái chết nó ám ảnh hoài! Hay anh sợ chết chẳng!

THỨC: (Nói lảng) – Anh hát đi mà nghe vậy.

KHOA: – Ừ phải đấy, tôi hát cho anh nghe một câu chèo nhé... Anh có biết câu “Trấn thủ lưu đồn” không? Chắc không? Đó là một câu hát của vai hề. Bao giờ hát, người ta cũng vác một cái giáo trên vai và một tay cầm cái mối lửa. Như thế này này (Một tay cầm súng vác ngang qua hai vai, một tay cầm nắm cò giả làm mối, rồi vừa múa vừa hát)

*Đất ngài đây thanh lịch, đất hữu tình
Có đường vô sánh tới dinh quan lưu đồn
Ba năm bác còn đương trấn thủ đồn*

*Ngày thời canh điểm, sớm tối đồn việc
quan*

Anh chém tre ngả gỗ trên ngàn

*Than thân rằng khổ, anh biết phàn nàn
cùng ai*

Anh phàn nàn cùng trúc cùng mai

Cùng cây măng mía, cùng cây ngô đồng

Xót xa như muối đổ trong lòng⁴

(Trong khi Khoa hát thì Thức cười lên tiếng, cười rất nhiều. Bỗng y ngắt đi và lịm dần. Khoa thấy đầu Thức gục xuống ngực vội ngừng lại, cúi xuống lay gọi).

4 Bản ghi âm nhạc của Nguyễn Xuân Khoát.

KHOA: – Anh Thúc! Thúc! Em Thúc!
(Lắc đầu). Chết! Vô lý! Thúc! (Cầm tay
bắt mạch). Chết thực rồi, khổ tôi chưa!
(Im lặng quỳ trước mặt Thúc).

(Trời bắt đầu sáng. Bỗng một loạt
súng nổ, tiếng ồn ào từ phía chân đồi
đưa lên. Một phát đạn trúng ngực Khoa,
khiến y gục xuống ôm lấy Thúc, và se sẽ
kêu: Mùi! Lập!)

HẠ MÀN

TIẾNG NGƯỜI XA

Đã đến giờ chưa mẹ? Phương từ ngoài hiên chạy vào phòng ngủ, đột ngột hỏi mẹ. Nga rời gương và cái bông phấn cầm tay, quay ra cười với con:

– Chưa con ạ. Nhưng, con đi ngủ thôi, khuya rồi, tám giờ rưỡi rồi.

Phương nũng nịu:

– Không, hôm nay con chưa buồn ngủ, mẹ cho con nghe cơ.

Nga chau mày:

– Thế thì Phương không ngoan rồi. Hôm nay mới là thứ ba. Ngày kia mới đến phiên con được nghe kia mà.

Dứt lời nàng đứng lên, ẵm đặt con lên giường. Rồi ra ngồi sửa sang lại mái tóc, chấm lại bông phấn cuối cùng. Ngửng lên nhìn đồng hồ báo thức đặt trên bàn giấy, nàng tưởng thấy hai cái kim vẫn đứng im một chỗ, và nếu không có tiếng tích tắc thì có lẽ nàng yên trí rằng đồng hồ không chạy. Nàng thở dài nói: “Còn những hăm năm phút nữa!”

Nhưng nàng cũng bỏ cái áo bọc máy truyền thanh ra, ngồi cầm khăn tẩy máy lau cái mặt kính hình lục lăng, trên đó những chữ, những số, những chấm màu đen, màu đỏ, màu xanh đối với nàng không có một ý nghĩa gì, ngoài con số

25 ra. Mà con số 25 cũng chỉ được nàng lưu ý tới, vào giờ này, giờ phát thanh của đài Cự Kim Sơn. Lơ dang nàng vịn nút tiếp xúc. Cái mặt Radio sáng bật lên. Và cái kim đen trở bên con số 25 như thu lấy hết cả tâm hồn nàng. Và nàng mơ mộng đăm đăm nhìn nó, đăm đuối đợi chờ cái phút được gặp người xưa hiện về... Hiện về... Bất giác nàng đưa mắt nhìn vào gương, và thấy mình vẫn còn trẻ và thấy mình trẻ lại nhiều từ khi mua được cái máy radio này.

Kể thì nàng cũng chưa già, năm nay mới hai mươi sáu tuổi. Nhưng bao năm mong đợi, bao năm nhớ nhung khổ sở đã làm cho nàng tiêu tụy hồng nhan.

Đã năm năm nay, Thanh, chồng nàng bỏ ra đi. Nàng còn nhớ, còn như thấy hiện ra cái buổi chiều hôm ấy. Một buổi chiều cuối năm 1939, một buổi chiều

mưa phùn gió lạnh. Thanh đi Hải Phòng về trước ngày hẹn, lại thêm có vẻ mặt lo âu, có dáng bộ vội vàng khiến Nga áy náy không yên. Ăn cơm xong, Thanh lên gác thay quần áo và sửa soạn xếp lại va-li. Nga ngây người đứng nhìn chồng chưa dám hỏi. Mỗi lúc Thanh dặn hễ có ai đến tìm thì nói chàng còn ở Hải Phòng, Nga mới ngáp ngừng:

– Vậy anh lại đi?

Thanh gật.

– Anh lại đi Hải Phòng?

Không thấy chồng đáp nàng hỏi tiếp luôn:

– Nhưng dầu sao cũng mai mới đi chứ?

Thanh mỉm cười bảo vợ:

– Anh phải đi ngay, Nga ạ, việc cần lắm.

Đứng suy nghĩ một phút, chàng hỏi vợ:

– Phương ngủ rồi, phải không em?

Dứt lời chàng ra nôi vén màn cúi nhìn con, một đứa con tám tháng. Và chàng quay lại bảo vợ:

– Sung sướng quá cái tuổi vô tư lự. Thấy con nó ngủ bình tĩnh mà thèm! Em trông trán nó dãn ra, môi nó như mỉm cười với mộng.

– Anh làm thơ đấy à? Nga âu yếm bảo chồng. Nhưng khéo để muỗi đốt con!

Thanh vội giắt màn lại, rồi lẳng lặng xách va-li.

– Anh đi ngay bây giờ?

– Phải đi ngay bây giờ em ạ.

Hai người thoáng nhìn nhau rồi vội quay đi như hiểu thấu ý nghĩ thầm kín của nhau.

– Em chớ cần bật đèn nữa. Thôi anh đi đây.

Vừa nói, Thanh nắm chặt lấy tay vợ như thầm trao cho nàng tất cả mọi điều bí mật không dám thú. Rồi chàng se sẽ vặn khóa, nhẹ nhàng mở cửa lớn ra ngoài, biến vào bóng tối.

Ngồi nhớ tới buổi biệt ly, Nga còn có lại cái cảm giác rùng rợn hôm ấy. Chồng nàng đi rồi, nàng hoảng hốt chán nản lên gác, nằm vật ra giường nức nở khóc. Nàng đã nhìn thấy rõ: chồng nàng đi trốn. Vì đã có lần Thanh ngỏ cho nàng

biết rằng chính phủ thực dân vừa đặt ra chế độ trại giam để khâu lưu ở đó tất cả những cựu chính trị phạm bị tình nghi làm rối cuộc trị an. Vậy Thanh, một cựu chính trị phạm rất có thể bị liệt vào hạng người nguy hiểm ấy.

Quả nhiên ngay trưa hôm sau, nhân viên ty mật thám đến nhà nàng để khám bắt Thanh... Và từ đó nàng bật luôn tin chồng.

– Sắp nói rồi đấy à mẹ? Phương trôi dạt hỏi, vì nó vừa nghe thấy bắt đầu tiếng rào rạo của máy radio.

– Chưa con ạ, nhưng con phải ngủ đi, con có ngoan có dễ bảo thì máy nó mới nói.

– Thì ba mới nói chứ!

– Ủ thì ba mới nói. Vậy nếu con không vâng lời mẹ thì rồi ba không nói nữa đâu, không bao giờ ba nói nữa đâu.

– Vậy con ngủ thì mẹ bảo ba nói nhé?

– Ủ con phải ngủ ngay cơ.

Phương lại ngoan ngoãn nằm xuống. Và Nga, tuy đương buồn cũng phải mỉm cười sung sướng. Phương là tất cả sự an ủi của nàng trong năm năm nay, cái hình ảnh linh hoạt của người chồng thương mến.

– Mẹ tắt đèn để khỏi chói mắt con nhé?

Không thấy Phương trả lời nàng biết con đã ngủ yên rồi, nhưng nàng cũng vẫn tắt ngọn đèn dưới cái chao vải tự tay nàng làm ra từ thời chồng còn ở nhà, và nay mầu hồng đã bạc phếch và

loang lổ. Trong gian phòng tối, cái mặt lục lăng của máy radio sáng rực rỡ thêm lên. Nghĩ đến cái máy radio, Nga không khỏi tự phục lòng quả quyết đã dám bỏ ra gần hai ngàn bạc, đã không ngần ngại bán hết tư trang để mua cho bằng được, mặc những lời mắng nhiếc của cha mẹ chồng. Nàng có nó đã ba tháng nay rồi và không một phút nào nàng tiếc cái món tiền to bằng gần nửa tài sản của nàng. Còn muốn gì hơn nữa, cái máy vuông xinh xinh chẳng chứa tất cả hạnh phúc của nàng hay sao? Chẳng là tất cả lẽ sống của đời nàng sao?

Nàng còn nhớ tối hôm ấy, cái buổi đã làm cho nàng hầu như phát điên vì sợ hãi vì một sự lạ lùng mà cho tới ngày nay nàng vẫn không giám tin hẳn cũng không dám ngờ vực. «Ngờ vực thì chết mất!» luôn luôn nàng nghĩ thầm. Hôm

ấy nàng đến chơi một người bạn học cũ cũng không thân lắm. Chẳng qua nàng chỉ đáp lại một buổi đến thăm của người ấy. Người bạn giữ nàng ở lại nghe radio, nói có rất nhiều tin tức quan trọng liên quan tới nước Việt Nam.

Vừa nghe câu đầu, nàng giật mình hoảng hốt. Nàng không thể nhầm được, tiếng người phát thanh chính là tiếng chồng nàng. Nàng cố cho đó là điều vô lý để bỏ qua đi, nhưng không thể được: Ở trên đời này không khi nào lại có hai người nói giống nhau như thế, giống từng giọng, giống từng tiếng. Và trong lúc mơ mộng, nàng tưởng tượng Thanh hiện lên ngồi nói chuyện với nàng, ngồi đọc báo cho nàng nghe như thuở xưa, trước giờ đi ngủ nàng thường nũng nịu bắt chồng đảm đương công việc ấy. Nàng ngồi lịm người đi, chú hết tinh thần vào

cái giọng đều đều trầm trầm. Và nàng như uống từng lời của người mà nàng nhất định cho là người yêu, mà nàng như cảm thấy có hơi thở làm rung động làn tóc xõa bên tai nàng. Tại sao người ấy lại không là Thanh được? Thanh rất có thể làm công trên một chiếc tàu hàng hải vượt Thái Bình Dương rồi nhờ có sự vận động của một người Mỹ nào đó được đổ bộ lên Cựu Kim Sơn và sau đó xin được vào làm ở đài phát thanh. Câu chuyện lập thành như thế rất là hợp lý và có gì là viển vông?

«Đích thực rồi!» Nàng bỗng đột ngột kêu to lên. Nàng vừa nhận được mấy tiếng đọc theo một giọng mà ngoài Thanh ra, nàng cho không một ai có.

– Cái gì thế chị? Người bạn ngơ ngác hỏi nàng.

– Không, nàng bẽn lễn đáp. Và nàng chống chế nói khôi hài để chữa thẹn: «Tôi phê bình lại lời phê bình của người phát thanh đấy». Đoạn nàng cất tiếng cười ngượng ngịu.



Hôm sau và mấy hôm liền nàng đến nhà bạn; người bạn trước kia rất sơ nay đã trở nên người tâm giao của nàng. Chỉ còn thiếu chút nữa là nàng đem hết bí mật câu chuyện ra thuật tường tận với bạn.

Nhưng tối nào cũng đến chơi dù lấy cớ nói là nghe tin tức thế giới đi nữa, đầu sao cũng là một điều suông sã trong tình bằng hữu. Nhất bạn lại còn có gia đình mà mình lại là một thiếu phụ xa chồng. Chẳng được, nàng phải thừa đến chơi.

Những đêm ấy nàng thấy bản khoản, sốt ruột trần trọc không sao ngủ được. Động chợp mắt, nàng lại tưởng nghe thấy tiếng chồng trong máy phát thanh, và nàng vụt tỉnh giấc. Trái lại những buổi ở nhà bạn về, thần kinh nàng dẫn ra, máu nàng chảy đều hơn, tim nàng đập chậm lại. Và nàng vừa đặt mình là khoan khoái ngủ yên, không mộng, không寐 không mê không sáng gì cả.

Một hôm trong câu chuyện xã giao, khi ngồi đợi giờ phát thanh, người bạn phàn nàn rằng bất cứ việc gì giá cũng cứ

một ngày một cao vọt lên mãi. Và để nêu ra một thí dụ nàng nói một cái máy radio trước kia giá có ba bốn trăm, bây giờ đắt tới nghìn rưởi, hai nghìn. Những lời không đâu ấy bỗng làm nẩy ra trong lòng Nga một ý muốn một dự vọng ngày càng thêm mãnh liệt: Có một cái máy radio, để rồi tối tối được nghe tiếng chồng mà không phải đi đâu!

Ba hôm sau, nàng nhờ được người mua hộ một cái máy sáu đèn bằng món tiền ngót hai nghìn, giá các đồ tư trang của nàng mà nàng đã đem đi bán.

Và từ đó tới nay, thấm thoát đã ba tháng. Đã ba tháng, chiều chiều nàng trang điểm phấn sáp, mặc vào người bộ áo cưới năm xưa rồi ngồi chờ nghe những lời yêu dấu.

Một hôm, Phương ẩm đầu và quấy

không chịu rời mẹ ra. Đến giờ, Nga đành phải ẵm con ngồi nghe. Phương có vẻ kinh ngạc, trố mắt tò mò nhìn cái khoảng sáng và thỏ thẻ hỏi mẹ:

– Ai nói thế mẹ?

Nga sung sướng cúi hôn con, và âu yếm bí mật thì thầm:

– Ba con nói đấy.

– Thế sao ba không ra đây với con, lại nấp ở trong ấy nói ra hử mẹ?

Nga chưa kịp nghĩ được câu ổn thỏa trả lời con, thì Phương đã hỏi tiếp luôn:

– Hay ba bị nhốt ở trong ấy?

Cách đó ít ngày Phương khoe với bà:

– Bà ơi, cháu biết ba cháu ở đâu rồi cơ?

– Thế ba cháu ở đâu?

– Ở trong cái máy nói của mẹ ấy. Cháu đã được nghe ba nói rồi cơ.

Bà lão và cả nhà cùng cất tiếng cười, cho đó là một câu chuyện bịa đặt để dỗ trẻ:

– Phương bảo mẹ có bán cái máy ấy đi thì ba mới chịu chui ra mà về với Phương.

– Nhưng cái máy bé quá, ba ở trong ấy thế nào được?

Bà mẹ chồng quay sang bảo Nga:

– Cứ kể giọng cái người trong máy mà tôi nghe tối hôm nọ cũng na ná giống giọng anh Thanh đấy. Chỉ khác một điều chậm rãi hơn, mà trầm hơn.

Nga buột miệng đáp:

– Thừa mẹ, phát thanh thì phải nói chậm rãi chứ! Còn giọng trầm là vì máy.

Dứt lời nàng hồi hận liền, vì sợ lộ mất bí mật mà nàng không muốn để một ai khám phá ra. Và nàng tự trách: “Rõ mình cũng lẩn thẩn đem chuyện ấy ra nói với con”. Bà mẹ chồng nhìn con dâu, mỉm cười:

– Hay chị tin đó là tiếng anh nên chị đã bán tư trang đi để mua máy ra-đi-ô đấy?

Câu nói đùa làm cả nhà phá lên cười. Ông bố chồng nói:

– Nếu quả thực người phát thanh ấy là anh Thanh thì cũng lạ lắm nhỉ! Mà biết đâu không phải anh Thanh. Để hôm nay thầy nghe xem.

Tối hôm ấy quả nhiên cha mẹ chồng nàng vào phòng nàng để nhận tiếng con. Trong khi ông cụ lắng tai nghe, Nga chăm chăm nhìn ông để chờ một lời phán đoán. Nàng lo lắng khi nghe cha chồng thốt ra một tiếng: “Ừ!”. Và nàng không dám hỏi thêm sợ bị thất vọng. Thì ông cụ lại nói tiếp:

– Ừ! Cũng giống đấy... Nhưng không phải tiếng Thanh đầu.

Mầm ngờ vực đã nhú trong lòng nàng vụt bùng bột nẩy nở. Nàng hoảng hốt lo lắng, cảm thấy mặt mình hơi tái đi. Và nàng lặng thinh đứng nhìn, hoang mang, không dám suy nghĩ liên miên. Sau khi tắt máy và cha mẹ chồng nàng mỉm cười vợ vẫn ra khỏi phòng, nàng tắt đèn lên giường đi ngủ liền.



Nhưng cả đêm nàng không chợp mắt. Sáng dậy nàng nảy ra một ý nghĩ mà mấy giờ sau nàng lại thấy không thực hành được, là gửi thư cho người phát thanh đài Cựu Kim Sơn. Nàng tự nhủ: “Không những khó lòng thư tới đích, mà nhớ người ấy không phải là chồng mình thực thì xấu hổ chết. Không, không

cần viết thư gì hết, vả sao một sự nhận xét cầu thả của ông bố chồng lại trong giây phút đánh đổ tin tưởng của mình được. Người cha thuộc giọng con sao bằng được người vợ thuộc giọng chồng! Không thể nhầm được. Giọng ấy chỉ có thể giọng Thanh. Nhất mẫu câu “bởi vì rằng” của Thanh thì không trộn đâu cho lẫn được.

Rồi mỗi ngày khi giờ phát thanh tiếng Việt của đài Cựu Kim Sơn nàng lại thấy lòng tin thêm vững chắc.

Sung sướng, rạng rỡ, chiều chiều nàng sống bên người chồng xa.

1945-1946

KHÁI HƯNG

NGƯỜI ANH HÙNG

Nơi ba nhân vật ấy tụ họp để sống với nhau cũng đã là một cảnh quái đản, một cảnh ma ám rồi. Một khu đất rộng tới bốn, năm mẫu, bao vây trong một lũy tre đầy kín, và một lần tường cao trên cắm mảnh chai vỡ. Hai cái cổng vòm kiên cố, nối liền nhau bằng một con đường nhỏ hẹp, hai bên có tường và ăn thông với ngõ xóm, một cái ngõ sâu hẹp giữa hai hàng dâu tre cao vút.

Trong khu đất bao la ấy, cây cối um tùm như rừng, một cái rừng hoang đối với con mắt người thường. Nhưng kỳ thực cái rừng ấy đã được trông nom, bài trí theo ý muốn của chủ nó. Ta có thể nói không thiếu một loài cây gì, từ cây to như cây sến, cây lim, cây trơ, cho chí những cây nhỏ như cây lan, cây lưỡi hổ, cây tóc tiên, từ những cây tầm thường như cây khế, cây sung, cây ổi cho chí những cây rất hiếm như cây hà lan, cây bạch mộc, cây bách tán, cây giồng đất, cây giồng chậu, cây leo, cây gửi, cây chơi hoa, cây chơi lá, một nhà thảo mộc học cũng khó lòng tìm ra được một loại nào không có trong cái vườn bách thảo ấy.

Nhà ở làm xế về phía Bắc khu vườn và quay mặt về đằng Đông, nghĩa là xây lưng ra cổng. Đó là một kiểu nhà cổ quái chẳng ra Tây, chẳng ra Tàu cũng chẳng

ra Việt Nam. Hai tầng trên một nền cao, về góc phía Tây nhô lên một cái chòi “lô cốt”. Cửa sổ cuốn, cái cao cái thấp không theo hàng. Toàn thể, cái nhà ấy giống như một tòa lâu đài bỏ hoang, nhất nó lại rêu phong tứ phía và bị lá cây luôn luôn che khuất ánh mặt trời.

Đó là nơi ba người lạ lòng chung sống không rõ từ bao giờ, ba người mà ngay buổi đầu gặp gỡ, tôi cho là ba người điên, nhất ngắm tòa lâu đài hình thù cổ quái, tôi càng yên trí rằng nó phải là công trình của bọn người loạn óc. Mà hiện giờ, sau mười mấy năm chơi với nhau tôi vẫn chưa rõ hẳn rằng cái ông kiến trúc sư kỳ dị ấy là một người điên hay là một người phi thường.

Thời tôi mới quen biết ông ta thì Tiên vào chạc ngoài ba mươi. Một cái trán cao rộng, hai con mắt sắc ném tia sáng, cặp

môi đỏ và tươi dưới bộ ria cụp, và trên bộ râu thưa, dài, màu hung hung. Tóc cắt ngắn nhưng đầu chỉ cao ở phía gáy, còn tóc mai để nguyên vẹn, khiến đứng đằng trước mặt mà ngấm y, ai cũng tưởng y búi tóc. Quần áo thì rất là lôi thôi lổc thock, một cái quần cháo lòng, một cái áo cánh nâu, một cái áo lương bã, một đôi guốc gỗ mũ da lộn.

Vả Tiên cũng không có thời giờ mà nghĩ tới sự trang sức. Bà Tiên lại là một người nhà quê, chỉ nghĩ tới việc đồng áng làm ăn và như không ngấm nghĩa chồng bao giờ. Mà có lẽ hai người cũng ít khi gặp nhau. Tiên có mấy khi rời cái phòng sách và phòng thí nghiệm đầu. Trong phòng sách rộng chừng hai mươi thước vuông, chỉ bày có một cái bàn, hai cái ghế gỗ, và một bộ ghế ngựa quang dầu. Còn bao nhiêu chỗ thừa bị các tủ và

giá sách chiếm hết. Đó là một kho toàn một thứ sách chữ Hán. Sách khảo cứu các ngành khoa học Âu Mỹ, các tôn giáo, triết học Đông Tây. Những tự điển, đủ các loại, cũng đã chứa chật một cái tủ lớn rồi. Còn gian phòng thí nghiệm của Tiên thì ngoài y và nhà “kỹ sư”, cái danh từ y đặt cho người thư ký của y, ngoài hai người ấy ra thì không một ai được bước chân vào. Chính tôi cũng chỉ thoáng nhìn thấy một lần, khi Tiên ở trong đó mở cửa đi ra phòng sách. Đại khái nó cũng như những phòng thí nghiệm ở các trường trung học, với những lọ, những phễu, những ống thủy tinh bày la liệt trên những cái bàn sơn màu xanh xám.

Trong buổi mới quen biết con người lạ lòng ấy tôi khỏi tức cười sao được! Một nhà nho khoa học? Một nhà nho bác học? Tôi không sao tin được điều ấy!

Nhưng ông “kỹ sư” thì phục y lắm, và thân mật bảo cho tôi biết rằng về khoa học, trình độ y ít ra cũng ngang trình độ một bậc Tiến sĩ. “Kỹ sư” cũng biết tôi không tin lời ca tụng ấy nhưng y thấy đó là chuyện không đáng kể. Và y vốn ít lời lại không thích tranh luận với ai một vấn đề gì bao giờ.

“Kỹ sư” vào khoảng hăm năm tuổi, đã đậu bằng thành chung và tốt nghiệp trường canh nông Tuyên Quang. Tuy vào trường này người ta chỉ cần có bằng cơ thủy, nhưng vì thích khoa canh nông thực hành, y cũng cứ đệ đơn xin học. Vừa ở trường ra y gặp ông cả Tiên và nhận lời đến trông coi cái vườn bách thảo cho ông ta, dù phải hoàn lại cho Chính phủ bảo hộ Pháp số tiền tức phí trong mấy năm tòng học.

Lương, tên người thiếu niên ấy, rất hiền lành và khiêm tốn. Không bao giờ y nói chuyện đến công việc của y, một công việc vĩ đại mà không ai ngờ tới. Đó là việc khảo cứu tên và tính chất cây cối trong vườn ở những pho sách Tàu mà y cho ngoài ông Tiên ra không một người Việt Nam nào có thể có được: những pho sách ấy cũng như phần nhiều các pho sách khác, ông Tiên đã gửi mua tận Thượng Hải và Bắc Bình.

Thực là giới sinh ra hai người ấy để mà kết bạn với nhau, để mà sống gần nhau. Họ giống nhau về đủ mọi phương diện. Cùng ít nói, cùng làm việc nhiều mà cũng làm những việc vô hại nhưng rất vô ích cho đời. Tôi đã được theo đuổi một cuộc tra cứu của hai người trong các sách toán pháp Đông, Tây giòng già ba bốn tháng giới để tìm ra “cái luật vạn

nhất” của sự may rủi về cờ bạc, về cái số chẵn số lẻ của sóc đĩa chẳng hạn. Họ hý hục trong bao lâu như thế mục đích không phải là để lợi dụng cuộc khảo cứu mà làm giàu về đồ bạc. Họ rất ghét cờ bạc và bận bịu như họ thì còn thời giờ đâu mà đánh bạc?

Việc thiết thực, họ không cần để bận lòng. Đã có bà Tiên nghĩ đến cho họ. Một mình bà trông coi gia sản của tiền nhân để lại, chừng vài ba trăm mẫu ruộng rải rác trong khắp một vùng. Quý hồ, họ có tiền mua sách và các dụng cụ, nguyên liệu khảo cứu khoa học là được rồi. Người đàn bà ấy rất có tính phục tòng, thế mà một lần đã phải kêu van hai người tiêu pha vừa vừa chứ, không thì đến sạt nghiệp mất. Hồi ấy hai người khảo cứu phân chất các thứ hoàng đồng thời Hạ, thời Chu, thời Hán và công việc

ấy đã làm hại cho quỹ của bà Tiên một món chừng bốn năm vạn, tiền mua lò, máy móc đúc đồng và các dụng cụ, các chất hóa học. Kết quả cuộc thí nghiệm khoa học ấy là một cái đỉnh đời Chu, một đôi ống hương đời Hạ, một con ngựa đời Hán giống hình và giống chất. Hai người sung sướng ngắm nghía cái công trình của mình trong ít lâu, rồi bỏ lò, bỏ máy để quay sang một việc khảo cứu khác, cũng vĩ đại và vô ích như việc trước. Thế giới, hai người ấy sống sẽ là một thế giới im lìm, một thế giới chết, nếu không có một nhân vật thứ ba. Đó là một người bếp khổ đở măn khóa về xin vào làm vệ sĩ cho nhà Tiên. Chính vì thế người ta gọi bác là bác Vệ, tuy tên bác là Quynh. Tiên và Lương yên lặng bao nhiêu thì bác Vệ ồn ào bấy nhiêu, nhất khi bác đã chuẩn choáng vài ba chén rượu. Nhưng sự ồn ào của bác cũng không làm ngăn trở gì

cho công việc khoa học của hai người kia vì bác sống riêng biệt hẳn trong cái chòi và ba gian “trại” phía trước, cách cái lầu đài khảo cứu có tới hơn trăm thước. Bác ở đây với hai người lực điền và thường hay giao thiệp với bà chủ hơn là với ông chủ và ông “kỹ sư”.

Đó là một người chạc ngoại tứ tuần, cao lớn, lực lưỡng, ngực nở, bắp tay to, tiếng nói sang sảng. Ngoài công việc ban đêm giữ nhà, bác còn đi tuần trông coi cả mấy cánh đồng lúa khi sắp tới vụ gặt. Vì cái trách nhiệm nặng nề ấy mà bác rất siêng năng tập tành võ nghệ, và dạy hai tay điền tốt của bác học đủ các lối công, thủ bằng súng, một cây súng bắn chim, bằng gậy, bằng giáo và bằng đao.

Nhưng thực ra, bác dạy thì ít mà bác khoe khoang và nói chuyện về bác thì nhiều. Cứ lời bác thì nhờ về môn bắn tài,

bác đã mấy lần lên cai rồi lại bị lột lon xuống làm lính vì cái tính bướng bỉnh cãi lại quan trên của bác. Kể cái tài bắn của bác thực đáng sợ nếu cứ tin ở lời bác: đặt đồng xu lên đầu cây súng mót-cơ-tông, mổ cò, đồng xu nhẩy lên ở nguyên chỗ mà không rơi xuống đất. Lại một hôm ở đồn binh, viên quan ba đương ngủ trưa, thì một con quạ đến đậu trên cành soạn bên đầu nhà kê um lên và đánh thức y dậy. Y cúi kính gọi: «Quynh!» giết chết nó đi cho tao! Quynh cầm cây súng ra và hỏi: «Ông muốn tôi bắn chết nó hay chỉ bắn què thôi? «Bắn què». Viên quan ba đáp. «Què chân trái, hay chân phải» – «Chân phải» – «Được». Tức thì phát súng nổ và con quạ từ trên cây lộn cổ xuống què chân phải và dẫy đành đạch.

Câu chuyện ấy Lương cũng được nghe. Và y tin lắm, vì y không bao giờ

ngờ vực một lời nói của một người nào dù lời nói ấy vô lý đến đâu. Thế là y thấy thích khảo cứu về khoa bắn, rồi từ khoa bắn đến các thể trận, mưu lược trong các sách binh thư của cổ nhân Trung Quốc. Cái việc khảo cứu quân sự ấy đã làm cho y mất đến hai ba tháng cặm cụi và đã gây một trò cười trong cái “trại lính” bên cổng chòi. Hôm nào cũng vậy, chưa cạn chén rượu thú nhất, bác Vệ đã đem ông “kỹ sư vườn” ra làm đầu đề câu chuyện vui! Bác kéo dài giọng, mĩa mai nói với hai người điền tốt:

– Ô chào! Tưởng việc binh cũng như việc tìm tên cho những cây lạ, hoa kỳ chẳng? Tưởng đâm chết tên cướp cũng dễ như chiết cành, chấp cây chẳng? Ngũ ấy thì cầm cái giáo không nổi, còn bắn với biếc gì!

Câu khôi hài ấy thốt ra trước mặt bà Tiên làm bà ta thích chí cười rú lên. Rồi vì cũng chẳng ai ưa gì ông kỹ sư, bà ta đem thuật lại với ông ta. Bà tưởng trêu tức y, nhưng trái lại, y thấy câu bình phẩm ấy rất hợp lý. Bắt đầu ngay từ hôm sau y khảo cứu về khoa thể thao; và sáng sáng dậy sớm ra vườn vận động thân thể. Quả nhiên người y nở nang ra trông thấy.

Trong cái thế giới ly kỳ của những nhân vật ly kỳ ấy, một lần đã xảy ra một việc bất thường, làm ngưng trệ công việc đều đều của họ trong ít lâu, chỉ trong ít lâu thôi. Một hôm một bọn cướp nhờ có một trong hai tên diễn tốt làm nội ứng đã vào lọt trong cái vườn Bách thảo và cái lâu đài khoa học ấy. Thấy động bác Vệ vội lấy súng chống cự, nhưng các thứ khí giới lợi hại của bác đều bị tên đầy tớ bất lương giấu đi một nơi. Bác không vì thế

mà chịu đầu hàng, hăng hái kháng chiến với bọn cướp bằng gạch, bằng gậy, bằng bất kỳ thứ khí giới gì vớ được. Và bác chống cự mãi cho tới khi bị thương và bị bắt. Sự can đảm của bác đã giúp được bà Tiên và hai con, một giai, một gái sống riêng biệt trong bảy gian nhà ngang, trốn thoát được ra ngoài do một cái cửa bí mật ở sau vườn. Còn ông “kỹ sư” thì vừa nghe có động y đã biến mất: Người ta cũng không rõ y chạy đằng nào hay ẩn núp ở đâu. Duy có Tiên thì vẫn bình tĩnh như thường và nhất định không chịu rời hai cái phòng sách và thí nghiệm ra, y ở đó chờ cho bọn cướp lên để kính cẩn nói với họ:

– Thưa các ngài, các ngài muốn lấy vật quý gì cứ việc, chỉ xin các ngài đừng đụng chạm, phá phách hai cái phòng này mà thôi. Những thứ này các ngài không

dùng làm gì được đâu: Toàn sách với chai với ống với lọ cả.

Y có ngờ đâu rằng chính câu nói của y đã gợi lòng tò mò và nghi hoặc của quân cướp: sau khi đã trói y lại chúng lục lọi, vất tung tóe hết các sách, đập vỡ bừa bãi một số chai lọ, để tìm vàng bạc châu báu mà chúng chắc y dấu giếm trong hai gian phòng. Mãi khi không thấy gì chúng mới chịu phá rường phá tủ ra vỡ vét của cải quần áo.

Một giờ sau, bọn cướp kẻ vác, người gánh theo tên tướng dẫn đường ung dung kéo đi. Bỗng có tiếng kêu ồn ào ở con đường ngõ xóm. Đuốc vội dập tắt, rồi mạnh ai nấy chạy, bọn cướp vứt đồ đạc lại nhốn nháo tẩu tán. Khi tuần làng đến thì chúng đi đã xa. Trong ngõ xóm còn lại một tên bị tử thương ở bụng và còn quần quai trên vũng máu. Nổi, mâm,

soong chảo, quần áo thì rải rác suốt từ đầu cho tới cuối xóm. Sau khổ chủ ra thu nhặt về, nhận thấy rằng bốn phần của bị cướp, quân cường đạo bỏ lại tới hơn ba phần.

“Nhưng ai đã đâm chết tên cướp, khiến bọn quân mất đầu tan rã bỏ chạy như thế?” Người ta kinh ngạc hỏi nhau. Giữa lúc ấy ông “kỹ sư” vác cây giáo dài từ trong vườn bên đi ra và ôn tồn giảng giải:

– Trong khi khảo cứu về chiến lược của Tôn Vũ, tôi đã chú ý đến câu “đánh bất thành linh”. Đánh bất thành linh thì một người có thể hạ nổi trăm người, nhất khi mình lại chiếm được địa lợi. Khảo cứu về địa lợi, tôi đã ra đây xem xét kỹ lưỡng cái ngõ hẹp này, và thấy nó rất có lợi cho trận đánh mai phục mà ngày nay người ta gọi là du kích. Đây, các ông coi,

Tôn Vũ đã thắng một cách dễ dàng. Mọi người phá lên cười. Và từ đấy ông “kỹ sư” lại có thêm được hai tên mới: Tôn Vũ và Người Anh Hùng.

KHÓI HƯƠNG

Đi cỏ là một công việc ao ước trong trại giam Vụ Bản. Riêng có hai người Thổ phụ trách công việc ấy nhưng thỉnh thoảng họ lại nhường cho bạn bè được nếm qua cái thú nên thơ.

Sáng hôm nay, lão đồn già đã phải mỉm cười nhìn Linh và Khanh, trong bộ quần áo “gôn” màu cỏ, nhẹ nhàng vác trên vai đôi lẳng tre lồng một, trong đựng hai cái liềm và một cuộn dây lạt. Và lão nháy hỏi đùa một câu tiếng Việt:

– Đi cỏ?

Rồi lão tiếp liền một câu tiếng Pháp, như để tỏ rằng đã bằng lòng ban cho hai người cái ơn huệ ấy:

– Được! Chơi cho thỏa thích đi nhé!

Lần này là lần đầu Khanh đi cỏ, nhưng vì được anh em tả cho biết mọi chi tiết của công việc ấy nên y đã đem theo một điều kiện cần thiết: tiền mà y cẩn thận giấu vào trong tất⁵ để phòng sự lục khám bất thần của lão đồn già.

Sương còn đây đặc khi Linh và Khanh ra đi với người lính Mường. Dây núi Hoành Sơn như nổi trôi trên biển tuyết. Bị cỏ đồi dài và sắc nhuộm ướt tất và ống quần, hai chàng đến ngồi nghỉ ở một gốc đa bên cái giếng nước suối, để hóng gió

5 Tất: Tiếng miền Nam Việt Nam gọi là đôi dớ (vớ) để bao chân khi đi giày. Người miền Bắc gọi là "bí tất".

cho khô. Trong khi ấy người lính Mường đến góp chuyện với mấy hàng gánh gà vịt ra chợ Trào bán.

– Hẳn có nhà đấy, các thầy ạ.

Y quay ra bảo hai chàng.

– Thế à? May quá nhỉ!

Hẳn là người mà chú lính "Sáu-ba" sắp đưa hai chàng đến nhà, và người đàn bà báo tin kia là vợ hẳn.

Vượt qua một cánh đồng rộng, theo ven một khu rừng rậm, leo hai quả đồi cỏ nữa, ba người mới tới nhà Nghĩa. Linh thật thà hỏi:

– Phải đi xa thế này mới cắt được cỏ cho trâu ăn?

Khanh cười:

– Việc chính có là việc cắt cỏ đâu.

Và "Sáu-ba" nghiêm trang tiếp, y như không cười không đùa bao giờ:

– Các thầy không phải cắt cỏ. Cả tôi cũng vậy, chỉ việc chén say rồi ngủ một giấc, chiều về thế thôi.

Làng Nghĩa, một làng chết. Lũy tre sơ sác, lèo tèo vài chục nóc nhà. Người ở lúa thừa, không một mống trẻ con nào ra đường. Khanh buồn rầu hỏi "Sáu-ba":

– Ở đây làng nào cũng tiêu điều như thế này à?

– Không đâu, thầy ạ, đây là một xóm nghèo nhất vùng này.

Linh cười:

– Tôi có cảm tưởng đến một nơi vừa có bọn cướp đi qua. Chúng vét sạch của

cải và nhân dân bỏ trốn hết.

Người lính thật thà đáp:

– Không đâu, thầy ạ, trên chúng tôi không có cướp bao giờ. Còn thầy thấy vắng như thế này là vì hôm nay là ngày phiên chợ Trào, cả làng đi chợ, chiều mới về cơ mà. Nhưng đây rồi, đến nhà hăn rồi.

Nhà hăn là một căn nhà sàn bằng gỗ, làm trên một miếng đất nhỏ hẹp, lũy tre lụi từng đám, khiến người ta có thể qua đó mà vào chứ không cần phải đi lối cổng. Cái cổng chỉ là một công trình mỹ thuật mà nhà nào hình như cũng chăm chú đến. Nó cao, dù bằng tre hay bằng gỗ, và phần trên là một cái miếu con xinh xắn.

Một con chó vàng, lông dài, đuôi vòng lên lưng như cái dấu hỏi, uể oải lên tiếng sủa, có lẽ không phải để xua đuổi mà để báo cho chủ biết có khách đến chơi.

Quả nhiên chủ nhân thò đầu qua cửa sổ và nhìn thấy ba người, y vội vàng chạy ra cầu thang đón tiếp:

– Mời hai quan với bác lên chơi. Hôm nay hai quan mới đến đây?

Thì ra nơi này là nơi tụ họp hàng ngày của anh em đi cỏ.

– Hai ông lên trước đi, tôi cất các thức rồi lên sau.

Các thức là ba đôi lẵng tre bé xíu và hai cái liềm đem theo để có vẻ đi cắt cỏ.

Linh và Khanh tấm tắc khen cái nhà

sàn đẹp và sạch sẽ. Nó khác nhà sàn Thổ ở chỗ gian bếp và gian đàn bà cách biệt, có phen liếp ngăn ra. Và nó sáng sủa hơn, vì một cái cửa sổ hình chữ nhật đặt ngang mở rộng ra phía Đông Nam để đón ánh mặt trời và không khí.

Bên cửa sổ, một cái chiếu hoa cạp xanh giải xuống sàn, gỗ ghép xít. Trên chiếu là cái khay thuốc phiện, với ngọn đèn dầu le lói trong cái chụp pha lê sáng bóng. Khanh thì thầm bảo Linh: “Cái anh chàng này chừng là tay ăn chơi!”

Chủ nhân cười hỏi:

– Hai quan muốn làm cái này? Nhà cháu xin tiêm hầu hai quan xơi?

Linh mỉm cười:

– Cám ơn ông. Chúng tôi xin vô phép.

Khanh tưởng nên khen một câu làm thân:

– Cái nhà của ông đẹp lắm! Bức sàn ghép toàn bằng gỗ quý.

Sáu-ba vừa lên nói vọng vào:

– Ấy từ ngày ông ta ra làm lý trưởng đấy.

Linh nói:

– Ở dưới chúng tôi cũng vậy, ai ra làm lý trưởng là cũng tốn kém hao hụt.

Chủ nhân cười:

– Bẩm hai quan, chúng tôi ở nơi sơn cước, bì thế nào được với quê quan.

Nhưng phải nghĩ đến việc chính đã. Việc chính là đưa tiền cho chủ nhà nhờ sửa soạn một bữa ăn.

Khanh tháo giấy, tắt lấy đưa cho Sáu-ba một tờ giấy năm đồng. Y giao ngay cho chủ nhà và nói:

– Nay, ông làm giúp hai thầy bữa chén nhá.

Cái khách sáo phong lưu bỗng thức dậy trong người Mường. Y giơ tay ra gạt:

– Ấy! Ai lại thế. Nhà cháu đã có gà, chả phải mua gì đâu mà hai thầy đưa tiền.

Cả ba người phải nói khéo mãi, y mới chịu cầm tờ giấy bạc gấp nhỏ bỏ túi. Rồi chủ và khách ngồi nói chuyện chung quanh bàn đèn. Sáu-ba yên lặng nằm tiêm thuốc, và xong mỗi điếu y lại quay mời Linh, Khanh và người Mường. Nhưng lần nào ba người này cũng từ chối và mời lại y. Như thế y kéo luôn một lúc

đến năm sáu điếu. Giữa câu chuyện gia thế của người Mường, Linh quay sang Sáu-ba hỏi chen một câu:

– Thì ra bác bếp cũng hương khói phụng thờ thần Phù dung đấy à?

Y không hiểu, Linh phải giảng nghĩa:

– Bác nghiện thuốc phiện à?

Y cười nhạt nhẽo:

– Không, hút chơi đấy thôi, thầy ạ, ở đây cần phải hút. Anh em chúng tôi hễ ai không hút là thế nào rồi cũng đi tiểu ra máu mà chết.

Chủ nhà gật gù:

– Bác ấy nói đúng!... Mà lại hút nhiều cơ chứ! Với lại làm cái nghề của chúng tôi, không ăn không được cơ!

Cái nghề ấy là nghề nấu thuốc phiện lậu, một nghề không nguy hiểm như người ta tưởng tượng vì – lời người Mường – "đã có quan Châu và các quan Lang che chở!" Y cho biết rằng quan Châu đã kịch liệt phản đối việc xông xáo vào làng bắt thuốc phiện của bọn lính thương chánh, và yêu cầu quan Tây mỗi khi đi bắt đều phải báo cho quan Châu biết.

– Hai quan đã thấy chưa? Tây nó phải chịu nghe theo. Thế rồi mỗi khi nó định đi bắt đâu thì quan Châu lại báo cho quan Lang biết, rồi quan Lang báo ngay cho mình biết để mình giấu hàng đi.

Vì thế mà sở thương chánh lập ra ở Vụ Bản phải bãi đi vì chả có việc gì nữa. Bắt đâu ra thuốc phiện mà ở mãi đấy, ăn tổn tiền lương của Tây phải không thày?

Bốn người cùng cất tiếng cười thích chí. Rồi đến lượt Sáu-ba thuật chuyện buôn bán thuốc phiện của y thuở xưa, cái nghề mà y yêu mến nhất trên đời.

– Thế sao lại ra lính?

– Ấy, vì thế này. Tây nó bắt quan Lang tuyển lính. Nhưng trên tôi chả ai muốn đi lính cả. Quan Lang liền lập mưu, làm một bữa tiệc mời những người danh vọng đến ăn. Thế rồi nó ép chúng tôi phải ra.

Chủ nhân sau một điệu thuốc phiện, nằm ngửa nhìn khói tỏa bồng bồng trước mặt, vẻ nghĩ ngợi. Bỗng y ngồi nhòm dật hỏi:

– À ban nãy hai quan nói cái gì khói hương phụng thờ thế nhỉ? Phụng thờ thần gì thế?

– Ở Trung Châu, nghiện thuốc phiện người ta nói hoa mỹ là: khói hương phụng thờ ả Phù dung. Phù dung là thuốc phiện ⁶

– Ủ! mà mình phụng thờ nó thật, hai quan ạ. Nói đến khói hương, tôi lại nhớ một lần đã khổ sở, mất ăn mất ngủ vì nó.

Và y thuật lại câu chuyện cho Linh và Khanh nghe:

Người Mường trọng sự thờ phụng tổ tiên. Và tuy mấy năm nay giá dầu cao quá, người vợ chủ nhà này cũng cố mua được thứ dầu tốt, trong trẻo, thơm tho về thắp đèn thờ. Chai dầu ấy nàng cất vào trong một cái rương khóa kỹ, sợ chồng lấy dùng vào ngọn đèn thuốc phiện.

6 Những chỗ có ghi dấu chấm chấm là do bản thảo bị mối xông mất 1 dòng. Truyện này trong năm 1965 chúng tôi đã cho in đầy đủ trên nhật báo Dân Chủ ở Sài Gòn mà chưa tìm lại được. (Chú thích của Nguyễn Thạch Kiên).

Sự lo ngại của nàng quả một hôm thành sự thật. Hôm ấy, nàng đi chợ vắng, người chồng ở nhà đến cơn nghiện mà hết dầu. Hẳn biết vợ có một chai dầu còn gần đầy mà nàng cất trong rương. Nhưng rương khóa, biết làm thế nào? Hẳn cúi kinh toan lấy rìu phá rương ra để tìm chai dầu. Về sau với cái dây thép hẳn cũng mở được khóa.

Thế là bắt đầu từ hôm ấy, hẳn dùng toàn dầu cúng tổ tiên vào việc cúng ả Phù dung. Rồi hôm chai dầu gần cạn, hẳn đâm lo sợ nghĩ thầm: "Con mụ mà nó biết thì khổ với nó". Hẳn liền nhờ người đàn bà hàng xóm mua hộ một chai dầu cá với một giá rất rẻ, để thế vào chỗ dầu đã dùng vào đèn thuốc phiện: "Dầu gì thì cũng đến đốt cho có ngọn là được! Can chi lại đi dùng dầu ăn thuốc để mà

thấp đèn, phí quá! Đèn bà rõ lẫn thần quá!”

Nhưng hôm dùng đến đầu để cúng, người vợ mở nút chai, bỗng chun mũi lại kêu:

– Sao mà dầu hội thế này?

– Hôi à? Người chồng vờ hỏi. Sao lại hôi?

– Hôi quá. Ngửi xem đây này!

Người chồng ra ngửi thử cũng chun mũi lại như vợ:

– Hôi mà lại còn tanh nữa.

– Tại sao thế nhỉ?

– Ai mà biết. Chắc mình mua phải thứ dầu xấu, nó lên men nên nó ra thế.

– Để rồi phải mắng cho lão hàng dầu mới được. Nó lại cậy nó là người Kinh nó đánh lừa dân Mường à. Để chai dầu đây, phiên chợ sau đem ra phố bắt nó đổi.

Người chồng mỉm cười dàn xếp:

– Thôi, sinh chuyện với người Kinh làm gì? Với lại dầu nào mà chả thắp được, quý hồ cháy thì thôi. Có ăn dầu đâu mà cần thơm tho.

Người vợ chau mày, giận dỗi:

– Thế thì mất nhiều tiền mua dầu tốt làm gì. Việc thờ cúng mà hôi tanh thế này, sao được.

Người chồng cố tìm lý để tránh cho vợ một cuộc đôi co bất công với người Kinh:

– Dầu sao cũng lỗi tại mình. Ai bảo mình nhầm. Người ta có thể đổ cho mình đem về thay dầu khác vào để bắt đền người ta cơ mà.

Nói dứt câu ấy và nghĩ đến sự thực hần cười vui vẻ đổ dầu ra đĩa:

– Ở chai thì nó hôi, chứ rót ra đĩa cũng không đến nỗi mình ạ.

Đến đây, người Muồng ngừng lại kéo hơi thuốc phiện, rồi hần nhón nhác nói:

– Chính cái việc ấy đã làm cho tôi khốn khổ đấy.

Khanh ngơ ngác hỏi:

– Sao vậy? Bà ấy làm ông khổ, phải không?

– Không, đâu có thế. Nhưng mà cũng được vài lần thì các Ngài không về nữa.

– Ai kia? Ai không về?

– Các Ngài. Tổ tiên ấy mà!

– Tổ tiên? Sao ông biết các Ngài không về?

– Sao lại không biết!

Hắn nhắc đi nhắc lại mãi một câu như còn đang ở dưới sức đe dọa của tổ tiên:

– Thế mới chết chứ! Các Ngài bỏ đi biệt, thế mới chết chứ. Các Ngài không về nữa, thế mới chết chứ!

Khanh và Linh cố giữ để khỏi bật cười, vì hai chàng cũng không thể tưởng tượng được người Muồng kia làm thế nào mà biết rằng các Ngài không về.

Muốn hỏi để biết nhưng lại sợ làm phật lòng con người tín ngưỡng.

– Thế rồi sau các Ngài có về không?

Khanh cố giữ vẻ trang nghiêm hỏi lại một câu.

– Ôi giờ ôi, tôi khổ sở mất một tháng, kêu cầu van lạy các Ngài mới lại chịu về. Vợ tôi thì khóc lóc mãi.

– Thế bây giờ các Ngài đã về rồi, thì ông khách đến già không dám dùng mỡ hôi thắp đèn thờ nữa chứ?

– Vâng. Cái chỗ dầu hôi tôi đem vớt xuống suối cho chảy đi mất tích. Nhưng một đêm nguy quá hai quan ạ, tôi lại bị con ma thuốc phiện xúi dục làm càn. Các quan có tin rằng có ma thuốc phiện không? Đêm hôm ấy tôi hút mới được hai điếu thì hết dầu. Mua dầu ư? Mua ở

đâu. Chẳng lẽ đương đêm mò ra phố...
Mà khuya khoắt ai người ta bán cho?

Tôi đương mơ màng nằm nghĩ cách
làm thế nào để hút được cho đủ cơn
nghiện, thì bỗng tôi chợt chờn ngủ thiếp
đi. Ấy chính lúc bấy giờ con ma thuốc
phiện nó hiện về đấy, hai quan ạ.

– Nó hiện về? Thế hình thù nó thế
nào?

Khanh hỏi.

Người nghiện mắt mở to như còn bị
ma nạt. Và hẩn kể tiếp:

– Nó cao lênh khênh, đầu nó to như
cái dành mà hốc hác giờ xương ra. Mắt
nó sâu như hai cái hang, răng nó nhe
ra. Nó giờ tay trở mãi vào cái rương để
xui tôi đến mở mà lấy dầu. Thấy tôi làm

thình nó lay tôi dậy. Tôi mở mắt ra thì nó đã biến mất. Ánh giăng chiếu xiên qua cửa sổ, gian nhà sáng rõ và tôi đắm đắm nhìn cái rương kê làm bàn thờ tổ tiên. Đã hai ba lần tôi lần ra ngắm nghĩa cái khóa rồi nghĩ đến các cụ tôi lại sợ hãi quay về chiếu nằm bên khay đèn tắt lửa. Nhưng động chợp mắt thì ma lại hiện lên. Lần này nó ghé hằm vào tai tôi nó thì thầm: "Mày mà để lửa thờ tao tắt lụi, thì tao bóp cổ, tao vật chết tươi bây giờ".

Chẳng dùng được tôi phải đành liều đi lấy cái chìa khóa dây thép mở rương lôi chai dầu ra, chiết vào phễu đèn, đánh diêm thắp lửa. Ngọn đèn lúc bấy giờ sao mà đẹp thế, cứ sáng tươi mà trong vắt thôi. Tôi cầm chai dầu giơ lên xem. Còn những già một nửa. Và tôi vui vẻ nghĩ thầm: "Thế mà mình cứ lo sợ vẩn vơ. Cứ

dùng rồi mai kia ra phố mua bù vào, đã sao". Hút luôn một lúc năm, sáu điều tôi lại ngủ thiếp đi. Thì nó lại đến.

– Con ma?

– Vâng con ma, nó lại đến. Lần này nó reo mừng, nhảy múa. Rồi con nữa, rồi con nữa, một lát sau đến gần một chục con ma hiện về nắm tay nhau mà nhảy chung quanh cái bàn đèn mà hát những bài ca thuốc phiện và cười khanh khách. Mãi gà gáy sáng chúng nó mới đi và tôi mới thức dậy.

– Rồi tối sau cũng thế hai quan ạ, ma nó lại về nó xúi tôi lấy đầu cùn để thắp đèn thuốc phiện. Tôi sợ hãi quá phải đánh thức vợ tôi dậy kể cho nghe câu chuyện. Vợ tôi giận tôi phát khóc lên. Và sáng sớm hôm sau đi phố sớm mua chai dầu khác cất kỹ không cho tôi biết chỗ.

Nó không biết cái ám ảnh ghê gớm của con ma thuốc phiện nên nó chỉ sợ ông vãi thôi. Nó bảo lần sau mà còn đem dầu hôi rỉ tiền ra cúng các Ngài thì các Ngài đi hản đấy không về nữa đâu. Các Ngài đã báo cho nó biết thế.

Sợ quá! Hai quan ạ! Các quan tính ông vãi thì còn thương con cháu. Các Ngài giận thì các Ngài bảo thế thôi. Chứ con ma thuốc phiện thì nó thương gì mình phải không, hai quan? Không vâng theo mệnh lệnh của nó thì nó bóp chết thật đấy, hai quan ạ. Ở đây chán người làm trái ý nó, nó đưa đường cho lính đoan bắt giam, chết khô ở trong nhà pha vì không có thuốc hút cơ đấy.

Rồi hản ta nhắc đi nhắc lại mãi một câu:

– Gớm thật con ma thuốc phiện!

Trong khi hăn kể câu chuyện thuốc phiện cho Linh và Khanh nghe thì Sáu-ba nằm ngủ kéo một giấc ngon lành. Mãi lúc con gái hăn bung mâm lên hăn mới lay dậy. Khanh mỉm cười hỏi:

– Thế nào Sáu-ba có thấy con ma thuốc phiện hiện về không?

Hình như Sáu-ba đã nhiều lần được nghe câu chuyện vừa kể nên y mỉm cười hỏi chủ nhân:

– Lại chuyện con ma thuốc phiện và chai dầu hôi phải không?

– Vâng, nó ghê lắm đấy, cái con ma thuốc phiện, trêu vào nó thì cứ là chết.

Buổi chiều khi mặt trời đã khuất núi, ba người gánh ba gánh cỏ nhẹ thênh thang trở về trại giam. Khanh hỏi Sáu-ba:

– Này ông Sáu-ba, làm thế nào mà cái ông chủ nhà ấy biết rằng các Ngài không về?

Sáu-ba ngơ ngác hỏi lại:

– Các Ngài nào thế?

– Tổ tiên ấy mà! Ông vải ấy mà!

– À lại chuyện chai dầu hôi. Biết chứ! Xin âm dương thì biết các Ngài về hay không về chứ!

– À ra thế.

Khanh và Linh cùng cất tiếng cười vui thú. Thế mà mình nghĩ mãi không ra.

Từ đó thỉnh thoảng Linh và Khanh lại xin đi cắt cỏ để ăn cháo gà và nghe những câu chuyện thật thà của người bạn Mường trong làng Nghĩa.

NHUNG

Từ ngày được vô can trong vụ cướp nhà ông Thượng Nguyễn nhờ có những lời làm chứng công bằng của Nhung, con gái khổ chủ, thì Sinh bỗng đổi hẳn tính nết. Trước hẳn hay nói, hay cười, hay đi chơi khắp các xóm để bới chuyện nhà này nhà khác nhất là chuyện nhà ông Thượng Nguyễn mà hẳn ghét cay ghét độc. Nay thì không mấy khi người ta gặp mặt hẳn nữa. Hình như hẳn xấu hổ vì đã bị dính líu vào cái việc nhơ

nhóp kia, nên tuy vô tội, hấn vẫn thấy cần phải sống ẩn thân trong ít lâu. Bây giờ, người làng Bắc còn thì thảo bàn tán nhiều quá, đi đây đi đó nhờ thoáng nghe thấy chỉ thêm bức mình! Ấy là người ta đoán thế thôi, chứ chính Sinh cũng không từng ngỏ tâm sự với một ai. Hấn hầu như một người câm và cả ngày chúi rúc trong gian buồng cửa đóng kín mít. Đến bữa, mẹ và các em có gọi đi ăn cơm thì một là hấn lẳng lặng bước ra, ngồi xuống phản và lùa luôn mấy bát rồi đứng dậy lại trở vào buồng. Buổi đầu Sinh mới được tha về, mẹ hấn thấy vậy chỉ lắc đầu thương hại con hay thốt lời tục tằn nguyên rửa bọn cướp đã khai man để làm khổ con bà. Nhưng sau thấy Sinh cứ kéo dài mãi cái trạng thái buồn phiền chán nản, bà sinh ra căm ghét.

Một hôm trong bữa cơm chiều bà gọi chuyện bảo con:

– Mày lại bảo học đi thôi, cứ ăn không ngồi rồi mãi như thế thì đến chết đói mất.

Sinh dần mạnh cái bát xuống mâm, yên lặng đứng dậy. Bà kia liền thét:

– Mày làm như vì tao mà mày bị bắt, bị tù, bị tội không bằng! Nếu mày không đi lại chơi bời với quân du thủ du thực thì chúng nó biết mày là ai mà đi tố cáo mày với quan nha để đến nỗi mày khổ sở, nhục nhằn. May mà chị Nhung chị ấy tốt bụng, chị ấy không thêm thù hằn mày, chứ nếu chị ấy cứ nhận diện bữa đi thì mày ngồi tù đã đành, đến cái thanh danh nhà mày cũng chả còn ra gì. Thày mày ngày xưa đã làm gì nên tội, tao ngày

nay đã làm gì nên tội mà để mày bêu xấu
bêu hổ, bêu nhục, bêu nhuốc?

Hà thấy anh vùng vằng đi vào buồng
đóng xập cửa lại, liền gắt sữ với mẹ:

– Anh ấy đã bị oan uổng khổ sở, bu
lại còn không để cho anh ấy yên thân.

Người đàn bà vẫn chưa thôi:

– Ủ thì việc đã nhớ ra như thế, nó
cũng phải nhẫn nhục mà quên đi, chứ có
đâu cứ như ăn vạ tao thì mày bảo tao biết
làm thế nào.

Bà ngưng lại nghĩ vợ nghĩ vẫn một
lát rồi bưng mặt ngồi khóc thút thít.

Bà lấy làm tủi nhục cho cái đời sống
túng bần vất vả của bà. Là con một ông
cử, bà lấy chồng con nhà nho, cũng như
chị bà. Nhưng hai người anh em đồng

hao ấy đã bỏ xa nhau trên con đường tiến thủ: Một người đỗ đạt ra làm quan, một người suốt đời là một ông Đồ nghèo kiệt. Chị bà cũng có giúp đỡ bà nhiều phen và lại nhận nuôi cả Sinh cho cùng đi học với con mình. Rồi chồng bà chết, rồi chị bà chết. Bà thấy đời bà bơ vơ không nơi nương tựa, với một cái gia sản hèn mọn không đủ nuôi sống một gia đình bốn mẹ con, nhất từ khi Sinh không chịu nổi sự bực đả của nhà ông Thượng, bỏ về ở với bà.

Bấy giờ Sinh đã hai mươi tuổi nhưng vì ham thích chơi bời lêu lổng nên chỉ mới đậu được cái bằng Tốt nghiệp. Không một nghề trong tay, lại đam mê rượu chè cờ bạc, chẳng bao lâu hấn trở nên cái mầm nguy vong cho gia đình. Bà Đồ và Hà đội vải đi bán chợ xa chợ gần vẫn không sao đánh thẳng bằng được cái

quỹ chi thu thường nhật. Vì thế số nợ một ngày một chồng chất thêm mãi lên.

Bà Đồ chỉ biết than thân trách phận, và đổ tại số mình không ra gì. Nhưng Sinh thì hăn quy hết oán thù vào cả cái gia đình ông Thượng. Hăn không thể quên được cái thời kỳ sung sướng, vô tư vô lự của hăn khi chị mẹ hăn còn tại thế. Những người anh họ hăn có thứ gì hăn đều có thứ ấy. Hăn thấy đời sống dễ dàng và đẹp đẽ bên những người thân thích đáng yêu, bên những người chị họ xinh tươi và âu yếm.

Ngày nay tình thế đã đổi thay, và sự đổi thay chỉ do hai mẹ con Nhung đã gây nên. Nhung mà xưa kia hăn cho là một lẽ sống của đời hăn, là nguồn ánh sáng chiếu rọi vào tâm hồn hăn, nay hăn chỉ thấy là một kẻ thù đã phá hoại hạnh phúc của hăn. Từ hai người đàn bà, lòng oán

ghét của hắn lan rộng ra tới toàn thể cái gia đình ông Thượng rồi tới tất cả cái xã hội cao quý của bọn quan lại và phú hào, một xã hội trưởng giả mà hắn tìm ra đủ các tội lỗi, đủ các điều tệ tiệt xấu xa.

Hắn bắt đầu có quan niệm về xã hội, về loài người. Loài người chỉ chia ra làm hai giai cấp: giai cấp được hưởng đủ các quyền lợi và giai cấp không được hưởng một chút quyền lợi gì. “Sao lại có mãi sự bất công ấy được?” Sinh hắn học tự hỏi thế. Rồi câu hỏi dần dần mất cái tính cách hắn học, mà chỉ còn là một vấn đề nhân sinh. Sinh thấy một ngày một rõ rệt rằng vấn đề ấy cần phải được giải quyết ngay do những người ở cái giai cấp bị thua thiệt, và giải quyết bằng đủ mọi cách với đủ mọi phương pháp. Hắn vốn nhu nhược và lười biếng, thế mà chỉ vì sốt sắng muốn cải tạo xã hội, hắn bỗng trở

nên cương quyết và mẫn cán, trong công việc theo đuổi để phá hoại phe địch. Hấn không ở đảng phái nào, và cũng chẳng đọc qua một lý thuyết xã hội nào. Nhưng hấn cần gì phải có lý thuyết vững vàng mới đánh đổ được đối phương: Hấn sẽ đi tuyên truyền nói xấu bọn phú hào. Họ không thiếu gì hành vi nhơ nhớp. Mà có bịa đặt thêm ra cũng chẳng sao! Bắt đầu, hấn hãy thu hẹp phạm vi công kích của hấn vào trong một làng, làng hấn, và đứng đầu cái bảng đen là nhà ông Thượng, cái gia đình đã nuôi hấn, cho hấn biết mùi phú quý để rồi ném hấn xuống đất đen cho hấn thấy thối thía cái chênh lệch bất công giữa hai giai cấp.

Trong khi việc tuyên truyền có phương pháp đương tiến hành để hạ cái gia đình cao quý kia xuống, để gây lòng phần uất của người làng đối với bọn đã

xây hạnh phúc trên mồ hôi xương máu của quần chúng, thì xảy ra vụ cướp nhà ông Thượng Nguyễn. Vì thế người ta đoán chắc Sinh có dính líu vào việc ấy. Người ta đồn rằng cái dinh cơ rộng rãi, và kiên cố kia nếu không có một người thông thuộc đường đi lối lại như Sinh làm dẫn đạo thì cướp khó lòng vào lọt được. Tới khi Sinh bị bắt, hết thấy người làng cùng vui cười. Họ vui cười không phải vì ghét gì hắn, hay thương hại gì ông Thượng, nhưng vì họ thấy họ đoán đúng: thủ phạm vụ cướp không thể là ai được, mà chỉ là kẻ thù ghê gớm của cái gia đình quý phái ấy.

Vận mệnh của Sinh hoàn toàn ở trong tay người đến huyện nhận diện các tên hung đồ. Người ấy là Nhung, vì hôm mất cướp, ông Thượng bà Thượng đi Hà Nội vắng, và người nhà đều chạy

trốn thoát cả, duy có Nhung là bị bắt. Và nàng đã nhận diện hết mọi tên, trừ một mình Sinh ra.

Thế là dư luận dân làng Bắc lại xoay chiều. Người ta bảo nhau: “Dầu sao thì nó cũng là cháu chắt lẽ cháu lại dắt cướp vào nhà bác?” “Chẳng gì nó cũng là con nhà gia giáo, đâu có thể trụy lạc quá đến thế!” Nhưng vẫn có người còn ngờ vực và nói: “Cô Nhung cô ấy thương hại một người em họ nên cô ấy không nhận diện đấy, chứ chính cướp nó đã cung khai ra thì có mà chệch đi đằng gười!”

Vụ cướp rồi cũng bị người ta quên đi. Khi nó không còn là đầu đề cho câu chuyện mua vui trong các xóm nữa thì bỗng xảy ra một việc khiến người ta lại quay trở lại bàn tán đến nó. Đó là cái chết của Sinh: Sinh tự thắt cổ ở trong buồng kín, dưới chân hần có bức thư sau này

gửi cho Nhung:

B ... ngày ... 1940. Em Nhung.

Chị cho phép tôi, một lần cuối cùng, kêu chị bằng em. Kể tôi hơn chị những ba tuổi thì tôi có xứng hô như thế cũng không đến nỗi quá đáng. Còn bảo tôi là em họ chị thì điều đó có đâu, mẹ tôi là em ruột bà Thượng cả, chứ có là dì chị đâu. Tóm lại chị với tôi không có dính líu họ hàng gì cả và ví thử tôi lấy chị làm vợ cũng không có tội kia mà.

Chị thấy lời lẽ tôi bình tĩnh lắm phải không? Từ hôm được tha về bao giờ trí tôi cũng rối ren, loạn xạ, mà vì sao hẳn chị cũng hiểu. Nhưng nay thì lòng tôi tự nhiên đẹp hẳn xuống: Tôi đã quả quyết chết, mà khi người ta đã quả quyết chết thì người ta có tiếc gì ở đời nữa mà còn phải băn khoăn. Vậy khi Nhung đọc bức

thư này Sinh đã là cái xác không hồn.

Chắc chị muốn an ủi tôi, chị muốn khuyên tôi không nên tự hủy hoại thân thể phải không? Nhưng chị thì thử bình tĩnh lại mà xem, chị sẽ thấy tôi đã bị xô đẩy tới con đường cùng rồi.

Vậy lời thứ nhất và lời cuối cùng của người sắp vĩnh biệt đời này là một lời tạ tội. Em xin lỗi chị, anh xin lỗi em, vì đã xúc phạm tới em trong cái đêm lịch sử ấy.

Sau nữa, và đó là điều độc nhất đáng kể, em sẽ lợi dụng cái chết của em để thú tội với chị, như kẻ mộ đạo Thiên Chúa thú tội với nhà giáo sĩ để mong trút được gánh nặng trong lòng trước khi thên thang lên đường giải thoát.

Chị đừng tưởng là cái tội đã dắt cướp vào nhà chị, hay cái tội đã dám có dã tâm

định làm điểm nhục một người thiếu nữ. Hai tội ấy có đáng kể chi bên cái tội tầy trời mà em đã phạm. Nhưng xin hãy nghe em đây: Ngay từ thuở nhỏ em được hai bác nuôi nấng dạy dỗ, coi chẳng khác gì con đẻ. Lớn lên trong cảnh giàu sang đầy đủ em có bao giờ nghĩ đến thương hại những người lặn lội trong đám bình dân, nghèo nàn thiếu thốn đâu. Cả mẹ em làm ăn tảo tảo để kiếm tiền nuôi gia đình, em cũng không hề để ý đến một cách thiết tha. Mẹ em thì chịu nhịn đủ thứ, chỉ nuôi trong lòng cái hy vọng mai sau em học thành tài làm nên vẻ vang cho nhà cho họ.

Đời tôi, lọ là tôi phải thuật lại với chị. Như anh em trong một nhà, còn một điều gì về tôi mà chị không biết! Nhưng có một điều mà chị không ngờ, mà chị không thể ngờ được, là tôi yêu chị, là anh yêu em.

Em Nhung, bao tội lỗi gây nên bởi

mối ái tình ngăn cấm. Trong bao lâu anh yêu trộm thương thầm... Rồi cái ngày anh trông rõ rằng em chỉ đáp lại anh bằng sự lãnh đạm và mẹ em chỉ đối đãi anh bằng sự khinh nhờn, thì anh không chịu nổi và anh bỏ đi cho khuất mắt cái gia đình mà anh thù ghét và thấy đáng thù ghét. Anh tìm ra, cố moi ra đủ các lý do để mà thù ghét, những lý do chính đáng nữa. Rồi lòng thù ghét cá nhân đối với cá nhân, lòng tư thù biến đi để nhường chỗ cho lòng thù chung của một xã hội bị bóc lột, lòng công phần của đại chúng. Anh thấy bác Thượng là một người đáng bỉ, và anh lấy làm then rằng anh là cháu bác.

Lòng uất ức của anh một ngày một lớn dần, cho tới khi anh thấy cần phải trả thù bằng việc làm Hình ảnh em cũng đã bị xóa hẳn trong ký ức anh rồi. Một dự vọng mãnh liệt hơn đã đến chiếm hẳn chỗ

tình yêu: Đó là sự trả thù. Trả thù cho anh bị hất hủi, và anh rất thành thực, ít ra cũng thành thực trong thời gian ấy, anh rất thành thực mà thêm rằng: trả thù cho giai cấp bị hất hủi trong đó có anh.

Thế rồi như em đã biết đó, anh dắt cướp vào nhà em. Chủ ý anh là định giết hai bác, và làm ô nhục em mà anh đã thù ghét đến cực điểm rồi. Vì thế anh cũng chẳng thèm gìn giữ giấu diếm nữa, anh đã đến trước mặt em, ngạo nghễ tỏ cho em biết rằng anh có đủ sức mạnh để chiếm đoạt được em, rằng em dù tự phụ cao quý đến đâu cũng có thể bị bôi nhọ dễ như trở bàn tay được.

Nhưng có một điều anh không ngờ là ái tình mà anh tưởng đã chết hẳn, sự thực nó vẫn còn sống dù nó chỉ sống âm ỉ trong tiềm giác anh. Hình ảnh em trong một giây đã đánh thức nó dậy và đã kh-

iến anh trở nên “hèn nhát” (xin tha thứ cho chữ ấy) và không dám đụng chạm tới em. Anh đã dám hối hận điều ấy ở trong nhà giam trước khi gặp mặt em đến nhận diện.

Em Nhung, sao em không để anh yên thân với tội lỗi của anh, sao em không để anh yên thân với những hình phạt đương chờ đợi anh, sao em lại đến cứu với anh ra khỏi ngục thất và tù đầy? Trời ơi! Nay đối với mọi người, anh đã vô tội. Nhưng anh cần gì điều ấy. Riêng đối với em, anh vẫn đời đời kiếp kiếp là một thằng khốn nạn, mà vì điều ấy, anh đã quả quyết tự khép anh vào tử hình.

Thôi chào em ở lại.

SINH

Bức thư ấy đến tay Nhung, và nàng đọc từ đầu đến cuối với một tâm hồn bình tĩnh. Nhung từ đó nàng trở nên ngán ngơ trong ít lâu.



KHÁI HÙNG
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

KHÚC TIÊU AI OÁN
TRUYỆN KỊCH 4 HỒI

Tác phẩm văn chương
cuối cùng của KHÁI HÙNG



PHƯỢNG HOÀNG

KHÚC NHẠC DẠO...

Lời giới thiệu của

NGUYỄN THẠCH KIÊN.

Tập truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” là tác phẩm văn chương cuối cùng của nhà văn Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn.

Có thể nói từ năm 1943 và sau ngày Cách Mạng Mùa Thu 1945, Khái Hưng đã thay đổi hẳn ngòi viết: nhà văn đã nhìn thẳng vào thực trạng xã hội Việt

Nam đang chuyển mình để góp công, góp sức vào cuộc cách mạng Văn hóa Dân tộc.

Chính truyện dài “Xiềng Xích”, mặc dầu chỉ được xuất hiện trên mấy kỳ báo Ngày Nay⁷ cũng đã đủ nói lên cái đường hướng Khải Hưng muốn theo. Và chính Khải Hưng đã là một nhà văn, nhà báo cách mạng thực thụ, khi ông một mình đảm đương cùng lúc hai trọng trách: Chủ bút tờ nhật báo Việt Nam và tờ tuần báo Chính Nghĩa, cơ quan tranh đấu của VNQDD, trong những năm 1945–1946 tại Hà Nội.

Tuy có bạn đồng chí như Hồ Lễ, Vũ Hoàng, Phù Bình Thảo (Nguyễn Văn Bảng), Đỗ Tồn, Trình Quốc Quang, Nhượng Tống, v. v... trực tiếp hoặc gián tiếp cộng tác, Khải Hưng cũng đã phải

⁷ Ngày Nay – Kỷ Nguyên Mới 1943.

dành khá nhiều thì giờ vào việc viết bài cũng như phối kiểm các tin tức và điều hành tờ báo⁸.

Trong khoảng thời gian này, Khải Hưng viết rất nhiều và rất đều đặn: đoản thiên⁹, kịch ngắn¹⁰, truyện kịch... ngoài những mục thường xuyên như “Người và Việc¹¹” và chuyện phim mỗi ngày nhan đề “Chuyện lẩn thần”, v. v...

8 Ở đây, chúng tôi cũng xin mạn phép minh xác với Học giả Hồ Hữu Tường rằng: Báo Việt Nam bán rất chạy, trái ngược hẳn với những lời ông viết trong bài “Văn Chương sáng giá”, đặc san Văn năm 1966, số đặc biệt về Khải Hưng. Sự thực, ở Hà Nội không đủ báo phát hành, và ở các tỉnh nhiều người phải mua giá chợ đen!

9 Xin đọc cuốn “Lời Nguyễn” tập truyện ngắn cuối cùng của Khải Hưng. Chúng tôi đã in thành sách năm 1966. Rất tiếc chúng tôi cũng không còn giữ được kịch bản “Đảng Mồn Mồn Tía” Khải Hưng sáng tác trong dịp này.

10 như mục 9

11 Trong một số báo, Khải Hưng chê Nguyễn Tuân làm hại nghệ thuật khi cho in thêm phần “Dựng” và “Mưỡu cuối” giả tạo, theo thời vào cuốn “Chùa Đàn”. Mục này Khải Hưng, điểm rất sâu sắc và thật tế nhị.

Ở mỗi bộ môn văn học, Khải Hưng đều biểu lộ mỗi khía cạnh đặc sắc khác nhau. Ông đã vượt xa các bạn cùng thời trong Tự Lực Văn Đoàn. Như Thế Lữ, Đỗ Đức Thu nghỉ viết vì thời cuộc, Nhất Linh và Hoàng Đạo vì bận rộn với cuộc cách mạng dân tộc chưa thành...

Cái tài hoa của Khải Hưng thời tiền chiến vẫn còn phảng phất trong các văn phẩm ông viết sau Cách Mạng Mùa Thu nhưng có thêm phần triết luận ý nhị xen lẫn những ray rứt, những băn khoăn về thân phận con người trước thời cuộc, trước một xã hội đang thay đổi, đang vươn lên, nhưng vươn lên trong máu và nước mắt, và trong sự chém giết tương tàn phi lý.

Ấy chính cái xã hội Việt Nam lúc bấy giờ (1945 – 1946) đã khiến Khải Hưng băn khoăn nghĩ tới cái xã hội Trung Hoa

thời Đông Chu. Và chắc hẳn truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” Khái Hưng viết ra cũng không ngoài tâm trạng buồn đau ấy?

* * *

“Khúc Tiêu Ai Oán” là Truyện Ngũ Tử Tư trước mối thù Cha, Anh bị Sở Bình Vương giết và 19 năm sau đó Ngũ Viên đã báo được thù¹².

Qua Sử liệu, ta thấy truyện Đảng Tiêu Sơn với một Phạm Thái si tình, thích rượu và giỏi văn thơ, cũng như truyện Ngũ Tử Tư, chỉ là một mớ chữ thiếu hẳn cái sinh động, cái gợi cảm thích thú đối với người đọc.

12 Xin xem thêm phần Phụ Lục, để so sánh mới hiểu rõ văn tài trác tuyệt của Khái Hưng khi ông “đạo lại” khúc tiêu này.

Nhưng với ngòi bút Khái Hưng, nhà văn đã hơn lần cho ta thưởng thức cái đẹp, cái sống động, cái cảm trong những câu chuyện cũ qua nghệ thuật sắp xếp tài tình như truyện Cô Dâu, Lưu Bình Dương Lễ¹³, hơn nữa trong Tiêu Sơn Tráng Sĩ và truyện kịch Khúc Tiêu Ai Oán này.

Một Nhị Nương và một Trần Quang Ngọc trong Tiêu Sơn Tráng Sĩ chỉ là những mẫu người lý tưởng. Nhưng một Phạm Thái hoặc một Ngũ Tử Tư thì lại chính là “những mẫu người của thời đại” – rất gần gũi với chúng ta – mà Khái Hưng đã khéo vẽ khéo tô điểm cho họ sống động trước mắt chúng ta làm chúng ta xem mãi, nhìn mãi mà vẫn không thấy chán. Quả thực văn chương của Khái

13 Cô Dâu (truyện Tây Môn Báo) và Lưu Bình Dương Lễ đã có lần in chung trong cuốn tiểu thuyết Hồn Bướm Mơ Tiên, lần tái bản, Đời Nay 1940.

Hưng đã vượt không và thời gian, đã lên tới tột đỉnh của nghệ thuật viết truyện.

Tiếc thay Khái Hưng đã sớm rời bỏ chúng ta ngay sau ngày Toàn Quốc Khói Lửa (19-12-1946). Nếu mà Khái Hưng còn sống cho tới ngày nay thì chắc hẳn chúng ta... và nhà văn Nhất Linh cũng đã không phải cô đơn làm tờ Văn Hóa Ngày Nay¹⁴ một mình?

Tới đây chúng tôi cần phải nói thêm: Tại Việt Nam, chúng tôi là người có cái may mắn duy nhất còn giữ lại được một số văn phẩm cuối cùng của Khái Hưng? Và việc đem in ra để bảo tồn chút di sản tinh thần của người văn sĩ chiến sĩ đã “ra đi không về” có gì đáng khích lệ hoặc chê trách không?

14 Xuất bản tại Saigon trước Cách Mạng 1-11-1963.

Nhưng, dầu khen dầu chê, chúng tôi cũng chẳng thấy có gì phải bận tâm khi mình tự biết mình, cảm thấy mình đã làm được một việc có ý nghĩa...

Saigon, ngày 15-8-1969

Westminster – California 12-1997

NGUYỄN THẠCH KIÊN

HỒI THỨ NHẤT
THÀNH PHỦ

Nhân vật:

NGŨ THƯỢNG

NGŨ VIÊN

YÊN TƯỜNG SƯ

GIẢ THỊ

LÍNH

NGŨ THƯỢNG – Em nói thế nghe
sao được! Đạo quân thần...

NGŨ VIÊN – Đạo quân thần! Hừ!
Đạo quân thần! Thế còn tình phụ tử?
Một người con bất hiếu có thể là một
người tôi trung được không?

NGŨ THƯỢNG – Sao lại bất hiếu?
Phục tùng uy quyền vua ta tức là anh em
ta cứ xử ra người con có hiếu. Trái lại
phản kháng nhà vua không những chúng
ta sẽ bất trung mà còn bất hiếu nữa. Chí
của cha là giúp cho nước Sở giàu mạnh
mà giữ vững ngôi bá chủ chư hầu. Sao
chúng ta lại vì hiếu sai lạc nghĩa chữ hiếu
mà đi ngược lại chí lớn của cha?

NGŨ VIÊN – Ấy đó! Cha chỉ muốn
giúp nước Sở chứ cha không chịu phò
hôn quân.

NGŨ THƯỢNG – Em nghĩ thế thì
lầm... Vua nhà Chu chịu mệnh Trời để
trị thiên hạ. Vua các nước chư hầu chịu

mệnh vua nhà Chu để trị dân trong đất phong của mình. Trái mệnh Trời vua nhà Chu sẽ không còn là vua nữa. Trái mệnh Chu Vương, vua chư hầu sẽ không còn là vua chư hầu nữa mà chỉ còn là kẻ thất phu. Là kẻ thất phu tàn ác thì ai cũng có quyền giết. Chu Vũ Vương có giết vua nhà Ân đâu, ngài chỉ giết kẻ thất phu Thương Trụ.

NGŨ THUỶ — Sao em lại dám ví Sở Bình Vương với Thương Trụ?

NGŨ VIÊN – Khí Tật tội còn nặng hơn Thương Trụ một bậc. Khí Tật phạm bốn tội đáng chết, đáng bị giết như một kẻ thất phu. Tội thứ nhất là đem quân Sái, Trần về tàn phá nước Sở, giết hại bao sinh linh, như thế là bất nhân. Tội thứ hai là lừa dối hai anh Tử Ngộ, Tử Triết, lập Tử Ngộ lên làm Sở Vương rồi lại âm mưu làm hại; như thế là bất nghĩa.

Tội thứ ba là bức Sở Linh Vương phải tự ải tại một nhà nông phu; như thế là bất trung, Tội thứ tư là cướp vợ của thế tử Kiến rồi đày con ra đất Thành Phủ này; như thế là bất tử. Y đã là một kẻ thất phu bất nhân, bất tín, bất trung, bất tử, còn xứng đáng sao ngôi báu?

NGŨ THƯỢNG – Phận làm tôi phải liêu chết can vua. Dẫu có bị tù, bị giết cũng cam lòng, chứ có đâu đi chống lại vua?

NGŨ VIÊN – Thế thì sao Khí Tật lại đem quân Trần Sái về cướp ngôi vua!

NGŨ THƯỢNG – Đó không phải là một cái gương sáng để anh em ta noi theo.

NGŨ VIÊN – Không, anh em ta không theo gương y. Vì anh em ta có

tham lam ngôi báu nước Sở đâu! Anh em ta chỉ muốn vì dân nước Sở trừ hại, anh em ta chỉ muốn vì Xã tắc nước Sở giết một kẻ tàn bạo rồi đón thế tử về trị vì. Như thế chúng ta sẽ trọn được cả hai đường trung hiếu.

NGŨ THUỘNG – Thế tử Kiến nay chạy sang nước Tống. Mà quân đội yếu hèn của nước Tống địch sao nổi binh mã hùng cường của Sở Bình Vương? Vả thế tử cũng chỉ tạm lánh thịnh nộ của cha chứ có khi nào lại mượn quân ngoài về đánh lại cha. Thôi, em nên bỏ ngay chí phục thù, lòng phản quốc của em đi mà chờ đợi.

NGŨ VIÊN – Chờ đợi Khí Tật cho đem binh đến bắt?

NGŨ THUỘNG – Thì anh em ta sẽ được cùng bị giam hay cùng chết với cha

chứ sao? Như thế há chẳng vẹn cả hiếu lẫn trung ư? Em nghĩ sao chứ anh thì nhìn mặt rồi chết, anh cũng cam lòng.

NGŨ VIÊN – Chữ hiếu và chữ trung em không thể như thế được. Hiếu đối với em là làm sao báo được thù cha. Trung đối với em là làm sao diệt được hôn quân trừ hại cho bách tính, rồi giúp một vị minh vương giữ vững ngôi báu để gây cho nước Sở một nền phú cường trường cửu. Nước Sở và nhân dân nước Sở mới đáng kể, còn Sở vương thì chẳng qua...

N.T.– Em có thể tưởng tượng được một nước một ngày không có vua không?

NGŨ VIÊN– Dân là nước, phải có một địa vị cao quý nhất. Rồi mới đến Xã Tắc. Còn vua thì không đáng kể. Dân bị diệt vong thì nước không còn. Nhưng mất vua này sẽ có vua khác.

Nhất lại mất một ông vua tàn bạo đã có một ông vua sáng suốt nhân từ thì sự mất ấy không là hạnh phúc của dân sao?

NGŨ THUỜNG -- Vậy ý em định sao?

NGŨ VIÊN – Em định tìm giúp bất cứ nước nào có đủ sức đánh bại được nước Sở.

NGŨ THUỜNG – Nhất định như thế không được.

NGŨ VIÊN – Vậy anh có cách gì để cứu cha nếu cha còn sống hay để báo thù cho nếu cha bị hành hình?

NGŨ THUỜNG – Anh muốn anh em ta về triều kêu van Bình Vương tha tội cho cha. Bằng không thì xin thế tội cho cha.

NGŨ VIÊN – Không được! Anh nên biết rằng Bình vương sở dĩ chưa giết cha là còn e có anh em ta ở ngoài tìm cách báo thù. Nếu nay anh em ta tự dẫn về thì không những sẽ đem nhau đến đất chết mà còn khiến mệnh cha không cứu được nữa. Ta về triều sớm ngày nào là cha bị giết sớm ngày ấy.

NGŨ THUỘNG – đập tay xuống án.– Sao lại có thể thế được! Cha đã làm gì nên tội?

NGŨ VIÊN – Là cái gai trước mắt bọn hôn quân, nịnh thần mà không là một tội đáng chết sao. Việc này mưu mô chỉ ở thằng Phí Vô Cực cả. Nó đem nàng Mạnh Doanh, vợ thế tử dâng cho Bình Vương, rồi sợ tiết lộ gian kế, nó xin Bình Vương sai thế tử ra trấn Thành Phủ. Lại sợ thế tử sau này lên nối ngôi sẽ giết ba

họ nhà nó nên nó bày mưu cho Bình Vương lấy cớ thể tử có ý phản nghịch mà gọi về giết đi để trừ hậu hoạn. Nay thể tử đã bỏ trốn, cha bị bắt giam, thằng Phí Vô Cực chỉ còn e nể có hai anh em ta. Em chắc chẳng bao lâu, nó sẽ tìm cách gọi anh em ta về triều cho mà xem. Nhưng em sẽ ra đi trước khi nó gọi về. Em sẽ đi ngay hôm nay. Và em thiết tưởng anh cũng chẳng còn nên ở lại đây làm gì. Ở lại đây là ngồi bó tay chờ chết!

NGŨ THUỘNG – Đi sao đành! Cha còn đương ở trong ngục, khổ sở trăm chiều, mà anh em ta bỏ trốn đi sao đành! Ít ra chúng ta cũng phải ở lại nghe ngóng tin tức xem sao đã.

NGŨ VIÊN – Chúng ta bỏ đi trốn tức là cứu sống cha. Em đã nói chúng ta bị bắt về triều sớm ngày nào là cha bị giết

sớm ngày ấy, Chúng ta ở ngoài thì chúng còn sợ chúng ta báo thù nà hoãn hành hình cha...

NGŨ THUỢNG – lắc đầu thở dài – Không. Đi trốn không đành! Thà cùng chết với cha.

NGŨ VIÊN – Lòng hiếu thảo của anh yếu hèn như lòng hiếu thảo của đàn bà con trẻ! Anh nên nghe em. Đi ngay bây giờ... Trùng trình thì lỡ việc mất. Anh đừng chờ đợi gì nữa. Thế nào cha cũng bị giết rồi. Bọn gian thần muốn hoành hành tất phải giết hết những người tôi trung. Vậy chỉ còn một con đường đi: là tìm cách báo thù cho cha.

NGŨ THUỢNG – thở dài lắc đầu. – Bằng cách giết vua, tàn phá đất nước, hãm hại đồng bào?

NGŨ VIÊN – Một người con để thù cha không báo không những không là một người con hiếu mà còn không đáng là một người đầu đội trời chân đạp đất ở đời. Thôi ta nên sửa soạn ra đi ngay thôi. Cứ theo quẻ độn em bấm tối qua thì nội nhật hôm nay cũng có tin dữ từ Dĩnh đồ đưa tới...

NGŨ THUỶ – hoảng hốt. – Tin dữ? Cha bị hành hình rồi chăng?

NGŨ VIÊN – Chưa! Cha chưa bị giết. Vì như lời em đã nói, anh em ta còn ở ngoài vòng lưới bầy của chúng thì chúng chưa dám giết cha. Tin dữ đây có lẽ là tin đến bắt hay đến dụ anh em ta về triều mà thôi. (Đứng dậy đập chân thét lớn) Không! Không! Sức này không để chúng khuất phục nổi! (Nắm tay đe dọa) Bớ Khí Tật! Bớ Vô Cực! Chúng mày mà giết cha ta thì sẽ ăn không ngon ngủ

không yên. Ngũ Viên truyền cho chúng mày biết thế!

NGŨ THUỢNG – Em nên bình tĩnh mà đợi tin. Chả nên nóng nảy như thế!

NGŨ VIÊN – Chờ đợi tức là nước đến chân mới nhảy. Tức là tự hãm vào đất chết! Tức là ấy cha vào đất chết! Tức là cả nhà bị giết mà không còn một ai sống sót để báo thù. Ba mạng chết túi, chết nhục, chết không nhắm được mắt vì biết sẽ không trả được thù. Anh đã thấy chưa? Cái chết của người tráng sĩ phải để một mối lo cho kẻ sát nhân. Vậy ta phải làm thế nào cho bọn hôn quân gian thần sau khi giết cha ta phải lo lắng ưu phiền vì ta từng ngày, từng giờ. Không thể để mấy thế hệ công huân của họ Ngũ đến đời ta không còn lại một chút tiếng tăm trong thiên hạ. (Ngừng lại lắng tai nghe). Anh có thấy không, thanh bội kiếm của

em đương rung kêu trong vỏ! Nó nhắc nhở chúng ta phải báo thù cha (rút kiếm ra). Thanh bội kiếm này của đấng tiên vương tặng tổ phụ. Tổ phụ truyền lại cho cha và trước khi về triều cha trao lại cho em. Như có tâm linh báo trước, cha biết sẽ gặp nạn và đã yên lặng phó thác trong tay em cái danh dự báo thù.

NGŨ THUỜNG – Không! không! Em không được hiểu sai lạc ý cha như thế! Không bao giờ cha lại có ý giết vua. Không bao giờ cha lại muốn để anh em ta báo thù. Em không được làm mờ ám ba đời công tích của nhà ta.

NGŨ VIÊN – Nếu không phải ý cha thì hẳn cũng là ý Trời. Thanh bội kiếm này, Trời đã xui khiến cha trao lại cho em để giết bọn hôn quân gian thần. (Vung thành kiếm lên và cất lời bi ai mà ca rằng):

Ngũ tử Ty!

Ngũ tử Ty!

*Ba đời danh dự trong tay mi! Cha vùi
trong ngục,*

Bao thê bi!

Thù cha chẳng báo

Sống mà làm chi!

Ngũ tử Ty!

Ngũ tử Ty!

Ba đời hùng vũ trong tay mi!

Cha đương chờ chết,

Bao thê bi!

Thù cha chẳng báo

Sống mà làm chi!

Ngũ tử Ty!

Ngũ tử Ty!

Tương lai họ Ngũ trong tay mi

Anh em bị nã,

Bao thê bi!

Thù nhà chẳng báo

Sống mà làm chi!

(Lính vào).

Lính – Thừa hai công tử, có Vương sứ là quan hữu lãnh Yên Tương Sư mang phong hàm ấn thụ, và đem xe tứ mã tới đón hai công tử về triều. Ngài sắp tới nơi, cho tôi phi báo hai công tử.

NGŨ VIÊN – Được! Cho lui!

Lính – Dạ!

(Lính ra).

NGŨ VIÊN – Em đoán có sai đâu.
Nó cho đến dụ anh em ta về triều.

NGŨ THƯỢNG – Vậy em nghĩ sao?

NGŨ VIÊN – Tẩu vi thượng sách!

NGŨ THƯỢNG lắc đầu. – Anh em
ta đành lòng để cha khô héo trang ngực
thất ử?

NGŨ VIÊN – Em đã nói chúng ta về
triều sớm ngày nào thì cha bị giết sớm
ngày ấy.

NGŨ THƯỢNG – Nhưng Yên
Tương Sư có mang theo phong hàm ấn
thụ...

NGŨ VIÊN – Đó là mối để câu anh
em ta. Ta ham mối là ta mắc câu, là ta
chết!

NGŨ THUỖNG – Ta có ham phong hầu phú quý đâu. Ta chỉ nóng về cứu cha, hay ít ra cũng trông thấy mặt cha một lần trước khi cha bị giết.

NGŨ VIÊN – Trông thấy mặt cha mà không làm gì được để cứu cha, không bằng không trông thấy mặt cha mà rồi sau này báo thù được cho cha.

NGŨ THUỖNG – Nhưng dẫu sao hãy cứ tiếp vương sứ đã, thì mới rõ thực hư.

NGŨ VIÊN – Tiếp vương sứ cũng không rõ thực hư. Thực hư em đã đoán từ trước, và chỉ đoán mới biết được thôi. Anh muốn tiếp sứ giả tùy anh, nhưng em xin lánh mặt. Yên Tương Sư có hỏi tới em thì nói em đi vắng.

(Lính vào).

Lính – Thừa hai công tử, quan hữu lãnh đã tới cổng thành.

NGŨ THƯỢNG – Cho lui! Ta ra nghênh tiếp đây.

Lính – Dạ.

(Lính ra).

NGŨ VIÊN – Em xin vào nhà trong.

(Ngũ Viên ra).

NGŨ THƯỢNG gọi – Quân bay!

MỘT TÊN LÍNH – Dạ!

(Lính vào).

NGŨ THƯỢNG – Sửa soạn chỉnh tề để ta thân ra đón quan hữu lãnh, nghe!

(Ngũ Thượng ra).

Lính cầm mã vĩ phẩy bụi, và bày ngay ngắn lại án kỷ, lau bao, kiếm quất treo trên tường.

Một lát sau. Ngũ Thượng Sư và Yên Tương vào. Theo sau, lính đội hòm sắc, mang hộp ấn.

NGŨ THƯỢNG – Mời quan hữu lãnh an tọa.

YÊN TƯƠNG SƯ cười vui vẻ – Xin mừng nhị vị công tử!

Vái chào rồi ngồi xuống kỷ giữa.

NGŨ THƯỢNG vái chào lại và ngồi xuống một cái kỷ bên. – Thưa quan hữu lãnh, cha đương bị tù, có gì đáng mừng mà quan hữu lãnh nói mừng?

YÊN TƯƠNG SƯ – Thế ra công tử chưa biết tin?

NGŨ THƯỢNG – Thừa quan hữu
lãnh, tin gì đấy ạ?

YÊN TƯƠNG SƯ nhìn quanh –
Nhưng đệ nhị công tử đâu?

NGŨ THƯỢNG – Thừa quan hữu
lãnh, ngu đệ đi vắng... cũng sắp về... chỉ
một lát nữa sẽ về. Có điều gì xin quan
hữu lãnh cứ dạy.

YÊN TƯƠNG SƯ cười – Một tin
mừng!

NGŨ THƯỢNG – Ngũ thái sư được
xá tội chăng?

YÊN TƯƠNG SƯ – Hơn thế nữa!

NGŨ THƯỢNG – Thượng này
chiêm bao ử? Có thực thể không quan
hữu lãnh?

YÊN TUƠNG SƯ – Vua vì lầm tin lời dèm pha, nên đã bắt tôn công hạ ngục. Nay có quần thần bảo cứu, xưng tụng nhà Tôn công là một nhà ba đời trung thần. Vua liền tỉnh ngộ, trong lòng tự thẹn rằng đã quá nghe, ngoài mặt lấy làm xấu hổ với các nước chư hầu. Ngài hối hận bái Tôn công làm tướng quốc, và phong cho hai công tử tước hầu. Công tử là Hồng đô hầu còn đệ nhị công tử là Ích hầu.

NGŨ THUỢNG – Cha bị giam cầm, lòng đau như cắt, nay được tha là may cho hai đứa con bất hiếu rồi, đâu còn dám tham tưởng ấn thụ.

YÊN TUƠNG SƯ – Đó là vương mệnh, công tử chớ từ (đứng dậy thân bày hòm sắc hộp ấn lên án). Đây là phong hàm ấn thụ nhà vua ban tứ. Công tử hãy bái tạ đi.

NGŨ THƯỢNG đứng dậy – Tôi thực không dám màng tới chức tước của Ngô vương. Nhưng Ngô vương đã ban tứ thì tôi xin bái lĩnh (khấu đầu trước án bái lĩnh), và xin chúc Ngô vương vạn tuế, vạn vạn tuế (đứng dậy).

YÊN TƯƠNG SƯ – Và đây là bức thủ thư của Tôn công gửi cho hai công tử (đưa phong thư).

NGŨ THƯỢNG đỡ lấy phong thư mở ra đọc:

«Thư gửi Thượng, Viên hai con, ta vì tiến gián đã trái mệnh lệnh Ngô vương, và đã phạm tội, bị giam. Nay đội ơn Ngô vương nhớ lại công tích tiền nhân, miễn tội chết cho ta. Và sau khi nghe quần thần thương nghị, Ngô vương cho ta được lập công chuộc tội, cải phong quan chức cho hai con. Vậy hai anh em con nên tỉnh dạ

tiến triều, nhược bằng vi mệnh, tất sẽ mang tội. Nhận được thư, hai con phải mau mau lên đường».

YÊN TƯƠNG SƯ – Vậy xin hai công tử lên đường về triều ngay, kéo Tôn công mong đợi. Ngô vương cho đem xe tứ mã đến đón hai công tử, hiện đã sẵn sàng ở nơi quán dịch. Xin mời hai công tử sửa soạn đi ngay.

NGŨ THUỢNG – Xin tuân mệnh.

YÊN TƯƠNG SƯ – Vậy tôi xin ra quán dịch trước chờ hai công tử, để hai công tử được dặn dò thu xếp việc nhà trước khi ra đi.

NGŨ THUỢNG – Xin vâng mệnh!

YÊN TƯƠNG SƯ – Xin đừng để tôi mong đợi lâu quá! (vái chào).

NGŨ THƯỢNG vái chào – Xin tuân mệnh!

Yên Tương Sư và lính hầu ra.

NGŨ THƯỢNG một lát sau, gọi – Em Viên!

Viên vào.

NGŨ VIÊN – Tin tức ra sao, anh?

NGŨ THƯỢNG – Cha được tha chết!

NGŨ VIÊN cau mày – Thế nào?

NGŨ THƯỢNG – Không những cha được tha chết. mà hai anh em ta còn được phong hầu!

NGŨ VIÊN quắc mắt – Phong hầu!

NGŨ THƯỢNG – Sứ giả hiện ở ngoài cổng, em có thể gặp mặt và hỏi lại thực hư.

NGŨ VIÊN – Cha được tha chết đã là quá may mắn rồi. Còn hai chúng ta công gì mà được phong hầu? Họ dụ ta rồi! Đi là tìm đến chỗ chết.

NGŨ THUỜNG giờ thư của cha ra – Cha hiện có thủ thư đây! Há lừa dối nhau được ư?

NGŨ VIÊN – Anh còn không thấu lòng cha sao? Cha tận trung với Quốc gia. Người lại biết chắc rằng chúng báo ta thế nào cũng sẽ báo cừu, nên người đem hai mệnh ta mà hy sinh cho nước Sở để dứt mối lo sau này.

NGŨ THUỜNG – Ấy là em ức đoán như thế đó thôi. Vạn nhất thư cha quả thị chân tình, thì cái tội bất hiếu của chúng ta biết nói ra sao? Mà không những chúng ta sẽ có tội bất hiếu, chúng ta còn phạm

tội bất trung nữa vì đã dám ngờ vực Ngô vương sau khi người vừa ân xá cho cha.

NGŨ VIÊN – Xin anh an tọa, để em bói một quẻ, xem lành dữ ra sao. (Đi lấy hộp cỏ thi ra bầy quẻ) Hôm nay ngày Giáp tý, vào cuối giờ Tỵ quẻ này là quẻ “chi thượng nhật hạ, khí bất tương ái”. Quẻ này là quẻ vua lừa bầy tôi, cho nói dối con. Đi thì tất bị giết, có phong hầu gì đâu!

NGŨ THUỶ – Nào có phải anh tham tước hầu, anh chỉ muốn mau gặp mặt cha.

NGŨ VIÊN cau mày – Khổ lắm! em đã nói đi nói lại mãi rằng anh em ta sớm gặp mặt cha ngày nào thì cha bị giết sớm ngày ấy. Người Sở sợ anh em ta ở ngoài tất chưa dám hại cha đâu. Nhược bằng anh không nghe theo em thì hôm nay

anh em ta về tới triều tất ngày mai ba cha con đã là quỷ không đầu cả rồi.

NGŨ THƯỢNG – Tình cha con yêu nhau tự trong lòng mà ra. Nếu được thấy mặt cha rồi chết ngay anh cũng cam tâm.

NGŨ VIÊN ngửa mặt lên trời than – Trời ơi! Cùng bị giết với cha, phỏng có ích gì? Mà ba cha con cùng chết thì họ Ngũ sẽ dứt, dứt không tăm không tiếng hay chỉ để lại những tiếng mai mỉa về sau. Vì hậu thế sẽ lưu truyền mãi mãi câu chuyện ba cha con Ngũ Xa bị lừa, bị Bình vương đem cái môi phong hầu ra nhử về Dinh đô để giết như giết ba con chuột nhắt. Không, Ngũ Thượng không phải là con chuột nhắt. Không, Ngũ Viên không phải là con chuột nhắt. Chúng ta là hai bậc trắng sĩ mà người Sở phải kính nể, phải run sợ mỗi khi nghe đọc đến tên. Chúng ta sẽ tỏ cho họ biết rằng chúng

ta không để họ được yên nếu họ giết cha chúng ta. Và nếu quả thực họ giết cha chúng ta thì nhất định một ngày kia chúng ta sẽ phải phá tan cung điện nước Sở ra, đập Dĩnh đô thành bình địa, tiêu tán, lòng hận của chúng ta trong ngọn lửa thiêu thành bốc cao ngất trời xanh, dùng thi thể bọn Khí Tật, Vô Cực làm hai cây đuốc đốt thờ cha...

NGŨ THUỶ – Em hãy im ngay! Em mới phác ra cái cảnh hoang tàn của quốc đô đã khiến ảnh rùng mình ghê tởm rồi.

NGŨ VIÊN – Cái cảnh chặt đầu bậc trung thần nghĩa sĩ giữa một quán chợ mà không làm cho người ta rùng mình ư? Vả thế nào Dĩnh đô cũng phải trải qua một lần thiêu diệt mới sạch được vết ố xú của bọn dâm ô, của bọn loạn luân. Mà ngọn lửa thiêu trừ ấy, em sẽ đốt, em

sẽ cam đoan xin đốt mà không chùn tay.

NGŨ THUỢNG – Thôi em chớ dài lời! Quan hữu lãnh đương chờ mong.

NGŨ VIÊN – Vậy ra anh nhất định về triều?

NGŨ THUỢNG – Nhất định.

NGŨ VIÊN – Anh nhất định đi thì em xin từ biệt, từ đây mỗi người một ngả.

NGŨ THUỢNG – khóc. Em định đi đâu bây giờ?

NGŨ VIÊN – Em đã nói với anh rằng nước nào, người nào có thể báo thù được Sở thì em cũng theo.

NGŨ THUỢNG – Nếu quả có thể. Nếu quả mọi sự sẽ xảy ra như lời em đoán. Nếu quả Trời đã định để một người

trong hai anh em chúng ta sống lại để báo thù thì người ấy phải là em, vì trí lực anh còn kém em xa lắm. Vậy ta nên chia nhau nhiệm vụ. Anh sẽ về Sở đô, em ra nước ngoài. Anh sẽ lấy chết theo cha làm hiếu, nếu phải chết, em sẽ lấy phục thù làm hiếu, nếu em phục được thù. Từ lúc này trở đi mỗi người trong hai chúng ta đều theo chí riêng của mình, không thể còn gặp mặt nhau nữa.

NGŨ VIÊN vừa khóc vừa lạy – Vậy xin anh nhận lấy bốn lạy vĩnh quyết này. Và xin anh tin ngay từ bây giờ, rằng thù cha, thù anh em sẽ báo. Em thề với anh như thế.

Ngũ Thượng lắc đầu quay đi, rồi lẳng lẳng bước ra khỏi phòng.

(Ngũ Thượng ra).

Ngũ Viên ngồi cúi đầu nghĩ ngợi một lát. Bỗng đứng phắt dậy ra tường lấy cây cung và bao tên đeo vào người. – Đi! phải đi ngay!

(Giả thị vào).

GIẢ THỊ – Trượng phu về triều đó phải không?

NGŨ VIÊN cười – Nội nhân muốn ta về triều?

GIẢ THỊ – Ô hay! Thiếp muốn sao được? Thiếp chỉ hỏi có phải Trượng phu sửa soạn về triều không?

NGŨ VIÊN – Phải! Về triều nhận quan chức, được phong hầu tước, Sao lại không về triều, phải không?

GIẢ THỊ – Hầu tước! Sao lại có chuyện lạ! Thái sư đương tại ngục, có lý

nào trượng phu lại được phong hầu.

NGŨ VIÊN – Thế ra nội nhân chưa biết tin mừng. Vương sử là quan hữu lãnh Yên Tương Sử vừa đem xe tứ mã đến đón Ngũ Thượng, Ngũ Viên về triều nhận quan chức. Ngài lại mang thủ thư của thái sử đến báo tin không những thái sử đã được ân xá mà còn được cất lên chức tướng quốc.

GIẢ THỊ xụp xuống lạy – Vạy thiếp xin mừng trượng phu.

NGŨ VIÊN đỡ vợ dậy – Chớ vội mừng!

GIẢ THỊ đứng dậy ngơ ngác – Đó không phải là một tin đáng mừng sao?

NGŨ VIÊN cười gằn – Vạy nội nhân khuyên ta nên về triều?

GIẢ THỊ – Đó không phải là việc của phu nhân. Về hay không là quyền của đấng trượng phu. Nhưng thiết tưởng con khao khát được gặp mặt cha như ruộng lúa khô khao khát gặp mưa rào. Sao lại không về triều ngay? (ngơ ngác nhìn) Tôn huynh đâu?

NGŨ VIÊN – Về triều cùng với quan hữu lãnh rồi.

GIẢ THỊ – Thế trượng phu?... Bao giờ mới lên đường?

NGŨ VIÊN – Ba năm nữa, năm năm nữa, mười năm nữa... Chưa nhất định.

Giả Thị im lặng nhìn chồng.

NGŨ VIÊN – Ta sẽ về Dĩnh đô với mười vạn tinh binh, đập bằng xà tắc họ Hùng.

GIẢ THỊ – ngơ ngác. Nếu thiếp nghe không lầm thì thái sư há chẳng đã được ân xá và hai công tử được phong hầu? Sao lại còn có lòng thù oán căm hờn ấy?

NGŨ VIÊN — Nội nhân có biết Khí Tật là ai không?

GIẢ THỊ – Há chẳng phải là vị Quốc vương, là vua nước Sở?

NGŨ VIÊN – Đối với ta, từ bây giờ, y không là vua nước Sở nữa. Y đã hết sứ mệnh làm vua nước Sở rồi. Y chỉ là một tên thất phu giết ba anh, cướp vợ của con và hạ ngục kẻ trung thần nghĩa sĩ. Từ hôm nay trở đi hẳn là cừu nhân của ta mà ta thể sẽ giết để báo thù cho cha, cho anh.

GIẢ THỊ – Báo thù cho cha, cho anh?... Vậy ra thái sư... Vậy ra tôn huynh...

NGŨ VIÊN – Thái sư sẽ bị hấn giết. Ngô huynh sẽ bị hấn giết. Ta cũng sẽ bị hấn giết.

GIÁ THỊ – lo lắng. Xin phu quân cho biết rõ đầu đuôi.

NGŨ VIÊN – Một nửa câu chuyện, nội nhân đã biết. Là bọn Khí Tật, Vô Cực hạ ngục thái sư mà chúng coi như cái gai trước mắt. Chúng muốn giết bực trung thần để không còn một ai dám đàn hặc những sự dân dật, tham nhũng, hại dân hại nước của chúng nữa. Nhưng hấn chưa dám giết.

GIÁ THỊ – Tại sao chúng chưa dám giết thái sư, thừa trượng phu?

NGŨ VIÊN – Chúng còn e sợ có hai anh em ta ở ngoài tìm cách báo thù cho cha. Vì thế chúng mới lập mưu với nhau

mời anh em ta về triều nói là để phong chức tước, nhưng kỳ thực, là để giết cả ba cha con, ngõ hầu tránh hậu hoạn cho chúng.

GIẢ THỊ sợ hãi – Giết? Thế hai công tử không về triều chứ?

NGŨ VIÊN – Ngô huynh đã cùng Yên Tương Sư lên đường.

GIẢ THỊ – Lên đường? Sao trượng phu không giữ tôn huynh lại?

NGŨ VIÊN – Ta đã cố giữ lại nhưng Ngô huynh không chịu nghe theo. Không nghe theo không phải Ngô huynh có tham cái tước hầu mà bọn hôn quân gian thần đem ra nhử, Ngô huynh chỉ nóng được nhìn thấy mặt thái sư.

GIẢ THỊ – Chủ trương việc nước, việc nhà là ở các đấng trượng phu. Nhưng

thiếp cũng xin trượng phu cho biết tôn huynh về triều đã có dự kiến gì chưa?

NGŨ VIÊN – Ngô huynh, sau khi ta giảng giải cho nghe vẫn còn bán tín bán nghi. Cho nên về triều là về triều, chứ cũng chưa có dự kiến gì. Ta thì ta tin chắc rằng về triều là tự đưa đến đất chết.

GIÀ THỊ – Thế sao trượng phu không giữ tôn huynh lại?

NGŨ VIÊN – Chẳng qua số mệnh đã định như thế. Ta cũng đành để ngô huynh vẹn chữ hiếu theo như ý ngô huynh: Là nhìn thấy mặt cha rồi được cùng chết với cha. Còn ta (giọng tức giận) ta thì không cùng bọn Khí Tật, Vô Cực cùng đội trời chung. Ta chỉ sẽ gặp mặt chúng khi nào ta có thể vung ngọn kiếm này (rút kiếm vung lên) để chặt đầu chúng. (yên lặng) Ta đi chuyến này chưa biết bao giờ về.

Mà cũng chưa rõ rồi có về được nữa hay không. Vì nếu không đủ binh mã đem theo để phá Sở, giết Khí Tật, Vô Cực mà báo thù cho cha anh thì nhất định ta không về. Ta thể như thế. Ta định sang nước Ngô giúp vua Ngô quốc phú dân cường, bá chủ chư hầu, rồi mượn binh về báo thù cho cha, anh. Nhưng trước khi ra đi ta không khỏi băn khoăn vì hiền thê. Đem phu nhân đi theo thì sẽ trở ngại đến công việc báo thù, mà để hiền thê ở lại nhà thì lòng này bất nhẫn.

GIẢ THỊ – Tình cha con là trọng, nghĩa vợ chồng là khinh. Thù cha phải báo, luyện ái chi thê nô. Xin trượng phu lên đường ngay. Đừng vương váu thê nhi mà nhục chí anh hùng!

NGŨ VIÊN – Mấy lời khuyến khích của hiền thê khiến ta càng cương quyết

phục thù. Vậy hãy chờ ta, chầy chằng là mười năm, ta sẽ trở về.

GIẢ THỊ – Thiếp có một bài kiểm ca để tiễn biệt trượng phu. Vậy phiên trượng phu thối ống tiêu một lần cuối cùng để họa.

NGŨ VIÊN – Ta đâu dám từ. (rút cầm ống tiêu trong bọc ra dạo).

GIẢ THỊ – Trượng phu cho thiếp mượn thanh bội kiếm để thiếp vừa múa vừa ca.

Ngũ Viên rút kiếm kính cẩn dâng hai tay đưa cho Giả Thị, Giả Thị quỳ xuống đỡ lấy.

GIẢ THỊ (cầm nhìn thanh bội kiếm mà ca):

Tiền thiếp con quan Giả đại phu
Cùng chàng kết tóc mới ba thu
Chàng thương mến
Thiếp phụng thờ
Trăm năm mong ước trọn đường tơ
Nay chàng ra đi để báo thù
Cho cha cho anh bị ngục tù
Chàng dặn thiếp
Rán đợi chờ
Mười năm sau lại nối đường tơ
Đứng ở trên trời đáng trượng phu
Trong lòng mang nặng mối thâm thù
Khác chi phế phủ
Bị cắt bị cưa

Sao chàng còn nghĩ nỗi đường tơ?

Đứng ở trên đời đáng Trượng phu

Trong lòng ôm một mối thâm thù

Sao chàng thổ lộ

Với thê nô?

Nhưng chàng đừng ngại

Mật kẻ xin chôn chặt dưới mồ.

(Dứt lời ca, cầm kiếm đâm cổ tự tử)

NGŨ VIÊN rút vôi ống tiêu cúi xuống đỡ Giả Thị. – Giả Thị! Giả Thị! Nội nhân! (thanh bội kiếm rơi ra, dòng máu chan hòa, Giả Thị tắt thở) Hiền thê! Ôi thôi rồi, hiền thê chết rồi. (phục xuống tử thi nức nở khóc). Một lát ngẩng lên lau nước mắt ngồi nhìn đăm đăm dĩ tợn. –

Một hồi lâu yên lặng. Sân khấu dần tối. Bổng Ngũ Viên đứng dậy nhặt ống tiêu rồi ngồi bên tử thi thổi một khúc, điệu trầm trầm ai oán. Sau khi y thổi dứt điệp khúc đầu thì có lời ca xa xa ở hậu trường để tả khúc tiêu). Ca rằng:

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Dưới trời thành Dĩnh tối âm u,

Cha mi ưu tu

Trong chốn ngục tù.

Mau mau ra đi

Lo việc báo thù!

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Trên đường giong ruổi tới kinh sư.

Anh mi bị lừa

Áp giải ngục tù

Mau mau ra đi

Lo việc báo thù!

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Dưới trời Thành phủ sương mịt mù

Hiền thê vì mi

Yên giấc ngàn thu.

Mau mau ra đi

Lo việc báo thù.

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

(Lời ca dứt nhưng tiếng tiêu còn kéo dài hết điệp).

MÀN HẠ

(Sau khi màn hạ tiếng tiêu còn đồng vọng)

HỒI THỨ HAI

Nhân vật

NGŨ VIÊN tang phục màu trắng

CÔNG TỬ THẮNG 10 tuổi

ĐÔNG CAO CÔNG

HOÀNG PHỦ NỘI

Cảnh: Một nhà tranh trong vườn trúc. Phía xa hình núi Chiêu Quan cao đột ngột dưới ánh trăng. Công tử Thắng nằm ngủ ở giường bên. Ngũ Viên ngồi tựa án chống tay vào cằm nghĩ ngợi. Một lát đứng dậy đi đi lại lại, vẻ lo lắng bồn khoăn. Rồi sau cùng đứng vịn cửa ngược

nhìn ngọn núi Chiêu Quan sừng sững
chọc trời nam.

Đông Cao Công vào.

ĐÔNG CAO CÔNG – Đêm thu
khuya khoắt, sương sa gió lạnh, sao túc
hạ còn chưa yên giấc?

NGŨ VIÊN thở dài – Thừa tiên sinh,
lòng mỡ như lò lửa chứa đầy than hồng
đương ngàn ngụt bốc. Còn biết giá lạnh
là gì?

ĐÔNG CAO CÔNG nhìn quanh
phòng rồi trở Thảng – Tiểu chủ đã ngủ
say?

NGŨ VIÊN – Cái tuổi vô tư! Thực
là sung sướng! Tiên sinh có ngờ đâu hai
người cùng một tâm trạng, cùng ôm một
mối thù bất cộng đái thiên... (ngừng lại
lo lắng)

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu chỉ biết có một điều là công tử và túc hạ đương gặp bước gian nan, nên muốn vì công tử và túc hạ mà mưu việc quá Chiêu Quan thế thôi. Việc ấy lão phu cam đoan thế nào cũng giúp được thành công. Ngoài ra lão phu không còn biết hơn nữa.

NGŨ VIÊN – Mỗ lưu lại quý xá đã đúng bảy ngày, được tiên sinh khoản đãi ân cần, thực là van hạnh, vạn hạnh. Song Mỗ không thể ở lâu hơn nữa. Vậy sáng sớm mai xin từ biệt tiên sinh...

ĐÔNG CAO CÔNG – Không được, cứ như lời túc hạ, thì túc hạ và công tử đương bị truy nã nên vượt Chiêu Quan sang nước Ngô. Mà cửa Chiêu Quan hiện Vĩ tướng đóng binh cản mật, một con chuột nhắt cũng không thể vượt qua. Túc hạ cứ đi, tức là bị bắt. Chi bằng đợi

thêm một vài ngày nữa để lão hữu của lão phu đến, sẽ có điệu kẻ đưa tước hạ qua quan.

NGŨ VIÊN – Việc mờ không thể thiên diên được... (vẻ do dự) Thôi thì mờ cũng chẳng dám giấu diếm tiên sinh nữa mà phụ lòng liên tuất của tiên sinh... Mờ là Ngũ Viên mà Sở Vương đã treo bảng họa hình truy nã...

ĐÔNG CAO CÔNG – Tước hạ bắt tất phải nói, lão phu mới biết. Lão phu đã nhận ra tước hạ ngay buổi sơ kiến, vì lão phu đã được xem hình mạo tước hạ treo ở Chiêu Quan.

NGŨ VIÊN kinh ngạc – Vậy tiên sinh không biết rằng kẻ nào dung lưu hay tưng phóng Ngũ Viên này sẽ bị toàn gia xử trảm sao?

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu biết.

NGŨ VIÊN – Tiên sinh có biết rằng ai bắt Ngũ Viên đem nộp được thưởng năm vạn thạch thóc, thụ tước thượng đại phu không?

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu biết.

NGŨ VIÊN – Tiên sinh biết mà tiên sinh cứ để mỡ lưu trú? (thụp xuống đất toan lạy).

ĐÔNG CAO CÔNG vội đứng lên cúi xuống đỡ Ngũ Viên dậy – Sao tức hạ lại thế!

Hai người lại cùng ngồi xuống kỷ.

NGŨ VIÊN Mỡ quả thực là Tử Tư và tiểu chủ nằm ngủ kia là con thái tử Kiến tên Thắng. Biết tiên sinh là bậc trưởng giả, nay xin không dám có chút

ẩn tình gì nữa. Mỗ có cái cừu thiết cốt của phụ huynh, thể muốn đồ báo. Đợi ơn tiên sinh đừng tiết lộ.

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu có thuật tế nhân, há lại có lòng sát nhân sao? Lão phu là đệ tử Biển Thước tiên sinh, từ nhỏ lấy y thuật đi chu du liệt quốc để tìm cứu nhân độ thế. Nay tuổi già, lão phu về ẩn cư tại đây. Bữa nọ đến Chiêu Quan chữa bệnh cho Vĩ tướng quân, vì thế mà được thấy hình mạo túc hạ. Túc hạ cứ yên lòng, không lo sợ gì hết. Nơi đây ngoài mấy kẻ ẩn sĩ, hằng năm không có người qua lại, tung tích túc hạ không ai dễ biết được.

NGŨ VIÊN – Mỗ mang mối thù lớn trong lòng: Một khắc đối với mỗ dài bằng một năm. Thiên diên ở lại đây, mỗ tự coi như người chết rồi. Tiên sinh là bậc cao nghĩa há không thương sao?

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu đã nghĩ chín đến việc của túc hạ rồi. Chỉ còn đợi một người chưa đến.

NGŨ VIÊN – Người ấy mỗi có thể được biết là ai không?

ĐÔNG CAO CÔNG – Người ấy họ Hoàng Phủ tên Nột là bạn láng giềng của lão phu, ngụ tại núi Long Động cách đây chỉ hơn một dặm. Hiện Hoàng Phủ quân còn đi vắng hẹn hôm nay hay ngày mai sẽ về.

NGŨ VIÊN về suy nghĩ – Sao Hoàng Phủ quân về lại có thể giúp mỗi qua Chiêu Quan được, thừa tiên sinh.

ĐÔNG CAO CÔNG – Người ấy thân trường chín xích, mày rộng tám tấc, phảng phất cùng túc hạ tương tự.

NGŨ VIÊN – Thừa tiên sinh, mãi vẫn chưa hiểu cái kế qua Chiêu Quan của tiên sinh. Xin tiên sinh dạy bảo cho biết.

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão hữu sẽ trá hình làm túc hạ và túc hạ sẽ trá làm tên bộc theo hầu. Như thế túc hạ có thể qua Chiêu Quan được.

NGŨ VIÊN nghĩ ngợi – Kế của tiên sinh tuy diệu... nhưng sợ lụy tới quý hữu, mỗi nghìn lòng chẳng an.

ĐÔNG CAO CÔNG – Cái đó không hề gì. Lão Phu sẽ tự có cách giải cứu lão hữu. Vả lão hữu cũng là một kẻ sĩ khảng khái, nếu cần nhờ giúp đỡ, chắc sẽ không từ trực nhiệm đâu, bất tất túc hạ phải quá lo.

NGŨ VIÊN – Thừa tiên sinh, kẻ đi trốn tránh lúc nào cũng tưởng sắp bị bắt thì không bao giờ không lo xa. Tiên sinh thì mỗi đã biết là người trọng nghĩa khinh phú quý, giàu lòng cứu tế. Còn quý hữu... Còn Hoàng Phủ tiên sinh... biết có cùng một tâm thuật như tiên sinh không? Thừa tiên sinh, cái thưởng năm vạn thạch thóc và tước thượng đại phu có phải ai cũng thần nhiên coi thường được đâu?

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu vẫn nghe đồn hai anh em Ngũ Thượng, Ngũ Viên là hai bậc thư kiếm anh hùng trong thiên hạ. Trong hai người ấy, một người thì quá dễ tin, một người thì quá đa nghi. Quả hôm nay lão phu thấy Ngũ công tử là người đa nghi.

NGŨ VIÊN – Mỗi xin tạ tội cùng tiên sinh, mỗi đã giao phó tính mệnh vào tay

tiên sinh, mà còn có lòng nghi kỵ thực là nghìn tội, nghìn tội với tiên sinh. Nhưng nếu mỗi chỉ trốn tránh để cần sống thì không nói làm gì. Đằng này mỗi lại cần sống để báo thù cho cha, cho anh bị giết oan, nên tấm thân mỗi, mỗi thấy cần phải bảo vệ thận trọng lắm.

Bất cần một chút mà chết, thì đó sẽ không phải là cái chết của Ngũ Viên, nhưng cái chết của sự báo thù... Dòng họ Ngũ sẽ hết... hết danh dự!

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão phu chỉ cứu người, không hề bao giờ nghĩ đến chuyện giết người, hay báo ân báo oán của người. Nhưng biết tôn công và tôn huynh bị giết chết, lão phu rất tôn kính việc báo thù của túc hạ. Tâm sự của túc hạ lão phu đã rõ trước khi túc hạ cho biết nên lão phu đã nghĩ ngay đến việc đã cho đi đưa túc hạ ra khỏi nước Sở và tìm lão

hữu Hoàng Phủ Nột. Hôm qua lão phu đã nhận được thư phúc đáp của lão hữu, nói sẽ về ngay. Lão phu tưởng phi người này không ai, và không có cách gì khác đưa được túc hạ ra khỏi nước Sở.

NGŨ VIÊN suy nghĩ – Hoàng Phủ Nột... Hoàng Phủ Nột! Một vị anh hùng của nước Sở, mà mỗ không biết tiếng. Thực đáng tiếc!

ĐÔNG CAO CÔNG – Hoàng Phủ Nột là một bậc thư kiếm siêu quần. một hiệp sĩ ẩn danh không màng phú quý, không tham tước vị, chỉ giúp những việc đại nghĩa trong thiên hạ, một người như thế không ai được phép ngờ vực.

NGŨ VIÊN đứng dậy chấp tay vái – Mỗ thực có tội với ân nhân. Mỗ xin tạ tội.

ĐÔNG CAO CÔNG đứng dậy. – Sao túc hạ lại mất trấn tĩnh như thế!

NGŨ VIÊN – Thừa tiên sinh quả thực lòng này không còn tự chủ được nữa. Đã phí bao thời gian lưu lạc trên đất Tống đất Trịnh, mà việc báo thù chưa tiến được mảy may, tiên sinh bảo mỗ còn bình tĩnh sao được!

ĐÔNG CAO CÔNG – Thế thái tử Kiến? Còn ở bên nước Trịnh ư?

NGŨ VIÊN – Thái tử đã bị Trịnh Bá mưu hại mất rồi!

ĐÔNG CAO CÔNG – Thái tử Kiến chết rồi! (cười mỉa mai). Từ nay Sở bình Vương dứt được một mối lo... Thực là một việc đau lòng! Cha định giết con. Con ra nước ngoài mượn binh về đánh cha. Ôi! Luân thường đảo ngược! Nước Sở đến lúc bị diệt chẳng?

NGŨ VIÊN – Mỗ tin như thế... Trời sẽ giao phó trong tay mỗ cái nhiệm vụ diệt Sở.

ĐÔNG CAO CÔNG – Sở bị diệt hay không bị diệt, lão phu không quan tâm. Lão phu là người của thiên hạ đã từng chu du khắp liệt quốc, đến đâu cũng được trọng đãi và đến đâu cũng chỉ biết đến một việc là cứu chết, chẳng cần phân biệt người ốm là người nước Sở hay người nước Tống hay người nước Ngô... Nhưng lão phu có lần được nghe câu ca này chưa rõ hư thực ra sao:

Nước Sở có hai Tư,

Cùng là bực kiếm thư.

Tài danh quán thiên hạ

Là bạn hay là thù?

Một Tư thì lão phu chắc là Ngũ công tử rồi. Còn một Tư nữa là ai thế, thừa túc hạ?

NGŨ VIÊN – Đó là Thân bao Tư cùng Viên này có tình bát bái chi giao.

ĐÔNG CAO CÔNG – Vậy sao trong bài ca lại có câu: «Là bạn hay là thù?»

NGŨ VIÊN suy nghĩ – Thế thì lạ thực! Khi mỗ trốn sang Tống, gần đến biên thùỵ có gặp Thân Bao Tư. Mỗ nói thực cho Bao Tư biết cái chí báo thù của mỗ, thì Bao Tư khuyên can mỗ rằng: «Sở vương tuy vô đạo, nhưng là vua, ông đòi đòi ăn lộc vua, đạo quân thần đã phân định. Có lý nào tôi mà lại thù vua?» Mỗ đáp lại rằng: «Xưa Kiệt Trụ bị bầy tôi giết là vì vô đạo. Nay Sở vương cướp vợ con, bỏ dích tỵ, tin xâm nịnh, giết hại trung

lượng. Ta mượn binh vào Dĩnh Đô là vì nước Sở, quét sạch ô uế huống lại có cái thù cốt nhục, nếu không diệt được Sở thì không đứng trong khoảng trời đất». Nghe mỗi thổ lộ hết lòng căm giận, Bao Tư buồn rầu nói: «Khuyên người báo Sở thì là bất trung, can người báo Sở, lại là hãm người vào tội bất hiếu; vậy người cứ đi, trong tình bằng hữu ta sẽ không tiết lộ việc này với ai. Nhưng ta bảo cho người biết rằng người có thể giày xéo nước Sở thì ta cũng có thể tồn tại nước Sở, người có thể làm nguy nước Sở thì ta cũng có thể làm yên nước Sở. Vậy câu «Là bạn hay là thù?» hẳn ứng vào cuộc gặp gỡ ấy. Nhưng sao người đời lại có thể biết được việc ấy?

ĐÔNG CAO CÔNG – Việc gì đã có hai người biết, thì tất sẽ có ba người biết.

Mà đã có ba người biết tất sẽ có trăm nghìn người biết. Sao tức hạ lại lấy làm lạ?

NGŨ VIÊN mơ màng đọc: – Là bạn hay là thù?

Có tiếng tiêu từ xa đưa lại.

ĐÔNG CAO CÔNG lắng tai nghe, rồi vui vẻ – Hoàng Phủ lão hữu đã về. Lão phu phải đến ngay về việc tức hạ. (Đứng lên vái chào) – Kính chào tức hạ yên giấc!

NGŨ VIÊN lơ đãng, nghĩ ngợi, vái chào.– Kính chào tiên sinh.

Đông Cao Công ra.

NGŨ VIÊN – Lạ!... Khó hiểu. Sao đương ngồi nói chuyện với ta, Đông Cao Công lại biết Hoàng Phủ Nội đã về... Đông

Cao Công quả là một người phi thường! (Tiếng tiêu từ xa vẫn vẳng vẳng bay lại). Ồ. ờ! có tiếng tiêu!... Phải, vì nghe thấy tiếng tiêu (lắng tai nghe. Một lát đứng lên ra tựa khung cửa nhìn ngọn núi Chiêu Quan sừng sững dưới ánh trăng). Kỳ dị!... Y cũng thổi ống tiêu chăng?... Nếu quả thật chính Hoàng Phủ Nội thổi ống tiêu... (đứng im lặng nghe hết một khúc. Bỗng rút ống tiêu của mình ra định thổi, nhưng lại thôi, cất vào bọc... Ngồi xuống kỷ, hai tay ôm đầu. Một lát lại đứng dậy, đi đi lại lại trong gian nhà như một con hổ bị nhốt. Tiếng tiêu đã ngừng. Tiếng vạc kêu, bay về phía nam. Ngũ Viên ngừng nhìn trời. Thét lên một tiếng lớn, khiến Công Tử Thắng thức giấc.)

Công tử Thắng ngồi trên giường. Cũng kêu một tiếng rồi nhồm dậy.

CÔNG TỬ THẮNG – Có việc gì không thúc thúc?

NGŨ VIÊN – Việc gì? Thừa tiểu chủ.

CÔNG TỬ THẮNG – Sét đánh ở đâu thế?

NGŨ VIÊN – Có tiếng sét nào đâu?

CÔNG TỬ THẮNG – Vậy ra ta chiêm bao ư?

NGŨ VIÊN – Tiểu chủ chiêm bao như thế nào?

CÔNG TỬ THẮNG – Ta cùng Ngũ thúc thúc đương đi trên con đường hẻm, giữa hai quả núi cao. Bỗng gặp một con hổ xám lớn ở sườn núi nhảy ra chặn đường. Thúc thúc rút kiếm ra chém nó. Trong khi đôi bên cầm cự nhau thì một tiếng sét nổi dậy vang động một vùng. Con hổ bị sét đánh chết.

NGŨ VIÊN – Tiếng thét ấy tức là tiếng thét của mỗ... Điềm tốt! Việc bảo thủ sẽ thành công!

CÔNG TỬ THẮNG – Sao thúc thúc thét to thế?

NGŨ VIÊN – Vì mỗ trông thấy đàn vạc bay qua núi Chiêu Quan.

CÔNG TỬ THẮNG – Sao trông thấy đàn vạc bay qua núi Chiêu Quan, thúc thúc lại thét lên?

NGŨ VIÊN – Vì mỗ thấy người không bằng chim. Giá người mọc cánh và bay được như chim thì cái sự quá Chiêu Quan có khó khăn gì?

CÔNG TỬ THẮNG vẻ kinh hãi – Thúc thúc lại muốn đưa ta trở về Trịnh chăng?

NGŨ VIÊN – Thù Trịnh của tiểu chủ, ta sẽ trả sau.

CÔNG TỬ THẮNG – Thúc thúc chưa đi ngủ? Có lẽ gần sáng rồi đấy!

NGŨ VIÊN – Tiểu chủ cứ đi ngủ trước. Mỗ cần phải mưu tính một việc chưa ngủ được.

Tiếng tiêu xa lại cất điệu bi ai.

Trời tang tảng sáng. Ngũ Viên mãi suy nghĩ đến bạc trắng cả râu, tóc lúc nào. Đông Cao Công vào.

ĐÔNG CAO CÔNG (Nhìn Ngũ Viên ngạc nhiên) – Lạ chưa, sao râu tóc túc hạ lại thay đổi khác hẳn đi thế?

NGŨ VIÊN (cầm gương soi và ném gương xuống đất khóc), – Trời! Hai mái

tóc đã bạc mà ta chưa làm nên trò trống gì! Trời hỡi trời!

ĐÔNG CAO CÔNG – Túc hạ chớ lấy thế làm buồn. Đây là triệu chứng đáng mừng!

NGŨ VIÊN – Sao lại là triệu chứng đáng mừng?

ĐÔNG CAO CÔNG – Túc hạ mặt mũi khô ngo, người ta dễ nhận. Nay râu tóc trắng xóa, trông lạ hẳn đi, có thể che mắt được thiên hạ. Vả Hoàng Phủ lão hữu của lão đã về, vậy ngay đêm nay ta nhất quyết thi hành ý định...

NGŨ VIÊN mừng rỡ.– Vâng, nhờ tiên sinh chu toàn hộ!

ĐÔNG CAO CÔNG – Hoàng Phủ lão hữu của ta đã tới, để lão giới thiệu

cùng túc hạ...

NGŨ VIÊN – Vâng phiến tiên sinh giúp... để mỗ được vái ta ơn người...

Hoàng Phủ Nột vào. Ngũ Viên vừa trông thấy đã giật mình.

Quả thực Hoàng Phủ Quân có vóc dáng hệt như Mỗ. (vái chào). Thật Trời còn thương nhìn tới giòng họ Ngũ này...

HOÀNG PHỦ NỘT (vái chào đáp lễ) – Túc hạ chớ nên khách sáo. Nỗi hăm oan của gia đình túc hạ ai biết tới cũng phải động lòng. Cảm cái hiếu của túc hạ, và được tin lão hữu đây gọi tới trợ giúp, lão phu vội dẹp hết mọi chuyện riêng, tới ngay. (Quay sang Đông Cao Công) Chắc hẳn lão huynh đã có sẵn diệu kế?

ĐÔNG CAO CÔNG cười... – Thì

đấy, hản lão huynh đã rõ ý ta. Diệu kế nào hơn kế lão huynh giả làm túc hạ đây, và túc hạ sẽ giả làm người theo hầu... Khi quân sĩ nhốn nháo bắt giữ lão huynh thì túc hạ đây cứ việc quá quan... Còn chuyện giải cứu lão huynh thì cái đó... phần lão, chuyện về sau... quý vị khỏi phải bận tâm.

HOÀNG PHỦ NỘI – Thế thì được, Vậy phiên túc hạ và công tử cứ y theo kế ấy!

ĐÔNG CAO CÔNG – Túc hạ nên bôi một thứ thuốc nước lão phu đã pha sẵn để làm cho khác hản mặt đi. Nhá nhem tối nay, túc hạ sẽ cởi áo trắng đổi cho Hoàng Phủ lão huynh của lão mặc. Còn túc hạ mặc áo cánh trắng giả làm người theo hầu. Công tử thì vận một bộ đồ trông như trẻ nhà quê... Ngũ Viên và Công Tử Thắng sụp lạy bốn lạy.

NGŨ VIÊN – Sau này tại hạ có làm nên việc, quyết xin hậu tạ...

ĐÔNG CAO CÔNG – Lão thương túc hạ bị hàm oan nên muốn giúp chứ mong gì hậu tạ. Mong túc hạ hiểu cho!

Trời dần tối. Rồi tối hẳn. Một lát, trên đường tới ải Chiêu Quan, ta thấy có bóng 3 người đang mãi miết đi. Dưới ánh trăng, ba người dần rõ mặt. Đi đầu là Hoàng Phủ Nột rồi tới Ngũ Viên và Công Tử Thắng.

HOÀNG PHỦ NỘT – Mờ sáng, ta sẽ tới Chiêu Quan. Xin túc hạ và công tử nhớ kỹ mọi điều đã bàn tính. Cần nhất phải lẹ chân, đúng giờ đúng lúc. Và phải bình tĩnh lắm mới được!

NGŨ VIÊN – Xin đa tạ và xin nghe
lời vàng ngọc của tiên sinh.

Trời hửng dần. Cả ba người tiến vào
cửa ải.

MÀN HẠ

HỒI THỨ BA

Nhân vật:

NGŨ VIÊN

CÔNG TỬ THẮNG

NGƯ ÔNG

NGƯ NHÂN

NGƯỜI CON GÁI GIẶT SA

BỊ LY

Cảnh: Bến Ngạc Chử về bên đất Ngô.
Xa là núi non trùng điệp nước Sở và con
sông chắn ngang.

Bờ bên này chia ra làm hai phần, ngăn ra bởi một khóm sậy dầy và một tảng đá lớn. Cạnh tảng đá là chỗ người thiếu nữ giặt sa (về bên phải). Về bên trái nơi thuyền Ngư Ông đỗ, bắt đầu đi và sẽ đưa Ngũ Viên tới.

Ngư Ông và Ngư Nhân vào.

NGƯ NHÂN – Bác nên nghe cháu. Chúng ta cùng bỏ nơi này đi nơi khác kiếm ăn thôi.

NGƯ ÔNG – Không, lão cứ ở đây.

NGƯ NHÂN – Vậy những chuyện thường xảy ra hằng ngày không làm bác nao núng ư?

NGƯ ÔNG – Việc gì mà nao núng?

NGƯ NHÂN – Những chuyện bắt bớ, bắn trộm ở phía bờ bên kia, ấy mà!

Không biết độ rày nước Sở sắp mưu tính việc gì mà canh phòng cẩn mật đến như thế. Bác ạ, hôm nọ một người làng cháu vô tình ghé thuyền vào gần bờ bên ấy, thế mà bị ngay binh lính nước Sở bắt giam, nay vẫn chưa tha. Cháu thấy thế vội bơi thuyền ra giữa dòng cũng bị một phát tên bắn theo.

NGƯ ÔNG – Thế thì nước Sở đến có ngày bị diệt vong! Cản trở sự sinh hoạt của người ta như thế là trái lòng Trời, mà trái lòng Trời thì sẽ bị Trời truất ngôi không cho hưởng lộc nữa, chẳng sớm thì chầy, nước Sở thế nào cũng bị diệt.

NGƯ NHÂN – Nhưng cháu còn lo một việc quan trọng hơn là cái việc nước Sở bị diệt. Vì nước Sở bị diệt thì mặc vua tôi nước Sở, còn cái việc cháu lo ngại lại có quan hệ đến Ngô, đến bách tính nước Ngô ta.

NGƯ ÔNG – Chẳng hay cái việc quan trọng ấy là việc gì thế?

NGƯ NHÂN – Ít lâu nay, cháu thấy quân Sở kéo đến đóng chặt cửa Chiêu quan. Mà ở ven sông thì quân tuần tiễu của họ luôn luôn đi diễu. Vậy cháu ngờ rằng họ mưu tính xâm lược nước Ngô chúng ta chẳng.

NGƯ ÔNG (cười) – Anh rõ quá lo xa. Vả nước là nước của bọn vua quan chứ của gì chúng ta, mà chúng ta phải băn khoăn về sự mất còn?

NGƯ NHÂN – Không băn khoăn sao được? Mỗi lần có cuộc xâm lăng là ruộng vườn bị tàn phá, người vật bị giết chóc.

NGƯ ÔNG (vẫn cười) – Vua chính nước mình ác mình còn khổ gấp trăm

gấp nghìn lần! Vì cuộc xâm lăng là sự họa hoằn, chứ cái chính thể hà khắc của một ông vua vô đạo thì năm ấy sang năm khác, tháng ấy sang tháng khác, ngày ấy sang ngày khác, lúc nào cũng đè trĩu lên vai bách tính. Cái chết bất thần bởi tay quân xâm lược nhẹ nhàng hơn biết mấy cái chết dần chết mòn trong một nước tàn chính mà mình vô phúc sinh vào làm dân. Chết đói chết khát, chết nhục chết nhã, chết không người chôn, chết không người hương khói.

NGƯ NHÂN – Bác phác họa ra chi cái cảnh rùng mình ấy?

NGƯ ÔNG – Thì cái cảnh ấy đã bắt đầu diễn ra ở nước Ngô rồi đó. Từ ngày Vương Liêu tiếm vị lên ngôi, thuế má tăng nặng nề, binh dịch bắt khổ sở. Quần thần thì kéo bè kết đảng để đi hiếp trức dân gian.

NGƯ NHÂN – Cháu định bỏ sang
Trịnh, bác nghĩ sao?

NGƯ ÔNG – Ở đâu thì cũng thế
thôi. Cũng vua, cũng các quan thượng
đại phu, trung đại phu, hạ đại phu. Chi
bằng một con thuyền theo dòng sông,
tiện đâu thì đỗ lại, đói thì đánh cá sông
mà ăn, khát thì múc nước sông mà uống,
nghêu ngao ca hát gửi mây cùng gió, gửi
trăng cùng sao. Yên thì ta lưu lại, loạn
thì ta rời đi. Như thế há chẳng hợp thiên
đạo lắm sao!

NGƯ NHÂN – Bác nói loạn thì ta rời
đi nơi khác. Vậy nay ta đã nên rời đi nơi
khác chưa? Trong thì bọn vua tôi Vương
Liêu chuyên chế, ngoài thì nước Sở nước
Việt dòm ngó chỉ chực xâm lăng.

NGƯ ÔNG — Cái đó là tùy anh.
Người quân tử đi đến đâu là nhà ở đấy.

Còn về phần lão thì dòng sông tức là nước, con thuyền tức là nhà, kế sinh nhai, là cái chài, cái lưới. Lão không phiền lụy ai, không để ai phiền lụy mình. Ai gặp hoạn nạn mà lão cứu được là lão cứu. Không cứu được, lão cũng chẳng vì thế mà buồn. Đêm vừa qua lão nằm chiêm bao thấy tướng tinh từ phương trời đông bắc vào trong thuyền lão, vì thế hôm nay lão sửa soạn thuyền lướt qua sông để tìm đón vị tướng tinh ấy đấy.

NGŨ NHÂN – Bác qua sông?

NGŨ ÔNG – Lão qua sông. Sao!

NGŨ NHÂN – Bác không sợ quân Sở tàn bạo?

NGŨ ÔNG – Không. Lão tin rằng không ai tàn bạo với lão.

NGƯ NHÂN – Cháu can bác, bác
chớ sang sông.

NGƯ ÔNG (cười) – Người ta sống
chết có số. Việc gì mà sợ! Thôi lão đi đây
chẳng lẽ việc!

NGƯ NHÂN – Cháu cũng đi. Nhưng
cháu thì cháu ngược dòng. chứ không
sang ngang. Vợ con cháu đã ở cả dưới
thuyền đương chờ cháu.

NGƯ ÔNG – Vậy anh đi sớm cho
may mắn.

NGƯ NHÂN (vái chào) – Lạy bác.

NGƯ ÔNG – Tạm biệt anh. Chúng
ta sẽ có ngày tái ngộ (vái, đáp lễ).

Ngư Nhân ra đi ngược lên phía trái
theo ven sông. Ngư Ông xuống thuyền.
Người con gái giặt sa xách cái làn đựng

sa và cái giỏ đựng thức ăn lững thững đi vào, và yên lặng ra ngồi giặt sa bên bờ sông cạnh tảng đá lớn, có bụi lau che khuất nửa bên có thuyền đậu. Trong khi ấy Ngư Ông xuống thuyền ra sông, đi ngược về bên trái.

Ngư Ông ra

Một lát sau

Tiếng ca của Ngư Ông ở hậu trường, nghe xa dần dần.

I

Nước mùa thu hê!

Lạnh buốt lạnh tê.

Trời mùa thu hê!

U ám nặng nề.

Nghỉ một lát

II

Buôn trông nước hê!

Nước lặng không đi.

Buôn trông trời hê!

Chiếc nhạn bay về,

✱

Nhạn hê, nhạn hê!

Sao không tề phi?

Đủ đôi lứa hê!

Tình nghĩa phu thê!

III

Thả con thuyền hê!

Hôm nay ra đi,

Không mong được cá hê.

Mong được kim quy.

✱

Kim quy hê! Kim quy hê!

Ta chờ đợi mi!

Chờ đợi mi hê!

Lòng ta ưu bi.

Nghỉ một lát

IV

Bóng đã đứng hê

Ai người đi về?

Ai qua sông hê!

Lão phu chở thuê.

NGŨ VIÊN (Ở hậu trường) gọi ở bờ sông bên kia... – Ngủ phủ chờ ta! Ngủ phụ mau chờ ta.

Yên lặng một lát.

Tiếng ca của Ngủ Ông ở bên kia sông:

Bóng đã xế hê!

Người qua sơn Khê!

Dồn đợi trong lau hê!

Ta đến đưa đi.

Yên lặng một lát.

Tiếng Ngủ Ông ca:

Bóng sắp lặn hê

Lòng ta ưu bi

Trăng sắp mọc hê

Sao không sang đi?

Yên lặng một lát con thuyền của Ngư Ông đưa Ngũ Viên và công tử Thắng ghé vào bờ. Trong khi ấy người con gái giặt sa đã xách làn và giỏ đứng lên đi lảng xa, theo dọc sông về phía tay phải.

(Người con gái giặt sa ra.

Ba người ở thuyền bước lên).

NGŨ VIÊN – Ơn này thực là ơn tái tạo...

NGƯ ÔNG – Đêm qua nằm mộng thấy tướng tinh ẩn trong thuyền ta, lão hán biết thế nào cũng có dị nhân muốn qua sông. Vì thế từ sáng lão hán cho thuyền đi đi lại lại qua đây, ngẫu nhiên gặp người. Ta quan sát dung mạo người thì đích là bậc phi thường. Vậy xin đừng giấu ta, hãy nói cho ta biết rõ về người.

NGŨ VIÊN vẻ ngẩn ngại lo lắng cúi đầu suy nghĩ. Bỗng Ngũ Viên nhìn thẳng vào mặt lão Ngư.

– Thôi thì mỗi cũng chẳng dám giấu ân nhân, tuy những điều mỗi thú thực với ân nhân có can hệ đến số phận của hai kẻ vong mệnh này. Mỗi chính là Ngũ Viên tức Tử Tư và tiểu chủ đây là công tử Thắng con thái tử Kiến, bỏ mạng bên nước Trịnh.

NGƯ ÔNG ngắm nghía Ngũ Viên – Thì chính người là Ngũ Viên tức Tử Tư, con quan Thái sư Ngũ Xa nước Sở?

NGŨ VIÊN – Vâng, chính mỗi.

NGƯ ÔNG – Nhưng ta nghe Ngũ Viên mới ngoài ba mươi tuổi, có sao râu tóc lại đã bạc trắng như thế kia?

NGŨ VIÊN – Câu hỏi của trượng nhân khiến mỡ lại muốn sa lệ. Hôm kia, trong một đêm lo lắng, buồn phiền, vì nghĩ mãi không tìm ra kế quá Chiêu quan, sáng hôm sau soi gương mỡ đã thấy dung mạo biến cải như thế này.

NGŨ ÔNG – Thế rồi làm thế nào mà người qua được Chiêu quan, vì ta nghe nói Võ Việt đóng quân canh giữ Chiêu quan cẩn mật lắm.

NGŨ VIÊN — Ấy cũng một phần nhờ mái tóc và bộ râu đổi trắng, mỡ đã trá hình làm tên lão bộc đi theo hầu, một người bạn trá hình làm Ngũ Viên. Người bạn đã bị bắt trong khi mỡ trốn thoát được qua Chiêu quan. Chưa rõ số mệnh của người ấy hiện nay ra sao, mỡ rất lấy làm áy náy.

NGƯ ÔNG – Để ta nắm giúp cho một quẻ độn. (Tính nhằm một lát) Không, không hề gì. Người ấy đã được cứu thoát rồi.

NGŨ VIÊN – Thế thì vạn hạnh, vạn hạnh?

NGƯ ÔNG – Vậy bây giờ người định đi đâu?

NGŨ VIÊN – Mỗ muốn mượn quân Ngô sang diệt Sở để báo thù cho cha và anh.

NGƯ ÔNG – Việc đó là việc riêng của người, ta không dám bàn tuy rất thương người ngậm ngùi mạng khuất. Thôi người đi cho được may mắn.

NGŨ VIÊN cỡi bội kiếm, hai tay nâng lên trước mặt Ngư Ông. – Đây là thanh bội kiếm dâng tiên vương ban cho.

Từ tổ phụ ta đến ta đeo nó đã ba đời, trên lưỡi có khắc hình thất tinh, thật là một thanh bảo kiếm giá đáng trăm lạng vàng, nay xin đem dâng trượng nhân, để gọi là báo đáp ơn cứu giúp.

NGŨ ÔNG (cười) — Ta nghe Sở vương có lệnh ai bắt được Ngũ Viên thưởng thóc trăm vạn thạch, ban tước thượng đại phu. Ta không màng cái thưởng thưởng khanh há lại hám thanh kiếm trăm lạng vàng của người sao. Vả người quân tử không thể chu du trong thiên hạ mà lại không đeo kiếm. Vậy thanh bảo kiếm của người là một vật tất nhu cho người, ta không dùng làm gì mà lấy.

NGŨ VIÊN – Trượng nhân đã không chịu nhận kiếm thì xin cho biết tính danh để sau này mỗi tìm báo đáp.

NGƯ ÔNG giận mắng – Ta thấy người hàm oan phụ khuất, nên ta thương mà đưa sông, sao người lại nói đến hậu báo? Như thế không phải là trượng phu.

NGŨ VIÊN giọng van nài – Trượng nhân tuy không mong báo, những mỡ lòng nào tự an được, xin trượng nhân lượng xét cho.

N. Ô.– Ngày nay gặp nhau. Người trốn tránh nạn nước Sở, ta buông tha giặc nước Sở. Trong trường hợp ấy, há dùng tính danh được ư? Huống ta mái chèo hoạt kế, mặt sóng sinh nhai, tuy có biết tính danh nữa cũng khó hẹn kỳ tái hội. Vạn nhất mà trời có xui khiến đôi ta tương phùng thì ta chỉ gọi người là người trong lau, và người kêu ta là ngư trượng nhân, như thế phỏng không đủ nhớ ra sao?

NGŨ VIÊN sụp xuống lạy – Vạy xin ân nhân nhận lấy bốn lạy này.

NGƯ ÔNG lãnh đạm quay về thuyền, còn Ngũ Viên và Công Tử Thắng đi vào đất Ngô. Được vài bước bỗng Ngũ Viên quay trở lại.

NGŨ VIÊN – Trượng nhân

NGƯ ÔNG quay lại – Còn gì nữa thế?

NGŨ VIÊN – Việc này xin trượng nhân giữ bí mật cho (Ngư Ông chau mày cười gằn nhìn Ngũ Viên tỏ vẻ khinh bỉ) Nếu có hậu binh đuổi tới xin đừng tiết lộ cơ mưu của ta.

NGƯ ÔNG ngửa mặt lên trời than thở – Ta làm ơn cho người mà còn bị người ngờ vực. Nếu quả thực sẽ có truy

binh qua sông, thì ta biết làm thế nào để tự mình? Chẳng thà ta chết để dứt mối nghi ngờ của người. (ôm tảng đá xuống thuyền, chở ra một quãng xa rồi cầm dao chọc thủng thuyền cho chìm).

NGŨ VIÊN đứng trên bờ nhìn theo – Ồi! trượng nhân! trượng nhân! Sao lại thế... Thôi thế là ân nhân chết rồi! (nằm phục xuống lạy). Ta nhờ trượng nhân mà sống, trượng nhân vì ta mà chết. Thương xót chưa?

CÔNG TỬ THẮNG – Thế là thúc thúc giết ân nhân đấy! Sao đã đi rồi thúc thúc còn quay lại dặn với một câu nữa khiến ngư phụ tức giận mà tự tử.

NGŨ VIÊN trấn tĩnh ngay lại – Vẫn biết ta có tội đối với ân nhân. Nhưng nhân tâm nan trắc, đã biết đâu... Nhất ta

lại ở trong cảnh đào vong, và mang một mối thù thế nào cũng phải báo... Nhưng Công tử có đói lắm không?

CÔNG TỬ THẮNG – Từ sáng đã ăn gì đâu mà no được. Chắc thúc thúc cũng thế?

NGŨ VIÊN – Mổ cũng đói lắm. Nếu không có gì ăn lót dạ thì khó lòng mà bước đi được.

CÔNG TỬ THẮNG – Hay ta vào trong xóm gần đây xin cái ăn.

Người con gái giặt sa đi trở về chỗ cũ và lại bắt đầu ngồi giặt sa.

NGŨ VIÊN – Vậy Công tử chờ ta ở đây, để ta tìm nơi lân cận kiếm cái ăn nhé. (đi được vài bước lại quay lại). Trong khi ta vắng mặt Công tử nên tạm ẩn núp trong khóm lau kia.

CÔNG TỬ THẮNG – Nhưng thúc thúc đi mau về kéo tối.

NGŨ VIÊN – Được, nếu gặp nơi hảo tâm biết liên tuất kẻ dị bang lánh nạn, ta sẽ trở lại đón Công tử đến trọ.

CÔNG TỬ THẮNG nhìn thấy người con gái giặt sa – Nhưng ở bên tảng đá lớn kia có, người đàn bà đương giặt sa, sao thúc thúc không đến hỏi đường vào làng?

NGŨ VIÊN nghĩ ngợi – Hỏi như thế có tiện không?

CÔNG TỬ THẮNG – Có gì mà không tiện! Mình là người xa lạ đến đây...

NGŨ VIÊN – Ấy chính mình là người xa lạ nên mới không tiện hỏi. Mình đang bị quân Sở truy nã. Ai không có lòng tham phú quý... lỡ người ta hô hoán lên...

CÔNG TỬ THẮNG – Người ta là phụ nhân. Mà ở đây vắng vẻ... người ta chả dám hô hoán đâu.

NGŨ VIÊN – Được! Vậy để ta lại hỏi... Còn như... sự tị hiềm nam nữ thì có đáng kể chi... trong lúc biến... (lại gần người con gái) Thừa phụ nhân...

NGƯỜI GIẶT SA quay lại nhưng vẫn cúi đầu không nhìn lên.

NGŨ VIÊN – Thừa phụ nhân, nhờ phụ nhân chỉ bảo cho đường lối vào làng.

NGƯỜI GIẶT SA cúi đầu yên lặng.

NGŨ VIÊN – Ta kẻ cùng đồ, từ sáng đến giờ chưa ăn...

NGƯỜI GIẶT SA vẫn cúi đầu yên lặng, sửa soạn tại các thứ trong giỏ.

NGŨ VIÊN liếc nhìn thấy các thức

ăn. – Hay là thế này, phu nhân có thể để lại cho ta bữa ăn đựng trong giỏ của phu nhân. Hai kẻ sắp chết đói này không bao giờ dám quên ơn phu nhân...

NGƯỜI GIẶT SA vẫn cúi đầu. – Thiếp ở với mẹ, năm nay ba mươi mà chưa lấy chồng há dám bán bữa ăn cho hành khách sao?

NGŨ VIÊN – Mỗ là kẻ cùng đồ, xin một bữa ăn để sống, phu nhân làm phúc thì đó chỉ là đức chần tuất chứ có là gì khác mà phu nhân phải hiềm nghi...

NGƯỜI GIẶT SA (ngừng lên nhìn Ngũ Viên) – Thiếp ngắm ông, trạng mạo khôi vĩ, có vẻ là một người phi thường. Hẳn sau này, ông sẽ làm nên hiển hách. Nếu nay vì một điều tiểu hiềm mà ngồi nhìn cái cảnh cùng khổ ở trước mắt thì không những là bất nhân mà còn là...

NGŨ VIÊN – Còn là sao, thừa phụ nhân?

NGƯỜI GIẶT SA – Thôi thì (mở giỏ lấy bữa ăn ra bày lên cái nắp, rồi quỳ xuống yên lặng dâng trước mắt Ngũ Viên).

NGŨ VIÊN (cũng quỳ xuống đỡ lấy bữa ăn) – Ông này mỗ xin ghi lòng tạc dạ.

NGƯỜI GIẶT SA yên lặng quay ra giặt sa.

NGŨ VIÊN bưng nắp bày các thức ăn lại chỗ Công Tử Thắng. -- Xin mời công tử ăn tạm cho đỡ đói.

CÔNG TỬ THẮNG – Người ta hảo tâm lắm, thúc thúc nhỉ!

NGŨ VIÊN – Người ta hảo tâm cũng có mà trời giúp ta cũng có. Trời muốn

thành việc báo thù của ta, nên không nỡ để ta chết đói.

CÔNG TỬ THẮNG – Sao lúc nào thúc thúc cũng nghĩ đến việc báo thù như thế? Thiết tưởng bây giờ thì hãy nên trốn tránh làm sao cho thoát chết đã!

NGŨ VIÊN – Thoát chết để làm gì, nếu không để báo thù? Đấy công tử coi, vì việc báo thù chưa xong mà ta đành thờ ơ với bao tai nạn của bao ân nhân đã cứu giúp ta... Nhớ tới cái chết vừa rồi của Ngư Phụ... Bây giờ thì ta phải tạm quên những việc đau lòng ấy đi để chỉ theo đuổi có một một mục đích: Báo thù. Nếu ta bận tâm đến hết mọi việc... thì thù của ta bao giờ trả xong. Bao giờ cho ta báo được thù. Trời hỡi trời!

CÔNG TỬ THẮNG – Nhưng thôi, ta hãy ăn đã. Đói lắm rồi. (hai người yên

lặng ngồi dùng một bữa ăn rồi Ngũ Viên lại thu xếp các thứ bưng lại chỗ người con gái giặt sa).

NGŨ VIÊN – Xin nộp lại phu nhân, và xin cảm tạ phu nhân.

NGƯỜI GIẶT SA quay lại nhìn cái nắp — Ông về đi xa, sao không ăn no?

NGŨ VIÊN – Sợ phu nhân đói...

NGƯỜI GIẶT SA – Nhà thiếp gần đây. Không lo.

NGŨ VIÊN (lại bưng cái nắp đựng các thức ăn ra chỗ công tử Thắng). Phu nhân có lòng tốt muốn mời chúng ta dùng cả bữa ăn.

CÔNG TỬ THẮNG – Sao người ấy lại biết chúng ta đi xa?

NGŨ VIÊN – Chúng ta là người dị bang, thì hẳn không ở vùng này, mà không ở vùng này thì hẳn phải đi xa. Vậy ta nên vâng theo lời phu nhân mà dùng nốt. (hai người lại ngồi ăn).

CÔNG TỬ THẮNG – Đêm nay ta sẽ ngủ nơi nào?

NGŨ VIÊN – Ăn xong ta sẽ đi.

CÔNG TỬ THẮNG – Ta đi đâu?

NGŨ VIÊN – Đến kinh đô nước Ngô. Ta sẽ tìm cách vào yết kiến Ngô Vương, đem tài quán thế ra giúp Vương Liêu. Rồi khi đã được lòng Vương Liêu, mượn binh về báo thù.

CÔNG TỬ THẮNG – Ta nói việc hiện giờ ăn xong ta đi đâu?

NGŨ VIÊN – Ta đi đến kinh đô nước Ngô.

CÔNG TỬ THẮNG – Nhưng bóng đã xế tà, mà đường thì còn dài. Đêm nay ta ngủ đâu?

NGŨ VIÊN – Đêm trăng, ta có thể đi xa được. Còn ngủ thì cũng có những đôi cỏ trùng điệp kia. Người chưa báo được thù thì nằm gai nếm mật vẫn còn thấy quá êm, quá ngọt. Nay ta được phu nhân cho ăn ngon. Còn ngủ thì đôi cỏ chưa phải là đôi gai nhọn sắc. Có chi mà công tử vội lo xa.

CÔNG TỬ THẮNG – Lỡ đêm khuya gặp mãnh thú?

có thanh bội kiếm này NGŨ VIÊN – Thì đã và cây cung này. Và mãnh thú là tướng của Trời, Trời không nỡ hại người con hiếu báo thù cha thì mãnh thú há dám đến gần ta.

CÔNG TỬ THẮNG – Lỡ quân Sở sang sông đuổi theo ta?

NGŨ VIÊN – Thì ta chống lại. Đứa nào muốn chịu chung một số phận với kẻ ngụy giả của Vũ thành Hắc thì cứ việc đuổi theo mà bắt ta. (hai người dùng đã hết sạch các thức ăn). Thôi ta đem nộp lại các thức này cho phu nhân rồi lên đường. (Đứng lên) mang nắp và đĩa, đĩa, bút đến trả người con gái).

NGŨ VIÊN – Cảm tạ phu nhân cái ơn hoạt mệnh. Ôn ấy mỗi xin chôn sâu trong phế phủ không bao giờ dám quên.

NGƯỜI GIẶT SA – vẫn yên lặng giặt sa không quay lại.

NGŨ VIÊN – Trước khi từ biệt phu nhân, mỗi xin thưa phu nhân một điều (người giặt sa ngừng tay quay lại). Mỗi

quả thực là một kẻ tại đào, đương bị truy nã. Vậy nếu có binh mã qua sông đuổi theo mà hỏi thăm về tin đức hai kẻ vong mệnh này...

NGƯỜI GIẶT SA (ngẩng mặt lên chau mày buồn rầu than). Than ôi! Thiếp thờ mẹ góa ba mươi tuổi chưa lấy chồng, tự thể giữ một lòng trinh tiết. Nay vì tặng một bữa ăn mà đi chuyện trò với nam tử, như thế là bại nghĩa truy tiết mất rồi. Còn làm người sao được nữa. (nhìn Ngũ Viên). Thôi người đi đi!

Ngũ Viên lặng lẽ vái chào rồi cùng công tử Thắng quay đi. Người con gái giặt sa liền ôm một tảng đá tự gieo mình xuống dòng sông. Ngũ Viên cùng công tử Thắng cùng quay lại.

CÔNG TỬ THẮNG – Thôi người đàn bà lại chết rồi.

NGŨ VIÊN (Chạy vội lại bên dòng nước đứng nhìn tấm nước nổi lên rồi phục bên tảng đá lớn khóc nức nở) – Phu nhân! Phu nhân! Sao lại thế được? (Bỗng y nghĩ ngợi cắn đầu ngón tay cho máu chảy, trong khi ấy công tử Thằng buồn rầu đứng nhìn theo dòng nước.)

CÔNG TỬ THẮNG (Quay lại thấy Ngũ Viên đang hý hoáy dùng ngón tay làm bút để viết những chữ máu lên tảng đá) —Thúc thúc làm gì thế?

NGŨ VIÊN – Ta ghi nhớ lòng ơn phu nhân lên tảng đá này.

CÔNG TỬ THẮNG đọc:

Nàng giết sa.

Ta hành khất.

Ta bụng no,

Nàng mất tích.

Mười năm sau này

Nghìn vàng báo đức.

– Thúc thúc viết bằng son?

NGŨ VIÊN – Không, ta viết bằng máu.

CÔNG TỬ THẮNG – Trời ơi!

NGŨ VIÊN – Đáng lẽ ta phải đến ơn bằng mạng ta. Nay ta hãy tạm dùng một phần thân ta để báo đền đức lớn. (Đứng ngấm nghĩa tảng đá) Để thế này, người qua đây trông thấy sẽ lộ chuyện mất. Chi bằng... (dùng bội kiếm đào đất lấp kín tảng đá) Thế này thì không còn ai biết tâm sự ta nữa.

Đợi mười năm sau ta trở lại đây...
Thôi bây giờ ta đi.

CÔNG TỬ THẮNG (Lắng tai nghe)

– Ta nghe như có tiếng xe, tiếng ngựa từ đằng xa lại.

NGŨ VIÊN (Vẻ mặt lo lắng) – Quả thực có tiếng bánh xe, tiếng nhạc văng vẳng từ đằng xa.

(suy nghĩ) Từ phía nước Ngô đến thì tất nhiên không phải quân Sở đuổi theo... Ta cứ vững tâm. Dầu sao đã có cây cung và thanh kiếm này. (nghĩ ngợi) Nhưng... dụng mưu thì vẫn hơn là dụng võ.

CÔNG TỬ THẮNG – Dụng mưu như thế nào kia, thúc thúc?

NGŨ VIÊN xoa hai bàn tay xuống đất rồi bôi lên mặt:

– Ta điên, công tử nghe ra chưa? Công tử sẽ đóng vai con ta, hiểu chưa?

(rút ống tiêu ra thổi, hết một điệp lại cất lời ca):

Ô nam nhi!

Hỡi nam nhi,

Hai phen Tăng, Trịnh thân lưu ly.

Nghìn cay muôn đắng,

Thê cùng bi!

Thù cha chẳng báo,

Sống để làm chi?

Ô nam nhi!

Hỡi nam nhi!

Chiêu quan lo nghĩ bạc tu mi.

Nghìn kinh muôn sợ

Thế cùng bi.

Thù anh chẳng báo,

Sống để làm chi?

Ô nam nhi!

Hỡi nam nhi,

Bến đò Ngạc Chủ núp trong vi

Nghìn muôn sống chết

Vượt biên thù.

Thôi tiến hành khất thê cùng bi!

Thù riêng chẳng báo,

Sống để làm chi?

CÔNG TỬ THẮNG – Tiếng xe ngựa
nghe đã gần lắm rồi thúc thúc ạ.

NGŨ VIÊN – VẬ công tử hãy kêu
lên, kêu cho thực thảm thương.

CÔNG TỬ THẮNG – Ta biết kêu như thế nào?

NGŨ VIÊN – Kêu rằng: hỡi khách qua đường, hãy thương cha ta là một người mắc bệnh phong điên.

CÔNG TỬ THẮNG (rướn mình) – Xe ngựa đã tới... Nhưng lại đỗ ở đằng kia... (tiếng ngựa hí) Một viên lại xuống xe đi tới đây...

NGŨ VIÊN – Kêu lên mau, công tử!

CÔNG TỬ THẮNG – Hỡi khách qua đường, hãy thương cha ta là một người mắc bệnh phong điên.

NGŨ VIÊN – Hỡi người khách lạ. Người có phải là kẻ thù của ta không?

(Bị Ly vào).

Bị Ly đứng yên lặng ngắm nghía Ngũ Viên.

CÔNG TỬ THẮNG – Hồi khách qua đường, hãy thương cha ta là một người mắc bệnh phong điên mà đừng chấp và bố thí cho đồng tiền bát gạo.

Bị Ly cười — Hai cha con này điên thực rồi. Ai lại đi hành khất ở một nơi vắng vẻ không người qua lại? Hành khất thì phải hành khất ở chợ kia chứ.

NGŨ VIÊN cũng cười – Tưởng chợ chỉ là nơi chém đầu những bậc trung lương thôi. Thế ra chợ lại là nơi để người ta đến hành khất nữa ư?

Bị Ly vẫn ngắm nghía Ngũ Viên – Mà tiếng tiêu vừa giờ nhà người thổi đó phải không? Thổi ở nơi hẻo lánh này để ai nghe?

NGŨ VIÊN – Để cá nghe. Và ngư phụ cùng cô gái giặt sa nghe.

BỊ LY – Ngư phụ? Cô gái giặt sa? Ngư phụ nào? Cô gái giặt sa nào?

NGŨ VIÊN – Để hôn ngư phụ và hôn cô gái giặt sa nghe vậy.

BỊ LY – Người hãy thối lại và ca lại ta nghe. Nếu hay ta sẽ có thưởng.

NGŨ VIÊN thối lại và ca lại bài ca trên.

Ô nam nhi!

Hỡi nam nhi!

vân vân...

BỊ LY (kinh ngạc nói một mình) – Ta xem tướng đã nhiều, chưa thấy ai tướng mạo như người này, người này thực ứng

vào giấc mộng của ta rồi, nay ta nghe lời ca, thì có lẽ là... phải rồi. (vái chào và nói to) Ta nghe Sở Vương giết trung thần Ngũ Xa. Con là Tử Tư trốn ra ngoại quốc. Vậy người có phải là Tử Tư không?

NGŨ VIÊN mắt ngơ ngác nhìn không đáp.

BỊ LY – Ta không phải muốn hại người đâu. Thấy người trạng mạo phi thường, ta chỉ muốn vì người tìm giúp nơi phú quý đó thôi. Người không nên giấu ta.

NGŨ VIÊN – Thôi thì miễn cũng chẳng dám giấu giếm gì tiên sinh nữa. Quả thật miễn là Ngũ Tử Tư vừa vượt khỏi Chiêu Quan trốn sang đây. Và đây là công tử Thắng, con thái tử Kiến.

BỊ LY vái chào công tử Thắng – Nghe nói thái tử hiện đương trong nước Trịnh.

NGŨ VIÊN – Thừa tiên sinh thái tử Kiến bị giết rồi.

BỊ LY – Bị giết rồi?

NGŨ VIÊN – Bị Trịnh Bá giết. Sở dĩ mỗi cùng công tử không mặc tang phục là vì đã cải trang để lừa dối quân lính canh giữ Chiêu Quan, mới trốn thoát được sang quý quốc. Xin tiên sinh đoái thương đến kẻ vong mệnh này. Sau đây mà mỗi báo được thù cha, thù anh thì mỗi không dám quên ơn.

Bị Ly mỉm cười.– Chính ta ra đây đón túc hạ. Đêm qua ta mộng thấy sao Bắc Đẩu rơi xuống địa phận nước Ngô. Phương Bắc thì hẳn là nước Sở: Vì thế ta

đoán rằng ngôi sao Bắc Đẩu trong giấc mộng chỉ có thể là túc hạ mà mỗi biết đương bị Sở Vương truy nã.

NGŨ VIÊN – Tiên sinh quá trọng, khiến thằng con bất hiếu, thằng con bất nghĩa này thêm xấu hổ, vì thù cha chưa biết bao giờ mới báo được.

BỊ LY – Thù ấy, túc hạ sẽ báo được.

NGŨ VIÊN vui vẻ – Xin tiên sinh dạy cho biết vì sao.

BỊ LY – Ta sẽ tiến cử túc hạ lên công tử Quang.

NGŨ VIÊN – Sao không tiến cử lên Ngô Vương mà lại tiến cử lên công tử Quang?

BỊ LY – Điều đó... chưa tiện nói ở đây. Ta vốn là một người xem tướng có tài, nên công tử Quang mượn cớ đặt ta vào chức thị lại để ngấm sai ta đi tìm các bậc hào kiệt về giúp việc công tử. Vậy xin mời túc hạ hãy cùng ta trở về kinh đô, ta sẽ tiến cử túc hạ lên công tử và thế nào túc hạ cũng sẽ được trọng dụng.

NGŨ VIÊN – Có được tiến cử lên Ngô Vương thì mới mong mượn binh đánh Sở để báo thù, chứ tiến cử lên công tử Quang thì biết bao giờ...

BỊ LY – Đây này (ghé tai Ngũ Viên thì thầm) rồi hai người cùng nhau nói chuyện như thế một lát.

NGŨ VIÊN (mặt mày rạng rỡ) – À ra thế! Xin tuân theo lời chỉ giáo của tiên sinh.

BỊ LY – Vâng xin mời túc hạ và công tử lên xe cùng về kinh đô.

Hai người và công tử Thắng cùng đi ra. Tiếng ngựa hí.

HẠ MÀN

hết hồi thứ ba.

HỒI THỨ TƯ

Nhân vật

HẠP LƯ

NGŨ VIÊN

TRỊNH NỮ

TRẦN CUNG NHÂN

CÔNG TỬ SƠN

CUNG NỮ

BÁ DOANH (ở ẩn trong phòng)

VỆ SĨ

Cảnh: Ban đêm, một cổ lầu có lan can trong cung điện Sở Vương. Phòng

bên trái không trông thấy là nơi Ngô Vương Hạp Lữ đương dự yến tiệc với văn võ bá quan nước Ngô, có các thiếp đẳng của vua và các đại phu nước Sở hầu rượu và ca hát. Tiếng cười, tiếng thét, tiếng nói từng lúc vang lên. Phòng bên phải là phòng riêng của Bá Doanh cửa đóng kín.

Đằng xa, cảnh tàn phá khói lửa của Dĩnh đồ..

(Trịnh Nữ và Trần cung Nhân từ phòng bên vào).

TRỊNH NỮ (nhìn quanh thở dài)
– Nhục nhĩ đến thế này mà chưa chết được!

TRẦN CUNG NHÂN – Cứ gì một nường nường muốn chết. Tất cả sáu cung đều một lòng như nường nường.

TRỊNH NỮ – Ôi! ô danh bại tiết!(khóc nức nở) Thực là một hàng bán thịt người, em ạ. Lỗa lỗ!... uest xú! (lại khóc).

TRẦN CUNG NHÂN – Nường nường nên trấn tĩnh! Nếu bọn chúng nó biết nường nường buồn phiền khóc lóc thì... rất có thể chúng nó hành hung. Đấy nường coi, Thân nường nường hôm qua bị chúng nó giết như mạng ngoé.

TRỊNH NỮ – Ta cần gì! ... Đời ta còn mong gì nữa mà ta ham sống sợ chết. Nếu không vì quốc mẫu thì ta đã liêu chết rồi còn sống đâu đến giờ này.

TRẦN CUNG NHÂN – Thừa nường nường, Quốc mẫu vẫn tự cấm bế trong phòng riêng không ra đến ngoài?

TRỊNH NỮ – Và Ngài không tiếp

một ai ngoài ta ra. Thỉnh thoảng ta lại trốn ra đây để lên vào phòng vắng an Ngai.

CUNG NỮ – Ngai vẫn ngọc thể an khang đấy chứ?

TRỊNH NỮ – Ngai bình tĩnh lắm và không chút sợ hãi. Ta vào thăm ngai, Ngai còn an ủi ta nữa là khác... Ta lên mang cơm vào Ngai, Ngai vui vẻ xơi ngon lành.

CUNG NỮ – Nhưng câu chuyện chúng nó bàn nhau định xúc phạm tới Ngai...

TRỊNH NỮ – Quân khốn nạn! Mà em có biết thằng nào xui làm điều bất nhân ấy không?

CUNG NỮ – Ai thế nương nương?

TRỊNH NỮ – Cũng cái thằng đã đầu tên ra làm ô uế Sở Cung đấy.

CUNG NỮ – Thằng Ngũ Viên, con tên Ngũ Xa?

TRỊNH NỮ – Chứ còn ai vào đây nữa. Em tính nó nói câu này với Ngô Vương thì còn trời đất nào nữa? Nó tâu Ngô Vương rằng: «Nước còn chiếm được nữa là thê thiếp!» Nếu không, thì đâu có xảy ra chuyện dâm ô mấy hôm nay.

CUNG NỮ – Thằng giặc già! Sao nó không nhớ rằng nó là người nước Sở, rằng ông cha nó xưa kia ăn lộc Sở Vương.

TRỊNH NỮ – Nó chỉ nhớ có một điều mà nó bảo nó nuôi trong thâm tâm đã mười chín năm nay: Đó là thù cha, thù anh nó.

CUNG NỮ – Cha và anh nó bị đấng Tiên vương giết?

TRỊNH NỮ – Đấng Tiên vương bị Phí Vô Cực nó xui xiểm nên đã lầm lỡ nhiều điều. Cái đó đã đành. Nhưng Viên nó cũng phải biết nghĩ chứ. Có đâu lại đem ngoại binh về tàn phá nước mình như thế! Kẻ thù thì nay đã khuất cả rồi.

CUNG NỮ – Thừa nương nương, nghe nói đương cho đi dõng tung tích mộ đấng Tiên vương để quật lên mà hành tội thi thể Ngài.

TRỊNH NỮ – Quân chó má!

(Tiếng cười nói ở phòng bên).

CUNG NỮ – Chúng ta bỏ ra đây lâu, chỉ sợ chúng nó thấy vắng mặt lại cho đi tìm.

TRỊNH NỮ – Cần gì! Mặc kệ chúng nó.

(Tiếng ở phòng bên.– Ngô vương truyền gọi ca nữ).

TRỊNH NỮ – Ta hãy tạm lánh vào trong này.

(cùng Cung Nữ đứng khuất vào chỗ tối. Một viên quan đi qua sân khấu sát hàng lan can).

CUNG NỮ – Chắc nó đi tìm nương nương đấy!

TRỊNH NỮ (thở dài) – Nhục nhã quá! Nó lại bắt ca cái bài ca ô uế của thằng Ngũ Viên! Nếu ta không nuôi trong phế phủ một mối thù lớn thì ta đã tự tử rồi. Một mối quốc thù!

CUNG NỮ – Nương nương yếu đuối thế thì báo sao được thù?

TRỊNH NỮ – Kẻ thù của nước Sở

không phải tên Hạp Lữ, nhưng chính là tên thất phu Ngũ Viên... Cái nhục này thế nào cũng phải rửa... trong máu, xong rồi chết cũng không muộn và không còn oán hận gì nữa.

CUNG NỮ – Nương nương có mưu cơ không?

TRỊNH NỮ (Hé cho xem con dao nhọn nhỏ giấu trong tay áo.) – Con dao này đâm trúng cổ Ngũ Viên.

(Tiếng cười nói rầm rộ ở phía ngoài đưa vào. Trịnh Nữ và Cung Nữ chạy vội sang phòng bên trái – Ngũ Viên và Công tử Sơn vào).

NGŨ VIÊN – Thế là thù cha anh tạm gọi đã báo xong.

CÔNG TỬ SƠN – Làm thế nào mà tướng quốc tìm thấy mộ Bình Vương?

NGŨ VIÊN – Nhờ có một thạch công chỉ dẫn nên Mỗ mới quật được mộ Bình Vương lên. Nguyên trong số năm mươi thạch công xây mộ Bình vương bị chôn sống dưới đường hầm chỉ có một mình lão tẩu là sống sót vì trốn thoát được. Nay lão tẩu chỉ dẫn cho mỗ cũng là để báo thù cho bọn thợ bạn bị giết oan. Thực là Trời giúp ta và giúp cả lão tẩu để báo thù xưa!

CÔNG TỬ SƠN (cười) – Thôi từ nay thì Tướng quốc đã trút được gánh nặng bên lòng.

NGŨ VIÊN – Phải, từ nay thì mỗ mới ăn ngon ngủ yên được. Đằng đằng mười chín năm trời. Chỉ tiếc rằng hai kẻ thù cùng chết cả rồi. Dẫu đánh được vào thi thể Bình Vương, mỗ cũng chỉ tạm thỏa mãn đôi chút. Sao bằng vục được vào mặt nó, nếu nó còn sống... Thằng

con nó còn sống thì lại trốn thoát được...
Nhưng không biết cái việc mỗ tâu với
Ngô vương đã được thi hành chưa?

CÔNG TỬ SƠN – Việc gì thế, thưa
Tướng Quốc?

NGŨ VIÊN – Việc cho vời Bá
Doanh đến hầu rượu Ngô Vương.

CÔNG TỬ SƠN – Bá Doanh là mẹ
Sở Chiêu Vương?

NGŨ VIÊN – Vâng, Bá Doanh
nguyên là vợ Thái tử Kiến bị Bình vương
thấy đẹp chiếm đoạt mất. Nay nàng mới
ngót bốn mươi mà nhan sắc nghe đâu
vẫn còn lộng lẫy. Mỗ đã tâu Ngô vương
cho vời. (cười) Thù xưa mỗ báo thế đã
xứng đáng chưa? Người chết thì thi thể
bị hành hạ, bị đánh đến ba trăm roi đến
nổi thịt nát xương gãy. Người sống thì bị

ô nhục. Ha ha! Sáu cung nước Sở trở nên tôi đòi! Thê thiếp các đại phu nước Sở không một đứa nào không bại trinh trụy tiết... Nhưng còn Bá Doanh!... Ta phải... Bọn ta phải vào ra mắt Ngô vương mới được. (tiếng cười đùa ở phòng bên) Vui quá! Hậu cung nước Sở thành một cái chợ thịt tươi!

CÔNG TỬ SƠN (trở đằng xa) – Và kinh đô nước Sở đương thành một cái lò lớn, ngày đêm bốc khói lửa.

NGŨ VIÊN – Mỗ đã thê, khi bỏ trốn ra nước ngoài sẽ tẩy uế Dĩnh đô. (cười) Chỉ có thể tẩy uế cái kinh đô ô uế này bằng cách san phẳng nó đi. San phẳng nó đi như mỗ đã được Ngô Vương ứng cho san phẳng xã tắc tôn miếu nước Sở. Nhưng ta vào ra mắt Ngô vương thôi.

(Hai người ra, giữa lúc ấy một cung nữ ở một phòng ra, tóc xõa bờ phờ, áo xiêm xốc xếch).

CUNG NỮ thét – Ôi thiếp chết mất (đúng gục đầu vào lan can khóc nức nở).

(Tiếng cười ở phòng bên. Rồi một lát sau có tiếng ca hòa tiếng tiêu ở hậu trường).

Tiếng ca:

Uy linh hê! Vua Ngô!

Dũng mãnh hê! Vua Ngô!

Ruổi thắng ba quân tới Dinh Đô!

Sở binh hê tan vỡ

Sở vương hê bơ vơ

Sở xã tắc hê! không còn,

Sở lăng tâm hê! ra tro,

Con trai Sở hê! bị nhục,

Con gái Sở hê! bị nhờ.

Khảng khái hê! Vua Ngô!

Dũng mãnh hê! Vua Ngô!

Một mình trị nổi gái trăm cô!

Thiếp Sở hê! Lộng lẫy!

Dáng Sở hê! Ngây thơ,

Cung nhân Sở hê! Béo tốt,

Tiêu phòng Sở hê! Thơm tho.

(Cung nhân lắng tai nghe đến đây,
bỗng thét một tiếng rồi bùng mặt khóc)

Bao nhan sắc hê! Bao khoái lạc!

Bao ái ân hê! Một đêm thu!

(Tiếng cười ở hậu trường phá lên — Tiếng HẠP LƯ – Hay! hay! Đấy! Quả nhân ban thưởng cho tướng quốc thi sĩ Ngũ Viên một chén thộ tửu, và một chén thộ tửu cho ca vũ ái khanh Trịnh nương nương. — Tiếng ồn ào, tiếng cười nói, rồi Hạp Lữ, Ngũ Viên và một vệ sĩ từ phòng bên đi sang — sau khi người cung nữ đã hốt hoảng bỏ chạy trốn — Hạp Lữ, Ngũ Viên, vệ sĩ vào).

HẠP LỮ – Có thực thế không?

NGŨ VIÊN – Tàu Ngô vương quả thực là thế, hạ thần đâu dám tau man.

HẠP LỮ – Nhưng có lẽ nay nàng tuổi đã cao.

NGŨ VIÊN – Tàu Ngô vương, chưa lấy gì làm cao. Năm nàng vào Sở thì nàng mười sáu. Mà từ bấy đến nay mới có hai

mười một năm, vị chi năm nay nàng mới ba mươi bảy. Ba mươi bảy đã lấy gì làm già ở một tuyệt thế giai nhân như Bá Doanh.

HẠP LƯ – Quả nhân chỉ nghe đồn Bá Doanh đẹp nhưng chưa được thấy nhan sắc nàng.

NGŨ VIÊN – Tàu Ngô vương, chẳng đẹp mà Bình vương lại mưu mô lập làm hậu dù bị mang tiếng là chiếm đoạt vợ của con.

HẠP LƯ – Khanh đã trông thấy nàng?

NGŨ VIÊN – Tàu Ngô vương đã.

HẠP LƯ – Nhan sắc nàng như thế nào?

NGŨ VIÊN – Lạ là Ngô vương phải

hỏi cặn kẽ. Chỉ việc bắt nàng ra hầu thì biết. Vì không có lời nào, ngọn bút nào tả nổi nhan sắc nàng.

HẠP LƯ – So với các mỹ nhân nước Ngô như thế nào?

NGŨ VIÊN – Không thể so sánh được, Bá Doanh mà hiện ra thì sáu cung phấn đại nước Ngô không nhan sắc.

HẠP LƯ – Nếu quả như lời khanh thì nàng có thể lấn cả Bao Tự, Đát Kỷ chẳng?

NGŨ VIÊN – Hạ thần không được biết cổ nhân đẹp đến bậc nào, nhưng ở đời khó tìm được một người hơn Bá Doanh.

HẠP LƯ – Thế! Nhưng khanh nói là nói thời nàng còn xuân. Nay thì nàng đã xấp xỉ tứ tuần rồi.

NGŨ VIÊN – Năm nay nàng mới ba mươi bảy, cái tuổi băm bảy của một mỹ nhân biết giữ gìn nhan sắc còn là tuổi xuân.

HẠP LƯ – (Ngẫm nghĩ, rồi trở một phòng bên cửa đóng kín) – Khanh biết chắc rằng nàng ở trong phòng này?

NGŨ VIÊN – Tàu bệ hạ chắc. Hạ thần đã cho do thám, biết rằng nàng còn sống và ẩn núp ở trong phòng này.

HẠP LƯ – Vậy luôn năm hôm nay nàng nhịn đói?

NGŨ VIÊN (mỉm cười) – Không, Trịnh Nữ vẫn lén đem cơm nước vào hầu nàng.

HẠP LƯ – (suy nghĩ) – Ủ, thôi thì (Ngũ Viên tiến đến phòng ấy) Khanh!

NGŨ VIÊN (quay lại) – Tàu Ngô vương!

HẠP LƯ – (suy nghĩ) – Sợ mang tiếng. Dẫu sao nàng cũng là một quốc mẫu.

NGŨ VIÊN (cười) – Hạ thần đã tâu Ngô vương rằng: nước còn chiếm được mà không sợ mang tiếng, nữa là sợ...

HẠP LƯ – Thôi được! Khanh cho đòi nàng ra đây.

NGŨ VIÊN – Hạ thần thân đi bắt nàng ra hầu Ngô vương để tạ lại ân sủng Ngô vương đã ban cho hạ thần. (đi tới cửa phòng nói) Muôn tâu quốc mẫu.

BÁ DOANH ở trong phòng quát.
Ai?

NGŨ VIÊN – Muôn tâu quốc mẫu,

kẻ hạ thần xin tâu quốc mẫu một việc rất quan trọng đến vận mệnh nước Sở.

BÁ DOANH (ở trong phòng) – Vận mệnh nước Sở thì đã có vua quan nước Sở. Ta biết đâu việc ấy mà tâu với báo?

NGŨ VIÊN – Sở vương hiện bỏ nước đi trốn, việc này chỉ có quốc mẫu định đoạt được.

BÁ DOANH – Thôi đừng dài lời! Đi ngay. Dù người là người nước Ngô hay người nước Sở thì ta cũng không thể gặp mặt người được. Chồng ta đã chết, con ta đi vắng, không một người đàn ông nào có thể nhìn thấy mặt ta.

NGŨ VIÊN – Dù người đàn ông ấy là vị quốc vương bá chủ thiên hạ? (yên lặng) Dù người đàn ông ấy hiện đang làm chủ nước Sở, làm chủ cả sáu cung

nước Sở và đã ban ân sủng cho đủ khắp các bậc mỹ nhân của nước Sở?

BÁ DOANH – Mày là thằng nào dám lại đây xúc phạm tới ta?

N.V.– Nàng muốn ta là ai? Đây này hãy lắng tai nghe ta xưng danh. Ta là Ngũ Viên tự Tử Tư con quan thái sử Ngũ Xa bị Bình Vương giết chết, em quan đại phu Ngũ Thượng bị Bình Vương giết chết. Nay ta theo Ngô vương đến Dĩnh Đô để tính toán công nợ với nước Sở đây. Chỉ tiếc rằng thủ phạm Bình Vương đã chết mất rồi, nhưng ta đã quật mồ nó lên và đánh cho nó đủ ba trăm roi đồng.

BÁ DOANH (cười khanh khách) – Tưởng ai, hóa ra ông Ngũ Viên con nhà họ Ngũ đã ba đời ăn lộc nước Sở. (lại cười) Nghe nói ngày nay ngài làm tướng nước Ngô được Ngô vương Hạp Lữ trọng

dụng. Vậy thiếp xin có lời chào quan tướng quốc nước Ngô nhé? (lại cười).

NGŨ VIÊN – Không phải ba mà bốn thế hệ họ Ngũ đã giúp nước Sở thịnh trị. Vậy Sở Bình Vương đã đền ơn cha ta và anh ta như thế nào? Nay ta không còn tình nghĩa gì với nước Sở nữa. Đó chỉ là một nước thù của họ Ngũ.

BÁ DOANH (cười) – Còn ta thì nếu nước Tần và nước Sở có việc can qua mà nước Sở tàn phá nước Tần, thì ta cũng không quên rằng ta là Tần nữ mà có thể vênh váo lên mặt là dân một nước thắng trận được. Trời hỡi trời! Ta không ngờ lòng thù oán làm cho con người quên được xứ sở cội rễ của mình!

NGŨ VIÊN – Thôi! Nàng chớ dài lời, Ngô vương đang chờ đợi. Ra ngay để bái yết Ngô vương.

BÁ DOANH – Ta không biết Ngô vương là ai. Ta không ra. Ta chỉ là một vị vong nhân của nước Sở.

HẠP LƯ – (bảo vệ sĩ) – Bá Doanh nhất định không ra mắt ta chẳng?

VỆ SĨ – Tàu Ngô vương, hạ thần xin đem quân đến phá cửa phòng điệu cố nàng ra hầu Ngô vương.

HẠP LƯ – Được, nhà người cứ sẵn sàng đứng đợi ở phòng bên, hễ quả nhân hô lên một tiếng thì hãy vào, nghe! Thôi cho lui!

(Vệ sĩ vái chào ra).

NGŨ VIÊN (lại gần Hạp Lư) – Ngô vương thử lên tiếng xem nàng có sợ mà ra hầu chẳng.

HẠP LƯ (giận thét) – Hiện giờ bất cứ cái gì, vật gì, người nào ở nước Sở cũng thuộc quyền sở hữu của quả nhân. Kẻ nào thuận ý quả nhân thì sống, nghịch ý quả nhân thì chết. Bớ Tần nữ!

BÁ DOANH – Đại vương gọi thiếp?

HẠP LƯ – Nếu muốn Sở cung ra tro thì nàng cứ việc không vâng lời quả nhân.

BÁ DOANH – Muôn tâu Đại vương, tiện thiếp xin khấu đầu làm lễ. Bấy lâu thiếp vẫn nghe tiếng lớn của Đại vương cũng muốn được trông thấy long nhan. Nhưng tiếc rằng đôi bên ở vào một trường hợp không thể gặp mặt nhau được.

HẠP LƯ – Trường hợp nào nói ngay cho ta biết.

BÁ DOANH – Đại vương là kẻ thắng trận, mà thân thiếp là vợ, là mẹ đấng quốc vương bại trận. Vả còn điều này quan trọng. Thiếp nghe nói chư hầu là nhất quốc chi giao, theo lễ nam nữ không ngồi chung chiếu, không ăn cùng mâm. Sở dĩ có điều ấy để răn sự cách biệt. Nay Đại vương bỏ cả biểu nghi, nghe người trong nước làm điều dâm loạn thì (gỗ kiếm vào cánh cửa) thì vị vong nhân này thà phục kiếm mà chết chứ không dám thừa mệnh.

HẠP LƯ (xấu hổ) – Thế thì phu nhân hiểu lầm quả nhân rồi. Quả nhân có dám xúc phạm đến phu nhân đâu.

NGŨ VIÊN – Ngô vương dài lời vô ích. Cứ để hạ thân ra lệnh phá cửa phòng.

HẠP LƯ – Tướng Quốc không được thất lễ với phu nhân. Để mặc quả nhân,

phu nhân chưa rõ đó mà thôi. Số là quả nhân mộ tiếng phu nhân nên muốn được biết qua nhan sắc chứ có dám nghĩ đến làm loạn gì đâu. Phu nhân đã không ưng, thì xin thôi vậy. Xin kính biệt phu nhân.

BÁ DOANH – Đa tạ ơn lòng và xin tung hô Đại vương vạn tuế.

HẠP LƯ quay ra gọi: – Vệ sĩ!

Tiếng ở hậu trường.– Muôn tâu Ngô vương.

Bốn thị vệ vác gươm giáo và búa vào.

VỆ SĨ THỨ NHẤT (hăm hở giơ búa định phá cửa) – Xin tuân mệnh Đại vương.

HẠP LƯ – Khoan! Không được vô lễ. Các người cho tìm ngay bọn cựu thị,

truyền lệnh ngày đêm phải canh giữ cửa phòng phu nhân không một ai được xúc phạm tới. Hễ trái lệnh chém đầu tức khắc.

Hạp Lư hấp tấp đi ra, bốn vệ sĩ theo sau.

NGŨ VIÊN (lắc đầu) – Người đầu mà không cương quyết! (đi ra phía bao lan nhìn ra xa lặng lẽ ngắm cảnh tàn phá).

Có tiếng cười, tiếng thét, tiếng kêu, tiếng khóc ở phòng bên. Các đại phu nước Ngô đuổi các cung nhân nước Sở chạy qua sân khấu. Rồi lại yên lặng.

NGŨ VIÊN (cười) – Thù xưa được trả đến như thế này, thực là xứng đáng lắm rồi! Không còn oán hận gì nữa... Chỉ tiếc có... Bá Doanh...

Có tiếng hài se se. Ngũ Viên ẩn vào trong bóng tối. Trinh nữ vào rón rén đi tới cửa phòng Bá Doanh. Ngũ Viên nháy xỏ ra.

TRINH NỮ (sợ hãi) – Trời ơi!

NGŨ VIÊN – Nường nường đi đâu? Không ở hầu Đại vương?

TRINH NỮ (cố gượng tươi cười) – Thừa tướng quốc, Đại vương vào biệt phòng an giấc rồi.

NGŨ VIÊN (mỉm cười) – Có nường nường nào ở đó hầu Đại vương không?

TRINH NỮ – Không, Đại vương không cho một ai gần ngài Đại vương có vẻ xấu hổ...; hối hận.

NGŨ VIÊN – Xấu hổ! Hối hận!

TRỊNH NỮ – Vâng, từ lúc Đại vương ở đây vào.

NGŨ VIÊN (nói một mình) Người đâu mà do dự nhút nhát!

TRỊNH NỮ – Tướng quốc dạy?

NGŨ VIÊN – Không (cười). Ta nghe nói nương nương được Sở Chiêu vương sủng ái. Sao Chiêu vương lại không đem nương nương đi theo?

TRỊNH NỮ – (mỉm cười) – Nghe nói lúc tướng quốc bỏ trốn ra nước ngoài để theo đuổi việc báo thù cũng không đem phu nhân đi theo?

NGŨ VIÊN – Nương nương biết tình tường lắm nhỉ.

TRỊNH NỮ – Thiếp còn biết tình tường hơn thế nữa. Là Giả phu nhân muốn cắt đứt tình luyến ái của đấng

trượng phu, đã tự tử để đấng trượng phu khỏi vương vùi mà chuyên tâm vào việc báo thù. Thiếp chưa chết được tự lấy làm hèn hạ, nhục nhã lắm.

NGŨ VIÊN (cười khinh bỉ) – Nếu ai cũng phải chết như thế thì Sở cung này đã thành cái mồ cao ngất.

TRỊNH NỮ (cũng cười khinh bỉ) – Phải không, thừa tướng quốc, dân tộc Sở là một dân tộc đón hèn, không có một chút khí tiết! Không có một người trung thân!

NGŨ VIÊN (nói lảng) – Ban nãy được nghe giọng trầm bổng của nương nương. Bây giờ đêm khuya thanh vắng mỗi muốn được một mình thưởng thức cái tài ca vũ của nương nương, chẳng hay nương nương có ứng thuận ban cho không?

TRỊNH NỮ – Thân thiếp đã ô uế lắm rồi, còn mà được tướng quốc quá trọng vọng như thế, khiến thiếp thêm tủi thẹn. Dẫu sao thì tướng quốc đã truyền tiện thiếp dám dẫu trái mệnh.

NGŨ VIÊN – Vậy xin nương nương cho nghe.

TRỊNH NỮ – Thiếp có thuộc một bài ca lưu truyền trong nước Sở muốn ca hầu tướng quốc nhưng lại sợ xúc phạm tới tướng quốc.

NGŨ VIÊN – Sao lại xúc phạm đến chỗ được?

TRỊNH NỮ – Vì bài ca ấy nói đến tướng quốc.

NGŨ VIÊN – Nói đến chỗ? Thế thì chỗ càng muốn được nghe lắm.

TRỊNH NỮ – Vậy có điều gì xúc phạm tới tướng quốc, xin tướng quốc thứ tội cho.

NGŨ VIÊN – Được. xin nương nương cứ cho nghe. Dù thế nào miễn cũng không dám giận nương nương.

TRỊNH NỮ – Vậy thiếp xin ca. (múa rồi lại dừng suy nghĩ) Thiếp chỉ ca lại một bài học thuộc lòng của người trong nước đã đặt ra...

NGŨ VIÊN (mỉm cười) – Nương nương cứ ca. Những sự xúc phạm nhỏ nhen có thể nào đụng chạm tới một bậc trượng phu được.

TRỊNH NỮ – Dẫu sao thì tướng quốc cũng để cho thiếp ca trọn bài đã, rồi có làm tội hãy làm tội.

NGŨ VIÊN (cười) – Ứng chuẩn!

TRỊNH NỮ – múa và ca:

Trung trực hê! Quan Ngũ thái sử!

Vì can vua hê! Sa ngục tù.

Để dứt lo hê! cho nước Sở.

Gửi đi Thành phủ một phong thư.

Gọi hai con về cùng chịu chết:

Mồ sâu chôn chặt khối thâm thù.

Nhưng bất trung hê! Ngũ Tử Tư.

Mệnh cha trái hê! Trốn sang Ngô.

Rước quân hổ báo về giày xéo,

Đất nước ô hô! Một nắm mồ!

Ngũ Tử Tư hê! Ngũ Tử Tư

(múa gần sát chỗ Ngũ Viên đứng)

Sao quên nợ nước nhớ tư thù?

(Cầm dao đâm Ngũ Viên nhưng bị y bắt được tay, quật mạnh xuống đất hộc máu ra chết.)

Ngũ Viên lãnh đạm lặng thinh đứng tựa lan can ngắm cảnh hoang tàn. Ngọn lửa vẫn bốc đỏ rực trời. Bỗng tiếng tiêu cất lên trong tưởng tượng, điệu buồn rầu đầy oán trách. Rồi sau một điệp, lời ca tưởng tượng ở hậu trường cũng cất lên hòa khúc tiêu. Và Ngũ Tử Tư nghe ra giọng Đông cao Công, ngư phụ, vân vân...

TIẾNG ĐÔNG CAO CÔNG:

(ở hậu trường)

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Người tóc bạc hề! Người có nhớ

Trong vườn trúc hê! Lão ẩn cư

Quá Chiêu quan hê!

Đưa người sang Ngô.

Người sang Ngô hê! làm tướng quốc.

Mượn Ngô binh hê! về báo thù

Thù nay người đã báo,

Tiếng họ Ngũ hê! lưu ngàn thu.

TIẾNG NGŨ PHỤ:

(ở hậu trường)

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Người trong lau hê! người có nhớ

Bến Ngạc Chử hê! Ngự trượng phu?

Người lánh nạn hê!

*Ta đưa sang đò,
Người trả ơn hê! bằng ngò vục.
Ta tự tử hê! Người báo được thù.
Thù nay người đã báo,
Tiếng họ Ngũ hê! Lưu ngàn thu.*

TIẾNG NGƯỜI CON GÁI GIẶT
SA:

(ở hậu trường)

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Người giặt sa hê! Người có nhớ

Cứu sống người hê! lúc cùng đồ?

Người thoát nạn hê!

Ta tiết bị nhờ.

Trong dòng nước hê! ta rửa hận.

Chốn Sở cung hê! người rửa thù.

Thù nay người đã báo,

Tiếng họ Ngũ hê! lưu ngàn thu.

TIẾNG BÌNH VƯƠNG:

(ở hậu trường)

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Đất nước Sở hê! người có nhớ

Bốn đời họ Ngũ làm đại phu?

Lâu đài cung điện hê!

Thành Dĩnh Đô

Bị tàn phá hê! Trong khói lửa.

Nhưng Ngũ Viên hê! Báo được thù.

Thù nay người đã báo,

Tiếng họ Ngũ hê! Lưu ngàn thu.

TIẾNG NGŨ THƯỢNG:

(ở hậu trường)

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Thượng hê! Em ta có nhớ

Thành Phủ hê! Cùng nhau biệt ly?

Em thoát nạn hê!

Anh vào tù.

Giữa chợ hê! Cùng cha bị giết

Nhưng mượn binh hê! Em báo được thù.

Thù nay em đã báo,

Tiếng họ Ngũ hê! Lưu ngàn thu.

TIẾNG NGŨ XA:

Ngũ Tử Tư!

Ngũ Tử Tư!

Ăn lộc Sở hê! Mày có nhớ

Bốn đời họ Ngũ làm Đại phu?

Tao bị giết hê!

Vì can vua.

Trí lằng lằng, hê! Lòng không oán.

Há khiến tay mày để báo thù?

Thù nay mây đã báo,

Tiếng họ Ngũ hề! Lưu ngàn thu.

Ngũ Tử Tư mỉm cười dữ tợn, trong
khi tiếng tiêu còn đồng vọng.

MÀN TỪ TỪ HẠ.

Hà Nội, tháng 10 và 12 năm 1946

KHÁI HƯNG

KHÁI HƯNG
TÁC PHẨM VÀ CUỘC ĐỜI

CUỘC CÁCH MẠNG VĂN HỌC
VIỆT NAM 1930 – 1945:

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

✱

NHIỀU TÁC GIẢ NHẬN ĐỊNH –
PHÊ BÌNH VĂN HỌC

TỬNG NIỆM 50 NĂM NGÀY VĂN
HÀO KHÁI HƯNG TỪ TRẦN

✱



PHƯỢNG HOÀNG

Ý NGHĨA TÁC PHẨM
BÓNG GIAI NHÂN

TRẦN NGỌC, 1997



Nhà văn Khải Hưng – theo bài
Đợi Tết Trong Tù của Mai Chi
trước khi bị điều đi khỏi trại giam Lạc

Quần để cấp bộ Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam “xử lý” đã chào từ giã anh em “Quốc Gia” tại đây, bị gom về theo lệnh “Quét” sạch các chiến sĩ Quốc Gia của Tổng Bộ Việt Minh vào cuối năm 1946, bằng một lời chào giản dị, “Chào anh em ở lại”, giống như lời chào từ giã của một lãnh tụ kháng chiến chống thực dân Pháp sắp phải bị hành hình.

Vẫn cứ theo lời Mai Chi, trong những ngày bị quản thúc, Khái Hưng đã thu hút anh em tù nhân qua các câu chuyện và cách kể chuyện của ông, nhưng ông chỉ bàn về các câu chuyện văn chương, thi ca, tiểu thuyết, ông không dả động gì tới chính trị, tình thế dù có lúc đã kể về những kỷ niệm sinh hoạt với Nhất Linh, một trong những lãnh tụ chính trị của thời bấy giờ và cũng là một anh em bạn văn thân thiết của ông. Cũng nhờ đó

chúng ta được biết thêm một quan niệm hay chủ trương xây dựng tiểu thuyết của ông. Trong *Trống Mái*, ai cũng nghĩ nhân vật Vội là nhân vật then chốt mà cuốn tiểu thuyết này được xây dựng chung quanh và có người còn đi xa hơn để quảng diễn về quan điểm hạnh phúc, nhưng ông đã bất ngờ tiết lộ chủ đích của ông là mô tả cảnh sắc và người của Sầm Sơn, đơn giản chỉ có thế! Theo lối nói của người miền Nam, nói vậy mà không phải vậy. Có những bài văn thuần túy văn chương, đồng thời cũng có những bài văn trong đó văn chương chỉ là một áo khoác ngoài, một vỏ bọc để chuyên chở những ý tưởng thâm kín khác.

Thật thế, hơn ai hết, ông tự biết ông đã gởi những thông điệp giữa hai hàng chữ trong các tác phẩm của ông và dĩ nhiên ông thừa hiểu việc “họ coi tôi là

một người nguy hiểm” và cả những hậu quả của việc kết án sơ khởi này. Mặc! nguy hiểm đối với tổ chức của đảng Cộng Sản, nhưng tốt cho sinh mệnh dân tộc và quốc gia và nhất là hữu ích cho những người yêu nước thật sự chỉ biết hy sinh cho chính nghĩa và chưa nhận biết rõ con đường đứng đắn phải đi. Ông không cần biện luận cho việc làm hay chủ đích của công việc ông làm và việc làm chính yếu của ông là làm văn nghệ, văn nghệ “khai trí”, rất cần thiết vào thời mà tất cả toàn thể dân tộc đang cố sức góp công sức, của cải, trí tuệ, nhiệt tình yêu nước thương dân thương người nhằm cải thiện dòng sinh mệnh của cả một dân tộc và một đất nước. Vào cái thời mà khẩu hiệu tuyên truyền trở thành châm ngôn cho giới trí thức “ai không theo đảng Cộng Sản là người không có trái tim”, Khái Hưng đã không cần chờ “củ soát” qua nhiều thập

niên và bao nhiêu thành quả nhuộm máu đồng bào của đảng Cộng Sản để loan báo trước cho mọi giới biết rằng “ngày nay ai không từ bỏ đảng Cộng Sản là người không có trí tuệ” như một “sĩ phu Bắc kỳ” đã lên tiếng. Ông đã phản bác việc lạm dụng lòng yêu nước của đảng Cộng Sản và tập đoàn lãnh đạo của đảng này trong sinh hoạt chính trị của quốc gia, nhất là trên cương vị của một nghệ sĩ, một nhà văn.

Vì “văn nghệ là hoa của đạo lý, huyết hoa” như Thái dịch Lý Đông A xác quyết hay “văn nghệ là lương tâm của loài người” như Herbert khẳng định, chỉ cần kiểm qua một số truyện ngắn của Khải Hưng cũng có thể xiển dương lương tâm của một nghệ sĩ, một nhà văn.

Trước nhất với truyện *Lời Nguyên*, Khải Hưng đã tỏ lộ ý chí dứt khoát nhất

của ông. Ông quản Tăng phải chăng là lãnh tụ tuyệt đối của thời bấy giờ của một tổ chức noi theo cách ăn ở hành động theo lối người lạ, của Mạc Tư Khoa, của nhóm Trường Chinh, Trường An mới được du nhập mà mọi người khó có ý kiến phẩm bình vì quá mới mẻ. Từ quan Quan, rồi “Cụ Lớn” hay “Bác”, mặc dù mới ngoài ba mươi hay hơn một chút, danh oai trấn một vùng, quyền uy tối thượng muốn chém xử ai cũng được dù chỉ mới bị nghi ngờ hay làm báo cáo đối để khu trừ người có khả năng trở thành đối thủ. Quan, Cụ Lớn tự phong ngang trời, không thể có hay xuất thân từ một gia đình bình thường. Với chủ trương “vô gia đình” và để làm gương, Cụ Lớn chối từ cha mẹ, vợ con. Gốc tích “ông đồ xứ Nghệ” không giúp ngài có một tương lai sáng sủa, theo nghề văn lại càng khó cạnh tranh hơn, đối đời hay làm “cách

mạng” theo kiểu tư sản khối người cũng biết, chỉ có “cách mạng vô sản” đến như lãnh tụ cũng còn mù mờ, nào ai dám đặt vấn đề (Theo tài liệu lưu trữ tại Văn khố đảng Cộng Sản Liên Xô mới được tiết lộ). Đất của những quan cách mạng như thế thì không nên thăm viếng làm gì. Khái Hưng đưa ra lời nguyên “Từ nay đứa nào còn lên đây thăm.. thì chết như thế này». Quả thực Khái Hưng không thể nào đi ngược lại tình tự dân tộc để chấp nhận đường lối “làm cách mạng” của những người tự cho mình có độc quyền mặc áo đỏ. Trong khi đó ông lại trực tiếp cổ vũ cho phong trào cách mạng vì dân. Trước cộng sản đã có những tổ chức, phong trào Cách Mạng khác nhau. Cộng sản không thể dẫm chân lên lịch sử để tự xưng độc quyền Cách Mạng được. Bóng Giai Nhân đã đưa ra một hình ảnh trẻ trung đã biết làm cách mạng. Phải biết

ứng phó trong mọi hoàn cảnh. Coi việc đi nhà tù như vào chỗ tự do, giải thoát, ở ngoài là còn dính dáng với địa ngục, nhục nhã vì vẫn còn bị người ngoài thống trị. Ông đề cao “tội làm cách mạng chứ còn tội gì nữa” và người làm cách mạng dù chỉ là một thiếu nữ, một thanh niên cũng chiếm được “lòng sùng kính của toàn thể trại giam”... toàn thể dân chúng. Ông cũng biết chuẩn bị tâm thức cho những ai muốn theo tiếng gọi chân chính của núi sông: “Rồi đây, những lúc cách mệnh tha thiết gắt gao lên tiếng gọi, y sẽ cảm thấy lòng tự tin, lên đường xông pha trong gian khổ..” Nhưng làm cách mạng là một sứ mạng cao cả, cách mạng không thể dựa trên lòng thù hận vật vãnh được. Trong truyện Con Hổ, Khái Hưng đề cao tình thương đồng loại, biết lo sợ cho tính mệnh của người khác. “Lòng trắc ẩn, tình nhân đạo đến với y (nhân

vật bảy-hai) một cách tự nhiên...”, không luận lý, không cân nhắc, chỉ tìm cách cứu sống một con người, cho dù đó là con người theo lẽ thường tình rất xứng để bị thù hận. Điều này chắc chắn trái với chủ trương đường lối của đảng cộng sản. Một địa chủ (nạn nhân của sự phân loại phi lý), dù là thân nhân ruột thịt chứ chưa nói tới người dân xa lạ cũng phải bị triệt trừ! Chủ trương Tình thương của Khái Hưng được trải đến mọi người không phân biệt, đó cũng là điểm đảng cộng sản thấy có vấn đề nguy hại cho họ.

Không biết có phải vì thực thi chủ trương đem tình thương trong mọi tình huống để ứng xử, Khái Hưng đã gián tiếp tỏ lộ cho tổ chức đảng cộng sản biết rằng cho dù Tổng Bộ Việt Minh đã bố ráp những phần tử yêu nước khác với chủ trương của họ, chính ông đã sẵn sàng

hứng chịu mọi khó khăn về phía chính quyền thuộc địa khi ông đã bao che cho một phần tử cộng sản rất được nhiều người biết tiếng, ông C., “trưởng ban ám sát của cái đảng mà ông rất quen thuộc”, Khái Hưng có cả ảnh của nhân vật cộng sản khét tiếng này và mật thám Pháp còn biết rõ ông này đã trốn về ăn Tết với ông nữa kia. Nếu Khái Hưng không có được cái tình văn nghệ, tình “liên hiệp”, tình người yêu nước chắc hẳn ông này khó có đất dụng võ về sau. Tuy nhiên điều lý thú Khái Hưng muốn cho đảng cộng sản thấy nếp sống văn minh và trọng pháp khi mô tả “lão đại lý” tươi cười chào chủ nhà, hẳn đến khám xét với lời nhã nhặn đúng mức: “Tôi đến khám xét nhà ông vào giờ này là trái pháp luật”. Một lời tố giác mạnh mẽ rằng ngay cả tổ chức chính quyền thực dân cũng phải xử sự phải phép đúng luật pháp, không giống như

công an của Tổng Bộ Việt Minh muốn bắt ai và vào bất cứ lúc nào thì bắt. Cũng nhờ thế mà anh C... ung dung tiến quân tiếp! Khái Hưng cũng còn hé lộ cho biết tình hình báo chí lúc bấy giờ là ông «bắt đầu một chương trình khiêu khích» chế độ thực dân mới, ông viết báo đăng trên *Annam Nouveau* hay *Trung Bắc Tân Văn*. Ông thừa khả năng chơi trò chơi này vì hình như ông nghiền ngẫm rất kỹ “cái móng bồ của con La” trong thế giới văn của Alphonse Daudet, rất thường được áp dụng trong lễ lối cai trị của thực dân và cả trong phương cách đối xử của cộng sản đối với các phần tử ngoài đảng của họ. Khái Hưng cũng gián tiếp cho thấy dù gì một người Việt khác chính kiến với chính quyền thuộc địa cũng có thể gởi lời bất bình của mình trên báo thuộc địa hay thuộc quyền kiểm soát của nhà nước bản địa. Điều này rất giống với sinh hoạt

báo chí của Nguyễn Văn Trấn, trong cuốn *Thư Gửi Mẹ Và Quốc Hội*. Ông Trấn này biết trò đấu tranh này từ lâu vì dù gì dưới chính quyền thực dân người ta vẫn còn có thể ra báo, nhưng đành ngậm miệng hàng chục năm để đến mãi đây mới tỏ lời phàn nàn lên đảng mà ông gọi là Mẹ, đảng để ra đời ông này dù không để ra được thân xác (một mẫu chốt mà hình như ông Nguyễn Văn Chúc ở Texas quên hay chưa thấy khi cố phân giải nghĩa lý chữ Mẹ qua một đoạn lời nhạc do nhạc sĩ Phạm Duy mới sáng tác gần đây và được đưa vào Video Thúy Nga 40, băng video của hạt lúa đỏ). Dĩ nhiên là cái móng bồ của đảng cộng sản làm sao chịu thua móng bồ của la hay lừa được. Móng bồ ấy được Khải Hưng quảng diễn trong truyện ngắn mang tựa đề ngắn gọn “Nhưng”.

NHUNG chính là một bản cáo trạng phơi bày và lên án quan niệm giai cấp và đấu tranh bằng hận thù của phía cộng sản. Từ một hay nhiều bất bình nhỏ, Cộng Sản có thể nung nấu lên thành hận thù tới cả giai cấp và xã hội mà họ cho gọi là trường giả phong kiến bóc lột. Để đánh đổ mọi tầng lớp khác người ta cũng chẳng cần đến lý thuyết xã hội nào cả. Cứ tuyên truyền nói xấu có phương pháp và nếu cần bịa đặt thêm cũng chẳng sao. Chao ơi, người ta đang cố dựng lên một chủ thuyết ưu việt và siêu việt không ai có quyền đứng trên bác và đảng - nói như thế chẳng khác nào Khái Hưng vạch trần tố giác người ta chỉ là một phường dối trá. Chưa hết, Khái Hưng còn cảnh cáo cộng sản rằng tình thương cuối cùng sẽ thắng tất cả và ông cũng tiên đoán, nhân vật Sinh, một phản ảnh của đảng cộng sản, tự kết liễu đời mình, nhân vật

Sinh chết vì biết xấu hổ và cảm thấy bất xứng, còn đảng cộng sản, chỉ thấy lẻ tẻ phản tỉnh khi mất quyền lợi hoặc bị cho về vườn và có lẽ toàn dân Việt phải chia nhau kiên nhẫn đợi các ông lãnh tụ đảng cộng sản về vườn mới lần lượt phản tỉnh hoặc đổi mới, chưa chừng có ông đảng hân hoan đề nghị đổi mới thành mới đổi và tên đảng cộng sản thành sản cộng vì họ chẳng biết gì ngoài việc sửa chữ đã có sẵn và bắt toàn dân phải mang ơn các ông thêm nhiều ngày nữa!

Nhưng rồi cái đỉnh của luận thuyết của Khái Hưng cũng phải lộ diện, không thể nể nang mà che dấu mãi. Phải, đó là Câu Chuyện Văn Chương, một vở kịch một hồi của ông. Làm sao có thể có hai hồi được, một khi hồi đầu xuất hiện thì guồng máy truy bức bắt đầu khép chặt. Khái Hưng làm được gì trong hoàn cảnh

ấy, một hoàn cảnh khắc nghiệt chỉ có hơn và không kém thời kỳ cộng sản bắt đầu thiết lập hệ thống toàn trị lên cả nước sau 1975. Tuy nhiên chỉ một hồi kịch này thôi cũng đủ để thấy được lòng người nói chung không đứng ở phía cộng. Một lão niên, người biết nhiều về thời kỳ này cho biết nhân vật Khanh là Khánh, là Khánh Giu, chính là Khái Hưng; còn Quang? Chính là Đặng Thái Mai của cộng sản Hà Nội. Một nghệ sĩ, một nhà văn, nhà báo như Khái Hưng bấy giờ chỉ còn thú chơi bất cứ gì cũng một mình. Chỉ còn biết đánh cờ và tìm ô chữ. Khái Hưng bày tỏ quan điểm: Trước kia vui vì viết văn nay vui vì không viết văn. Một bày tỏ tưởng như dối lòng đối người vì sinh mệnh của một nhà văn là viết văn. Nhà văn sống trong lúc viết văn, ngưng viết nhà văn không còn là gì cả... để khác người. Quang, tượng trưng cho guồng

máy cộng sản, xuất hiện trước mặt nhà văn, nhưng vẫn muốn đứng trên nhà văn, anh ta “thuyết minh”: “Ngày nay ta đang ở vào thời kỳ kiến thiết quốc gia (một chữ mà cộng sản và thân cộng dị ứng cả khi nghe thấy) ai ai cũng phải làm việc tận kỳ lực!”. Quang còn đi quá đà để trách móc Khái Hưng: “Anh dám coi thường cái nhiệm vụ thiêng liêng của anh”.

Thật sự thì Khái Hưng đâu có dám coi thường những chuyện, những trách vụ có tầm vóc như thế. Ông chỉ có ý kiến khác về thứ loại và bản chất các công việc, nhiệm vụ. Thế nào là kiến thiết, thế nào là tác hại.

Đang lúc ưu tư về nhiệm vụ của mình, Khái Hưng đã bị đảng, qua nhân vật Quang chỉ trích đủ điều, bắt bẻ đủ lỗi. Người ta buộc tội ông về tội khoanh tay

đứng và còn đứng mà chẳng thềm nhìn nữa. Làng văn đã có một dân số nhà văn trở nên nhẹ dạ và khinh bạc hơi đông rồi đó. Mang tiếng là nhà văn thế mà trước một cuộc đổi đời như Cách mạng mùa Thu, các ông ấy đã hoang mang, tiêu tán chí hoạt động. Trước những cáo buộc xu thời này, Khái Hưng “tĩnh rớt” đối đáp là bộ các anh cộng sản không hoang mang chắc, hơn nữa những người như Quang, theo lời Khái Hưng, chỉ “một hai” vài bước là đi thẳng hàng, đồng nhịp ngay với “dây» người siêu việt, ngoài ra những thứ người có tài bắt chước siêu việt ấy có khả năng biến quan niệm cũ thành quan niệm mới thay bộ áo mỏng bằng bộ áo dày. Ông khẳng quyết “có khó gì đâu”. Cả hai phía bắt đầu vấy mực lên. Quang hay Đặng Thái Mai cho rằng và thừa biết rằng Khái Hưng mỉa mai ông ta. Nhưng cũng công nhận có lắm kẻ xu thời a dua

trong cách mạng, ai khác kia còn Mai, bạn của Khái Hưng thì không đâu nhé, cả một quá trình suy nghĩ đắn đo lâu dài như ai. Đặng Thái Mai còn ra vẻ kẻ cả chê Khái Hưng cố suy nghĩ tìm tòi mãi mà không thấy lối ra.

Đến đây thì buộc lòng ranh giới phải được vạch ra giữa hai người có học, có chữ, có lý tưởng hay đang suy tư về đường lối phải theo để đạt được lý tưởng. Người quen biết của Khái Hưng đã có sẵn quan điểm và thái độ cũng như hướng hành động theo sự dẫn dắt của đệ tam Quốc tế, của vô sản thế giới. Khái Hưng bằng một xác quyết biểu trưng cho tầng lớp thanh niên đương thời; ông thú nhận có do dự, có nhút nhát, nhưng là thứ do dự nhút nhát có điều kiện. Khái Hưng cho đảng biết ông và đông đảo thanh niên, trí thức, văn nghệ sĩ thế hệ ông không,

không khi nào gia nhập hàng ngũ vô sản
ngụy trang kia. Tiện thể ông công bố
lập trường văn nghệ của ông và những
phần tử biết ưu tư về thời thế như ông:
«Xưa nay mình chỉ viết cho mình, chỉ
viết để thỏa mãn lòng muốn viết...». Ông
từ chối cộng tác với tầng lớp tự cho là
thành phần tiên phong của phong trào
cách mạng mới đổ xuống như mưa từ
trời cho nhân loại. Ông không cộng tác,
không viết cho loại cách mạng mà ông
thấy trước không tốt lẫn không hợp cho
con người, bất cứ ở đâu, hướng hồ ngay
tại đất nước này. Ông và thế hệ ông vẫn
chờ đợi, kiên nhẫn chờ đợi, dù chưa biết
là cái gì, nhưng chắc chắn là cái mới mẻ,
lạ lùng và đẹp nữa.

Qua Quang, người đọc được chứng
kiến thái độ báo bão đỏ sắp xảy tới cho
tầng lớp có học, dù nhà có nghèo cỡ nào,

xem chừng bị liệt vào tầng lớp tiểu tư sản hết, trừ Karl Marx, Engels. Quang đưa ra khẳng quyết anh ta rất ghét sách quý. Sách vở có tội tình gì mà tầng lớp muốn đọc quyền. Cách mạng thù lắm thế. Họ có mâu thuẫn ở chỗ này không, chắc chắn là có rồi. Chỉ nên đọc thông cáo in thành sách! Khái Hưng không quên đánh vào ngay chủ trương được tập thể đỏ cao rao tức đề cương văn hóa mới cho xã hội mới. Theo “sách vở” đỏ, văn chương dưới chủ trương này không khỏi mang 3 tính chất đại chúng, dân tộc và khoa học, là những sản phẩm trí tuệ hay tuyên truyền nghe rất kêu nhưng không mấy ai hình dung đúng đắn ra và cũng chẳng thêm bảo vệ, như bảo vệ luận án để cầm được tấm bằng cấp đầy tính ảo. Khái Hưng xỏ xiên nhẹ nhàng khi đặt vào môi Quang thú nhận có tin lẫn không tin vào 3 tính chất vĩ đại này. Bởi vì, “nếu cứ câu nệ với

ba điều kiện dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa thì rồi có khi văn chương sẽ không là văn chương nữa...”. Với chủ trương của đảng cộng sản, văn chương chỉ còn là những thí dụ để tuyên truyền dẫn giải cho đảng. Từ đấy phải gọi văn chương dưới chế độ cộng sản là nền văn chương thí dụ, thí dụ này lại kéo qua thí dụ khác. Phải chăng những nhận định này đã đi trước mở đường cho những phê bình chỉ trích của nhóm Nhân Văn về lãnh đạo văn nghệ của đảng cộng sản về sau: người ta chỉ còn sản xuất hoa vạm thộ hàng loạt, tức hoa xu nịnh, một loài hoa không hề có trong tự điển của ngành nhu thảo học! Ông đã thẳng thắn chê hiện tượng một nhà cách mạng toan tính dạy dỗ về 3 cái hóa này, những cái hóa tính ra chỉ là sản phẩm tuyên truyền ngẫu hứng, những khuyên bảo thúc dục vì nhiệt tình muốn nói, muốn chế điều

mới lạ để mê hoặc “chứ vị tất đó là kết quả của suy xét và tin tưởng”, một nhận xét và cách dùng chữ trái ngược với châm ngôn “phải tuyệt đối tin tưởng vào cách mạng” khiến các nhà cách mạng vĩ đại rất khó chịu.

Lỡ khó chịu cho khó chịu luôn, Khái Hưng đánh giá từng điểm “hóa” của “thứ văn chương cộng sản” này. Ông xác nhận chính tính vị kỷ của nhà văn mà nhân loại hưởng nhờ, vì những gì nhà văn viết ra, nhà văn đã cùng chia cho mẫu số chung tính nhân bản, sâu kín, buồn vui, hạnh phúc khổ đau, ganh ghét đố kỵ, uất ức lẫn hy vọng. Tính đại chúng, nếu muốn phân giải tính đại chúng của văn chương. Làm gì có thứ “văn chương thẳng như ruột ngựa” để gọi là đại chúng hóa. Khái Hưng tỏ ra phản bác tính khoa học của văn chương, tính này là tính phịa

của các quan văn nghệ đồ. Khoa học đây nếu có chỉ giản dị là kỹ thuật sáng tác. Khái Hưng quả quyết điều này “có chi lạ” đâu mà viết thành kinh như kinh thánh kinh điển. Có thể cha đẻ của 3 tính lạ này nhất là tính khoa học, là người đầy óc mẫn cán thấy đảng cộng sản từ Liên Xô xác quyết chủ nghĩa cộng sản là một chủ nghĩa khoa học nên méo mó nặn tượng văn chương cho hiện thực. Quang hay đảng cộng sản nói văn chương phải hợp khoa học và đưa ra thí dụ khá ngộ nghĩnh “văn chương không thể tả một vật nặng rơi lên trời được chẳng hạn”. Luận thuyết về văn chương như thế mà không làm cho Khái Hưng phì cười kể cũng lạ. Vì ông điềm tĩnh phân giải tiếp: “Tính khoa học cấm không được mô tả ma quỷ, hồ, tinh?” Ông cười làm sao được nếu người ta hiểu ông ám chỉ hồ là ai cả nước đều biết thì, thay vì tìm cách hành

hình, đảng cộng sản sẽ bắt ông sống tới chết để viết kiểm thảo.

Khái Hưng còn mai mỉa chủ trương dân tộc hóa văn chương theo nghĩa cộng sản. Nhân vật phải là “người” trước khi mang quốc tịch. Ông buột miệng bày tỏ tức giận: đảng “định đặt luật lệ khuôn mẫu cho nhà văn?” Đảng “định trói chúng tôi lại”. Về sau nhóm Nhân Văn cũng đặt vấn đề lãnh đạo văn nghệ của đảng. Hèn gì mà mãi cho tới thời đại cộng sản tân tiến, Nguyễn Văn Linh mới chịu cởi trói cho giới văn nghệ, nhưng phải dưới sự giám sát canh chừng của Trần Bạch Đằng, Chế Lan Viên, Hà Xuân Trường v.v... Từ rất lâu Khái Hưng đã báo bão trong làng văn nghệ. Khái Hưng cho biết “hóa” của người ta muôn hình vạn trạng, trăm màu nghìn sắc của con người sống giữa vạn vật. Đến đây Quang hay

đảng cười một cách thâm độc: “Bạn tôi (!) hôm nay mới thực thổ lộ can trường. Mà như thế bạn càng có tội với sự kiến thiết quốc gia” (thời đó cộng sản chưa bỏ chữ quốc gia mà dùng chữ dân tộc hay nhà nước như những hồi gần đây, sự thực bây giờ họ bắt đầu dùng lại chữ quốc gia ở những chỗ cần nghiêm chỉnh, trang trọng; nhấn mạnh điểm này ở đây, vì ở hải ngoại này, một số người rất hăng say tranh đấu cho quốc gia dân tộc lại có vẻ như ngại dùng từ ngữ quốc gia. có lúc tìm cách tránh né đi và dùng chữ dân tộc thay vào... cho giống... với ai?).

Quang thay mặt đảng mới lên án nhưng vờ chúc: “Anh chưa chết được”. Với vở kịch một hồi này, như một tuyên ngôn văn chương chính trị, Khái Hưng đã biết con đường ông sẽ phải trải qua. Mặc dù biết mình phải làm gì trong công

cuộc chống đế quốc thực dân Pháp, Khái Hưng vẫn khai triển xa hơn nữa quan niệm nhân đạo và yêu nước một cách đúng đắn để có thể tập trung tất cả sức lực của Nước vào công cuộc chống ngoại xâm và thống trị. Bị kịch Dưới Ánh Trăng, Khái Hưng dàn dựng sân khấu tình người cho hai nhân vật tượng trưng cho Quốc và Cộng, một quốc dân quân và một vệ quốc quân, Khoa và Thúc, không đối đầu mà chỉ để lo cho nhau vào những phút giây cuối của cuộc đời. Sau một trận đối đầu dữ dội bằng súng đạn, anh vệ quốc bị thương nặng, anh quốc dân bị kiệt sức vì bệnh. Anh quốc dân cố cứu giúp anh vệ quốc, cho uống nước và băng bó vết thương. Anh quốc dân làm thế chỉ vì anh Việt Minh bị thương, giản dị chỉ có thế. Điều này ban đầu làm anh Việt Minh ngỡ ngàng. Thêm một điều bất ngờ đối với anh này là anh quốc dân chẳng

nề hà sinh mạng của mình, cố tìm xuống suối kín nước cho anh vệ quốc uống, “vì nó bắn chết... sáng trắng tỏ lắm”. Trong chiến tranh Quốc Cộng, “chết là một sự may mắn, chết để khỏi phải giết người đồng chủng”. Khái Hưng chỉ trích thái độ kiêu căng của phía cộng bao giờ cũng phê phán phía này “đi nhầm đường”. Khái Hưng thuyết phục mọi giới: “phải nói chúng ta đi nhầm đường mới đúng... say sưa với chủ nghĩa viễn vông, cái lý tưởng mơ hồ, chúng ta quên rằng chúng ta là anh em trong một nhà”.

Vì là thời kỳ tranh tối tranh sáng, nào ai quen thuộc với chữ với nghĩa, với chủ nghĩa, thuyết lý.

Hai chữ cách mạng đâm ra rất hấp dẫn đối với tuổi thanh niên. Cách cái mạng, đổi cái đời. Mọi người đều nghe có cái mới, nhưng làm sao biết cái mới

ra sao, phát xuất từ đâu và dẫn đến đâu. Chống Pháp đã đành là tâm tình chung của người dân bị trị, chống quan lại phong kiến, bọn giàu có bóc lột vô lương tâm lại rất gần gũi vì hầu như người nào cũng biết tới chuyện nghĩa hiệp của nhóm anh hùng lục lâm Lương Sơn Bạc, cho nên theo đâu cũng được miễn đâu có những chủ trương như thế. Khoa hay Khái Hưng cũng thế “vào đảng chỉ mong hy sinh tính mạng cho Tổ quốc”. Nhưng thay vì đánh kẻ thù chung, đảng cộng sản chủ trương tiêu diệt những nhóm phái chống Pháp khác với họ. Khái Hưng cực lực phản kháng sự chém giết lẫn nhau. Ông nói với cả hai phía: “chúng ta đã để họ dắt đi như dắt một đàn bò ra lò sát sinh” và “vì đại đột ngu ngốc nghe những lời tuyên truyền xảo trá... bao lực lượng chống ngoại xâm chúng ta đem va đập vào nhau cho tan nát ra như cám..”.

Khái Hưng hô hào hòa hợp nhiệt tình cứu Nước chung vào chỗ phục vụ Tổ Quốc đang lâm nguy, không cần nói đến đảng phái nữa. Cái chỗ hô hào thống hợp hòa giải này, theo một số phân tích về chiến tranh Quốc Cộng vừa qua, khác với những hô hào chống chiến tranh, lên án đạn bom, thịt da nát tan, chết cong chết queo, nổi da xáo thịt giữa hình ảnh cùng đàn bò. Khái Hưng đã từng đồng ý với nhận xét của tuổi trẻ bấy giờ, “đương lúc quốc gia hữu sự mà còn cấp sách đi học thì cũng sốt ruột”. Cái sốt ruột thời Khái Hưng khác với cái sốt ruột của thanh niên sinh viên học sinh xuống đường thời Cộng Hòa ở miền Nam. Người ta xuống đường không do sốt ruột vì đất nước mà sốt ruột sao cho nắm được chính quyền, người ta lên tiếng “Hoa Sen Trong Biển Lửa” không phải để cứu đạo cứu đời nhưng để âm mưu tiêu diệt người yêu

nước chóng thành tựu. Những luận điểm của Khái Hưng đã đi trước thời cuộc rất lâu, thế nhưng mấy ai luận ngấm để đưa vào thực hành. Nếu chỉ có mục đích cứu quốc thì Việt Minh hay Việt Quốc đã sao. Hãy để cho trẻ con lớn lên trong tự do, nhân từ khoan thứ của cha anh, nhất là tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng. Trong tinh thần khoan hòa, rất cấp tiến như chữ bây giờ đang được dùng rộng rãi, Khái Hưng chấp nhận để trẻ con Việt Quốc hát Tiến Quân Ca, thì trẻ con mà! Khái Hưng cũng nhắc nhở cho người cộng sản biết qua hình ảnh Khoa của Việt Quốc nhất định phải lấy nước cho Thúc, Vệ Quốc: Con người, người dân phải có tổ quốc, phải có nguồn gốc không phải phục vụ cho một hình ảnh hạnh phúc mù mờ, một thiên đường đầy bánh vẽ. Chỉ có Nước mới đem lại sinh tồn cho quốc dân.

Tự tin trong nghĩa đồng bào, Khái Hưng đưa ra hình ảnh hòa hợp đầy tình người, anh Việt Quốc sang máu mình cho anh Vệ Quốc và sẽ không có chuyện máu Việt Minh và Việt Quốc đánh lộn trong tim ai cả, vì tất cả hai phía đều là máu Việt Nam. Khái Hưng tiếp: có sợ chẳng là sang vi trùng sốt rét cho nhau mà thôi. Ở đây có một điều không bao giờ Khái Hưng có thể ngờ tới: Là dù cho trải hết tình thương cho người cộng sản, tổ chức của họ không bao giờ biết dung hợp những con người lại với nhau, họ chỉ biết sử dụng mọi đóng góp để đạt cho được mục tiêu của đảng là chiếm đoạt chính quyền để cưỡng trị chơi chữ cũng chẳng biết làm gì hơn là mò mẫm cách tỏ quyền uy với một mớ kiến thức hỗn độn mù mờ về một “thiên đường mù” như nhà văn Dương Thu Hương của họ viết về sau này. Họ phải chiến thắng bằng

bất cứ giá nào trừ giá sinh mạng và mồ hôi của tầng lớp lãnh đạo của họ. Khái Hưng tiếp tục vẽ vời lên một cảnh chung sống hiền hòa trong tình tôn trọng lẫn nhau giữa những người chỉ biết ưu tư về việc Nước. Khoa và Thúc còn dự định chung nhau khai thác một đồn điền để sinh sống sau cảnh nước nhà độc lập. Thật là một bức tranh tuyệt mỹ đầy tình người. Khái Hưng bộc lộ hết ý hết tình: “làm cách mệnh là chúng ta quả quyết đi đón lấy cái chết”, lỡ có chết thì cũng “tự an ủi trước khi nhắm mắt rằng ta đã đến mục đích, cái mục đích hiến thân cho Tổ Quốc”. Cộng sản có biết nhường nhịn như thế không? Với lòng tin vào tình tự dân tộc, Khái Hưng cố gắng cảm hóa họ bằng những hình ảnh dưới trăng nhưng không kém chất cụ thể qua những đối đáp của Khoa và Thúc, nhưng kết quả bi thương tiếp tục

đến cho chính bản thân Khái Hưng sau đó và cho những thế hệ tiếp nối, cho cả nước để đến bây giờ, sau khi men chiến thắng đã nhạt mùi, cộng sản ở đâu cũng đều nói tới đổi mới và gom hết sức tài lực quốc dân lại cho họ làm những thí nghiệm cai trị nông cuồng khác, những nông cuồng vẫn đội lốt khoa học và trấn áp. Không phải Khái Hưng không biết điều đó. Vì sau đó Khái Hưng tạo cơ hội cho anh chiến sĩ Vệ Quốc gần tử thương đang kể về những chiến tích lẫy lừng đổi mạng với địch của những chiến sĩ cách mệnh ở tuốt trong Nam anh từng được nghe kể và ấp ủ những hình ảnh ấy mãi, tự biết là mình đang mơ. Ngoài ra Khái Hưng còn bài bác chủ trương duy vật của cộng sản với quả quyết rằng sau cuộc sống bằng sinh lý này một linh hồn hiện hữu và linh hồn vẫn tồn tại sau cuộc sống thế trần này. Thật khó chứng

minh và cũng khó bài bác, thế thì tin vẫn là hơn. Cái đẹp trong màn kịch này là hai con người, Khoa và Thức, sau một trận kịch chiến biết lo lắng cho nhau, mặc dù họ thừa biết họ có thể là nạn nhân của cả hai làn đạn. Kết quả đã như họ dự đoán: sáng ra thì sẽ không có cách nào thoát được. Khoa và Thức gặp nhau trong cõi chết. Vừa khi ráo mực in tập truyện này, Khái Hưng cũng đã theo chân các nhân vật đầy tính người như ông mong muốn thấy.

Cũng có thể đi đến một nhận định rằng phía tình người, phía các tổ chức không cộng sản kể cả một số nhóm phái cộng sản đệ tứ đã là nạn nhân của chủ trương ôn hòa của họ, vì cộng sản như thường được biết dưới danh xưng này, đã không từ bỏ một cơ hội, một phương tiện nào để đoạt được chiến thắng, nắm

được quyền lực. Nhưng liệu chiến thắng này có là chiến thắng cuối cùng. Như Khái Hưng đã từng quả quyết, chắc chắn là không. Ông đã từng viết chỉ có “ái tình” hay tình thương sẽ dẫn tới một xã hội tốt đẹp hơn, chỉ có lòng yêu thương thật sự mới hóa giải bao khổ lụy do chính đề Việt Nam gây ra cho nòi giống Việt. Cũng chỉ có ở phần đất tự do, xưa cũng như nay, nguyên văn luận thuyết của Khái Hưng mới được tự do xuất bản và phổ biến, nhất là kịch bản Dưới Ánh Trăng, với nội dung chống chiến tranh và cổ vũ xóa bỏ hận thù để phục vụ Nước, bất cứ một nhà cầm quyền độc tài sắt máu nào cũng khó mà không để mắt tới.

Để phát triển tự do dân chủ, Khái Hưng đã có một viễn kiến đứng đắn về tự do thông tin hoặc đề nghị mọi người nên để tâm thâm thập một số thông tin

khác ngoài nền thông tin «chính thống» thường do một hay các trung tâm quyền lực tạo ra. Trong truyện Tiếng Người Xa, Khái Hưng đã đặt cả giả thuyết nếu cần có thông tin cho những quyết định trong đời nhất là những hành động có liên hệ tới chính trị và tồn vong của đất Nước, có khi phải nghe và thu thập tin tức từ xa thí dụ như từ đài phát thanh Cựu Kim Sơn, tức San Francisco của Hoa Kỳ. Trong đề nghị này, Khái Hưng, ngoài chuyện vỗ vỗ cho việc thu thập tin tức từ nhiều phía, Khái Hưng còn nhắm chừng nhắc nhở những phần tử đang hoạt động cho chính nghĩa của đất nước, phải biết phối kiểm tin và không nên để “nhà nước” hay chính phủ hay một lực lượng chính trị độc tôn nào nắm độc quyền liên lạc với các nước bè bạn năm châu, ẩn ý ông còn cho biết không nên để bộ tham mưu của chính phủ liên hiệp do Việt Minh

nắm ưu quyền độc quyền liên lạc với thế giới bên ngoài nhất là Hoa Kỳ, mặc dù vào thời bấy giờ không dễ gì ai cũng có phương tiện hiện đại để thu nhận và diễn giải tin tức. Nhân vật Thanh, người phải trốn đi khỏi xứ vì quyền lực thực dân truy nã, một “chính trị phạm” trong thời nhiễu nhương đã trở thành một nguồn cung cấp tin tức khả tín, một năng lượng nuôi dưỡng “lòng tin thêm vững chắc” cho trong nước. Dĩ nhiên nhắc nhở này của Khái Hưng không khỏi làm cho phía cộng sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo hài lòng, một phía đã có kế ước phục vụ dài hạn cho Quốc Tế.

Để nhận diện những nhân vật then chốt trong «phong trào mới», núp dưới chiêu bài chống thực dân xâm lược, Khái Hưng đã mô tả dạng hình trong truyện Người Anh Hùng. Ba nhân vật chính

cùng ăn cùng ở... tức “tam cùng” trong một ngôi nhà cổ quái, xây ở hướng Bắc, tức Việt Bắc. Nhà ở của người lương thiện (?) điểm thêm một cái “lô cốt», tức chơi bài vừa độc tài vừa thỏa hiệp với Tây. «Cửa sổ cuốn cao, cái cao cái thấp không theo hàng», sao lại có bóng dáng như ngôi nhà sàn nổi tiếng mà ai cũng biết là của ai. Nhà lại «chẳng ra Tây, chẳng ra Tàu cũng chẳng ra Việt Nam»; ông cũng chê lối tổ chức của chủ ngôi nhà sàn lãnh đạo, không giống vào đâu vì kiểu Liên Xô hay Nga chẳng ai rành, vả lại Nga hồi đó vẫn bị các nước hùng cường khác cho là lạc hậu. Khái Hưng khẳng định ngôi nhà hay công trình sự nghiệp của cả ba đều thuộc bọn người loạn óc. Kiến trúc sư không bằng có khác gì ông giáo dạy sử, nửa thầy nửa thợ, là một người điên hay là một người phi thường, Khái Hưng chưa dám xác định công khai, nhưng

câu hỏi ông đặt ra có vẻ như công nhận nét vẽ thú nhất. Về người có dáng vẻ đàn anh, Khái Hưng ngầm tố giác như chính là một ông Trần Dân Tiên nào đó đã viết sách về lãnh tụ từ xa về nước. Ông Tiên này đã “ngoài 30 mươi”, “trán cao rộng, hai con mắt sắc”, “bộ ria cụp”, “bộ râu thưa, dài, màu hung hung”; “tóc cắt ngắn nhưng đầu chỉ cao ở phía gáy, còn tóc mai để nguyên vẹn, khiến đứng đằng trước mặt mà ngắm y, ai cũng tưởng y búi tóc”, “không nghĩ tới sự trang sức” và “Tiên có mấy khi rời cái phòng”... Gian phòng thí nghiệm, tức chính trị bộ, thì không một ai được bước vào. Ông lãnh tụ Tiên có đúng là một nhà nho bác học, nhà nho khoa học, ý tưởng này làm Khái Hưng tức cười và ông chẳng tin được như thế. Khái Hưng chê ông giáo làng bỏ dạy đi làm quân sự, “tưởng việc binh cũng như việc tìm cây lạ”, “tưởng

đâm chết cướp cũng dễ như chiết cành, chặt cây”. Về sau chỉ cần xem binh thư Tôn Tử của Tàu mà trở nên tướng lớn, bất ngờ đánh thắng một lũ cướp mà trở nên người Anh Hùng và còn sáng tác ra hình thức chiến tranh hiện đại là du kích chiến! Phải hăng hái kháng chiến với bọn cướp bằng gạch, bằng gậy, bằng bất kỳ thứ khí giới gì vớ được, binh pháp này cũng không khác với chủ trương trường kỳ kháng chiến của Việt Minh. Rồi ông “giáo kỹ sư” kia cũng trời đãi thắng dễ dàng bọn cướp với chiến thuật du kích vừa sáng tạo trong thời gian người khác lo chiến đấu. Tôn Vũ và Người Anh Hùng từ đó đã trở thành huyền thoại. Tôn Vũ có khác gì tướng họ Võ về sau khi nhà nước chế ra phẩm hàm. Trong khi người người tôn xưng người anh hùng, Khái Hưng lại hạ bút: “mọi người phá lên cười”. Không lẽ Khái Hưng ở trong bộ

tham mưu binh lược Trung Hoa, ông biết trước các thành quả chiến công của Võ tướng là được người ta đánh giùm.

Tài nói mả của Khái Hưng còn sắc bén hơn nữa trong truyện *Khói Hương*. Ông lấy chuyện “đi cỏ” của tù nhân để luận về chuyện *Đi Làm Cách Mạng*. Làm cách mạng như của cánh Việt Minh là công việc của những tù nhân chung thân bán linh hồn cho đảng. Khái Hưng sợ người đời chưa hiểu hay hiểu lầm thâm ý của ông nên ông cho tiếp những câu đối thoại: “Phải đi xa thế này mới cắt được cho trâu ăn?”; “Việc chính có là việc cắt cỏ đâu”. Làm cách mạng cần phải đi xa thế ư, qua Pháp, Anh, Mỹ, Nga, Trung Hoa, Thái Lan; việc chính có làm cách mạng đâu. Chén say rồi ngủ. Câu khẳng định này làm mất lòng người quốc tế không ít. Đó là chưa nói tới câu nhân vật

Linh, Nhất Linh chứ còn ai khác, Khanh và Linh, Khánh Giu và Tường Tam, “đến một nơi vừa có bọn cướp đi qua. Chúng vét sạch của cải và nhân dân bỏ trốn hết” hoặc “chúng tôi không có cướp bao giờ”, cộng sản chẳng bao giờ không nói thế! Khái Hưng còn nâng rồi “hạ cấp” nơi tụ tập hàng ngày của cánh cách mạng đỏ: “bức sàn ghép toàn bằng gỗ quý”, “ấy từ ngày ông ta ra làm lý trưởng đấy”. Lý trưởng hay chủ tịch? Khái Hưng làm ra vẻ chưa bao giờ biết hoạt động của phe nhóm này: “Thì ra bác bếp cũng hương khói phụng thờ thần Phù Dung đấy à?”. Thì cũng na ná như phụng thờ một chủ nghĩa mê hoặc người như thuốc phiện. Và rồi người ta không từ đến việc tiêu phí sinh lực của tổ quốc, gia sản của dân tộc ví như việc dùng toàn dầu cúng tổ tiên cho việc cúng ả phù dung. Ngoài ra, Khái Hưng còn vạch trần sự xảo trá của

phe cánh này khi chủ trương ban đầu hoạt động chính yếu ở những vùng nông thôn quê mùa, các vùng thượng du của những người dân chất phác: «Phải mắng cho lão hàng dầu mới được. Nó lại cậy nó là người Kinh nó đánh lừa dân Mường à». Chuyện lừa lọc này còn được nâng cấp khi, để tranh thủ nhân tâm, mê hoặc cả phụ nữ địa phương. Dầu giả, dầu hôi tanh làm sao cho hữu hiệu được, “phải vất xuống suối cho chảy đi mất tích” thì các Ngai mới về, phải bỏ cái “mác” đỏ và về sau còn phải giải tán cái đảng Đông Dương kia đi thì mới hy vọng dụ dỗ người tham gia, các chính phủ trên trường quốc tế mới giao dịch thăm hỏi.

Khái Hưng cảnh cáo, “con ma thuốc phiện”, con chồn chủ nghĩa “thì nó thương gì mình” và “không vâng theo mệnh lệnh của nó thì nó bóp chết thật

đấy”. “Con ma nó cao lênh khênh”, “mắt nó sâu như hai cái hang, răng nó nhe ra”, những nét vẽ phác chân dung một chính trị gia, không, một tay điệp báo tầm cỡ quốc tế chủ trương dùng công nhân để cướp chính quyền. Vẽ như thế thì ôi chết đúng “bác» rồi còn gì. Con ma này chuyên lấy dầu cúng tổ tiên, lấy chất dân tộc vào mục tiêu phục vụ đảng. Con ma rất rành phương pháp khủng bố: “Mày sợ ông vải mày hơn sợ tao à? Mày mà để lửa thờ tao tắt lụi, thì tao bóp cổ, tao vật chết tươi bây giờ”. Hù dọa trong văn chương, trong tiểu thuyết, nhưng là chủ trương, đường lối trong thực tế hành động. Không khí khủng bố thời trước thật khắc nghiệt. Chủ nghĩa cộng sản hay thuốc phiện hay dầu hôi tanh là những thứ mà những người có chân tình với tổ quốc nên lánh xa. Vì khi đã lỡ lân la gần thứ lý thuyết thực hành đầy ma thuật chữ nghĩa này,

những người lỗ đem yếu tố dân tộc, tình yêu nước tiêu phí vào các hành động «dấy loạn có tính toán trước», người yêu nước cô đơn, hay đảng phái chính trị quốc gia yếu phương tiện có khi còn phải tự an ủi bằng hy vọng giả “Thế mà mình cứ lo sợ vẩn vơ. Cứ dùng rồi mai kia ra phố mua bù vào, đã sao”. Có “mai kia” không, “phố” nào và lấy gì “mua” vào, ai bán ai cho đây, đó là những câu hỏi to tướng đặt ra cho những tình thế đòi hỏi tập trung sức lực cả nước, những thế liên hiệp rất thuận hợp trên lý luận. Cứ tiêu phí hết nhiệt tình dân tộc rồi trắng tay; còn cộng sản ư? Cả một hậu phương lớn, cha Nga, mẹ Tàu và anh em bè bạn năm châu tiếp tế. Con ma không đi một mình, vì “một lát sau đến gần một chục con ma hiện về nắm tay nhau mà nhảy chung quanh cái bàn đèn mà hát những bài ca thuốc phiện...”. Đúng là hình ảnh

của những tập hợp của cộng sản, tụ tập, ôm nhau hôn thắm thiết, hay múa ca và hát bài quốc tế. Người lơ lân la gần sinh hoạt của đảng quốc tế tiên phong này tiêu phí hết sinh lực, tài sản, tâm linh của mình và của đồng đội, rồi sau đó còn phải bòn rút của nhà, của láng giềng, của nhân dân nữa. Hình ảnh này được Khái Hưng đặc chế trong chân dung bà vợ phải tất tả đi sắm chai dầu khác. Sinh hoạt của dân sinh đã bị điều hướng vào một phương khác với sinh hoạt bình nhật đúng đắn. Ở cấp vĩ mô, theo kiểu lý thuyết kinh tế Cộng, tài sản quốc gia đã bị hoang phí vào chuyện áp đặt lý thuyết viễn vông nhưng có sức tác hại khủng khiếp. Từ lâu trước Khái Hưng đã thấy và đã có kết luận, nhưng phải đợi cho tới ngày nay, một số tác giả cộng sản mới “nhỏ són” một ít lời phản tỉnh, chỉ trích đảng, nhưng rất ít chất sám hối. Lấy dầu

cúng tổ tiên, lấy tài sản của quốc dân, di sản của tiền nhân, lấy sức dân, sức nước để phục vụ một chủ thuyết ngoại lai, một tổ chức tội ác có tổ chức chặt chẽ, làm sao mà tổ tiên, tiền nhân về chứng giám được. Làm gì thì làm các Ngài không về đâu, nếu còn bám vào thuốc phiện cộng sản chủ nghĩa mãi. Cộng sản dùng khói hương dân tộc tổ tiên anh hùng để lừa bịp toàn dân phục vụ người ngoài, thân thích của họ là các đồng chí xa xôi, thánh nhân của họ là các tay phá phách chuyên nghiệp. Vì thế Khái Hưng tiên đoán rằng công trình của những người cộng sản, nếu phải nói được như thế, cũng chỉ là công dã tràng, là số mệnh của những người điên chuyên đi phá hoại và cuối cùng, vì không phải là thành phần yêu dân yêu nước thật, chuyện làm của họ chỉ như hương như khói bay vào khoảng không.

Qua những phân tích này, Khái Hưng, với tư cách một nhà văn, đã trực tiếp thách thức một chế độ, chủ trương và cho tranh cãi rộng rãi về cứu cánh của nghệ thuật, nghệ thuật phải phục vụ nhân sinh. Dĩ nhiên người cộng sản không nhắm tới chân lý nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, vì cộng sản chỉ muốn lừa hết, sử dụng hết văn nghệ nhân vào chủ đích phát triển tổ chức chính trị quyền lực của họ. Cộng sản thiên về nghệ thuật vị nhân sinh vì có lợi cho tổ chức, phải nói và viết sao cho đảng cộng sản bám đất quần chúng, Khái Hưng chấp nhận biện thuyết về hướng này và cho đến nay ông thật ung dung

đánh đổ từng điểm chủ trương của cánh cộng mà không cần phải lý luận thuyết lý dài dòng (mâu thuẫn cả với chủ trương tính đại chúng của chính họ bày ra) kiểu tạp chí Lý Luận Cộng Sản. Ngoài chuyện làm cách mạng chính trị, Khái Hưng đã hoàn thành chức năng của một nhà văn sống với đời, ở với đời vậy: *hướng dẫn dư luận*.

Tập truyện *Bóng Giai Nhân* rất mỏng, lối 140 trang thôi, do nhà xuất bản Phượng Hoàng của nhà văn Nguyễn Thạch Kiên tuyển hợp, thật xứng đáng để những thế hệ tiếp nối tinh thần yêu nước phổ biến rộng rãi và nghiền ngẫm. Vì trong thời Khái Hưng, cộng sản tàn bạo gấp trăm, ông vẫn chọn lựa cách kết

cầu câu chuyện để đưa ra những phản bác sắc bén và dứt khoát. Ngày nay, thời thế đã phần nào đổi thay, cộng sản đã sụp đổ trên phần lớn thế giới và chính họ cũng phải bắt đầu ra vào với chốn văn minh, người cầm bút chân chính có cần lo sợ văn võ tiếp không?

TRẦN NGỌC

**THƯỞNG THỨC
KHÚC TIÊU AI OÁN
CỦA VĂN HÀO KHÁI HƯNG**

THÁI QUỐC NAM



Đọc truyện kịch «Khúc Tiêu Ai Oán» của văn hào Khải Hưng (Trần Khánh Giư), tôi rất ngạc nhiên. Bởi

vì bấy lâu tôi chỉ biết tới các vở kịch như Đồng Bệnh... và một số kịch ngắn của ông, và vở Lưu Bình Dương Lễ, truyện ông viết đã được chuyển thể thành tuồng cải lương rất nổi tiếng tại miền Nam trước năm 1975 cho tới nay. Bây giờ lại biết thêm “Khúc Tiêu Ai Oán” này nữa. Tiếc thay tác giả không còn hiện diện với dân tộc Việt Nam chúng ta.

Khúc Tiêu Ai Oán là truyện Ngũ Viên (Ngũ Tử Tư) báo thù vua Sở Bình Vương, rút trong Đông Chu Liệt Quốc xưa.

Thử nhận xét cốt chuyện Ngũ Tử Tư báo thù đưa đến một nội dung như thế nào? Nếu đem luận về chữ “Trung” thì Ngũ Viên là kẻ phản quốc; ông đã mượn thế lực nước Ngô khi làm Tướng Quốc để đem binh Ngô về dày đập tan tành

nước Sở là nơi sinh trưởng của chính mình. Và rồi phục vụ nước Ngô cho đến tàn cuộc đời...

Nhưng ở trong cái bối cảnh của Ngũ Viên lúc bấy giờ, thật không còn con đường nào khác để ông lựa chọn. Vốn là một anh hùng tài kiêm văn võ, bị đặt mình đối diện với một Sở Bình Vương, vị vua hôn quân, yêu dùng sàm nịnh, cướp vợ của con, giết con và hãm hại tôi trung. Một vị vua hôn quân như thế cần phải tiêu diệt, mà hễ dùng bạo lực để tiêu diệt hôn quân, thì làm sao tránh khỏi sự tàn hại đất nước, muôn dân. Sự việc đã buộc Ngũ Viên phải đối kháng, như việc trốn bỏ nước Sở thì Ngũ Viên là người kiến cơ, chứ không chịu thờ chử Trung một cách mù quáng như người anh là Ngũ Thượng, chịu cùng chết với cha để

giữ trọn trung hiếu. Nghĩ thật là phi lý nếu không muốn nói là ngu xuẩn.

Thiết tưởng “Khúc Tiêu Ai Oán” của Khái Hưng, không ngoài tâm trạng của tác giả trong thời điểm lúc bấy giờ. Ở đây xin đổi chữ “Trung” trong truyện Ngũ Viên ra danh từ “hợp tác” để nói về Khái Hưng. Vốn là một thành viên sáng lập ra “Tự Lực Văn Đoàn”, là nhà văn, nhà báo, nhà cách mạng... với cái vốn văn chương bác học thấm nhuần nên Khái Hưng đã nhìn rất rõ: Dân tộc ta đang thèm khát những gì? Và những trí thức đồng lứa, đồng thời với ông ai sẽ làm gì? Do đấy ông mượn cốt chuyện Ngũ Tử Tư để nói lên tinh thần bất khuất của mình, cho dù phải chịu hy sinh, chứ không chịu khuất mình hợp tác với bọn phi lý tưởng. Sự thật ông đã nêu cao khí tiết và đã hy sinh! Nhưng tia sáng văn chương cách

mệnh của ông, còn để lại cho chúng ta ngày nay soi rọi được đâu là lẽ chánh tà, để đặt mình đúng chỗ, phục vụ quốc gia dân tộc đúng nghĩa.

Trở lại lãnh vực kịch nghệ. Với bút pháp tài tình, ông viết đề tài nào, thì diễn tả sâu sắc đề tài đó như: truyện kịch “Lưu Bình Dương Lễ” ông đề cao cái nghĩa kim băng với một bố cục cao sâu, trữ tình gồm: hỉ, nộ, ái, ố... Tác phẩm này đã trở nên bất hủ và là một bài học luân thường để lại cho chúng ta.

Khác với Lưu Bình Dương Lễ, kịch bản “Khúc Tiêu Ai Oán” ông sáng tác dựa theo chính truyện của Ngũ Tử Tư, cũng có vài hư cấu. Các tình tiết và đối thoại đều mang tính chiến đấu một cách kịch liệt, hay nói rõ hơn tính cách mệnh tiếm ẩn trong con người của ông Khải Hưng. Thoại của ông viết thật sâu sắc tài

tình, lời lẽ giản dị mà cao sâu. Còn bố cục chuyển cảnh cũng không kém phần linh hoạt. Đại khái như hồi IV (cảnh 4) rất là hay, ông chỉ dùng một đoạn đối thoại ngắn, để diễn lại cái cảnh quân Ngô đánh một trận thư hùng để thắng Sở chiếm kinh thành Dĩnh Đô, Ngũ Tử Tư đã quật được mồ Sở Bình Vương để trả thù cho cha, anh. Chỉ dùng đối thoại diễn tả chuyện đã qua mà vẫn thể hiện rõ tính sắt máu trong vở kịch thật là tài tình. Thiết tưởng các soạn giả hữu danh đương thời cũng chỉ làm được đến thế thôi. Riêng tôi rất phục cái tài viết kịch của Khái Hưng đã làm trong hàng mấy chục năm về trước.

Ta có thể nói, ông Khái Hưng là một trong những nhà viết truyện kịch (thoại kịch) tiền bối. Bởi vì trong lịch sử kịch nghệ nước ta gồm có: Trước tiên ta có hát

Chèo thì có bà Phạm Thị Trân là người sáng tác vào quãng thế kỷ thứ 9. (Người viết đã đọc qua nhưng không còn nhớ rõ ở sách nào. Vì vượt biển lưu vong không còn tài liệu.). Còn hát Bội hay hát Bộ, có từ thế kỷ 13 do ông Lý Nguyên Cát người Mông Cổ, khi đứctrần Hưng Đạo đánh thắng Mông Cổ bắt được Lý Nguyên Cát và cho ông ta ở lại Việt Nam và dạy dân mình hát. (Bộ môn hát Bộ của nước ta giống bộ môn hát Hồ Quảng bên Tàu). Hát Bộ phát huy từ thời vua Trần Dụ Tông, những nhà soạn tuồng ngày xưa thường lấy cổ tích bên Tàu mà đặt thành tuồng, chứ sự thật hát Bộ là của người Việt Nam ta sáng lập.

Đến quãng đầu thế kỷ 20 có các nhạc sĩ tiền bối như: Ba Khi, Ba Chột ở Cái Bè tỉnh Mỹ Tho (Theo lịch sử âm nhạc Việt Nam của Trần Văn Khê, và Cổ nhạc Tầm

Nguyên của trường Quốc Gia Âm Nhạc) sáng tác các điệu dân ca miền Nam (Các bài bản). Nhạc sĩ Sáu Lầu ở Bạc Liêu sáng tác ra bài Vọng Cổ. (Ông Sáu Lầu chỉ phỏng theo bài Dạ Cổ Hoài Lang của Ba Khì để làm thành Vọng Cổ nhịp 16 - 32, vì bài Dạ Cổ Hoài Lang trước kia chỉ có 4 nhịp). Dần dần các thể điệu dân ca này được lồng vào sân khấu hát Bộ và trở thành sân khấu Cải Lương, phổ biến từ Nam ra Bắc, rất thịnh hành trong hai thập niên 60 và 70.

Còn thoại kịch là phỏng theo văn hóa Âu Tây, bởi lẽ gần một trăm năm chịu sự đô hộ của Pháp, học văn hóa Pháp, nên phải có ảnh hưởng nhứt định. Nhưng đây cũng là cái hay làm cho nền văn hóa nước ta thêm đa dạng, để bắt kịp đà tiến hóa của các nước văn minh tiên tiến. Tóm lại, kịch bản “Khúc Tiêu Ai Oán” là

một thoại kịch rất hay từ nội dung đến bố cục và đối thoại. Tuy nhiên trong một thùng gạo trắng tinh, nếu đem bới móc cặn cùng thế nào cũng có vài hạt thóc. Không biết vì sao chép lâu ngày sai chữ nghĩa của tác giả, hay vì sự vô ý mà ông Khái Hưng đã có một chỗ làm mất effect (kém xúc tích) như đoạn Ngũ Thượng nói với Ngũ Viên.

NT: Anh em ta kêu van Bình Vương tha tội cho cha. Bằng không thì xin thế tội cho cha.

NV: Không được! Anh nên biết rằng...

Thay vì nói: Không được! để làm dịu cái không khí đang căng thẳng oán hận của hai anh em, mà nói là: Không! Anh nên biết rằng... thì vẫn giữ đủ cái không khí căng thẳng để đối thoại tiếp. Nhưng

đây chỉ là một khuyết điểm rất nhỏ mà thôi.

Về đoạn kết: Nhận thấy có hai tác động khác nhau:

* Nếu diễn ở trong đài phát thanh, thì cứ theo nguyên tác. Tiếng ngâm hòa lẫn tiếng tiêu làm cho thính giả man mác buồn rồi dứt hẳn.

* Nếu trình diễn trên sân khấu. Theo thiển nghĩ của soạn giả hậu nhân thấy rằng: Ngâm ở hậu trường quá nhiều, mỗi nhân vật một đoạn, chắc chắn khán giả sẽ không ngồi nghe, và xôn xao ra về sẽ làm cho người thủ vai Ngũ Viên bị trở mặt mình trên sân khấu.

Đề nghị: Cho 5 nhân vật này hiện lên trong phong trắng, để nhắc lại cho Ngũ Viên những gì mình đã gặp, đã làm. Rồi

tỏ ra thỏa mãn hay thương tiếc bằng lời lẽ ngắn, hoặc điệu bộ (Gesture) để đóng màn. Như vậy còn tỏ rõ bầu không khí sống động khi Ngũ Viên bị đâm và hành động tự vệ giết người.

Tìm hiểu văn chương và tài viết kịch của Khái Hưng tôi vô cùng khâm phục. Và tôi xem đây là một đường lối “Phá cách”. Vì xưa nay mà nhứt là thời của ông, các nhà làm văn đều viết trong khuôn thước “Tam Cang, Ngũ Thường”. Bởi dân ta đã thấm nhuần Nho học, xem đạo luân thường của Khổng Tử là kim chỉ nam. Ở trong Tam cang: Quân Thần cang, Phu Thê cang, Phụ Tử cang, thì Quân Thần (chữ Trung) là quan trọng hơn cả. Cho nên truyện, tuồng người ta thường viết, người trung quân dù gặp gian nan đến đâu mà giữ lòng trung với

vua cuối cùng cũng thắng kẻ phản vua... Nhưng, ở “Khúc Tiêu Ai Oán” ông Khái Hưng đã làm một cuộc cách mạng văn hóa, không ca tụng tôn thờ đạo quân thần khi có một ông vua hôn quân, mà ông lại đề cao người phản vua (Ngũ Viên), phản kháng hợp lẽ công bằng cũng tất thắng... phù hợp với “Dân vị quý, quân vị khinh” mở màn cho kỷ nguyên dân chủ trong lòng dân tộc chúng ta.

Tiếc thay, phải chi Cải Lương còn thịnh hành, tôi xin chuyển thể “Khúc Tiêu Ai Oán” ra tuồng Cải Lương. Bởi nội dung của kịch bản có nhiều chỗ diễn ca rất là ướm lệ, hùng tráng, bi tráng...v.v... làm thành một tác phẩm lịch sử rất có giá trị.

Và cuối cùng là cảm nghĩ của tôi đối với văn hào Khái Hưng:

*HIỀN NHÂN BẤT TẠI
ĐỜI THƯƠNG TIẾC
VĂN GIỚI NGHÌN THU
KHÓC KHÁI HÙNG!*

California 19. 6. 97

Soạn Giả THÁI QUỐC NAM

Ý NGHĨA BI KỊCH
«DƯỚI ÁNH TRĂNG»
CỦA KHÁI HÙNG

THẾ VIỆT



Kỷ vật cuối cùng của nhà văn
Khái Hưng trong Tự Lực Văn

Đoàn đã để lại cho chúng ta, gồm có: Tập truyện “Bóng Giai Nhân” và tập truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” do Phượng Hoàng sưu tầm và cho xuất bản tại Sài Gòn trước 1975.

Ở đây, thể theo lời yêu cầu, chúng tôi chỉ xin nêu lên chút ý kiến khi tìm hiểu nội dung bi kịch “Dưới Ánh Trăng” trong tập truyện Bóng Giai Nhân của Khải Hưng mà thôi.

Tìm hiểu nội dung bi kịch “Dưới Ánh Trăng” tôi thấy nhà văn Khải Hưng đã biểu lộ cái tâm huyết của ông trong tác phẩm. Khác với nhiều truyện kịch Khải Hưng đã viết. Khúc Tiêu Ai Oán đề cao chỉ làm trai, có lẽ đây là cái lý tưởng cao siêu mà ông đã ấp ủ. Ông muốn nói với tất cả mọi người Việt Nam rằng: “Chúng ta là anh em trong một nhà, hãy chung lưng đấu cật để giữ gìn giang sơn gấm

vóc ông cha để lại. Đừng vì quyền lợi cá nhân làm nô lệ cho ngoại bang, hay mù quáng đặt tình yêu Tổ Quốc không đúng chỗ, đem máu xương góp phần củng cố cho kẻ mưu đồ, muốn làm người “nhất phẩm” trong thiên hạ, do đó bất chấp mọi thủ đoạn mà chỉ cần đạt được mục đích...”

Kịch chỉ có hai nam nhân vật, mà hàm chứa đủ “Tình, thù, nhân, ái”. Và được ông diễn tả thật tài tình. Để tìm hiểu cho tường tận bi kịch này, chúng tôi xin chia làm hai vế để phân tích:

* Nghệ thuật và kịch tính.

* Chính trị tính.

Khái Hưng Nhà Nghệ Thuật: Ông phác họa cảnh chiến trận sắp tàn trên một đồi hoang, dấu vết chiến trận còn sót lại,

dưới ánh trăng khi mờ khi tỏ, tiếng gió rì rào xen lẫn tiếng người rên rĩ và tiếng cú kêu. Mở màn, các chi tiết này đập vào tai mắt khán giả, làm cho lòng người rũ xuống, và sốt ruột chờ xem việc gì sẽ xảy ra. Riêng khi viết bài vì đã nghiên cứu toàn truyện nên tôi rất cảm xúc:

Trăng tròn in đáy nước

Sương khuya, hai mái đầu

Thù ở đâu? Bạn ở đâu?

Trách ai bày vẽ, nên màu phân tranh!...

Về Kịch Tính: Thật khó mà đạt được kết quả mong muốn của tác giả, khi một kịch bản chỉ có hai nam nhân vật, thế mà Khái Hưng đã lôi kéo khán giả phải ngồi nghe diễn tả suốt 22 trang giấy. Tôi tin chắc rằng các khán giả của ông, nếu là người bắt kịp được triết luận trong đối thoại, thì không cứ 22 trang mà hơn thế

nữa cũng còn muốn nghe. Bởi ông diễn tả bằng những lời lẽ mộc mạc, nhưng ý nghĩa thật bao la sâu rộng, như trong câu chuyện tìm nước, ông cho Khoa nói rằng: «cái khát kỳ này không phải cái khát nóng, mà bảo bịa ra câu chuyện rừng mơ để đánh lừa như Tào Tháo được». Câu đối thoại này ông Khải Hưng đã nhắc đến chuyện xưa là trong một cuộc hành quân, Tào Tháo nghe quân sĩ kêu mệt mỏi, khát nước không còn muốn đi nữa, Tào Tháo bịa ra là đằng trước có một rừng mơ, hãy đi nhanh đến nơi thì tha hồ mà ăn trái; quân sĩ nghe vậy thêm rõ nước miếng quên cả sự khát nhọc, thế là đòn tâm lý chiến của Tào Tháo đã thành công... Cách đối thoại của ông Khải Hưng như dòng suối ngầm, có khám phá được mới thấy đó là dòng nước trong mát lạ thường, và uống vào lại thấm mát cả tâm can.

Khái Hưng Nhà Chính Trị Bác Ái:
Ở về này mới là cái gút thắt của bi kịch
“Dưới Ánh Trăng”:

Thức vốn là thanh niên yêu nước, hiếu đạo, nổi chí cha đi làm cách mạng (không rõ người cha theo đường lối nào), chỉ nghe tuyên truyền phát động cuộc khởi nghĩa đánh đuổi thực dân giành độc lập là bỏ học, dấn thân đi làm chiến sĩ Vệ Quốc Đoàn, chớ không cần biết cuộc chiến kết cuộc sẽ đi về đâu... Không phải chỉ mình Thức mà đa số thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ đều chấp nhận hy sinh với hoài bão giành độc lập tự do cho dân tộc. Sự hy sinh đó bắt nguồn từ dòng máu bất khuất của tổ tiên “giặc tới nhà đàn bà cũng đánh”, cho nên trải bao thời đại chống xâm lăng trong lịch sử nước ta, nhiều vị đã lưu danh thiên cổ như: Trưng Nữ Vương, Ngô Quyền, Bà Triệu,

Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tôn, Quang Trung...v.v... Ngoài ra, còn biết bao nhiêu liệt sĩ anh hùng khác cũng được lưu danh trong sách sử, mà thời kỳ Việt Nam Cộng Hòa đã dùng đặt thành các tên đường trong khắp nước.

Với Thúc trong “Dưới Ánh Trăng”, chỉ là một cái máy bóp cò súng, nhất nhất làm theo lệnh cấp chỉ huy, mà chính cấp chỉ huy của Thúc cũng không hơn gì Thúc, nào biết được mưu đồ chính trị của cấp lãnh đạo tối cao, nên mới có trận chiến “Nồi da nấu thịt” này! (Câu than của Nguyễn Nhạc nói với Nguyễn Huệ). Thúc xông lốt dưới làn đạn đối nghịch để làm tròn nhiệm vụ chiến sĩ Vệ Quốc Đoàn không may bị thương trầm trọng. Tiếc thay! Phải chi trận chiến này đối đầu với lực lượng ngoại xâm rồi Thúc

bị thương vong mạng thì ý nghĩa cao cả biết bao nhiêu, đảng này ta đánh ta mà vong mạng thật là oan uổng!...

Còn vai Khoa, Khải Hưng đã nói lên đường lối chủ trương của riêng mình, hay đường lối của Việt Nam Quốc Dân Đảng nói chung. Ông dựng lên vai Khoa trong kịch bản là thay cho bài hiệu triệu của VNQDD kêu gọi các đảng phái đối lập, đừng đi theo chủ nghĩa viễn vông, giết hại lẫn nhau làm suy yếu tiềm lực của đất nước. Ông đã nói trong kịch bản, xuất phát từ cửa miệng của Khoa rằng:

“Tôi cũng thế. Tôi vào đảng chỉ mong được hy sinh tánh mạng cho Tổ Quốc, nhưng anh nói anh và tôi, chúng ta đều không có trách nhiệm trong sự đi nhầm đường của cả đoàn thể cũng không được. Đáng lẽ chúng ta phải can đảm, cương quyết, cực lực phản kháng sự chém giết

lẫn nhau. Đảng này trái lại, chúng ta đã để họ dắt đi như dắt một đàn bò ra lò sát sinh. Chúng ta đã đại dột ngu ngốc nghe những lời tuyên truyền xảo trá của họ... để đến nỗi.. bao lực lượng chống ngoại xâm chúng ta đem va đập vào nhau cho tan nát ra như cám... nhưng cũng chưa quá muộn đâu anh ạ”.

Ông dùng đối thoại thực xác đáng, thực cảm động, và đưa ra đường lối quốc gia dân tộc thật rõ nét. Giá như lúc bấy giờ các lực lượng chống Pháp làm được như đời nhà Trần trong thế kỷ 13, thì cuộc chiến giành độc lập có lẽ kết thúc sớm và dân ta không chịu cảnh máu xương tang tóc, ly tan, tha hương như ngày nay có mặt ở khắp nơi trên thế giới.

Xin nhắc lại cái gương đoàn kết hùng mạnh của dân ta trong đời nhà Trần, lịch sử nước Nam chưa đời nào chia quyền

tự trị cho các vương hầu ở từng Thái Ấp. Lúc bấy giờ, ở mỗi Thái Ấp các vương hầu đều có quân đội riêng, thế mà khi giặc Nguyên gây hấn, vua Trần Nhân Tông sắc phong Hưng Đạo Vương làm Tiết Chế thống lãnh toàn quân, thì các vương hầu đem quân của mình đặt dưới quyền điều động của Hưng Đạo Vương tạo thành sức mạnh vô biên, để chống với binh hùng tướng mạnh của Mông Cổ đã từng dẫm nát các nước Đông Âu mà đành thảm bại ở nước ta. Cái gương gặt bỏ vị kỷ tạo nên sức mạnh của ông cha như vậy, trong thế kỷ này chúng ta lại không noi theo, thật đáng trách thay!

Khái Hưng Nhà Cách Mạng Nhân Ái: Cũng một đoạn đối thoại, ông cho Khoa nói rằng: “Sao tôi lại cứu anh? Vì nhiều lẽ, trước hết vì... vì anh bị thương... mà anh bị thương thì phải băng bó”. Thật

là cao cả, ông đã xóa bỏ lẫn ranh phân cách đảng này, đảng kia đang cùng nhau kịch chiến gây ra chết chóc, nhưng khi chợt thấy một đồng chủng đang quần quai với vết thương máu loang thắm áo, thì tình dân tộc bộc phát và thực hiện câu ca dao: “Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng”.

Khái Hưng kết thúc bi kịch bằng điệu nhạc buồn não nuột, và ông cũng cảnh tỉnh rằng: “Nếu chúng ta vì vị kỷ mà chia rẽ, thì kết cuộc chúng ta cùng chết cả! Vậy, muốn sống còn và vững mạnh, phải theo gương đoàn kết của ông cha (đời Trần) mà giữ nước. Nếu không...

Bi kịch của Khái Hưng còn nhiều khía cạnh cần phân tích... xin dành để các cao nhân nhận xét thêm về ông; bởi Khái Hưng là kho tàng văn chương trong

Văn Học Sử, là nhà cách mạng chân chính không mưu cầu tư riêng mà chỉ chọn con đường phục vụ quốc gia dân tộc. Tuy ông đã bị người ta sát hại, để lại muôn vàn thương tiếc nhưng trong Văn Học Sử Việt Nam, ông vẫn còn sống mãi với chúng ta.

THẾ VIỆT

15. Ý nghĩa bi kịch Dưới ánh trăng ¶ 525

KHÚC TIÊU AI OÁN VÀ PHIM ẢNH

THẾ NAM



Tôi đã đọc các tác phẩm của văn hào Khải Hưng như: Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chùng Xuân, Tiêu Sơn Tráng Sĩ... với một nhận thức hạn

hẹp; các tiểu thuyết và kịch bản của Khái Hưng đã thu hút tôi như sắt gập nam châm, đọc không thấy chán.

Từng có dịp sinh hoạt với phim trường, tôi có tham vọng là muốn thực hiện cái lý tưởng cao siêu của Khái Hưng; trong truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” gồm đủ: hỉ, nộ, ái, ố trong thời Đông Chu Liệt Quốc cách đây hơn ba ngàn năm. Phim được thực hiện với kỹ thuật tân tiến như hiện nay chắc chắn không thua kém, nếu không muốn nói là có thể vượt trội hơn các phim *Quo Vadis* hay *Cléopâtre*. Cốt truyện Khúc Tiêu Ai Oán sẽ là một phim lịch sử với những nét đặc thù của Á Châu, mặc dù cốt chuyện xảy ra ở Trung Hoa, nhưng hàm chứa một nội dung bất hủ cho những nhà làm chính trị Đông, Tây. Nó gói ghém một nhân sinh quan đầy chiến đấu tính, đúng

với triết lý “Tận nhân lực tri thiên mệnh”.

Sự Hấp Dẫn Của “Khúc Tiêu Ai Oán”

Theo thiên ý, ông Khái Hưng dựng truyện kịch Khúc Tiêu Ai Oán hẳn phải có một dụng ý xây dựng đất nước, ở vào thời điểm Việt Nam 1945 - 1946, tôi nhận thấy có thể chuyển truyện kịch Khúc Tiêu Ai Oán của Khái Hưng sang Điện Ảnh vì những sự hấp dẫn đặc biệt của cốt truyện:

1 – Triều đại Sở Bình Vương, một ông vua hảo sắc bạo tàn sẽ giúp dựng lên một triều đình có màu sắc lộng lẫy huy hoàng, bối cảnh của triều đại này cũng cho phép đưa lên màn ảnh những mỹ nữ đẹp như tiên để cung phụng nhà vua, những pha ân ái cũng được phô diễn không gượng ép, bởi chế độ vua chúa đã đặt ra tam cung, lục viện. Một Phí Vô Cực, tên gian

thần xu nịnh uy quyền trùm khắp, dùng mọi mảnh khóe để xoay chuyển Sở Bình Vương, khuynh đảo các tiểu quốc như nước Sái, nước Trần..v.v... Bên trong thì dùng nàng Mạnh Doanh ly cách cha con, giữa Sở Bình Vương và Công tử Kiến, làm cuộc tráo hôn đưa nàng Mạnh Doanh về cho Sở Bình Vương, còn Tề nữ đưa về cho Công tử Kiến. Nàng Mạnh Doanh và Công tử Bồ làm tướng cái tục lệ nước Sở, trước khi thành hôn phải ra mắt vua cha rồi mới gặp Thái Tử, có ngờ đâu bị tên hôn quân và Phí Vô Cực dùng thủ đoạn để gạt Công tử Bồ rồi cưỡng ép Mạnh Doanh làm vợ, trước chuyện đã rồi nàng đành phải se duyên với vị vua già, phần Thái tử Kiến hân hoan đón người yêu vì tưởng rằng nàng là Mạnh Doanh em gái của Tần Ai Công nên rất vô tư yên phận.

2 – Ở đây chúng tôi không theo diễn tiến của Khúc Tiêu Ai Oán, mà chúng tôi đem vào cái sống động của cốt chuyện như sau:

Ngũ Viên đi chu du thiên hạ, trong quá khứ đã gặp Tôn Võ, được Tôn Võ kết làm anh em tặng cho một tập binh thư. Nay trở về nhân buổi họp đại triều, Sở Bình Vương đang cần một tướng giỏi để chinh phạt nước Trần, Ngũ Viên xin đi, bị Phí Vô Cực chế tài, y cho rằng chỉ có Thân Bao Tư mới đủ tư cách là Đại Tướng điều quân. Nếu Ngũ Viên muốn lãnh chức Nguyên Sứ thì phải thử tài với Thân Bao Tư. Ngũ Viên bằng lòng cùng Thân Bao Tư so tài.

Cuộc tranh tài không phân thắng bại, nhưng Bao Tư biết tài trí mình không hơn được Ngũ Viên, bèn xin với vua để cho Ngũ Viên làm Chánh Tướng. Phí Vô

Cực vẫn không đồng ý, Ngũ Viên tức giận cam kết với vua, nếu không bình được giặc thì xin chịu tử hình, trái lại nếu đắc thắng khải hoàn thì Tướng Quốc Phí Vô Cực phải ra tận cửa thành dắt ngựa cho mình vào yết kiến nhà vua. Trước mặt vua, Phí Vô Cực phải nhận chịu. Một cuộc xuất quân rầm rộ, nhưng Phí Vô Cực nham hiểm, đã chọn năm ngàn lính già cấp cho Ngũ Viên. Khi đụng với quân Trần, Ngũ Viên chết đuối, biết mình bị trúng kế kẻ ác gian, và nhờ có quyển binh thư của Tôn Võ, Ngũ Viên chuyển bại thành thắng trở về nước Sở. Phí Vô Cực phải lặng lẽ chịu nhục ra dắt ngựa cho Ngũ Viên. Triều đình mở tiệc ăn mừng. Tiệc tan, Phí Vô Cực tâu với Sở Bình Vương về việc nàng Mạnh Do-anh nay đã có nhiều dư luận, cần phải đưa Công tử Kiến đi trấn ở Thành Phủ để tránh hậu họa.

3 – Ngũ Xa vốn là một trung thần, có chiếu triệu về kinh, nhân thấy vua nghe lời xiểm nịnh có ý hại Công tử Kiến mới đem lời can gián: “Bệ hạ đoạt vợ của con đã là quá đáng nay lại muốn làm hại Công tử nữa sao?” Lời trung thực bị Phí Vô Cực khép tội khi quân xui vua giam Ngũ Xa vào ngục, đẩy Công tử Kiến ra Thành Phủ. Lập Mạnh Doanh làm Hoàng Hậu, đuổi Hoàng Hậu Sái Cơ về đất Viên Dương.

4 – Từ đây sẽ đi thẳng vào nguyên tác của Khúc Tiêu Ai Oán. Và chỉ còn có khả năng tóm lược cho ngắn bớt các câu đối thoại, chớ không có tài nào viết ra cách diễn tả khác hơn những lời đối thoại cao sâu và bố cục chặt chẽ của Khái Hưng tiên sinh.

Bài viết này, muốn nhắc đến một văn hào cách mạng để quý độc giả nhớ lại

thời điểm thập niên bốn mươi, đồng thời cũng để nói lên sự khâm phục của hậu thế và ước mong “Khúc Tiêu Ai Oán” được đưa lên màn ảnh sẽ lột rõ cái ý chí chiến đấu của Khái Hưng. Tuy ông đã khuất mà trong văn chương còn nói với chúng ta những gì ông muốn làm cho dân cho nước... tiếc thay vận nước chưa đến ông đành bỏ cuộc.

THẾ NAM

TINH THẦN ÁI QUỐC CỦA NHÀ VĂN KHÁI HÙNG

TRẦN THANH HIỀN



Thật là một vinh dự cho tôi khi
nhà văn Nguyễn Thạch Kiên
đến tham dự buổi Lễ Ra Mắt tác phẩm

“Diana, Ngọn Đèn Trước Gió” do tôi đúc kết, cuối tuần qua tại Nam California. Nhân dịp này, ông có mời tôi viết một bài nhận định về tác phẩm Bóng Giai Nhân, một kỷ vật cuối cùng, một tuyển tập truyện ngắn mà văn hào Khái Hưng đã viết trong thời kỳ 1945 - 1946, một năm trước khi ông qua đời mà ông Nguyễn Thạch Kiên còn giữ được.

Tác phẩm Bóng Giai Nhân do Khái Hưng sáng tác vào những năm cuối đời ông, gồm có các truyện sau đây:

Bóng Giai Nhân, Lời Nguyễn, Hồ, Tây Xông Nhà, Quan Công Sứ, Câu Chuyện Văn Chương, Dưới Ánh Trăng, Tiếng Người Xa, Người Anh Hùng, Khói Hương, Nhung.

Các truyện ngắn nêu trên nói lên nỗi lòng uất ức của một nhà văn cách mạng,

có lý tưởng trong sáng và tinh thần yêu nước cao độ chống lại lề lối cai trị của thực dân Pháp và những tên quan lại Việt gian. Ông chủ trương phải làm cách mạng bằng văn hóa để chuyển hóa tư tưởng rụt rè, nhút nhát của người dân một quốc gia bị trị từ lâu đời, nhằm thúc đẩy cho những hoạt động cách mạng bằng vũ lực. Ông quan niệm làm cách mạng là phải hy sinh hạnh phúc riêng tư và làm việc không ngừng nghỉ.

Qua tác phẩm, chúng ta nhận thấy nơi Khái Hưng luôn luôn có những băn khoăn trăn trở của một nhà văn hết lòng cho việc cải cách văn học, trợ lực cho việc kiến thiết quốc gia. Theo Khái Hưng, nếu không có cải cách trong tư tưởng, nếu không dùng văn học để hướng dẫn đồng bào rũ bỏ những quan niệm sống cũ đã lỗi thời, thì khó lòng nghĩ đến việc cải tổ

và trang bị một quan niệm mới, một lối sống mới, đưa đến một cuộc cách mạng toàn diện chống lại sự đàn áp bóc lột của thực dân Pháp.

Ông cũng tỏ ra băn khoăn vì muốn thay đổi một quan niệm cổ hủ đã từ lâu ăn sâu vào tư tưởng và nếp sống của người dân, để áp dụng một quan niệm sống mới, văn minh hơn, tiến bộ hơn. Thật là một điều hết sức khó khăn. Nhưng theo ông, nếu cứ nghĩ là khó khăn và chần chừ mãi không dám làm thì biết bao giờ dân tộc chúng ta mới thoát ra khỏi cuộc sống tăm tối, gò bó của kiếp sống nô lệ mà thực dân phong kiến đã áp đặt lên dân tộc chúng ta trong suốt thời kỳ một ngàn năm giặc Tàu đô hộ và 100 năm làm nô lệ cho giặc Pháp. Nếu chúng ta cứ hoang mang do dự và nhút nhát mãi như thế thì biết đến bao giờ Đất Nước chúng ta

mới chống lại được ngoại xâm, tiến lên được đời sống văn minh theo kịp trào lưu tiến hóa của nhân loại!

Quan niệm của Khái Hưng là mọi người luôn luôn phải cố gắng để làm việc liên lỉ góp phần kiến thiết quốc gia, xây dựng quê hương, không ai có quyền hưởng thụ những thú vui của đời sống một cách nhõn nhợ, vô trách nhiệm khi đất nước còn bị đô hộ, dân tộc còn sống điêu linh. Tinh thần yêu nước nồng nàn của ông được thể hiện qua hầu hết các truyện ông diễn tả.

— “Một nghệ sĩ thì bao giờ mà không vui, không sướng, bao giờ mà không tận hưởng. Tận hưởng cái thú làm việc cũng như tận hưởng cái thú chẳng làm gì cả, cũng như tận hưởng cái thú tìm ô chữ và đánh cờ một mình!”

— “Không được! Không thể thể được! Ngày nay ta đương ở vào thời kỳ kiến thiết quốc gia. Ai ai cũng phải làm việc tận kỳ lực. Không thể coi công việc của mình như một lạc thú ở đời... Anh dám coi thường cái nhiệm vụ thiêng liêng của anh trong thời kỳ kiến thiết triệt để này. Trong khi mọi người phải nhúng tay vào công cuộc xây dựng cái lâu đài Việt Nam, thì một mình anh khoanh tay đứng nhìn”

Và ông khuyến cáo các nhà văn đương thời không nên nhẹ dạ, coi thường hoặc hờ hững, làm nhụt đi khí thế đấu tranh của toàn dân.

“Tôi nhận xét thấy một điều, là ít lâu nay trong làng văn chúng ta có nhiều người trở nên khinh bạc. Tôi không hiểu có phải là hậu quả của một cuộc đời đời không? Bước chân vào một cuộc đời mới

mẻ, các anh bở ngỡ, hoang mang, rồi các anh dần dần để tiêu tán mất cả chí hoạt động phấn đấu, các anh chán nản...”

Với một nhân vật, ông cố võ cho lòng yêu nước, ý chí kiến thiết quốc gia nơi những thế hệ trẻ tương lai của Đất Việt bằng những lời văn vừa thiết tha chân tình vừa nhẹ nhàng châm biếm.

Theo tác giả Khái Hưng thì một nhà văn có tâm hồn yêu mến quê hương không phải chỉ viết để thỏa mãn tự ái, trút bỏ gánh nặng đè chịu lương tri mình hoặc thỏa mãn những nhu cầu của một tâm hồn bút rút hoặc để khoe khoang mở kiến thức cá nhân... Theo ông, những cái sâu kín, âm thầm, hoặc những bản khoăn uất ức của nhân loại, của đại chúng cũng phải được phản ánh qua ngòi bút của nhà văn. Người cầm bút không nên nhất đảm sợ hãi bất cứ một thế lực

nào mà nên dùng ngòi bút để đấu tranh với những gì sai trái trong xã hội, cũng như người lính cầm súng nơi chiến tuyến không thể lùi bước trước quân thù.

Qua tác phẩm này, Khái Hưng tự diễn tả là một nhà văn cách mạng chân chính, thực lòng yêu mến Quê Hương và thiết tha với tiền đồ dân tộc.

Hôm nay nhân kỷ niệm 50 năm ngày Khái Hưng dứt bỏ bụi trần, lớp người thuộc thế hệ con cháu của Khái Hưng, đã từng đọc những tác phẩm của nhà văn lão thành này, cảm nhận tinh thần cách mạng cao độ nơi ông và thấy rất cần phải khôi phục lại những giá trị văn học trong những tác phẩm của ông với những đóng góp rất to tát vào kho tàng văn học dân tộc Việt.

Những độc giả của “Bóng Giai Nhân” chắc hẳn không ít thì nhiều được hun đúc tinh thần yêu Tổ Quốc, yêu đồng bào nơi tác giả. Khái Hưng quan niệm trong lúc Sơn Hà nguy biến, không ai có thể sống bình tĩnh chờ đợi được. Theo ông, lúc nào chúng ta cũng phải “... dương lên, phải réo lên như nước thủy triều. Phải hoạt động! Hoạt động! Chỉ có hoạt động là đáng kể! Hoạt động là sống, đợi chờ là chết!...”

Ông cũng khuyên nhủ những người làm cách mạng luôn luôn phải liên lạc và sát cánh với quần chúng nhân dân để tìm hậu thuẫn, để được nâng đỡ, chia sẻ, an ủi... Đối với thế hệ trẻ, ông chủ trương nên để cho họ được tự do tư tưởng ngay từ lúc còn non nớt. Người đi trước cần hun đúc lý tưởng, hướng thiện cho người trẻ đi sau, kêu gọi nơi

họ tình yêu quê hương, nhưng tuyệt đối không nên ép uống họ phải tham gia vào những tổ chức, những đảng phái mà cha anh đang tham gia, dù lúc đó ông đang là một thành viên của Quốc Dân Đảng. Theo ông, điều cốt yếu là phải hướng dẫn cho họ biết tự lựa chọn hướng đi cho riêng mình. Xuyên qua câu chuyện «Dưới Ánh Trăng» Khái Hưng khuyến cáo những bậc cha anh trong các đảng phái không nên gieo vào đầu óc non nớt của thế hệ tương lai tinh thần đảng phái, chủ nghĩa mà chỉ nên làm sao hun đúc nơi giới trẻ lý tưởng trong sáng, lòng nhân từ, khoan thứ, biết tự trọng và sống rộng lượng, hữu ích cho đồng loại. Khi quốc gia hữu sự phải biết quên mình dẫn thân lo bảo vệ đồng bào. Bất cứ tổ chức hay đảng phái nào làm việc nghĩa, có lý tưởng trừ gian diệt bạo, cứu đồng bào, cứu nước non, đem thanh bình, hạnh

phúc và ấm no cho mọi người, chúng ta nên khuyến khích con em tham gia. Tuyệt đối cha mẹ không nên bắt ép con em mình nhắm mắt, a dua theo mình, tham gia vào một đảng phái, một chủ nghĩa bắt buộc nào đó, khi mà chúng không có ý thức hoặc chưa được chuẩn bị tinh thần. Chúng ta phải biết tôn trọng tự do cá nhân của kẻ khác dù đó là con cái còn nhỏ của mình. Theo ông, lập đảng để cứu dân, cứu nước, không phải lập đảng để khoe khoang, để tranh dành quyền lợi, địa vị hay để thỏa lòng thù ghét, chém giết. Các đảng phái quốc gia chân chính là những đảng phái có mục đích cứu quốc và kiến quốc, tranh đấu để đưa nước nhà đến tự do, độc lập và phú cường. Theo Khái Hưng «Vào đảng là chỉ mong được hy sinh tính mạng cho Tổ Quốc» chứ không phải vào đảng để kết bè kết đảng «thanh toán chém giết

lẫn nhau khi đứng cùng một chiến tuyến, cùng có chung một mục tiêu chiến đấu».

Khi đất nước đang còn chịu cảnh nô lệ, bị giặc dày xéo mà chúng ta còn có thể ung dung cắp sách đến trường đã là một điều đáng sớt ruột, ông mượn những câu thơ sau đây để nói lên tâm sự người trai thời chiến:

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,

Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Thành liên mong tiến bệ rồng.

*Thuốc gươm thể quyết chẳng dong giặc
trời.*

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Giã nhà đeo bức chiến bào...

Ông quan niệm «làm cách mạng là không sợ chết, phải quả quyết đón lấy cái chết. Nếu sợ chết thì đừng nghĩ đến chuyện làm cách mạng. Sau khi cách mạng thành công, nếu may mắn còn sống thì ta sẽ dự vào công cuộc kiến thiết quốc gia, nếu chết thì ta cũng tự an ủi, trước khi nhắm mắt, rằng ta đã đạt đến một mục đích cao cả là hiến thân cho Tổ Quốc, cho Dân Tộc».

Tuy nhiên theo Khái Hưng nếu cần phải chết thì chết sao cho hợp lý, cho xứng đáng. Cùng một lý tưởng, cùng một mục tiêu và cùng một dòng máu thì không nên chém giết nhau, không nên để xảy ra cảnh huynh đệ tương tàn, nôi da xáo thịt. Chết như vậy thật vô nghĩa, thật đau đớn, thật mỉa mai. Ông kêu gọi tình đoàn kết giữa các đảng phái khác nhau để cùng đánh một kẻ thù chung

là kẻ ngoại xâm. Đừng say sưa một chủ nghĩa viển vông, một cái lý tưởng mơ hồ, hoang tưởng để chia phe lập đảng tranh dành chém giết lẫn nhau. Ông khuyến cáo mọi người dân Việt đừng quên là chúng ta cùng dòng máu đỏ da vàng, anh em chung một nhà, đừng đại dốt ngu ngốc nghe những tuyên truyền xảo trá của một chủ thuyết ngoại lai «để đem những lực lượng chống ngoại xâm va đập vào nhau cho tan ra thánh cảm. Máu Việt Minh hay máu Việt Quốc cũng là giòng máu Việt Nam, máu của Trần Quốc Toản, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt...”

Những ý tưởng của Khái Hưng từ trên nửa thế kỷ trước đây vẫn áp dụng đúng cho thời đại hiện hữu của chúng ta. Tại sao cùng một giòng máu lại cứ mãi chém giết nhau, tại sao cộng sản Việt Nam vẫn không nhìn ra chủ thuyết

ngoại lai lạc hậu và phi nhân bản mà họ đang áp đặt để cai trị trên dân tộc Việt, chính là nguyên nhân đang đẩy dân Đất Nước đến cảnh nghèo đói, diệt vong!

Quả thực, Khái Hưng là một nhà văn chân chính. Lời văn của ông diễn tả thật đẹp, cái đẹp của văn chương mà khó ai sánh bì được qua các tác phẩm như Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa Chừng Xuân... Tư tưởng của ông thật nhân bản trong sáng mở lên cao cả, nghĩa hiệp, xóa bỏ mọi lần ranh chủ nghĩa hẹp hòi, thiên cận, mù quáng, để noi gương Khoa, một Quốc Dân Quân bằng bỏ vết thương cho Thức là Việt Minh.

“Thiết tưởng phải nói chúng ta đi nhầm đường mới đúng... Phải, chúng ta đi nhầm đường cả. Say sưa cái chủ nghĩa viễn vông, cái lý tưởng mơ hồ, chúng ta

quên bằng rằng chúng ta là anh em trong một nhà...”

“Đáng lẽ chúng ta phải can đảm, cương quyết cực lực phản kháng sự chém giết lẫn nhau. Đảng này trái lại, chúng ta đã để họ giết đi như một đàn bò ra lò sát sinh. Chúng ta đã đại dột ngu ngốc nghe những lời tuyên truyền xảo trá của họ...”

Qua tác phẩm đặc biệt cuối cùng này của Khải Hưng, chúng ta nhìn ra ông muốn để lại hình ảnh của ông trong văn chương Việt Nam như văn hào Nga Dostoievski, một siêu nhân lúc nào cũng đề cao giá trị nhân bản của con người.

“Tôi chỉ nhận thấy rằng nhà tiểu thuyết đã đưa nghệ thuật tiểu thuyết lên tới mức cao nhất là Dostoievski. Mà đại chúng thì chả thể nào hiểu được Dos, vì muốn nói sao mặc lòng, chúng ta có viết

cho ai đâu, chúng ta chỉ viết cho chúng ta... Những cái sâu kín, âm thầm, bản khoản, uất ức của nhà văn ấy, cũng là những cái sâu kín, âm thầm, bản khoản, uất ức của nhân loại”.

Kỷ niệm 50 năm văn hào Khái Hưng bị Việt Minh hạ sát, một ngọn đuốc văn chương trong sáng, lóng lánh như những hạt sương muôn màu buổi sớm mai trên các cành cây, lại một lần nữa chiếu sáng tâm tư những người dân Việt nào còn cố bầu víu vào chủ nghĩa Cộng Sản phi nhân bản, phi dân tộc, hãy thực tâm giã từ “vũ khí” quay đầu trở về với dân tộc, kiến tạo lại đất nước họ đã làm cho điêu đứng, tan hoang, lạc hậu suốt hơn nửa thế kỷ qua. Và như ông kêu gọi, những người dân Việt mang chính nghĩa quốc gia dân tộc, hãy đoàn kết thực sự lật đổ chủ nghĩa bạo tàn hơn cả thực dân và

ngay từ hôm nay quyết tâm xây dựng lại lòng mình, lòng người bằng những tư tưởng chan hòa tình tự quê hương dân tộc cao cả để giải phóng và kiến thiết quê hương.

TRẦN THANH HIỀN

NHÀ VIẾT KỊCH TÀI DANH KHÁI HÙNG

VINNY LEE



*Lời Giới Thiệu: Vinny Lee, tức Vĩnh Lê
là một đạo diễn kiêm diễn viên Điện Ảnh
tại phim trường Hollywood, Hoa Kỳ. Theo*

học 10 năm ngành Điện Ảnh tại New York, tu nghiệp thêm 4 năm tại Hong Kong về các môn võ thuật rồi về Hoa Kỳ sinh hoạt tại phim trường Hollywood cho tới nay. Đã diễn xuất nhiều phim chiếu trên màn ảnh lớn, và đạo diễn phim “Sống Mới”, “Final” “Showdown”, “Medicin Boy”, rất được hoan nghênh.

Trước khi viết một quyển sách, một truyện kịch hay tuồng, tác giả đều chọn một cốt chuyện có tác dụng đối với xã hội, lấy quảng đại quần chúng làm đối tượng để diễn tả thể thái nhân tình. Mỗi nhân vật trong cốt chuyện đều tiêu biểu cho một số tâm lý con người đang sinh hoạt trong xã hội ấy. Về mặt tâm linh; tác giả cũng cho các nhân vật trong cốt chuyện của mình, có hòa hợp, có tương phản nói lên thực trạng ngoài

xã hội để gọi là “chính diện và phản diện” gồm: trung, nịnh, chánh giáo, tà giáo, quân tử, tiểu nhân, đạo đức, phi đạo đức, chánh nghĩa, phi nghĩa, trinh tiết, lãng mạn, lãng loạn... v.v... Để rồi cấu kết các sự kiện đã nêu quy vào một ý chính của tác giả muốn đưa ra (chủ đề), mà ý chính đó phải là ý mong muốn của mọi tầng lớp trong xã hội.

Về truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” của văn hào Khái Hưng: Ông lấy chuyện lịch sử nước Tàu, thời chiến tranh Ngô, Sở cách đây 3119 năm trong đời nhà Chu (Đông Chu) để dựng thành truyện kịch. Ông viết theo khuôn thước trình diễn trên sân khấu thoại kịch, thật hấp dẫn, văn chương sâu sắc để cao hai chữ “tình, thù”. Và ông đưa ra triết luận xoay quanh ý nghĩa tình thù gần như không còn chữ nghĩa để thêm vào. Ông cô đọng

cuộc chiến tranh Ngô, Sở “Kể từ lúc Ngũ Viên bỏ nước Sở ra đi, cho đến lúc đem binh Ngô về tàn phá kinh thành Dĩnh Đô và quật mồ Sở Bình Vương để trả thù cho cha, anh» – Trong cuộc chiến Ngô, Sở có rất nhiều nhân vật, nhưng Khái Hưng chỉ rút ra 17 vai và các vai linh tinh, mà cũng phô diễn đầy đủ đoạn lịch sử này. Phương cách bố cục của ông rất khoa học, chúng ta có thể tìm thấy: cứ mỗi chuyển lớp (thêm hay bớt nhân vật trên sân khấu) của ông là cắt đi nhiều dẫn giải, rồi lấy thoại của nhân vật đang có mặt trên sân khấu cho khán thính giả biết những việc đã qua. Và mỗi chuyển cảnh (Hồi) là ông cắt đi một đoạn dài lịch sử, mà vẫn nghe thấy liên tục đúng như trong sách đã ghi chép. Việc làm này chỉ có những kịch tác gia lỗi lạc mới đúc kết được như vậy, cho nên có thể nói ông Khái Hưng là soạn giả tài ba và là

nhà soạn kịch tiền bối trong ngành nghệ thuật của Việt Nam ta.

Vốn là người làm nghệ thuật hậu bối, nhưng đã lăn lộn trong một phim trường lớn nhất thế giới (phim trường Hollywood), sau khi đọc truyện kịch Khúc Tiêu Ai Oán, chúng tôi rất ngạc nhiên, thì ra trong thập niên 40 nước ta đã có văn hào Khái Hưng là nhà soạn kịch tài danh. Do đấy, nhân Tưởng Niệm 50 năm ngày mất của ông, chúng tôi nói lên tất cả lòng ngưỡng vọng, và mong ước được đưa truyện kịch “Khúc Tiêu Ai Oán” lên màn ảnh.

Di Sản Của Khái Hưng Để Lại...

Đọc và nghiên cứu truyện kịch của Khái Hưng, với nhãn quan của một đạo diễn đương thời, chúng tôi có cảm giác như vừa tiếp nhận được một di sản nghệ

thuật của tiền nhân trao lại. Bởi chúng tôi nhận thấy tác phẩm này cho phép chúng tôi khai thác các đường nét hùng vĩ sau đây:

1 – Để giới thiệu nền văn minh Á Châu hơn 3 ngàn năm về trước, mà Việt Nam ta cũng mệnh danh là dân tộc Á Châu. Đường nét đó là sự hùng mạnh của quân đội hai nước Ngô, Sở trong thời đại này, để cho các nước Âu Mỹ hiểu rằng, dân tộc Châu Á không phải là hèn yếu. Vốn đã có những thiên tài quân sự, như là Tôn Vũ với 13 thiên binh thư trác tuyệt và bất hủ để lại cho đời. Thiết tưởng, các nhà quân sự đương thời chỉ có thể thay đổi về kỹ thuật chiến đấu, với những vũ khí chiến cụ hiện đại, chứ phần chiến lược, chiến thuật không thể ra ngoài 13 thiên binh pháp do người Châu Á sáng tạo nên. Ở tiểu mục này chúng tôi sẽ

lồng vào Khúc Tiêu Ai Oán những chi tiết như: – Trong khi vua Ngô Hạp Lư bàn với Ngũ Viên đem binh đi đánh Sở, Ngũ Viên tiến cử Tôn Vũ và được Hạp Lư thu dùng, Tôn Vũ luyện binh (có chất hỉ, nộ), với đội nữ binh gồm 300 cung nhân trong đó có 2 nàng Tả Cơ và Hữu Cơ được vua Hạp Lư sủng ái nhất. Vì bất tuân quân pháp của Tôn Vũ bị đem xử chém trước mặt vua. Ở chỗ này cũng nói lên rằng, người nuôi mộng lớn phải dứt bỏ cái sở thích nhỏ nhen, biết trọng dụng nhân tài mới thành đạt được đại sự.

2 – Cái triều đại ăn chơi thối nát của Sở Bình Vương, cho phép phô diễn các mỹ nữ làm thu hút nam tính. Đặc biệt là bà Thái Hậu Bá Doanh, tuy tuổi ngót tứ tuần nhưng vốn là sắc hương khuynh quốc khuynh thành, đã khiến Sở Bình

Vương trở thành vô đạo, cho nên mỗi lần nàng xuất hiện trên màn ảnh, là làm mát dịu cả một khung trời.

3 – Trong khi Ngô xuất quân đánh Sở, với một Công tử Phu Khái tướng tiên phong võ dũng cao cường, sức địch muôn người. Giao chiến với Sở Hoàng (tướng Sở) nơi Tiểu Biệt sơn. Ở đây ngoài việc chiến đấu bằng gươm giáo, bửu bối, còn cho phép chúng tôi đưa quyền cước các lò võ thuật: Lý Tiểu Long, Nga Mi...v.v... mà người Mỹ đang theo học cũng nhiều, làm cho phim thêm ngoạn mục, sôi động.

* Ba yếu tố thu hút trên đây sẽ được chúng tôi lồng vào Khúc Tiêu Ai Oán, những chỗ Khái Hưng tiên sinh đã cho diễn ngầm (nhận lớp) để làm cho phim nổi bật thêm lên. Thiết nghĩ, sự thành tựu sẽ không thua kém một phim lịch sử nào mà chúng tôi đã thưởng thức qua.

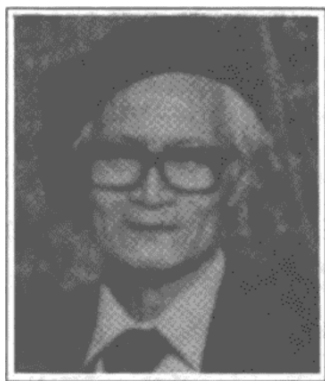
Để kết luận bài viết này, chúng tôi xin kính cẩn nghiêng mình bái phục Khái Hưng tiên sinh. Là kẻ hậu bối chúng tôi không dám lạm bàn về tính cách mạng của ông. Chúng tôi chỉ xin làm người kế tục để khai thác cái kho tàng văn chương, nghệ thuật mà ông đã để lại cho đời. Cái kho tàng của ông khổng lồ và bất hủ, chúng tôi chỉ với khả năng hạn hẹp của người làm nghệ thuật thứ 7, muốn thực hiện nhưng không biết có thực hiện nổi hay không? Nếu thực hiện được phim “Khúc Tiêu Ai Oán” thì đó là cả một mơ ước của người làm điện ảnh Việt Nam vậy.

VINNY LEE

ĐỢI TẾT TRONG TÙ

* Những Ngày Cuối Cùng
Của Nhà Văn Khái Hưng

MAI NGỌC LIỆU



Cuối năm 1946 tại Hà Nội... Mùa đông đã tới trên đất Bắc, mang theo gió bắc lạnh buốt thấu xương. Lúc

đó, tình hình căng thẳng giữa Việt Minh và Pháp đã chín mùi và chiến tranh Việt Pháp bùng nổ vào buổi tối ngày 19. 12.

Chúng tôi đã tản cư khỏi Hà Nội từ hai tuần trước và trở về quê ở làng Cổ Lễ (huyện Nam Trực, Nam Định), mặc dầu biết rằng vẫn bị trinh sát theo dõi từng bước. Ngay khi bộ đội đột kích quân đội Pháp ở Thủ Đô, thì tại Nam thành, lực lượng của thực dân cũng bị bao vây và đồng thời Tổng bộ Việt Minh hạ lệnh “quét” hết các chiến sĩ Quốc Gia. Bởi vậy ngay tối hôm sau (20 - 12), chúng tôi ba người đều bị công an đang đêm xông vào nhà từng người bắt trói giam tại quận lỵ. Nhưng số phận chúng tôi còn “hên”: chín ngày sau, đúng lúc chúng tôi bị trói thành “xâu” và sửa soạn dẫn đi “trôi sông” thì một công điện của Trung Ương tới chỉ thị cho công an không được bắn giết bừa

bãi, phải lập hồ sơ tội trạng để đưa chúng tôi ra tòa án. Thế là ngay đêm ấy, chúng tôi bị áp giải lên trại giam của công an tỉnh đặt tại chiến khu Lạc Quần (huyện Xuân Trường - Nam Định). Lúc đó đã sang tháng chạp âm lịch. Thiên hạ bắt đầu sửa soạn Tết. Chợ Lạc Quần trở nên tấp nập hơn những ngày thường và đã điểm mầu chợ Tết, với bánh mứt, cam, bưởi, tỏa mùi thơm tới trại giam chúng tôi cách chợ chừng 200 thước.

Ở đây toàn thể đều là chính trị phạm. Từ các huyện dồn về, số anh em càng ngày càng tăng. nhưng cũng chưa đến nỗi phải chen chúc nghẹt thở, sàn gỗ chiếu manh và cơm nắm muối vừng vẫn còn đủ chia nhau. Bị kiểm soát và theo dõi liên tục, chúng tôi chẳng ai dám nói gì về chính trị và kinh tế, trái lại nhân cảnh chợ Tết gần bên, chúng tôi đưa ra những đề tài

“Tết” để có chuyện mà nói với nhau... và cũng rục rịch sửa soạn để trong ít ngày nữa cùng nhau ăn một cái Tết thuần túy “tinh thần”, vì dĩ nhiên chúng tôi sẽ phải tiếp tục sống trên sàn gỗ chiếu manh và ăn cơm nắm muối vùng trong ba ngày Nguyên đán...

Chỉ bốn ngày sau khi ba chúng tôi – Luy, Thành, Văn – bị di chuyển về trại Lạc Quần, và trong khi anh em chính trị phạm đang bàn tán về chuyện Tết... thì một buổi chiều mọi người được tin lát nữa sẽ có hai ông bạn mới, hình như công an quận Trục Ninh bắt rồi đưa lên giam giữ tại đây như trường hợp chúng tôi. Hai người hiện còn ở ngoài văn phòng chỉ trưởng công an (tên Thịnh, con ông Hoàn Thành, tiệm mũ có tiếng ở Nam Thành).

Tới 5 giờ chiều (giờ cũ), chúng tôi tập hợp ăn cơm. Vừa ngồi xếp xuống đất và bẻ đôi nắm cơm thì một công an viên dẫn hai người vào cho nhập bọn với chúng tôi. Một người chừng trên bốn chục tuổi có vẻ hào hoa phong nhã nhưng hơi gầy yếu Âu phục chỉnh tề: complet và cà vạt, mũ “phớt”, ngoài khoác pardessus de ville, tay xách một cặp da cũ đựng quần áo và đồ dùng vặt.

Người thứ hai trẻ hơn cũng mặc âu phục nhưng đơn giản: quần đen, sơ mi và áo len nâu dài tay với một bọc vải gói ghém áo quần và vật dụng.

Trong gian phòng ảm thấp và thiếu ánh sáng tất cả chúng tôi cùng đứng lên chào đón hai bạn mới. Bỗng anh Văn trở mặt nhìn kỹ hai người rồi thốt lên:

– Tưởng ai xa lạ... hóa ra anh em nhà cả!

Rồi anh ghé tai Lụy nói thầm:

– Anh Khải Hưng đấy! Chắc anh đã đọc những tác phẩm của anh rồi. Còn anh giáo Dưỡng vẫn thường đi hoạt động với chúng ta...

Lụy gật đầu mỉm cười. Bộ ba chúng tôi tới bắt tay anh rồi cùng ngồi ăn ngẫu nhiên cho xong bữa. Chiều hôm ấy may mắn có thêm chút rau muống sống do anh Văn hái trong thửa ruộng sau nhà. Chúng tôi gọi những món ngoài lề như vậy là những món “siêu vô sản”.

Sau bữa ăn, chúng tôi ra bờ sông (cũng thuộc phạm vi trại giam) rửa bát đĩa, chân tay rồi về quây quần xung quanh một ngọn đèn dầu hỏa lù mù. Anh

Văn¹⁵ với tư cách là người đã quen biết anh Khái Hưng từ lâu ngồi sát bên anh. Cuộc họp bắt đầu ngay bằng câu chuyện của anh Khái Hưng về trường hợp anh bị bắt: “Tôi tản cư ở Hà Nội về Nam Định, ít lâu trước ngày tác chiến; qua tỉnh lý, mặt trận Liên Việt cấp chứng minh thư cho tôi về quê tạm trú tức là quê vợ tôi tại làng Lịch Diệp, quận Trục Ninh¹⁶. Trước ngày tác chiến, họ không đá động gì đến tôi cả, tôi vẫn được tự do đi lại. Buổi chiều gần tối tôi thường đi chơi ngoài làng, đi hóng gió và ngắm cảnh đồng ruộng. Có khi đứng nói chuyện với dân quân du kích tới khuya trong điểm gác... Thế rồi xảy ra tác chiến ở Hà Nội. Ngày hôm sau tôi bị gọi ra Ủy Ban Xã, giấy tờ bị thu hết rồi họ bắt tôi đưa lên công an

15 Anh Lưu Ngọc Văn là tác giả hai tập sách hát trẻ em do nhà Đời Nay xuất bản trong loại “Sách Hồng” vào khoảng 1940 – 41.

16 Bà Khái Hưng là con của cụ Thượng Đình ở làng Lịch Diệp

huyện. Tôi bị giam giữ ở đó cho tới trưa nay cùng với anh Dưỡng và nhiều người khác rồi họ đưa hai chúng tôi về đây ở cùng với các anh. Dĩ nhiên họ coi tôi là một người nguy hiểm... Lệnh tù Trung Ương xuống, cấp dưới chỉ biết thi hành.

Tuy rất nhiều người có cảm tình với tôi, nhưng họ không dám đi ngược lại chỉ thị cấp trên. Dù sao tôi cũng chưa bị đánh đập tra khảo gì cả”.

Nói tới đó, bỗng anh ngược mắt nhìn chăm chú vào mặt Thành:

– Hình như trước tôi đã gặp anh nhiều lần, không nhớ ở đâu?

– Thấy quen rồi à! Mấy năm trước tôi học trường Thăng Long¹⁷... thầy dạy Việt văn mà!

17 Một trường Trung học (tư thực) nằm ở góc chợ Hàng Da, Hà Nội Trường này nổi tiếng tại Bắc Việt hồi tiền chiến; đa số giáo sư là những nhà làm cách mạng.

Do đấy, chúng tôi mới biết Khải Hưng là thầy cũ của Thành.

Nhưng anh nói chặn ngay:

– Thôi chú cứ gọi tôi bằng “anh”. Bây giờ chúng mình đều là anh em cả!

Lúc đó nhóm chúng tôi lại được thêm một người nhập bọn: anh Xuân Bách¹⁸, bạn thân của anh Lụy, vừa ở tốp khác nhảy sang góp chuyện.

Mấy phút sau, ba tiếng công báo hiệu đã tới giờ đi ngủ. Đội nhân viên “trực” tới dẫn chúng tôi sang ngôi nhà hai tầng dùng làm phòng ngủ phạm nhân. Cùng với nhiều anh em khác, Nhóm chúng tôi ngủ trên gác – một sàn gỗ không giường màn không chăn gối, ngoài đồng chiếu tạm đủ cho mỗi người vừa trải vừa đắp.

18 Chính tên là Vũ Mạnh Xuân; năm 1964 là Đại úy thuộc ngành vận tải ở Nha Trang.

Nhưng may mắn là ở đây rất ít muỗi. Hơn nữa, căn phòng hẹp và kín đủ giữ hơi thở của chúng tôi lại để sưởi ấm lẫn nhau đỡ lạnh được phần nào.

Đêm ấy, vì anh giáo Dưỡng không mang chăn theo, nên phải đắp chung với một bạn khác sẵn có một tấm chăn len khá rộng. Còn anh Khái Hưng dùng áo choàng thay chăn, khăn len bọc cổ và gối đầu trên cặp da phủ khăn bông.

Hồi ấy Lạc Quân là một chiến khu quan trọng của miền Nam Trung Châu Bắc Việt (thuộc Liên khu 3). Trại lính “khố xanh” cũ lúc đó đã biến thành Bộ Tư Lệnh của đại tá Việt Minh Hà Kế Tấn. Công an tỉnh Nam Định đặt trại giam gần sát đó để có thể nhờ bộ đội can thiệp tức khắc nếu xảy ra những trường hợp bất ngờ (các chính trị phạm nổi loạn hoặc các nhóm Quốc Gia đánh úp

để giải phóng đảng viên). Anh em chúng tôi thuộc nhiều đoàn thể khác nhau: Việt Quốc, Việt Cách, Duy Dân, Dân Tộc, Công Giáo... v.v... không thiếu một đảng phái chống cộng nào. Đến trung tuần tháng chạp âm lịch, tổng số lên tới gần 50 người.

Đời sống tại đây tương đối dễ chịu vì lúc đó Việt Minh còn bận tổ chức kháng chiến chống Pháp, chưa nghĩ tới việc hành hạ chúng tôi. Ngoài điểm ăn ngủ kham khổ, chúng tôi không hề bị gông cùm xiềng xích và cũng không phải làm việc gì cực nhọc; chỉ có một lần chúng tôi được đi vác gạch cho bộ đội xây đồn, riêng vì anh Khái Hưng yếu đuối nên bị chúng loại ra. Tuy nhiên không phải không có những cuộc tra tấn.

Đêm nào cũng có vài ba người bị gọi lên phòng đồn trưởng để hỏi cung

đúng vào lúc ba tiếng công “ngủ” đóng lên. Đánh đập, kìm kẹp, quay điện, tra tấn đủ kiểu cho tới khuya mới thả cho về. Và mỗi buổi sáng chúng tôi lại thay phiên đấm bóp và săn sóc những nạn nhân đêm trước.

Bởi vậy, ngay buổi sáng ngày thứ nhì, anh Khái Hưng đã nhìn thấy rõ “nếp sống và thủ tục” trại giam. Và cũng từ buổi đó, chẳng bao giờ chúng tôi được nghe anh nói một mảy may gì liên quan tới chánh trị hay là tình thế. Mặc dầu trông đợi phiên mình, nhưng trong suốt thời gian (vào khoảng 15 - 20 ngày) chung sống với chúng tôi, anh chẳng hề bị gọi lên “chịu trận” một lần nào cả. Trái lại, có một số công an viên kể cả đồn trưởng Thịnh tỏ ra rất hâm mộ và kính nể anh. Có lẽ không gì khổ tâm hơn cho một nhà văn khi phải sống trong cảnh hoàn

toàn không giấy bút và không sách vở. Lúc ra đi, bọn công an không cho anh mang theo một chút gì để đọc và viết. Tới đây, anh đành bó tay, và luôn ngó ý thèm đọc, bất cứ sách gì. Một hôm, có một công an viên – anh Thân – vì cảm mến Khái Hưng đã mang tặng anh một tập giấy trắng với một cây bút chì trong lúc chúng tôi đang ngồi quây lại để anh xem tướng cho từng người. Anh Khái Hưng xem tướng rất giỏi – cả tướng tay lẫn tướng mặt. Coi tay anh Lụy, anh bảo là người dễ tính và rộng rãi – anh Thành sẽ vất vả một đời vì bộ tóc rẽ tre. anh Văn khó sống tới 50 tuổi... Đến nay tôi thấy những lời anh tiên đoán về số mệnh đều rất đúng.

Từ lúc có giấy bút, chiều nào Khái Hưng cũng ra bờ sông ngồi viết nhật ký, công an viên Thân thường lui tới để nhờ

anh sửa văn. Và bọn anh em chúng tôi cũng bắt đầu gác bỏ đề tài Tết để nhảy sang địa hạt văn nghệ.

Từ bữa đó, anh Khải Hưng đã nói khá nhiều với chúng tôi về các vấn đề văn chương, thi ca, tiểu thuyết vì đây là sở trường của anh. Lâu ngày quá rồi nên chúng tôi không còn nhớ được nhiều. Riêng anh Lụy còn nhớ được một điểm khi hỏi anh về vai trò của Vội trong cuốn Trống Mái. Khải Hưng nói: “Trong tác phẩm này, phong cảnh Sầm Sơn là chính, còn vai trò của Vội chỉ là phụ, tức là để tả người Sầm Sơn và cảnh Sầm Sơn”.

Lúc nào Khải Hưng cũng tỏ ra bình thản và vui tính. Ngoài những cuộc đàm luận văn chương anh còn thích đánh cờ và rất ham nói chuyện và trong bất cứ chuyện gì anh cũng xen vào những câu khôi hài rất dí dỏm và đầy lý thú.

Buổi tối, sau bữa ăn, anh thường kể chuyện cho chúng tôi nghe. Tài kể chuyện của anh rất ít người sánh kịp; dù chỉ là những mẩu việc rất thường anh cũng có thể biến thành một câu chuyện đầy hứng thú, vì óc sáng tạo tuyệt diệu và giọng nói quyến rũ của anh.

Tối nào anh cũng kể cho nghe một chuyện, hoặc Liêu Trai hoặc những kỷ niệm làm báo, viết văn và ở tù. Mẩu chuyện của anh mà cả hai chúng tôi nói mãi tới nay là chuyện anh tập hút thuốc lào trên trại giam Vụ Bản (Hòa Bình): “Tuy không biết hút nhưng tôi đã gắng tập hút để có thể nhập bọn và gây tình thân thiết với các chú lính Mường. Sau đó, đêm nào tôi cũng tụ họp họ chung quanh một chiếc đu dây “gộc” luân phiên liên hồi hút thuốc lào và kể chuyện. Tôi đã được nghe nhiều chuyện đường

rừng rất ly kỳ, tôi cũng kể nhiều chuyện lịch sử và thần tiên. Chỉ một tuần sau cả đám lính Mường canh giữ trại đều trở nên “ghiền” nghe chuyện, mỗi khi hơi rảnh rồi là họ tìm tới và đòi kể chuyện như đòi nợ”.

Ngoài ra, anh Khái Hưng còn là một người rất giàu tình cảm. Mỗi lần nói chuyện hoặc kể chuyện, không bao giờ anh quên nhắc tới một vài bạn cũ – và gặp ai anh cũng tùy trường hợp hỏi thăm tin tức về những người anh đã từng quen biết. Trong thời gian bị giam với chúng tôi, một hôm có cậu con nuôi¹⁹ tới thăm anh. Và đêm hôm đó anh lại có dịp kể cho chúng tôi nghe những mẩu chuyện về tình bạn giữa anh và văn sĩ Nhất Linh... nhưng không hề đá động gì tới cuộc đời

19 Trần Khánh Triệu tức Nguyễn Tường Triệu, chính là con đẻ của nhà văn Nguyễn Tường Tam được trao cho làm con nuôi anh Khái Hưng vì tình bạn cố giao giữa hai nhà văn.

chính trị và cách mạng của hai người.

Rồi một buổi chiều. Hôm đó đã quá rằm – có lẽ 16, 17, 18, tháng chạp âm lịch, một ngày cận Tết – vào khoảng 4, 5 giờ trong khi chúng tôi sắp ăn cơm tối, tên Thoại (công an xung phong) tới báo cho Khái Hưng biết rằng có lệnh mời anh lên “Trung Ương” vì cấp Tỉnh không có quyền thẩm vấn và xét xử anh. Hấn giục anh thu xếp đồ đạc để cùng đi ngay với hấn – đi lúc chiều tối để tránh máy bay địch.

Mười phút sau, anh đã sẵn sàng trong bộ Âu phục với áo choàng, mũ “phớt” và chiếc cặp da cũ trong tay như khi anh mới bước chân tới trại Lạc Quân. Bùi ngùi cảm động... anh đi bắt tay từ biệt từng anh em phạm nhân. Anh Văn rơi lệ. Mọi người buồn xui.

– Chào anh em ở lại!

Đó là lời cuối cùng của Khải Hưng. Câu đó tới hôm nay vẫn còn in sâu trong tâm khảm hai chúng tôi. Dù anh không nói thêm lời nào nữa, nhưng chúng tôi đều nhìn thấy trên vẻ mặt anh một nỗi ưu tư vô hạn... Có lẽ vì cảm thấy rằng chuyến đi này sẽ kết liễu đời anh...

Từ hôm đó, nhóm chúng tôi – Văn, Lụy, Thành, Xuân – chẳng ai buồn để ý đến cái Tết sắp tới, mà chỉ suốt ngày nhắc tới kẻ ra đi không có ngày về...

MAI CHI - MAI NGỌC LIỆU

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA BA TÔI

TRẦN KHÁNH TRIỆU

**Hà Nội Xác Nhận Đã Hành Quyết
Khái Hưng Tại Bến Đò Cựa Gà (Nam
Định).**

Mọi người đều biết Khái Hưng, nhà văn cột trụ của Tự Lực Văn Đoàn và là một chiến sĩ quốc gia hoạt động tích cực trong thời kháng Pháp, đã bị cộng sản thủ tiêu cùng với nhiều chiến sĩ quốc

gia khác. Nhưng Khái Hưng bị thủ tiêu ở đâu thì còn rất nhiều giả thuyết. Mới đây, nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội vừa ấn hành cuốn *Lược Truyện các Tác giả VN*, tập II của Trần Văn Gián, Nguyễn Tường Phượng Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu (1972) trong đó cái chết của Khái Hưng đã được nói đến như sau: “Khái Hưng chết năm 1947 ở bến đò Cựa Gà, huyện Xuân Trường, Nam Định”. Để cập tới cuốn sách nói trên, ông Nguyễn Quảng Nam, trong đặc san *Thời Tập* ấn hành tại Sài Gòn đã kết luận: «cho tới nay, thân nhân cũng như các bạn tù của Khái Hưng đều đã đặt thành nghi vấn về năm và nơi Khái Hưng bị thủ tiêu. Nay thì nghi vấn đó đã được đánh tan. Sách của Hà Nội chỉ được in ra sau khi có sự kiểm soát của đảng và nhà nước. Như vậy, ta có thể coi chi tiết dẫn trên như một sự xác nhận của Hà Nội”.

Dưới đây là những ngày cuối cùng của Khải Hưng dưới ngòi bút của Trần Khánh Triệu, con nuôi của tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên, và là con ruột ông bà Nhất Linh, chúng tôi đăng lại để cống hiến độc giả một tài liệu Văn Học Sử. Bà Khải Hưng từ trần năm 1954 tại Hà Nội vì bệnh tim. Hai ông bà không có con nên phần hương khói do anh Trần Khánh Triệu tức Nguyễn Tường Triệu đảm nhận.

Làng Lịch Diệp quê mẹ tôi thuộc huyện Trục Ninh tỉnh Nam Định. Tản cư về yên ổn trong hai ngày đến ngày thứ ba bỗng có hai tên công an trên Huyện về rất lịch sự mời ba tôi lên trên đó gặp Ủy Ban Hành Kháng có chuyện cần. Có lẽ cho rằng đương lúc chiến tranh vừa bùng nổ, kẻ thù chính là Pháp không thể có chuyện bắt bớ những phần tử đảng

phái quốc gia khác được, ba tôi bình tĩnh dặn lại mẹ tôi:

– Chắc cấp dưới họ không biết rõ. Để tôi lên huyện xem sao.

Nói xong ba tôi lại chỉ vào cái ve áo có huy hiệu hội Liên Hiệp (do Trần Huy Liệu tặng cách đó mấy tháng trước để tỏ tình đoàn kết) tiếp:

– Đoàn kết đánh Tây, mình vừa thoát chết khỏi tay thằng Tây chẳng lẽ mình là Việt gian sao?

Thế là ba tôi ra đi. Thân hình gầy gầy trong bộ y phục xám, ba tôi đi giữa hai người công an lực lưỡng khuất dần sau lũy tre làng.

Mấy ngày sau chẳng có tin tức gì, dọ hỏi mới biết ba tôi đã bị giam rồi; mẹ tôi lo sợ vội cho tôi cùng một người nhà

đem quần áo, thuốc men lên thăm. Vừa đi được nửa đường gặp một đám người đi ngược chiều, anh người nhà tôi la lên:

– Kia ông Tú.

Thì ra ba tôi cùng một số tội nhân khác đang lếch thếch đi từ huyện Trục Ninh về phía Cổ Lễ. Vài tên công an cầm súng áp giải. Tôi nhảy xuống xe chạy tới gần. Thực không thể ngờ được... ba tôi trông tiêu tụy hẳn đi. Mắt thâm quầng, quần áo xốc xếch, cái khăn quàng cổ nay đã trở thành tay nải con con cầm tay. Tôi hỏi dồn:

– Họ đưa ba đi đâu?

– Đi Lạc Quần (Lạc Quần thời Tây là một đại lý đồn binh cách Trục Ninh khoảng 10 cây số).

Đoạn ba tôi nhỏ giọng tiếp:

– Thôi con về đi. Đừng nghĩ đến ba nữa. Từ nay mẹ và con cuốc đất trồng khoai mà sống vậy.

Đương ngờ ngạc không hiểu tại sao ba tôi lại nói những lời ngao ngán như vậy thì mấy tên công an đã giục lên đường cắt ngang hẳn câu chuyện. Rồi từ đó cứ cách vài ngày chúng tôi lại lên Lạc Quần mong được gặp ba nhưng lần nào cũng đều thất vọng. Người nhà những người đang bị giam không một ai được phép vào thăm. Ở ngoài dò hỏi được biết mỗi lần phi cơ Pháp đến bắn phá họ lại nhốt tù không cho chạy, gia đình tôi ngày càng lo sợ...

Qua Tết (Tết năm Hợi 1947) độ hơn tháng vào một buổi trưa trong lúc không ngờ nhất ba tôi được một tên công an dẫn về nhà. Hỏi ra mới biết vì Pháp mở cuộc tấn công lớn giải vây cho đồng bọn

chúng ở nhà máy sợi, nhà băng Nam Định, nên ủy ban quyết định đưa một số tội nhân đi nơi khác. Theo lời tên công an ba tôi sẽ được đưa về Chi Nê (Ninh Bình).

Hồi này trông ba tôi tiêu tụy hẳn, bộ da xám phai bạc màu, đôi mắt gần như đại đi, giọng nói yếu ớt gần như thều thào:

– Bị bắt lên Trục Ninh tôi bị hỏi cung liên tiếp nhưng cũng may nó không tra tấn gì. Chuyển sang Lạc Quân vì chỗ giam đông quá, thức ăn bẩn thỉu nên cái bệnh kiết hồi nào lại tái phát. Chúng nó kết tội tôi đủ thứ tội. Hôm nay nó bảo đưa đi Chi Nê nhưng không biết có thực không. Thôi sống chết có số cả.

Rồi ba tôi hạ thấp giọng xuống:

– Mấy hôm trước chúng nó có hỏi thằng Triệu có phải con anh Nhất Linh không. Tôi có nhận nhưng nói nó làm con nuôi từ hồi còn bé nên nó không biết anh Tam là ai cả. Mọi phải cẩn thận mới được, tôi đi kỳ này không biết sống chết thế nào, đành nhờ Trời Phật cả.

Dặn dò được mấy lời tên công an đã hối thúc lên đường. Khi ra tới cửa hẻm còn quay lại leo lẻo nói với mẹ tôi: «Ông không sao cả, bà cứ yên tâm, đã có tôi».

Cứ yên tâm đã có tôi nhưng từ buổi trưa ấy ba tôi biệt vô âm tín luôn. Cứ yên tâm, đã có tôi, nhưng bao nhiêu lá thư, lá đơn mẹ tôi gửi lên Ủy ban tỉnh, lên Liên Khu III, cho người đi dò hỏi tận Chi Nê, Đầm Đùn cũng chỉ là công dã tràng. Về sau có người bảo ba tôi bị ném xuống khúc sông bến đò Cựa Gà gần làng tôi,

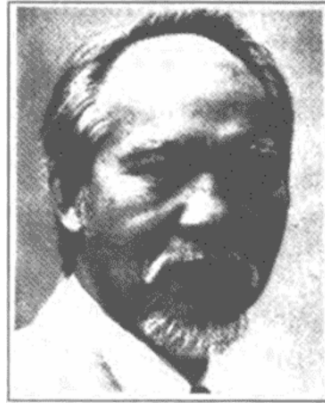
có người lại quả quyết trông thấy ba tôi bị chém tại một địa điểm gần núi Gôi.

(Theo «Tin Quê Hương, Đại Sứ Quán VNCH tại Paris, 1967)

TRẦN KHÁNH TRIỆU

VỤ THỦ TIÊU KHÁI HƯNG

PHẠM NGỌC LŨY



Bị Việt Minh Cộng Sản thủ tiêu năm 1947, cho tới nay vừa đúng 50 năm cái chết của nhà văn Khái Hưng, cây bút trụ cột của Tự Lực Văn

Đoàn, tác giả những tác phẩm đã trở thành cổ điển trong Văn Chương Việt Nam, dịch giả những bài thơ tuyệt tác, từ Sonnet d'Arvers tới Lý Bạch. Trước 1975 tại Miền Nam đã có một hai bài viết về cái chết của ông, song chưa có một tài liệu nào đầy đủ như bài dưới đây của cụ Phạm Ngọc Lũy. Để viết bài này, nguyên Thuyền Trưởng tàu Trường Xuân, tác giả Hồi Ký Một Đời Người, I và II, đã tìm hỏi nhiều người am tường sự việc, kể cả các thân nhân Khải Hưng, cũng như những người quen biết xa gần với các hung thủ. Xin trân trọng cảm ơn cụ Phạm Ngọc Lũy đã ưu ái cho chúng tôi công bố bài viết này, vốn là một chương trong cuốn Hành Trình Từ Dĩ Vãng, hay Hồi Ký Một Đời Người tập III mà cụ còn đang viết. (Theo Viên Linh - Tạp Chí Khởi Hành số tháng 5-1997).

Khái Hưng sinh năm 1896, tên thật là Trần Khánh Giu. Bút hiệu Khái Hưng là do sự đảo lộn những mẫu tự trong hai chữ Khánh Giu mà ra. Ông sinh tại làng Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương. Năm 1930, Cổ Am bị Pháp ném bom tàn phá để triệt hạ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cụ thân sinh là Trần Mỹ, Tuần Phủ ở Phú Thọ, Khái Hưng là rể cụ Thượng Lê Văn Đính, Tổng Đốc tỉnh Bắc Ninh, quê làng Lịch Diệp, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Em ông là Trần Tiêu, cũng là một nhà văn, tác giả tiểu thuyết «Con Trâu».

Khái Hưng theo tây học, học trường trung học Pháp Albert Sarraut, đậu tú tài ban cổ điển ở Hà Nội, dạy học tại trường tư thực Thăng Long và chơi thân với giáo sư Nguyễn Tường Tam thành lập Tự Lực

Văn Đoàn với sự cộng tác của các nhà văn, nhà thơ như Khái Hưng, Thạch Lam Nguyễn Tường Lân, Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, Thế Lữ Nguyễn Thứ Lễ... đã khai mở một kỷ nguyên mới về văn học. Những cây bút lớp trước như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trắc... bị ảnh hưởng sâu đậm của Hán học, văn thường dùng điển tích, vừa nặng nề, khó hiểu, lại khô khan, nên không có tác động mạnh trong quần chúng. Thêm nữa, ở buổi giao thời, thực dân Pháp đã khuyến khích hút thuốc phiện tự do. Thuốc phiện bán công khai ngoài phố. Con người trở nên yếm thế, văn chương cũng bị ảnh hưởng theo. Giọt Lệ Thu của Tương Phố Đỗ Thị Đàm, Tổ Tâm của Song An Hoàng Ngọc Phách, Tuyết Hồng Lệ Sử dịch Hán Văn của Từ Trầm Á... ra đời khiến cho bầu không khí sâu thẳm lại càng trở nên ngột ngạt.

Thanh niên Việt Nam đứng trước một bế tắc thì Tự Lực Văn Đoàn hiện ra như một vì sao sáng chói với tờ Tuần báo Phong Hóa phổ biến rất rộng rãi, từ Bắc chí Nam, gây được cao trào văn chương với lối viết rất gọn ghẽ, giản dị và trong sáng. Về phương diện xã hội, họ viết báo cổ động bài trừ, đã phá những cổ tục, giành lại quyền sống chính đáng của phụ nữ, công kích kịch liệt quan niệm trọng nam khinh nữ, đòi hỏi một xã hội công bằng, con người được sống tự do, nhà ở không còn là những ổ chuột. Họ lập ra hội «Ánh Sáng» để giúp dân nghèo tự làm căn nhà sao cho giản dị, giữ được vệ sinh, bên trong đầy ánh sáng. Tuần báo Phong Hóa bị thực dân đóng cửa, tuần báo Ngày Nay ra tiếp theo (1936).

Hồn Bướm Mơ Tiên là tập truyện đầu tay của Khái Hưng và cũng là cuốn tiểu

thuyết thứ nhất của Tự Lực Văn Đoàn. Nhan đề sách mượn từ câu thơ của một ni cô. Tương truyền vua Lê Thánh Tông (1460. 1497), vua thứ tư đời Hậu Lê, có tài văn thơ, ưa thích ngâm vịnh, một hôm ngự giá thăm chùa Ngọc Liên, chợt nghe một ni cô ngâm câu kệ rằng: «Ở đây mền cảnh mền thầy. Tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng trần». Nhà vua truyền ni cô làm một bài thơ lấy ý hai câu thơ trên vừa đọc. Ni cô ứng khẩu đọc ngay bài thơ, trong đó có hai câu:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Trong áng văn cổ Bích Câu Kỳ Ngộ có nhắc đến sự tích này:

Ngọc Liên nghe có Hoa Tiên

Thánh Tông thuở trước qua miền ấy chơi

Lầu chuông bỗng gặp một người

Ngâm câu thần kệ, vịnh bài quốc âm.

Đây là một truyện tình nấp dưới bóng Từ Bi giữa Ngọc và chú tiểu Lan. Bối cảnh của truyện được dựng lên ở chùa Long Giác, miền trung châu Bắc Việt, trên đường Bắc Ninh đi Đông Triều, ở giữa một khung cảnh núi đồi thiên nhiên. Ngọc, một thanh niên, lên thăm ông bác là sư trụ trì tại chùa Long Giác, đã đem lòng yêu chú tiểu Lan là gái giả trai tu ở chùa này. Chú Lan đã cắt tóc gửi thân nơi cửa thiền nên mối tình của hai người không vương mầu tục. Họ yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng, mối tình cao đẹp trong sạch, thần tiên như hồn bướm mơ tiên. Lối hành văn của Khái Hưng hết sức dung dị, không kéo dài lê thê, rườm rà. Tả tình, tả cảnh chỉ một vài nét đơn sơ, nhẹ nhàng với

cách dùng chữ thật chính xác, khiến người đọc dễ cảm thông sâu xa với người và vật trong truyện.

Chúng ta hãy đọc lại trang cuối của Hồn Bướm Mơ Tiên, buổi chia tay giữa Ngọc và Lan, biểu hiện con người lý tưởng của Khái Hưng:

Ngọc vui vẻ:

– Yêu là luật chung của vạn vật, mà là bản tính của Phật Giáo. Ta yêu nhau, ta yêu nhau trong linh hồn, trong lý tưởng. Phật Giáo chẳng cấm đoán đời ta yêu nhau như thế.

Lan đưa vật áo lau nước mắt:

– Tôi hiểu ông lắm rồi. Vậy xin ông trở về thôi, kéo trời sắp tốt.

Ngọc vui cười:

– Thôi thế chào Lan ở lại nhé. Ngày khác sẽ gặp nhau...

Lan có vẻ nghĩ ngợi nhìn Ngọc, mỉm cười không nói gì, sẽ gật.

Ngọc từ giả Lan, dắt xe đạp xuống chân đồi. Bây giờ, sắc trời dịu dịu, vạn vật như theo tiếng chuông chiều thong thả ngân nga sắp rơi vào quãng êm đềm tịch mịch.

Lan đứng chấp tay tụng niệm, con mắt lơ đãng nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều hiu hiu...

Lá rụng!

Một tác phẩm khác, «Nửa Chùng Xuân», được giới phụ nữ ưa thích say mê đọc. Đây là tiểu thuyết trình bày sự

xung đột cũ, mới về vấn đề tự do kết hôn, vai chính trong truyện là Mai và Lộc đã yêu nhau, lấy nhau nhưng bà Án, mẹ Lộc không đồng ý, tìm cách phá nên hai người phải xa rời nhau. Khái Hưng, vốn là người lý tưởng, đưa ra một quan niệm hạnh phúc của con người: Muốn thực sự được sung sướng phải biết quên mình, quên hạnh phúc của cá nhân mình vì hạnh phúc của người khác. Mỗi người phải biết quên đi những nhỏ nhen ích kỷ để nhằm tạo nên một xã hội đẹp. Qua văn chương, Khái Hưng đã nêu cao lý tưởng cao đẹp của con người là xiển dương tinh thần đạo đức, treo cao gương phản ánh cuộc đời trong sạch, cao quý để làm cho xã hội tốt hơn đẹp hơn. Cả hai cuốn tiểu thuyết trên tiêu biểu cho con người lý tưởng Khái Hưng, đã được bộ Quốc Gia Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa chọn làm tài liệu về môn quốc văn

cho chương trình tú tài phần I.

Tiểu thuyết của Khái Hưng có thể phân nhiều loại: lý tưởng, tâm lý, phong tục, dã sử. Có một số tác phẩm viết chung với nhà văn Nhất Linh. Nhan đề tập truyện «Nửa Chùng Xuân» mượn từ một câu Kiều: «Nửa chùng xuân, thoát gầy cảnh thiên hương» của Nguyễn Du.

Có phải đây là điều báo trước một định mệnh đau đớn với cái chết thâm của nhà văn tài ba, có công rất lớn đối với nền văn học nước nhà, đồng thời cũng là một nhà cách mạng yêu nước đã bị Việt Minh (Việt Nam Độc Lập Đồng Minh) là một tổ chức cộng sản trá hình sát hại rất dã man.

Đầu thập niên 40 (1940), thời thế chiến biến chuyển mạnh, quân Đức thắng như chẻ tre ở Âu Châu. Nhật đổ bộ

vào Đông Dương. Đại Việt Dân Chính, hậu thân của đảng Hưng Việt ra đời năm 1940 do Nguyễn Tường Tam làm Tổng Thư Ký, Khái Hưng cũng tham gia hoạt động, lợi dụng tình hình quốc tế biến chuyển để xây dựng lực lượng chuẩn bị giành độc lập, thoát vòng nô lệ của Pháp. Năm 1941, các đảng viên Đại Việt Dân Chính, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Nguyễn Gia Trí (họa sĩ) bị Pháp bắt đưa đi giam tại nhà lao ở Vụ Bản (tỉnh Hòa Bình) nơi vùng nước độc, nằm trên trục lộ Nho Quan, Hòa Bình. Năm 1943, Khái Hưng được tha và quản thúc ở Hà Nội. Nhật đảo chính Pháp chớp nhoáng trong đêm 9. 3. 1945.

Khái Hưng được thả lỏng. Hai trái bom nguyên tử ném xuống Hiroshima ngày 6. 8. 45 và Nagasaki ngày 9. 8. 45. Nhật đầu hàng Đồng Minh ngày 14. 8.

45. Các nhà cách mệnh quốc gia lưu vong bên Trung Quốc lục tục kéo về nước.

Việt Minh cướp chính quyền ngày 19. 8. 45, ra tuyên ngôn độc lập, nhanh chóng lập chính phủ, lập các ủy ban hành chính xã để củng cố thể đứng. Họ tuyên truyền chống Pháp, lập ra các tổ chức Cứu Quốc như: «Phụ Lão Cứu Quốc», «Nhi Đồng Cứu Quốc», «Phụ Nữ Cứu Quốc», «Văn Hóa Cứu Quốc»...v.v... Dân chúng không biết Việt Minh là cộng sản, chỉ nghe nói chống Pháp giành độc lập cho Tổ Quốc là đa số ùa theo, mọi tầng lớp, mọi ngành nghề đều hăng hái tham gia. Ở Hà Nội, nơi thị tứ có tai mắt quốc tế thì tương đối Việt Minh ít khủng bố chứ ở các vùng thôn quê thì họ khủng bố, bắt bớ, thủ tiêu không nương tay, bất cứ nhóm nào, cá nhân nào bất đồng ý kiến, chứ đừng nói đến chống lại. Việt

Minh thường tuyển dụng những thành phần bất hảo, hay lợi dụng những hiểm khích tư thù để tiêu diệt mầm mống phản kháng. Đầu tháng 8/45 tờ Ngày Nay bộ mới vẫn còn xuất bản số cuối cùng. «Sáng ngày 19/8/45, Khái Hưng và tôi (Nguyễn Tường Bách), ngồi ở tòa soạn đường Quan Thánh thì làn sóng người biểu tình mỗi lúc mỗi đông, đi về phía bờ hồ Hoàn Kiếm... Dù sao chúng tôi cũng thấy cô độc trong lúc ấy. Họ (Việt Minh) vẫn gán cho chúng tôi là thân Nhật, tuy rằng sự thật không phải thế...» (Nguyễn Tường Bách - Việt Nam, Những Ngày Lịch Sử). Nguyễn Tường Bách và Khái Hưng xuất bản tờ Việt Nam đầu tháng 9. 1945, chủ yếu là đăng tin tức và hô hào bảo vệ độc lập chống đế quốc, phong kiến. Khái Hưng và Nguyễn Tường Bách giữ nhiệm vụ tuyên truyền cho Việt Nam Quốc Dân Đảng, nên đã biến

tờ Việt Nam thành cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đó cũng là tờ báo tranh đấu công khai đầu tiên của phe quốc gia. Chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia ra đời do Hồ Chí Minh là Chủ Tịch, Nguyễn Hải Thần là Phó Chủ Tịch, Cổ Vấn tối cao là Vĩnh Thụy (cựu hoàng Bảo Đại). Nguyễn Tường Tam giữ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao, sau khi hai phe Việt Minh - Việt Quốc thỏa hiệp hợp tác «tinh thần đoàn kết». Nhiều người cho rằng phe quốc gia quá non nớt nên hợp tác với cáo già Việt Minh, nhưng sự thực là nếu không chịu đứng trong Chính Phủ Liên Hiệp thì sẽ bị diệt ngay. Chỉ ít lâu sau, Vĩnh Thụy, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam đều bỏ nước lánh sang Trung Hoa vì nhận thấy không thể nào hợp tác với Việt Minh.

Tờ Việt Nam cảnh cáo nếu theo cộng sản thì bị Đồng Minh bỏ rơi, đế quốc Pháp sẽ quay trở lại, Việt Nam sẽ bị cô lập và có cơ nguy mất nền độc lập. Dưới bút hiệu Chàng Lẩn Thần, Khải Hưng phê bình gay gắt Việt Minh cộng sản về chính sách đối nội và đối ngoại. Ngọn bút vừa có duyên vừa sâu sắc của Khải Hưng đã sớm cảnh tỉnh nhiều người Việt Nam về hậu họa cộng sản, khiến họ hiểu được phần nào mối nguy cộng sản. Tiếc rằng tờ Việt Nam chỉ lưu hành quanh quẩn trong thủ đô Hà Nội không sao phổ biến tới thôn quê vì thiếu cán bộ hoạt động ở các làng xã. Được sống ở Hà Nội thời đó mới nhận thấy rõ sự phân ranh Quốc - Cộng thật ác liệt. Chống lại Việt Minh một cách tích cực và công khai còn có tờ Thiết Thực của Phan Huy Đán (Phan Quang Đán) và tờ Hồn Công Giáo của nhóm Mai Ngọc Liệu.

Tôi xin đan cử một thí dụ về sự che đậy tập thể Việt Minh là cộng sản, do cộng sản lãnh đạo. Năm 1943, Đặng Xuân Thiều, một tay cộng sản gộc, người Hành Thiện, em họ Trường Chinh Đặng Xuân Khu và là bác bà Đức Thụ, có đến An Lễ thuyết phục anh em chúng tôi cộng tác với người Anh để chống Nhật, chứ không hề dả động gì đến Việt Minh, không nói câu nào về cộng sản Nga. Anh Chác tôi đặt vấn đề: Anh là đế quốc có nhiều thuộc địa nhất trên thế giới, cộng tác với Anh không có lợi, mà có thể gián tiếp giúp Pháp, vì Pháp - Anh là đồng minh. Sau bữa cơm chia tay, không bao giờ Đặng Xuân Thiều trở lại nữa. Thiều biết anh em chúng tôi thuần túy quốc gia.

Sau khi Việt Minh cướp chính quyền, Đặng Xuân Thiều đã có mặt trong Quốc

Hội đầu tiên của Việt Minh tổ chức.

Ngay sau khi thành lập chính phủ liên hiệp, trái với ước tính của phe quốc gia, trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng ở các tỉnh đều bị tấn công bất ngờ để bắt những đảng viên vào cùng một đêm. Đầu tháng 7/1946, Nguyễn Tường Bách, Vũ Hồng Khanh cùng một số đảng viên rút lên Vĩnh Yên, Việt Trì. Nội chiến toàn diện bùng nổ. Quân đội Việt Minh tấn công Phú Thọ, bắt chấp có phái đoàn đại biểu Quốc Dân Đảng là Nguyễn Tường Long. Đoàn quân thất thế Việt Nam Quốc Dân Đảng lúc này có thêm Nguyễn Tường Long, rút lên Yên Bái, rồi Lào Kay vào cuối tháng 7/1946. Bại quân Việt Nam Quốc Dân Đảng bỏ Lào Kay, chạy sang Hà Khẩu, đất Trung Hoa để bắt đầu cuộc đời lưu vong biệt xứ.

Trong khi Việt Minh đàn áp để tiêu diệt người quốc gia yêu nước thì quân Pháp thường tỏ vẻ khiêu khích ở Hải Phòng. Dân chúng thật hoang mang. Ở Hải Phòng tôi có lán xẻ gỗ và bán vật liệu xây cất nhà cửa. Trong tình thế Pháp - Việt rất gay go, tôi về quê An Lễ để nhắn tin anh Phạm Ngọc Chác biết tình hình ngoài cảng rất rối ren, đột biến có thể xảy ra bất cứ lúc nào và cũng để thu xếp tiền lấy cái thuyền trọng tải 50 tấn đóng ở Nghệ An bằng gỗ sáng lẻ có thể chịu được nước biển. Anh Chác đã rời quê An Lễ ngay từ cuối năm 1945.

Thuyền vừa dùng để lấy than ở Hòn Gay chở đi cho các lò gạch ở Đáp Cầu đổi lấy ngói về bán, vừa có thể chạy được ven biển khi hữu sự như lời dặn của hai anh Chác và Giáo Kiên. Tôi về quê được ba, bốn ngày thì quân Pháp đánh chiếm

Hải Phòng ngày 23/11/46, mở đầu cho những năm tháng gieo neo của đất nước.

Về cái chết bi thảm của nhà văn Khái Hưng, tôi trình bày theo bốn nguồn tin, theo thứ tự thời gian mà tôi biết, để vụ án thêm sáng tỏ.

NGUỒN TIN THỨ NHẤT:

Ngày 19/ 12/ 46, khoảng 5 giờ chiều tôi rời Hà Nội trong lúc tình hình thật căng thẳng để chạy về quê nhà tôi ở Đan Nhiễm tọa lạc ngay sát bờ sông Nhuệ, thuộc Thanh Oai, Hà Đông. Vào nửa đêm, tiếng súng đại bác nổ gầm vang dội về, khiến cả dân làng ùa ra bờ sông, chỉ cách Hà Nội khoảng 10 cây số. Tin tức theo dân tản cư bay đi rất nhanh: Pháp tấn công thủ đô Hà Nội, cuộc chiến Việt Pháp bắt đầu. Giữa tháng 2/47, giặc Pháp tảo thanh các vùng quanh thủ đô. Gia

đình tôi phải rời Đan Nhiễm đi xuống Đồng Quan, lấy thuyền theo sông Nhuệ, qua Chợ Đại, xuống Cống Thần. Từ Cống Thần gần Phủ Lý, chúng tôi lấy đồ trên sông Đáy đi đến Gián Khuốt rồi vào Nho Quan. Từ Nho Quan theo đường bộ ngược lên Hòa Bình, để lấy đồ đi Việt Trì. Lên bộ ở Việt Trì, chúng tôi đi dần lên mạn bắc, rồi tạm cư ở vùng Chàng Sảo, bên bờ sông Lô, gần Phủ Đoan Hùng, Phú Thọ. Bên kia sông Lô là Thái Nguyên với nhiều dãy núi trùng điệp, nơi Việt Minh lập chiến khu hồi hoạt động bí mật. Bốn, năm tháng sau, sợ bị ngã nước, tiền lại hết, nên cả gia đình nheo nhóc với hai con nhỏ, chúng tôi lếch thếch kéo nhau ra Phú Thọ, qua sông Hồng, đi bộ theo đường nhỏ xuống Chợ Vàng về Hưng Hóa. Qua sông Đà, tiếp tục đi bộ qua phủ Quốc Oai rồi về tạm trú ở Đạm Trai, quê ngoại nhà tôi, gần thị xã Sơn Tây, lúc

này đã bị phá hủy (tiêu thổ kháng chiến) thành bình địa. Về tới Đạm Trai tính ra mất hơn bốn ngày, cứ ngày đi đêm ngủ nhờ các làng ven đường. Chúng tôi phải công luân phiên hai đứa con, đứa 4 tuổi, đứa được 5 tháng, suốt quãng đường đầy gian nan này. Nghỉ ở Đạm Trai một ngày chúng tôi lấy đò ra sông Đáy, xuống Vân Đình để đi bộ ra Đồng Quan, theo sông Nhuệ qua Chợ Đại đến Phượng Viên, nơi định cư mới. Dọc đường chúng tôi gặp nhiều gia đình chạy nạn, chạy quần, chạy quanh, toán lên mạn ngược, toán chạy về xuôi.

Sau khi thu xếp cho gia đình có thể sống tự túc bằng cách nuôi vịt, se bông chỉ, tôi bắt đầu liên lạc với anh Chác đang hoạt động trong Duy Dân. Như hầu hết thanh niên thời bấy giờ, tôi cảm thấy không thể ngồi yên, ăn hai bữa cơm

hàng ngày, thân nhiên sống trong khi bao nhiêu anh em, bạn hữu cùng lứa tuổi, hoặc đi kháng chiến, hoặc mưu tìm nền độc lập cho nước nhà bằng cách này hay cách khác. Tuy không phải là một đảng viên Duy Dân, tôi tự nguyện nhận công tác giúp anh em Duy Dân đang tích cực hoạt động bí mật chống cộng sản. Nhưng thật là chua xót, Việt Minh cộng sản lợi dụng chiêu bài quốc gia để kêu gọi toàn dân kháng chiến chống Pháp, nhưng một mặt lại tìm cách tiêu diệt những người yêu nước chỉ vì họ không chấp nhận cộng sản. Đời sau, nếu ai viết sử, nên nghiên cứu tường tận, vì có gì Việt Minh cộng sản đã khai phát súng đầu tiên để gây nội chiến trong khi Pháp muốn tái lập nền đô hộ.

Hai anh Giáo Kiên, Chác lúc này, mang tên Nguyễn Bá Tửu – đều lui về

vùng Kim Sơn, Phát Diệm, chủ trương chống Pháp nhưng không thể hợp tác với Việt Minh, vì biết chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Tôi tản cư về gần vùng Chợ Đại, nơi buôn bán sầm uất, rất tiện lợi cho sự đi lại nên hai anh giao cho tôi công tác liên lạc với anh em liên tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Ban kinh tài của tổ chức ở Đồng Quan ở kế cận vùng Tế (vùng Pháp chiếm đóng) nên bọn con buôn tụ tập ở đây rất đông, nơi cửa ngõ lấy hàng ở thành ra để phân phối đi các nơi. Họ mua cả thuốc tây để tiếp tế cho kháng chiến. Đồng Quan nằm trên trục giao thông từ vùng rừng núi mạn ngược hay trung châu đi xuống đồng bằng, đổ xuống Ninh Bình để về miền biển hay vào Thanh Hóa, Nghệ An, Bến Vân, tôi gọi Bến Vân vì trên sông Vân Sàng, cạnh núi Dục Thúy, Ninh Bình, là nơi đổ bộ của đồng bào chạy nạn từ mạn trên

xuống vùng biển Kim Sơn.

Tôi vốn thích thiên nhiên, ưa sông nước, nhưng lúc này tinh thần luôn dao động, một phần sợ bị bắt bất cứ lúc nào, nếu lộ tông tích, một phần lo làm sao công việc đảm nhận được trót lọt tốt đẹp, nên chẳng còn cái thư thái để hưởng vẻ đẹp của trời đất. Ở Phượng Viên người ta thường gọi chúng tôi bằng tên con trai lớn, lại thêm có hai con còn nhỏ, lếch thếch chạy từ đường rừng về nên ít ai chú ý tới. Nhận công tác liên lạc, khi tới Bồng Tiên, Thái Bình, anh Nghiêm cho biết anh em vùng này đều kín đáo tham gia Ủy Ban Kháng Chiến nên không bị nghi ngờ. Ở đây một đêm, tôi đi Vũ Tiên qua chùa Keo, lấy đồ Keo qua Hành Thiện để đến làng Lịch Diệp, một làng khá trù phú vì làm nghề dệt vải. Tôi đến nhà Lê Văn Thoan. Thoan là con cụ Nhất

Hoán, trước lấy Là, cô em họ tôi, nhưng hai người đã ly dị. Tôi nhận ra Thoan nhưng không biết Thoan có nhận ra tôi không, nhưng chúng tôi không ai nói ra, hay nhắc đến chuyện cũ. Sau khi trao đổi tin tức, tình hình các nơi, Thoan kể cho tôi nghe về cái chết bi thảm và kinh khủng của Khái Hưng. Người có mặt duy nhất lúc ấy là Đào Văn Dương, giáo sư toán... ở trường Chu Văn An, Saigon.

Cụ Thượng Lê Văn Đính, Tổng Đốc tỉnh Bắc Ninh là thân phụ bà Khái Hưng và cũng là bác ruột Lê Văn Thoan. Như vậy, bà Khái Hưng và Thoan là hai anh em con chú, con bác ruột. Khi tiếng súng kháng chiến bùng nổ thì Khái Hưng tản cư về làng Lịch Diệp là quê vợ. Ông bị bắt ở đây, công an không phải mất công truy lùng, tìm kiếm. Khái Hưng bị đưa đi giam ở Lạc Quần. Người em họ Thoan

cũng ở làng Lich Diệp làm công an, lúc đầu vì ưa thích, ủng hộ Việt Minh.

Vào đêm cuối năm, hắn được lệnh đưa Khái Hưng rời nhà giam Lạc Quần ra đi dò. Theo sông Ninh Cơ, thuyền đi qua địa phận Bùi Chu, Hành Thiện, khi đến bến dò Cựa Gà thuộc làng Ngọc Cục, hắn thi hành lệnh cấp trên là phải thủ tiêu Khái Hưng. Nhà văn có công lớn với nền văn học của ta, khi bị nhát dao đâm thứ nhất, đã kêu lên:

– Tao không ngờ chúng mày đã man đến thế.

Tên công an bồi thêm mấy nhát dao cho đến khi Khái Hưng chết hẳn, bỏ xác vào bao bố, buộc chặt rồi vất xuống sông, ngay bến dò Cựa Gà (bãi giữa sông). Sau khi thi hành bản án dã man tàn bạo ngoài sức tưởng tượng của mọi người, tên sát

nhân không hiểu bất mãn với Việt Minh vì lẽ gì, đã về làng khai ra hết. Sau 1954, Lê Văn Thoan tản cư vào Saigon, mở tiệm sách rồi mất trong Nam.

NGUỒN TIN THỨ HAI:

Vào gần cuối tháng 11/1946, mới năm giờ sáng, tôi đã rời quê An Lễ để qua Đò Mười, lấy chuyến ô tô sớm đi Nam Định để kịp tới Hải Phòng cùng ngày, thì hai giờ sau, công an ập đến nhà vây bắt hụt. Họ nghi tôi hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Khi ra tới Kiến An, tôi mới biết nhà tôi bỏ hết nhà cửa, chỉ kịp ôm con chạy lên Rẽ, thuộc An Dương, vì Pháp tấn công chiếm Hải Phòng ngày 23/ 11/ 46. Đưa gia đình về tới Nam Định, tôi được anh Phạm Ngọc Kha nhắn tin dừng về quê nữa. Chúng tôi chạy lên Hà Nội.

Giữa đêm ngày 19/ 12/ 46, tiếng súng bùng nổ, Pháp tấn công Việt Minh ở Hà Nội. Việt Minh khủng bố, bắt bớ khắp nơi, thi hành chính sách cực kỳ tàn ác, thù giết lẫn còn hơn để lọt lưới. Kha cũng bị bắt ngay khi đó, đưa đi giam ở Hải Hậu ba ngày, rồi được một trung đội áp tải giải đi Lạc Quần. Công an đưa tin có thể bị đánh giải vây ở dọc tường vì họ cho anh là cán bộ cao cấp của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đồn Lạc Quần là một trại lính khố xanh thời Pháp thuộc, nằm bên bờ sông Ninh cơ, trên đường ô tô chạy từ Bến Đò Quan, Nam Định, về chợ Cồn, Văn Lý. Hai tháng bị giam ở Lạc Quần, anh bị tra tấn cực kỳ dã man, hết bị quay điện, rồi bị đánh đập bằng những thanh củi tạ. Sau đấy, anh bị đưa đi giam ở Thượng Lỗ, rồi Bình Ba, Mỹ Lộc, để bắt buộc tham gia phá hoại thành phố Nam Định. Cùng bị giam ở Bình Ba,

có ông Lại Văn Tư và Phạm Văn Bính, rồi sau hai người bị đưa đi Chi-nê. Phạm văn Bính, sau này làm Thủ Hiến Bắc Việt. Anh Kha bị đưa ra xử ở tòa án quân sự do Hà Kế Tấn là quan tòa và mang cái án hai năm ở tù trại Đầm Đùn bị kết tội là âm mưu lật đổ chính phủ.

Mấy chục người bị giam trong một căn phòng nhỏ hẹp ở Lạc Quân trong đó có nhà văn Khái Hưng. Khái Hưng kể rằng ông rời Hà Nội vào ngày 19. 12. 46, và phải đưa bà vợ về Lịch Diệp. Về đến quê vợ thì trời vừa tối, ông phải ở nán lại, chờ sáng hôm sau di chuyển đi nơi khác thì ngay đêm ấy công an đến bắt. Khái Hưng thường nói với mọi người, ông là người yêu nước, không ai có thể nghi ngờ hay hiểu lầm được. Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu là bạn ông biết rõ điều đó, ông không thể nào hợp tác với Pháp.

Mọi người bị giam đều cho rằng nhà văn Khái Hưng quá chân thật đến độ ngây thơ. Ông ngỏ ý với trưởng trại giam cho ông giấy bút để viết báo hô hào, kêu gọi dân chúng tiếp tục kháng chiến, chống Pháp để giành độc lập. Tên đồn trưởng Lạc Quần hứa sẽ trình lên cấp trên. Vài ngày sau, Khái Hưng nhận được thư mời đi gặp cấp cao ở một địa phương khác. Tất cả anh em bị giam đều xôn xao vì có kinh nghiệm: khi Việt Minh muốn bắt ai thường gửi thư mời đến trình diện rồi giữ luôn. Khái Hưng vẫn một mực tin tưởng vào lòng ngay thẳng yêu nước của mình, vẫn cười nói thản nhiên.

Vào lúc gần tối ngày giáp tết Đinh Hợi – 30 tháng Chạp Bính Tuất, là ngày 21 tháng 1, 1947, sau bữa cơm chiều, khi anh em bị giam đã nấu bánh chưng xong để đón giao thừa thì hai tên công

an Đang và Thoại mời Khái Hưng lên Ty Thông Tin ở xa và nhắc ông phải mang hết quần áo đi. Khái Hưng thu xếp quần áo, ăn mặc chỉnh tề, vui vẻ chào từ giã mọi người, lòng đầy hy vọng sẽ được lãnh giấy bút để viết báo cổ vũ toàn dân kháng chiến chống Pháp. Mọi người đều lo ngại cho ông nhưng không ai dám nói ra.

Hôm sau, sau tên công an trở về trại giam ở Lạc Quần nói rằng ông Khái Hưng đã bỏ trốn ở dọc đường, nhưng cả trại giam không ai tin. Anh Phạm Ngọc Kha năm nay (1996) được 80 tuổi, hiện đang ở quận Santa Clara, tiểu bang California, sang Mỹ năm 1991 để đoàn tụ với các con.

NGUỒN TIN THỨ BA.

Đoàn Văn Lụy, quê ở Tương Nam gần Cổ Lễ, trước học trường St Thomas d'Aquin, nhưng khác lớp, cùng một thời gian (1935 - 36) với Mai Ngọc Liệu và tôi. Kể từ năm 1937, tôi lên Hà Nội học nên không có dịp gặp lại Lụy nữa. Lụy chơi thân với Mai Ngọc Liệu vì cùng là bạn Hướng Đạo. Năm 1954, Mai Ngọc Liệu là Tổng Thanh Tra Hành Chính Bắc Việt, lúc có phong trào di cư từ Bắc vào Nam sau khi hiệp định Genève chia đôi đất nước, hiện đang ở San Jose, năm nay (1996) được 79 tuổi.

Sau khi đọc Hồi Ký Một Đời Người tập I, đoạn nói sơ qua về ông Khái Hưng bị thủ tiêu, Mai Ngọc Liệu cho biết thêm một vài chi tiết khá quan trọng. Đoàn Văn Lụy cũng bị giam ở Lạc Quần và cũng được chứng kiến lúc nhà văn Khái Hưng

rời khỏi nhà giam. Hai tên công an hôm sau trở về, một đứa mặc áo «ba đồ xuy» (pardessus), một đứa đội cái mũ «phớt» (feutre) nói là của ông Khải Hưng bỏ lại lúc trốn thoát ở dọc đường (Đoàn Văn Lự đã qua đời tại Saigon năm 1989).

NGUỒN TIN THỨ TƯ.

Trung tá VĐK, trước làm lục sự ở Nha Quân Pháp, rồi về làm việc ở Tối Cao Pháp Viện, là bạn với tôi từ đầu thập niên 40 (1940) ở Hải Phòng. Tôi gặp anh lần cuối vào năm 1967 khi tàu Phong Châu ghé bến Cầu Đá, Nha Trang. Khi đổi về Saigon làm việc, anh đi xe mobylette còn mới, mượn của người em họ, đến thăm tôi ở đường Tân Phước, khu Nguyễn Tri Phương. Dừng chiếc xe đi mượn không khóa ở ngay vỉa hè trước nhà, anh vừa

quay lưng ra ngoài đường thì quân gian đã nhảy lên xe ngồi, nổ máy rồi chạy, theo sau có hai ba tên cũng phóng nhanh bằng xe gắn máy. Kể từ đó anh không dám lại thăm tôi nữa, sợ mất xe phải đến lần nữa. Thật bất ngờ, tôi nhận được thư anh VĐK sang Úc đoàn tụ với các con từ năm 1989.

Thư ngày 24. 06. 95, anh viết:

...

Một anh bạn của tôi, cũng người Nam Định, sinh năm 1928, giữ nhiều chức vụ hồi 1965 - 75, đọc HKMĐN có góp ý về vài sự việc có liên quan đến anh ấy, hay anh ấy là nhân chứng.

* Hồi 1950, anh ấy trọ học tại nhà ngang của bà cụ thân sinh ra anh Phạm Văn Liễu, ở đường Gia Long, Hà Nội.

Lúc đó anh Liễu đeo cấp bậc Trung Úy.

* Nơi anh trọ học ở Nam Định, Phố Năng Tĩnh, là nhà Thầy Phú (có con tên là Quý). Chánh tòa án (vụ xử anh Phạm Ngọc Kha tôi bị kết án tù hai năm vì âm mưu lật đổ chính phủ vào năm 1947), là Hà Kế Tấn chứ không phải Chu Văn Tấn. Hà Kế Tấn là Tướng Việt Cộng chỉ huy Công Trường Thủy Điện Hòa Bình, hồi thập niên 80. Chu Văn Tấn, người Cao Bằng, chỉ huy đoàn lính đông tiền thân của Bộ Đội Giải Phóng hay Quân Đội Nhân Dân của Việt Minh. Việt Minh lấy ngày 22. 2. 44 là ngày thành lập lực lượng trên để kỷ niệm hàng năm...

«Khái Hưng chết ở gần Lạc Quần. Ba tên được lệnh dẫn ông ta đi, đến nơi, chúng bỏ ông vào bao, lấy gậy đánh đập cho đến chết rồi mới vất xuống sông. Tên

chỉ huy lúc trở về báo cáo lại, anh ấy có nghe thấy”

Khi viết xong bản thảo «Vụ Án Nhà Văn Khái Hưng», tôi gửi cho Cụ Đỗ Khắc Siêm đọc. Cụ cho biết thêm nhiều chi tiết soi sáng vụ án. Thời gian 1947 - 1949, cụ làm Thẩm Phán huyện Trực Ninh, và được trưởng toán cảnh vệ nơi đây cho biết: Ông Khái Hưng bị giam ở đây và bị đưa đi trầm hà trên sông Ninh Cơ trong khi đó Việt Cộng còn bịa đặt ra một tin để đánh lừa dư luận. Họ nói công an dẫn ông Khái Hưng qua cầu Vô Tình (huyện Trực Ninh) một toán du kích ở bên kia cầu hiểu lầm đã xả súng bắn làm ông Khái Hưng bị tử thương.

Phối kiểm tin trên, ta có thể tìm ra manh mối một cách khá chính xác về cái chết của nhà văn Khái Hưng.

Khái Hưng bị đưa ra khỏi trại giam Lạc Quần, sau bữa ăn chiều, lúc gần tối, ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất. Từ Lạc Quần theo sông Ninh Cơ lên đến bến đò Cựa Gà khoảng 10 cây số, thuộc địa phận làng Ngọc Cục (Xuân Trường Nam Định). Như vậy, tính theo khoảng cách Lạc Quần - Bến Đò Cựa Gà, ta có thể kết luận, nhà văn Khái Hưng bị giết ở bãi giữa sông Ninh Cơ, bỏ vào bao buông sông trước giao thừa sang năm mới Đinh Hợi, tức là gần nửa đêm 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (21/01/1947).

Khái Hưng bị giết rồi buông sông, tính đến nay (1996) đã được 50 năm. Lòng yêu nước, sự nghiệp văn chương của ông sẽ trường tồn với non sông, tên tuổi ông sẽ lưu lại ngàn đời. Tội ác ô nhục gây nên cái chết bi thảm cho ông sẽ còn lưu xú đến muôn năm.

Tự Lực Văn Đoàn, bằng cơ quan ngôn luận Phong Hóa (1933) và Ngày Nay (1936) đã làm một cuộc cách mạng về văn học, mở đầu lối viết văn sao cho giản dị để truyền bá tư tưởng, khuyến khích con người cần có lý tưởng, đem hết nghị lực để tham gia các công việc xã hội, đòi hỏi phá bỏ những cổ tục lỗi thời, nhất là quan niệm trọng nam khinh nữ, gây cao trào làm nhà «ánh sáng» để người nghèo thoát cảnh sống trong những căn nhà ổ chuột. Đặc biệt họ khéo lồng vào tiểu thuyết những lời kêu gọi yêu nước, đòi hỏi nhân quyền. Họ đã gây được làn sóng ngầm để tạo nên những lớp sóng nổi lên cuộn cuộn vào thời gian trước năm 1945. Khi bắt đầu Đế Nhị Thế Chiến, họ gác bút để tham gia vào công cuộc tranh đấu cởi bỏ ách nô lệ bằng súng đạn qua Hưng Việt, Đại Việt Dân Chính, Việt Nam Quốc Dân Đảng. Ba nhà văn Nhất

Linh, Khải Hưng, Hoàng Đạo trong Tự Lực Văn Đoàn đã can trường đi vào hành động. Họ chống lại cộng sản phi nhân, độc tài. Họ tranh đấu cho đến hơi thở cuối cùng để tổ quốc thân yêu khỏi rơi vào vòng thống trị của cộng sản muốn biến cải đất nước làm công cụ cho đảng.

Hồn Bướm Mơ Tiên như một bài thơ dài, đưa lại vẻ trong sáng trong văn chương. Cô Mai trong Nửa Chừng Xuân đã được nhiều người yêu mến, nhất là phụ nữ, suốt từ Bắc chí Nam. Nhà văn xuất chúng Khải Hưng với nhiều tiểu thuyết luận đề, phong tục, tâm lý, đã sử dụng đã được cả một thế hệ thanh niên hâm mộ. Có thể nói Khải Hưng là nhà văn của thanh niên, vì ông am tường tâm lý họ một cách rất sâu sắc. Khải Hưng là con người giàu lý tưởng, quá lý tưởng nên không lường được những thâm độc của

cộng sản. Sau 1975, khi cộng sản chiếm toàn bộ đất nước, những tác phẩm của ông đều bị đốt, nhưng chỉ ít năm sau, «Nửa Chừng Xuân» đã được quay thành phim bán ra hải ngoại.

Bên dòng sông An,
Aquia Harbour, 5 - 1996
(trích Hành Trình Từ Dĩ Vãng
tức Hồi Ký Một Đời Người, tập III)

PHẠM NGỌC LŨY

**NHỮNG KỶ NIỆM KHÓ QUÊN
VỚI CÁC BẠN
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN**

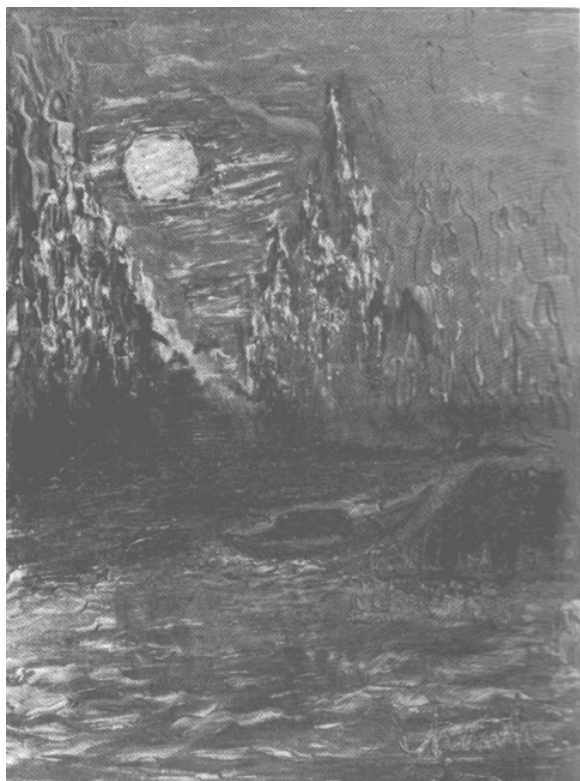
ĐÌNH HÙNG



I - Sơ Ngộ Cùng Thạch Lam.

Thuở đó, 1940, tôi vừa đặt chân vào

ngưỡng cửa cuộc đời, cũng như ngưỡng cửa làng văn. Vốn liếng đóng góp mới chỉ có mười bài thơ đăng báo, một vài tùy bút, ít truyện ngắn đăng trên các tập san, giai phẩm xuất hiện bất thường, tất nhiên tôi chưa mấy quen với các văn thi hữu đi trước – thứ nhất đối với lớp người làm văn nghệ trước tôi cả chục năm trời và tên tuổi đang nổi, như nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Vậy mà một buổi sáng kia Thạch Lam đã tìm đến với tôi rất tự nhiên, rất bất ngờ, để rồi sau buổi gặp gỡ đầu tiên, anh đã trở nên thân thiết với tôi rất chóng.



Thuyền Trăng – Tranh sơn dầu

Thanh Trí Cao

Hơn hai mươi năm qua rồi. Ngày nay
tôi còn tưởng như nhìn thấy trước mắt

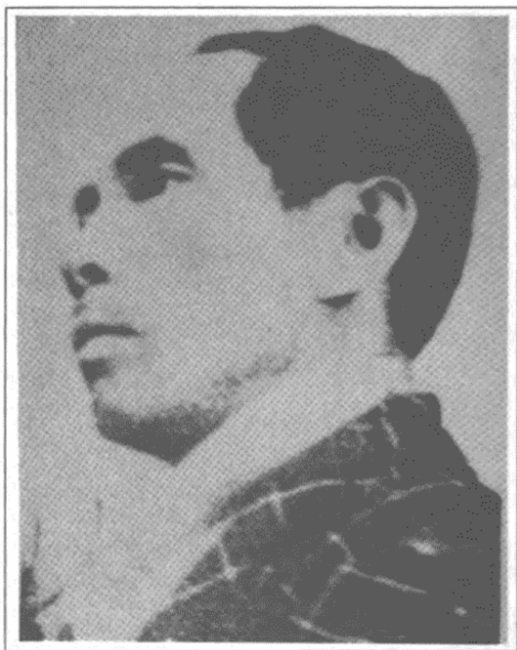
(cũng như thỉnh thoảng, tôi vẫn thấy hiển hiện trong những giấc chiêm bao) cái dáng cao và mảnh của anh, chiếc mũ “Fléchet” đội rất thích hợp với khuôn mặt thanh tú, sống mũi thẳng, nước da trắng xanh, cặp mắt to và hàng mi dài – vóc dáng ấy hiện đến một lần để rồi mãi mãi tưởng chừng vẫn còn chiếm riêng một vị trí nào đó trong không gian và cả thời gian. Có lẽ chính vì con người Thạch Lam không còn là một hình hài hữu thể, cho nên không bị hủy diệt, không hề đổi thay.



Nhà văn THẠCH LAM

Tôi vẫn biết Thạch Lam ở cùng một khu ngoại ô Yên Phụ với tôi. Anh ở trong làng, ngay bên Hồ Tây. Tôi ở ngoài lộ, đứng trên sân thượng cũng nhìn thấy Hồ Tây như một tấm gương lớn phía trước mặt, và sông Hồng Hà như một giải lụa

uốn mình phía sau lưng. Nếu tính đường thẳng, từ nhà Thạch Lam tới nhà tôi, cách nhau chỉ một khoảng trời thu hẹp, chiều dài chưa quá trăm thước. Từ căn phòng nhỏ của tôi trên lầu, ngồi bên cửa sổ, tôi có thể trông thấy khói bếp nhà anh và cả ngọn tre đầu cổng nhà anh in lên nền trời. Hàng ngày, tôi vẫn thường nhìn thấy bóng anh đi khoan thai trên con đường gạch đỏ lượn khúc xa xa lúc ẩn, lúc hiện, mỗi khi anh từ trên phố về hoặc từ nhà dạo lên đường cái.



Nhà văn NHẤT LINH

Tuy nhiên, khi cái bóng ấy đột ngột hiện ra trước khung cửa phòng tôi (căn phòng nhỏ chênh vênh trên gác cao từng bị Huy Cận và Xuân Diệu gọi là cái tổ chim) tôi không khỏi ngạc nhiên một cách thú vị. Thạch Lam tìm đến với tôi,

như đến với một người bạn quen thuộc từ lâu. Anh nắm tay tôi thân mật, vừa nhìn quanh gian phòng tổ chim một lượt, vừa cười nói:

– Thì ra chúng ta là hàng xóm láng giềng với nhau, gần nhà, xa ngõ...

Không kiểu cách, không khách sáo chút nào, anh tự giới thiệu và nói cho tôi biết lý do anh tìm đến gặp tôi. Trong khi chúng tôi yên trí rằng những người làm văn nghệ đi lớp trước chúng tôi, thứ nhất những người đã nổi tiếng như nhóm Tự Lực Văn Đoàn và như Thạch Lam, hẳn chẳng bao giờ để ý tìm hiểu những kẻ đến sau, thì trái lại, Thạch Lam vẫn nhìn bao quát tất cả mọi hướng trời, vẫn theo dõi từng bước đi của bọn chúng tôi mệnh danh là «thế hệ trẻ» thời đó. Với cặp mắt quan sát rất tế nhị mà khoan hòa, tác giả «Hà-nội băm sáu phố phường»

đã không bỏ qua từ sắc thái, từ chi tiết, từ mỗi biến chuyển hết sức mong manh của đô thành văn nghệ. Và Thạch Lam đã không bỏ qua tới cả một đoạn tùy bút nhỏ của một cây bút mới. Anh cho tôi biết: Tình cờ anh đọc được ở một đặc san, giai phẩm không định kỳ nào đó, một đoạn tùy bút hay phiếm luận gì đó của tôi, bàn về vấn đề thưởng thức «quà Hà-nội», nghĩa là góp thêm ý kiến cùng tác giả «Hà-nội băm sáu phố phường...» Anh lấy làm khoái ở một vài điểm, cho nên anh phải đích thân tới kiếm tôi để thảo luận cho vấn đề thêm sáng tỏ...

Anh còn cho biết thêm: Anh đã có đọc những văn thơ của tôi đăng tải trên các sách báo. Anh hỏi thăm, và được... bác hàng phở đầu Ô Yên Phụ mách cho biết chỗ ở của tôi...

Cuộc nói chuyện giữa Thạch Lam với tôi trong buổi sơ ngộ ấy dĩ nhiên không thiếu hương vị đậm đà, vì toàn về nghệ thuật... ẩm thực – nghệ thuật tạo miếng ăn ngon, và phép tắc ăn cho có nghệ thuật.

Khi đứng lên ra về, Thạch Lam gật gù tỏ vẻ hài lòng, và mỉm cười một cách hóm hỉnh:

– Trên phương diện lý thuyết, chúng ta có thể “đồng vị” nhau ở nhiều điểm. Nhưng phải cần có “thực hành” (anh nhấn mạnh chữ “thực”...) Vậy chiều nay không gì bằng mời anh qua tẽ xá uống chơi với nhau dăm chén rượu, nhân thể họp mặt cùng vài người bạn “tri kỷ, tri vị...” Để rồi, vừa ăn uống, vừa mạn đàm, nó mới sáng thêm ra cái chân lý của nghệ thuật... ăn!

Tôi cảm động vì giọng nói rất ấm và thành thật của anh, liền nhận lời. Thực quý báu biết bao nhiêu, tấm lòng rộng mở thiết tha của anh Thạch Lam đối với nghệ thuật ở mọi địa hạt, trên mọi cương vị! Và đối với người nghệ sĩ của Cái - Đẹp - Toàn - Diện như Thạch Lam, thì lựa chọn một món ăn ngon cũng có giá trị không kém viết một câu văn truyền cảm, và khám phá được một thú mỹ tửu cũng quan trọng ngang với gieo được một vần thơ trác tuyệt, hoặc tìm thấy một người bạn hiền.

Nhưng, tôi chợt nhớ trong cuốn “Hà-nội băm sáu phố phường” hình như Thạch Lam có viết một câu hàm xúc ý nghĩa chẳng khác châm ngôn:

– “Bạn hãy nói cho tôi biết bạn ăn uống ra sao, tôi sẽ bảo cho bạn rõ bạn là người thế nào...”

Bất giác liên tưởng tới bữa rượu buổi chiều do Thạch Lam mời mặc dầu mời rất ân cần, rất thành thật – tôi vẫn cứ áy náy không yên. Thật tình, từ lúc đó tôi mới nhận thấy cái việc ăn uống nhiều khi cũng mệt không khác làm Thơ!

2 - Sóng Rượu Hồ Tây.

Tây Hồ có danh sĩ

Nhà thi ở nhà tranh

Cửa trúc cài phen gió

Trước thềm bóng liễu xanh...

(thơ Huyền Kiêu)

Ở sát cạnh Hồ Tây, làng Yên Phụ nhỏ, xinh như một bán đảo, gần nửa làng chạy vòng theo bờ nước. Hầu hết dân làng đều làm nghề trồng hoa. Mỗi năm, gần đến tết, đi dạo quanh làng, có thể tưởng như lạc tới một hoa thôn trong

cổ tích. Nhà nào cũng thấp thoáng bóng đào hồng, mai trắng bên thềm, và liễu xanh rờn buông mảnh trước gió, và cúc vàng rực từng luống trong vườn, với đủ các thú hoa sắc màu rực rỡ: cẩm chướng, phù dung, tường vi, lan huệ... và đặc biệt dưới những giàn hoa lý, trên sân gạch, từng hàng chậu hoặc bát thủy tiên bày xan xát, lá nõn vươn lên như bích ngọc.

Yên Phụ, theo ý tôi, có thể là một trong những làng đẹp nhất của miền ngoại thành Hà-nội. Mà từ làng vào thành phố cũng gần. Chỉ vòng con đường gạch đỏ, lên mặt lộ đi chừng hai trăm thước là tới cửa Ô, tiếp liền với đường Cổ Ngư thơ mộng. Trong năm cửa ô của Hà thành, Ô Yên Phụ, theo ý nhiều người lại cũng được coi là cửa ô đẹp nhất, và sạch nhất, ít phồn tạp nhất, khu vực ấy quả là chỗ ở lý tưởng của văn nghệ sĩ.

Căn nhà của Thạch Lam ở ngay khúc đầu làng Yên Phụ soi bóng xuống Hồ Tây. Nhà mái tranh, cổng gỗ, giữ nguyên vẻ thanh bạch, cổ sơ, tuy rằng, nếu muốn, có lẽ chủ nhân lợp mái ngói, xây tường gạch cũng không khó: chính Thạch Lam từng nói với bạn bè như vậy. Nhưng cái bản chất giản dị ưa thanh đạm của Thạch Lam không muốn thế, bản chất thuần phác của một kẻ sĩ, dù không nhất thiết giữ thái độ “vong bản lạc đạo” cũng sẵn sàng sống theo cái tiết điệu nhu thuận nhịp nhàng của thiên nhiên. Bởi vậy Thạch Lam không hề có mặc cảm về sự “ở nhà tranh” của mình, cũng như chẳng bao giờ bận tâm về sự “ở nhà lầu” của người khác. Đối với anh hình như sống trưởng giả trong cảnh giàu sang không khó, mà tạo được cái nghèo cho có... nghệ thuật mới đáng kể: nghèo nhưng vẫn thanh lịch, nghèo nhưng vẫn không

thấy là khổ, nghèo mà vẫn không thấy mình nghèo! Anh thường trầm ngâm tuyên bố:

Ở được nhà lá, nằm được giường tre, ăn được rau đậu, mà vẫn tìm thấy cái đẹp của mái lá, cái êm của giường tre, cái ngon của rau đậu, mới kể là biết sống có nghệ thuật.

Sự thật, tuy nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thêm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rủ cành lá xuống nước, và khóm tre xào xạc đầu cổng...

Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí óng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe nhịp sóng vỗ vào bờ thao

thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thực đáng quý, khung cảnh đó thực dịu lành mà quyến rũ, và tôi hiểu thấm thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lầu đài, dinh thự nào. Khi chỗ ở đã có một linh hồn, thì mỗi góc nhà, mỗi xó cửa, cho tới từng mô đất, từng bậc thềm, từng đám rêu, từng ngọn cỏ đều như có kết đọng một phần tinh chất con người, và cũng có thể sinh hóa, truyền cảm như người. Tôi không thể không nói nhiều tới ngôi nhà của Thạch Lam, vì không riêng gì chủ nhân, không riêng gì tôi, còn bao nhiêu linh hồn thanh khí khác từng gặp gỡ nhau ở đây, từng để lại bao nhiêu kỷ niệm; và những kỷ niệm, những bóng dáng, những tiếng vang, những dấu vết của một ngày - xưa - không bao - giờ - trở - lại, dưới mái lá đơn sơ của ngôi nhà

trong làng Yên Phụ, một thời từng làm nên cái quá khứ huyền thoại của chúng tôi – ít nhất cũng ấp ủ những thiên giai thoại hào hứng chung quanh mỗi giao tình tri kỷ đượm ngát hương trà và say nồng men rượu.

Tây Hồ có danh sĩ

Nhà thi ở nhà tranh

Ngôi nhà tranh của Thạch Lam, tôi còn muốn gọi là “ngôi nhà lịch sử”, vì ở đây tác giả “Hà Nội băm sáu phố phường” đã sống một phần đời có lẽ sôi động nhất, cởi mở phóng túng nhất – phần chót cuộc đời anh, trước khi anh chính thức đi vào lịch sử, nghĩa là đi vào thiên cổ. Cùng trong khoảng thời gian đó, một năm trước khi anh ngộ bệnh rồi từ trần, bên cạnh Thạch Lam còn quy tụ một số khá đông anh em văn hữu. Những người

ít nhiều đã từng đóng góp vào cả văn học cùng lịch sử xứ này, trong căn nhà có liễu rủ trước thêm kia, vẫn thường họp mặt nhau hàng ngày, nhiều khi thâu đêm suốt sáng, và sóng nước Hồ Tây cũng đã từng phen hòa cùng sóng rượu giao tình, nổi cồn men say ngây ngất. Hình như ngọn lửa hào hứng trong lòng Thạch Lam, tựa ngọn đèn trước khi tắt, chợt bùng sáng lên mãnh liệt một lần cuối cùng, khởi sắc và linh động khác thường, ánh sáng tràn đầy sinh khí và tỏa rộng tinh anh, hấp dẫn như toát ra một điện lực kỳ lạ, khiến bè bạn gần anh hồi đó đều nhận thấy anh như sống thoát hẳn cái bản ngã trầm mặc cố hữu.

Viết về Thạch Lam, nhà văn Đỗ Đức Thu đã có những nhận xét như sau:

Hình như Thạch Lam sống với văn chương, với sách vở báo chí hơn là sống

với người đồng thời. Những người biết Thạch Lam, cả đến các bạn làng văn, đã gán cho anh tiếng quả giao, đã chê cái thái độ mà họ cho là hiếu kỳ, khùng khỉnh. Sự thực không phải thế. Thạch Lam là người giàu tình cảm, chỉ vì trường đời tạo cho anh cái thái độ dè dặt, bắt anh sống cái đời con ốc trong một vỏ kín bung. Vì cái tâm hồn phong phú, cái đời tâm tưởng dồi dào ấy đã có lần sống cởi mở với thế nhân, đã sống hoang toàng rộng rãi để rồi chịu những thương tích nó làm giảm dần lòng tin tưởng ở người đời. Tránh sao khỏi điều đó, khi một tâm hồn thanh tú, một con tâm mà một hơi gió, một ánh trăng đều rung động nổi, phải trực tiếp va chạm với những khắc nghiệt của cuộc đời thực tế.

Thạch Lam rất thận trọng trong việc giao du. Bè bạn của anh có thể đếm trên

bàn tay. Thỉnh thoảng mới có người tìm đến cái nhà cạnh bờ Hồ Tây, phần nhiều cũng trầm lặng như chủ: đó là những người có thể ngồi im hàng giờ cạnh khay trà, đã đạt tới cái thuật “đối diện đàn tâm” của các bậc túc nho...

Thường nhật trước kia là như thế: Đúng như nhận xét của Đỗ Đức Thu, vì họ Đỗ là một trong số những người bạn ít ỏi tri kỷ với Thạch Lam, một người bạn “đồng tịch đồng sàng” của thời kỳ “thập niên đăng hỏa”. Nhưng, từ khi tôi quen biết anh và có dịp sống gần anh thân thiết, vào thời kỳ anh tự ý lìa bỏ ngọn “lửa giường”, tôi nhận thấy anh trẻ lại rất nhiều, và hồn nhiên cởi mở, và phóng khoáng buông thả không dè dặt: Anh đã thoát ra ngoài “cái vỏ ốc” ngày nào để trở về cùng bản chất sơ khai và thuần khiết của một kẻ hào sĩ đầy nhiệt tình, một

nghệ sĩ toàn vẹn, đáng yêu hơn bao giờ hết.

Đó là thời kỳ mà cả mấy tờ báo Phong Hóa, Ngày Nay và Chủ Nhật đều đóng cửa. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn vẫn còn hiện diện đủ mặt, nhưng bị ngăn cấm ra báo nên chỉ còn hoạt động về xuất bản. Theo quyết định chung, công việc điều khiển nhà xuất bản Đời Nay sẽ luân phiên do mỗi người phụ trách một thời gian. Đạo đó tới phiên Thạch Lam đang giữ trách nhiệm điều khiển nhà xuất bản. Một phần có lẽ công việc cũng nhàn, nhưng một phần, hẳn là do cái phong độ ung dung thư thái của Thạch Lam, nên chẳng bao giờ tôi thấy anh tỏ vẻ bận rộn, và cũng chẳng bao giờ tôi thấy anh cho là quan trọng bất cứ việc gì.

Hàng ngày, công việc mà anh để ý tới nhất là, ngay từ sáng sớm, trịnh trọng

sửa soạn khay trà, để cùng với mấy người bạn tri kỷ ngồi nhìn ra Hồ Tây mù sương trong khi đối ẩm. Để rồi sau đó lại cùng nhau hợp mặt quanh mâm rượu, và cùng nhau say ngất ngưỡng suốt từ sáng tới chiều. Cứ như thế đã thành cái lệ thường xuyên, trong suốt một năm trời, trước khi ngọn lửa hào hứng kỳ lạ trong anh chợt tắt theo cuộc sống.

Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam đạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cô vợ “nhỏ” là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiêu, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tú, đôi khi Nguyễn Xuân Xanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn Đỗ Cung...

Tất cả những người kể trên đều có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân, tác giả “Hà Nội băm sáu phố phường” thực đã xứng đáng với cái danh “Hào sĩ” mà chúng tôi tặng anh. Hết sức hào phóng, lịch thiệp mà vẫn thân mật, ân cần với tất cả mọi người, bao giờ anh cũng giữ một nụ cười rất đặt trên môi, và lúc nào cũng nhã nhặn, thủ thỉ, ngay cả trong những cuộc rượu bốc nhất. Mặc dầu có những châu rượu say đảo lộn cả trời đất lẫn của nhà, dốc ngược cả khóm tre, cây liễu với Hồ Tây... Thạch Lam vẫn không hề nói lớn, và nhất là không... gây chuyện với ai. Trong khi Khái Hưng đấu khẩu cùng Thế Lữ, Trần Tiêu cãi lộn với Khái Hưng. Thế Lữ gây sự cùng tôi, Huyền Kiêu lại gây nhau với Thế Lữ, và chúng tôi cà khịa với cả Đoàn

Phú Tứ cùng Nguyễn Tuân... thì Thạch Lam chỉ điềm nhiên nâng chén tiếp tục uống, và mỉm cười khuyến khích mọi người uống nhiều thêm. Dường như anh còn khích lệ cho cả mọi người cãi nhau hăng hơn, tuy rằng anh không dự cuộc... Anh vẫn ngồi rất chỉnh, đưa cặp mắt hóm hỉnh xét đoán phong cách “ăn nói” của từng người. Anh “đánh giá” bạn bè ở tửu lượng của họ, và chúng tôi thường bảo nhau:

– Nếu không biết uống rượu cho sáng khoái và không biết ăn cho... đẹp, có lẽ không thể nào là bạn thân của Thạch Lam.

Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội kiến đầu tiên; bữa đó có mặt: Nhất Linh, Thế Lữ, anh chàng Huyền Kiêu (tác giả bài thơ Tương Biệt Dạ), Thạch Lam và cả nữ kịch sĩ Song Kim

(chỉ ăn thức nhắm mà không uống)...

Thoạt đầu chúng tôi còn uống rượu Rhum pha vào nước trà đường với từng lát chanh thái mỏng, theo kiểu “grog” nóng. Uống từ 6 giờ chiều tới 12 giờ đêm thì Thế Lữ bỏ cuộc, cùng vợ (nhỏ) trở về nhà riêng (cũng ở trong làng Yên Phụ). Còn bốn người vẫn tiếp tục uống, cho tới 3 giờ sáng thì cả rượu Rhum cùng thức nhắm đều hết nhẵn. Nhất Linh – tuy vẫn chưa có vẻ say chút nào – tỏ ý muốn đi ngủ, và anh ra nằm ở chiếc võng giữa nhà, ê a ngâm thơ, mặc Thạch Lam, Huyền Kiêu và tôi xoay ra uống rượu Văn Điển suông với nhau. Khuya lắm, người nhà Thạch Lam đã ngủ yên hết, ba chúng tôi còn loay hoay xuống bếp nướng mực và mò găm giường lấy dưa chua trong vại ra nhậu. Dần dần cả mực nướng lẫn dưa chua đều vơi hết, chúng tôi liền vật

luôn những cánh hoa sen cắm trong lọ mà nhắm... Hết cánh hoa đến nhụy hoa, rồi đến cả những hương sen mới nhú cũng biến thành món nhậu. Tới lúc đó thì trời cũng vừa sáng. Thạch Lam kêu người nhà đi mua thêm đồ nhắm. Anh Nhất Linh đã tỉnh ngủ từ bao giờ, lại ung dung ngồi vào dự cuộc. Trong khi chúng tôi đều say mềm, thì Nhất Linh vẫn sung sức, dẻo dai như khi mới bắt đầu uống. Tuy anh có tạm “nghỉ giải lao” từ đêm tới sáng, nhưng phải nhận rằng tửu lượng Nhất Linh thực cao: Vừa chớm bình minh, anh đã lại góp mặt cùng chúng tôi hội ẩm, và từ lúc này anh uống rất thực thà, nhiều gấp đôi chúng tôi. Anh bảo: Như thế, để... đuổi bắt kịp cả làng, bù vào quãng thời gian tạm nghỉ ban đêm... và cứ như thế, cuộc rượu bốn người kéo liên một mạch tới đúng 12 giờ trưa. Xin thú thực: tới lúc này, trí óc tôi không còn

đủ minh mẫn nữa. Hai mắt tôi đã mờ vì cơn say thắm thía, nhìn mọi vật chỉ còn thấy lung linh bóng dáng... Những gương mặt quen thuộc đều nhòa đi như nhìn qua lăng kính. Vậy mà tôi vẫn còn nhớ – có lẽ bằng một thần trí hay một linh giác nào đó của riêng người say – và tôi nhớ rõ ràng, nhớ chắc chắn rằng: tất cả những người khác cũng say lão đảo không kém gì tôi. Thạch Lam với Huyền Kiều rót rượu đầy tràn cả ra ngoài miệng chén. Nhất Linh giằng lấy chai rượu, đem giấu vào góc tủ. Tai tôi vẫn còn nghe rõ tiếng anh nói:

– Thôi đấy nhé! Hết rượu rồi, không ai được uống nữa!

Đoạn Nhất Linh kêu nóng – có lẽ chính anh cũng say khá kịch liệt – anh cởi phăng ngay áo ngoài, và mình trần, quần cộc, anh chạy ra sân, nhảy tùm

xuống Hồ Tây mà bơi ào ào, như một thể thao gia có hạng. Ở dưới nước, cách bờ tới dăm chục thước, anh lớn tiếng nói vọng lên:

– Các tửu đồ! Có hứng, thử nhảy xuống hồ này vùng vẫy chơi cho mát!

Tức thì tôi cũng thoát y, mặc “sì-líp” nhảy đại xuống hồ theo Nhất Linh, và trong cơn say bùng bùng da thịt, tôi cũng rẽ sóng mà bơi thực mạng, mắt nhắm mắt mở nhằm hướng Nhất Linh mà bơi! Nhờ trời, từ thuở nhỏ tôi đã biết bơi khá thạo, nên không đến nỗi chết đuối. Nhưng đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu tại sao tôi không “trúng lạnh” hay “phải gió, ngộ cảm”, hoặc bị “chuột rút” cứng đờ cả thể xác ngay trong nước? Không quay lơ, chìm ngấm dưới Hồ Tây dạo đó, quả thực số tôi may mắn lạ lùng!

Nhưng dạo đó, tôi đâu biết nguy hiểm! Tôi chỉ thấy tức khí, muốn trở tài bơi vượt anh Nhất Linh cho thiên hạ phục lẫn, (chứ không phải để chính mình lẫn đùng!) Từ phía xa xa nhấp nhô giữa làn sóng lấp lánh bạc, tôi thấy Nhất Linh vung tay vẫy gọi, và anh nhào mình bơi thật nhanh tới gần tôi. Còn cách nhau chừng dăm thước, và cách xa bờ ngoài ba chục thước, Nhất Linh thách thức:

– Tôi với anh bơi thi từ đây vào bờ, xem ai thắng?

Cố nhiên tôi ra sức thi đua liền. Lời thách thức của Nhất Linh đã có cái hiệu quả khích cho tôi trở về bờ, trong khi đó anh vẫn bơi kèm sát theo tôi, đề phòng bất trắc. Cả hai về gần tới bờ cùng một lúc. Nhất Linh cố ý bơi thụt lại, để kém tôi nửa sải tay.

Thạch Lam và Huyền Kiêu đứng dưới gốc liễu, cùng nâng cao ly rượu, và cùng... đổ rượu xuống Hồ Tây, cả hai đồng thanh nói giọng say nhè:

– Hay lắm! Thưởng cho kẻ nào về nhất cả hai ly rượu vừa rồi!

Chúng tôi đặt chân lên bờ. Nhất Linh khoát cánh tay tôi dìu vào trong nhà, ân cần lấy khăn tắm cho tôi lau khô mình, và giúp tôi mặc quần áo, đúng như một người anh cả săn sóc cho đứa em hư...

Trước khi ngã lăn ra giường và ngất lịm đi, tôi còn nhớ mang máng: Cả Thạch Lam và Huyền Kiêu cũng nằm thẳng cẳng bên cạnh tôi như hai cái tử thi, trong lúc anh Nhất Linh lúi húi lấy vôi lần lượt bôi vào gan bàn chân cả ba người. Bên tai tôi văng vẳng tiếng chị Thạch Lam nói:

– Đúng mười một cái vỏ chai Văn Điển!...

3 - Men Xuân Quê Nhà Thạch Lam.

Quê Thạch Lam ở Cẩm Giàng (Hải Dương). Mùa xuân năm đó (1942), mồng ba Tết, chúng tôi rủ nhau về họp mặt tại quê anh. Trong một ngôi nhà gạch kiểu ánh sáng, quang đãng mà ấm cúng, giữa một vườn cây nhiều hoa trắng, chúng tôi quây quần thù tạc. Ngày Tết ở miền quê, không khí gia đình hòa lẫn vào không khí thân hữu, tự nhiên đượm một phong vị vừa thân mật, vừa sáng khoái.

Bọn chúng tôi gồm có: cặp vợ chồng kịch sĩ và thi sĩ Song Kim - Thế Lữ, văn sĩ Khải Hưng, văn sĩ Trần Tiêu, ông Hoàn, quản lý nhà xuất bản Đời Nay, anh bạn

thơ Huyền Kiêu, nhà bác sĩ kiêm nghệ sĩ Nguyễn Tường Bách, Thạch Lam và tôi.

Trong bọn thì tôi ít tuổi nhất, nên những người kia đều gọi tôi là tiểu tử (Benjamin) để rồi lại gọi trạch đi là... tửu tử.

Bữa rượu đầu xuân năm ấy, phải nói rằng chúng tôi đã uống với tất cả chất men say ngây ngất bốc lên từ chính tấm lòng xuân phơi phới của mình, hòa với cái say của hương khói trong nhà, của mưa bụi ngoài trời, của lá hoa xuân hiền dịu, của mùi thơm cây cỏ ngoài vườn...

Câu chuyện “văn nghệ” điển hình nhất của chúng tôi tất nhiên khởi sự chung quanh... mâm cỗ Tết, có đủ các trân vị đặc biệt của cái Tết Việt Nam thuần túy: bánh chưng xanh, thịt mỡ dưa hành, cá kho, giò thủ, thịt đông, cùng các món đồ

nấu cỗ diễn trình bày rất hòa điệu. Bởi đây là cỗ Tết của gia đình tác giả Hà Nội Băm Sáu Phố Phường nhà văn đã nâng cao vấn đề ẩm thực lên thành một nghệ thuật tinh vi.

Chúng tôi đều biết cái khiếu thưởng thức món ăn của Thạch Lam rất tế nhị, và chúng tôi thường nói đùa rằng: “Thạch Lam ăn có nguyên tắc, uống có lập trường, và phê bình vấn đề ăn uống với một quan niệm siêu đẳng..”

Tôi không bao giờ quên cái dáng điệu ngồi rất đẹp của anh, khi nâng chén: cái đầu nghiêng nghiêng, cặp mắt lim dim, anh rung đùi nhắc lại một câu mà anh đã viết trong Hà Nội Băm Sáu Phố Phường: «Hãy bảo cho tôi biết bạn ăn uống ra sao, tôi sẽ nói cho bạn rõ bạn là hạng người nào». Chúng tôi đồng thanh lấy giọng ê a như ngâm thơ, và cùng gõ nhịp đĩa

xuống mâm, đọc to câu đó lên trước khi cạn chén, để rồi gật gù kết luận rằng đó là một câu «danh ngôn» đặc ý nhất của «danh sĩ» Thạch Lam.

Tôi cũng không quên được cái chất men rượu xuân năm ấy, sánh quện đầu lưỡi, ngọt lừ mà tê lịm, có thể cứ uống mềm môi mà say ngất lúc nào không biết. Rượu đựng trong những nậm sứ cổ, rót vào chén nhỏ men trắng như ngọc, càng tôn thêm phẩm chất và hương vị. Trong đời tôi, có lẽ chưa bao giờ được uống thứ rượu ngon như thế. Phải chăng vì rượu có thấm đượm cả cái men xuân kỳ diệu? Nhưng không phải tôi tự huyễn hoặc. Tất cả những người khác cũng đều công nhận là rượu ngon lắm: thuần chất hơn Mai Quế Lộ, say hơn Thanh Mai, thanh khiết hơn hết các thứ rượu cúc, rượu cẩm, và cố nhiên không nên

so sánh với rượu Tây, vì đây là chất men hợp với huyết thống con người Đông Phương trăm mặc.

Uống rượu ngon thì biết là rượu ngon duy không ai đoán biết là rượu gì! Thạch Lam cười bí mật, gọi người nhà bưng cả vò rượu lớn ra, chỉ vào mảnh giấy hồng điều dán làm nhãn hiệu có viết bốn chữ nho “Đào Lê Mỹ Tửu”. Anh nghiêm trang giải thích: “Đào Lê Mỹ Tửu là rượu ngon, đành rồi! Còn Đào không phải là quả Đào với quả Lê, mà còn nói lái lại, chỉ là Đề Lao: Đề Lao là nhà tù, ai mà không biết? Thử rượu này dẫn người ta đến nhà tù dễ như bốn, vậy chỉ là rượu ngang, rượu lậu thuế!”

Chúng tôi cùng phá lên cười, và hô lớn:

– Đào Lê Mỹ Tửu Vạn Tuế!

– Đả đảo Tây Đoan!

Nói đến Tây Đoan, lập tức mọi người nhớ ngay đến anh chàng thi sĩ tác giả Thơ Thơ là Xuân Diệu, mà kịch sĩ Đoàn Phú Tứ gọi là Xuân Rượu, vì hồi đó Diệu vừa thi đậu làm cò mi Đoan, và Diệu đã được làng văn tặng cho hai câu thơ:

Đương làm thi sĩ hóa Tây Đoan

Nửa mặt nhà thơ, nửa mặt quan...

Nói đến Tây Đoan, người ta còn truyền tụng với nhau câu chuyện sau đây: “Đêm giao thừa, Xuân Diệu và Huy Cận đã rủ nhau về ăn tất niên ở Cẩm Giàng, quê nhà Thạch Lam, nghĩa là cũng ở gian nhà mà chúng tôi đang họp mặt. Hai anh chàng Xuân và Huy đã cùng thức trắng đêm bên cạnh nồi bánh chưng, để rồi, khi bánh vừa luộc chín, một mình nhà thơ Xuân Diệu đã ăn sột sột hết đúng

bốn cái bánh chưng lớn còn nóng hổi, bốn tấm bánh chưng lớn vừa bằng 4 viên gạch lá nem vuông vắn, mỗi chiều sắp sỉ 20 phân tây, bề dày ít nhất cũng 3, 4 phân tây! Thành tích “ăn” đó có thể coi là kỷ lục xuất chúng ở vào cái thời đã khuất bóng cụ Lê Như Hồ.

Người ta kinh dị mà kể với nhau câu chuyện “Thi sĩ Xuân Diệu” (họ Ngô) một mình ăn hết bốn tấm bánh chưng cỡ lớn, và ăn liền một mạch như voi cuốn, ăn thẳng thừng không ngấm nghĩ, không suy tư, tất nhiên là không cần “ăn có lập trường” như Thạch Lam!”

Câu chuyện rất thực, không phóng đại mảy may. Chính Thạch Lam, xưa nay vẫn được tiếng là không nói phiếm bao giờ, cũng phải xác nhận là đúng. Anh chép miệng phê bình bằng một nửa câu danh ngôn bất hủ: “Hãy nói cho tôi biết

bạn ăn uống ra sao...” Và anh bỏ lửng câu nói để thay thế bằng một nụ cười đầy ý nghĩa.

Thạch Lam cũng như Khái Hưng, cùng Trần Tiêu, không sống lâu trên cõi đời để mà chứng kiến bao nhiêu lớp tuồng ảo hóa kỳ khôi xảy đến những năm sau này. Để mà có dịp nhận thấy rằng: “Con người văn nhân thi sĩ mà ăn liền được một lúc bốn tấm bánh chưng lớn tất phải là con người đã mang sẵn cái chất... duy vật vô sản trong máu huyết”.

Quả nhiên không phải là chuyện dị thường! Có phải chẳng, anh Thạch Lam, người nghệ sĩ giờ đây đã thoát hẳn mọi ràng buộc của vật thể, để chỉ còn... “ăn hương, ăn hoa” vô cùng thanh khiết?

4 - Cơn Say Chưa Tỉnh.

Những cơn say như thế cứ liên miên tiếp diễn, suốt một năm trời. Không mấy ngày, từ căn nhà nhỏ bên bờ Hồ Tây, không vang lên những tiếng cười, những tiếng ngâm thơ, có khi cả tiếng đàn, nhịp phách cùng tiếng hát đào nương. Đạo ấy Nhất Linh chưa trốn sang Tàu, Khái Hưng chưa bị bắt đưa đi Vụ Bản, Thế Lữ vẫn còn ở cùng một khu Trần Tiêu ở Hải Dương mỗi tháng thường lên Hà Nội vài ba chuyến. Nguyễn Tường Bách tuy sắp thi ra Bác Sĩ nhưng thực chất cũng nghệ sĩ không kém gì mấy ông anh ruột: Giữa những người đó, cuộc tụ họp nhau hàng ngày tại nhà Thạch Lam đã hầu thành một cái lệ cần thiết, từ khi nhóm Tự Lực Văn Đoàn nghỉ ra báo. Riêng Huyền Kiều và tôi, gần Thạch Lam rồi thân với Thạch Lam giữa thời kỳ anh phải ngừng hoạt động về báo chí, mỗi giao tình của chúng tôi càng thuần khiết hơn, nhất là

càng có hoàn cảnh và thì giờ để kết chặt thêm những niềm cảm hòa điệu từ tâm linh thâm kín. Chúng tôi ăn, ngủ tại nhà Thạch Lam như ở gia đình mình. Hơn thế nữa, vì có khi ở chính gia đình mình còn không được... say sưa nghiêng ngả bằng. Tới đây, tôi không thể không nhắc tới chị Thạch Lam mà chúng tôi vẫn gọi là «chị Lân» và thành thực quý mến như một bà chị ruột. Chị quả là một bậc hiền phụ, một người đàn bà Việt Nam điển hình, theo kiểu bà vợ Tú Xương:

“Nuôi đủ năm con với một chồng...”

Chính nhờ bàn tay nội trợ đảm đang của chị mà Thạch Lam mới sống được trọn vẹn cuộc đời nghệ sĩ phóng dật của mình. Và chị cũng phải thuần hậu lắm mới có thể chịu đựng nổi lũ “thiếu niên tửu quỷ” trong số bè bạn “vô công rồi nghề” của chồng. Không những luôn

luôn chị phải bận rộn làm thức ăn ngon, món nhắm tốt cho họ thưởng thức, mà tới khi họ say, chị còn phải lo... dọn dẹp, nếu họ nôn mửa, và chuẩn bị xoa đầu nóng, bôi vôi, nếu họ trúng gió. Hơn nữa, có nhiều khi chị còn phải lo cả cái việc phiền toái mà thông thường nhất ở đời là cái việc... chạy tiền, cái việc điều hòa ngân quỹ gia đình mà tác giả “Hà Nội Băm Sáu Phố Phường” có thể quên lãng! Chao ôi! Với nếp sống thanh bạch của một nhà văn chỉ sống chuyên bằng ngòi bút tiểu thuyết – mặc dầu được tiếng có tài rất nhiều, nhưng sách lại bán rất ít – chị Thạch Lam ngày ấy hẳn đã từng phen phải hy sinh cực nhọc bao nhiêu để giữ cho chồng nguyên vẹn cái tiết tháo của một “phong lưu hàn sĩ”, để rồi lại gây được cả cái mỹ hiệu là tay “hào sĩ” một thời. Là vợ của một văn sĩ chưa hề nhận quan tước triều đình như Mạnh

Thường Quân hay Bình Nguyên Quân thuở xưa, chị cũng vẫn tạo được cái tác phong “năm ngày một tiệc lớn, ba ngày một tiệc nhỏ” và “mỗi ngày một... bữa rượu thường xuyên”, dù chỉ rau đậu sơ sơ, nhưng thịnh tình đôn hậu và không khí chân thành của ngôi nhà bé nhỏ ở đây là những yếu tố mà Bình Nguyên Quân và Mạnh Thường Quân chưa dễ đã tạo nổi một cách hồn nhiên, không vụ lợi như chị.

Nếu sóng Hồ Tây đã có lần hòa lẫn với rượu, thì tấm lòng biển rộng của chị Thạch Lam cũng phải thông cảm bao dung lắm với lũ người say chúng tôi, mà chính anh Thạch Lam là một kiện tướng. Thạch Lam say cùng chúng tôi cơn say dài, trước khi nhập vào Đại mộng. Như vậy, có nghĩa là anh mang theo cả cơn say sang thế giới bên kia, để không bao

giờ tỉnh lại nữa. Có lẽ linh tính hay linh giác anh đã đoán thấy, cảm thấy trước cái ngày tịch diệt của thể chất sự hủy thể không thể tránh được. Anh đi vào cơn say như ngao du tới những phương trời huyền mặc, hay đúng hơn, như tìm về quê hương quen thuộc – quen thuộc nhưng không bao giờ hết kỳ bí.

Tôi tin rằng trong những cơn say, Thạch Lam đã bắt gặp được những cái gì lạ lẫm. Ít nhất, trong lúc say, người ta sống với cái thần trí phiêu diêu bên ngoài cả không gian và thời gian. Cho nên Thạch Lam không muốn tỉnh, vì những lúc tỉnh, anh nhìn thấy không gian thì tù hãm, thời gian ngắn quá, chẳng vô cùng. Anh lo sợ “thời gian đi mất” đó. Một năm trước khi chết, thái độ sống của anh là một thái độ sống hào phóng, khoáng đạt, vì chính ở trong nếp sống

đó, anh đã thấy mình sống được “nhiều” hơn, “bao trùm” hơn. Sống như vậy, anh đã nắm giữ được phần nào cái “thời gian sắp mất”, và khi thời gian ấy đi mất hẳn, thì anh cũng không còn tiếc hận gì, vì anh đã từng hòa đồng vào nó rồi – nghĩa là trong phút giây xuất thần nào đó, anh đã hòa mình vào vĩnh cửu.

Đừng vội bảo Thạch Lam hưởng lạc, cũng đừng luận rằng Thạch Lam muốn tạo lại nếp sống «tài tử» để nếm cái «phong vị hàn nho» như Nguyễn Công Trứ, khi thấy tác giả «Hà Nội Băm Sáu Phố Phường» thận trọng và tinh vi trong việc chọn từ miếng ăn, thức uống, từ món quà nhỏ mọn hương vị quê mùa của đất nước.

Không, bình thường thì Thạch Lam hồn nhiên hơn Nguyễn Công Trứ, và cũng không phiến toái như một Tản Đà

trong nghệ thuật sống, tuy rằng theo Thạch Lam, muốn sống có nghệ thuật, tất nhiên không thể buông tuồng.

Nhưng, vào giai đoạn chót cuộc đời, thì cái phóng túng, cái buông thả của Thạch Lam là biểu thị của một thái độ, một triết lý sống phần nào có nhuốm màu sắc siêu hình và thần bí. Trước khi chết, chính Thạch Lam nhiều lúc thường nói với chúng tôi bằng một giọng bí mật:

– Những lúc say, thú vị thực! Vì lúc đó, giá có chết ngay cũng không biết mình chết...

Phải chăng vì thế mà căn nhà tranh bên Hồ Tây đầu làng Yên Phụ đã chứng kiến những “cơn say suốt sáng, trận cười thâu đêm”, trước khi tất cả chìm vào tịch mịch?

Sự thực, tất cả đã lắng vào tịch mịch vài ba tháng trước khi Thạch Lam lìa bỏ cõi đời.

Nhất Linh, sau một đêm “hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề²⁰” họp mặt lần cuối cùng với chúng tôi bên bàn rượu kẻ gốc liễu, tảng sáng bỗng ra đi biệt tích.

Khái Hưng bị bắt đưa đi Vụ Bản, Thế Lữ sợ liên can cũng lẫn trốn mất dạng. Huyền Kiêu về ở quê nhà tại Vân Đình. BẠN bè thân, sơ không còn mấy lai vãng tới căn nhà “cửa trúc cài phen gió” nữa. Trong nhà quạnh vắng, chủ nhân cũng bắt đầu ngọa bệnh. Chỉ có Nguyễn Tường Bách là em ruột Thạch Lam, và tôi vốn ở gần thỉnh thoảng còn lui tới. Khi đó bệnh tình của anh có vẻ chưa nặng, chính Tường Bách bác sĩ cũng không ngờ!

20 Trong bài thơ “Tương Biệt Dạ” của Huyền Kiêu.

Một hôm Thạch Lam bảo tôi:

– Các anh Tam và anh Lễ (Thế Lữ) phải lánh mặt cả, vì có báo động. Mật thám giăng lưới và rình mò quanh nhà này. Anh hãy tạm ngưng lui tới một thời gian, kéo bị liên lụy.

Một thời gian qua. Buổi tối hôm ấy, ngồi bên cửa sổ nhìn ra ngoài trời về phía nhà Thạch Lam, tôi chợt nghe thấy một điệu nhạc vắng vắng, một điệu kèn clarinette. Rõ ràng tiếng kèn clarinette của Nhất Linh! Dạo trước, Nhất Linh vẫn thường đem kèn tới nhà Thạch Lam thổi chơi. Ngoài Nhất Linh, không có người nào khác biết thổi clarinette ở khu này.

Tôi liền khoác áo, vò võ xuống đường, rảo bước theo điệu nhạc, vòng ngõ vào làng Yên Phụ, tiến về phía nhà Thạch Lam. Tiếng kèn vẫn hắt hiu trầm bổng,

đứt quãng. Tôi gần nhà Thạch Lam, tiếng kèn chợt im bật. Tôi ngỡ ngàng trong bóng tối. Nhưng đã tới trước cổng ngôi nhà có khóm tre xào xạc. Cổng không cài then. Tôi đẩy tấm cánh gỗ, bước vội vào căn nhà yên lặng. Chỉ có một ngọn đèn dầu hỏa le lói. Và góc nhà, một chiếc giường, màn buông kín. Thạch Lam nằm trong màn đó, và bên mép giường chị Thạch Lam ngồi lo âu. Chẳng có tiếng kèn clarinette nào vọng lên ở chỗ này. Và cũng chẳng làm gì có Nhất Linh ở đây! Có lẽ tôi đã bị lầm vì một ảo tưởng âm thanh nào đó.

Chị Thạch Lam cất tiếng:

– Chú sang chơi (chị vẫn gọi Huyền Kiêu và tôi là Chú Kiêu và Chú Hùng). Anh ấy mới giờ bệnh, nặng lắm!

Tôi vạch màn, vặn đèn sáng thêm, và cổ tôi bỗng như nghẹn lại: Thạch Lam nằm đây, nhưng trên sắc mặt trắng bạch của anh, tôi tưởng như đã nhìn thấy bóng dáng tử thần.

Vậy mà anh còn cố gượng ngồi dậy, bắt tay tôi, nắm thật chặt, cặp mắt lim dim như vẫn còn nặng trĩu những cơn say ngày nào, miệng anh vẫn mỉm nụ cười khoan hòa như mọi khi. Nhưng rồi anh lại nằm xuống, không nói được lời nào, vì anh đang mệt.

Mấy hôm sau anh từ trần. Tôi đã thức suốt một đêm bên quan tài anh, để nghĩ rằng: Thạch Lam vẫn còn say chưa tỉnh, anh đã mang theo cả những hình ảnh tuyệt vời của cơn say dài bất tận về hư vô. Trong khi chúng tôi ở lại, chẳng còn chất men kỳ diệu nào để mà say, nên cứ phải dương mắt ra nhìn đời giữa lúc

rất tỉnh sự tỉnh táo vô vị của những con người đại bất hạnh.

Một Đêm Vui Với Khải Hùng Và Anh Em TLVĐ...

Tiệc rượu châu hôm đó tại nhà Thạch Lam ngẫu nhiên mà đông vui. Gần đủ mặt những “tai mắt” của Tự Lực Văn Đoàn: Nhất Linh (được gọi là “tai” vì anh nghe nhạc giỏi, biết thổi kèn clarinette), Thế Lữ (mắt: vì nhìn rất tinh). Thạch Lam (mũi: đánh hơi quạ Hà Nội rất sành), Khải Hùng (miệng; lưỡi: ăn và nói đều nhanh), Trần Tiêu (nửa mắt, nửa miệng: nhìn và ăn đều lơ mơ...).

Ngoài ra còn có thêm ba “tiểu quý”, vì ít tuổi hơn cả là Nguyễn Tường Bách, Huyền Kiêu và tôi. Giữa châu rượu, không rõ ai đã khởi xướng ra cái việc “Đi hát Á Đào”? TỬu hứng đang bốc cao

ngùn ngụt, tất cả đều hưởng ứng liền. Hoan nghênh rầm rĩ nhất vẫn là Khái Hưng, tuy rượu uống ít nhất mà say nhiều hơn cả. Mới 9 giờ tối. Mọi người rầm rộ kéo nhau ra đường. Thạch Lam cùng Huyền Kiêu không quên xách theo cả hai vò Mai Quế Lộ mới cạn hết một phần. Nhưng khi đã nhảy lên 4 chiếc xe kéo, cả bọn mới lao xao hỏi nhau: Đi đâu? Đi đâu? Và chẳng ai quyết định được cái việc giản dị ấy. Các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, mặc dầu từng thâm tóm được cả cuộc đời trong vũ trụ tiểu thuyết – kể cả Thạch Lam, tác giả “Hà Nội Băm Sáu Phố Phường”, vốn tỏ ra thông thạo từ việc ăn đến việc chơi của Hà Thành thanh lịch, vậy mà đối với cái việc “Đi hát Ả Đào” thì chẳng ai có vẻ từng trải: Nhất Linh, Khái Hưng và Trần Tiêu cùng nhìn nhau lắc đầu và quay sang nhìn Thạch Lam để hỏi ý kiến. Nhưng tác giả “Hà

Nội Băm Sáu Phố Phường” xem chừng cũng không biết rõ Xóm Yên Hoa chính thức ở phố Khâm Thiên hay phường Vạn Thái? Và không biết băm sáu phố cổ đô, phố nào có những Ả Đào đàn ngọt, hát hay, đủ cả thanh lẫn sắc? Rút cục, bọn tiểu quỷ chúng tôi đành phải gánh vác vai trò lãnh đạo, và quyết định: Thẳng tiến xuống Ngã Tư Sở, đóng đô tại nhà cô đào Sen tức Bạch Liên, nổi tiếng ngâm thơ, hát vặt đều sành, lại thêm tỳ bà rất mực tài hoa, nhan sắc tuy chẳng nghiêng thành nhưng vốn thuộc loài “tình chủng” nên khoe mắt nụ cười cũng đã từng khiến nhiều người chết mệt.

Xe vừa ngừng lại đầu đường Ngã Tư Sở, chúng tôi chưa kịp nhớ lại phương hướng, địa bàn dẫn tới nhà quen, liền bị bao vây tứ phía bởi cả một bầy “nữ lâu la” nhớn nhợ tựa những cánh bướm sặc

sở, nhất định cản đường lừa chúng tôi về hướng khác. Còn đang lúng túng chưa biết đánh tháo cách nào, chợt một tiếng cười “hý hý” nổi lên, rồi một giọng nói lớn tiếp liền, ồm ồm mà trịch thượng:

– Chà! Cơn gió lớn nào thổi chui vị tới đây thế? Các cô ả này răn ra cho người lớn người ta đi việc quan chứ! Vô duyên tệ²¹.

Chúng tôi cùng reo lên:

— Nguyễn Tuân!

21 Theo chúng tôi được hiểu thì “bầy Văn tinh Tự Lực Văn Đoàn” và các thân hữu xuất hành xuống Ngã Tư Sở hát Ả Đào chuyển này, và là lần đầu tiên trong đời, mục đích để che mắt và đánh lạc hướng bọn mật thám Pháp đang rình rập, giăng bẫy... bắt Khái Hưng và Nhất Linh ... những đầu não của Đại Việt Dân Chính Đảng.

Và sau “cuộc vui đêm nay”, Nhất Linh sửa soạn nhảy vũ môn sang Trung Hoa, qua thuyền ngược sông Hồng, sông Lô... như chúng ta đã rõ.

Đình Hùng chỉ là một nhà thơ nhà văn thuần túy. Có thể ông cũng biết nhưng chẳng bao giờ ông muốn dính dáng tới chính trị nên ít khi ông đề cập tới chính trị là vậy. (Nguyễn Thạch Kiên)

Phải rồi. Anh chàng Nguyễn Tuân, thổ công của làng Hồng Phấn, ngẫu nhiên ở đâu lù lù dẫn xác tới. May quá! Anh chàng liền can thiệp mở đường cho bọn tôi tới nhà Đào Sen. Một mình Nguyễn Tuân, ở nơi Hàng Viện, quả có bản lĩnh hơn cả bảy tám người chúng tôi họp lại.

Có lời giới thiệu của Nguyễn, chúng tôi được nữ chủ nhân biệt đãi khác thường. Và hôm đó chúng tôi đã được dự một châu hát độc nhất vô nhị trong đời. Một châu hát gồm đủ mặt các danh kỹ đương thời, các danh kỹ hầu hết đều thuộc hàng «hoa bậc chị» của cả 4 xóm yên hoa sầm uất nhất vùng ngoại thành họp lại: Khâm Thiên, Vạn Thái, Vinh Hồ, Ngã Tư Sở. Các danh kỹ chẳng những được khách làng chơi sành điệu một thời hâm mộ, mà giáo phường bậc nhất từng

đã ghi tên, mà tên tuổi sau này khả dĩ xứng đáng lưu truyền trong Bình Khang, Ca Phả... Không hiểu Đào Sen mật gửi điện tín đi từ bao giờ, mà Làng Hoa phút chốc đều đã hay tin: Cái tin cả bảy văn tinh tối nay tụ họp tại nhà Bạch Liên với những tên tuổi như Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam (cố nhiên không kể bọn tiểu quý, tên tuổi không mấy lừng lẫy, mà “thành tích thưởng hoa” cũng chưa có gì bảo đảm...), cái “tin văn nghệ” đặc biệt ấy đủ kích thích tính tò mò của chị em; và từ bốn xóm yên hoa, các giai nhân hồng phấn đã tìm đến hội ngộ cùng danh sĩ. Nguyễn Tuân nghiêm nhiên đóng vai ông Tơ, giới thiệu và se giây liên lạc giữa hai họ... đồng hương, nghĩa là cùng nòi “Tinh Chủng”.

Đám danh kỹ đàn chị tối đó gồm có:

Hai chị em Chu Thị Bốn, Chu Thị Năm (hai giọng ca đệ nhất thời danh), dì Trương Bảy (một đào hát đã nhiều tuổi mà giọng hát vẫn còn độc đáo), Bích Thạch Hồn (một danh kỹ hát rất khuôn và có nghệ thuật pha trà tuyệt hảo). Hồ Vạn Thái (giỏi chữ Nho, nổi tiếng với những bài “Tương Tiến Tữu” và “Tiền Hậu Xích Bích Phú”), Phúc Hậu (một đào hát từng là tình nhân của Đoàn Phú Tứ), cùng một tài năng đang lên mà tôi không còn nhớ tên.

Chỉ biết trong một châu hát mà có tới những sáu danh kỹ thượng thặng như vậy thì theo lời Nguyễn Tuân – tiếng sóc phách của họ đủ khiến cho người nằm thiên cổ phải tung nắp ván thiên ngôi nhóm dậy...

Chu Thị Năm bắt đầu hát, và Nguyễn Tuân cầm châu. Trong khi đó tôi để ý

thấy anh Nhất Linh nghe hết sức chăm chú, đầu gật gù, tay gõ khe khẽ theo cung đàn, nhịp phách. Thạch Lam thì ngồi rất nghiêm chỉnh giữa sập, cặp mắt lim dim, tay vẫn ôm vò rượu. Ai muốn uống, anh liền đưa cả vò cho mà tu, cũng như chính anh từ nãy vẫn tự chuốc rượu theo lối đó.

Sau Nguyễn Tuân, đến lượt Khái Hưng đánh trống. Chúng tôi đều không ngờ tác giả “Hồn Bướm Mơ Tiên” đã biết sử dụng roi châu để thưởng thức điệu hát Đào Nương từ bao giờ, vì lúc này, khi mới xuất hành, mọi người hỏi nhau “Đi đâu?”, thì anh chẳng có ý kiến gì, tỏ rằng anh cũng rất ít kinh nghiệm về môn “nghệ thuật du hý” đó. Giờ đây, Khái Hưng đón lấy trống và roi châu ở tay Nguyễn Tuân một cách rất thành thạo. Với một dáng điệu ra phết lạc phách giang hồ, anh ngồi

vắt chân chữ ngũ rất gọn (rung đùi cẩn thận), tay cầm roi chầu đúng kiểu phong lưu tài tử, và đầu nghiêng nghiêng, anh đánh liền một hơi cả ba khổ trống: Sơ Cổ, Tông Cổ, Trung Cổ – tiếng trống ròn tan, đồng dục – khiến đào với kép đang dùng phách, buông đàn để uống rượu, hút thuốc Lào, bỗng giật mình sửa lại điệu ngồi cho tề chỉnh, và Nguyễn Tuân khoái trí, vỗ đùi la lên: – Hay quá! Hay quá! Không ngờ trống anh chàng “Nửa Chừng Xuân” này nghe hào hùng đáo để! Có điều hơi lão đảo một chút. Ngủi tiếng “tom” cuối cùng thấy có mùi rượu đấy!...

Khái Hưng vẫn ngồi chững, múa roi chầu điểm thêm hai tiếng Thôi Cổ (trống giục) khá đường hoàng. Nhưng, tới khi đào nương khởi sự cất tiếng hát, anh giáng liền hai tiếng Song Châu thực

sát phạt, tiếp theo một tiếng thưởng “chất” vào tang trống – và anh thưởng cao hứng quá, đến nỗi chiếc trống văng từ trên giường xuống dưới sàn gác, lăn long lóc vào gầm bàn. Đồng thời Khái Hưng cũng nhào đầu lăn cù theo, một tay vẫn nắm roi châu, một tay còn cố níu lại cái trống. Rút cục, anh cũng chui luôn vào gầm bàn, và ngồi lù lù ngay trong đó, anh ngả đầu ngáy khò khò lập tức. Các đào nương xúm vào định lôi anh ra, nhưng Tường Bách và Huyền Kiều xua tay ngăn lại, để rồi cả hai chàng cũng ôm vò rượu... chui vào gầm bàn nốt, đánh thức Khái Hưng dậy cho kỳ được, đoạn bộ ba cứ ngồi lì dưới gầm bàn mà chén chú, chén anh! Trên giường, kếp vẫn đàn, đào nương vẫn hát.

Và Nguyễn Tuân lại đánh trống. Tiếng trống của Nguyễn Tuân cũng say

ngất ngưỡng. Dứt bài hát thứ nhì, nữ chủ nhân Bạch Liên đẩy trống tới trước mặt Nhất Linh, đích thân đạo phách, và nói: Xin mời ông anh nghe hát ạ!... (“Nghe hát” đây tức là đánh trống, cầm châu). Chị em chúng tôi xưa nay vẫn hâm mộ các ông văn sĩ “Đời Mưa Gió” với “Nửa Chừng Xuân” nay mới được gặp mặt, thực là “Hữu tình ta lại gặp ta, chớ nề... “tom chát” mới là tri âm”... Chỗ này, Đào Sen ngâm Kiều Lỗi). Nguyễn Tuân cười “hý hý”, đỡ lời Nhất Linh:

– Trời ơi! Câu Kiều Lỗi “đắc địa” quá! Đành rằng “nhập gia tùy tục”: Cái lệ nơi hàng viện là có người tấu nhạc tất phải có người thẩm âm, nhưng ông bạn tôi đây từng đi Tây về, vốn chỉ quen nghe nhạc “ma-đờ-lông”, thổi kèn clarinette và đánh trống “cà rình” mà thôi... Vậy xin miễn cho ông bạn tôi cái việc cầm châu

theo lễ thói giáo phường rắc rối nhà ta!

Nguyễn đã cố ý pha vị hoạt kê vào câu nói đỡ đòn hộ Nhất Linh, vì Nguyễn biết chắc Nhất Linh, mặc dầu được gọi là “tai” nhưng cái tai của tác giả “Đoạn Tuyệt” từng du học lâu ngày ở Pháp, chỉ để nghe âm nhạc Tây phương, nghe điệu kèn clarinette, hẳn là Nhất Linh không thể nghe sành điệu hát Ca Trù, đàn đáy và phách Ả Đào. Mà nghe đã không sành điệu thì còn múa may roi chầu làm sao? Chẳng những không đáp ứng được tình ý của chị em hồng phấn, mà còn để lại tiếng cười riếu cợt, như hai câu truyền tụng trong một bài hát nói ngày xưa đã riếu:

Nghề xướng hát roi chầu làm chuẩn đích,

*Trống làm sao, mà khúc khích chị em
cười?...*

Nhưng, chị em chưa kịp cười, và Nguyễn Tuân cũng chưa kịp ngạc nhiên, anh Nhất Linh đã điềm nhiên cầm lấy roi châu, kéo trống lại gần, tặc lưỡi nói:

– Cám ơn chị Bạch Liên đã muốn tôi đóng vai Tử Kỳ. Vậy, tuy là tai trâu vốn chỉ quen với âm nhạc pha-lang-sa, tôi cũng xin nghe chị hát. Và xin thú thực, tôi đánh trống theo quy tắc thẩm âm nhạc điệu Tây phương đấy nhé!

Thế rồi Nhất Linh đánh trống. Anh lắng nghe từng lời ca, từng tiếng đàn, từng nhịp phách. Bạn bè đều biết đây là lần đầu tiên anh đánh trống Ả Đào. Nhưng chính Nguyễn Tuân, và cả kếp đàn, cả đào hát đều công nhận rằng anh đánh rất đúng. Đặc biệt, anh điểm tiếng trống rất trúng khổ phách. Châu của anh có thể gọi là gọn và chính. Tuy anh chẳng hiểu thế nào là khổ sòng, khổ rãi,

thế nào là dựng, là đồn, chỗ nào xuyên mau, xuyên thưa, thế nào là đàn khuôn phép, thế nào là đàn hàng hoa?... Nhưng anh cứ luận theo ý nhạc Âu Tây, và giữ đúng thì, đúng nhịp như một tay trống đánh nhịp của nhạc jazz... Và không ngờ – thực không ai ngờ – Nhất Linh đánh trống cô đầu bằng cả cái trực giác của một kẻ nghệ sĩ gần như linh cảm xuất thần với nhạc, vì đã thấm tiết nhịp từ dòng máu, từ bản năng.

Đám danh kỹ có mặt thấy đều tin rằng không phải tối đó là lần đầu tiên Nhất Linh cầm tới roi châu. Dầu sao, xem chừng cả bọn đều nổi hứng không khí có vẻ là lạ, khác những châu hát thường lệ. Tối lượt một danh kỹ khác, Bích Thạch Hồn, tình nguyện hát một bài «Gửi Thư» tặng Thạch Lam và cố nhiên mời Thạch Lam cầm châu. Nhà văn tác giả «Hà Nội

Băm Sáu Phố Phường» có vẻ phong nhã tài tử nhất trong bọn, từ nãy vằm ôm vò rượu ngồi rung đùi ở trên sập, thỉnh thoảng tợp một hơi rượu, mắt vẫn lim dim hình như lảng hết tinh thần vào tiếng nhạc, và chưa có vẻ say chút nào. Chợt nghe lời mời rất lịch sự và cũng rất ngọt – của người ca nữ vừa nhắc đến tên mình, anh mở choàng mắt, gật đầu cười:

– Xin nghe! Xin lắng nghe bằng cả tai lẫn... đầu và ngực! (Anh muốn nói trí óc và trái tim).

Và Thạch Lam cũng đỡ lấy trống cùng roi châu rất đạt, không hề ngần ngại. Lại thêm một lần nữa để anh chàng Nguyễn Tuân trợn mắt lăm bằm:

– A! Được lắm! Các danh sĩ tối nay nhập điệu cả! Cái trống nhà này rồi “khước” lắm đấy nhé!...

Tuy nhiên, tôi không khỏi băn khoăn hộ Thạch Lam. Vì tôi biết anh cũng như Nhất Linh, chưa hề đánh trống Ả Đào bao giờ, và đây cũng là lần đầu tiên Thạch Lam cầm tới roi chầu. Nhất Linh còn am hiểu nhạc lý Tây phương, chứ Thạch Lam thì, từ khi tôi quen anh, tôi chưa hề thấy anh tỏ ra thạo về âm nhạc, dù là tây, ta hay tàu...

Vậy mà Thạch Lam cứ bình tĩnh, đĩnh đạc như thường. Anh cũng ngồi nhập điệu như mọi người thạo trống vắn ngồi. Nhìn cái dáng cầm roi chầu của anh, nghe tiếng “tom” anh điểm, tiếng “chát” anh thưởng không ai có thể ngờ rằng anh mới nhập môn trong cái nghề chơi thanh lịch mà hết sức cầu kỳ này. Chính Thạch Lam mới thực là thẩm âm bằng linh giác – và anh lĩnh hội cái phần tinh túy, cái Hồn của Nghệ Thuật xét ra

còn “thần” hơn Nhất Linh, vì sự thực anh không ý thức nhạc luật như Nhất Linh, nghĩa là anh hoàn toàn không nhờ tới trí tuệ để hiểu nhạc, mà anh chỉ cảm nhạc bằng rung động thuần khiết.

Sau này, phê bình “ngón châu” của Thạch Lam tồi đó, Nguyễn Tuân – kẻ có đầy đủ thẩm quyền để phê phán – nói những lời rất đúng đắn như sau:

– Nhất Linh lần đầu tiên đánh trống cô đầu khả dĩ gọi là đúng, là không trật nhịp phách, kể đã thần tình lắm rồi. Nhưng Thạch Lam lần đầu tiên cầm châu có thể gọi là hay! Tuy có đôi chỗ không nhập khuôn khổ, nhưng lại có những chỗ thoát. Châu đã có “ngón”, như vậy là đã có bản sắc riêng đấy. Tuyệt nhất là những tiếng trống “lạc nhịp” không học mà nên. Trường hợp này chẳng những thần tình, mà phải công nhận là “thần”!

Xuất thân, hay là có thân... cũng không
hiếu nữa!

ĐÌNH HÙNG

KHÁI HƯNG VÀ NHẤT LINH TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

NGUYỄN VỸ



I . KHÁI HƯNG.

Tôi chỉ gặp Khải Hưng vài lần. Một buổi sáng cùng đi với Từ Bộ Hứa, nhà Thi sĩ ho lao, tác giả tập thơ bằng Pháp

văn “Poésies Grises” mà báo Phong Hóa ngạo là “Thơ Xám Xịt”.

Tôi muốn đến thăm Khải Hưng để nói chuyện chơi và cảm ơn anh đã gửi cho mấy cuốn tiểu thuyết “Lá Mạ” của anh vừa xuất bản. Trong nhóm văn sĩ của Phong Hóa, thành thật tôi chỉ có cảm tình với Khải Hưng mà thôi, mặc dù trước đó chưa gặp anh lần nào.

Tòa Báo Phong Hóa ở góc đường Quan Thánh và đường Hàng Bún, một biệt thự thì đúng hơn, có vẻ sang trọng.

Qua một sân trồng các thứ hoa, chúng tôi vào phòng khách. Nơi đây cách bài trí cũng có vẻ trưởng giả. Giữa salon, có đặt một cái kệ thấp, trên để một chiếc mâm đồng lớn, chạm trổ theo lối mỹ thuật Bắc. Chúng tôi đưa danh thiếp cho một người Tùy phái, thì vài phút sau,

một người đã lớn tuổi ra niềm nở bắt tay chúng tôi. Đó là Khái Hưng.

Người gầy ốm, đôi má hơi cốp và nước da hơi tái, nhưng nụ cười rất tươi. Nụ cười ngụ nét hóm hỉnh, nhưng hiền lành khả ái, chứ không hời hợt đăi buổi như Thế Lữ và không trào lộng như Nguyễn Tường Tam.

Khái Hưng cũng không tự kiêu tự đắc, tính điềm và tao nhã, câu chuyện có vẻ thành thật và lịch sự. Tôi không đồng ý về một vài quan niệm anh đối với tiểu thuyết nhưng cuộc thảo luận vẫn thân thiện, vui vẻ. Có điều tôi phục anh, là anh thẳng thắn nhìn nhận rằng anh viết tiểu thuyết tùy theo nhu cầu và điều kiện văn nghệ của một thời đại thôi. Anh bảo: Những Roman à thèse [1] của tôi (câu này, anh dùng tiếng Pháp) chỉ có mục đích cải cách một vài tập tục trong xã hội

Việt Nam hiện nay, những tập tục mà ta thấy rõ ảnh hưởng không tốt cho xã hội. Một ngày sau những tập tục đó sẽ không còn trong một xã hội tiến bộ hơn thì tiểu thuyết của tôi sẽ mất giá trị của nó. Tôi bảo:

– Có lẽ vì anh chủ trương cải tạo xã hội nhất thời nên tôi có cảm tưởng hình như anh không đi sâu vào tâm lý các nhân vật trong truyện. Tôi nghĩ rằng tâm lý không bao giờ thay đổi.

– Tôi không có ý định viết một quyển “Le Disciple” như P. Bourget. Trái lại, tôi thấy trong quyển “Đứa Con Hoang” của anh, anh muốn phân tách tâm lý của người trong truyện, cho nên anh gạt bỏ ra nhiều thực tế quá.

– Quyển Đứa Con Hoang của tôi chỉ là một thí nghiệm sơ khởi. Dù sao, tôi

rất thích quyển Hồn Bướm Mơ Tiên của anh hơn cả các quyển khác. Khái Hưng lấy hai quyển Hồn Bướm Mơ Tiên tặng Từ Bộ Hứa và tôi, để làm kỷ niệm buổi gặp gỡ lần đầu. Anh viết lời tặng bằng Pháp văn.

Au Poète Nguyễn Vỹ

Hommage Cordial de l'auteur.

Tên ký của anh giản dị rõ ràng, gần như tên viết thường.

Tôi có hỏi tại sao anh lấy bút hiệu Khái Hưng, anh bảo:

– Tên thật của tôi là Trần Khánh Giu, hai chữ Khánh Giu, sắp xếp theo lối anagramme thành ra Khái Hưng, chứ không có gì lạ. Còn bút hiệu của anh là Lệ Chi, có nghĩa gì?

Anh hỏi lại tôi. Tôi cười không đáp, Khái Hưng nói tiếp:

– Lê Tràng Kiều bảo Lê Chi là Chị Lê, nhưng không rõ chị Lê là ai.

– Kiều nói đùa đấy. Không đúng... À, có người bảo anh có đi dạy học, phải không anh?

– Vâng, trước tôi có làm instituteur. Hồn Bướm Mơ Tiên, chính tôi đã viết bản thảo từ hồi còn dạy học. Sau này tôi mới sửa chữa lại để đăng vào Phong Hóa.

– Văn anh gọn lăm, dễ thương lăm.

– Có lẽ ảnh hưởng lối văn Thầy giáo cho học trò. Vì tôi dạy về luận văn, thường bảo học trò viết câu văn xuôi cho gọn gàng giản dị. Tôi viết lối văn bay bướm và mơ mộng như các anh không được. Tôi thích loại văn của Alphonse

Daudet, hoặc Guy de Maupassant.

– Tôi lại thấy văn anh sung túc như các tác phẩm của Emile Zola.

Tuy ở chung một tòa soạn, nhưng Khải Hưng không thích chơi với Thế Lữ. Trái lại, Khải Hưng thân với Nguyễn Tường Tam và Tú Mỡ. Anh ít nói, tính điềm đạm, nhưng thỉnh thoảng khôi hài đôi chút, và không làm mếch lòng ai. Trong nhóm Phong Hóa anh là người được đa số anh em nhà văn mến nhất.

Thi sĩ Từ Bộ Hứa, tác giả tập thơ Pháp văn «Poésies Grises», ho lao nặng, hài hước một câu:

– Tôi thú thật không đọc tiểu thuyết của anh, cũng như của những nhà văn khác. Tôi chỉ thích thơ, anh lại ít làm thơ. Nhưng tôi quý mến anh vì anh cũng là

một kẻ ho lao khốn nạn như tôi!

Khái Hưng cười:

– Anh lầm rồi đấy. Ho lao không phải là một tội lỗi. Có lẽ hơn nữa, đó là một triệu chứng tài hoa đặc biệt của Thượng Đế ban cho họ, tôi muốn nói: la marque d'un génie. Tôi rất tiếc không được hân hạnh là người ho lao.

... Năm 1940, Khái Hưng và Nguyễn Tường Tam lập ra một đảng chính trị, tên là «Dân Chính Đảng» mà Khái Hưng là đảng trưởng. Một đảng có khuynh hướng thân Nhật Bản, nhưng hoạt động bí mật. 1942, anh bị Mật Thám Pháp bắt, đưa đi an trí ở Vụ Bản, bị bắt trước tôi mấy ngày. 1955, tôi được gặp nhiều anh em nhà văn Hà Nội di cư vào Sài gòn, trong số có Vũ Bằng, Tam Lang, Thượng Sỹ, Vi Huyền Đắc...v.v... Hỏi về tin tức Khái

Hưng, có mấy anh cho biết Khải Hưng bị Việt Minh «quản thúc» ở ngay làng anh. Sau đó anh bị một can bộ Xã thủ tiêu trên một đường làng gần nhà anh, vào khoảng nửa đêm. Tin đó đúng hay không, tôi chưa được biết đích xác. Tôi có hỏi Nguyễn Tường Tam khi tôi gặp lại anh lần đầu tiên tại Sài Gòn, năm 1952, ở nhà ông Nguyễn Tường Thụy, anh của ông, là công chức Sở Bưu Điện Sài Gòn. Rất tiếc, anh Nhất Linh cũng không hiểu rõ về những giờ phút cuối cùng của Khải Hưng. Theo lời anh cũng chỉ nghe người ta nói lại rằng Khải Hưng bị Việt Minh thủ tiêu, thế thôi. Tôi hơi ngạc nhiên, vì đáng lẽ Nhất Linh phải điều tra đích xác về cái chết của người bạn thân nhất của anh trong làng văn Việt Nam. Dù sao Khải Hưng cũng đã lìa đời một cách đau đớn và đột ngột, vào khoảng cuối năm 1946, hay đầu 47... Tôi buồn bã nhớ lại

khuôn mặt xanh xao và khả ái của tác giả «Hồn Bướm Mơ Tiên».

II - NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM. Trường Thăng Long Và Báo Phong Hóa.

Anh Phan Thanh, cựu trợ giáo người Quảng Nam, nhân viên “Đại Hội Đồng Kinh Tế và Tài Chánh Đông Dương”, và Giáo sư Trung Học Tư Thục Nguyễn Văn Tòng, giới thiệu tôi vào dạy Pháp văn và Sử ký ở trường ấy.

Nhưng mới dạy được hai tháng thì tôi nghỉ, anh Phan Thanh cũng thôi dạy. Ông Hiệu Trưởng Nguyễn Văn Tòng vừa bán lại trường cho ông Nguyễn Tường Tam, cử nhân Khoa học, ở Pháp mới về.

Đó là năm 1930. Hầu hết những giáo sư cũ đều nghỉ hoặc đi dạy các trường

khác. Ông Nguyễn Tường Tam, tân Hiệu Trưởng, dùng những Giáo sư mới của ông, trong số đó có thầy giáo Trần Khánh Giu.

Trường cũng đổi tên là “ÉCOLE THĂNG LONG”, ở góc đường Hàng Cót (rue de Takou), và đường Cửa Bắc (Bd Carnot), ngó ngang bót Cảnh sát Hàng Đậu (rue des Graines), tức là con đường chạy ra Cầu Sông Cái (Bờ sông).

Một năm sau, người ta thấy rải rác trên các vách tường trong thành phố dán một tờ quảng cáo lớn loan tin một tờ Bảo hài hước sắp ra đời, tên là “Phong Hóa tuần báo”, Chủ nhiệm: Nguyễn Tường Tam. Tòa soạn và ban trị sự đặt tại trường Thăng Long, phố Hàng Cót.

Quảng cáo nhấn mạnh là tuần báo hài hước chuyên môn cười và làm cho

độc giả cười. Lần đầu tiên ở Hà Nội, một nhóm người làm Báo trào phúng, chế giễu “những cái tệ đoan của phong hóa An-Nam”.

Tuần Báo Phong Hóa số 1, trẻ con ôm đi bán rong, vừa chạy vừa la inh ỏi, khắp các phố phường Hà Nội. Thiên hạ tò mò mua xem, báo “bán chạy như tôm tươi”. Lý do: báo Phong Hóa đăng đầy những bức vẽ, những mục khôi hài, chế giễu tập tục “phong hóa An-Nam”.

Công chúng bình dân, từ cô sen, cậu bồi, đến các lớp học sinh thanh niên nam nữ, và công tư chức đều rĩ rượi cười khi đọc những mẩu chuyện hóm hỉnh và nhìn những bức vẽ rất tức cười, chế nhạo nào ông Lý Toét Đình Dù, “ở nhà quê ra tỉnh” ngớ ngẩn trước các sự kiện “văn minh”, tân tiến của thời đại, nào các chuyến xe đò chở đầy nghẹt dân

quê lẫn lộn với heo gà, nào người mù đi không thấy đường, ngã tìm xuống lỗ cống trên bờ lề đường phố...v.v... Nhiều bức vẽ do nét bút khôi hài của Nguyễn Tường Tam. Mấy số đầu, được đàn bà và trẻ em thích đọc nhiều nhất. Dần dần báo Phong Hóa vẽ và chế giễu các nhân vật trí thức, trung lưu và thượng lưu có đôi chút tiếng tăm trong xã hội đương thời, khiến các giới ấy cũng phải mua Phong Hóa để xem. Nào là ông Giáo Sư Lê Công Đắc bị báo Phong Hóa đặt cho biệt danh là “Con gà ba chân” [1], nào ông Luật Sư Lê Thăng là “Con đĩ đánh bông”, nào Thi sĩ Nguyễn Khắc Hiếu, say rượu túy lúy, Tiến sĩ Khoa học Nguyễn Công Tiễn, chữa bệnh toi gà, ông Nguyễn Văn Vĩnh, bụng bự, ông Nguyễn Văn Tố, gọi là ông “Búi Tố”, Nguyễn Tiến Lãng, con ve sầu,...v.v...

Ai đọc báo Phong Hóa cũng không thể nhịn cười, và mỗi tuần ai cũng chờ đến ngày báo Phong Hóa phát hành để mua một tờ đọc cười chơi. Tuần báo Phong Hóa thật đã đem một không khí “Cười nhộn” khắp thành phố Hà Nội, một cổ đô cổ kính nghiêm nghị của “nghìn năm văn vật”.

Nguyễn Tường Tam đã thành công với tiếng cười kích động của ông. Báo Phong Hóa vượt lên một số lượng phát hành vô địch. Và ông cũng nổi tiếng từ đó.

Vài năm sau, ông bán trường Thăng Long cho một nhóm Giáo sư hùn hợp, mà trong đó ông cũng có cổ phần: École Thăng Long đổi thành Lycéum Thăng Long, và dời qua một đường hẻm gần Chợ Hàng Da. Trong ban quản trị mới của trường Thăng Long có Hoàng Minh

Giám làm Directeur (Hiệu Trưởng), Nguyễn Tường Tam, Tôn Thất Bình (Chủ bút báo La Patrie Annamite, và con rể của Phạm Quỳnh, Lại Bộ Thượng Thư Huế). Hoàng Minh Giám có giới thiệu Võ Nguyên Giáp (Chứng chỉ năm thứ hai Cử nhân Luật, 1939) vào dạy Sử ký ở trường này, và Đặng Thái Mai, dạy Pháp văn.

Thầy giáo Trần Khánh Giư, viết tiểu thuyết cho báo Phong Hóa, dưới bút hiệu Khái Hưng, đã nghỉ dạy từ lâu.

Trong thời gian này, Nguyễn Tường Tam cũng có viết tiểu thuyết trong Phong Hóa với bút hiệu Nhất Linh, nhưng Khái Hưng sửa chữa cho nhiều. Cũng có những tác phẩm viết chung ký cả hai tên: Khái Hưng và Nhất Linh, theo lời Nguyễn Tường Tam nói với tôi.

Cũng một đôi quyển truyện của Nguyễn Tường Tam đã được Khải Hưng sửa lại, nhưng Khải Hưng không để tên mình.

Là một trong số độc giả trung thành của báo Phong Hóa, tôi rất thích đọc những mục vui cười và xem những tranh vẽ hài hước. Tôi không đọc tiểu thuyết. Vô tư mà xét, thì ngoài những tranh vẽ và những bài đả kích, báo Phong Hóa có nhiều câu chuyện khôi hài và tranh vẽ trào phúng thật vui, lỗi cuốn số đông độc giả.

Mặc dù chính tôi cũng đã là nạn nhân của Phong Hóa, bị họ vẽ khôi hài, hoặc bị chế giễu cách này hay cách khác, tôi vẫn cho đấy là những trò đùa bâng quơ vô hại.

Trương Tửu thì hoàn toàn không ưa

Phong Hóa, và nhóm nhà Văn của báo ấy. Tháng 10 - 1939, một tháng sau ngày Đế nhị Thế chiến bùng nổ, có một cuộc hội họp của một “Nhóm Nhà Văn chống Phát xít”. Tôi hơi ngạc nhiên gặp ông Nguyễn Tường Tam. Ngạc nhiên vì lúc bấy giờ ai cũng biết ông Tam có khuynh hướng thân Nhật, và chúng tôi thì chống Nhật hoàn toàn.

9 giờ đêm ra về, ông và tôi lại gặp nhau trên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Sau vài câu chuyện về thời cuộc, ông hỏi tôi với giọng hài hước bất hủ của ông: Sao anh chống Nhật? Nhật có làm gì hại anh mà anh chống họ? Tôi cười:

– Thế tại sao anh thân Nhật? Nhật làm gì lợi cho anh mà anh thân nó?

Hai câu hỏi làm quà trao đổi cho nhau biến thành một cuộc “đấu khẩu”

mà cả hai đều cố giữ phong độ trào phúng trong giới hạn vui đùa.

Sau buổi làm quen đầu tiên ấy, tôi không gặp Nguyễn Tường Tam nữa.

Tôi bị Nhật bắt rồi Tây bắt... Mãi đến năm 1952. tôi gặp lại Nguyễn Tường Tam ở Sài Gòn.

Sau ngày 19 - 12 - 1946 chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, ông Nguyễn Tường Tam lánh sang Tàu, mãi đến năm 1950, người Pháp đặt lại chủ quyền ở Bắc Việt ông mới về Hà Nội. Tháng 12 - 1952 tôi ở Đà Lạt xuống Sài Gòn gặp một ông bạn cho biết hiện giờ Nguyễn Tường Tam ở nhà ông Nguyễn Tường Thụy, anh của ông, công chức sở Bưu Điện Sài Gòn. Tôi đến thăm lấy tình bạn cũ trong làng Văn Bắc Việt. Tuy ở Hà Nội không quen nhau nhiều nhưng vẫn biết nhau lắm, sau

mười mấy năm trời xa cách nhau vì thời cuộc nay gặp lại cả hai đều niềm nở vui mừng.

Phút đầu trông thấy nhau, chúng tôi còn ngỡ ngỡ bởi lâu ngày ở trên rừng núi chung với đồng bào thiểu số Radhés da mặt tôi đã nhuộm một màu nam nám, ông Tam trở mắt ngó rồi bắt tay cười:

– Sao bây giờ anh đen dữ vậy?

Tôi hỏi lại ông:

– Anh để râu mép hồi nào?

– Tôi để râu hồi làm Cách Mạng.

Ông Tam lúc này chắc cũng trạc độ 45 hay 50 tuổi, nhưng nụ cười hài hước của ông vẫn còn nguyên vẹn như xưa. Tôi thấy ông có vẻ buồn nản, mặc dầu ông cố giấu, nó vẫn lộ ra khi ông hết cười.

Sau những biến cố mà Tổ Quốc đã trải qua từ 1945, chúng tôi không muốn nói tới chính trị. Ông cười:

– Chúng ta nói chuyện văn chương thích hơn nhiều chứ?

Vả lại ông Tam đã tuyên bố từ ngày hồi cư rằng ông về đây để viết sách mà thôi. Từ nay ông nhất định từ giã chính trị, để chuyên về nghệ thuật văn chương. Ông cho tôi biết ông đang viết một quyển tâm lý tiểu thuyết phải ba năm mới rồi.

– Anh định viết một bộ truyện dài lắm hả?

– Vâng, tôi định viết một bộ tâm lý tiểu thuyết trường giang đại hải mà tôi chưa biết nó sẽ đi tới đâu, và sẽ kết thúc ra sao. Các nhân vật trong truyện, tôi để cho họ tự ý hành động theo tâm lý, rồi

kết cấu về sau thế nào tự nó sẽ hiện ra, tôi không sắp đặt trước. Bởi kết cấu của truyện sẽ do kế tiếp tự nhiên của sự vật tạo thành.

– Anh coi chừng kéo anh sẽ tạo ra một chàng Frankeinstein!

Nhưng ông Nhất Linh quả quyết rằng nghệ thuật thuần túy chính là sự phác họa trung thành các thực tế linh hoạt và vĩnh viễn của cuộc đời, chứ không phải do một man - hững viễn vông nhất thời của nhà văn. Nghệ thuật, theo ông, phải gồm cả thời gian và không gian. Nó phải chi phối các chân tướng của vũ trụ, và như thế, nó mới bền bỉ lâu dài. Vì vậy, ông Nguyễn Tường Tam cho rằng những quyển truyện mà chính ông đã viết hồi trước kia, đều dở. “Tôi nhút là quyển Đoạn Tuyệt và quyển Lạnh Lùng”. Chỉ trừ cuốn Bướm Trắng sau mười năm

ông đọc lại còn thấy giá trị mà thôi.

Cả quan niệm của Nguyễn Tường Tam về Nghệ thuật Văn chương đều tóm lại thành một nguyên tắc: Nghệ thuật phải đi sát với thực tế. Tất cả cái gì ra ngoài chân lý căn bản của nhân sinh, – và chỉ có chân lý là tồn tại trong thời gian và không gian, tất cả các cái ấy đều phản nghệ thuật.

– Anh muốn trở lại cuộc tranh luận cũ kỹ giữa hai phái “Nghệ thuật vì Nghệ thuật” và “Nghệ thuật vì Nhân sinh?” Vậy đâu là nghệ thuật thuần túy?

Nhưng ông Tam cho rằng nghệ thuật thuần túy không phân biệt gì cả: nó bao quát tất cả thực tế đang tồn tại trên đời...

Riêng tôi, tôi không đồng quan niệm ấy. Nếu nghệ thuật là sự biểu diễn của

thực tế, dù là một nghệ thuật tế nhị đi nữa, nó cũng chỉ là khô khan mà thôi. Phác họa đúng màu sắc của sự vật cũng chưa đủ là nghệ thuật. Bởi vì nhà nghệ sĩ chân chính không quên được màu sắc của tưởng tượng, những màu sắc ấy ở ngoài không gian và thời gian, và nó đẹp hơn nhiều.

Ai chối cãi rằng Jules Verne đã không phải là nghệ sĩ? Rằng Peter Cheney hay Walt Disney, không phải là nghệ sĩ? Nghệ thuật của Camille Flammarion cũng làm danh dự cho một khoa học cao siêu là Thiên văn học, cũng như P. Bourget đã làm vinh dự cho một khoa học thâm thúy khác là khoa Tâm lý vậy...

Nhưng, đây mới đến chỗ thực tế khôi hài của cuộc gặp gỡ chúng tôi.

Chúng tôi đang nói chuyện về văn

chương, thì một dáng người từ ngoài cửa bước vào, đầu chải bóng mượt, mặt trắng nõn, quần áo âu phục nghi lễ, bánh bao, cầm một bó hoa sen trắng, cặp mắt lim dim. À, cái anh chàng thi sĩ Đông Hồ đi đâu đây mà long trọng thế? Anh mỉm cười chào tôi, rồi quay lại Nguyễn Tường Tam:

– Tôi đem hoa đến để mừng cháu. Cái gì vậy? Tôi hỏi ra mới biết buổi sáng ấy ông Nguyễn Tường Tam gả con gái lấy chồng. Hình như họ nhà trai sắp đến. Tôi tới chơi, thật là đột ngột quá, và không... hợp thời!

Mặc áo sơ mi cụt tay, đầu tóc không chải, đôi giày cùn, tôi vội vàng đứng dậy, xin lỗi ông bạn, thế là chuẩn; mặc dầu Nguyễn Tường Tam giữ tôi lại. Nguyễn Tường Tam đứng trên cầu thang, còn gọi lại tôi, nhưng tôi đã cút thẳng ra đường

cái lớn... Câu chuyện văn chương và nghệ thuật chúng tôi đã hẹn nhau sẽ thảo luận một khi khác.

Nguyễn Tường Tam Ở Sài Gòn.

Ở Hà Nội không quen nhau nhiều, nhưng ở Sài Gòn tôi thường gặp ông, và hai người thân với nhau hơn. Đi qua đường Phạm Ngũ Lão, Nhất Linh hay ghé vào Tòa soạn Phổ Thông, ngồi trò chuyện một lúc về Văn chương và thời cuộc.

Ông cũng thường ở chung với ông Gioăng ở Đà Lạt, bạn thân của ông. Ông có một trại riêng ở Finnom, cách quan lộ chừng 100 thước, trên đường đi Đà Lạt, và cách Đà Lạt 15 cây số. Ông có rủ tôi đến chơi đây một lần để xem các dò hoa Phong Lan của ông.

Ở Sài Gòn, Nhất Linh không sáng tác được mấy. Và quyển truyện dài “tràng giang đại hải” (roman - fleuve), như ông đã nói với tôi tại nhà ông Thụy mà ông đã bắt đầu viết, định trong ba năm thì xong, tôi chờ mãi không thấy ra đời. Một hôm ông đến chơi ở tòa soạn Phổ Thông, tôi hỏi ông về quyển truyện ấy, ông cười bảo:

– Tôi đã bỏ công việc đó.

Một vài tiểu thuyết ông khởi đăng trong tạp chí “Văn Hóa Ngày Nay” của ông, không được độc giả hoan nghênh. “Văn Hóa Ngày Nay” phải tự đình bản.

Tinh thần và thể xác của Nhất Linh bị suy sút rất nhiều. Mấy năm sau cùng của đời ông hoàn toàn kém vui. Với một giọng thiếu não, ông nói với tôi rằng ông “không tin tưởng nơi đời sống nữa”.

Cũng như nhiều bạn khác, tôi kinh ngạc nghe tin ông uống thuốc độc tự tử. Tôi rất xúc động trước linh cữu của ông, quàn trong nhà xác bệnh viện Grall. Cũng nơi đây, tôi đã chứng kiến trước đó vài tháng cái chết buồn thảm, cô đơn của một người bạn khác, Bác sĩ Diên Hương, một Thi sĩ Miền Nam, người sáng lập Diên Trì Thị Xã.

Một số rất đông người đi theo sau linh cữu của Nguyễn Tường Tam đến chùa Xá Lợi... rồi đưa ông đến Nghĩa trang Nghệ Sĩ ở Hạnh Thông Tây, Gò Vấp.

Tôi Còn Nợ Nhất Linh 5 Đồng.

Tôi ngồi với Trương Tửu, Lê văn Siêu và Vũ Trang, trên gác trọ một nhà buôn nước mắm ở Khâm Thiên, số 352, gần ô Chợ Dừa. Vũ Trang rung đùi ngâm thơ

Đỗ Phủ, hết Đỗ Phủ đến Bạch Cư Dị, hết Bạch Cư Dị đến Tô Đông Pha. Bốn tách nước trà đã nguội. Câu chuyện đã gần tàn. Lê Văn Siêu chỉ cười, tiếng cười vụn cổ đội bốn vách tường lạnh. Trương Tửu nhếch mép một tý, mặt cứ đỏ bừng. Anh hất hàm, đôi mắt sáng quắc nhìn tôi:

– Nghĩ gì thế, chàng?

Một tiếng nói không thành tiếng, đáp lại nụ cười không thành nụ cười, uể oải:

– Lasciate ogni speranza!

Không hiểu tại sao tôi nhắc lại cho Trương Tửu câu của Dante thấy trên cửa Địa ngục? Tôi đang nghĩ gì, mà “gạt bỏ hết hy vọng” như ý nghĩa câu thơ?

Hôm nay là ngày cuối cùng của một năm.

Nhà thơ La Tinh đã vô tình hiện trong óc tôi rồi biến mất, bóng phớt trên mặt tường.

Trương Tửu làm tỉnh, các Thi sĩ đời Đường của Vũ Trang cũng im lặng. Lê Văn Siêu vẫn giữ nụ cười dĩ vãng. Tôi ngả lưng trên ghế, nhắm mắt. Điều thuốc nằm trong hai ngón tay của tôi thở ra một làn khói mỏng, gần vô hình giống như một tư tưởng âm thầm muốn thoát ngục.

Một bóng người từ dưới cầu thang ngoài sân hẹp, rào bước lên thêm. Một người bạn quen mà không quen. Anh phát thơ của Bưu Điện. Mỗi ngày, gần đúng giờ này, anh đã đem đến tôi vài cái vui, vài cái buồn, từ xa xăm, từ các nẻo trời. Những cái vui và cái buồn quen và không quen như anh phát thơ. Sáng nay, buổi sáng cuối cùng của tháng Chạp,

anh đem đến tôi cái gì đây? Anh mỉm cười, nụ cười thông cảm im lặng. Anh chỉ trao vào tay tôi một lá thư duy nhất. Một lá thư? Không phải. Một cánh hoa xanh phẳng phất một mùi thơm êm dịu. Và một mảnh giấy xanh gấp lại kín đáo, mà tôi phải ký vào sổ anh để nhận lãnh. Tại sao hai cái đều xanh xanh, cùng một màu mơ?

Trương Tửu lại đỏ mặt, tia mắt sáng ngời, và nụ cười không phải một nụ cười.

– Nàng thơ Phũ Lạng Thương?

Tôi đã mở mảnh giấy xanh của nhà giấy thép. Ba cặp mắt nhìn nó, và nhìn tôi. Nhưng tôi ngó mấy dòng chữ đánh máy trên rẻo giấy trắng dán lên tờ điện tín, rồi thông thả gấp lại, để trên bàn. Trương Tửu đã nhìn thấy nụ cười của Nàng Thơ Phũ Lạng Thương:

“Chiều nay em đến”.

Nàng chưa hề gặp tôi, và tôi cũng chưa được gặp nàng. Điện tín nàng gửi cho tôi sáng ngày Ba Mười Tết này sẽ chấm dứt cuộc cách biệt thích thú tuyệt vời của hai người yêu nhau mà chưa hề biết mặt nhau.

Tôi có cảm giác luyến tiếc trong giây phút, không biết rồi đây tờ giấy xanh hôm nay sẽ là trang đầu của một quyển sách hình ảnh màu tuyệt đẹp, hay là câu thơ đầu của một trường hận ca?

Trước mặt tôi và chúng quanh tôi vẫn im lặng. Vũ Trang ngồi rung đùi, khẽ cúi xuống bình tích, lấy ấm trà châm vào bốn tách không. Lần lượt bốn làn khói uyển chuyển và dịu hiền, vươn lên như lời ca ấm áp của các truyền tích xa xăm.

Lê Văn Siêu giữ luôn trên môi và trên mắt nụ cười vô tận.

Trương Tửu cầm bức thư xanh xanh và thơm ngát, trao tôi:

– Này đọc bản nhạc này đi. Có lẽ nó đem đến cậu mùi hương của một nghìn một đêm lẻ.

– Cậu cứ mở nó ra xem. Với tôi, chỉ một điện tín hứa hẹn một đêm cũng đủ rồi. Không cần một nghìn một đêm lẻ.

Trương Tửu chưa mở. Cậu lấy mấy ngón tay sờ rầm bao thư, mặt cứ đỏ bừng:

– Cái gì trong này mà cứng cứng...? Một thiệp mừng năm mới?... hay một tấm ảnh...?... Trong này có một nụ cười đang nở hoa?

Trương Tửu trình trọng xé dọc theo rìa bao thư, và khẽ rút ra... một tấm ảnh in trên carte postale. Mùi thơm của hoa tương tư tràn khắp gian phòng, Trương Tửu đọc ngay mấy dòng chữ Pháp viết sau lưng tấm ảnh:

“Hommage d’une admiratrice”

Rồi cậu lật qua xem hình, bỗng nổ lên một tiếng cười rộ. Vũ Trang cười rúc rích, Lê Văn Siêu cười ào ào. Tôi ngạc nhiên lắm. Tấm hình nằm trên mặt bàn giữa một bản nhạc cười hòa tấu xôn xao náo động. Tấm hình cũng cười hãnh diện, như muốn bảo:

– Không phải cho các anh. Nàng gửi tặng tôi... cho chàng.

Tấm hình một cô đầm ở Paris hoàn toàn lỏa thể, tuyệt đẹp, in màu. Người

đẹp nằm trên nệm hoa, đang đọc một quyển thơ. Bên góc có in mấy câu thơ của Verlaine:

Les sanglots longs

des violons

de l'Automne...

Nàng tinh nghịch gửi tặng tôi không phải tấm ảnh của Nàng, mà đây là hình ảnh tượng trưng của Sắc Đẹp tinh khiết, huyền mơ, của Thơ huyền diệu. Nhưng tại sao nàng gửi đến tôi câu thơ Verlaine:

Khúc đồn vi vu

âm u

của mùa Thu...?

Phải mùa Thu đã qua rồi, là hết mùa Ly biệt. Từ giã ánh tà dương từ Phủ Lạng

Thương, đêm nay Nàng đến. Nàng muốn đêm nay Nàng đem đến tôi một mùa Xuân, trước khi mùa Xuân đến. Nàng gởi đến trước tặng tôi trong buổi sáng tinh khiết cuối năm, hình ảnh lỏa thể của một cô đầm trẻ đẹp, vì nàng muốn tinh nghịch với tôi và nàng đã biết tôi hiểu nàng nhiều lắm. Đây không phải da thịt hồng hào xao xuyến, không phải cái mồi của dục tình và truy lạc. Nàng chỉ muốn nói khẽ với tôi: «Em yêu anh. Em tặng anh tình Thơ trong sạch của mười tám xuân xanh».

Lê Văn Siêu đã ra về. Vũ Trang cũng đi dạo phố. Trong thâm tâm tôi cảm ơn hai người bạn đã muốn để tôi một mình trong giấc mơ say. Nhưng tôi quay lại nói với Trương Tửu:

– Cậu ở lại với tôi chốc nữa nhé?

Trương Tửu cười:

– Tôi biết cậu bán khoán.

– Phải. Hôm nay tôi không có một đồng xu trong túi. Tôi sẽ đón Sơn Tiên bằng cách nào đây? Tôi không có được một cành hoa để tặng Nàng.

– Sơn Tiên cũng biết cậu nghèo. Nhưng ít nhất cậu cũng phải có tiền để đi xe ra bến xe Bắc Giang đón nàng, và mua vài gói mít, vài gói hạt dưa, một gói trà., một lọ hoa... Và cậu cũng phải có một gói thuốc thơm chứ chẳng lẽ đem giao thừa ngồi ngâm thơ với người yêu mà cậu cứ hút mãi mấy điếu thuốc đặng chẳng này ư? Và ba ngày Tết cậu ăn gì? Cậu không có được một củ dưa hành trong nhà. Tôi sướng hơn cậu vì tôi không có một người yêu. Còn cậu lấy tiền đâu tiêu Tết?

– Tôi cũng chẳng có xu nào tiêu Tết cả. Nhưng đã có ông cụ. Nhà xuất bản chưa trả tiền bản quyền cho cậu ư?

– Chiều hôm qua mình đến Nam Ký thì hẳn về quê ăn Tết rồi.

– Sao cậu không đến sớm để lấy tiền?

– Nó hẹn mình chiều hôm qua, chứ có hẹn sớm hơn đâu.

– Chó thật nhỉ!

Trương Tửu đứng dậy, đưa tay bắt tay tôi. Mặt cậu vẫn đỏ bừng. Cậu nhìn thẳng vào mắt tôi:

– Nhưng đêm nay cậu sẽ là người sung sướng nhất trên Địa cầu, cậu có biết không?

– Cậu khỏi phải hỏi. Sáng mai, Mồng một Tết, tôi cấm cậu đến phá rầy tôi đấy

nhé. Tôi sẽ không tiếp một thằng bạn nào cả. Cậu có gặp Lưu Trọng Lư, hay Lê Văn Trương, bảo chúng nó đừng đến xông đất nhà tôi.

– Cậu khỏi phải cấm. Cậu cứ nhịn đói với người yêu của cậu cho đến chiều ngày Mồng một, rồi tôi sẽ đem đến cho hai người cái bánh chưng ăn Tết.

Tôi nắm tay Trương Tửu. Hai đứa cao hứng cùng nhau nhẩy cà-túng, và cười như hai đứa điên. Tôi bảo:

– Nghèo hay giàu, mùa Xuân vẫn là một ân huệ thiêng liêng của Thượng Đế. Chúng ta không có quyền từ chối nó, phải không Trương Tửu?

– Nhất là 18 cái Xuân!

Trương Tửu cười ha hả, từ giã tôi.

30 Tết, 1936.

Kính gửi Ông Nhất Linh Nguyễn
Tường Tam.

Thưa ông,

Tuy tôi chưa được hân hạnh quen
ông, nhưng chắc ông vui lòng cho tôi vay 5
đồng để tiêu Tết? Tôi túng quá. Sang năm
mới tôi sẽ trả lại ông. Xin ông trao tiền
cho em bé cầm thư này. Mong ông miễn
thứ, và thành thật cảm ơn ông.

NGUYỄN VỸ

Tôi gấp thư lại, rồi mở ra bảy lần. Bảy
lần tôi đọc lại những câu tôi vừa viết và
bảy lần toan xé, không muốn gửi, nhưng
rồi lại dứt nó trở vào phong bì. Sau cùng,
tôi dán thư và nhờ một em bé mười tuổi

tên là Thi, con ông hàng xóm, cầm đến tòa báo Phong Hóa đưa ông Nhất Linh. Tôi dặn nó chờ trả lời, hứa có tiền sẽ cho nó 5 xu.

Nguyễn Tường Tam là người duy nhất tôi viết thư vay tiền ngày cuối năm. Tôi hỏi ai nữa bây giờ? Tất cả các bạn của tôi trong làng văn đều không có tiền. Họ đã xuất bản sách, thơ, tiểu thuyết, những sáng tác về tư tưởng triết học, lịch sử, kinh tế, khoa học, văn chương, tình cảm, nhưng họ đã tiêu xài sạch ráo các món tiền của mồ hôi trán. Đôi ba người còn chút ít, may lắm là vừa đủ huynh hoang gọi là trong mấy ngày Xuân. Làm gì có dư cho tôi mượn?

Tôi có gặp Vũ Trọng Phụng trước đó ba hôm. Anh ta đang chạy tiền để mua áo cho đứa con bốn tuổi. Tôi có gặp Lan Khai đi đâu vội vàng trên phố Hàng

Bông mà diện rất bảnh. Anh nhe răng cười rất khả ái, giọng nói thanh thanh như cô Thái trắng:

– Ê, Vỹ, «toa» có tiền tiêu Tết chưa, cho «moa» vay?

Tôi đáp:

– Cậu có, cho tớ mượn.

Hai đứa ngó nhau cười. Tôi vừa đi vừa suy nghĩ.

Ông bạn Lan Khai quên rằng mình vừa bị tòa kê án phạt về vụ Báo Bạch Nga, ba ngàn quan, và chạy không ra tiền nộp cho tòa.

Tôi viết thư vay tiền ông Nhất Linh, mà lúc đó tôi chưa quen, là sự vạ bất đắc dĩ, vì trong làng văn hôm nay chỉ có ông có tiền.

Em nhỏ cầm thư đi hồi ba giờ. Tôi bình tĩnh chờ nó về, nghĩ rằng nếu ông Nhất Linh cho mượn tiền, dù 5 đồng hoặc 3 đồng, thì tôi sẽ đi chợ mua một lọ hoa glaieul, một lọ hoa hồng, một gói hạt dưa, một gói mút hạt sen, một gói trà tàu, để tối nay tôi cùng Sơn Tiên ngồi trò chuyện say mê trên gác trọ. Tôi sẽ hút thuốc thơm, như lời Trương Tửu bảo. Tôi sẽ đốt một phong pháo để mừng năm mới Sơn Tiên. Sáng mai, Mồng một, tôi sẽ thuê xe Omic đưa Sơn Tiên đi Hồ Tây, đi Chùa Láng, Bạch Mai, Tràng Võ... Tôi sẽ... tôi sẽ...

Còn nếu Nhất Linh không cho mượn tiền, thì năm giờ tôi sẽ cuốc bộ từ Khâm Thiên lên Bến xe ở đầu cầu Sông Cái để đón Sơn Tiên và tôi sẽ cuốc bộ lên vườn Bách Thú ngồi chơi đến giao thừa. Sáng

mồng một, nàng và tôi sẽ cuốc bộ đi Tây Hồ, đi Chùa Láng, Bạch Mai...

Sơn Tiên là một nữ Thi sĩ mà văn thơ đã được đăng trên các tờ báo văn học có danh tiếng. Nàng đã được công chúng phục tài và các bạn làng văn cảm mến. Tuy Nàng ở trên Núi Rừng Phủ Lạng Thương, nhưng nàng vẫn ham học hỏi, đọc sách rất nhiều, có tư tưởng độc lập, tự do, không nô lệ thành kiến, và có chí hướng cách mạng xã hội. Nàng và tôi đã trao đổi với nhau trên hai chục lá thư.

Nàng và tôi đã yêu nhau từ hai chục kiếp trước.

Bốn giờ em bé Thi về, cầm một phong bì. Tôi mở ra xem: có tờ giấy bạc 5 đồng.

Tôi không biết cách nào trả ơn ông Nhất Linh: Tôi đưa tấm giấy bạc lên môi, hôn nó.

Tôi cũng cúi xuống hôn em bé Thi để cảm ơn nó, và hứa chốc nữa sẽ cho nó 5 xu.

Tôi vội vàng mặc đồ ra đi. Chỉ còn một tiếng đồng hồ nữa Sơn Tiên sẽ đến Hà Nội. Chiều 30 Tết nhiều dãy phố đã đóng cửa sớm hơn ngày thường Đêm nay tôi chép lại ký ức này thì Sơn Tiên²² không còn, Trương Tửu không còn, Lưu Trọng Lư không còn. Hà Nội cũng không còn. Một thế giới mới, hoàn toàn khác lạ.

22 Sơn Tiên tức nữ sĩ Mộng Sơn, tác giả tiểu thuyết «Vượt Cạn» xb tại Hà-nội 1951. Hồi ở Hà nội, tôi có đôi lần gặp Mộng Sơn nhà văn và cũng là một nhà thơ mà trước đây đã cùng với Nguyễn Vỹ chủ trương thi đàn Bạch Nga.. Sau 1945, Nhóm Hàn Thuyên của Trương Tửu (Đệ Tử Quốc Tế) tan tác vì bị Nhóm Đệ Tam Quốc Tế (V.M) bắt bớ thủ tiêu. Nguyễn Vỹ cũng nhanh chân trốn biệt rồi sau cùng với Lê Tràng Kiều viết báo ở Sài Gòn. Còn Mộng Sơn thì ở lại miền Bắc, lập gia đình, làm ăn buôn bán bình thường. Sau 1954 Nàng ở lại Hà Nội. Chúng tôi không được rõ số phận của tác giả «Vượt Cạn» sau đó có giống như trường hợp của nữ sĩ Thụy An Lưu Thị Yến?

Tôi mở cửa sổ ngó lên trời, vẫn còn ngôi sao Vệ Nữ xưa. Nàng Thơ Kim Tinh mỉm cười nhắc tôi:

– Chàng còn nợ Nhất Linh 5 đồng, có nhớ không?

– Ờ nhỉ!

30 Tết năm nay, tôi phải đem 5 đồng đến trả Nguyễn Tường Tam...

Hơn Hai Mươi Năm Sau...

Bài hồi ký trên đây đăng trong tạp chí Phổ Thông Xuân, số 6, ngày 1 - 2 - 1959. Một tháng sau, đi ngang qua nhà Tổng phát hành Sách Báo Nam Cường, đại lộ Nguyễn Thái Học, tôi nghe tiếng gọi tôi. Nguyễn Tường Tam đứng ngay nơi cửa, cạnh quầy hàng của ông chủ nhà sách. Với nụ cười hóm hỉnh bất hủ, và đôi mắt nhấp nháy, Nhất Linh hỏi tôi:

– Hôm nay anh trả tôi món nợ 5 đồng ấy chứ?

– Có đây, tôi cười đáp. Tôi định trả nợ anh chiều 30 Tết, nhưng mắc đi Huế.

Tôi móc túi lấy ra tờ giấy bạc 5 đồng trao Nhất Linh. Anh không nhận:

– Tiền vay 5 đồng hồi đó, nay anh phải trả 5000 đồng mới được chứ.

– Tôi vay 5 đồng, nay trả lại 5 đồng là sòng phẳng lắm rồi.

– Không được. Giá trị đồng bạc hồi đó gấp 1000 lần hồi này.

Ông Nam Cường cười xen vào:

– Thôi, tôi đứng giữa xin tính công bằng để dung hòa hai ông. Anh Vỹ phải trả anh Nhất Linh 500 đồng.

– Ủ, ít nhất cũng 500, chứ 5 đồng đâu được.

– Tôi vay 5 đồng sao lại phải trả 500 đồng? Ở mà quên, giấy nợ đâu? Anh phải trả lại giấy nợ, tôi mới trả tiền.

– Anh đã đăng nguyên văn cái thư vay nợ, trên Phổ Thông²³, còn hỏi giấy nợ nào nữa?

Tôi cười, đưa ra giấy bạc 5 đồng:

– Anh cho tôi vay tờ 5 đồng rách, nay tôi trả tờ 5 đồng mới tinh đây nè. Tiền anh là của Thực dân Pháp phát hành,

23 Vì bài báo của Nguyễn Vỹ nhắc đến món nợ 5 đồng vay hoi 1936, nên Nhất Linh mới đùa hỏi, chứ sự thực ông chẳng thể nhớ đến những vụn vặt kia đâu ông có đích thân đưa tiền đến tận tay Nguyễn Vỹ đi chẳng nữa. Trường hợp ông Trần Trung Dung cũng vậy. Cho một người bạn vay tiền, dầu ít dầu nhiều, ông thường quan niệm đây là một giúp đỡ để anh em có phương tiện sống phục vụ hữu ích cho xã hội.. và làm Văn học Nghệ thuật chứ không bao giờ chịu nhớ để đòi. Nhất Linh mất ngày 7-7-1963, còn ông Trần Trung Dung mất ngày 7-7-1997. (Chú thích của Nguyễn Thạch Kiên).

tiền tôi là của Việt Nam Cộng Hòa Tự Do Độc Lập, giá trị khác nhau một trời một vực, anh còn đòi tiền lãi gì nữa?

Nhất Linh lấy 5 đồng bỏ túi:

– Thế này là tôi bị lỗ à ?

Ông Nam Cường cười:

– Nhà Văn cho Nhà Văn vay tiền, lỗ cũng ráng chịu chứ sao giờ?

Hai ba hôm sau, tôi gặp ông Gioăng, chủ ga ra đường Phạm Ngũ Lão, là bạn thân của Nguyễn Tường Tam. Anh Gioăng cười bảo:

– Anh Tam có cho tôi biết anh đã trả cho anh ấy cái nợ 5 đồng từ thời Tiền Chiến. Anh ấy mua 5 đồng rượu để uống để kỷ niệm một giai thoại. 5 đồng bạc mà có cả một giai thoại, cũng thích thú đấy!

Anh Gioăng cười buồn, trước khi bắt tay từ giã: Vườn Thú Hà Nội bây giờ không còn như hồi anh và Sơn Tiên ngồi đêm Giao Thừa đó nữa đâu! Tàn phá hết!

Nguyễn Tường Tam Trong Tự Lực Văn Đoàn.

Nguyễn Tường Tam là nhà văn tôi ít quen biết nhất ở Hà Nội, lại là người mà tôi gặp nhiều nhất ở Sài Gòn. Tôi chưa có dịp nào đến nhà anh ở An Đông, Chợ Lớn, nhưng chúng tôi thường gặp nhau ở tòa soạn Tạp Chí Phổ Thông vì anh thường đi trên đường Phạm Ngũ Lão.

Tôi nhớ lại có lần chính Nguyễn Tường Tam nhắc lại để cười chơi những cái gì Phong Hóa đã chế nhạo tôi. Một bức tranh số Đặc Biệt Trung Thu, vẽ chế giễu vài chục nhà văn và nhà chính trị, trong đó vẽ tôi phân nửa người là đàn

ông, một nửa là thiếu nữ, dưới chua: «Nguyễn Vỹ – Lệ Chi». Trong truyện hài hước số Xuân nhan đề «Quần Tiên tụ Hội» ngạo các nhân vật Hà Thành, tác giả là Khái Hưng cho tôi làm một bài thơ «Một chân» để giễu thơ Bạch Nga. Bài thơ đọc thật tức cười nhưng không có ác ý. Nhất Linh có vẽ tôi nghiêng một bình tưới nước trên một cành hoa, dưới chua: N.V. gieo những «hột nước mắt»..v.v...

Ở Sài Gòn bây giờ có khối chuyện tức cười nếu anh tái bản tờ Phong Hóa chắc hốt bạc cả! Tam bảo:

– Dân Sài Gòn không biết cười như dân Hà Nội. Ngày nay người ta lại không biết cười như ngày Tiền Chiến. Ra báo Phong Hóa ở đây phí đi!

Tôi không đồng ý với anh, nhưng không muốn cãi.

Trong thời gian ở Sài Gòn - Đà Lạt, Nguyễn Tường Tam đã mất nhiều nhuệ khí và phong độ thời tiền chiến.

Tôi có hỏi về ý nghĩa bốn chữ «TỰ LỰC VĂN ĐOÀN» anh giảng giải:

– Thời tiền chiến hầu hết các nhà văn như anh Lưu Trọng Lư, Lan Khai, Vũ Trọng Phụng... đều bán bản quyền tác phẩm cho các nhà xuất bản. Riêng chúng tôi tự bỏ tiền ra in, tự xuất bản lấy, tự phát hành lấy, cho nên gọi là «TỰ LỰC» thế thôi. Chả có nghĩa gì khác.

– Hồi đó, anh là nhà Tư Bản, tui tui là Văn Sĩ nghèo, dĩ nhiên là có các nhà xuất bản như Minh Phương, Tân Dân, Lê Cường ủng hộ tui tui.

– Họ bóc lột các anh, chứ ủng hộ gì!

– Cũng chả bóc lột mấy. Tính kỹ ra thì tui tui cũng được hưởng 40% tiền lời của nhà xuất bản hồi đó, trừ bọn xuất bản bóc lột thật sự thì không kể. Nhưng bọn này tui tui không chơi với họ. Như Nam Ký chẳng hạn.

Tự Lực Văn Đoàn, nói đúng ra thì vốn liếng bỏ ra là của anh. Tui tui cũng biết Khái Hưng được hưởng đầy đủ quyền lợi vật chất của Tự Lực Văn Đoàn. Còn như tui Thế Lữ, Tú Mỡ, thì khác nào anh mua bản quyền những tác phẩm của họ. Tôi nghe nhiều anh em nói Thế Lữ nó vẫn than phiền rằng anh coi nó như «Parent pauvre» [Người bà con nghèo.] anh và Khái Hưng hắt hủi nó phải không?

– Láo! Thế Lữ nó hưởng đầy đủ mọi thứ quyền lợi cũng như tôi và Khái Hưng. Nhưng tính nết của Thế Lữ không thích hợp lắm với tôi. Khái Hưng thường cãi

nhau với hẳn. Ngoài ra, chẳng có gì Thế Lữ hay Tú Mỡ phàn nàn bọn này cả. Sau Thế Lữ tách ra làm ban kịch với Đoàn Phú Tứ, Tự Lực Văn Đoàn vẫn ủng hộ về tinh thần. Nhưng không phải của Tự Lực Văn Đoàn vì Khải Hưng không đồng ý kiến.

– Còn anh?

– Tôi cũng không thích ban kịch của Thế Lữ.

– Tại sao Thế Lữ nó đả kích tôi trong Phong Hóa?

– Thế Lữ đâu có ưa anh. Anh nên nhớ rằng trong Phong Hóa, Khải Hưng và tôi không có đả kích anh bao giờ nhé. Trừ những mẩu chuyện khôi hài và những tranh vẽ đùa cho vui thôi.

– Ai cũng biết.

Nhiều người cho rằng Nguyễn Tường Tam rất kiêu căng và tự phụ. Tôi không thấy thế. Trái lại, có lần anh gặp tôi trước cửa nhà Tổng Phát Hành Nam Cường. Chúng tôi cuốc bộ ra Phạm Ngũ Lão. Anh bảo tôi:

– Bọn nhà văn tiền chiến tụi mình, bây giờ chỉ còn anh.

– Ý, anh quên, còn nhiều.

– Ở Sài Gòn này còn có anh là sáng tác được khỏe, tôi vẫn theo dõi công việc của anh làm. Tôi thì hết tin tưởng vào đời sống và thể hệ ngày nay.

– Anh bi quan.

– Không bi quan. Tôi thấy văn học nước mình, bây giờ như buổi chợ chiều. Mạnh ai nấy bán, bán đồ bán tháo để bụng thúng về. Tôi thấy thế, nên bỏ về

trước. Anh rán ở lại, phục vụ cho văn hóa dân tộc. Đừng theo họ.

– Tôi chả theo ai. Tôi cứ mặc kệ, ai làm gì thì làm. Tôi chỉ theo lý tưởng của tôi. Cũng như anh.

– Thế hệ trẻ ngày nay, họ không hiểu được tội mình. Họ bảo tôi là kiêu ngạo, là tự cao tự đại, anh xem có vô lý không? Tôi không chịu được họ, không có nghĩa là tôi tự cao, tự đại. Tôi nói thế, có phải không?

– Tôi, thì tôi nghĩ rằng văn hóa là trường cửu, phi thời gian không gian. Những người văn hóa chân chính bất cứ ở thời đại nào, và ở dưới kinh tuyến nào đều hiểu nhau.

– Chính thế, nên ở trên mảnh đất loạn ly, thời văn hóa xuống dốc, những

phần tử mạo danh văn hóa, không hiểu được mình, lại còn quay lại chửi mình. Anh thấy không? Tôi chán văn hóa đời nay vì thế. Bây giờ tôi muốn buông trôi, không muốn sáng tác nữa, sáng tác làm chi!

... Hôm Nguyễn Tường Tam chết, tôi cầm một thẻ nhang đến thắp trước linh cữu anh trong nhà xác bệnh viện. Tôi không lạy, chỉ vái anh ba vái, nhưng đứng im lặng gần mười phút, nhớ lại những lời anh nói. Tôi bị cảm xúc mạnh hơn và thấm thía hơn là trước quan tài của Tản Đà, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Nhược Pháp, Đỗ Thúc Trâm, Từ Bộ Hứa... Những lời Nhất Linh nói trên lề đường Sài Gòn bây giờ còn văng vẳng như là lời trối của một bạn đồng hành còn sống sót, lưu lạc ở Miền Nam...

Tôi chỉ tiễn quan tài Nhất Linh đến

trước cổng chùa Xá Lợi. Nhiều bạn văn nghệ và trong giới cách mạng muốn tôi đọc một bài điệu văn, với tư cách một bạn làng văn thời tiền chiến ở Hà Nội. Tôi từ chối. Tôi muốn im lặng. Như Tacite: *Saigon Vasta silentio!*

NGUYỄN VỸ

Phê Bình Văn Học

KHÁI HÙNG
TRẦN KHÁNH GIU

VŨ NGỌC PHAN

Hiện nay, nhà văn mà được nam nữ thanh niên ưa chuộng, được họ coi là người hiểu biết tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khải Hùng. Độc giả của ông không phải chị thợ nhà máy diêm hay anh tài vắn ô tô như một vài nhà tiểu thuyết chủ trương những thuyết cạn hẹp và thông thường, độc giả của ông thuộc hẳn hạng thanh niên trí thức, mà trong

số ấy phần đông là bạn gái. Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp thuở xưa.

Tất cả văn phẩm của ông – truyện dài, truyện ngắn và kịch – đều do nhà Đời Nay (Hà Nội) xuất bản.

I - Truyện dài: Hồn Bướm Mơ Tiên (1933), Nửa Chừng Xuân (1934), Gánh Hàng Hoa (1934 - viết cùng với Nhất Linh), Trống Mái (1936), Thừa Tự (1940), Tiêu Sơn Tráng Sĩ (1940), Hạnh (1940), Những Ngày Vui (1941), Đẹp (1941).

II - Truyện ngắn: Giộc Đường Gió Bụi (1936), Anh Phải Sống (1937 - viết cùng với Nhất Linh), Tiếng Suối Reo (1937), Đợi Chờ (1939), Đội Mũ Lạch (1941).

III - Kịch: Tục Lụy (1937), Đồng Bệnh (1942).

Độc tiểu thuyết của Khải Hưng, người ta nhận thấy lúc đầu ông là một nhà tiểu thuyết về lý tưởng, dần dần ngả về phong tục là loại ông có nhiều đặc sắc nhất, rồi đến khi viết Hạnh, ông bắt đầu khuynh hướng về tâm lý, cũng như Nhất Linh khi viết đến tập Bướm Trắng vậy.

Hồn Bướm Mơ Tiên, Nửa chừng Xuân, Trống Mái, đều là những tiểu thuyết về lý tưởng của Khải Hưng.

Cái tình yêu của Ngọc và Lan trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* là thứ ái tình thanh cao quá, thứ ái tình lý tưởng đặc biệt, ít khi có thể thấy ở một đôi trai gái yêu nhau.

Khi Ngọc đã khám phá ra chú tiểu Lan là gái, Lan «bị ái tình và tôn giáo hai bên lôi kéo», mà «hai cái mãnh lực ấy lại tương đương, nên tâm trí càng bị thắt chặt vào hai tròng» (trang 121). Rút cục, tuy Lan rất yêu Ngọc, nhưng nàng say đạo Phật hơn, và muốn tránh khỏi sự cám dỗ, nàng định trốn lên thượng du, tìm một chùa khác để tu cho xa hẳn Ngọc. Song chàng thiếu niên này khuyên nàng không nên đi và thề rằng không dám xàm xỡ, chỉ những ngày nghỉ chàng sẽ lên thăm Lan và «chân thành thờ cái linh hồn dịu dàng của Lan ở trong tâm trí» (trang 123). Chàng lại ngỏ với người yêu rằng «suốt đời chàng sẽ không lấy ai, chỉ sống trong cái thế giới mộng ảo của ái tình lý tưởng..» (trang 123). Ngọc còn tỏ bày với Lan cái ý tưởng cao thượng này nữa của chàng:

«Gia đình? Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai linh hồn của đôi ta ẩn núp dưới bóng tử bi Phật tổ» (trang 123).

Thà một gái như Lan nhiễm đạo Phật từ lâu nên có cái tư tưởng thoát tục đã đành; còn Ngọc, một sinh viên trường Cao đẳng, một người tây học, lại si tình đến nỗi quyết chí theo đuổi “chú tiểu Lan” để tra cho ra là gái, mà lại có thể có cái tư tưởng viễn vông ấy giữa lúc tình yêu đang bùng nổ thì kể cũng là một điều lạ.

Hồn Bướm Mơ Tiên là một tiểu thuyết lý tưởng, một tiểu thuyết mà tác giả dựng nên những cái cao quá, người ở thế gian này không thể nào có được. Nửa Chùng Xuân cũng thuộc vào một loại như Hồn Bướm Mơ Tiên. Trong Nửa

Chùng Xuân, Mai thật là một người bạn tình lý tưởng. Đẹp, khôn ngoan, thông minh, cao thượng, chung tình, từng ấy nết Mai đều có cả. Không những thế, Mai lại vượt hẳn lên thói thường tình của đàn bà là tuy vẫn yêu Lộc, nhưng sau những ngày lầm lỗi, Lộc đã hối hận và đã tạ tội với nàng rồi, nàng vẫn nhất định xa chàng. Hãy nghe Mai nói với Lộc:

– Anh chỉ biết anh sẽ mãi mãi được sung sướng, vì anh tin rằng ngày ngày, tháng tháng lúc nào em cũng âu yếm nghĩ đến anh như thế cũng đã đủ an ủi cho anh rồi... Em ở xa anh, nhưng tâm trí hai ta lúc nào cũng gần nhau, thì trọn đời hai ta vẫn gần nhau». (trang 298).

Còn Lộc, trong gần trọn quyển tiểu thuyết, là một thiếu niên tầm thường. Chàng yêu Mai, lấy Mai làm vợ không phép cưới và ở với Mai, giấu không cho

mẹ biết. Đến khi bà Ân, mẹ chàng, chỉ dùng cái mưu nhỏ: một lá thư với 20 đồng bạc là chàng tin ngay Mai có ngoại tình; chàng bỏ người yêu, lấy vợ khác, rồi đi tri huyện, vinh thân phì gia. Đến khi nghe một họa sĩ nói cho biết về nông nỗi Mai, Lộc mới biết hối hận, đi tìm Mai và thấy được ngay. Chàng rõ là một người nhu nhược. Một người đàn ông như thế mà ở đoạn kết tác giả cũng tạo nên một thanh niên lý tưởng.

Hãy nghe Lộc nói với Mai:

– Nhưng sao anh lại không nghĩ tới một gia đình.... một gia đình to tát đông đúc hơn. Gia đình ấy là xã hội, là nhân loại. Đổi lòng yêu gia đình ra lòng yêu nhân loại, đem hết nghị lực, tài trí ra làm việc cho đời. Rồi thỉnh thoảng hưởng một vài giờ thư nhàn mà tưởng nhớ tới em, mà yêu dấu cát hình ảnh dịu dàng

của em, cái linh hồn cao thượng của em, trời ơi! anh sung sướng quá, anh trông thấy rõ rệt con đường tương lai sáng sủa của anh rồi. Đời anh từ thế nào rồi cũng đổi khác hẳn”. (trang 297).

Lộc đang làm tri huyện, nếu chàng muốn “đem hết nghị lực tài trí ra làm việc cho đời”, thì còn gì dễ bằng, hà tất chàng phải đi tìm con đường khác? Chàng có phải là một viên thư ký đâu, chàng là một vị quan đầu hạt, chàng có thể làm biết bao nhiêu việc ích lợi nho nhỏ cho nhân dân hạt chàng và còn sợ ai ngăn cấm nữa?

Còn nếu đứng vào phương diện tâm lý mà xét thì một người như Lộc (theo tác giả đã tả ở trên) không thể có cái tư tưởng trên này được, tuy cái tư tưởng ấy viễn vông, chỉ có tính cách khái quát mà thôi. Nếu cũng lại đứng vào mặt tâm lý

để suy ra những cách hành động của các nhân vật theo như tính tình của họ, thì khi Mai vẫn còn thiết tha yêu Lộc, Lộc vẫn còn yêu Mai một cách cuồng dại, hai người lại có với nhau được một đứa con trai, thì sự quyết định xa nhau mà vẫn yêu nhau trong tâm trí có thể thực hành được không, nhất là chỗ ở của Mai không xa xôi gì, mà ở ngay Phú Thọ? Quyết là họ không thể xa nhau được. Lần đầu Lộc gặp Mai xin nàng tha lỗi, Mai còn tỏ vẻ lãnh đạm, nhưng đã để cho Lộc cầm tay; lần thứ hai, Lộc trở về nhà Mai, Mai đã có thể ngồi suốt đêm để kể nỗi lòng với Lộc; vậy nếu Lộc cứ lên Phú Thọ luôn, đã có đứa con trai là thằng Ái bắc cầu cho đôi bên, cặp vợ chồng ấy có thể nào xa nhau mãi được? Sự tái hợp ấy chỉ là một sự rất thường. Vì tác giả không muốn có sự tái hợp ấy, để tính tình hai người được cao thượng, nên cái tình

yêu của họ hóa ra thứ tình yêu lý tưởng, chẳng khác nào tình yêu của Ngọc với “chú tiểu” Lan ở Hồn Bướm Mơ Tiên. Cả hai quyển tiểu thuyết, Hồn Bướm Mơ Tiên và Nửa Chùng Xuân, đều được rất nhiều phụ nữ trí thức Việt Nam hoan nghênh, và như thế, không có gì là lạ. Trong đó, người ta đã thấy những tính tình, cảnh vật đầy thơ mộng, đẹp dễ và êm ái, rất hợp với tâm hồn người ta, rồi lại những cử chỉ ngôn ngữ của các nhân vật về phái đẹp bao giờ tác giả cũng tả rất tinh tế. Nửa Chùng Xuân còn có khuynh hướng về phong tục nữa; vai bà Án cho người ta được thấy quyền hành của một người mẹ trong một gia đình Việt Nam quý phái và cả những cái hay cái dở của cái quyền hành ghê gớm ấy; vai Hàn Thanh cho người ta biết sơ qua những thủ đoạn tàn ác của bọn cường hào ở các nơi thôn quê Việt Nam, vân vân.

Trống Mái của Khái Hưng cũng thuộc loại tiểu thuyết lý tưởng như hai tập tiểu thuyết trên này, nhưng cái lý tưởng ở đây là cái lý tưởng về thân hình đẹp theo quan niệm mỹ thuật của một hạng gái mới Việt Nam mà Hiền là người tiêu biểu.

Hiền là một gái Việt Nam thuộc hạng phong lưu, ưa thích thể thao và có tư tưởng mới, có quan niệm mới về cái đẹp của thân thể. Thấy Vội, một chàng đánh cá có những bắp thịt rắn chắc và một bộ ngực nở nang, nàng đắm say mê, say mê mà không yêu. Đó cũng là một lý tưởng nữa và làm cho người ta phải tự hỏi: một người con gái đã lớn, lại ở vào chỗ phong lưu xa xỉ là chỗ dễ nảy nở dục tình, có thể nào chỉ mê cái đẹp của một người trai tơ mà không yêu người ấy được không? Chỉ say mê mà không yêu

là một điều khó, vì bước đầu của tình yêu chẳng ở sự say mê cái đẹp hình thức hay cái đẹp tinh thần là gì? Tác giả muốn Hiền chỉ thích Vội như thích một pho tượng, cái thích của một nhà mỹ thuật, nhưng khốn Vội cũng là người như Hiền, nghĩa là anh ta cũng có cảm giác, có suy nghĩ, chỉ có điều là cái mục cảm giác và suy nghĩ của anh ta khác Hiền thôi. Bởi thế, thái độ của Hiền làm cho người ta rất khó hiểu vì cái óc mới của Hiền đã đi trước thời đại.

Người ta lấy làm lạ khi thấy Hiền say mê vẻ đẹp của một chàng đánh cá ngốc, lại thấy Hiền không giấu, đi phô bày cho tất cả mọi người biết việc của mình. Rồi cô con gái “thông minh” ấy lại có cái khờ là đi mời Vội đến dự một tiệc trà có đông đủ các bạn phong lưu và học thức của nàng. Cái khăn lượt bạc phếch, cái áo the

lả tả, cái quần ống thấp ống cao và đôi bàn chân lấm của Vội cố nhiên không phải những thứ mỹ thuật như thân hình chàng ta. Trước những người tân tiến kia, Vội chỉ là một trò cười. Dem một người mình mẩn làm trò cười cho người khác, không những không đang tâm mà còn là một sự độc ác nữa. Người ta không hiểu được Hiền trong cái việc nàng mời Vội đến nghe đàn và uống nước với các bạn của nàng.

Về đường tâm lý, những cử chỉ và thái độ của Hiền đối với Vội có những cái không rõ, nên những cử chỉ của mấy nhân vật khác trong Trống Mái, như Vội và Lưu, cũng có nhiều chỗ trái ngược. Vội đã ngốc đến nỗi nhìn Hiền đánh răng lại tưởng nàng nhuộm răng trắng, vậy mà lúc định bỏ Lưu chết trong khi đi chơi

mảng và trong những lúc nhớ Hiền, anh ta lại tỏ ra một người rất nhiều tình cảm và tưởng tượng, những đặc tính của một người thông minh. Rồi Lưu mà tác giả tả là một chàng hay ghen, sau khi biết Hiền có lần đã cho Vội mượn áo “may-ô”, khi đã tưởng Vội cùng Hiền nhiều lần cùng tắm, khi đã nghi có sự ám muội khác nữa, Lưu vẫn cố theo đuổi cho được Hiền, và theo lời tác giả ở đoạn kết, “có lẽ Lưu chiếm số một trong những người hy vọng trái tim cô Hiền!”

Đó là những tính tình khó hiểu. Về sau, tác giả để cho Hiền xa Vội rất chí lý, vì hai người không thể nào cứ gần gũi nhau như thế mãi mà không yêu nhau được. Nhưng kể ra một người con gái say mê một người con trai mà chỉ say mê có cái đẹp về thân hình người ấy, không

có một ý tưởng thâm vụng nào về xác thịt thì cũng là một sự rất hiếm, chỉ có thể là một lý tưởng thôi.

Trống Mái tuy truyện không được thiết thực, nhưng ai đã đọc cũng đều phải chú ý đến lời văn trác luyện và bát ngát của Khái Hưng. Hãy đọc đoạn này:

“Hiền mỉm cười:

Anh không thấy đẹp? Có lẽ vì anh nhìn mất quen mắt rồi. Tôi tưởng những đêm trăng tròn, khi ăn cơm chiều xong, lên ngói đây nói chuyện, thì còn gì thú bằng? Tiếng sóng rào rào không ngớt làm cho lời mình nói có ý nghĩa thâm kín, những ngọn phi lao nghiêng theo chiều gió như khúc khích cười, cổ lẳng tai nghe. Đàng xa làn nước trắng xóa dưới ánh trăng vàng như nụ cười bất tuyệt của một giai nhân” (trang 112).

Cái lối văn bay bướm này người ta sẽ không thấy trong các tiểu thuyết phong tục của ông. Một lối văn giản dị hơn, sáng suốt hơn sẽ thay thế và thích hợp với lối tả thực...

Thừa Tự là truyện một người dì ghẻ – bà Án Ba, mà những kẻ nịnh hót vẫn tâng bốc là “cụ lớn” – với mấy người con chồng đã trưởng thành. Bà Ba chỉ có một mụn con gái là Cúc, nên trong số hai người con chồng (Trình và Khoa) không được hiền đạt như Bình (chàng này là con trưởng và làm tri huyện), bà muốn chọn một người để cho ăn thừa tự, vì bà có được một cái gia sản mà bà đã bòn rút của chồng từ lúc sinh thời. Nhờ sự cho vay nặng lãi với cái tính keo củi của bà, cái gia sản ấy đã nảy nở khá nhiều. Bà ngỏ cái ý về thừa tự ấy với Bình, để chàng này nói lại với hai em. Từ khi anh nói

cho biết, hai cặp vợ chồng Trình và Khoa đâm ra nghi kỵ lẫn nhau. Sau hai bên đều hiểu là hão cả và cả hai định không thèm ăn miếng thừa tự ấy. Rút cục, bà Ba lại đem miếng mồi này đi kén rẻ. Tuy bà gặp một bà mối (bà Hai) rất tài lợi và đáo để, nhưng bà cũng gả được Cúc cho cậu cử Phan là con một bà huyện chuyên môn đi “đào mỏ” mà không mất một đồng xu nào cho chàng rể.

Trong đoạn kết, tác giả đã đặt câu này vào miệng Khoa: “Kể đáng thương thì đáng thương tuốt, từ bà Ba, Cúc, Phan, bà Huyện, cho chí cả anh em mình”.

“Đáng thương tuốt!” Thật thế. Vì trong từng ấy người, không một người nào thực bụng thân yêu nhau cả, mà chỉ trông thấy điều lợi trong sự liên lạc với nhau thôi.

Đáng thương cho bà Ba vì bà muốn cho Khoa hay Trinh ăn thừa tự mình, nghĩa là theo cái óc mê tín, keo cú và hợm hĩnh của bà, một trong hai chàng ấy sẽ được hưởng một ít tài sản của bà – mà ít chùng nào, hay chùng ấy! – để bà có thể có nén hương sau khi chết và có thể đánh đổ tất cả những điều dị nghị của thiên hạ về sự đối đãi của bà với các con chồng. Bà thắng việc ấy thì kể cũng đã đáng thương rồi, huống hồ bà lại thất bại, để thắng trong việc kén rể. Nhưng được “cậu cử” làm rể không mất đồng xu nào, thì bà lại đành phải để cho thông gia hành hạ con gái mình. Cúc cố nhiên là người đáng thương rồi; nhưng cử Phan và bà Huyện, mẹ chàng, cũng là những người đáng thương nốt, vì người thì định lấy cái bám vào người vợ chứ không lấy vợ, và người thì định lấy cái bám vào nàng dâu chứ không định kén

nàng dâu. Mà đáng thương cho cả hai cặp vợ chồng Trình và Khoa nữa, vì chưa chắc hai anh em ruột và hai chị em dâu nhà này đã ghét miếng thừa tự kia. Họ ghét “troisième” về cái tính tai ác khi xưa và cái tính keo cú và hợm hĩnh ngày nay, chứ chưa hẳn họ ghét tiền tài. Sự nghi kỵ của họ đối với nhau trong một hồi có thể chứng cho điều ấy. Vậy có thể nói là họ ghét bà Ba, chứ không phải họ ghét cái miếng thừa tự hủ bại kia của bà Ba. Cho đến cả huyện Bình cũng vậy. Bình đã đem câu chuyện thừa tự nói lại với hai em và bảo hai em: “Tùy ý hai chú” chứ không gạt đi cho hai em hiểu.

Rút cục ta thấy gì? Sự thiết lập ấy trong gia đình và xã hội Việt Nam, nếu xét đến nguồn gốc, cũng đã là vô lý lắm rồi, không đợi đến khi nó biến tính như ngày nay. Ngày nay, người lợi dụng nó

coi nó như một miếng mồi và người bị nó lung lạc cũng đã biết nó là một miếng mồi. Một miếng mồi đáng đem ra để nhử, một miếng mồi đáng thêm thưởng, mà người ta tưởng như không có sự xấu xa và nhục nhã. Chẳng thế trong xã hội Việt Nam lại có những cuộc tranh luận, những cuộc âm mưu... về thừa tự.

Thật là khốn nạn! Tất cả cái khốn nạn ấy, ta đã thấy trong những hành động của mấy nhân vật của Khải Hưng, một tiểu thuyết gia tả phong tục rất là sâu sắc – sâu sắc mà không buồn, nhờ có những sen nho nhỏ rất tươi sáng lẫn vào. Tôi tạm kể một vài sen trong Thừa Tự: sen Khoa chia kẹo cho các cháu (trang 18); sen khóc ông Ân (trang 48); sen sự cụt tán bà Ba (trang 53); sen khóa Liêm ngâm thơ (trang 97); vân vân.

Trong Thừa Tự ngoài những sen tươi sáng trên này, lại có hai bức chân dung tuyệt khéo: bức chân dung một sư ông và bức chân dung một mục mối hay một bà đồng (sư Giáp và bà Hai).

Đây ta hãy xem chân tướng của bà Hai:

Bà Hai, một người bé nhỏ, hầu loắt choắt trong cái áo mền the lót nhiều kỳ cầu may chên. Nét mặt đều đặn, chân tay xinh xắn, bà trẻ hơn tuổi nhiều Bà cũng biết thế và vẫn lấy làm tự hào. Trong những bàn tổ tôm, không mấy khi bà quên thuật một câu chuyện về tuổi bà, mà mỗi lần bà thay đổi đi đôi chút cho được tự nhiên. Chẳng hạn bà thượng nọ, bà án kia hỏi năm nay bà đã đến năm mươi chưa. Hay con mẹ phủ Đ tưởng bà mới bốn nhằm là cùng. Rồi bà cười the thé, tiếp liền:

– Thế mà năm tư rồi đấy, các cụ ạ. Già lắm rồi còn gì!

Sự thực, bà hai chưa già, và cũng chưa muốn già. Lướt phấn đây bà dùng để che lấp những nét dạn trên má đủ chứng tỏ điều ấy. Nhưng cũng không phải bà trang điểm để được người ta ngắm nghía. Không, đó chỉ là một thói quen của những bà đồng. Vì bà Hai là một đệ tử rất trung thành của các cửa đền, cửa phủ... (Trang 170).

Khái Hưng là một nhà văn rất hiểu tâm lý phụ nữ. Ông hiểu rõ người đàn bà Việt Nam trong cả phái già lẫn phái trẻ. Sau đây là một lời xét nhận rất đúng, một lời ông bình phẩm chung về phái yếu: “Đàn bà họ rất ghét những người đứng trung lập. Về hùa cùng họ hay chống cự lại họ, phải dứt khoát chọn lấy một đường, nếu không sẽ không yên được với

họ. Đương đêm họ đánh thức dậy để bàn chuyện nhà, để nói xấu kẻ thù, nếu mình âm ỉ trả lời cho xong việc, họ sẽ làm âm của âm nhà lên ngay”. (trang 114).

Các bạn gái thử xem có đúng hay không?

Thừa Tụ vào số những tiểu thuyết phong tục có giá trị và rất hiếm trong lúc này. Đọc văn trong Thừa Tụ, người ta lại tưởng như tác giả mỗi ngày một trẻ thêm ra. Cho hay xác thịt với tinh thần là hai thứ nhiều khi không đi với nhau!...

Tôi nghiệm ra những tiểu thuyết về phong tục là những tiểu thuyết sống lâu hơn tất cả các tiểu thuyết khác, nhưng lại không được hạng người trung lưu, hạng người có óc quan sát hoan nghênh cho lắm. Cái đó cũng dễ hiểu: không được hạng người ấy hoan nghênh, vì những

phong tục hiện thời ở nước nhà không làm lạ cho những người chỉ muốn tìm trong tiểu thuyết những sự quái đản, những điều kỳ quặc và chỉ biết nhìn đời bằng con mắt lãnh đạm. Song đối với người ngoại quốc và người thời sau, một quyển tiểu thuyết về phong tục, do một ngòi bút lão luyện viết, bao giờ cũng là một quyển có giá trị và được lưu truyền.

Hạnh là một tiểu thuyết ngắn của Khải Hưng. Viết Hạnh, tác giả muốn cho người ta thấy rõ những cảm giác và tư tưởng của một hạng người.

Hạng người ông muốn khảo sát về tính tình ở đây là một hạng trung lưu cả về đường trí thức lẫn về tiền tài, mà Hạnh là người tiêu biểu. Hạnh là một thanh niên mà từ nhỏ đến lớn, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, đều bị mọi người thân sơ nhìn bằng con mắt lãnh

đạm, đều bị “người ta quên”, vì thế mà chàng có tính nhút nhát khác thường. Tác giả cho ta biết cuộc đời của Hạnh từ lúc lọt lòng đến khi trở nên “ông giáo Hạnh”. Hạnh từ bé đến lớn không được một ai thương yêu cả; chàng sống một đời cô quạnh, buồn bã và bản thân. Đến khi đã đi làm giáo học ở một huyện xa, tâm tính chàng vẫn không thay đổi: vì nhút nhát, chàng lãnh đạm với tất cả mọi người, và lẽ tự nhiên là tất cả mọi người đều lãnh đạm với chàng. Một tai nạn làm cho chàng tưởng cuộc đời tinh thần của mình bắt đầu thay đổi: chàng ngã xe đạp, bị vỡ đầu, trên một cái giốc gần một đồn điền và được người trong đồn điền khiêng chàng vào cứu chữa trong lúc chàng mê man. Tỉnh dậy thấy đầu mình được băng bó kỹ càng và thấy mình nằm trong một phòng ấm áp ở một nhà phong lưu, chàng không những không thấy đau, mà

còn lấy làm khoan khoái nữa. Hạnh lại được bà chủ đồn điền và cô em bà chủ tiếp đãi ân cần, nên chàng mê mẩn tâm thần, tưởng như mình lạc vào một tiên cảnh. Tuy ở trong đồn điền có một ngày một đêm, mà chàng mẩn cảnh, mẩn người, đi không dứt. Về nhà, đi dậy học, đi đường, không lúc nào Hạnh không tư tưởng đến bà chủ đồn điền và cô em xinh đẹp. Hạnh lại nhớ cả vườn cam ngon lành trong đồn điền nữa.

Nhưng thật là thất vọng cho chàng! Mấy hôm sau, chàng đi qua đồn điền, bà chủ trông thấy chàng, nhưng không còn nhận ra chàng nữa, người ta đã “quên” chàng rồi. Thế là chàng lại sa vào sự quên lãng của tất cả mọi người như cũ. Thấy đời sống của mình không phải thay đổi – vì chàng vốn nhút nhát, rất sợ sự thay đổi – chàng lấy làm vui và hát ngao,

nhưng “cái vui sướng bỗng bật âm ỹ chỉ lâu trong mười phút. Buồn – một thứ buồn vô căn cứ – đã vụt hiện ra, rồi dần dần lan rộng dần dần tăng sức mạnh để chiếm lấy tâm hồn Hạnh. Hạnh không buồn vì bà chủ đồn điền. Cách đối đãi lạnh lùng của người đàn bà ấy có chỉ lạ lùng và đáng buồn! Nó chỉ như trăm nghìn lần người ta đã đối đãi lạnh lùng với Hạnh, lạnh lùng và có khi còn tàn tệ nữa. Hình như một cơn gió ử rột từ ngọn núi âm u kia thổi tới, đã lọt vào trong lòng chàng. Hay đó là âm hưởng của quãng đời quá khứ vừa chợt vang lên trong một tâm hồn yên lặng?» (trang 92).

Trong tập tiểu thuyết ngắn này, Khải Hưng xét nhận nhiều cái rất đúng về con người nhút nhát. Về tính tình Hạnh, ông viết: “Như phần nhiều người nhút nhát, Hạnh rất hay lo mất thể diện nhất

khi đứng trước đàn bà”. (trang 41). Rồi về cách cử chỉ của người nhút nhát, ông viết: “Hạnh yên lặng ngồi xuống, hai cánh tay tỳ lên khăn bàn trắng, hai bàn tay chắp lại, rít chặt. Những lúc ngượng ngập, Hạnh khổ sở nhất về hai bàn tay, chẳng biết để vào đâu và dùng làm việc gì”. (trang 45).

Đến lời văn ở tiểu thuyết Hạnh, người ta thấy bình dị một cách lạ: lời văn ấy rất ăn với lối xét nhận tinh vi của tác giả.

Hạnh là một tâm lý tiểu thuyết. Trong đó tác giả cho ta thấy cái tính nhút nhát của một thanh niên vừa do ở giáo dục, vừa do ở hoàn cảnh. Như vậy, người ta thấy sự yêu thương của cha mẹ và sự dạy dỗ của thầy giáo đối với con trẻ quan hệ đến thế nào. Về phương diện ấy, Hạnh là một tiểu thuyết có thể giúp ích cho nhà

giáo dục rất nhiều trong sự rèn luyện thanh niên. Tránh cho con trẻ những điều mà Hạnh đã chịu ảnh hưởng từ lúc còn thơ cho đến lúc nên người tức là đào tạo cho con trẻ trở nên người bạo dạn, quả cảm, có nghị lực và có chí phấn đấu vậy. Về mặt ấy, Hạnh là một tiểu thuyết có tính cách giáo dục rõ rệt.

Trong tập Hạnh có phụ mấy truyện ngắn; truyện hay hơn cả là truyện Thời Chưa Cưới. Ở đây, Khái Hưng khảo sát tính tình hạng thanh niên tân tiến đúng vô cùng. Tình yêu của họ là thứ tình yêu nồng nàn, bông bột, cho nên cái thời chưa cưới của họ càng kéo dài bao nhiêu, họ càng có dịp để chán nhau bấy nhiêu. “Họ đi sát cánh nhau. Họ nói chuyện để nghe thấy câu chuyện tẻ nhạt của nhau. Họ yên lặng để nghĩ đến, để nhớ đến cái xoàng, cái tầm thường của nhau, của gia

đình nhau. Nay họ biết nhau hiểu nhau như vợ chồng. Ba năm gần chung sống rồi còn gì! Cái mỉm cười của người này, người kia nhận thấy hết nghĩa sâu kín. Câu khôi hài của người kia, người này cố không nghe thấy, vì đã nghe không biết lần thứ mấy rồi. Họ hiểu nhau để mà chân nhau, để mà khinh nhau. Nếu họ là vợ chồng rồi thì họ cứ chán nhau, cứ khinh nhau, không sao. Đằng này họ là vị hôn phu, vị hôn thê của nhau. Họ có can đảm chán, khinh nhau mãi để chờ ngày cưới không? (trang 140).

Bởi thế cho nên cái người người ta mơ tưởng, người ta chỉ biết một đôi phần vẫn là người mà người ta yêu thiết tha. Biết rõ quá là một điều hại: cái đẹp lúc nào cũng trông thấy sẽ không còn đẹp nữa, những đức tốt phô bày luôn luôn trở nên những cái rất thường, và vì lẽ đó,

tình yêu phải phai nhạt.

Về truyện ngắn, Khái Hưng viết tuyệt hay. Người ta thấy phần nhiều truyện ngắn của ông lại có vẻ linh hoạt và cảm người đọc hơn cả truyện dài của ông. Truyện ngắn của Thạch Lam và Đỗ Đức Thu ngả về mặt sâu cảm và kín đáo bao nhiêu thì truyện ngắn của Khái Hưng vui tươi và rộng mở thế ấy, nhưng không phải cái vui thái quá như những truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan đâu. Ngay ở những truyện buồn của Khái Hưng, người ta cũng chỉ thấy một thứ buồn man mác, không bao giờ là cái buồn ủ rũ như ở những truyện của Thạch Lam.

Khái Hưng là một nhà tiểu thuyết có chừng mực và ông có một đặc điểm là truyện ngắn của ông, ông thường ngụ một ý thật cao. Như vậy mới nghe tưởng như trái ngược, nhưng không có

gì trái ngược cả: về người và việc trong các chuyện, Khải Hưng tả rất bình dị, nhưng ở đoạn kết bao giờ tác giả cũng để cho người đọc có một cảm tưởng xa xăm, man mác. Hai tập truyện ngắn Giộc Đường Gió Bụi và Đợi Chờ cùng mấy truyện ngắn trong tập Hạnh của ông có thể chứng cho điều nhận xét ấy của tôi.

Như ở tập tiểu thuyết Hạnh, trong truyện Hai Người Bạn, ở đoạn kết, ông đặt vào miệng một nhân vật lời sau này:

“Đặt mím cười suy nghĩ rồi kết luận bằng một câu triết lý:

Biết đâu những thù hằn sâu xa, to tát của người ta lại không có toàn những nguyên nhân nông nổi, vô lý như thế cả”. (trang 113).

Rồi cũng ở tập tiểu thuyết Hạnh, trong truyện Tương Tri, ở đoạn kết, ông cho độc giả có cái cảm tưởng ông cụ Tú cao cờ là một ông tiên:

“Một hôm tôi tiễn cụ Tú một quãng dài khỏi làng Trường Lệ. Chúng tôi noi theo đường núi tới chỗ rẽ xuống xóm Sơn mới ra bãi biển theo ven làng Trường Lệ. Khi đứng trên ngọn núi cao, tôi trở một làng xa xa mờ mịt dưới mấy khóm phi lao và hỏi: “Cụ ở vùng kia, phải không?”

“Cụ lắc đầu đáp: “Không, xa hơn đấy nhiều”. Rồi cụ đứng nướm thẳng người lên, nhắm gậy trúc về một phương, nói tiếp: “Tận nơi kia, sau hòn núi đá xanh xanh và như hình một bức bình phong đó”.

“Tôi ngắm cụ Tú, tôi ngắm diện mạo đáng bộ cụ, tôi ngắm cảnh biển chung

quanh và tôi mơ màng như sống lùi lại hàng nghìn năm, vào thời người và tiên thường gặp nhau trên núi cao, trên biển cả; cụ Tú với cái mũ ni nhiều tam giang, với cây gậy trúc màu vàng ngà đã hiện ra trước mắt tôi thành một nhà đạo sĩ tìm thuốc trường thọ. Dưới kia, trên mặt nước phẳng lặng, khúc nhạc chất phác nghìn xưa của bọn dân chài cũng đang diễn lại: tiếng gõ mạn thuyền theo liền với những tiếng kêu mọi rợ “Ơ! ới...ới!” kéo dài mãi một điệu. Họ dọa nạt cá đấy. Hẳn ông cha ta về thời Trần, thời Lý, thời Đinh cũng dọa nạt quân địch như thế...

“Qua làng Trường Lệ, cụ tú nhất định mời tôi trở về cho kỳ được mới nghe. Rồi cụ rẽ lên đường, đi biệt vào trong rừng phi lao....

“Năm ngoái, chờ mãi không thấy cụ tú ra đánh cờ, tôi nhớ quá...

“Đã có lần cùng một người nhà, tôi mò mẫm về tận vùng trái núi bình phong, nhưng cũng chịu không tìm ra được di tích kỳ dị”. (trang 125).

Cái lối lập một ý cao như thế, người ta thường thấy trong những truyện ngắn của Anatole France, của Hoffman, của Edgar Poe, toàn những nhà văn chủ trương thuyết hoài nghi. Trong tập Giọc Đường Gió Bụi, người ta cũng đọc thấy những truyện ngắn rất man mác của Khải Hưng đôi khi hơi ngả về lãng mạn, như hai truyện đầu trong tập truyện ngắn này: Giọc Đường Gió Bụi và Tiếng Dương Cầm (trang 5 và trang 16). Kia là một thiếu nữ vì say sưa một nghề lãng mạn mà dứt cả tình lẫn tiền; rồi đây là một thiếu niên đã hiểu trên đời chỉ trong sự yên lặng mới có hạnh phúc. Thật là những truyện rất nên thơ mà không ai

có thể bảo là chỉ có trong tưởng tượng.

Đọc những truyện ngắn của Khái Hưng, tôi nhận thấy nghệ thuật của ông là tìm cho ra những ý nghĩa đau đớn hay khoái lạc của mọi việc ở đời, rồi ghi lại bằng những lời văn gọn gàng, sáng suốt, làm cảm người ta bởi những việc mình dàn xếp, mình làm cho khi nổi chìm, chứ không phải cảm dỗ người ta bởi những thuyết mà mình tưởng là cao cả.

Đọc quyển Đợi Chờ của Khái Hưng, người ta thấy cái nghệ thuật ấy lại càng rõ rệt. Trong 16 truyện, bảy truyện này hay hơn cả: Đợi Chờ, Điều Thuốc Lá, Tiếng Khèn, Tống Tiền, Đào Mơ, Đồng Xu và Dưới Bóng Trăng; nhưng trong bảy truyện này, hai truyện trội hơn cả là: Điều Thuốc Lá và Đồng Xu.

Đọc bảy truyện trên này, tôi thấy

Khái Hưng là một nhà quan sát lão luyện và dùng ngòi bút thật tài tình. Hãy thử phân tích cái hay trong mấy truyện.

Ở đời ai không có lúc đợi chờ, mà đợi chờ một mỹ nhân hứa hẹn với mình trong lúc tình cờ gặp gỡ, sự đợi chờ ấy mới càng thiết tha. Rồi khi đợi chờ cái hình ảnh người mình ao ước ghi sâu trong trí nhớ, mà phương trời dăm dăm thì lại đau đớn biết chừng nào.

“Đã hai năm chàng chờ đợi....

“Và trên bờ sông cao, khóm cây vắn yên lặng nghiêng mình soi bóng xuống mặt nước xanh rêu không động, những bụi lau lá sắc và nhọn vẫn dựng thẳng hàng bông trắng loáng thoáng lẫn trong không Và trên ngọn đồi xa, làn mây bạc vẫn ngập ngừng dừng lại.

“Cùng chàng mong ngóng người năm ấy, vạn vật trăm ngàn mong ngóng xuân về”. (trang 17).

Thật là một bài thơ.

Đến Tiếng Khèn (trang 110) lại hay về một nghĩa khác. Nó hay về chỗ cái anh Mèo thổi khèn ấy có khi là một gã si tình; nhưng ai cũng phải nhận thấy rằng một phần cái hay trong truyện ở như cái lạ của nơi đất khách:

“Tsè... phình! tsè tsè tsè phình!

«Ừm... ừm ứt! “Un... ừm ừm

Tổng Tiền (trang 125). Cái nguyên nhân có hơi lạ, nhưng nếu không, người ta ghi chép làm gì? Người ít lời bao giờ cũng có những chuyện khác thường; sau nữa, ông chủ giây thép bị thộp ngực ngay lúc mới ghếch chân lên tường, rồi

về sau bà bạn tốt và ông ta đều không dám hé môi về việc kín, là những việc rất tự nhiên.

Đào Mơ (trang 134), một truyện phảng phất giống Giọc Đường Gió Bụi, cũng cô ả hát chèo đắm say nghề cũ mà bỏ cảnh phong lưu. Một truyện có cái buồn lai láng, gợi mỗi thê lương cho người đọc.

Dưới Ánh Trăng (161), hay về cái đọc nó như một truyện dài mà vẫn là một truyện ngắn. Một truyện thương tâm, vì kẻ có tội là một người không đáng trách: một người đã sung sướng lại có óc lãng mạn, nhìn cuộc đời toàn thấy một màu hồng.

Nhưng đến hai truyện Điều Thuốc Lá và Đồng Xu thì thật hay. Nếu chỉ căn cứ vào hai truyện này mà phê bình các

văn phẩm của Khái Hưng theo thuyết tương đối, tôi có thể nói những truyện dài của Khái Hưng kém những truyện ngắn của ông. Cái đó có lẽ vì một cơ này: văn Khái Hưng rất bình dị, đó là một nét hay trong truyện ngắn, nhưng đôi khi nó làm cho người đọc không thấy vui trong truyện dài. Nếu không có sự sáng suốt và những sự kết cấu rất tự nhiên kéo lại, thì một truyện dài như Gia Đình của ông có lẽ sẽ hóa một tiểu thuyết có tính chất khảo cứu – khảo về phong tục.

Trong Điều Thuốc Lá, tác giả sợ con mắt mù đeo cặp kính đen của ông Cửu Thầy là phải lắm, vì tác giả đã phạm cái tội để ngược điều thuốc lá cho ông Cửu Thầy bong môi. Cái tội ấy tuy không nặng bằng tội của Cain, nhưng cũng như Cain, tác giả đã tưởng con mắt của ông Cửu Thầy đuổi theo mình. Đó là hết cả

sự rùng rợn và ngây thơ của truyện: tác giả hồi đó còn là một cậu bé dí dỏm, tinh quái, xét cuộc đời một cách ngây thơ và tưởng tượng theo lối trẻ con.

Rồi đến Đồng Xu, một cử chỉ của Gavroche! Tất cả tài sản của mình chỉ có một đồng xu mà đi ném phăng vào một nhà giàu, cái ấy mới ngông! Cái ngông của kẻ cơ nhỡ mà ít khi người ta để ý tới, nên người ta dễ làm cho họ tủi nhục. Còn cái việc lại trèo vào nhặt chỉ là một sự phản động thôi, một sự phản động bị dũa dầy xui khiến, một hiện tượng về sinh lý. Giá gặp thời loạn lạc chắc anh Phiền (anh chàng có đồng xu) sẽ đi nhặt vỏ đạn để có ít rượu nhắm nháp buổi chiều chứ chẳng chơi đâu! Thật là một truyện rất an ủi cho những người túng thiếu, vì cái ý nghĩa rất sâu về đường xã hội của nó.

Đọc những truyện ngắn của Khải Hưng, tôi nhận thấy sự quan sát của ông rất chu đáo; người đọc có thể tin những người và những việc dưới ngòi bút của ông đều là thật cả. Thật thế, khi một nhà văn đã cảm cuộc đời một cách sâu sắc rồi mới tưởng tượng, những điều tưởng tượng của nhà văn ấy bao giờ cũng thiết thực và thiết tha. Anatole France đã nói: «Tất cả các ý kiến, chúng ta đều nhờ giác quan mà có, nên tưởng tượng không phải là sáng tạo mà là thu thập các ý kiến...» Vậy quan sát cho được chắc chắn không phải là dễ. Có nhiều văn sĩ trứ danh vẫn không thoát được sự khuyết điểm về đường quan sát. Không nói đâu xa, ngay Pearl Buck, nhà nữ văn hào Mỹ được phần thưởng Nobel năm 1938, có lần cũng đã không tránh được sự sai lầm trong sự quan sát. Những sách của bà đều là những sách hay vô cùng; vậy

mà trong quyển Vent d'Est, Vent d'Ouest (Gió Đông, Gió Tây) của bà, tôi đã thấy một câu này: «... Nàng đem lại cho bà mẹ chồng một tẩu thuốc đã châm sẵn...» Tẩu thuốc đây không phải là tẩu thuốc lá Tây hay thuốc lá bào của Tàu đâu, tẩu thuốc đây là tẩu thuốc phiện! Thuốc phiện mà lại châm sẵn từ trong nhà đem ra. Đó là một sự sai lầm đáng tiếc; không ngờ lại thấy trong một quyển sách của nhà nữ văn hào được cái giải thưởng văn chương lớn nhất thế giới. Nhưng thật ra nó chỉ do ở một sự không cẩn thận, một sự cẩu thả; sau nữa ta cũng nên biết Pearl Buck là người Mỹ mà đi viết về phong tục nước Tàu, thì dù bà có sống ở Tàu lâu năm thật, nhưng vẫn không bao giờ là người Tàu được.

Quan sát phong tục nước người là một việc mà đến nay các nhà văn nước

ta chưa gặp. Nhưng quan sát ngay những việc nước mình cho được đúng, cũng là một việc khó rồi. Về phương diện đó, Khái Hưng là nhà tiểu thuyết rất đáng khen ngợi vì những điều quan sát của ông về những cổ tục trong gia đình Việt Nam, không ai dám bảo là không có giá trị.

Khái Hưng có viết mấy tập kịch ngắn, như Tục Lụy, Đồng Bệnh. Tục Lụy là một tập kịch ngắn vừa bằng lời ca, vừa bằng lời nói. Cũng trong tập Tục Lụy, có những kịch ngắn một hồi một cảnh, như Chết (trang 57), Tiền (trang 81), Người Mẹ (trang 97), và một vở ba hồi: Người Chồng (trang 109). Hầu hết đều là những vở nửa hí hước, nửa bị đát, vừa ngụ ý châm biếm, vừa ngụ ý chua chát. Như vở kịch Người Chồng ngụ ý chán ngán về cái tình yêu rất mong manh, rất

khó hiểu của người đàn bà: Minh vốn là vợ Phiên, nhưng Phiên bị khổ sai chung thân...; sau có thư của Phiên ở Côn Đảo gửi về cho phép Minh lấy chồng nên Minh kết duyên với Tòng vốn là bạn của Phiên và của Minh. Nhưng Tòng không được hưởng cái thú lấy Minh lâu dài vì Phiên thốt nhiên được ân xá. Phiên về. Tòng lo, vì thấy vợ vẫn còn tưởng nhớ tình xưa. Một hôm, Tòng làm tiệc để thết Phiên, rồi Minh và Tòng cùng đi đón Phiên. Một sự không may: Tòng nhớ xe ô-tô, nên lúc về, Tòng phải đi xe hỏa, còn Phiên và Minh về trước bằng ô-tô. Nhưng về đến nhà, Tòng hỏi các bạn đang ngồi đợi mình, mới biết tuy Phiên và Minh về trước chàng đã lâu mà vẫn chưa tới nhà. Tiệc rượu đã bày... Tòng đang nóng lòng chờ đợi thì có người gõ cửa. Nhưng không phải Phiên và Minh về mà là người đưa lại cho Tòng một bức

thư của Minh. Tòng xem thư, không nói nửa lời, chỉ thúc giục các bạn uống rượu. Tòng vốn là người tửu lượng kém mà uống luôn mấy cốc, rồi gục đầu xuống bàn ngủ. Không một ai biết trong thư Minh nói gì, nhưng thấy Minh không về và các cử chỉ của Tòng, người ta đoán được ý nghĩa bức thư.

Người Chồng là một vở kịch nửa vui nửa buồn cũng như kịch Chết, một hồi, một cảnh: Một thiếu niên chết giữa lúc anh chị em chạm cốc vui đùa trước mặt mình, nhất là những người bạn ấy đã biết chàng ta đang đau nặng.

Cả hai vở kịch (Người Chồng và Chết) đều kín đáo, mỗi bản ngụ một ý riêng, nhưng cách kết cấu không khỏi nông nổi, vì tâm lý các nhân vật – hay về riêng mấy vai chính – tác giả không cho người ta thấy rõ.

Vở kịch Đồng Bệnh (diễn lần thứ nhất tại nhà hát tây Hà Nội ngày 12 Décembre 1942) cũng có cái tính cách nhẹ nhàng như hai vở kịch trên này. Nhưng Đồng Bệnh là một vở đặc hí hước, không có cái gì là bi đát cả:

Thông Đán muốn hỏi Lan, con gái Nghị Vấn cho con trai mình là Hương mới đỗ cử nhân và mới ở Tây về. Tuy là lấy vợ cho con, nhưng kỳ thực thông Đán muốn được ít của, vì nhà Nghị Vấn giàu, cốt để cứu vãn cái tình thế nguy ngập của mình. Nghị Vấn là người mắc bệnh thần kinh suy nhược, hay đập phá. Khi đã biết về bệnh thần kinh, những người đồng bệnh có tính hay thương nhau, thông Đán cũng giả vờ mắc bệnh thần kinh. Quả nhiên Nghị Vấn đến sẵn sóc cho thông Đán mỗi khi ông này đập phá, rồi bằng lòng gả Lan cho Hương, tuy có

lần ông đã quả quyết chối từ. Nhưng vì Hương, con trai thông Đán, có tính bép xép, đi kể mưu của cha mình cho vị hôn thê nghe và lại để Nghị Vấn nghe trộm được, nên Nghị Vấn tức tối, quyết không gả Lan cho Hương nữa. Thông Đán lại phải khổ tâm về sự tìm mưu tính kế. Nhưng khi vừa nghĩ ra được một mưu cao thì hốt nhiên Nghị Vấn lại bằng lòng gả con gái cho Hương. Lần này, có lẽ thông Đán điên thật, ông đập vỡ cả đồ cổ chứ không đập riêng đồ xoàng như trước: ông tức tối về nỗi chưa thi hành được mưu cao thì Nghị Vấn đã gả Lan cho con trai ông rồi!

Vở Đồng Bệnh diễn trên sân khấu làm cho ai cũng phải cười bò, nhưng cái cười đây là cái cười khi thấy mấy vai hề làm những việc ngộ nghĩnh, cuồng dại, chứ không phải cười trước những vai trò

diễn những việc sâu sắc và thật “nhân loại”.

Những kịch của Khải Hưng đều là những kịch nhẹ nhàng, gần như những vở bông lơn, chứ không có tính chất cao của đại hài kịch. Dem so những kịch của ông với tiểu thuyết của ông, thì về mặt văn chương tư tưởng, kịch của ông kém hẳn tiểu thuyết của ông.

Khải Hưng, như người ta đã thấy, là một nhà tiểu thuyết có biệt tài. Ông xét tâm lý phụ nữ Việt Nam rất đúng, ông lại để tâm đến việc cải cách những hủ tục trong gia đình Việt Nam, nên những tiểu thuyết phong tục của ông đều là những tiểu thuyết có giá trị. Phần đông thanh niên trí thức Việt Nam là những độc giả trung thành của ông và trong số ấy, phụ nữ chiếm số nhiều hơn cả.

Nếu đọc các văn phẩm của ông, từ Hồn Bướm Mơ Tiên cho đến những tập gần đây nhất của ông, như Hạnh, người ta thấy ông mới đầu chú trọng vào lý tưởng, rồi dần dần ông lưu tâm đến thực tế và viết rất những tiểu thuyết tả thực về phong tục, lấy sự chân xác làm điều cốt yếu... Những tiểu thuyết ấy đều là những bài học rất hay cho những người bảo thủ thái quá, vì nếu muốn cho quốc gia mạnh, không thể nào để cho gia đình mục nát được. Người Việt Nam trong nửa thế kỷ gần đây đã tiến hóa rất nhiều, vậy mọi sự thiết lập trong gia đình và ngoài xã hội cũng cần phải cho xứng hợp. Không ai đi mặc áo trẻ lên ba cho người hăm một tuổi.

Gần đây, Khải Hưng có khuynh hướng về tâm lý tiểu thuyết. Hạnh là

một bằng chứng cho cái khuynh hướng ấy của ông.

Nhưng dù ở tiểu thuyết lý tưởng, tiểu thuyết phong tục hay tiểu thuyết tâm lý, cái đặc sắc mà người ta thấy trong các văn phẩm của Khái Hưng là sự xét nhận rất đúng về tâm hồn nam nữ thanh niên Việt Nam. Người ta có thể gọi ông là «nhà văn của thanh niên». Ông rất am hiểu tính tình con người trong tuổi trẻ, nên những truyện nhi đồng của ông cũng rất thú vị. Truyện Ông Đồ Bể (Đời Nay - Hà Nội 1939) của ông là một truyện tuyệt tác trong loại nhi đồng.

Về văn, trước kia người ta thấy ông viết một giọng văn bay bướm – thường hay nhiều lời – bây giờ ông viết một lối thật bình dị, thật sáng suốt, rất thích hợp

với những ý tưởng chín chắn của một tiểu thuyết gia có nhiều lịch duyệt.

Bây giờ người ta chưa thể đoán được bước đường tiến hóa của tiểu thuyết Khái Hưng, nhưng đến nay người ta thấy cái loại trội hơn hết của ông là loại tiểu thuyết phong tục. Như vậy, đặt ông vào loại hay nhất của ông, cũng không có gì là quá đáng.

(Nhà Văn Hiện Đại - Quyển 3)

VŨ NGỌC PHAN

NGỰA HỒNG

NGUYỄN LÝ TƯỞNG



Tôi nằm trên gác trọ, dưới ánh đèn mờ, tay ôm cuốn tiểu thuyết “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” của Khải Hưng, hình ảnh “Ngang Tàng Công Tử Lê Báo” với nhà chí sĩ Phạm Thái như

những gợi nhớ đã đưa tôi về dĩ vãng xa xưa. Tuần mã hý vang trời, vó ngựa tung bụi mờ ngàn dặm, người tráng sĩ lên đường tranh đấu... Những cuộc hội họp bí mật của Đảng Phò Lê ở chùa Tiêu Sơn, những hành động táo bạo, mạo hiểm của Phạm Thái khi giết chết dâm tặc đội lốt sư cụ để chiếm cứ sào huyệt mưu đồ đại sự... đối với tôi sao mà thân thương, gần gũi thế!

Tôi sinh ra trong một gia đình trung nông, tổ tiên cũng có theo đòi Nho học, hằng ấp ủ những đức tính cần cù nhẫn nại, cương trực thành tín. Dưới thời nhà Nguyễn, tổ tiên tôi vì theo đạo Chúa nên không được đi thi, không được tham gia chính sự. Học chữ thánh hiền là để biết đạo lý, biết đọc giấy tờ, sổ sách và nghiên cứu đông y để chữa bệnh cho gia đình và bà con làng xóm mà thôi.

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, Ông Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, rồi nhân danh vua truyền hịch cần vương bình Tây sát Tả... Tháng tám năm đó, một lực lượng võ trang không biết từ đâu kéo đến bao vây làng tôi, một làng toàn tòng, giết sạch, đốt sạch... Hàng ngàn dân vô tội chết oan. Ông nội tôi may mắn sống sót. Thừa hưởng ruộng vườn của bà con đã chết để lại, trải qua hàng chục năm làm lụng, ông bà tôi đã trở nên một người giàu có trong vùng.

Ông bà sinh được ba người con trai, mỗi người có một cuộc sống khác nhau. Bác Cả làm thầy đồ dạy chữ Nho, được tước Cửu Phẩm Văn Giai. Bác là người gương mẫu, đạo đức, biết chăm lo ruộng vườn, ăn tiêu chừng mực, quanh năm chẳng đi đâu xa, chỉ sống với bà con làng

xóm, lo giỗ chạp, lễ lược trong gia đình, họ hàng. Bác thường nhắc nhở con cháu phải sống đạo đức, tránh những điều tai tiếng cho dòng họ...

Bác thứ hai đã từng theo học tiếng Pháp tại trường Dòng Pellerin ở Huế, thi đậu vào ngạch Tham Phán Tòa Khâm Sứ (Secrétaire Residentiel), nhưng không chịu ra làm việc cho nhà nước mà chỉ thích trồng hoa, câu cá, săn bắn, thù tạc với bạn bè. Bác có một con ngựa trắng thường gọi là ngựa Kim. Bác thường cỡi ngựa đi chơi với bạn bè, có khi vào quán uống rượu đến say gục trên bàn mà chưa chịu về. Mỗi lần như vậy, hàng quán chỉ việc đỡ ông lên nằm trên yên là ngựa cứ đường cũ đưa ông về tới nhà. Ông bác đó mất sớm vì bệnh dạ dày, mới ngoài bốn mươi tuổi.

Cha tôi khác với hai ông bác, người cũng được vào Huế học trường Dòng, nhưng tính thích hoạt động xã hội và kết bạn với những người làm cách mạng, chính trị. Năm 1916, hai ông Thái Phiên và Trần Cao Vân tổ chức đem vua Duy Tân ra khỏi kinh thành để mưu đồ chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa thất bại, hai ông bị xử tử, vua bị đi đày, nhiều người bị bắt giam, bị xét xử... Một hôm cha tôi từ Huế trở về nhà và dặn mọi người đừng đi đâu xa, đêm phải cửa đóng then cài cẩn thận vì sắp có biến... Về sau mọi người mới biết ngày đó chính là ngày vua Duy Tân trốn ra khỏi hoàng cung. Cha tôi vì có liên lạc với tổ chức cách mạng đó nên sợ bị bắt, phải trốn tránh nhiều năm trong nhà một quan thượng thư ở Huế để tránh con mắt của mật thám Pháp. Sau khi tình hình ổn định, cha tôi mới trở về nhà...

Trong thập niên 30, cha tôi thường hay đi các tỉnh miền Trung thăm bạn bè và hoạt động cho Hưng Nghiệp Hội Xã, với danh nghĩa buôn bán làm ăn, nhưng bên trong có mục đích yểm trợ cho các tổ chức yêu nước chống Pháp. Sau khi Nhật đảo chánh Pháp ở Đông Dương, bạn bè của cha tôi ở các tỉnh xa thường đến chơi, có khi ở lại trong nhà suốt cả tuần.

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, tôi chưa được sáu tuổi, mới bắt đầu cắp sách đến trường... Bỗng một hôm có mấy người trong Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến huyện đến nhà yêu cầu trao cho họ hai chiếc xe đạp của cha tôi và của anh tôi để họ sử dụng... Tôi nghe cha tôi nói với họ:

– Tôi dành dụm cả một đời mới sắm được chiếc xe đạp để đi lại làm ăn, nay

các ông cậy thế chính quyền đến “cướp” xe đạp của tôi. Thật vô lý quá!

Một tên trong bọn chúng giải thích:

– Không, Chính Phủ không lấy đâu!
Chính Phủ chỉ mượn mà thôi!

Bọn chúng đông người lại có đem theo khí giới, đã ngang nhiên cướp mất hai chiếc xe đạp mang đi. Chúng trao cho cha tôi một mảnh giấy có ghi là Chính Phủ mượn hai chiếc xe đạp đó vì nhu cầu phục vụ kháng chiến, sau này kháng chiến thành công, sẽ trả lại. Hắn tự xưng là “Chính Phủ” (đúng hơn là người đại diện Chính Phủ)... Từ giọng nói, cử chỉ, cách ăn mặc của hắn và cả đến cái tên riêng của hắn nữa... cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ mãi. Trần Hữu Dục trước đây đã từng ăn ở trong nhà tôi, dạy cho mấy anh tôi học chữ quốc ngữ, theo cha tôi

đi các tỉnh hoạt động cho Hưng Nghiệp Hội Xã, sau hần chuyển hướng theo đảng cộng sản. Năm 1945, Việt Minh lên nắm chính quyền, hần được làm Chủ Tịch Trung Bộ, uy quyền rất lớn. Hần biết cha tôi ghét cộng sản nên cho bọn đàn em đến bắt cha tôi, anh tôi. Vụ cướp xe đạp bị cha tôi chửi cũng đã tới tai hần nên hần sợ mang tiếng với quê hương...

Mấy tháng sau, chúng mang đến cho cha tôi một con ngựa ốm o, gầy còm, trông thật thảm thương để đền bù hai chiếc xe đạp đã bị chúng cướp mất... Nhà tôi mấy đời nuôi ngựa, cha tôi lại nổi tiếng là người cỡi ngựa giỏi. Những con ngựa bất trị, ngựa hay trở chứng ở trong vùng đều được đưa đến cho cha tôi huấn luyện. Quan lãnh binh họ Dương có một con ngựa hay nhảy, hay đá, ai ngồi lên mình nó cũng bị nó hất xuống

đất... ông đem ngựa đến nhờ cha tôi dạy, chẳng bao lâu nó cũng thuần tính. Xem qua tướng ngựa, cha tôi biết đây là ngựa quý của một quan chức nào thời Pháp để lại, nay không có người chăm sóc, thiếu ăn nên trông có vẻ tiêu tụy như vậy. Mỗi ngày, cha tôi dẫn ngựa ra sông cho tắm, cho ăn cỏ, ăn thêm bắp, lúa... nên chẳng mấy chốc trở nên béo tốt, trông đẹp mắt. Cha tôi đặt tên cho nó là Ngựa Hường (Hồng) vì mình nó màu vàng. Ngựa đen thì gọi là ngựa Ô, ngựa trắng thì gọi là ngựa Kim. Nuôi ngựa tốn kém mà đi lại thì không tiện lợi bằng chiếc xe đạp, nên sau đó nhà không nuôi ngựa nữa. Nay Việt Minh lại đem ngựa đổi lấy xe đạp nên cha tôi bắt buộc phải nuôi ngựa trở lại.

Cha tôi có một người bạn là cụ Hoàng Trọng Thuần, có tiệm thuốc bắc

cách làng tôi mấy cây số. Mỗi buổi sáng, anh tôi cỡi ngựa chạy một vòng từ nhà lên huyện rồi ghé vào nhà cụ Hoàng hốt thuốc cho mẹ tôi đang bị bệnh. Để lẫn trong những thang thuốc đó, là những gói tài liệu, truyền đơn Quốc Dân Đảng, phân phối đi các nơi qua trạm liên lạc là nhà của cụ Hoàng. Có một lần, cha tôi đi xa về có đem theo hai ông khách lạ. Cha tôi giấu hai ông ở trong buồng, đến bữa ăn, cha tôi đích thân mang cơm vào cho hai ông. Cha tôi cũng bố trí người canh gác ở ngoài đường, hễ có ai lạ mặt đến thì báo động ngay. Tối hôm đó, có nhiều người đến nhà tôi. Sau khi mọi người vào nhà đông đủ, cha tôi liền đóng cửa, cài then cẩn thận. Tôi thấy ở giữa nhà có treo một lá cờ có hình ngôi sao trắng, mọi người nghiêm chỉnh hát: “Trông sắc kìa sao trắng oai hùng...”. Hát xong, mọi người đứng im lặng và cha tôi bắt

đầu nói: “Thưa các đồng chí, Tôi xin giới thiệu: đây là hai đồng chí Hoàng Côn Bách và Trần Nguyên Khanh từ Trung Ương đến thăm và sinh hoạt với anh em chúng ta...”

Từ ngày Việt Minh lên nắm chính quyền, hai chữ đồng chí rất quen thuộc với nhân dân Việt Nam, đi đâu cũng nghe người ta chào hỏi nhau bằng hai tiếng “đồng chí”... Tôi còn nhỏ chưa biết “đồng chí” nghĩa là gì, nhưng mỗi lần bạn bè của cha tôi hội họp như thế, tôi đều nghe họ gọi nhau bằng đồng chí. Tôi nghĩ rằng đồng chí cũng như bạn bè thân thiết nên có khi tôi cũng gọi mấy thằng nhỏ trong xóm, bạn của tôi bằng đồng chí. Chẳng hạn: “đồng chí Tèo ơi! đồng chí Nhóc ơi!” Mấy ông đồng chí của cha tôi ngồi lại với nhau là chữi bọn Việt Minh Cộng Sản, chữi Hồ Chí Minh... nên tuy nhỏ

tuổi, tôi đã hiểu được Việt Minh là bọn xấu, cộng sản là bọn xấu, Hồ Chí Minh là người xấu....

Tết năm 1946, cha tôi đi ăn giỗ ở nhà cụ Phó Bảng Lê Nguyên Lượng, người làng Xuân Thành, cách làng tôi một cánh đồng. Sau này tôi được biết, Cụ Phó Bảng là người lãnh đạo đảng bộ Quốc Dân Đảng ở tỉnh Quảng Trị và cha tôi, anh tôi, cụ Hoàng Trọng Thuần, cụ Tú Nguyễn Văn Mân...v.v... đều là thành phần Ban Chấp Hành Tỉnh Bộ. Quốc Dân Đảng là tên gọi tắt của Mặt Trận Quốc Dân Đảng Việt Nam kết hợp hai tổ chức cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt QĐĐ... Sau lễ giỗ, cụ Phó Bảng họp đồng chí và cha tôi được phân công đứng ra tổ chức một lực lượng võ trang để kháng Pháp và tự vệ gọi là “Đệ Tứ Khu”...

Cha tôi đã bị Việt Minh bắt giam hai lần, một lần tại lao xá Quảng Trị, một lần tại Ba Tơ (Quảng Ngãi) cùng với cụ Lê Nguyên Lượng, cụ Hoàng Trọng Thuần, cụ Tú Mân...v.v... Sau khi chính phủ Liên Hiệp ra đời tại Hà Nội, Việt Minh cho những người đối lập trong hàng ngũ quốc gia bị giam cầm được tự do. Cha tôi lại tiếp tục hoạt động nhưng ít khi ở nhà và thường trốn tránh nơi này nơi khác. Cho đến một hôm, cha tôi bị cảm mạo thương hàn rất nặng, phải trở về nhà để lo thuốc thang. Thế rồi vào một đêm sau ngày toàn quốc kháng chiến (20 12 - 1946), chúng kéo đến bao vây nhà tôi. Nghe tiếng người ồn ào trước nhà, cha tôi bèn leo lên trần nhà ẩn núp, nhưng cũng không thoát được nanh vuốt của chúng.

Thấy cha tôi đang đau nặng liệu sức đi đường xa không nổi, nên mẹ tôi xin phép để cho hai người trong nhà dùng võng tre khiêng cha tôi từ nhà đến trụ sở công an huyện. Đây là lần thứ ba cha tôi bị chúng bắt và cũng là lần cuối cùng để từ đó tôi vĩnh viễn không còn được gặp lại cha tôi nữa. Trại Đưng (Hà Tĩnh), nơi rừng thiêng nước độc, nơi những người quốc gia bị hành hạ thân xác lẫn tinh thần rất dã man. Cha tôi chết trong trại tù ấy vào ngày 25 tháng 11, 1947.

Cộng sản bắt cha tôi và cướp luôn ngựa Hường...

Thế rồi một buổi chiều cuối năm, tôi và bọn trẻ con trong làng chạy ra xem đoàn quân Việt Minh đang đi qua trước mặt làng. Những người lính mặc áo quần màu nâu, vai mang ba lô, chân đi dép râu, mặt mày hốc hác, đầy lo lắng, đang đi

qua làng tôi. Họ bước đi trong im lặng, không nói một lời. Họ đi rất vội vàng, cố đi nhanh kéo quân thù đang đuổi tới sau lưng. Ngày hôm đó hai cánh quân Pháp tiến vào Quảng Trị, một từ hướng Lào qua Khe Sanh xuống Đông Hà, một từ Đà Nẵng, Huế tiến ra. Tiếng súng đại bác mỗi lúc một gần, trời rét như cắt thịt, chim én bay vào nhà... Người chỉ huy ngồi trên ngựa, đi cuối cùng. Con ngựa gầy còm, trơ xương, bước đi không nổi, trông rất tội nghiệp. Tôi bỗng nhớ đến con ngựa của cha tôi... tự nhiên nước mắt tôi trào ra, không cầm được. Tôi bỗng kêu lên: «Ngựa Hường!» Con ngựa đang đi bỗng quay đầu lại, nháy chồm lên, hất người sĩ quan xuống đất rồi chạy rất nhanh vào nhà tôi.

Bọn lính chạy đến lôi kéo, giằng co, đánh đập túi bụi vào thân ngựa, bắt nó

quay đầu trở lại đi theo đoàn quân. Chân đá, miệng hí lên những tiếng thật dài, con ngựa đỏ đem hết sức bình sinh ra kháng cự lại. Ngựa Hường! Đúng là con ngựa của cha tôi. Nó nhớ chủ cũ, người đã cho nó ăn bắp, ăn lúa, đã tắm rửa, cắt bờm, săn sóc thương yêu nó, đã nuôi nó béo tốt... Nó căm tức kẻ thù của chủ nó đang cỡi lên lưng nó...

Bọn bộ đội Việt Minh kéo giằng con ngựa lại, đẩy nó đi tới... Có lẽ nó cũng không sống nổi sau trận đòn đầy dọa dẫm man của kẻ thù và nghe đâu nó đã chết đói, chết khát sau khi đoàn quân đã qua được bên kia sông.

Lòng tôi bỗng thấy xót xa, thương cha, thương anh đã bị kẻ thù bắt đi và không biết hiện đang sống chết ở chốn rừng thiêng nước độc, nơi giam cầm tù tội nào? Còn đâu bước chân tuần mã phi

ngàn dặm, cất tiếng hí vang trời khi cha tôi, anh tôi ngồi trên mình ngựa ra đi... còn đâu hình ảnh bất khuất, chí khí kiêu hùng dám hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của tiền nhân.

Tôi nhắm mắt lại, cuốn tiểu thuyết “Tiêu Sơn Tráng Sĩ” vẫn còn trên tay. Tại tôi vẫn còn nghe văng vẳng tiếng ngựa phi đằng xa, hình ảnh của một tổ chức cách mạng, hình ảnh những nhân vật tranh đấu trong tác phẩm của Khái Hưng, hình ảnh của chính tác giả, có lẽ ông cũng là người cùng thời với cha tôi, cùng chung ước vọng và cũng đã bị kẻ thù phi nhân, phi nghĩa giết hại.

NGUYỄN LÝ TƯỜNG

Bài Ca Vọng Cổ

TƯỞNG NHỚ MỘT VĂN HÀO

THÁI QUỐC NAM

Nói Lối

Tôi tưởng nhớ một người đã quá cố

Trong văn đàn có bút hiệu Khái Hưng

Tên chữ ông vốn là Trần Khánh Giu

Bị sát hại vào năm bốn mươi bảy.

VỌNG CỔ

1 – Khái Hưng mất nhưng danh thơm
còn sống mãi, trong giới văn nhân ghi

đậm nét tên... người. Với tác phẩm văn chương ông để lại cho đời. Ai đã qua một lần thưởng thức, tác phẩm của người uyên bác cao sâu. (SL). Lòng yêu nước thương nòi cũng tiềm ẩn ở Khái Hưng, với ý chí đấu tranh giành độc lập, cho dân Nam mình được ấm no hạnh phúc.

2 - Văn Khái Hưng như hoa trong vườn Thượng Uyển, một cây bút sáng danh trong Tự Lực Văn Đoàn. Ông đã đỗ Cao-học mà lợi danh ông vẫn không màng. Người muốn dụng bút thần phá tan xiềng xích, giải phóng kiếp tôi đòi dưới ách Pháp xâm lăng. (SL). Nhưng hỡi ơi! Thiên bất tùng nhân nguyện, ông bỏ cuộc nửa đường bao công trình đều dang dở, chim đại bàng bị cuồng phong gãy cánh, văn giới nước Nam mình thương tiếc một tài danh.

CA LƯU THỦY HÀNH VÂN

Tôi khóc một tài hoa của nước Nam

Vì nước dân quên mình

Văn chương thi phú Khái Hưng hãy còn
lưu danh

Nghìn thu sau vẫn không phai mờ.

5 – Khái Hưng đã nổi bước tiên nhân
điểm tô văn học sử, nhiều tác phẩm cao
siêu cho nòi giống tiên... rồng. Ông viết
lên những hoa thơm cỏ nội hương đồng.
Với những đình chùa hay làng mạc, đó
chính là nguồn cảm xúc của nhà văn.
(SL). Mỗi tác phẩm là mỗi bài ca, chuyên
chở tình chủng tộc quê hương, ông hát
ông ca ông gào ông thét, đem gấm nhung
trải khắp sơn hà.

6 – Khái Hưng hồi đời ông văn số,

nhưng văn khí hùng ca ngất trời xanh.
Tôi vốn kẻ hậu nhân trong văn giới, đọc
văn ông tôi xúc động rạt rào, tài hoa
này chí tại non cao, ý lai láng như trùng
dương dậy sóng. (CỔNG). Chí khí ấy ông
muốn dâng cho nước, nên văn chương
thăng tiến của nhà Nam.

Ông gieo trong khắp dân gian

Tự do hạnh phúc dân Nam an bình. (SL)

Ông triết luận thật là chính đáng

Tôi thán phục người vị quốc dân

Tuy nay không ở dương trần

Xem như ông vẫn còn gần bên tôi

Nov. 24-97

THÁI QUỐC NAM

NHỚ KHÁI HÙNG NGƯỜI SÔNG KIÊN

Nói Lối

Lòng tưởng nhớ đến văn hào quá vãng, Tự Lực Văn Đoàn đã mất một Khải Hùng, nước Việt Nam đã mất một anh hùng, người nằm xuống thanh danh còn chói rạng.

VỌNG CỔ

1 – Văn học sử còn ghi danh hậu thế... Trần Khánh Giư tên tộc một... văn... tài. Tác phẩm văn chương ông để

lại cho ... đời. Văn điệu của Khái Hưng là văn chương dân tộc, mang tâm tình hương vị của quê cha... đình chùa hay làng mạc được diễn đạt chân thành qua nét bút cao sang, ông mất đi nhưng vẫn để lại cho đời sau nhiều nỗi tiếc.

2 - Văn thanh thoát như hoa trôi nước chảy, ngòi bút tinh anh trong Tự Lực Văn... Đoàn, ông là một trong những Việt Quốc anh... hùng, là một người can cường, dũng cảm ông đã dùng ngòi bút của mình để chống ngoại xâm...

“Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao...

Giã nhà đeo bức chiến bào

Thét roi cầu vị ào ào gió... Thu”

Lý con sáo

Tiếng của ai vang dội như là của Khái Hưng

Một thân đầy gian truân không ngại cho thân mình

Đem mạng sống cho đời

Vì lòng yêu đất nước

Nhưng hỡi ôi... đến nay không còn ông.

5 – Nối bước tiền nhân điểm tô Văn học sử, tên tuổi Khái Hưng được ghi lại muôn đời. Lòng chúng ta đau xót tơi bời, đau xót vì đất nước mất đi một tài năng anh kiệt, nhưng văn chương ông vẫn còn sống mãi trong ta... những tuyệt phẩm thi, văn độc đáo, được viết qua với lối văn chân thành, rung cảm để ngày sau thanh sử mãi lưu truyền.

6 – Khánh Giư tên đặt, họ Trần

Khái Hưng bút hiệu cho người đời khen

Ngàn xưa, nối tiếp ngàn sau

Trong lòng dân tộc, còn mang tên...
người.

Khái Hưng hỡi, ông là người ái quốc,
đem thân mình hiến tặng cho non sông,
nhưng anh hùng tử chớ khí hùng nào tử,
ông đã mất đi rồi nhưng sống mãi với
Việt Nam.

VƯỢT ĐỈNH TRĂNG SAO

* Kính nhớ Khái Hưng
tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên

NGUYỄN THẠCH KIÊN



Đúng vào dịp hè năm mươi năm trước, tôi có một kỷ niệm buồn

vui tuổi trẻ, ít ai có. Tôi xin kể bạn nghe.

Hôm ấy tôi rời làng Thụy Ứng, tạm biệt người bạn thân là Long Giang, để về Ninh Bình. Buổi sáng thật yên tĩnh. Hà Nội chỉ cách nơi tôi rong duỗi khoảng trên mười cây số, tính theo đường chim bay. Không một tiếng súng vọng về. Và cũng không có cả những tiếng ì ầm của đoàn xe tăng chạy dọc trên đê sông Hồng báo hiệu có một cuộc càn quét man rợ những xóm làng ở về phía Nam thành phố.

Tôi đi trên bờ đê sông Nhuệ, từ Cầu Chiếu. Con đê này, trong kháng chiến, đã trở thành huyết mạch chính từ Bắc xuôi Nam, trên bến dưới thuyền. Quốc lộ Một và đường xe lửa đã bị phá bỏ, đắp ụ từ lâu. Do đấy mọi giới đồng bào đều di chuyển trên đê hoặc bằng thuyền, qua nhiều ngả tắt ruộng đồng để tới nơi định

tới. Và tụ điểm chính trong giai đoạn này là Đồng Quan, “Thủ đô tỵ nạn của người Hà Nội”.

Sau những tiếng súng đại bác nổ dữ dội trong đêm 19 tháng 12, người dân Hà Nội cũng như các vùng phụ cận đổ xô về hướng Nam, và tạm dừng chân ở một cái bến nhỏ, thuộc phủ Thường Tín, là Đồng Quan này. Một số chạy về hướng Bắc, ngược mãi lên vùng biên giới Việt - Trung.

Cái bến nhỏ Đồng Quan có một con đường đất đá chạy ra ga Đỗ Xá; lên bờ đê sông Hồng và qua đò là sang làng Ninh Tập, Sài Quất, Ngọc Đồng thuộc tỉnh Hưng Yên, ở về hướng Đông, cũng chẳng bao xa. Về hướng Tây thì qua các làng Ước Lễ, Đào Xá, Từ Châu... ruộng đồng mát mắt. Và theo dòng sông, xuôi về Nam thì tới Cống Thần.

Chính cái bến nhỏ Đồng Quan ngày nào thốt nhiên trở thành một nơi sầm uất, trù phú nhờ cái chợ trời bán đủ các mặt hàng hiếm quý tích tụ từ khắp nơi đem lại.

Dọc bờ sông Nhuệ và con đường đất đá dẫn ra ga Đỗ Xá, nhà cửa bằng tre, gỗ ván và lợp rạ thô sơ mà khang trang, sạch sẽ đột nổi, đã biến Đồng Quan thành một thị trấn «độc đáo nửa quê nửa tỉnh» với một nổi vui tạm bợ, náo nức, không an.

Lang thang ở Đồng Quan tới 3 giờ chiều tối mới xuống đò. Những con đò dọc ngược xuôi thay cho tàu, xe, dịp này rất thịnh hành. Mỗi con đò thường chỉ chở 5, 7 người là chật. Phần đông là những tiểu thương, sáng gánh gồng đi, chiều tối thúng mủng trở về.

Đây là những cô hàng xén, những bà buôn bán thuốc Nam, làm nghề hàng xáo, những lái gà vịt, heo bò... ở các vùng quê xa gần đem tới Đồng Quan mỗi ngày, theo nhu cầu. Và còn rất nhiều loại hàng cần thiết như thuốc Tây, vợ vôi từ Hà Nội đem theo, hiếm quý và rất có giá. Các loại đồ cổ của những gia đình quyền quý ngày nào, giờ đem ra bày bán lấy tiền độ nhật. Thôi thì thượng vàng hạ cám, chợ trời Đồng Quan không hề thiếu một món gì.

Chuyến dò dọc tôi đi chỉ về đến Cổng Thần. Giá cả chỉ có mấy hào. Tôi xuống thuyền ngồi thu mình ở phía mũi, chẳng buồn nhìn xem thuyền có những ai.

Con dò chợt chòng chành, lênh đênh, dần xa bờ. Tôi nhìn ra. Ông già, người nhỏ bé, cời trần, chỉ vận một cái quần màu nâu bạc phếch xắn móng lợn,

đang cầm sào cho thuyền rời bến. Ông quay lại phía sau:

– Con bơi chèo tới giữa dòng thì cho buồm lên. Thuận gió, thuyền xuôi. Con cứ ngồi giữ vững chèo, là được.

Tới giữa sông, con thuyền êm ả trôi. Ông già ngồi đằng mũi nhìn vợ vẫn, sau khi đã cho cây sào nằm nghỉ yên dọc theo khoang thuyền sát vòm mái. Tôi mở “sắc” vải, lấy một cuốn sách ra xem. Bộ sách mới mua ở chợ trời Đồng Quan còn mới toanh, gồm hai tập màu xanh lá mạ. Đây là cuốn Tiêu Sơn Tráng Sĩ của Khái Hưng (và cuốn Hồn Bướm Mơ Tiên, cũng Loại Lá Mạ, khổ lớn).

Tôi lần mở từng trang. Đúng lúc có tiếng động rất nhẹ, tuồng như một hích chân, hích tay của một người nào đó ra một ám hiệu... Tôi ngẩng đầu. Quả nhiên

tôi bắt gặp ngay một chúm môi của một trung niên ngồi trước mặt. Đồng lõa, còn có cả mấy nụ cười nham nhở của mấy người nửa nằm nửa ngồi kế bên. Và hơi xa chút, nơi sát mạn thuyền sau, đôi mắt long lanh đầy vẻ giận dữ nhưng lại rất ôn nhu từ ái của một ni cô cùng lúc chiếu tỏa đầy khoang, khiến cả thuyền như ngợp trong phiên trách và sự tha thứ không lời. Không còn những tiếng động nhẹ, chúm môi, hích chân tay nữa. Ai nấy dường như vờ ngủ. Phần riêng, tôi tiếp tục mở tập hai bộ truyện, tìm đọc đoạn nhà sư tráng sĩ Phạm Thái làm thơ giao duyên với nàng Trương Quỳnh Như ở trấn Sơn Nam hạ.

Trong khi tôi như đang mê đi với những nhân vật Phạm Thái - Trương Quỳnh Như thì có giọng nói thanh tạo của ni cô:

– Anh cho tôi mượn tập sách kia... xem chút, được không anh?

– Được! Tôi cũng khế khàng. Và trịnh trọng nâng tập sách trao cho cô.

Nàng hơi nhoài người ra đón. Tôi thoáng nhìn thấy rõ bàn tay ni cô trắng muốt, thon dài năm búp lan măng.

Tuy chưa nhìn ngắm nét mặt nhưng tôi đoán hẳn là ni cô phải đẹp lắm.

Và tôi chợt thở dài, một hơi thở rất nhẹ, khi nghĩ tới cái cảnh gái thời loạn, trong chiến tranh. Thật không còn sự xỉ nhục nào hơn đối với người phụ nữ khi lọt vào tay bọn lính đánh thuê ngoại quốc. Chúng tàn nhẫn đến độ bắn chết người chồng rồi hãm hiếp người vợ giữa thanh thiên bạch nhật mỗi khi chúng được dịp hành quân càn quét, đốt phá,

chẳng từ nơi nào.

Gió bỗng trở ngược. Con thuyền dần dần chậm lại. Ông lái cho thuyền vào gần bờ, nhảy xuống, dùng giây kéo. Cô con gái vẫn ngồi phía sau lặng lẽ đều đặn với mái chèo khua nước không ngừng nghỉ. Cảnh làm ăn vất vả của người mình nơi thôn dã từ xưa rày vốn khổ cực, chẳng hề thay đổi. Ngành nghề nào cũng là sự đổ mồ hôi lấy bát cơm. Suốt cuộc đời nghèo nàn, túng quẫn.

Tuy mới chỉ ngoài hai mươi tuổi, nhờ ở trí óc ưa quan sát kề cận với đủ mọi giới và sự học hỏi, tôi may mắn có được sự hiểu biết khá nhiều từ nơi thành thị tới chốn đồng quê thôn ỏ. Và với một cố gắng sáng kiến trời ban, tôi cũng đã đáp ứng được chút nhu cầu mỗi khi có ai nhờ, hỏi. Vả lại, bản tánh tôi vốn không câu nệ bất cứ chuyện gì, lúc nào cũng xuề

xòa, đơn sơ, giản dị, luôn giành lấy sự thua thiệt chứ không háo thắng, đòi hỏi ganh đua. Nhiều bạn hữu cho tôi là đại. Ngốc nữa là khác. Và khù khờ đến hay. Tôi chỉ cười vui. Như từ bao giờ muốn mọi người đều vui, đều có hạnh phúc.

Ánh nắng chợt tắt sau dãy núi phía xa. Chiều trên sông nước thật đẹp và thơ mộng. Ni cô trả lại tôi tập truyện rồi tư lự ngồi. Hình như nàng đang nhớ lại cảnh mấy nhà sư Cách Mạng chùa Tiêu Sơn, nơi trấn Kinh Bắc xưa. Bất giác tôi cũng khẽ thở dài nhớ tới nhà văn Khải Hưng, một đồng chí Quốc Dân Đảng, làm Cách Mạng chống Pháp và mọi cường quyền ác bá, mới bị bắt giam ở Lạc Quan và giờ đây không biết sống chết ra sao?

Trời tối mau. Trăng giải ánh lung linh trên sóng nước gợn gợn mái chèo. Mấy anh lái buôn co quắp ngủ. Còn ni

cô khả ái thì gục trên đầu gối, trong dáng
ngồi ngủ tĩnh thiền. Mũ vải nâu bịt đầu
che cổ xòa xuống lưng gầy... Một thương
thương gọi cảm đối những tấm lòng
thương cảm. Và tôi nhớ mấy câu thơ cũ:

«Tiếng súng tiêm cừu dậy bốn phương

Tung thoi rút kiếm vội lên đường

Nàng cười: – Ai cậy trai thời loạn?

Gái cũng tung hoành giữa gió sương!...»

Tôi cũng gục đầu trên gối và chập
chờn, lúc ngủ lúc thức. Nghe có tiếng
mưa rơi nhẹ nhẹ trên khoang thuyền.
Từng giọt mưa sa... dào dạt trong lòng.
Một lạnh giá đột nổi giữa khuya đêm.
Thế mà bố con cô lái đò vẫn miệt mài làm
nhiệm vụ. Cả hai mái chèo cùng khuấy
nước. Tiếng động mỗi lúc mỗi gấp hơn.
Và tôi thật sự ngủ được trong tiếng róc
rách, nhịp nhàng đều đặn.

Thuyền ngừng nơi bến lúc nào tôi chẳng rõ. Có tiếng ông lái gọi:

– Mời quý khách lên bờ ngủ đỡ trong quán. Đợi sáng mai hẵng đi tiếp.

Nhẹ nhàng tôi nhảy lên bờ khi mưa đang còn nặng hạt. Mọi người cùng lên theo. Chúng tôi được ông lái dẫn tới một ngôi nhà lợp tranh, vách phân ở ngay bến. Ông trở hai cái giường tre chiếu sáng bởi ngọn đèn dầu lạc:

– Mời các ông nghỉ đỡ nơi đây. Còn ni cô xin mời cô vào phía trong, nơi mẹ cháu và cháu gái ở đấy.

Mệt, nên tôi và mấy ông khách lên giường là lại tiếp tục ngủ ngay được. Chẳng một ai còn đủ sức chuyện trò hoặc lên tiếng hỏi han gì cả.

Tờ mờ sáng mọi người đã trở dậy tiếp tục lộ trình. Hàng quán bên sông đơn sơ với bốn cái cọc cây phủ rạ, một cái chõng tre đặt mười cái bát sành uống nước chè xanh, một lọ kẹo bột kẹo vùng và một rổ bún. Nồi riêu cua đang bốc khói kể bên nồi nước chè sôi sùng sục vẻ mời gọi khách điểm tâm.

Vừa ăn xong bát bún riêu và đang thưởng thức vị ngọt chát của bát nước chè xanh tươi nơi đồng quê quen thuộc, chợt tôi nghe có tiếng hỏi, phía sau:

– Anh về đâu, anh?

Quay lại nhận ra ni cô, tôi cười:

– Mời ni cô điểm tâm, uống bát nước chè tươi. Tôi về mãi tận Ninh Bình!

Ni cô khe khẽ:

– Cảm ơn, tôi đã dùng xôi đem theo rồi. Tôi cũng về Ninh Bình. Anh đưa sắc tay tôi xách cho.

Thấy tôi ôm đồm nhiều sách vở, quần áo, người bạn đồng hành từ tâm đề nghị xách cho tôi cái sắc tay sách vở. Tôi cảm ơn, đứng lên, trao cho nàng. Ni cô khoác lên vai, gọn gàng nhẹ nhõm.

Chúng tôi cùng lên đường sau khi đã nhìn lại cây cầu đúc có bộ phận ngăn nước mà người dân chất phác từ xưa tôn vinh là cái Cổng Thần. Đấy chỉ là một cái đập nước, ngăn nước «dẫn thủy nhập điền». Tôi đã có dịp đi thuyền qua đập này khi vừa mở đập: nước tràn xuống như thác đổ. Con thuyền dênh lên thật cao rồi hạ thấp xuống, chao đảo, dường bị nguồn nước chảy xiết nhận chìm.

Qua ngã ba, một lối đi về thị xã Phủ

Lý, một lối về Sở Kiện bên tay phải, chúng tôi không ai bảo ai, cùng hướng phía núi đá xanh đi tới.

Một giờ sau, Sở Kiện đã hiện ra ở trước mặt.

Chúng tôi đã đi được 5, 6 cây số. Trời thật đẹp, nắng vàng chơi vơi, dập dờn trên những thửa ruộng xanh um; từng đám mây trắng, trôi thật chậm thật nhẹ trên nền thiên thanh bát ngát.

– Quê anh thuộc huyện nào? Nàng tiên áo nâu đột nhiên hỏi. Hiện anh làm nghề gì? Trông anh có vẻ thư sinh quá đi!

– Thưa... cô, tôi là học trò. Rất thành thật, tôi đáp. Gặp thời tao loạn nên đã «xếp bút nghiên theo việc đao cung» như tất cả mọi người. Thế còn ni cô?

Nàng bật cười rất bật thiệp:

– Tôi ý à? Tôi tu hành từ nhỏ. Chuyên học Kinh Phật. Gặp buổi loạn ly, bề trên cử chị em chúng tôi tùy theo khả năng giúp nước. Hiện tôi làm liên lạc viên... và hôm nay tôi về thăm gia đình.

– Tôi cũng thế. Tôi còn cha mẹ già. Mỗi tháng tôi về thăm các cụ một lần.

– Bao giờ anh trở lại?

– Không biết nữa. Có thể một hay hai tuần lễ...

Con đường cái quan chúng tôi đang đi, bị cắt đôi; chiều dài cũng tới hàng mấy chục mét và một ụ đất được đắp cao, sừng sững. Dưới chân ụ giờ trở thành cái hào thông liền hai cánh ruộng, nước trong veo và có vẻ sâu sâu.

Tôi thật lấy làm ngại ngùng, liếc nhìn ni cô như có ý hỏi. Đường như đoán được ý tôi, nàng thân nhiên bảo:

– Không sâu lắm đâu! Anh cứ bình tĩnh mà lội. Tôi đã qua lại nhiều lần rồi.

Đúng là một cái lệnh, ngầm bảo tôi cứ lội trước đi rồi nàng sẽ sang sau. Tôi nhớ đến cái cảnh mấy bà mặc váy đi chợ, gập hào sâu, ruộng ngập nước, thân nhiên lội qua trong khi đầu vẫn đội thúng hàng, đôi khi như... bơi... mà áo xống không hề ướt, kể cũng thật tài tình.

Được cái là lạch nước này chỉ sâu tới đầu gối. Trong khi tôi lội qua thì ni cô có vẻ như ngồi nghỉ ở một góc mô nào. Nhưng khi tôi vừa leo lên mặt lộ thì đã thấy nàng ở phía sau, bộ nâu sồng phẳng phiu và dáng vẻ nàng đơm mầu thanh thoát. Làn nước mát ruộng đồng như đã

rũ sạch mọi bụi đường phủ trên người, nơi mắt môi phàm tục. Nàng ngồi xuống bờ cỏ mơn mớn:

– Anh ngồi nghỉ chút. Đường còn xa. Hy vọng về tới nhà trời chưa tối đâu!

Tôi ngồi xuống cỏ, kế bên người bạn đồng hành nhỏ hơn tôi vài tuổi. Con sông chạy qua Kẻ Sở, bên dãy núi đá xanh, sáng lấp lánh, ánh lên từng lúc theo mây trời nắng chiếu.

Ni cô kể:

– Tôi tu ở một ngôi chùa gần tỉnh lỵ Hà Đông... Chiến tranh lan rộng, chúng tôi bỏ chùa dời về một chùa khác, xa dần mặt trận... Khu Cự Đà, Khúc Thủy tạm ổn nhưng xem chừng cũng phải rút. Bộ đội bị thương dồn về đấy hơi nhiều. Thật là tội nghiệp!

Thấy nàng buồn tôi cũng buồn lây.
Nhưng không dám hé môi, sợ có điều
thiếu tế nhị. Tôi im lặng, cố lắng nghe.

– Sao anh không nói gì cả? Anh nghĩ
gì vậy?

Ni cô chợt sôi nổi; một chút dè dặt,
lo ngại vừa lóe trên khóe mắt, lan nhẹ
trên khuôn mặt dịu hiền.

Thật sự bọn đàn ông trai trẻ một
khi ngồi kể cận bên một thiếu nữ duyên
dáng, ít có ai tránh khỏi một nghĩ suy
thèm khát và quay cuồng trong trí cái
ý muốn chiếm đoạt. Tất cả, nam giới
cũng như nữ giới, đều là những sinh vật
biết yêu thương, giận ghét, buồn vui và
ham hố, đầy dục vọng, tham lam và ích
kỷ. Trái tim luôn nhịp đập, từ ngàn xưa
cho tới ngàn sau, là một nhạc khúc... rất
người.

Nghe nàng hỏi, tôi buồn và hơi có chút tự ái nhưng vẫn gượng cười:

– Không, tôi không nghĩ gì cả. Ngồi nghe nữ Bồ Tát tâm sự, tôi liên tưởng ngay tới sự sống và cái chết con người không sao tránh khỏi... mà bâng khuâng... đó thôi... Xin hỏi thực ni cô, sau phút giờ này, và sau những ngày mai ngày mốt, ni cô – và cả tôi nữa – chúng ta sẽ đi đâu, về đâu cho hết những khổ nạn cuộc đời?

– A, nghe anh hỏi mà...

Nàng không nói được hết câu. Hai chiếc máy bay chợt hiện trên bầu trời hướng Đông Nam tiến lại, vẻ vô cùng hung dữ với những tiếng súng nổ, tiếng bom rền... âm dài... vang ngân suốt dãy núi đá xanh.

Chẳng kịp suy nghĩ, ni cô tóm lấy

cánh tay tôi, vùng lặn xuống bờ bụi khúc
tần mọc rậm rạp bên bờ đường. Tôi chưa,
tôi sóng xoài trên lưng nàng trong khi
hai chiếc khu trục rít gầm trên đầu đôi
trẻ. Tay nàng nắm chặt bàn tay tôi như
truyền cho tôi chút sinh lực dũng cảm.
Đổi lại, bàn tay trái hoàn toàn tự do, tôi
xoa nhẹ khuôn mặt thanh tú đầy khả ái
kia. Như một vỗ về an ủi.

Chúng tôi chúi đầu trong bụi cây cho
tối khi không còn nghe tiếng vãn vũ của
máy bay uy hiếp cũng như những loạt
đạn vô tình đổ xuống – như đôi đà điều
chúi đầu trong cát tránh cơn sấm sét tự
trời – mới rời khỏi nhau và đứng lên.

Nàng phúi quần áo như rũ hết bụi
trần *nhưng không*²⁴ bị hoen ố bất chợt,
rất thản nhiên:

24 nhưng không: chữ xưa, tương đương với nghĩa tự nhiên, bỗng dưng.

– Nghiệp chương là thế. Cái sự sẽ đi đâu và về đâu anh vừa hỏi, nó gắn liền với cuộc sống hạnh phúc đời người. Đi hay ở, chỗ nào nơi nào cũng đều có sự yên bình và đau khổ. Tóm lại, hạnh phúc tự lòng. Chẳng cần phải đi tìm đâu xa. Anh không thực nhiều tài nhưng lại có nhiều tâm đức. “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Và “Chữ tài liền với chữ tai một vần” như cụ Nguyễn Du đã chỉ dạy. Do đấy... nhưng thôi ta tiếp tục... kéo muện.

Nàng quày quả vượt về phía trước. Tôi thì nhẩn nha đi theo sau. Đường cắt, lại vén quần lội. Khoảng cách giữa chúng tôi khoảng chừng hai mươi lăm mét. Chẳng ai nói với ai thêm điều gì. Có lẽ ni cô muốn giấu niềm xúc động của tuổi xuân thì con gái. Có lẽ nàng ngượng vì chuyện ôm ấp vô tội vừa qua. Nàng có vẻ thông minh, trí thức. Lời lẽ của người

đã từng học hỏi và lĩnh hội khá sâu sắc về mọi vấn đề, Đạo cũng như Đời. Và... nàng đã bị một cú sốc, không, một “tiếng sét rất người” bất ngờ ập tới khiến phát sinh một hồi hộp hồ người chẳng? Tôi không tin những ý nghĩ vẩn đục ấy, trong tôi. Tôi vội rảo bước để bắt kịp nàng và gọi:

– Cô ơi! Đợi tôi với. Cô đi mau quá.

Nàng quay lại khẽ nói:

– Tôi nhịp đều chứ không đi nhanh, anh quen nhẩn nha nên tưởng vậy. Trời đã sang chiều lâu rồi, tôi rất ngại phải lần trong đêm khuya mới về tới nhà.

Tiếng nàng thanh dịu vẫn như bao giờ. Chẳng có vẻ gì là xúc động, hồi hộp như tôi đã nghĩ. Tôi vội ngỏ lời xin lỗi:

– Tôi cố nhịp bước... và nếu cần, tôi

sẽ đưa ni cô về tới cổng làng... Nếu tôi có lầm lỗi điều gì, mong ni cô đại xá cho.

– Thế làng anh ở đâu?

– Qua bến đò Đoan Vỹ một quãng, ở gần cầu Gián Khẩu ấy!

– A! Ni cô reo lên. Thế là chính tôi đưa anh tới cổng làng anh rồi một mình tiếp tục về gần tỉnh, thuộc Gia Khánh, quê tôi. Anh lầm rồi!

– Thế từ Gián Khẩu về tới quê cô còn bao xa?

– Khoảng 5 cây số. Từ đây về đấy, đi không ngừng nghỉ, có lẽ chập tối là tới nơi. À mà anh đã đói chưa? Tôi không thấy anh ăn uống gì cả.

– Còn ni cô?

– Tôi chạy tịnh quen rồi.

– Tôi cũng vậy, thế nào cũng được. Khát, một ngụm nước ruộng trong veo cũng xong. Ngày, tôi chỉ ăn một bữa là đủ.

– Anh dễ nuôi nhỉ?

Cả hai cùng cười, vui. Tình bạn như chẳng hề có chút sồn gợn ty hiềm nào.

Một lát ni cô lại hỏi:

– Tên anh là gì? Từ sáng đến giờ thật tình chưa ai có dịp hỏi tên ai.

– Tôi là Ngọc. Nguyên Ngọc. Hiện viết văn làm thơ kháng chiến.

– Còn tôi pháp danh là Diệu Hiền.

– Không, tôi muốn hỏi tên mẹ đẻ đặt cho cô thôi, tên tục ý.

Nàng ròn rã cười:

– Bần ni quên rồi. Một khi đã thí phát quy y, người ta không còn được nhớ tới những gì gọi là trần tục. Cái tên tục mẹ sanh, với tôi không còn có nữa. Giờ đây mọi người đều gọi tôi là ni cô Diệu Hiền. và tôi chỉ biết vậy.

– Cảm ơn ni cô. Tôi nói với vẻ mặt rất thành thực, không chút hậu ý. Từ giây phút này, ni cô cho phép tôi được gọi giản dị pháp danh thôi nhé. Cho tự nhiên, và...

– Thế nào? Ý anh muốn nói gì?

– Dạ, tôi nghĩ đến giờ chia tay sắp sửa. Chúng ta còn khoảng 20 cây số đường dài nữa thôi. Trong chiến tranh, ai mà biết trước được điều gì sẽ xảy ra cho mình. Thế nên... tôi muốn...

– À..... á! Ni cô chợt kêu lên như vừa

được nghe lời tỏ tình. Dẫu rất tế nhị. Và nàng nói như tiếng gió «Anh muốn... tôi... Không, tôi không thể nhận bất cứ đề nghị gì của anh đâu!»

– Hãy bình tĩnh, Diệu Hiền. Tôi khẽ kêu như đánh thức linh hồn nhỏ bé chứa ấp công thức Đạo Giáo từ nhỏ của nàng. Diệu Hiền hãy bình tĩnh lại! Tôi không hề có một ý xấu nào đâu. Chẳng qua... tôi muốn coi Diệu Hiền như một cô em gái cùng mẹ cùng cha với tôi vậy thôi. Tôi vừa mất một cô em gái 17 tuổi mà tôi rất thương. Cô ta tên là Ana Mến... Em gái ruột... tôi... Và tôi muốn Diệu Hiền sẽ là cô em gái tôi thôi!

Xúc động, mắt hoa lên, tôi nhào xuống vệ đường, không định.

Đôi chân đang thoăn thoắt chợt dừng lại chạy đến bên tôi. Và nàng,

chính Diệu Hiền, quỳ xuống bờ cỏ đỡ tôi dậy. Đúng lúc lại có mấy chiếc máy bay ở hướng Nam xuất hiện. Có tiếng súng ròn rã phía xa xa. Thoắt chúng đã sừng sững ở trên đầu chúng tôi, giữa bầu trời nắng chói.

Không do dự, Diệu Hiền ôm lấy tôi, toàn thân phủ lên người tôi, sẵn sàng giơ lưng cho địch nhả đạn. Nhưng chúng chỉ ồn ào uy hiếp rồi rút thẳng. Nàng hỗn hển trong tiếng kêu khe khẽ:

– Thật là nghiệp chướng, oan nghiệt! Mô Phật, con thật còn nhiều tình cảm cá nhân và có lắm lỗi lầm.

Nàng nâng tôi dậy. Tôi ngoan ngoãn đi theo nàng.

Hồi lâu Diệu Hiền lên tiếng:

– Lúc nãy anh làm sao thế? Tại sao anh lại lăn trên đường như muốn ăn vạ gì tôi?

– Không, ăn vạ gì đâu. Xúc động tôi ngã ngất. Tôi không muốn Diệu Hiền hiểu lầm sự đoan chính đầy kính trọng của tôi đối với phụ nữ nói chung, và với riêng Diệu Hiền... Tôi thương cô em gái tôi nhiều lắm.

– Anh theo đạo Công Giáo? (Tôi gật đầu). Và anh không câu nệ... khi đi chung một con đường với tôi chứ?

– Đi chung một con đường... là như thế nào? Cô nói hàm nhiều ý nghĩa quá.

– Tôi nói chỉ có một nghĩa thôi. Rất giản dị, là hiện tại chúng ta đang đi trên một con đường duy nhất này để về thăm nhà. Và vì tôi là... ni cô, còn anh là người

khác tôn giáo. Anh không ngại có sự dị nghị sao? Anh không sợ người đời... hiểu lầm anh... là quá... s..ai...trái khi cùng đi chung và truyện trò thân mật với một ni cô sao?

– Hiểu lầm và dị nghị? Tôi cười vui. Đã từ lâu rồi, tôi như một người thoát tục giữa cuộc đời, giữa một xã hội cần có sự thay đổi. Như hơi thở con người. Là cần phải độc lập. Của Tổ Quốc, dĩ nhiên. Và người dân, chúng ta, phải hoàn toàn có tự do, hạnh phúc. Tôi đã mãi mê đi kiếm đi tìm từ năm 16 tuổi. Đến nay đã ngót 8 năm rồi.

– Còn tôi, ngay mới 8 tuổi, tôi đã được mẹ tôi gửi gắm cho một lão ni nuôi dạy. Thụ huấn kinh sách Phật. Học tụng kinh gõ mõ để nâng tâm hồn lên tới chốn thanh cao. Và học cả việc quét lá trước sân chùa cũng như nhiều việc

cần thiết khác của một sa di ni cô phụng sự nhân quần xã hội. Ngoài ra tôi không được biết tới những gì của thế tục, như tình yêu trai gái, như những gì các anh đang kiếm đang tìm. Mục đích của những người như tôi là học tìm chân lý, sự hỷ xả hy sinh. Vì đường lên cõi vĩnh hằng có nhiều chông gai, thử thách. Chỉ một đường tơ kẽ tóc là con người dễ bị lạc lối, dễ bị cuốn vào mê hồn trận của Quỷ... của những cám dỗ... Và những ngọt ngào thân ái của đời sống xã hội, trong đó có anh hiện diện, có thể vẫn là một cái bẫy sập cho những ai khờ khạo nhẹ dạ nghe theo...

Diệu Hiền khẽ hắng giọng. Nàng thở dài:

– Có thể chẳng bao giờ anh lại là cái bẫy sập cho ai. Vì tâm hồn anh khá thoát và cởi mở, không biết lợi dụng khi

sẵn dịp. Không cả đến việc phải mưu trí dùng thủ thuật hay thủ đoạn thông thường. Ở anh, con người anh, chẳng có gì cả. Thành thực đơn sơ như con trẻ. Thế nhưng anh lại có tất cả. Nói cho rõ, anh có khuôn mặt rất dễ thương và có một ma lực khá quyến rũ. Anh không nói nhiều nhưng đôi mắt anh dường kể lẽ rất nhiều u uẩn và đầy tâm sự. Và hàng người tu hành như tôi, quả thực tôi cũng đã phải chú ý đến anh... như một kim loại bị nam châm thu hút. Anh nên nhớ «chú ý» thuần nghĩa, chứ không còn hàm ý nghĩa nào khác đấy nhé!

Tôi khẽ «dạ» tưởng như nghe bài thuyết giảng của một vị chân như già. Trước mắt tôi, đi kề cận một bên tôi không phải là một ni cô 19 tuổi mà là một Chân Phước, hóa trang hầu cảm hóa chúng sinh. Và tôi nắm nhẹ vai nàng như

dù nàng đi nhanh về phía trước. Diệu Hiền hơi ngỡ ngàng, nhưng lòng cảm thấy vui vui. Nét mặt au lên màu phấn hồng, nàng như đi chậm lại, như không cần biết đến tay ai đang quàng khoác ngang vai mình. Mắt nhìn thẳng nàng bảo:

– Con đường dài mình thu ngắn lại, giờ chỉ còn 10 cây số nữa thôi. Chúng ta sắp tới bến đò Đoan Vỹ rồi. Tới đó là gần tới quê anh. Tôi còn phải đi tiếp mấy cây số nữa... Chúng ta sắp chia tay. Và cuộc chia tay nào cũng buồn – vui phải không anh? Thú thực, ni cô em vừa vui vừa buồn. Em cần phải nói rõ cho anh hiểu.

– Tôi thật sự không hiểu!

– Đừng có giả làm mặt ngây thơ! Ni cô rũ ra cười như vô tình rời khỏi bàn tay tôi đang ấp vai trêu mếu. Suốt buổi

nay, mình không hề gặp một người nào đi ngược lại với con đường mình đi. Kể cũng hơi lạ. Nhân loại sắp vãn cả rồi sao?

– Sắp vãn? Tôi buột miệng. Em điên rồi sao?

– Em điên! Nàng thật sự nhí nhảnh. Từ thuở nào giờ, đây là lần đầu và cũng là lần cuối, ni cô em được thi thố chút học vấn với đời sống, với anh. Anh đừng chê, đừng cười em, anh nhé. Được vậy, sau khi qua đò Đoan Vỹ, em sẽ mời anh cùng leo lên đỉnh Địch Lộng, ngắm buổi chợ chiều nhân thế đang chạng vạng dưới chân. Anh có ưng không? Thưa ni cô, anh ưng lắm. Anh xin hứa là anh kính trọng em, hơn nữa hoàn toàn coi em như một cô em gái.

– Thế thì tốt lắm.

Bến đò Đoan Vỹ đầy bè sen ken đặc. Người ta rào bến bằng cách giăng giây thép ngang sông và cho bè tự do nảy nở khiến cả khúc sông này, chỉ vài tháng sau đã trở thành chướng ngại cho mọi con thuyền ngược Bắc xuôi Nam.

Tuy nhiên nếu ca nô, tàu chiến của Pháp cần về, không rõ chúng có ngại bỏ giờ cuộc hành quân không?

Chúng tôi đi men bờ nước, chờ đò sang. Khi đã sang được bờ bên kia rồi, gặp một quán nước chè, tôi bảo Diệu Hiền:

– Anh em mình, dùng tạm chút gì cho đỡ đói. Nhân thể anh ngắm kỹ bến đò Đoan Vỹ này trước khi phải rời xa nó một thời gian... Có lẽ cũng khá lâu.

– Không. Em chỉ sẽ ăn thêm chút

lượng khô đem theo thôi. Còn phần anh, xin anh cứ tự nhiên, đừng có thắc mắc gì sất! Vẻ mặt nàng hơi buồn, hỏi nhỏ. Anh sẽ lại đi xa, thật xa đây?

– Thì ở đâu cũng là «nước non nhà». Thân giang hồ gió bụi, anh cố theo gương Trần Quang Ngọc, nhân vật truyện Tiêu Sơn...

– Anh về thành tìm Nhị Nương?

– Đâu phải! Tôi cười.

– Thế thì anh ăn cho đỡ đói đi. Nàng có vẻ muốn cắt đứt câu chuyện vòng vo, bất lợi.

Và tôi cũng không thể nói gì thêm, ngồi xuống cái «băng» ghế dài nhẹ hều, mua cái bánh chưng, ăn thật ngon lành và uống một bát nước chè tươi hơi nguội.

Diệu Hiền không ngồi, chỉ uống nửa chén chè cho đỡ khát, nhìn trời tư lự. Biết ý, tôi nói cốt cho bà quán nghe:

– Em ạ, anh em mình về bất ngờ, thày mẹ chắc mừng lắm. Và tôi quay lại bà quán. Ở phía trên, mặt trận loang rộng. Thấy mẹ tôi sợ, bảo tôi cố lặn lội đến chùa đón cô em gái tôi về với gia đình. Nếu cần thì lại làm cô gái quê như mọi người lo cày cấy, trồng trọt...và...

– Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục. Bà quán cười già lả. Cậu nói cũng phải, ni cô về với gia đình là đúng. Loạn lạc thì tu hành kinh kệ sao được?

Diệu Hiền sẽ thở dài. Nàng nhìn nhanh bà quán rồi lặng lẽ bỏ đi. Được một quãng nàng quành về phía tay phải, tiến vào cửa hang Dịch Lộ.

Tôi vội trả tiền hàng, khẽ nói:

– Cô ấy giận bà đấy. Cô ấy chỉ về thăm gia đình cho bà già tôi vui lòng thôi, chứ không chịu về nhà để vướng vào vòng tục lụy đâu. Thôi, chào bà nhé!

Tôi chạy theo nàng lúc đó đang đứng đợi. Gặp tôi, nàng trách:

– Anh lôi thôi lắm. Việc gì anh phải rào trước đón sau?

Tôi cười vỗ về:

– Em gái ơi, anh phải nói vậy là cốt tránh mọi dị nghị đàm tiếu của người đời. Vì em đấy, và nhất là vì bộ áo cà sa em đang vận. Chúng ta không thể vì tình cảm chóng qua chóng hết mà làm hoen ố nó. Em rõ chứ?

– Rõ! Diệu Hiền tươi hân nét mặt.

Có thể em mới có can đảm cùng anh leo núi «Vượt đỉnh trăng sao». Lòng hang Dịch Lộng dễ trèo. Anh đi theo em!

Trong hang ẩm ướt, đây đó đọng vài vũng nước do thạch nhũ hút sương đêm tạo thành. Nhưng thật gọn gàng, sạch sẽ hết một căn phòng có người quét dọn.

Nàng như quen lắm với cảnh trèo non lội suối. Bậc lên trên đỉnh Dịch Lộng tương đối dễ, ít nguy hiểm. Diệu Hiền nhẹ nhàng leo từng bậc lên cách dễ dàng. Tôi theo sát bên nàng, phòng hồ có chút gì sơ sẩy, như trượt trơn té ngã chẳng hạn. Nhưng nhờ trời chẳng có gì xảy ra cả.

Lên tới nơi, Diệu Hiền men vách núi, hướng nhìn về phía sông. Áo cà sa màu nâu bạc nàng vận căng đầy gió, phấp phật, như cuốn lấy người đứng bên, như

muốn quăng toàn thân tôi xuống khe núi. Nàng cười vui, nhìn xa xa, và bảo:

– Anh nhìn kia, dòng sông trước mặt vòng cánh cung như giao long uốn khúc dưới chiều tà. Mỗi lần về thăm nhà qua đây, tôi đều trèo lên ngắm cảnh và cầu nguyện... Và tôi thường tưởng tượng ra cái cảnh ngày xưa Đinh Bộ Lĩnh cũng thường vượt thuyền qua lại khúc sông này: Hành quân. Dẹp loạn sứ quân cát cứ. Và đến bây giờ...

Tôi nhìn bao quát một lượt phong cảnh trước mặt. Quả thực dòng sông sáng rực ánh vàng, uốn vòng cung đều đặn trước làng tôi và khi tới Gián Khẩu thì hội nhập với dòng sông Đáy trong xanh, từ Nho Quan chảy về.

Diệu Hiền ngồi nhìn xa xa, lưng tựa vào vách núi, mơ màng. Còn tôi thì ngồi

xuống một bên, gượng nhẹ, hết một tín đồ cạnh tượng Nữ Thần. Chúng tôi ngồi như ngắm khung chiều phía xa cao, thật lâu, và như đang dần trải từng đợt mây trắng mỏng. Không một tiếng nói, một tiếng động xua tan ý đẹp. Tĩnh lặng. Và siêu thoát giữa đỉnh non thiêng.

Ánh trăng lơ lửng giữa bầu trời từ lúc nào. Cả một vùng bao la xanh, trong vắt. Nhiều vì sao sáng lấp lánh... lấp lánh trên nền nhung êm điểm xuyết thêm cho mảnh trăng lưỡi liềm hòa ái đang chan hòa giải ánh.

Bỗng nhiên Diệu Hiền như ngã đầu bên vai tôi, thêm thiếp. Nàng dường như mỗi mết suốt ngày trên chặng đường khá dài và như đang cần một giấc ngủ. Và nàng đã ngủ được.

Nàng rủ tôi “Vượt đỉnh trăng sao” là thế chẳng, hay có dụng ý nào khác? Tôi không sao hiểu được tâm ý nàng. Nhưng dầu khổ cực xác thân vì phải ngồi yên bất động, hơn thế với một ngọn lửa yêu ma bùng cháy không ngờ, thật sự tôi vẫn không thể làm kinh động giấc ngủ Thiên Thần Nàng tin cần trao cho. Nàng hết một nàng Tiên khả ái, một nữ Bồ tát giáng trần mà mỗi lời là một ý kín nhiệm, siêu nhiên... chúng ta cần phải thụ giáo và tìm hiểu.

Đêm mùa Hè miền Bắc vốn oi nồng. Nhưng ở trên chóp đỉnh gần sông này thật là mát dịu. Tôi cảm như gió mát từ người nàng toát ra, dần trải lan xa, đượm đầy tính Phật. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn. Thật sự ở Diệu Hiền, và qua nàng, tôi đã có thêm được một đức tính, là lòng vị tha và sự độ lượng.

Bao la gió từ khoảng xanh xa, qua sông, qua núi... thổi vào phía chúng tôi, như ru nàng tiên ngủ. “Gió sông, gió núi, gió trời Gió đồng quê, gió... thơm ngời trí tạ.... Tôi thầm nghĩ. Và hít vào đầy lồng ngực làn gió ngát hương lành.

Chuyện đến đây có thể kết thúc. Vì sau mấy tiếng đồng hồ tĩnh lặng trên đỉnh núi cao, ni cô Diệu Hiền mở bừng đôi mắt, rời vai tôi và đứng lên. Nàng bảo:

– Nào chúng ta lại tiếp tục lên đường, và... tạm biệt.

Tôi cũng đứng lên theo. Và nghĩ rất lung trước khi cùng nàng tiên xuống núi.

Đột nhiên tôi hỏi:

– Này em, có bao giờ Diệu Hiền đọc

cuốn “Hồn Bướm Mơ Tiên” của nhà văn Khái Hưng không?

– Anh hỏi làm chi, có dụng ý gì? Diệу Hiền dáng không vui hỏi lại, giọng điệu vẻ như gắt gỏng, vẻ như thương mến. Em xem rồi. Ngay từ 16 tuổi.

– Nghĩa là cách đây 3 năm, vào mùa Hạ - 1945. Chùa mở đàn tràng cúng kiếng, làm lễ cầu siêu cho những vong hồn cầu bơ cầu bất, chết trong vụ đói năm Ất Dậu ấy.

– Lý do nào em đọc, được đọc và em có linh hội được chút gì nơi sách ấy? Diệу Hiền kể cho nghe... và để đền bù anh sẽ tháp tùng em nốt quãng đường này... quãng đường đầy chông gai và bóng tối... cho tới khi em bước vào ngưỡng cửa gia đình hoàn toàn ấm êm, hoàn toàn yên ổn...

Cô gái khôn lanh theo tôi lần từng bậc một xuống lòng hang Địch Lộng đầy bóng đêm. Tuy nhiên, ở ngoài kia vẫn còn chút ánh sáng yếu ớt dường dát mỏng trên lối bước và dần trải chập trùng trong khuya trắng. Nàng như thót người nín thở khi thấy tôi dịu từng bước nhẹ dường ôm ấm nàng ra khỏi lòng hang. Và khe khẽ cười:

– Anh khéo ghê và nói ngon nói ngọt, tưởng chừng kiến cũng phải bò ra. Nhưng anh ơi, anh có dụng ý gì khi hỏi em chuyện ấy? Bởi sách đời, sách đạo em đều phải biết, phải xem. Em đã đọc truyện Hồn Bướm Mơ Tiên. Ông Khái Hưng là tác giả. Có một vị thiện tâm nào đó đến chùa dự lễ, đã bỏ lại nơi đàn tràng cuốn sách ấy. Và ni cô em đã lượm được. Đọc. Và nhập tâm từng điểm tâm lý nữ giới, qua “chú tiểu Lan” khả ái, và cũng

lại để tâm hồn bay bổng qua triết thuyết từ bi, bác ái của Đấng chí Tôn – là Đức Phật – để càng kiên quyết hơn trước mọi đam mê cám dỗ của người đời.

Diệu Hiền chợt ngừng nói, nhìn thẳng con đường trước mặt, khẽ nhích khỏi vòng tay tôi ôm, dịu dàng:

– Kia kia, làng anh đấy phải không? Nàng trở đỉnh núi đá xanh đang phủ dần bởi làn sương trắng mỏng. Đây là Thượng Hòa, còn đấy có phải là Thanh Quyết, tục danh là làng Mưỡu Giáp, phải không anh?

“Con nhỏ này giỏi quá!” Phục thẩm, và hơi e ngại, tôi đáp:

– Đúng đấy em! Nhưng này Diệu Hiền, sao em lại biết rõ thế?

– Em biết... là biết rất rõ. Nàng cười

vui. Em có một tấm bản đồ toàn tỉnh Ninh Bình từ lâu. Hiện dấu kỹ ở Chùa. Trước chiến tranh, nhiều phen nhớ nhà, em thường phiêu lưu trên từng con đường dẫn tới Tỉnh lỵ, và từng đường ngang ngõ tắt, sông lạch... dẫn tới từng làng, xã trong khu vực. Do đấy em mới biết tới hang Địch Lộng, tới Thượng Hòa, Muối Giáp, Gián Khuốt quê anh. Còn gì nữa anh cần hỏi?

Tôi chưa kịp đáp thì nàng đã lại bảo:

– Kìa, cây đa làng anh đây rồi. Thôi em trả cho anh cái sắc vải này. Anh về nhà đi, kéo mẹ mong.

Tôi khoác lên vai sắc sách vở, đứng dưới gốc đa cổ thụ. Diệu Hiền cũng vẫn ở một bên tôi. Cả hai cùng nhìn con đường rộng, gồ ghề sống trâu dẫn vào thôn xóm. Lũy tre xanh yên ngủ phía

trước mặt; ở một thôn trung tâm, có tiếng gà cao tiếng gậy báo sáng.

Diệu Hiền chột thở dài, rất khẽ và rất nhẹ. Nàng chột nắm tay tôi rồi lại vội vàng buông ra ngay, bỏ nhỏ vào tận tai tôi:

– Thôi em tiếp tục... Còn anh, anh về nhà ngay đi!

Tôi ngờ như có một đóa môi vừa chớm ở một bên má nồng nàn ấm giữa sương đêm trở lạnh.

– Không, anh sẽ đưa em đi nốt quãng đường này. Rồi sẽ trở lại nhà vẫn không muộn. Thân gái, cần phải phòng hờ, tránh mọi bất trắc...

– Thì đi! Nào.

Diệu Hiền có vẻ xúc động. Nàng quày

quả đi trước. Tôi theo sát bên ni cô. Gió sông lồng lộng thổi qua làng Quế từng đợt khiến tà áo nàng tung bay phất phới. Nàng như quá quen với đường trường gió sương tôi luyện nên chẳng bao giờ biết mỏi mệt?

Cầu Gián Khuất đã ở trước mặt. Diệu Hiền hơi chậm lại chờ. Và khi tôi tới bên, nàng nhìn xuống khúc sông xanh còn ngậm những vì sao mờ ảo phản ánh dưới sâu, khẽ bảo:

– Từ đây tới tỉnh lỵ, có nhiều tại nhiều mắt nhòm ngó, nghe ngóng mình đấy. Vậy anh phải cẩn thận. Anh đưa em cái sắc vải đựng sách, em mang cho.

Tôi lại đưa cho Diệu Hiền cái sắc. Cả hai vội rời lòng cầu thẳng bước. Một lát khi đi tới khu vực hai bên toàn là ruộng đồng, Diệu Hiền mới lại bảo:

– Em trịnh trọng nhắc lại với anh, là cái sắc vải đựng những cuốn truyện của nhà văn Khái Hưng anh đang giữ, có thể gây rất nhiều phiền hà cho anh đấy. Bởi lẽ...

Nàng tiên của tôi lại khẽ thở dài, nín bật.

Tôi vội khích lệ:

– Ni cô đừng lo cho tôi. Tôi có đủ bùa phép giải trừ những phiền hà ấy. Thật đấy! Vậy em cứ kể hết cho anh nghe đi. Bởi lẽ... gì?

– Tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên, ông Khái Hưng đầy lòng nhân ái và tính Phật... đã bị người ta thủ tiêu rồi!

Lòng tôi quặn đau. Mắt tôi hoa lên. Cả con đường trước mặt như không còn. Thay thế là cả biển sâu mệnh mông sáng

vỗ. Tôi khóc. Và tôi ngồi phệt xuống bờ cỏ.

Diệu Hiền ngồi xuống theo. Nàng có vẻ tần ngần hồi tiếc là đã nói rõ sự thật.

– Em xin lỗi... đã làm anh xúc động. Mỗi thương cảm ấy chỉ có thể có nơi những thân nhân ruột thịt với... người quá cố thôi. Vậy ông Khái Hưng là gì đối với anh, mong anh kể cho Diệu Hiền nghe đi!

Tôi nhìn cô, không nói. Một oán giận vô cớ đột nổi. Và tôi vội nắm thật chặt bàn tay cô gái tu hành:

– Cô ở mãi Hà Đông, làm sao cô lại rõ chuyện ông Khái Hưng bị người ta thủ tiêu? Hẳn là cô.

Tôi kịp ngừng lại. Thật thế, công an tình báo, gián điệp đội lốt tôn giáo địch

vận, tuyên vận của Việt Minh thật thần sầu. Bao nhiêu người yêu nước đã bị trăm hà, thủ tiêu suốt nửa năm 1946 và trong năm 1947 này.... tôi đã rõ. Và với ni cô Diệu Hiền mà tôi cũng tỏ ý nghi ngờ thì ... biết nói sao đây? Nhưng nàng khê khàng, rất ôn nhu, từ ái:

– Em hiểu cả những điều anh chưa hỏi hết đấy. Anh có ý nghi cả Diệu Hiền này sao? Được, ni cô em kể rõ cho anh nghe nhé. Số là... em nghe lỏm được «mấy ông quan cách mạng» kháo nhau nơi hoa viên nhà chùa rằng: «Thế là xong đời nhà văn nổi tiếng Khái Hưng của Việt Nam Quốc Dân Đảng!» Có tiếng hỏi: «Ở đâu?» Tiếng người khác: «Lạc Quần, quê vợ». Em chỉ nghe được có bấy nhiêu. Lúc đó em đang dọn dẹp ở một căn phòng giáp với chỗ họ nói chuyện. Em vội vòng ra sân... thì gặp ngay sư trụ trì đang chấp

tay chào tiễn biệt bọn họ. Chuyện chỉ có thế, nhưng em đã hiểu. Đến nay gặp anh, nhân đọc sách của Khải Hưng, nhớ lại, em kể anh nghe với lời dạn dò đầy thiện ý... khiến anh... nổi nóng...

Đột nhiên Diệu Hiền ôm mặt, nước nở.

Lýnh quýnh và thật sự hối hận, tôi vỗ nhẹ vai nàng, an ủi:

– Anh xin lỗi Diệu Hiền, em gái thứ lỗi cho anh. Em nín đi. Chẳng lẽ suốt ngày cùng rong đuổi bên nhau và ngót nửa đêm tâm sự về lẽ sống chết của con người, chung cuộc chúng ta lại chia tay nhau trong mắt lệ sao?

Nàng như người ngoài, vịn tay tôi cùng đứng lên và bảo:

– Không, lỗi tại em còn nhiều tình

cảm thế tục. Em thương anh, quý trọng anh, thế mà chỉ vì không sớm chia tay... còn bịn rịn tiễn đưa mới xảy ra nông nổi. Không là người thân thích của nhà văn mà khi nghe tin ông Khái Hưng bị người ta bắt rồi đem đi thủ tiêu, em cũng thấy xót xa, bất nhẫn và thậm oán trách... nữa là anh. Vậy thì anh phải giữ mình, cảnh giác lắm mới được, nhất trong giai đoạn sắt thép đẩy máu lệ này.

Tôi ngỏ lời cảm ơn Diệu Hiền. Nàng dìu tôi về phía đường làng trước đây chúng tôi vừa đi qua. Tới cầu Gián, nàng trở hai khúc sông giao nhau mà bảo:

– Qua sông này sang được phía bên kia là đường thông lộ về Nam Định. Đi bộ chừng nửa ngày là tới. Ở đây Pháp quân có lẽ đã làm chủ được thành phố, như Hà Nội rồi.

Nàng vội kéo tôi rảo bước khỏi cầu, thả thả:

– Còn nếu muốn về Hà Nội, anh lại ngược lên Đồng Quan, qua Thường Tín... lên ra bờ sông Hồng, thuê thuyền tới làng Nam Dư là tới nơi. Anh cần thoát khỏi vòng máu đỏ mỗi đêm mỗi ngày này càng sớm, càng tốt. Vì môi trường sống của anh là ở đây.

– Thế còn em, còn ni cô? Em có muốn theo anh không? Thành phố Hà Nội cũng có nhiều chùa chiền... để em tu hành...

– Theo anh ư? Diệu Hiền rũ ra cười. Anh khỏi lo cho em. Từ bao giờ đến bây giờ... em vẫn là một ni cô gương mẫu và sẽ mãi mãi là một con người của Phật Tổ. Sự sống và cái chết em không màng tới.

Bởi sống là phục vụ, mà chết lại là sự giải thoát nhiệm mầu. Có điều...

Tôi cười vui, cố trêu:

– Có điều... “mai sau dù có bao giờ... đốt lò hương ấy...” phải không em?

– Đâu phải cho em! Nói thực, nếu anh yêu mến nhà văn Khái Hưng hoặc là người thân của ông, có dịp anh nên tổ chức một lễ cầu siêu cho ông. Âu cũng là dịp đền ơn một văn hào của dân tộc Việt Nam, anh nghĩ sao?

Ni cô Diệu Hiền thật là người có tình, có nghĩa. Tôi nghĩ. Và không do dự, trả lời:

– Em có ý kiến rất hay, rất đúng. Phải, nếu có dịp, anh sẽ nói cho mọi người hiểu rõ điều ấy để cầu siêu tưởng niệm ông, một nhà văn lớn của Việt

Nam. Cũng như ba miền đất nước sau này đều phải có tên “Đường Khái Hưng”, kỷ niệm vĩnh viễn về ông vậy.

Cây đa đầu làng Mưỡu Giáp đây rồi. Chúng tôi cùng dừng lại. Diệu Hiền quàng lên vai tôi cái sắc vải đầy sách vở và bảo:

– Thôi, anh về... Hãy nhớ lời em, đừng quên!

Tôi ôm Diệu Hiền qua cánh tay phải và hôn nhẹ lên má nàng, khe khẽ:

– Từ biệt em gái. Chúc em luôn vui, khỏe và luôn làm việc tốt cho đời.

Thần nữ chột rùng mình, gỡ vôi tay tôi dường rần cuộn, gật đầu, rồi thoăn thoắt bước mau.

Tôi nhìn theo... nhìn theo bước chân
nàng... như hồi hỏ, như trốn chạy, như
muốn tan biến giữa sớm tinh mơ sương
trời lãng đãng.

Trong một thôn xóm xa nào vắng lại
tiếng gà gáy sáng lẻ loi.

Hoa Kỳ, California tháng 6 - 1997.

NGUYỄN THẠCH KIÊN.

28. *Vượt đỉnh trăng sao ¶ 901*

TƯỞNG NIỆM KHÁI HÙNG
TRƯỚC NHỮNG TRANG
QUỐC HẬN SỬ

NGUYỄN ANH TUẤN



Đã năm mươi năm qua đi kể từ ngày Khải Hùng nằm xuống vào mùa Xuân 1947. Ông nằm xuống

không bởi cái tiến trình của sinh ly tử biệt như một kiếp người. Cái chết đến với ông đột ngột, phũ phàng, và đầy uất nghẹn – nó đến không bởi ngoại thù dị địch, mà đến từ hàng ngũ anh em “đội lốt” kẻ thù là Hồ Chí Minh và đảng CSVN, sau cái ngày gọi là “Toàn Quốc Kháng Chiến”.

Dưới gót giày thực dân, chúng ta đã có những trang Vong Quốc Sử, Hùng Sử và Huyết Sử đầm đìa máu lệ. Nhưng dưới những đôi tay cuồng vọng mù quáng của HCM và đảng CSVN, ngày nay chúng ta phải ghi tên Khái Hưng và bao nhà ái quốc VN trên những trang mà tôi gọi là Quốc Hận Sử, và Huyết Sử.

Ngày nay tưởng niệm Khái Hưng là tưởng niệm một anh hồn của Tự Lực Văn Đoàn, Đại Việt Dân Chính, Việt Nam Quốc Đảng. Sự tưởng niệm này cũng

đồng nghĩa với thái độ tìm về những biến cố lịch sử kinh hoàng nhất và cũng dai dẳng nhất của quê hương chúng ta. Trên căn bản của một cái nhìn toàn trình và toàn diện suốt diễn trình sử mệnh bão bùng của nòi giống kéo dài suốt từ 1862 - 1997, là đúng 135 năm. Trong suốt thời gian đằng đằng ấy, biết bao thế hệ của các nhà ái quốc đã gục chết trước Khải Hưng và gục chết sau Khải Hưng. Ôi! Những cái chết đau thương ngàn năm ấy giờ đây được chúng ta tưởng niệm. Tuy nhiên điều quan trọng là chúng ta sẽ tưởng niệm bằng thái độ nào. Chỉ bù ngùi thương cảm cho một nhân tài lỗi lạc đã vị quốc vong thân trong quá khứ? Đối với tôi cái chết của Khải Hưng và các nhà ái quốc VN vào thời điểm đó mang một ý nghĩa vô cùng sâu kín và trọng đại cho toàn bộ ý thức dân tộc của chúng ta.

Họ chết đi không chỉ để lại những áng văn chương hay những dòng thi ca, mà họ còn để lại bao giấc mơ, bao tâm nguyện, chí nguyện và ước nguyện chưa tựu thành trên suốt dòng sử mệnh đó. Tất cả đang đòi hỏi và chờ đợi một ý thức tiếp nối, kế tục để bảo đảm cho những liên tục lịch sử còn đang dang dở. Cái dang dở lớn lao vĩ đại biết bao! Từ một xã hội có nền văn minh nông nghiệp chuyển qua một xã hội hiện đại để mong tìm kiếm những tiến bộ hay để thích ứng với bao đổi thay của thời thế. Dân tộc chúng ta, từ hơn một thế kỷ qua vẫn vận hành trên một hành trình luẩn quẩn. Đây đúng là một hình ảnh của một thân phận quê hương.

Con kiến mà leo cànhr đa

Leo phải cànhr cụt leo ra leo vào

Con kiến mà leo cànhr đào

Leo phải cànht cụt leo vào leo ra.

Điều hiển nhiên mà chúng ta đều biết cả là: tất cả mọi giá trị nền móng của truyền thống dựng nước và cứu nước từ bao ngàn năm qua đã khánh tận và phá sản tận gốc rễ. Trong khi đó tất cả mọi giá trị mới chỉ là những vay mượn tạp nhạp, ngớ ngẩn, hời hợt và nông cạn chịu không nổi. Do đó thân phận của cả một dân tộc cứ lơ lơ lửng lửng không định hướng, kể cả khi cái định hướng xã hội chủ nghĩa hay cộng sản mà cả chục triệu thanh niên VN gục chết vì nó cũng không còn ra cái hình thù nào cả. Tất cả là những mô phỏng, sao chép và áp đặt vụng về những sản phẩm trí tuệ non kém đầy lầm lạc tai hại của ngoại tộc lên đầu một dân tộc có một nền văn minh tinh thần sâu dày như VN. Bụt chùa nhà không thiêng hay sao?

Cho đến ngày Khái Hưng và các đồng chí của ông nằm xuống thì hình như sự liên tục lịch sử của T.L.V.Đ đã bị tắc nghẽn? Ở đây tôi không nói đến văn chương hay văn học thuần túy. Cái mà tôi muốn đề cập tới là Vai Trò Lịch Sử của Tự Lực Văn Đoàn trước đà chuyển mình của dân tộc. Chính sự xuất hiện của Khái Hưng và Nhất Linh Nguyễn Tường Tam với Tự Lực Văn Đoàn đã bảo đảm cho sự liên tục lịch sử. Các nhân vật lịch sử này nhận lãnh trách nhiệm và kế thừa tiếp nối tinh thần của Văn Thân Cần Vương và Phong Trào Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục, cũng như Phong Trào Duy Tân do hàng ngũ sĩ phu tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Trần Quý Cáp... v.v... khởi xướng từ những giai đoạn 1895 - 1912. Tất cả đã lần lượt diễn ra để khởi đầu cho một chuyển

điểm vô cùng trọng đại cho toàn bộ sinh mệnh văn hiến, văn hóa và văn học Việt Nam từ hơn một thế kỷ qua. Tất cả đều là những phong trào trí thức (intellectual movement), với những nỗ lực vận động lịch sử lớn lao để đẩy mạnh chiến tranh cách mạng revolutionary war - để dành độc lập; đồng thời khơi mào và phát động một cuộc cách mạng văn hóa (cultural revolution) cho đất nước.

Mục tiêu của Phong Trào Duy Tân do các sĩ phu tiền bối và Tự Lực Văn Đoàn do các tân sĩ phu hay trí thức phát khởi đều có chung một mục đích:

1 - Mở mang trí tuệ cho dân (Khai dân trí).

2 - Chấn hưng và hun đúc chí khí cho dân (chấn dân khí)

3 - Đào luyện nhân tài (thực nhân tài).

Trên đó những dòng văn chương quốc ngữ đã đánh dấu một giai đoạn chuyển mình hệ trọng từ văn chương cổ điển qua văn chương của thời đại mới. Nó trọng đại bởi vì đây là lần đầu tiên một quốc gia Đông Phương đã sử dụng mẫu tự La Tinh - alphabet - của Tây Phương để làm quốc ngữ cho nước mình. Nếu Phong Trào Duy Tân có công khởi xướng tân học và chữ quốc ngữ, thì chính Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn đã đẩy nó lên thành một trào lưu văn chương mới và là suối nguồn cho văn hóa, tân văn hóa và văn học VN. Việc làm này có giá trị của một cuộc cách mạng xã hội. Do đó, bản chất của nó là Văn Hoá Chính Trị (political culture), hay triết lý chính trị (political philosophy) để làm nền móng

cho hiến pháp, luật pháp, các định chế và chính sách quốc gia của thời đại mới. Tất nhiên đây là phần vụ và trọng trách của các nhà văn hóa, các nhà đạo học, các nhà chính trị, các luật gia và xã hội học. Tất cả phải được nhào nặn, uốn nắn và hun đúc từ những giá trị truyền thống của đạo lý và văn hóa dân tộc để có một nền tảng tinh thần truyền thống vững vàng, trước khi tiếp thu những giá trị vay mượn của người khác. Đó là căn bản cho mọi đổi thay và chuyển mình cần phải có để bảo đảm cho sự ổn cố và phát triển quốc gia. Đây mới chính là những giấc mơ, những tâm nguyện, chí nguyện và ước nguyện của Khái Hưng, Tự Lực Văn Đoàn và các phong trào duy tân hay các phong trào trí thức Việt Nam. Tất cả vẫn chỉ là những tâm nguyện và ước nguyện chưa thành đạt mà thân họ đều bị nguy vong thảm khốc. Tất cả những cảnh truy

lòng săn đuổi và thủ tiêu rùng rợn của Hồ Chí Minh và đảng CSVN dành cho Khái Hưng và các nhà ái quốc VN đã thể hiện trọn vẹn sự dã man tàn ác và đẩy dân tộc lên chót đỉnh của đau thương. HCM và đảng CSVN không đẩy các nhà ái quốc ra Lao Bảo hay Côn Sơn như thực dân Pháp thường làm với các nhà ái quốc, ông và bè đảng của ông đã thẳng tay tàn sát dã man những người con yêu dấu của Tổ Quốc vì những hận thù không có thật - một thứ “hận thù giai cấp” hoàn toàn hoang tưởng và phù phiếm của Marx tự ý đẻ ra. Marx dạy người cộng sản: “Các anh phải trải qua 15, 20 hay 50 năm nội chiến, không những để thay đổi những điều kiện xã hội mà còn để thay đổi chính các anh”. Thêm vào đó Mao Trạch Đông lại dạy thêm: “phải phát động rầm rộ chiến tranh giai cấp và đấu tố”.

Tổ quốc và giang sơn đang bị thực dân Pháp dày xéo và vây hãm lao lung bằng chính sách: 1. Làm cho khốn khổ. 2 - Làm cho hèn yếu. 3 - Làm cho ngu dốt. 4 - Làm cho đui mù (Phan Bội Châu).

Tiềm lực quốc gia trông vào giới sĩ phu và trí thức - tiềm lực này đang tan tác đau thương từng giờ. Thế mà lại còn phát động nội chiến 15, 20 hay 50 năm thì xã hội con người còn lại gì? Trời ạ! Oan khiên nghiệp chướng ở đâu mà đau thương lắm thế? Tôi gọi Quốc Hận Sử là vì thế.

Đó là tất cả cái bối cảnh lịch sử mà Khái Hưng và các nhà ái quốc VN nằm xuống nó đón đau và thê thảm như thế đó. Tất cả mọi phong trào trí thức để đẩy tới những nỗ lực vận động lịch sử cho dân tộc đều vừa mới phôi thai trứng nước thì đã bị thực dân và HCM thắng

tay đập tắt; vì vậy mà quê hương phải hy sinh không biết bao xương máu mà vẫn không làm sao gượng dậy được.

Ngày nay tưởng niệm Khái Hưng, chúng ta phải đặt chân dung ông trong bối cảnh lịch sử VN và thế giới với những cơn lốc kinh hoàng của thời đại để hy vọng tìm kiếm được cái sử tính Việt và lý tưởng Việt trên những chu trình biến đổi và tiến hóa của mỗi giai đoạn lịch sử, để từ đó tìm lại những hy vọng mới, chân trời mới cho toàn bộ ý thức của dân tộc. Đúng như Hegel đã nói: “thế giới lịch sử không chỉ đơn thuần là một chuỗi xích dài của những hành động và những sự kiện lịch sử, nhưng thế giới lịch sử bao gồm những cuộc tranh đấu không ngừng để thích ứng vào cái tiến trình mà ở đó tiềm năng của con người đang tăng trưởng lớn mạnh”. Chính He-

gel đã xây dựng triết lý với những nền móng vững chắc từ những yếu tố lịch sử và đẩy những giá trị lịch sử vào triết lý của ông. Từ cái tiến trình của biện chứng của lịch sử (historical dialect), Hegel đã sử dụng những suy tư triết lý siêu hình học và thần học để chống đỡ cho truyền thống triết lý đang bị văn minh kỹ thuật (Technological civilization) khuynh loát. Marx đã đảo lộn triết lý Hegel và khoác cho nó một chiếc áo duy vật và vô thần. HCM là môn đồ hạng rất xoàng của Marx, ông cũng đảo lộn tất cả các giá trị tinh thần của phong trào Duy Tân và Tự Lực Văn Đoàn: thay vì mở mang dân trí - HCM đã theo đuổi chính sách ngu dân triệt để. Thay vì chấn hưng và hun đúc dân khí, HCM đã hun đúc “hận thù giai cấp giả tạo”. Thay vì vun trồng nhân tài, HCM đã thù ghét nhân tài và ông đã tìm trăm phương ngàn kế quỷ quyết và nham

hiểm để săn đuổi và thủ tiêu nhân tài của đất nước để khai sinh ra bao thảm kịch nổi da xáo thịt đau đớn. Đó là điều Hegel gọi là mâu thuẫn lịch sử (historical contradiction) của mỗi thời đại.

Khái Hưng và các nhà ái quốc VN bị thủ tiêu thảm khốc vì hận thù giai cấp. Cái gọi là “giai cấp” chỉ biểu thị sự bất bình đẳng về kinh tế tại các quốc gia Tây Phương. Giữa kẻ sĩ và nông dân VN không hề có mâu thuẫn giai cấp. Hãy nhìn vào cái cảnh:

Nhất sĩ nhì nông

Hết gạo chạy rông

Nhất nông nhì sĩ

Đời sống giới sĩ phu và tân sĩ phu VN luôn luôn đậm bạc, thanh khiết, đức độ, cao thượng và lúc nào cũng sẵn sàng

hy sinh mạng sống cho dân cho nước. Họ là những cột trụ để bảo vệ những giá trị truyền thống, là mực thước của đạo đức và luân lý, và là tấm gương cho toàn dân soi chiếu vào đó để ứng xử và sống sao cho xứng đáng một con người. Quan niệm chung của dân tộc VN về sự chênh lệch hay bất bình đẳng về kinh tế thật quá rõ ràng:

Hơn nhau tấm áo manh quần

Cởi ra, bóc trần ai cũng như ai

(ca dao)

Vì vậy phát động chiến tranh giai cấp cũng có nghĩa là cố tình biến những tấm áo manh quần thành giá trị “tối thượng” để từ đó cách mạng vô sản nhìn đó như là một thứ “mâu thuẫn lịch sử” thì thật là “đỉnh cao trí tuệ” hay sao? Làm cách

mạng để “giải phóng” con người mà lầm lạc, mê sảng như thế thì dân tộc không thể không nguy vong khốn khổ. Bản chất chiến tranh giai cấp đã được “thiên tài” Marx diễn dịch như một động lực chính nhằm nhằm tới những mâu thuẫn đối kháng gay gắt trong lịch sử của nhân loại từ trước đến nay. Điều đó chứng tỏ Marx chẳng hiểu gì về cái giá trị văn minh tinh thần của toàn thể nhân loại, nhất là của VN và Đông Phương. Mặc dù các sĩ phu VN và các nhà hiền triết Đông Phương luôn luôn tôn trọng đức hiếu sinh của con người, nhưng không có ai nhìn “tấm áo manh quần” là giá trị tối thượng cả.

Tôi tin rằng Khái Hưng và Huỳnh Thúc Kháng trong phong trào Duy Tân đều có chung một tâm sự:

Trăng trên trời khi tròn khi khuyết

Người ở đời đâu khỏi tuyết gian nan
Đấng trượng phu tùy ngộ nhi an
Tổ hoạn nạn hành hồ chi hoạn nạn
Tiên lộ định tri thiên hữu ngã
Mấy mươi năm gẫm vẫn chưa già
Nọ núi Ấn, này sông Đà
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt
Kìa tụ tán chẳng qua là tiễn biệt
Ngựa Tái ông họa phúc biết về đâu?
Một mai kia con tạo khéo cơ cầu
Thảy bốn bề cũng bầu trời tất cả
Ư bách niên trung tu hữu ngã
Dầu đến lúc núi sụp, biển lùi, trời nghiêng,
đất ngã

Tấm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn

Trăng kia khuyết đó lại tròn.

(Nguyễn Văn Xuân - 1920)

Tất cả những ai đã từng suy kim, ng-
hiệm cổ hản phải thấy được nơi những
văn thơ đơn giản của các bậc sĩ phu tiền
bối của VN có một nội dung triết lý thâm
sâu vi diệu biết chừng nào. Vì quá yêu
thương sự sống của toàn dân mà họ phải
liều xả thân tranh đấu cho dân cho đến
lúc chết:

Ruổi rong vó ngựa trả thù chung

Binh bại cho nên mạng phải cùng

Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ

Hơn thua xá kể luận anh hùng

Nổi xung mất vía quân Hồ Lỗ

Quyết thác không hàng rặng núi sông

Thọ thủy ngày này pha máu đỏ

Đảo rồng hiu hắt ngọn thu phong.

(Nguyễn Huân - Vong Quốc Sử)

Hãy lắng nghe tiếng khóc của Phan
Đình Phùng:

Chín trùng lặn đận miền quan tái

Trăm họ phơi pha đám lửa nồng.

Vì không bảo vệ được thành Hà Nội
trước làn sóng tham tàn của thực dân
Pháp, cha con Tráng Liệt Bá Nguyễn Tri
Phương đã tuần tiết, Hoàng Diệu nổi gót
theo sau:

Dám đâu nói lòng trung nghĩa

Những lo thế sự tới nơi

Mất thành không tài cứu vãn

Sống then cùng đô²⁵ nhân sĩ trên đời

Thân chết nào có tiếc chi

*Chết nguyện theo Nguyễn Tri Phương
dưới đất.*

(Hoàng Diệu)

Phải chăng Khái Hưng và tất cả các nhà ái quốc VN đều đã gục chết đờn đau và tất cả đều mang theo một tâm sự náo nức:

Nghĩa khởi chưa thành thân đã mất

Anh hùng thâm áo lệ lâm ly.

Trước cái nhục vong quốc, Nguyễn Cao đã mổ bụng tự tử, nhưng chưa chết ngay, ông bèn lấy dao tự cắt lưỡi. Sau đó

²⁵ đô: có nghĩa là những nhân sĩ ở đô thị, tức thành Thăng Long.

có người đã khóc ông:

Thề cùng trời đất phôi lòng đỏ

Cắn chặt non sông khạc lưỡi hồng.

Trần Quý Cáp cũng vì quá yêu nước, yêu dân mà chết thảm - thân xác ông bị thực dân Pháp và nội thù xé ra hàng trăm mảnh. Tất cả phải chăng đã quá đủ để nói lên cái bản chất man rợ của ánh sáng “văn minh vật chất” đến từ sản phẩm trí tuệ của Tây Phương? Đó là tất cả cái bộ mặt thâm sâu đã viết nên thành Vong Quốc Sử, huyết Sử và Hùng Sử Việt trong cuộc chiến tranh cách mạng dành độc lập cho quê hương do các bậc sĩ phu tiền bối khởi xướng. Muốn thấu hiểu giá trị của truyền thống cứu nước, tất cả chúng ta phải ôm chặt vào lòng những trang sử đầm đìa máu lệ này để minh chứng cho HCM và đảng CSVN

biết rằng: phát động chiến tranh giai cấp, săn đuổi và thủ tiêu các sĩ phu và trí thức VN như Khái Hưng và các nhà ái quốc VN của HCM và CSVN là một tội lỗi vĩ đại trước lịch sử của giống nòi. Đây đúng là cảnh:

Đẫn hết trúc Nam Sơn

Không đủ để biên ghi tội ác

Mức cạn nước Đông Hải

Chẳng đủ để tẩy sạch vết tanh nhơ

(Bình Ngô Đại Cáo)

Ngày nay thế hệ này cần tỉnh thức để làm sao có được cái mà Lý Đông A (một nhà hiền triết VN đã bị HCM và CSVN thủ tiêu như Khái Hưng) đã tiên tri: “sự phản tỉnh thâm uyên trước mọi khổ đau của giống nòi”. Cái khổ đau đó là:

* Thực dân làm cho dân tộc khốn khổ, HCM và CSVN làm cho khốn khổ thêm.

* Thực dân làm cho dân tộc yếu hèn, HCM và CSVN làm cho yếu hèn thêm.

* Thực dân làm cho dân tộc ngu dốt, HCM và CSVN làm cho ngu dốt thêm.

* Thực dân làm cho dân tộc đui mù, HCM và CSVN làm cho đui mù thêm.

Tôi đào bới những trang Vong Quốc Sử, Huyết Sử và Hùng Sử để viết thành những trang khởi đầu cho Quốc Hận Sử này, không phải để réo gọi hận thù phù phiếm với những kẻ đã gây ra cái chết cho Khái Hưng và bao nhà ái quốc VN. Tất cả mọi hình thức của hận thù đầy lầm lạc của chúng ta đã kết thúc bằng sự khốn khổ, đã kết thúc bằng yếu hèn,

đã kết thúc bằng ngu dốt, và đã kết thúc bằng đui mù cho tất cả dân tộc đáng kính này. Khi những dòng chữ buồn thảm này nằm dưới tầm mắt của những người CSVN trong và ngoài nước, xin các ngài đừng nghe tôi, mà hãy nghe chính cõi lòng sâu thẳm của các ngài. Các ngài thấy gì, các ngài cảm thấy gì, các ngài là ai, các ngài muốn gì và các ngài đang hy vọng chờ đợi gì? Các ngài đã tôn thờ Marx và hy vọng ông ta sẽ giúp các ngài giải phóng dân tộc lầm than của các ngài? Marx là người Đức gốc Do Thái, kẻ đã bội phản cả Do Thái và cả nước Đức – cũng như đã phản bội lại cả nền văn minh tinh thần của Tây Phương, nơi đã sinh ra. Marx réo gọi hận thù giai cấp và chủ trương đeo đuổi cảnh nổi da xáo thịt của anh em một nhà: 15, 20, 50 năm để xây dựng thế giới «đại đồng». Giờ đây hẳn các ngài đã nhận ra rằng – điều đó

chỉ là một viễn mơ, không bao giờ và sẽ không bao giờ có thể thành tựu được bất cứ ở đâu và bất cứ thời đại nào. Văn Thân Cần Vương, Đông Du, Phong Trào Duy Tân và Tự Lực Văn Đoàn đều do các sĩ phu và tân sĩ phu trí thức khởi xướng. Họ đều là những con người đứng như Âu Dương Tu đã nói:

“Người sĩ phu giữ thì giữ điều đạo nghĩa, làm thì làm điều trung tín, tiếc thì tiếc cái danh tiết, đem những cái đó ra để sửa mình thì cùng một đạo với nhau mà làm ích cho nhau. Đem cái đó ra để phụng sự quốc gia thì cùng một lòng với nhau, thủy chung như một, đó là nơi chốn tụ hội của những bậc quân tử. Ôi! cái vết hưng vong, trị loạn của bậc đế vương nên lấy đó mà làm gương”.

Đi sâu thêm vào cái lý lẽ của hưng vong trị loạn, các nhà đạo học Đông

Phương cũng thường nói: «Thân với các hiền thần, xa lánh kẻ tiểu nhân đó là cái lý lẽ của đời Tiền Hán hưng thịnh. Thân với kẻ tiểu nhân, xa lánh các hiền thần, đó là cái lý lẽ của đời Hậu Hán khuynh bại».

Khái Hưng vừa là một danh sĩ đương thời, vừa là một nhà cách mạng văn hóa trong Tự Lực Văn Đoàn, vừa là một hiền thần của dân tộc Việt. Các ngài thấy không, HCM - lãnh tụ của các ngài không chỉ xa lánh hiền thần, mà ông ta còn săn đuổi và thủ tiêu Khái Hưng và hàng loạt các hiền thần của Dân Tộc khốn khổ này, để tự tạo ra cái khuynh bại nguy vong cho chính mình, và cho cả giống nòi của mình như đã đề cập ở trên. Ôi! cái sự thực lịch sử của dân tộc này đến bao giờ mới chấm dứt?

Hiển nhiên, ngày nay trước cái khuynh bại của đất nước, dân vẫn khốn khổ, dân vẫn yếu hèn, dân vẫn ngu dốt, và dân vẫn đui mù. Các ngài đã có gần một thế kỷ để nhờ vả ngoại tộc làm «thầy đời» cho các ngài giải phóng dân tộc. Dân tộc của các ngài không phải dân Do Thái hay dân Đức. Do đó muốn giải phóng dân tộc khỏi rơi xuống vực thẳm, các ngài phải biết tự lực, tự chủ, tự cường, tự đốt đuốc lên mà đi, để tìm cho ra mọi sự thật. Tại sao dân khốn khổ? Tại sao dân yếu hèn? Tại sao dân ngu dốt? Tại sao dân đui mù? Khi các ngài nắm giữ được sự thật – dù sự thật ra sao mặc lòng. Khi tự các ngài thấy việc thủ tiêu sát hại Khái Hưng và các hiền thần VN là một sai lầm, thì sự sai lầm này cần chấm dứt ngay. Khi các ngài nhận thấy việc phát động chiến tranh giai cấp để cổ súy hận thù giữa anh em cũng là một hành động

tiêu hủy tiềm lực quốc gia và làm cho dân tộc suy vong. Thấy được điều đó là thấy được sự thật – bởi vì tiềm lực quốc gia bị tiêu hủy thì nước không thể không suy vong. Khi ấy các ngài sẽ thấy hận thù là điều sai lầm thì chính sự thật ấy sẽ giải phóng các ngài ra khỏi sự hận thù và tức khắc làm cho nỗi nguy vong chấm dứt, vì tranh đấu giai cấp không còn nữa. Khi tưởng niệm Khái Hưng thì chúng ta phải thấy, cái làm cho Khái Hưng và các nhà ái quốc VN bị suy vong, cũng chính là cái làm cho dân tộc bị khuynh bại. Đúng là cảnh:

Nghĩa khởi chưa thành thân đã mất

Anh hùng thấm áo, lệ lâm ly.

Ngày nay chúng ta khóc Khái Hưng và các anh hùng dân tộc để từ đó thấy rằng tất cả mọi nỗ lực vận động lịch sử

của các phong trào trí thức: từ Văn Thân Cần Vương, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Phong Trào Duy Tân đến Nam Đồng Thư Xã và Tự Lực Văn Đoàn đều phải đón đầu chịu chung một số phận – “Nghĩa khởi chưa thành thân đã mất”. Giống như Quân Trạng khi xưa, Khái Hưng và các bậc sĩ phu tiền bối và các nhà ái quốc VN – họ đều là những con người cao cả khả kính: Không sợ thân mình nguy, mà chỉ lo nước nguy.

Càng nhìn sâu vào lịch sử và nhìn sâu vào đời sống của toàn dân thì càng thấy thấm thương cho bao nỗi mất mát ê chề của dân tộc. Biết bao nhân tài ưu việt xứng đáng tôn thờ ngưỡng phục của Tổ Quốc đã hy sinh liên tục từ thế hệ này và thế hệ khác, mà vì “nghĩa khởi chưa thành thân đã mất”. nên bao giá trị truyền thống ngàn đời của tổ tiên và cha

ông để lại đã bị chôn vùi theo những cái chết thảm khốc của giới sĩ phu và tân sĩ phu. Trong khi đó, những thế hệ nối tiếp, phải thường xuyên sống quay cuồng với bao cơn lốc phũ phàng của thời thế, nên cũng không làm sao kế thừa được những liên tục của lịch sử và họ cũng không xây dựng được gì với những giá trị mới, để đưa đất nước ra khỏi cơn đau.

Những người cầm quyền hiện nay tại VN là đảng CS vẫn đắm đuối mê say quyền lực, vẫn tìm mọi cách để đè bẹp và áp chế những quyền tự do căn bản nhất của người dân. Họ cố gắng trấn áp và tự trấn an về những cách khủng hoảng chính trị và xã hội bằng những biện pháp kinh tế nửa vời. Trong khi những mất mát và sự đổ vỡ từ tinh thần đến vật chất thì quá lớn lao vĩ đại, hoàn cảnh khuynh bại có tính cách bao trùm và toàn

diện nên cần phải có những đáp ứng phi thường thì mới mong sửa đổi được.

Vì vậy cuộc cách mạng văn hóa của Khái Hưng và Tự Lực Văn Đoàn, kế thừa của các sĩ phu tiền bối để nối liền những giá trị cũ và mới hơn bao giờ hết cần được tiếp nối với một ý thức mới, với những xây dựng mới, với những sự hiểu biết và kiến thức mới thu thập được từ hơn 20 năm qua trên khắp thế giới. Đó là những tiềm năng vô hạn đang tăng trưởng và lớn mạnh sau những mâu thuẫn lịch sử kinh hoàng hơn một thế kỷ qua trên quê hương, do cuộc va chạm văn minh giữa Tây Phương và Đông Phương tạo ra cho đất nước chúng ta.

Mặc dù Khái Hưng và các nhà ái quốc VN - thân đã mất, nhưng tâm nguyện, ý nguyện và ước nguyện của họ vẫn còn đây. Nó đang cần được kế thừa

trong khôn ngoan thận trọng - Kế thừa với lòng biết ơn và tôn kính vô hạn để xứng đáng với bao hy sinh lớn lao của họ. Ngôn ngữ mà hôm nay chúng ta đang sử dụng với bao lần biến đổi, lột xác đã trở thành phong phú và giàu có hơn bao giờ hết. Tất cả đều là công lao vượt bậc của Khái Hưng, Tự Lực Văn Đoàn, và các bậc sĩ phu tiền bối. Tuy nhiên dân tộc này đang cần một thứ triết lý cứu rỗi - Salvation philosophies.

Xưa Chúa Jesus có lần nói: “Sau khi ta chịu chết, ta sẽ kéo mọi sự lên cùng ta”. Và vì thế lịch sử này đã trở thành lịch sử của khổ nạn và lịch sử cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Đó là tiếng nói của phương Đông, nơi có mặt trời mọc để sưởi ấm cho thế gian lạnh lẽo này.

Bởi vì VN là chốn giao lưu văn minh và văn hóa của Đông Phương và Tây

Phương nên dân tộc này luôn luôn phải sống trước những va chạm kinh hoàng và luôn luôn quay cuồng khốn đốn trong các làn sóng của đổi thay của tất cả nhân loại. Để tồn tại và sống còn, dân tộc Việt Nam phải gánh chịu những khổ hạnh, gian nan không bút nào tả xiết. Một ngàn năm bị người Tàu đô hộ, 80 năm bị người Pháp đô hộ và 50 năm nội chiến đã nằm gọn trong Chính Sử, Vong Quốc Sử, Hùng Sử, huyết Sử và Quốc Hận Sử. Tất nhiên tất cả mọi phạm trù giá trị của truyền thống dựng nước và cứu nước từ 5000 năm qua cũng chưa bao giờ rời xa những trang sử đầm đìa máu lệ đó. Với tất cả những kinh nghiệm lịch sử, hiệu suất lịch sử, sáng tạo lịch sử luôn luôn dung chứa một giá trị vô hạn và tuyệt đối - absolute values. Tất cả mọi thế lực, cường lực, ác lực và khí lực man rợ của cả Đông Phương và Tây Phương đã tuân

trào vào mảnh đất lầm than này... và tất cả đều ôm đầu máu mà chạy. Lương Khải Siêu phải thốt lời thán phục: “dân khí cao, dân khí cao quá! Ước gì dân tộc tôi có được những người như thế”. Ngược lại ông chê: “dân trí còn thấp, cần gấp xuất dương du học”. Tất cả đó là SỰ THẬT. Văn Thân Cần Vương đã thất bại. Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục đã thất bại. Phong Trào Duy Tân đã thất bại và Tự Lực Văn Đoàn cũng đã thất bại nốt? Tất cả sự thật quá đau đớn.

- Nghĩa khởi chưa thành thân đã mất.

Như vậy lời phê phán của Lương Khải Siêu rất đúng và thực dân và CSVN đã đạt được mục tiêu của họ: dân khốn khổ - dân yếu hèn - dân ngu dốt và dân đui mù đều là hậu quả của tình trạng DÂN TRÍ THẤP.

HCM thủ tiêu Khái Hưng và các nhà ái quốc như Trương Tử Anh, Lý Đông A, Huỳnh Phú Sổ..v.v... đã làm tê liệt cuộc cách mạng văn hóa mà Tự Lực Văn Đoàn đã kế thừa các bậc sĩ phu tiền bối trong những nỗ lực vận động để NÂNG DÂN TRÍ LÊN.

Tưởng niệm Khái Hưng và tưởng niệm các bối cảnh lịch sử tan tác đau thương thời đó mang một ý nghĩa phi thường đối với toàn bộ ý thức dân tộc của chúng ta hôm nay. Cũng như Nietzsche, Hegel, Burke và các triết gia Tây Phương trước sự đi xuống của văn minh Tây Phương, họ đều định giá lại mọi phạm trù giá trị - transvaluation of Values... Việt Nam chúng ta đã đến lúc cũng phải duyệt xét lại toàn bộ mọi phạm trù giá trị để nối tiếp kế thừa những vận động trí thức còn đang dở dang của Khái Hưng

và tiền nhân di lưu lại cho thế hệ chúng ta.

Nhu cầu du học ngày nay không còn cần thiết nữa. Hơn 20 năm chu du khắp thiên hạ để học lấy “bao sàng khôn” của thiên hạ, nay đã hoàn tất trong khối người Việt Hải Ngoại. Nếu đất nước này không nâng được dân trí lên cao để chấm dứt toàn diện và vĩnh viễn sự khốn khổ, chấm dứt sự yếu hèn, chấm dứt sự ngu dốt và chấm dứt luôn sự đui mù cho dân, mà cứ kềm hãm sức sống vô bờ của dân, thì điều đó hoàn toàn do CSVN phải chịu trách nhiệm trước toàn dân và trước lịch sử. Đây là giờ phút sau chót mà lịch sử VN dành thêm một cơ hội nữa cho những người VN tự nhận là CS phải can đảm nhận lấy những lỗi lầm trong quá khứ. Thủ tiêu Khái Hưng và các hiền thần của dân tộc đã trở thành

quá khứ đau thương và làm cho quốc gia khuynh bại thấp hèn. Đó là kết quả mà ông “thầy đời Marx” đã lầm lạc trao vào tay HCM và CSVN. Truyền thống lịch sử dựng nước và cứu nước của dân tộc quá hào hùng, hào hùng đến nỗi khó có dân tộc nào sánh kịp. Triết lý và đạo lý Việt không thâm vi diệu thì lấy gì để uốn nắn, nhào nặn và hun đúc nên cái truyền thống hào hùng và truyền thống ái quốc thần thánh đó? Bởi vì nó đã thể hiện trọn vẹn trên suốt diễn trình sử mệnh bao bùng của lịch sử từ bao ngàn năm qua, và nó vẫn tiếp tục thể hiện trong các phong trào trí thức từ trước cho đến Tự Lực Văn Đoàn. Đất nước và dân tộc nào của riêng ai. Bao nhiêu nhân tài của dân tộc trong và ngoài nước vẫn bị CSVN úy kỵ và áp chế để tiếp tục duy trì dân trí thấp kém yếu hèn. Tại sao lại chỉ biết lo

cho thân mình nguy, mà không lo sợ cho nước suy sao?

Cái vết hưng vong, trị loạn đã quá rõ ràng. Trên phương diện vật lý - physical term, con người chỉ sống được khi có không khí, đất, nước và ánh mặt trời. Đó là bốn thành tố làm nên sự sinh và sự sống vật chất. Về phương diện tinh thần - mental term - Con người cần tình cảm, luân lý đạo đức văn hóa và giáo dục. Triết lý của Marx phá hủy và từ khước tất cả những giá trị tinh thần ấy khi ông đánh giá cái gọi là “xã hội tư sản” với những thành tố cấu thành kiến trúc thượng tầng - supers tructure - của xã hội. Cái hậu quả tích lũy ngờ ngờ và non kém ấy đã thể hiện trọn vẹn trong thực tế của lịch sử tại tất cả các quốc gia đệ III.

Vì những điều quan trọng nhất của mỗi thời đại là khả năng thích ứng với những tiềm năng đang tăng trưởng lớn mạnh trong ý thức con người, đúng như Hegel đã nói trong cái biện chứng lịch sử của ông. Triết lý Marx mới đúng là thứ thuốc phiện làm cho những kẻ khốn khổ mê mên nên chỉ thấy có hận thù giai cấp và nội chiến đẫm máu. Marx đã khai mở đúng cái huyết mạch của sự khổ đau ảm ập của con người và làm cho những kẻ khốn cùng mê mên trong cảm “giác ngộ” về thân phận của mình. Thực tế của ăn trên đời không thiếu, nhưng rất thiếu hiền nhân ban phát của ăn cho con người. Phát động chiến tranh giai cấp để thủ tiêu hiền nhân nên khi lật đổ được xã hội cũ, hiền nhân chẳng còn lại ai cả để ban phát của ăn cho người nghèo khó. Đó là một thực tế lịch sử tại các quốc gia đệ III, không phải suy tư triết lý

siêu hình hay thần học. Marx là thiên tài phá hủy và là người không biết xây dựng Triết lý; mặc dù Marx có một lý tưởng thật đáng kính nhưng lý tưởng này cũng đã bị những người CS khắp nơi phản bội. Marx muốn thực tâm tìm kiếm và xây dựng công lý xã hội, nhưng công lý chỉ xuất hiện nơi các hiền nhân quân tử. Công lý là sản phẩm tuyệt hảo mà tất cả các nền văn minh tinh thần hướng tới – đồng thời công lý cũng là những gì mà tất cả những con người đau khổ và tuyệt vọng trên thế gian này đang chờ đợi và khát đói từng giờ. Marx, hay triết lý Marx chủ trương duy vật và vô thần thì đào đâu ra một sản phẩm tinh thần tuyệt hảo như công lý? Marx trồng cây mướp đắng mà lại muốn lấy mướp đắng để làm đường hay sao? Công lý chỉ xuất hiện trong tình thương, trong từ bi đôn hậu, trong nhân ái bao dung và độ lượng

– ở đây, không có trường hợp ngoại lệ. Tại sao hơn một thế kỷ qua mà nhân loại vẫn chưa có ai nhận ra cái mâu thuẫn vĩ đại nơi triết lý Marx? Vì công lý là sản phẩm tinh thần cao quý nhất, cần thiết đối với toàn bộ sinh mệnh của nhân loại – nên cũng vì công lý mà các bậc giáo chủ đã xuống thế để xây dựng công lý cho con người. Có tình thương mới có hòa bình và công lý. Phát động chiến tranh giai cấp là hủy diệt tình thương và từ đó chôn vùi luôn công lý. Marx là người thầy thuốc biết cách chế tạo thuốc “tạo ảo giác” cực mạnh cho những kẻ đau khổ đang sống trên những bất công xã hội, nhưng ông không có khả năng xây dựng một nền móng triết lý vững chắc để khai sinh ra các hiền thần để họ thực thi công lý. Tất cả mọi giá trị cần và đủ để đưa đến công lý đã bị tiêu diệt trước khi công lý bị tiêu diệt. Sau những cảnh nổi

da sáo thịt giữa anh em, cái mà Marx gọi là “thay đổi những điều kiện xã hội” chỉ là sự khuynh bại toàn diện dưới những bàn tay của bạo lực mù quáng. Đó là bản chất của triết lý Marx. Vì lẽ đó, trên dòng sống VN, chiếc cầu nổi liền quá khứ và hiện tại đã hoàn toàn sụp đổ. Trong khi những hy sinh của Khái Hưng và các bậc sĩ phu tiền bối quá thiêng liêng màu nhiệm, nhưng những thế hệ nối tiếp đã không còn khả năng làm nổi bật lên được những giá trị ưu việt đó thành những động lực mạnh mẽ, đủ để làm cho bánh xe lịch sử chuyển mình đến một tương lai tươi sáng mà dân tộc đang âm thầm chờ đợi và hy vọng. Trên những trang huyết sử, chân dung Khái Hưng và các nhà ái quốc còn để lại biết bao tâm nguyện và ước nguyện, chưa đạt thành – tất cả đang cần sự khai mở, tiếp nối và biến nó thành những ĐÓA HUYẾT HOA của thời đại,

để những người VN đã đến lúc phải vứt bỏ tất cả những gì đã vay mượn tạp nhạp của Marx về nghĩa trang Highate, nơi Marx yên nghỉ. Marx là một người học trò học kinh tế của Vương Quốc Anh, và học để chống phá, chứ không phải để xây dựng kinh tế. Marx cũng là người học trò học triết lý của Đức, tức triết lý Hegel, nhưng cũng để chống phá hung hãn. Trong khi Marx không đủ linh mẫn để tìm hiểu được cái vi diệu thâm sâu của triết lý Hegel. Marx còn học thêm cách mạng Pháp 1789 và học luôn những bài học về xã hội của Saint Simon, Proudhon, và của Auguste Comte, và cũng học để tìm cách đả phá luôn. Tất cả những gì Marx chống phá – khốn thay! Lại là những giá trị cần và đủ để đưa đến công lý.

Hồ Chí Minh và đảng CSVN thủ tiêu Khái Hưng, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Đức Huỳnh Phú Sổ và tất cả các nhà ái quốc VN – Khốn thay! Cũng lại là những hành động thủ tiêu công lý của dân tộc Việt Nam. Do đó, bài học lịch sử cũng chính là bài học triết lý và triết lý không phải trò chơi cho những kẻ non nớt và yếu đuối tâm linh.

Chính cái triết lý duy vật và vô thần đã đưa đến cái chết cho Khái Hưng và các nhà ái quốc VN – Cũng chính triết của Nietzsche và Marx là cha đẻ ra các phong trào Fascists và các phong trào cộng sản trên thế giới. Ôi! cái ý nghĩa của ngày tưởng niệm Khái Hưng trọng đại biết bao! Triết lý của bạo lực thuần túy quả là độc dược đã giết chết thảm khốc ý thức nhân bản của con người. Muốn cho xã hội có Công lý, Marx phải

đến VN để học lại Khái Hưng và các bậc sĩ phu tiền bối VN – bởi vì đó là những con người giữ thì giữ điều đạo nghĩa, làm thì làm điều trung tín, tiếc thì tiếc cái danh tiết, đem những cái đó ra để sửa mình thì cùng một đạo với nhau mà làm ích cho nhau. Đem cái đó ra để phụng sự quốc gia, thì cùng một lòng với nhau, thủy chung như một, đó là nơi chốn hội tụ của các bậc quân tử. Ôi! cái vết hưng vong trị loạn, các bậc đế vương nên lấy đó mà làm gương để đem công lý đến cho dân.

NGUYỄN ANH TUẤN

Thử Đi Tìm Ngày Chính Xác

LỄ GIỖ NHỚ KHÁI HÙNG

PHƯỢNG THÚY NGUYỄN



Ngay từ năm 1964, đọc trong số báo Xuân Dân Chủ do ông Vũ Ngọc Các làm Chủ nhiệm, chúng tôi đã chú ý tới bài «Đội Tết Trong Tủ» của Mai

Chi, bút danh vị hướng đạo nổi danh Mai Ngọc Liệu, một chiến sĩ từng sát cánh với ông Lê Quang Luật làm cách mạng chống Thực dân Pháp và Cộng Sản Việt Nam, chủ biên tờ báo Hồn Công Giáo ở vào thập niên 40.

Nội dung bài Đợi Tết Trong Tủ ghi lại những ngày cuối cùng của nhà văn Khái Hưng ở trại giam Lạc Quần, Nam Định.

Ký giả Mai Chi viết:

«... Rồi một buổi chiều, hôm đó đã quá Rằm có lẽ là ngày 16, 17 hay 18 tháng Chạp âm lịch, một ngày cận Tết – vào khoảng 4, 5 giờ trong khi chúng tôi sắp ăn cơm tối, tên Thoại (công an xung phong) tới báo cho Khái Hưng biết rằng có lệnh mời anh lên «Trung Ương» vì cấp Tỉnh không có quyền thẩm vấn và

xét xử anh. Hấn dục anh thu xếp đồ đạc để cùng đi ngay với hấn – đi lúc chiều tối để tránh máy bay địch...»

Theo Mai Chi thì nhà văn Khái Hưng rời Trại Lạc Quần vào tuần lễ thứ ba của tháng Chạp năm Bính Tuất - 1946, tức là vào một ngày trong tháng 01 năm 1947. Ngày cận Tết có nghĩa gần Tết Đinh Hợi - 1947.

Còn bài nhan đề «Những Ngày Cuối Cùng Của Ba Tôi» của anh Trần Khánh Triệu (tức Nguyễn Tường Triệu, con ruột của ông bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam) in trong «Tin Quê Hương» của Đại Sứ Quán Việt Nam Cộng Hòa xuất bản năm 1967 tại Paris, thì lại viết:

Qua Tết (Tết Đinh Hợi - 1947) độ hơn một tháng, vào một buổi trưa, trong lúc không ngờ nhất, ba tôi được một tên

Công an dẫn về nhà. Hỏi ra mới biết vì Pháp mở cuộc tấn công lớn giải vây cho đồng bọn chúng ở nhà máy sợi, nhà băng Nam Định, nên Ủy ban quyết định đưa một số tội nhân đi nơi khác.

Theo lời tên Công an, ba tôi sẽ được đưa về Chi Nê (Ninh Bình).

Hồi này ba tôi tiểu tụy hẳn, bộ da xám phat màu, đôi mắt gần như đại đi, giọng nói yếu ớt gần như thều thào:

– Bị bắt lên Trục Ninh, tôi bị hỏi cung liên tiếp nhưng cũng may chúng nó không tra tấn gì. Chuyển sang Lạc Quần vì chỗ giam đông quá, thức ăn bẩn thỉu nên cái bệnh kiết lỵ hồi nào lại tái phát. Chúng nó kết tội tôi đủ thứ tội. Hôm nay nó bảo đưa đi Chi-Nê không biết có thực không?

Dặn dò được mấy lời, tên Công an đã hối thúc lên đường...

Từ buổi trưa hôm ấy, ba tôi biệt vô âm tín luôn...»

Căn cứ theo lời anh Trần Khánh Triệu thì nhà văn Khái Hưng được Công an Việt Minh áp giải cho ghé qua nhà thăm gia đình vào một buổi trưa sau Tết Đinh Hợi - 1947 khoảng hơn một tháng, dặn dò gia đình ít câu rồi lại vội vã lên đường, và từ đấy biệt tích luôn.

Còn tài liệu của vị nguyên Thuyền Trưởng Tàu Trường Xuân, cụ Phạm Ngọc Lũy, tác giả bộ Hồi Ký Một Đời Người, tập III nơi mục «Vụ án nhà văn Khái Hưng» thì lại viết như sau:

1 - «... Vào một đêm cuối năm, hắn (một viên công an) được lệnh đưa Khái

Hưng rời nhà giam Lạc Quần ra đi dò. Theo sông Ninh Cơ, thuyền qua địa phận Bùi Chu - Hành Thiện, khi đến bến dò Cửa Gà thuộc làng Ngọc Cục, hẩn thi hành lệnh cấp trên là phải thủ tiêu Khái Hưng. Nhà văn có công lớn với nền Văn Học của ta, khi bị nhát dao đâm thứ nhất, đã kêu lên:

– Tao không ngờ chúng mày đã man đến thế.

Tên công an bồi thêm mấy nhát dao nữa cho đến khi Khái Hưng chết hẩn, bỏ xác vào bao bố, buộc chặt rồi vút xuống sông, ngay bến dò Cửa Gà (bãi giữa sông).

Sau khi thi hành bản án đã man tàn bạo ngoài sức tưởng tượng của mọi người, tên sát nhân không hiểu bất mãn với Việt Minh vì lẽ gì đã về làng khai ra

hết...»

2 - «...Vào lúc gần tối ngày giáp Tết Đinh Hợi 30 tháng Chạp Bính Tuất là ngày 21 tháng 01-1947, sau bữa cơm chiều, khi anh em bị giam đã nấu bánh chưng xong để đón giao thừa thì hai tên công an Đặng và Thoại mời Khái Hưng lên Ty Thông Tin ở xa và nhắc ông phải mang hết quần áo đi. Khái Hưng thu xếp quần áo, ăn mặc chỉnh tề, vui vẻ chào từ giã mọi người... Mọi người đều lo ngại cho ông nhưng không ai dám nói ra. Hôm sau tên công an trở về trại giam ở Lạc Quần nói rằng ông Khái Hưng đã bỏ trốn ở dọc đường, nhưng cả trại giam không ai tin.

3 - «... Sau khi đọc Hồi Ký Một Đời Người tập I, đoạn nói sơ qua về ông Khái Hưng bị thủ tiêu, Mai Ngọc Liệu cho biết thêm vài chi tiết khá quan trọng. Đoàn

Văn Lụy cũng bị giam ở Lạc Quần và cũng được chứng kiến lúc nhà văn Khái Hưng rời khỏi nhà giam. Hai tên công an hôm sau trở về, một đứa mặc áo «ba đờ suy» (pardessus), một đứa đội mũ «phớt» (feutre) nói là ông Khái Hưng bỏ lại lúc trốn thoát ở dọc đường...

4 - «... Khi viết xong bản thảo “Vụ án nhà văn Khái Hưng”, tôi gửi cho cụ Đỗ Khắc Siêm đọc. Cụ cho biết thêm nhiều chi tiết soi sáng vụ án: thời gian 1947 - 1949, Cụ làm Thẩm phán Huyện Trực Ninh, và được Trưởng Toán cảnh vệ nơi đây cho biết ông Khái Hưng bị giam ở đây và bị đưa đi trầm hà trên sông Ninh Cơ trong khi đó Việt Cộng còn bịa đặt ra một tin để đánh lừa dư luận. Họ nói Công an dẫn ông Khái Hưng qua cầu Vô Tình (thuộc huyện Trực Ninh), một toán du kích ở bên kia cầu hiểu lầm đã

xả súng bắn làm ông Khái Hưng bị tử thương...

Phối kiểm những tin trên, ta có thể tìm ra manh mối khá chính xác về cái chết của nhà văn Khái Hưng.

Khái Hưng bị đưa ra khỏi trại giam Lạc Quần sau bữa cơm chiều, lúc gần tối, ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất. Từ Lạc Quần theo sông Ninh Cơ lên đến bến đò Cựa Gà khoảng 10 cây số thuộc địa phận làng Ngọc Cục (Xuân Trường - Nam Định). Như vậy, tính theo khoảng cách Lạc Quần - Bến Đò Cựa Gà, ta có thể kết luận, nhà văn Khái Hưng bị giết ở bãi giữa sông Ninh Cơ, bỏ vào bao buông sông trước giao thừa sang năm mới Đinh Hợi, tức là gần nửa đêm 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (21-01-1947...).

So sánh vào ba bài viết của Mai Chi,

Trần Khánh Triệu và cụ Phạm Ngọc Lũy, chúng tôi thấy cần phải tìm ra cho chính xác Ngày Giỗ Của Nhà Văn Khái Hưng, có nghĩa là ngày mất của văn sĩ. Bởi lẽ người con trai nuôi của Khái Hưng thì viết «sau Tết độ hơn một tháng, vào một buổi trưa, ba tôi được một tên công an dẫn về nhà...» Còn hai tác giả Mai Chi và Phạm Ngọc Lũy đều viết là «một ngày cận Tết»... Vậy thuyết nào đúng?

Theo thiện nghĩ, Mai Chi và cụ Lũy ở vào giai đoạn 1947 đều là những vị đã lớn tuổi, từng trải và nhất là nhớ rõ hơn ông Trần Khánh Triệu lúc ấy mới ở tuổi mười chín, đôi mươi. Huống nữa lại thăng thất, lo lắng nhiều, nên có thể chỉ mang máng về cái ngày Tết tây kéo dài từ ngày Noel đến ngày 1-1-1947 mà ông Trần Khánh Triệu đã từng có nhiều kỷ niệm sống trong đó, và chỉ nghĩ là buổi

trưa hôm ấy sau Tết độ hơn một tháng, ông Khải Hưng được dẫn về nhà... là cái ngày Tết tây chẳng?

Sự thực, căn cứ theo các bài viết, chúng tôi nhận thấy rằng «sau khi Khải Hưng từ già anh em cùng bị giam ở trại Lạc Quần», tên công an đưa nhà văn về một địa điểm nào đó theo lệnh cấp trên, sáng hôm sau mới dẫn giải Khải Hưng cho về thăm gia đình lần cuối cùng, rồi ngay đêm tối hôm ấy dẫn ra sông Ninh Cơ, lên thuyền. Người lái thuyền hẳn cũng là một tên công an. Ý chỉ việc đưa thuyền đi cho thật xa bờ. Một tên ngồi ở phía mũi, lăm lăm khẩu súng Mousqueton cổ lỗ canh chừng. Một tên ở phía sau nhà văn. Tới giữa sông, tên ở phía sau mới rút dao ra hạ sát... Khi nhà văn đã bị đâm nhiều nhát dao, đánh vào đầu nhiều báng súng cho ngất đi, chúng mới

cho vào bao tải, lèn thêm vào bao một cục đá lớn, buộc bao lại rồi hắt xuống sông... Vụ thủ tiêu này thật nhanh, thật gọn, là sở trường của những tên công an Việt Minh cộng sản đã được huấn luyện.

Có điều, theo ông Mai Chi: «... Hôm đó đã quá Rằm - có lẽ 16, 17 tháng Chạp âm lịch, một ngày cận Tết Nguyên Đán... « sự thực ngày 16, 17, 18 năm đó, và là tháng 01 dương lịch 1947 thì nhằm vào ngày 27, 28, 29 tháng Chạp ta mới đúng. Và nhà văn Khái Hưng được công an giải về thăm nhà vào buổi trưa trong ngày giáp Tết, để rồi thọ nạn vào lúc gần giao thừa, thì thật đúng như tài liệu của cụ Phạm Ngọc Lũy. Vậy ngày mất của nhà văn Khái Hưng thật sự chỉ có thể là ngày 21-01-1947, tức đêm giao thừa Tết Nguyên Đán năm Đinh Hợi. Và địa điểm nơi Khái Hưng mất, là lòng sông

Ninh Cơ, thuộc Trục Ninh, Nam Định.

Nghe kể, có rất nhiều người bị bắt, bị thủ tiêu trong dịp này. Cụ giáo Phạm Tất Thắng, Chủ nhiệm Tỉnh Đảng bộ VNQDD Nam Định và là đại biểu Quốc Hội 1946 cũng bị bắt giam cùng lượt với nhà văn Khái Hưng tại Nam Định, và từ đó đến nay vẫn bật tin tức Cụ.

PHƯỢNG THÚY NGUYỄN

LỄ CẦU SIÊU TƯỚNG NIỆM NHÀ VĂN KHÁI HÙNG

HỒ QUANG

Tưởng nhớ nhà văn cách mạng
quá cố Khải Hùng, chúng tôi tế
tựu tại chùa Cổ Lâm, thành phố Seatt-
le, Tiểu bang Washington vào lúc 14 giờ
chiều Chủ Nhật ngày 18 tháng 1 năm
1998, để làm lễ giỗ nhớ thứ 50 và sinh
nhật thứ 101 của văn hào Khải Hùng.

Trong ngôi chùa oai nghiêm thoáng rộng, đúng 2 giờ chiều anh em trong VNQDD, các nhân sĩ, và nhà văn, nhà thơ, nhà báo đã vào trong hội trường. Về trang nghiêm tôn kính của buổi lễ được khởi đầu bằng điệu nhạc hùng tráng với bản Quốc ca VNCH, mọi người nghiêm chỉnh hướng về lá quốc kỳ «nền vàng ba sọc đỏ» đồng lòng cất tiếng hát. Sau lễ chào quốc kỳ là «phút mặc niệm» các vị tiền nhân đã hy sinh vì tổ quốc.

Sau nghi thức chào cờ, mặc niệm, Thượng Tọa Viện Chủ chùa Cổ Lâm Thích Nguyên An, làm chủ tế, mở lời chào mừng quan khách. Giọng trầm, thật chậm rãi, thật rõ ràng, Thượng Tọa đã làm cho cử tọa đi vào những giọng tư tưởng luyến tiếc về con người đã để lại bao nhiêu thương mến cho gia đình, cho bạn bè, cho anh em, cho đồng chí, cho

Cách Mạng... Và còn cảm động hơn là luôn tiện Thượng Tọa cũng cầu siêu cho hương hồn bà Khái Hưng sớm siêu thoát (bà Khái Hưng mất ngày 21 tháng 1 năm Giáp Ngọ 1954).



Thượng Tọa Viện chủ chùa Cổ Lâm,
Thượng Tọa Thích Nguyên An, trước
bàn thờ đặt di ảnh nhà văn Khái Hưng
trong buổi Lễ cầu siêu.

Ông Trần Thế Khiêm, thay mặt cho
Ban tổ chức, lên diễn đàn, trình bày về
thân thế, sự nghiệp của nhà văn quá cố,

Ông nhấn mạnh:

«Qua các tài liệu Văn học, báo chí, qua ý kiến của các bậc Cách Mạng lão thành, Văn nhân học giả, Thân quyến gia tộc thì ông Khái Hưng không những là một họa sĩ, một nhà văn, một nhà thơ, một nhà báo, mà còn là một chiến sĩ cách mạng đấu tranh can trường trong tổ chức Cách Mạng Quốc Gia Việt Nam chống xâm lược thực dân Pháp, chống Phát xít Nhật và chống chế độ độc tài cộng sản nữa...

...Ông Bà Khái Hưng đều xuất thân trong một gia đình quý phái danh gia vọng tộc thời bấy giờ; với gia đình như thế ông bà thừa điều kiện và ưu thế tiến thân vào hoạn lộ. Nhưng, không màng phú quý, vinh hoa, danh lợi riêng tư, ông bà đồng lòng hy sinh đời tư dẫn bước trên con đường văn học nghệ thuật nhằm tiếp nối

và phát triển mạnh mẽ công cuộc cách mạng cứu nước của vị anh hùng Nguyễn Thái Học để lại. Năm 1939, ông đã cùng văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thành lập đảng Cách Mạng Đại Việt Dân Chính. Năm 1944, để đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, và bọn Cộng Sản độc tài, những người lãnh đạo Cách Mạng Đại Việt Dân Chính, trong đó có Khải Hưng, cho sát nhập đảng này vào Việt Nam Quốc Dân Đảng. Năm 1945, nhà văn Khải Hưng được đề cử vào Ban Chấp Hành Trung Ương Việt Nam Quốc Dân Đảng, làm chủ nhiệm Nhật báo Việt Nam và Tuần báo Chính Nghĩa, đây là hai tờ báo quảng bá tinh thần đấu tranh của Việt Nam Quốc Dân Đảng trong công cuộc chống cộng sản độc tài cũng như chống lại bọn thực dân xâm lược Pháp...

...Năm 1954, Cách Mạng Mùa Thu là của chung các lực lượng cách mạng Việt Nam nổi dậy biểu tình tại Hà Nội để đòi Phát Xít Nhật, Thực Dân Pháp phải trả Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc lại cho dân tộc Việt Nam. Nhưng chẳng may bọn Việt Minh xảo trá, lợi dụng thời cơ cướp công giống như phe Bôn-sê-vích đã làm ở Đông Âu, và bọn họ đã thắng lợi trên sự lừa dối để áp đặt Quốc dân Việt Nam cũng như Đồng Minh (Quốc tế) đứng vào thế «chuyện đã rồi». Chính vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại vườn hoa Ba Đình, Hồ Chí Minh đã đưa ra một chính phủ để bịp toàn dân và Quốc tế rằng: Đây là chính phủ Việt Nam, hoàn toàn do người Quốc Gia lãnh đạo, gồm nhiều thành phần đảng phái, nhân sĩ yêu nước tham dự.

Vạch trần bộ mặt xảo trá, gian manh này, nhà văn Khải Hưng đã dùng ngòi bút của mình viết nhiều bài đăng trên nhật báo Việt Nam và tuần báo Chính Nghĩa, chỉ trích nặng nề, dẫn chứng sự điêu ngoa quỷ quyệt lừa bịp toàn dân và quốc tế của bọn Việt Minh. Ông là người gây sóng gió mạnh nhất trong trận tuyến Văn Hóa và Tuyên Truyền giữa Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đông Dương Cộng Sản Đảng. Chỉ một mình cá nhân ông đã làm cho Hồ Chí Minh cùng bọn lãnh đạo Việt Minh ăn ngủ không yên, nhức nhối tim óc triền miên trong những năm 1945, 1946.

Đảng của ông, Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng quyết liệt hành động: tổ chức ngày «G» trong năm 1946, làm cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Cộng Sản. Bị vào thế nguy ngập, Hồ Chí Minh đành phải

nhường bộ cho thành lập «Chính phủ Liên Hiệp Quốc Dân» đầu năm 1946. Nhà Văn Cách Mạng Khái Hưng không tham chính, ông nghĩ rằng chỉ có báo chí mới thông tin kịp thời mọi tin tức cần thiết đến dân chúng, ngăn chặn được sự chệch hướng của Hồ Chí Minh và đồng bọn. Ông viết những bài báo với nội dung xây dựng, từ con tim của con người thật sự yêu nước, không một tị hiềm cá nhân, luôn thể hiện tính trong sáng của một nhà văn chân chính, của một chiến sĩ cách mạng yêu nước nồng nàn, không tư vị đâu là Việt Quốc (VNQDD) đâu là Việt Minh. Ngòi bút của ông hướng về Nam Bộ, vì ở đây bọn thực dân Pháp đang núp bóng quân đội Đồng Minh Anh Ấn, trở lại đặt ách thống trị tiếp trên đất nước ta. Ông kêu gọi chính phủ Kháng Chiến, kêu gọi Vệ Quốc quân cộng sản, Quốc Dân quân của các lực lượng Cách Mạng

Việt Nam (là quân đội của: VNQDDĐ, VNCMĐMH QGTN Đoàn) lên đường vào Nam chung lưng đấu cật cùng nhân dân Nam Bộ đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước.

Cũng vào năm 1946, cộng sản nguy tạo vụ «Ôn Như Hầu» vu khống cho VNQDDĐ giết người, chôn vũ khí để bắt giam và sát hại các chiến sĩ Quốc Gia; rồi sau vụ «Ôn Như Hầu» không lâu, công an cộng sản tấn công vào Báo quán Việt Nam bắt đi tất cả nhân viên tòa soạn và những người có mặt, trong đó có cụ Phan Khôi và ông bà Khái Hưng. Nhờ sự can thiệp mạnh mẽ của các Lãnh tụ VNQDDĐ (tham gia trong Chính Phủ Liên Hiệp), các vị Nhân sĩ uy tín, và nhất là áp lực của đại đa số quần chúng có cảm tình với văn hào Khái Hưng, nên Việt Minh đành nhượng bộ trả tự do cho ông

bà Khái Hưng cùng tất cả những người đã bị bọn chúng bắt tại Báo quán Việt Nam sau hai ngày giam giữ. Chính ông Vũ Đức Vinh, sau này là nhà văn Huy Quang, hôm nay đang có mặt tại đây, trong buổi lễ cầu siêu này – Thật là một vinh dự cho chúng ta được đón tiếp ông – ông chính là một chứng nhân chính đã mục kích được vụ Cộng Sản tấn công vào Báo quán Việt Nam, cơ quan tranh đấu của VNQDD lúc bấy giờ.

Vừa thoát khỏi nhà giam của cộng sản, ông Khái Hưng lại bị thực dân Pháp bắt cả gia đình cùng với một số đồng chí cùng nhiều thân hữu của ông. Nhờ Ủy ban Liêm Kiểm can thiệp mọi người được thả ra một ngày sau.



Quang cảnh hội trường: các nhân sĩ và anh em văn nghệ sĩ về tựu trong buổi Lễ cầu siêu tưởng niệm Khái Hưng.

Ngày 19 tháng 12/1946, chiến sự Việt – Pháp xảy ra ác liệt ngay giữa Hà Nội và các tỉnh lân cận, nhà văn Khái Hưng phải đưa gia đình về quê vợ là làng Lịch Diệp, cách thị xã Nam Định vài chục cây số, để lánh cư, tránh mọi liên hệ với thực dân Pháp... Tạm yên ổn được vài hôm, thì vào một chiều Đông của tháng 12/1946,

nhà văn bị 2 tên công an bắt đi, sau đó nghe tin ông bị giam ở trại Lạc Quần và sau đó trên đường giải giao về Huyện để cấp trên xét xử, ông bị thủ tiêu ngay trên bến đò Cựa Gà, gần Cổ Lễ (Nam Định) vào một ngày trước Tết Đinh Hợi, đầu năm 1947...

Để thêm vào phần nhấn mạnh tới tác phẩm của tác giả, và cũng để thay lời kết luận, ông Trần Thế Khiêm đã mượn lời thơ của thi sĩ Võ Doãn Nhân trong bài Hoài Niệm Khái Hưng:

HOÀI NIỆM KHÁI HƯNG

Ta về đọc lại Khái Hưng

DỌC ĐƯỜNG GIÓ BỤI, NỬA CHỪNG
XUÂN qua.

Người hiền sớm gặp yêu ma

Vung tay nát GÁNH HÀNG HOA giữa
đường.

Dù ai TỤC LUY xem thường

ĐỜI MƯA GIÓ vẫn tai ương một đời.

NHỮNG NGÀY VUI cũ qua rồi

Vì chưng ĐỘI MŨ LỆCH trời phải
nghiêng.

Đêm về HỒN BUỐM MƠ TIÊN

Mong người rũ sạch LỜI NGUYỄN cao
treo.

Non Bồng vắng TIẾNG SUỐI REO

ĐỢI CHỜ nắng ĐẸP bên đèo thướt tha.

Tay tiên vẫn SỐ ĐÀO HOA,

Cũng tình TRỐNG MÁI, cũng GIA
ĐÌNH nghèo?

Buồn ANH PHẢI SỐNG gieo neo

Sóng đầy bất HẠNH gặng chèo, thiệt thân

Văn thơ nghiệp dĩ phong trần

Đời sau THỪA TỰ giờ lẫn cỏ thơm...

VÕ DOÃN NHẪN



Từ trái sang phải: Ông bà bác sĩ Đỗ Hữu Tước, Ô.b Nguyễn Tường Thiết, thi sĩ Lam Nguyên, nhạc sĩ Nguyễn Thanh Liên và Ô. Trần Thế Khiêm chụp hình

kỷ niệm trước bàn thờ nhà cách mạng Khái Hưng.

Tiếp theo là thi sĩ Lam Nguyên lên diễn đàn nói về nghệ thuật miêu tả nhân vật trong tác phẩm tiểu thuyết của văn hào Khái Hưng. (Bài này có đăng trong tuyển tập).

Sau phần trình bày của thi sĩ Lam Nguyên là nhà văn Huy Quang Vũ Đức Vinh. Mọi người đều xúc động khi nhà văn kể lại những kỷ niệm vui buồn, đau xót trong chuỗi ngày mà ông đã từng đến với văn hào Khái Hưng. Nhà văn Khái Hưng ra đi, toàn dân Việt Nam đã mất một tác giả tiểu thuyết kiệt xuất, VNQDD mất đi một đảng viên nòng cốt trung kiên, cuộc Cách Mạng Dân Tộc mất đi một chiến sĩ anh dũng hiên ngang

nhất trong mặt trận văn hóa văn học...

Về phần phát biểu cảm tưởng, nhà văn Nguyễn Tường Thiết con trai của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam – nói về Khái Hưng với tình non nước, tình gia đình, rất được mọi người tham dự lắng nghe.



Ông Nguyễn Tường Thiết
đang phát biểu.

Trong cùng ngày, tại Nam California, vùng Orange County, lúc 10 sáng tại Chùa Bát Nhã và lúc 3 giờ chiều tại Chùa Bảo Quang cũng đã tổ chức lễ tưởng niệm 50 năm ngày mất và 101 năm ngày sinh của văn hào Khái Hưng với sự tham dự của một số nhân sĩ trong cộng đồng người Việt mến mộ văn hào Khái Hưng. Được biết nhà văn, nhà thơ Nguyễn Thạch Kiên đại diện Đảng bộ VNQDDĐ đã đứng ra phối hợp với các thân hữu và chiến hữu cùng nhờ các vị Thượng Tọa hoan hỷ giúp để tổ chức lễ cầu siêu tưởng niệm Khái Hưng lần đầu tiên tại Hải ngoại sau 50 năm ngày mất của văn hào.

Đặc biệt tại chùa Bảo Quang đường Magnolia, thuộc thị xã Garden Grove, Viện chủ chùa là Thượng Tọa Thích Quảng Thanh cũng là một họa sĩ nổi

danh, nhà thơ nhà báo với bút danh Thanh Trí Cao đượm đầy tính dân tộc, sau Lễ cầu siêu cho Khái Hưng, Thượng Tọa còn ưu ái dành riêng bàn thờ đặt bài vị di ảnh Khái Hưng thờ nơi chính điện, đúng như buổi mọi người đến dự lễ.

HỒ QUANG

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi, cơ sở xuất bản Phương Hoàng, đại diện Hội Đồng Trung Ương VNQDD – Thị Bộ Hà Nội 1947 – và Việt Nam Quốc Dân Đảng Thống Nhất, 1966–1975 và tại Hải ngoại hiện nay, xin chân thành cảm ơn:

– Các bạn Văn Nghệ Sĩ, quý Giáo Sư, Học Giả, quý Linh Mục và Thượng Tọa, cùng các Thân hữu, Chiến hữu của tác giả Hồn Bướm Mơ Tiên... đã vui lòng hưởng ứng viết bài và minh họa cho Tuyển tập Kỷ Vật Đầu Tay Và Cuối Cùng của nhà

văn Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn;

– Quý Thượng Tọa Viện Chủ các chùa ở Hải Ngoại đã hoan hỷ nhận lời tổ chức Lễ Cầu Siêu Tưởng Niệm 50 năm (1947–1997) ngày mất của nhà văn Khái Hưng (trong ngày 18 tháng 1–1998);

– Các Đoàn Thể Tôn Giáo và Chính Trị, quý Hiệp Hội Đấu Tranh cho Tự Do Dân Chủ Việt Nam, Liên Hội Cựu Chiến Sĩ QLVNCH tại miền Nam Cali, các Đảng phái Cách Mạng và quý Đồng Hương... đã giành nhiều thời giờ quý báu tham dự Ngày Tưởng Niệm Khái Hưng và yểm trợ cho công trình Văn Học rất cần đến sự tiếp tay, khích lệ của tất cả Quý Vị;

– Các vị Mạnh Thường Quân như quý ông bà Doanh gia Trần Dĩ, ông bà Kỹ sư Đỗ Trọng Đức - Tana Pharmacy, chủ

nhân nhà hàng cơm chay Viễn Hương tại Westminster, California... đã giúp cho phương tiện tổ chức Lễ Cầu Siêu cùng cố động cho nhiều người được biết tới tác phẩm của nhà văn Khái Hưng, cũng như các bạn đọc giả ở khắp Hoa Kỳ đã ưu ái đặt mua tác phẩm này.

– Thượng tọa Thích Quảng Thanh và quý vị trong Ban Ẩm Thực chùa Bảo Quang đã hoan hỷ mời khách dùng cơm chay sau buổi lễ cầu siêu ngày 18.1.98.

– Cụ Giang Sơn Tử và quý bạn Trần Thế Ngũ, Trần Văn Thúc cùng quý bạn trong Hội Thân Hữu South Bay (Miền Nam California).

– Đặc biệt quý vị Chủ nhiệm các Báo ở hải ngoại và các cơ quan truyền thông đã loan tin trên Đài phát thanh về Tuyển tập này.

– Và chúng tôi cũng xin cảm ơn ông bà Giám Đốc Nhà In, ban kỹ thuật và ấn loát đã tận tình giúp đỡ hoàn thành tác phẩm, cũng như với ông bạn Nguyễn Tâm (điện thoại số (714) 537 - 1529) đã phụ trách phần đánh máy trình bày toàn diện, có công dò sửa lại phần nào các lỗi chính tả mà các bản sách cũ khi tái bản đã sai sót, và góp ý cho tác phẩm được thêm phần hoàn hảo, xứng danh là Kỷ Vật của Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn.

Một lần nữa, chúng tôi xin hết lòng cảm tạ tất cả những tấm lòng vì nền Văn Học dân tộc Việt Nam.

Santa Ana, tháng 1-1998

NGUYỄN THẠCH KIÊN

